



Chủ trương: Nhân Văn Nghệ Thuật

Trình bày: Thái Phạm

Ban Biên Tập: Việt Hải, Trần Mạnh Chi

Xuất bản: Tủ sách Khai Trí

Liên lạc:

Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian

www.nhanvanngethuat.com

Trần Mạnh Chi

ChrstranUSA@gmail.com

Trần Việt Hải

viethai712@yahoo.com

GIỚI THIỆU

"Cuốn sách này nói về cuộc sống và di sản của chúng ta khi con người kết nối với nhau bằng huyết thống và bản chất tạo nên theo cách của nó là sự lựa chọn tối thượng mà chúng ta phải đối diện để bảo vệ di sản của cha mình" *, đây là theo lời kể chuyện của nhà văn Ross Victory, viết trong tác phẩm "Góc nhìn từ buồng lái: Hành trình của một người con trai".

Ban tổ chức của Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian muốn dùng câu nói trên của Ross Victory * để tâm tình và dẫn dụ về những ý nghĩa như việc làm của thế hệ cha chú đi trước đã ảnh hưởng hay tạo dấu ấn về văn chương hay nghệ thuật để cháu con thuộc thế hệ đi sau nối bước theo. Trong trường hợp của tác phẩm này là chúng ta nói về nhóm Tự Lực Văn Đoàn và một thế hệ hậu duệ đã và đang âm thầm cầm ngòi bút nối gót văn chương, dù trong âm thầm, và dù trong khiêm cung. Trên tay quý vị giờ đây là tập sách được ấn hành với ý tưởng trên. Quý vị sẽ đọc qua những bài viết về những tác giả của nhóm Tự Lực Văn Đoàn cũng như nhiều tác giả khác viết nhận định hay chia sẻ những kỷ niệm, hay phong văn của những ngòi bút hậu duệ của Tự Lực Văn Đoàn.

Để thực hiện tuyển tập này chúng tôi xin tri ân nhiều vị ân nhân đã hợp tác, cũng như khuyến khích giúp đỡ từ nhiều bạn bè văn nghệ sĩ, những thân hữu hảo tâm, những tác giả của các tài liệu tham khảo,... đặc biệt là Nhà sách Khai Trí của gia đình ông Nguyễn Hùng Trương, Dr. Teri Yamada của Phân khoa Asian and Asian American Studies, California State University, Long Beach, và Đại Gia đình Tự Lực Văn Đoàn đã cung cấp nhiều tài liệu cho tập sách này.

Xin trân trọng trình làng tác phẩm "Tự Lực Văn Đoàn và các cây bút hậu duệ".

BTC. Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian.

(*): Ce livre traite de nos vies et de notre héritage en tant qu'hommes liés par le sang et, si la nature le pouvait, est le choix ultime auquel nous sommes confrontés en tant que fils afin de préserver l'héritage de notre père ou de l'incendier pour construire quelque chose de nouveau, Ross Victory, Vues du cockpit: le chemin d'un fils.

"This book is about our lives and legacy as men connected through blood and- should nature have its way- the ultimate choice we as sons face to preserve our father's legacy or to torch it to build something new."

— Ross Victory, Views from the Cockpit: The Journey of a Son

MỤC LỤC

PHẦN I: CÁC BÀI VIẾT VỀ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN VÀ PHONG TRÀO THƠ MỚI	1
Trần Huy Bích	
MẤY GỢI Ý VỀ THỜI ĐẠI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN	17
Phạm Quốc Bảo	
KHÁI HƯNG, HÀNH TRÌNH NHÂN BẢN.....	31
Vương Trùng Dương	
BÀ NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM.....	43
Bùi Bích Hà	
MỘT HIỆN TƯỢNG VĂN HỌC VÀ CHÍNH TRỊ LỚN CỦA THẾ KỶ XX	
NHÓM TỰ LỰC VĂN ĐOÀN	53
Dương Ngọc Sum	
THỜI ĐẠI HỒI KÝ.....	65
Cao My Nhân	
NHÀ VĂN NGUYỄN TƯỜNG THIẾT: MỘT HẬU DUỆ CỦA NHẤT LINH	
.....	71
Việt Hải Los Angeles	
GIA ĐÌNH NGUYỄN TƯỜNG: VINH QUANG VÀ BI KỊCH.....	89
Mặc Lâm	
VIẾT VỀ NHÀ VĂN THẠCH LAM.....	97
Dương Tử	
ĐỈNH GIÓ HÚ" CỦA EMILY BRONTË, QUA NHẤT LINH	
CÙNG NGUYỄN TƯỜNG THIẾT VÀ TRẦN VĂN NAM.....	107
Việt Hải Los Angeles	
NHÀ THƠ TÚ MỜ: TÂM TÌNH VÀ NÉT THI CA HÓM HÌNH - TRÀO	
LỘNG.....	113
Bích Ty	
ĐỌC VĂN THẠCH LAM: THẤY NHỮNG NHỊP ĐỘ VẮNG LAI Ở TẬP	
TRUYỆN "NẮNG TRONG VƯỜN"	131
Trần Văn Nam	
SỐNG, CHẾT và YÊU trong BUỚM TRẮNG của NHẤT LINH.....	137
Quyên Di	
THỬ BÀN VỀ KHÍA CẠNH NGHỆ THUẬT QUA BÀI CỦA NGỌC CƯỜNG.	
.....	161
Việt Hải Los Angeles	

HAI TÁC PHẨM ĐẦU TAY CỦA NHẤT LINH: NHO PHONG VÀ NGƯỜI	
QUAY TƠ NHƯ LÀ NHỮNG BÁO HIỆU THIÊN TÀI CỦA MỘT NHÀ VĂN	
.....	179
Nguyễn Văn Sâm	
NHÀ VĂN, NHÀ GIÁO ĐOÀN QUỐC SỸ	195
Đàm Trung Pháp	
NHỮNG NGỌN CỎ MAY TRONG TRUYỆN NHẤT LINH.....	199
Lê Hữu	
ĐỌC ĐOÀN QUỐC SỸ.....	211
Việt Hải Los Angeles	
HƯƠNG CỎM - HẢ NỘI VÀ THẠCH LAM.....	221
Nguyễn Hồng Nhật Uyên	
NGUYỄN TƯỜNG TAM, MỘT HỌA SĨ HIẾM QUÝ.....	231
Việt Hải Los Angeles	
NHỚ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN	245
Ngô Thiện Đức	
VIẾT ĐÔI DÒNG KỶ NIỆM VỀ NHÀ VĂN NGỌC CƯỜNG.....	247
Trần Mạnh Chi	
HÌNH ẢNH CHIM ĐÀU ĐÀN VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA TỰ LỰC VĂN	
ĐOÀN.....	255
Hùng Tâm	
NHỚ RỪNG.....	266
Dương Viết Điền	

PHẦN I

CÁC BÀI VIẾT VỀ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN VÀ PHONG TRÀO THƠ MỚI

Trần Huy Bích

Đóng góp của Tự Lực Văn Đoàn cho nền văn xuôi Việt Nam tương đối dễ nhận thấy và đã được nhiều người đề cập tới. Nhưng các tác giả trong Tự Lực Văn Đoàn còn góp sức một cách rất đáng kể trong việc đưa phong trào Thơ Mới tới chỗ thành công. Qua hai tiếng “Thơ Mới,” chúng tôi muốn nói đến phong trào thơ do Phan Khôi khởi xướng với bài “Tình già,” đăng trên *Phụ Nữ Tân Văn* số 122 (tháng 3 năm 1932), được một vài nhà thơ như Lưu Trọng Lư hưởng ứng. Tuy nhiên, chỉ sau khi các nhà thơ trong Tự Lực Văn Đoàn đã “nhập cuộc,” cộng thêm sự tham dự của một số thành viên khác, qua nhiều phương tiện khác nhau, nhất là trên hai tờ tuần báo *Phong Hóa* và *Ngày Nay*, phong trào này mới bộc phát mạnh mẽ, đưa “Thơ Mới” tới vị trí ưu thắng. Xin được trình bày sự kiện ấy qua những trang sau.

I. Đóng góp của các nhà thơ trong Tự Lực Văn Đoàn:

Trong Tự Lực Văn Đoàn có ba nhà thơ, nhưng Tú Mỡ sáng tác theo các thể cũ, chỉ có Thế Lữ và Xuân Diệu là những nhà thơ hoàn toàn “mới.” Xin được đề cập tới hai nhà thơ này trước.

Thế Lữ:

Theo Vũ Ngọc Phan trong *Nhà Văn Hiện Đại*, Thế Lữ là “một thi sĩ có công đầu trong việc xây dựng nền thơ mới.” Cũng theo Vũ Ngọc Phan, “Phan Khôi, Lưu Trọng Lư chỉ là những người làm cho người ta chú ý đến thơ mới mà thôi, ... Thế Lữ mới chính là người làm cho người ta tin cậy ở tương lai của thơ mới.”

Thơ của Thế Lữ không chỉ mới về lời mà còn về ý tưởng. Những ý ấy được ông diễn đạt một cách tha thiết, nồng nàn:

*Tôi chỉ là một khách tình si
Ham vẽ Đẹp có muôn hình, muôn thể
Mượn lấy bút nàng Ly Tao, tôi vẽ
Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca
Vẽ Đẹp u trầm, đắm đuối, hay ngây thơ
Cũng như vẽ Đẹp cao siêu hùng tráng
Của non nước, của thi văn, tư tưởng ...*

(Cây đàn muôn điệu)

Theo Hoài Thanh trong *Thi Nhân Việt Nam*, khi “thơ mới vừa ra đời, Thế Lữ như vầng sao đột hiện, ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam.” Hoài Thanh cũng nhận xét, “Thế Lữ không bàn về thơ mới, không bênh vực thơ mới, không bút chiến, không diễn thuyết,” nhưng “... chỉ lặng lẽ, điềm nhiên bước những bước vững vàng, mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ.”

Hoài Thanh rất có lý khi viết, “Không có gì khiến người ta tin ở thơ mới hơn là đọc những bài thơ mới hay.” Trong *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, giáo sư Phạm Thế Ngũ cũng ghi

nhận: "Thế Lữ đã gây cho thơ mới một nền tảng vững vàng với những tác phẩm giá trị của ông." Một trong những thành công đáng kể của Thế Lữ là bài "Nhớ rừng." Bài này đã rất được chú ý ngay khi vừa xuất hiện trên *Phong Hóa* số 95 (ra ngày 27/4/1934), nhất là qua những câu như:

*Nhớ cảnh sơn lâm bóng cả, cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,
Với khi thiết khúc trường ca dữ dội
Ta bước chân lên đồng dục, đường hoàng ...*

Theo Đoàn Phú Tứ (tác giả bài thơ "Màu thời gian"), "Chỉ cần hai câu:

*Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi, đứng uống ánh trăng tan*

cũng đủ thấy thơ mới hơn thơ cũ."

Vũ Đình Liên (tác giả bài thơ "Ông đồ") còn nói mạnh hơn: Hai câu trên "có sức mạnh như một tuyên ngôn để bênh vực thơ mới."

Thế Lữ còn là tác giả những bài thơ đầy mơ mộng với cảnh tượng diễm tuyệt như "Tiếng trúc tuyệt vời," "Tiếng sáo Thiên thai":

*Mây bay ... gió quyến mây bay ...
Tiếng vi vút như khuyến van, như diều dặt
Như hắt hiu cùng hơi gió heo may ...*

Hay:

*Tiếng đưa hieu hắt bên lòng
Buồn ơi! Xa vắng, mệnh mỏng là buồn ...
Tiên nga tóc xoắn bên nguồn
Hàng tùng rủ rủ trên cồn diều hieu
Mây hồng ngừng lại sau đèo*

Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi...

Về sau, khi nhiều nhà thơ mới có tài xuất hiện thêm trên thi đàn, hào quang rực rỡ của Thế Lữ có giảm đi phần nào, nhưng công của ông trong việc "dựng nền" cho phong trào Thơ Mới quả không thể phủ nhận.

Xuân Diệu:

Theo Vũ Ngọc Phan trong *Nhà Văn Hiện Đại*, Xuân Diệu là "người đã đem đến cho thi ca Việt Nam nhiều cái mới nhất." Khi thơ Xuân Diệu vừa xuất hiện, ông bị chê, bị chỉ trích là "ngô nghê" và "quá Tây," nhất là khi dùng những từ "mặt trời đi ngủ," "vài miếng đêm" ... (chịu ảnh hưởng của tiếng Pháp: "le soleil se couche," quelques morceaux de nuit" ...). Về sau Xuân Diệu cũng sửa lại, giảm bớt phần nào những chỗ "quá Tây" ấy:

Đêm bằng khuôn đôi miếng lẩn trong cành.

Theo nhận xét của Vũ Ngọc Phan, thơ Xuân Diệu "đằm thắm, nồng nàn ..., cả ý lẫn lời đều thiết tha, làm cho nhiều thanh niên ngây ngất":

*Không gì buồn bằng những buổi chiều êm.
Mà ánh sáng mờ dần cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rối
Đêm bằng khuôn đôi miếng lẩn trong cành
Mây theo chim về dãy núi xa xanh
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.
Thôi hết rồi! Còn chi nữa đâu em! ...*

(*Tương tư chiều*)

Những bài "Nhị hờ," "Nguyệt cầm" với âm điệu du dương, cho thấy tác giả là một nhà thơ có tài với khiếu quan sát tinh tế và nghệ thuật thật điêu luyện:

Nhị hồ để bốc niêm cô tịch
Không khóc nhưng mà buồn hiu hiu ...
Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi ...
Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời,
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi.
Long lanh tiếng sỏi, vang vang hận:
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người ...

Xuân Diệu còn nhiều câu đặc sắc khác:

Những luồng run rẩy rung rinh lá
Cành biếc run run chân ý nhí

Cùng những câu đầy hình ảnh và cảm xúc:

Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ
Non xa khỏi sự nhật sương mờ
Đã nghe rét mướt luồn trong gió
Đã vắng người sang những chuyến đò.

(Đây mùa thu tới)

. Em sợ lắm, giá băng tràn mọi ngõ
Trời đầy trăng, lạnh lẽo suốt xương da ...

(Lời kỹ nữ)

Theo Hoài Thanh trong *Thi Nhân Việt Nam*, “Xuân Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới,” và “rất được giới trẻ yêu thích.” Trước hết, thơ ông gần với giới trẻ:

Hãy biết rằng anh lúc ở trường
Rất tồi toán pháp, khá văn chương.
Chàng trai đi học nghe chim giảng ...

(Giới thiệu)

Ông nói lên những cảm xúc, tâm tư của họ:

Thư thì mỏng như suốt đời mộng ảo
Tình thì buồn như tất cả chia ly
Xếp khuôn giấy để hoài trong túi áo
Mãi trăm lần viết lại mới đưa đi.
Lòng e thẹn cũng theo tờ vụng dại
Tới bên em chờ đợi mãi không về
Em xé nhỏ lòng non cùng giấy mới
--Mây đầy trời hôm ấy phủ sơn khê ...

(Tình thứ nhất)

Hay:

Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi trăng thâu
Tay trong tay, đầu dựa sát bên đầu ...

(Biệt ly êm ái)

Trong *Thi Nhân Việt Nam*, Hoài Thanh trích dẫn thơ Xuân Diệu nhiều hơn tất cả các tác giả khác. Xuân Diệu được chọn in 15 bài, trong khi Thế Lữ và Hàn Mặc Tử mỗi người chỉ có 7 bài. Nguyễn Bính được chọn in 8 bài. Chỉ có Lưu Trọng Lư và Huy Cận gần đạt tới số lượng của Xuân Diệu, mỗi người được trích dẫn 11 bài.

Trong *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, ở chương về các nhà thơ của thế kỷ 20 (Chương thứ Sáu, Năm thứ Ba, tiêu đề “Mấy thi sĩ hiện đại”), giáo sư Dương Quảng Hàm chỉ viết về ba nhà thơ cũ và ba nhà thơ mới. Ba nhà thơ cũ là Tản Đà, Á Nam Trần Tuấn Khải, và Đông Hồ. Ba nhà thơ mới được ông viết để phân tích là Hàn Mặc Tử, Thế Lữ, và Xuân Diệu. Hai trong ba nhà thơ mới được học giả họ Dương “đưa vào văn học sử” là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn. Ở trường hợp Xuân Diệu (sinh năm 1916), khi *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* được xuất bản lần đầu năm 1941, ông mới 25 tuổi.

Tú Mỡ:

Ông chuyên viết trào phúng, châm biếm bằng những thể thơ cũ: lục bát, song thất lục bát, hát nói, ngũ ngôn, thất ngôn (cả tứ tuyệt lẫn bát cú, trường thiên). Ông cũng sáng tác bằng một thể thơ dân gian là hát xẩm, cùng những thể biến ngẫu như phú và văn tế. Nhưng ông viết với một tinh thần mới. Trong nhiều bài trên *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, ông vạch ra để giễu cợt những chỗ sáo rỗng trong một số bài thơ cũ (sẽ nói rõ hơn trong phần sau). Những bài châm biếm, trào phúng của ông khiến *Phong Hóa* và *Ngày Nay* được nhiều người thích đọc, giúp báo bán rất chạy. Tuy không công khai phát biểu thành lời, ông đã giúp chủ trương “xây dựng cái mới” (trong đó có “Thơ Mới”) của Tự Lực Văn Đoàn một cách rất hiệu quả.

II. Dùng *Phong Hóa*, *Ngày Nay* để vạch ra, chế giễu những chỗ dờ, chỗ sáo rỗng của nhiều bài thơ cũ:

Trong các nhà thơ cũ giữa giai đoạn tranh chấp “thơ cũ, thơ mới,” Tản Đà có địa vị rất cao. Có lẽ chính vì thế, nhóm chủ trương Tự Lực Văn Đoàn đã chọn chính Tản Đà để giễu cợt đầu tiên.

Trong bài “Cảm thu, tiễn thu,” Tản Đà có những câu:

Từ vào thu đến nay
Gió thu hiu hắt
Sương thu lạnh
Giăng thu bạch
Khói thu xây thành
Lá thu rơi rụng đầu ghềnh
Sông thu đưa lá bao ngành biệt ly
Nhạn về én lại bay đi
Đêm thì vượn hót, ngày thì ve ngâm...

Và:

Sắc đâu nhuộm ổ quan hà
Cỏ vàng, cây đỏ, bóng tà tà dương ...

Hình ảnh tuy đẹp nhưng không giống cảnh sắc Việt Nam. Ngay trên *Phong Hóa* số 16 (tức số thứ ba của nhóm chủ biên mới, ra ngày 6/10/1932) đã xuất hiện một bài thơ ghi tên tác giả là Bán Than (một trong những bút hiệu khác của Khái Hưng), lấy nhan đề “Cảm thu” với những câu như sau:

Nào đâu mặt đất ngô đồng rụng
Chỉ thấy bên đường đám cỏ tươi.
Trair gái quanh hồ cười khúc khích
Sầu riêng thì sĩ lệ đầy vơi.



Hai tháng sau, trên *Phong Hóa* số 24, ra ngày 2/12/1932, lại có một bức hí họa “Các nhà văn sĩ ta cảm thu,” ký tên tác giả Đông Sơn (bút hiệu khác của Nhất Linh). Bức tranh gồm hai phần, mang tiêu đề “Tưởng tượng” và “Sự thực.” Trong phần “Tưởng

tượng,” tác giả vẽ một thi nhân mơ màng nhìn lá rụng, tuyết rơi ..., cùng bầy nhạn đang bay trên trời mà ngâm nga. Trong phần “Và sự thực” ngay bên cạnh, ta thấy cảnh trời nắng chói chang, cây lá vẫn tươi tốt (đúng cảnh “thu” của Hà Nội). Một người rất giống Tản Đà, một tay cầm dù che nắng, tay kia cầm quạt vừa đi vừa quạt, khăn trên đầu lộ ra khoác ở cánh tay (vì nóng). Trên trời không thấy chim nhạn nhưng có hai phi cơ đang bay, tiếng máy ồn ào. Ngay dưới bức tranh là mục “Giòng nước ngược” với một bài hát nói của Tú Mỡ, nhan đề “Tả bức tranh cảm thu” với những câu như sau:

*Cây tươi tốt, lá còn xanh ngắt
Bói đâu ra lác đác lá ngô vàng?
Trên đường đi nóng rẫy như rang
Cảnh tuyết phủ mơ màng thêm quái lạ ...*

Công bình mà nói, nhóm chủ trương Tự Lực Văn Đoàn không có ý chỉ trích cá nhân Tản Đà. Họ chỉ muốn châm biếm những chỗ sáo, quá xa sự thực của các nhà thơ cũ.

Trên *Phong Hóa* số 148 (ra ngày 10/5/1935), trong một bài điểm sách lấy nhan đề “Những bông hoa trái mùa,” dưới bút hiệu Lê Ta, Thế Lữ giễu cợt những sáo ngữ của một số nhà thơ đã chỉ biết mượn ý, mượn lời của người trước. Trong mục “Điểm sách” trên nhiều số *Phong Hóa* và *Ngày Nay* về sau, Thế Lữ tiếp tục chế giễu một số thơ cũ dở; song song với việc chỉ trích một số thơ mới bị ông cho là dở.

III. Dùng *Phong Hóa*, *Ngày Nay* để bày tỏ ý kiến về thơ, cổ vũ cho thơ mới, và giới thiệu những bài thơ mới đặc sắc:

Trên *Phong Hóa* số 15, tức số thứ hai của nhóm chủ biên mới (ra ngày 29/9/1932), trong bài “Sầu thâm nhiều rồi” của Việt Sinh (bút hiệu khác của Thạch Lam), tác giả chê thơ cũ là “nhiều sầu thâm quá.”

Trên *Phong Hóa* số 36 (ra ngày 3/3/1933), Nhất Linh viết một bài bàn luận về thơ mới.

Trên *Phong Hóa* số 54 (ra ngày 7/7/1933), trong một bài giới thiệu Thế Lữ, Nhất Linh viết, “Ta không nên sợ cái mới,” vì “Sợ cái mới tức là sợ tương lai, chỉ muốn theo con đường đã vạch sẵn.”

Trên *Phong Hóa* số 97 (ra ngày 11/5/1934), trong một bài nhan đề là “Thơ Mới,” Nguyễn Tường Bách chê một số thơ mới về sự lố lăng, nhưng bày tỏ niềm tin vào tương lai của thơ mới. Theo ông, thơ mới “đã vượt qua những thử thách,” và “đã có những cơ cấu vững chắc.”

Trên *Phong Hóa* số 134, tức số Xuân Ất Hợi (ra ngày 30/1/1935), Tứ Ly (bút hiệu trước của Hoàng Đạo) vừa nhận xét vừa cổ vũ: “Đến nay thơ mới đã nghiêm nhiên chiếm địa vị quan trọng trong làng văn, số thi sĩ làm thơ mới càng ngày càng nhiều,” và “Tương lai thơ mới rất rực rỡ.”

Trong các mục “Tin thơ” xuất hiện trên nhiều số *Phong Hóa* và *Ngày Nay* về sau, Thế Lữ viết lời giới thiệu, nhằm mục đích khuyến khích, khen ngợi ... những đoạn thơ, bài thơ hay của các tác giả thơ mới vừa xuất hiện.

Nhưng điều quan trọng nhất là Tự Lực Văn Đoàn đã dùng hai tờ *Phong Hóa* và *Ngày Nay* để phổ biến, giới thiệu những áng thơ mới có giá trị. *Phong Hóa* số 31, tức số Xuân Quý Dậu (ra ngày 24/1/1933), in lại bài “Tình già” của Phan Khôi và đăng bốn bài thơ mới của Lưu Trọng Lư. Từ đó, *Phong Hóa*, tiếp theo là *Ngày Nay*, đăng thơ của Thế Lữ, Vũ Đình Liên, Huy Thông, Lan Sơn, Thái Can ... cùng một số tác giả khác. Năm 1935, bắt đầu đăng thơ Xuân Diệu. Năm 1937, thêm thơ của Chế Lan Viên, Nguyễn Bính. Từ 1939, xuất hiện thơ Huy Cận. Từ 1940, thêm thơ của Tế Hanh, Anh Thơ, Thanh Tịnh, Huyền Kiều... Rất nhiều

nhà thơ mới quan trọng được biết tới lần đầu qua hai tờ tuần báo của Tự Lực Văn Đoàn.

IV. Giải thưởng văn chương Tự Lực Văn Đoàn:

Qua các giải thưởng văn chương hai năm phát một lần, Tự Lực Văn Đoàn muốn phát hiện, nâng đỡ, khuyến khích những tài năng mới cả về văn lẫn về thơ. Qua ba lần trao giải, số người được thưởng về văn xuôi nhiều hơn; nhưng từ 1937, đã có người được “khuyến khích đặc biệt” về thơ.

Năm 1935: Theo bản công bố kết quả đăng trên *Phong Hoá* số 174 (14/2/1936), không tác phẩm nào được các giải nhất và nhì. Cả bốn giải thưởng đều là giải khuyến khích, và được trao cho bốn tác phẩm bằng văn xuôi:

1. *Ba*, truyện ngắn của Đỗ Đức Thu.
2. *Bóng Mây Chiều*, tiểu thuyết của Hán Văn Lãng.
3. *Bóng Ba Người*, truyện của Trịnh Huy Tiến.
4. *Cô Thủy*, truyện của Nguyễn Khắc Mẫn.

(Số tiền thưởng 100 đồng được chia đều cho bốn tác phẩm).

Năm 1937: Theo bản báo cáo của Hội đồng Giám khảo do Thạch Lam viết, đăng trên *Ngày Nay* số 81 (17/10/1937), có hai tác phẩm được giải thưởng chính:

1. Về kịch: *Kim Tiền* của Vi Huyền Đắc.
2. Về phóng sự tiểu thuyết: *Bỉ Vỏ* của Nguyên Hồng.

(Mỗi tác phẩm được 100 đồng)

Ngoài ra, còn có thêm:

3. Giải khuyến khích: *Nỗi Lòng*, tiểu thuyết của Nguyễn Khắc Mẫn.

(30 đồng tiền thưởng từ một nữ độc giả vô danh).

4. Bằng khen “Tự Lực Văn Đoàn khuyến khích đặc biệt”: *Tâm Hồn Tôi*, thơ của Nguyễn Bính.

Năm 1939: Theo bản thông báo kết quả đăng trên *Ngày Nay* số 208 (18/5/1940), có hai giải thưởng về văn:

1. *Làm Lễ*, tiểu thuyết của Mạnh Phú Tư.

2. *Cái Nhà Gạch*, tiểu thuyết của Kim Hà (khi xuất bản thành sách, tác phẩm này đổi tên là *Tiếng Còi Nhà Máy*).

(Mỗi tác phẩm được 100 đồng).

Về thơ, hai tập *Bức Tranh Quê* của Anh Thơ và *Nghen Ngào* của Tế Hanh được tuyên bố: “Ban Giám khảo đặc biệt chú ý.” Tác giả *Bức Tranh Quê* được tặng 30 đồng để “khuyến khích phái nữ lưu.” Với tập thơ *Nghen Ngào*, bản thông báo cho biết: “Nếu tác giả bằng lòng, sẽ lựa các bài đăng trên báo *Ngày Nay* để độc giả thưởng thức.” Thơ của Tế Hanh bắt đầu xuất hiện trên *Ngày Nay* từ số 209 (ra ngày 25/5/1940) với lời giới thiệu của Nhất Linh. Mấy năm sau, thi tập *Hoa Niên* của Tế Hanh được nhà Đời Nay của Tự Lực Văn Đoàn xuất bản.

Bản thông báo cũng cho biết thêm: “Ngoài các tác phẩm kể trên, còn một số tác phẩm được ban giám khảo chú ý và khen tặng trên giấy,” nhưng “Giấy đó sẽ gửi riêng cho các tác giả.” Tuy chúng ta không biết bao nhiêu người đã được “khen tặng” riêng như thế, nữ sĩ Mộng Tuyết ở Hà Tiên cho biết bà nhận được (và đã trưng ra) một bản “Lời khen tặng” in trên giấy rất đẹp, với chữ ký của sáu thành viên quan trọng trong Tự Lực Văn Đoàn (Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ) cùng dấu son của văn đoàn, cho tập thơ *Phấn Hương Rừng* của bà.

Tóm lại, trong bộ môn thơ, ít nhất bốn nhà thơ đã được Tự Lực Văn Đoàn đặc biệt khuyến khích: Nguyễn Bính, Anh Thơ, Tế Hanh, và Mộng Tuyết. Đa số những người được khích lệ như thế còn rất trẻ. Năm 1937, khi được bằng khen của Tự Lực Văn Đoàn, Nguyễn Bính mới 19 tuổi (ông sinh năm 1918). Năm 1939, khi nhận được lời tuyên bố “Tự Lực Văn Đoàn đặc biệt chú ý,” Anh Thơ và Tế Hanh cùng ở tuổi 18 (hai người sinh năm 1921). Khi

được Tự Lực Văn Đoàn gửi “Lời khen tặng” đến tận nhà, Mộng Tuyết ở tuổi 25 (bà sinh năm 1914).



Giải thưởng văn chương Tự Lực Văn Đoàn chỉ trao cho những tác giả không phải là thành viên của văn đoàn nên tính cách khách quan được dư luận trong văn giới đánh giá rất cao.

Trên *Sài Gòn Tiếp Thị* (xuất bản ở trong nước), số ra ngày 16/08/2012, có bài “Đôi chút về giải thưởng Tự Lực Văn Đoàn” của nhà văn Nguyên Ngọc. Dựa theo những điều được nhà văn Thanh Tịnh kể lại khi hai ông làm việc với nhau ở Hà Nội trong giai đoạn 1955-1962, nhà văn Nguyên Ngọc cho biết: Năm 1935, những tác phẩm được giải thưởng là “truyện ngắn *Ba* của Đỗ Đức Thu, tiểu thuyết *Điểm dương trang* của Phan Văn Dật, và tiểu thuyết *Bóng mây chiều* của Hàn Thế Du.” Có lẽ do không được

Thanh Tịnh kể lại (có thể vì chính Thanh Tịnh cũng không nhớ), Nguyên Ngọc không đề cập tới các tập truyện *Bóng Ba Người* của Trịnh Huy Tiến và *Cô Thủy* của Nguyễn Khắc Mẫn. Về tiểu thuyết *Bóng Mây Chiều*, ông cho biết tác giả là Hàn Thế Du. Vậy có lẽ “Hán Văn Lăng” (theo bản công bố kết quả trên *Phong Hóa* số 174) chỉ là một bút hiệu của Hàn Thế Du. Tại sao Thanh Tịnh (qua lời Nguyên Ngọc) nhắc tới *Điểm dương trang* của Phan Văn Dật trong khi bản công bố kết quả trên *Phong Hóa* số 174 không có tên tác phẩm này là một điều chúng ta cần tìm hiểu thêm.

V. Nhà xuất bản Đời Nay của Tự Lực Văn Đoàn in các tác phẩm thơ mới có giá trị:

Hiện nay, chúng ta chưa tìm được đầy đủ nhan đề các tác phẩm thơ mới được nhà Đời Nay xuất bản. Căn cứ vào những cuốn đã phát hiện, ta có thể tạm kể như sau:

- 1935 và 1941: *Mấy Vần Thơ* của Thế Lữ
- 1938 : *Thơ Thơ* của Xuân Diệu
- 1940 : *Lửa Thiêng* của Huy Cận
- 1941 : *Bức Tranh Quê* của Anh Thơ
- 1943 : *Mây* của Vũ Hoàng Chương
- 1945 : *Hoa Niên* của Tế Hanh

Điều đáng cho ta chú ý là nhà xuất bản Đời Nay in thơ như một giai phẩm. Thơ thường được in trên những loại giấy đặc biệt, với một số ấn bản trên giấy quý. Tập thơ được một họa sĩ tên tuổi, thường là họa sĩ Tô Ngọc Vân, trình bày. Sự kiện này khuyến khích tinh thần yêu mến, quý trọng thơ. Qua những lời Anh Thơ và Vũ Hoàng Chương kể lại, ta có thể thấy các vị rất thích thú, hãnh diện có thi tập được Đời Nay xuất bản.



*Thi tập Mây của Vũ Hoàng Chương do nhà Đồi Nay của Tự Lực Văn Đoàn xuất bản lần đầu năm 1943.
Hai chữ Nôm ở trên phù hiệu của nhà xuất bản là "Đồi Nay"*

Tóm lại, qua thi tài của những nhà thơ có chân trong văn đoàn (Thế Lữ, Xuân Diệu) cùng những nhà thơ có liên hệ gần gũi (Huy Cận, Nguyễn Bính, Anh Thơ, Tế Hanh ...), qua nhiều loại bài viết trên *Phong Hóa*, *Ngày Nay*, qua việc giới thiệu thơ trên báo cùng việc giúp tác giả xuất bản thơ, cũng như qua một số giải thưởng và những tấm bằng tưởng lệ, Tự Lực Văn Đoàn đã đóng góp một cách rất đáng kể vào phong trào Thơ Mới, 1932-1945. Nếu không có Tự Lực Văn Đoàn, phong trào Thơ Mới chắc cũng sẽ thành công, nhưng không thể nhanh và rực rỡ như chúng ta đã thấy.

Trần Huy Bích



MẤY GỢI Ý VỀ THỜI ĐẠI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

(1932-1942)

Phạm Quốc Bảo

Đề cập đến Tự Lực Văn Đoàn (TLVD), thường ra chúng ta nhớ ngay tới một câu: *"Theo mới: Hoàn toàn theo mới, không chút do dự."* Nội dung đây được phát biểu ngắn gọn một cách dứt khoát của điều tâm niệm thứ nhất, mở đầu cuốn Mười Điều Tâm Niệm do Hoàng Đạo viết và được in phổ biến vào năm 1937. Câu này nói lên một thái độ tự tin và rõ rệt quả quyết.

Tại sao chúng ta lại sâu đậm nhớ ngay đến câu này, khi đề cập đến TLVD? Phải chăng, như tất cả chúng ta đều hiểu, câu tuyên bố cô đọng này đã được coi là kim chỉ nam cho những hoạt động của Tự Lực Văn Đoàn, bởi Hoàng Đạo đã luôn được coi như là nhân vật luận thuyết của nhóm. Các tác phẩm ông viết ra và vai trò ông trụ trì trong nhóm chứng minh điều ấy.

Vậy Tự Lực Văn Đoàn đã thực hiện được bao nhiêu theo chỉ tiêu của nội dung câu tuyên bố trên? Môi trường sinh hoạt của nhóm này đã thực sự đủ khẳng định vị thế thời đại của họ trong dòng phát triển xã hội của dân tộc Việt, ở những thập niên đầu thế kỷ 20? Hay nói một cách khác, nội dung hoạt động của chung

nhóm đã tạo nên những ảnh hưởng biến đổi sâu rộng ra sao trong xã hội Việt Nam thời ấy?

Để trả lời thỏa đáng mấy thắc mắc này, có lẽ chúng ta cần sơ lược điểm qua nội dung mà nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã đóng góp vào những lãnh vực hoạt động của xã hội Việt Nam giai đoạn ấy.

NHỮNG ĐÓNG GÓP TIÊU BIỂU & CỤ THỂ CỦA TLVD

Bài này không thể đủ chỗ để đưa ra toàn bộ nội dung các tác phẩm, cũng như chi tiết hóa những hoạt động của TLVD, xin chỉ vắn tắt nêu dưới đây những đề mục chính mà nhóm này đã thực hiện được:

Các nhân vật của nhóm: Bảy thành viên ban đầu gồm Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam, 1906-1963), Khái Hưng (Trần Khánh Giư, 1896-1947), Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long, 1907-1948), Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân, 1910-1942), Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ, 1907-1989), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu, 1900-1976), Xuân Diệu (Ngô Xuân Diệu, 1916-1985); cùng nhiều văn nghệ sĩ nổi danh khác sinh hoạt chung trong nhóm, tùy nhu cầu hoạt động mỗi một giai đoạn riêng.

Báo chí: Nhóm chính thức đứng tên thực hiện hai tờ: Phong Hóa (tuần báo, 1932- 1936) và Ngày Nay (tuần báo, 30/01/1935 & 1937- 07/09/ 1940). Hai tờ báo này đã phổ biến và cổ vũ cho nhiều sự kiện trở thành những phong trào cải cách từ vựng đến tư tưởng và văn chương - nghệ thuật - xã hội một cách sâu rộng, tiêu biểu như:

- *Đả phá các hủ tục xã hội:* Bằng những nhân vật có tính cách riêu cợt như Lý Toét - Xã Xệ - Bang Bạnh.

- *Phong trào cách tân áo dài phụ nữ:* Áo dài Lemur Cát Tường (1934) được họa sĩ Nguyễn Cát Tường (1912-1946) cải tiến từ chiếc áo dài tứ thân truyền thống của dân Việt, mở đầu cho

những loại áo dài Việt Nam đổi mới liên tục nổi tiếng từ đây cho đến tận bây giờ.

- *Phong trào Nhà Ánh sáng*: Bắt nguồn từ việc chính quyền Pháp ở Bắc phần Việt Nam ủng hộ cho việc chính thức thành lập Hội Ánh Sáng(1936) với hai kỹ sư Nguyễn Cao Luyện - Hoàng Như Tiếp phụ trách chuyên môn việc khởi xướng công trình xây dựng nhà rẽ tiền cho người nghèo, thay cho loại nhà ổ chuột ở các khu lao động thành thị lẫn nơi cư trú của dân nông thôn. Đến năm 1938, hội này có một ban quản trị gồm 21 thành viên điều hành phong trào; đặc biệt trong số đó có những nữ thành viên như bà Thanh Quý, Trịnh Thục Oanh, Bích Lan, Nguyễn Thị Phú... Các vị này ngay sau đây đã là những nhân tố chính hoạt động cho phong trào cải cách xã hội và giải phóng phụ nữ, họ tiếp nối chỉ hướng đã được khởi xướng từ tờ Phụ Nữ Chung (1918) do Sương Nguyệt Anh (1864-1921) làm chủ bút.

Cơ sở phổ biến: Nhà xuất bản Đời Nay (1933 - 1934 & 1941-1946), và nhà in Ngày Nay (1940 trở đi).

Sinh hoạt văn học- nghệ thuật:

- *Sách & văn*: Tổng cộng in & phổ biến khoảng 144 cuốn sách của những thành viên TLVD lẫn của các tác giả ngoài đóng góp.

- *Thơ*: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận... được xưng tụng như mấy thi sĩ dẫn đầu phong trào thơ mới của thời ấy, bắt nguồn từ bài "Tình già" (1932) của Phan Khôi (1887-1959).

- *Kịch*: Do Thế Lữ chủ trì, cả việc viết kịch - trình diễn và quản trị nhà diễn kịch; với sự cộng tác của những Khái Hưng, Vi Huyền Đắc (1899-1976), Vũ Trọng Phụng (1912-1939), Đoàn Phú Tứ (1910-1989).

- *Hội họa*: Tiêu biểu như Nhất Linh, Cát Tường, Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân, Trần Quang Tồn... Những nhân vật này vừa vẽ trên

báo, vừa triển lãm các tác phẩm của họ, vừa cộng tác các hoạt động khác của nhóm.

- *Giải thưởng văn học*: TLVD tổ chức và trao giải được 3 lần 1935, 1937 & 1939. [A]

THỜI ĐẠI TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Bắt nguồn từ nhu cầu phát triển xã hội một cách khoa học mà nhận định, chúng ta thấy rằng:

- *Báo chí*: Ở Miền Nam Việt Nam, dưới sự cai trị trực tiếp của chính quyền Pháp thuộc địa, tờ công báo đầu tiên là Gia Định Báo (1865) xuất hiện do một người Pháp đứng tên làm chủ, nhưng tiêu biểu là những cá nhân như Paulus Huỳnh Tịnh Của(1834-1907), Pétrus Trương Vĩnh Ký (1837- 1898), Trương Minh Ký (1855-1900)... , họ mới là những người thực hiện việc viết báo. Họ đều đã tốt nghiệp từ trường thông ngôn hay đậu bằng Thành Chung (trong hệ thống giáo dục của Pháp thuộc địa). Họ là những nhân vật tiêu biểu đã trực tiếp phổ biến Việt ngữ bằng tờ báo này. Tuy nhiên, trong số họ, nổi bật nhất phải là tác giả Hồ Biểu Chánh (1885-1958), ông đã viết để lại 64 tiểu thuyết, 12 tập truyện ngắn - truyện kể, 12 vở hài kịch và ca kịch, 5 tập thơ và truyện thơ, 28 tập khảo cứu-phê bình; tổng cộng trên 100 tác phẩm đủ mọi loại. Đây mới chính là môi trường nở hoa của Việt ngữ ở xã hội Miền Nam Việt Nam thời bấy giờ.

Cho đến thập niên đầu thế kỷ 20, Đăng Cổ Tùng Báo xuất hiện năm 1907, ông Nguyễn Văn Vĩnh được mời làm chủ bút. Đó là tờ báo viết ngữ đầu tiên tại Bắc phần Việt Nam (hồi ấy nằm trong sự bảo hộ của chính quyền Pháp ở Đông Dương) nhưng báo này chỉ sống được một thời gian ngắn. Sau đây thì Đông Dương Tạp Chí(1913-1919) & Nam Phong Tạp Chí(1917-1934) tiếp nối. Hai tờ báo này có nội dung giới thiệu tinh hoa học thuật Đông (cụ thể là tư tưởng & văn hóa Trung Hoa) - Tây (cụ thể là

của Pháp). Chủ nhân 2 tờ này, Nguyễn Văn Vĩnh(1882-1936) & Phạm Quỳnh(1892-1945), mới là chủ báo viết ngữ đầu tiên ở Bắc; họ đều xuất thân từ trường thông ngôn do Pháp đào tạo. Nhưng phải tới Phong Hóa & Ngày Nay thì những nhân vật trong TLVD là chủ trực tiếp đứng tên chính thức xin phép ra hai tờ báo này, họ đều đã tốt nghiệp tối thiểu từ trung học lên đến các cấp cao đẳng hay đại học.

- **Cải cách xã hội:** Chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương nói chung, và ở Việt Nam nói riêng, vốn sẵn bản chất là thực hiện chính sách chiếm đoạt lãnh thổ - tài nguyên thiên nhiên và bóc lột sức dân ở xứ bị trị. Nhưng dần dà, do nhu cầu phát triển cho sự tồn tại của quyền cai trị, họ bắt buộc phải nói lỏng mọi khía cạnh sinh hoạt trên bình diện giáo dục, phương cách điều hành...và càng lúc họ càng phải thu nhận sự cộng tác của tầng lớp trí thức dân thuộc địa. Chẳng hạn những sự kiện tiêu biểu như:

- Hủy bỏ các khóa thi theo Hán học: ở Nam (1864), ở Bắc (1915), ở Trung (1918).

- Năm 1878, chữ Hán trong giấy tờ công văn của các cơ quan hành chánh được thay thế bằng chữ Pháp và Việt ngữ tại Nam Kỳ.

- Thiết lập các khóa thi theo hệ thống Pháp ngữ, Việt ngữ đã xuất hiện thành sinh ngữ ưu tiên thứ nhì: Trường Thông Ngôn ở Sài Gòn (1864); các trường phổ thông (ban đầu chỉ có cấp tiểu học rồi sau dần thêm bậc trung học) ở Mỹ Tho (1879), ở Huế (1896), ở Hà Nội (1908).

- Thu nhận những cộng tác viên người bản xứ: Ban đầu chỉ những người được họ huấn luyện từ các trường thông ngôn (như ở Sài Gòn năm 1864, ở Hà Nội năm 1905); sau đó họ còn tiếp tục mở thêm trường Hậu Bồi nhằm huấn luyện hành chánh chuyên môn từ cấp Thư ký, Lục sự đến các quan lại cai trị (ở

Hà Nội năm 1903, ở Huế năm 1911); rồi họ đã phải phát triển trong ngành giáo dục - huấn luyện thêm các cấp cao đẳng như Bưu điện, Kiến trúc, Mỹ thuật, Kỹ thuật...và cấp đại học ở Đông Dương như Y khoa, Luật khoa...[B]

- **Thu nhập & tiến hành tư tưởng cách tân:** Đến vài thập niên đầu thế kỷ 20, các phong trào Cần Vương -Văn Thân (còn nặng tinh thần quân chủ-Nho giáo) đã liên tục thất bại, cuối cùng là sự kiện cuộc khởi nghĩa Yên Thế của Hoàng Hoa Thám (1858-1913) đã chấm dứt vào năm 1913. Cuộc đấu tranh giành lại độc lập & tự chủ của dân ta bắt đầu tiến hành theo chiều hướng tư tưởng canh tân với Phong trào Duy Tân (1906), nhưng khi đầu tiên áp dụng vào thực tế thì đã vấp phải những hy sinh của nhiều nhân vật trong cuộc Khởi nghĩa Yên Bái của đảng Việt Nam Quốc Dân (1930). Tuy nhiên, chính sự xuất hiện của đảng này đã như là chìa khóa cho phong trào sinh hoạt đảng phái nẩy mầm và phát triển mỗi lúc một mạnh, nhanh & phong phú trong dân chúng từ đấy trở đi.

- **Thiết lập lớp trí thức mới:** Trong khi đấy, nhờ học thức tốt nghiệp trung học- đại học trong hệ thống giáo dục của người Pháp, tầng lớp trí thức cấp tiến dần dần hình thành. Tầng lớp này tiếp thu văn minh văn hóa phương tây nói chung, nhưng đồng thời quan trọng hơn cả là chính họ đã chủ động tự đổi mới kiến thức lẫn tâm tư; và những hoạt động mọi mặt của họ đã dần dà tạo ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng.

Đây là dấu mốc cho sự xuất hiện của nhóm Tự Lực Văn Đoàn với những sinh hoạt rầm rộ, phong phú rộng khắp các ngành văn học nghệ thuật cũng như những lãnh vực hoạt động khác nhau trong xã hội Việt Nam, mà các giai đoạn phát triển trước đó chưa từng có. Nói một cách tóm lược ngắn gọn thì chính Tự Lực Văn Đoàn đã là nhân tố tích cực tạo ra được một thời đại nổi bật nhất

so với các thời đại cả trước lẫn sau đó. Cụ thể có thể kể ra những vận động tiêu biểu như:

- Chống lại những hiện tượng xã hội phong kiến cổ hủ cũ: tiêu biểu như các nhân vật hí họa Lý Toét- Xã Xê- Bang Bạnh liên tục xuất hiện trên Phong Hóa rồi Ngày Nay, hoặc nội dung của Đoạn tuyệt (1934, Nhất Linh), Thừa tự (1938, Khái Hưng)...

- Nỗ lực xây dựng ý thức tự chủ & mô hình một xã hội dân chủ, pháp quyền: tiêu biểu như nội dung của Đoạn Tuyệt (1934) và Lạnh lùng (1936) của Nhất Linh..., cùng phong trào Áo dài Lemur, nhà Ánh Sáng.

- Ca ngợi tự do tình ái giữa thanh niên nam-nữ: tiêu biểu như nội dung Đôi Bạn (1935) của Nhất Linh.

- Giải phóng giai cấp bình dân: tiêu biểu như nội dung truyện Nửa Chừng Xuân (1934) của Khái Hưng, Gánh Hàng Hoa (1934) được Khái Hưng và Nhất Linh viết chung...

- Tranh đấu cho Nữ quyền: tiêu biểu như nội dung của Đoạn Tuyệt (tiểu thuyết, 1934, Nhất Linh)... và Hội Ánh Sáng.

Từ những sự kiện tiêu biểu nêu trên, chúng ta có thể nhận ra rằng những bó buộc phải cởi mở “vòng kim cô” cai trị của Pháp thực dân hẳn phải là yếu tố thuận lợi, nhưng nếu không được đẩy mạnh bằng một trường sinh hoạt mang nội dung của tư tưởng độc lập - tự chủ, bằng ý chí luôn luôn nỗ lực vươn lên để liên tục nuôi dưỡng và phát triển tố chất sẵn được nung nấu từ hằng ngàn năm trước của người dân Việt Nam nói chung, thì dứt khoát hiện trạng xã hội lúc ấy đã không thể có được sự kiện nở rộ lên thành những hoạt động huy hoàng như thời đại Tự Lực Văn Đoàn này được.

YẾU TỐ PHÁT TRIỂN TỔ CHẤT VIỆT

Chưa hết, thời đại TLVĐ ít nhất còn thể hiện hai yếu tố phát triển độc đáo:

Việt ngữ: Việt ngữ phát triển từ căn bản phát âm tiếng Việt vẫn tồn tại trong dân gian từ trước thời kỳ trên 10 thế kỷ bị Bắc thuộc, rồi trải qua những hình thức ngôn ngữ sáp nhập chữ viết Trung Hoa, thành chữ Hán-Việt (viết chữ Hán mà đọc theo âm Việt) sang sự xuất hiện của Hán-Nôm (chữ viết bằng một hoặc hai - ba chữ Hán gộp lại, nhưng lại đọc theo âm Việt).[C] Đến khi những linh mục Bồ Đào Nha - Tây Ban Nha - Ý- Pháp đã liên tiếp xử dụng mẫu tự La Tinh phiên âm để dịch kinh thánh ra thứ viết ngữ đầu tiên nhằm mục đích truyền đạo Thiên Chúa Giáo, bắt đầu từ hai thập niên đầu thế kỷ 17. Thứ chữ Việt thô sơ ấy đã được lan truyền từ lớp dân cư Việt những miền ven biển vào các vùng dân cư trong đất liền ở Bắc và Trung - Nam phần Việt Nam, rồi cứ thế mà biến đổi và kiện toàn mãi.[D] Cho đến khi được chính quyền Pháp thuộc địa tiếp tay phổ cập bằng cách cho xử dụng trong hệ thống giáo dục và các văn bản điều hành xã hội, Việt ngữ mới thực sự có điều kiện chính thức phổ biến và triển nở đúng mức. Do đó, Việt ngữ của thời TLVĐ đã không những được nỗ lực phát triển phong phú ở mọi ngõ ngách văn học, chữ nghĩa được xử dụng một cách trong sáng và chính xác, văn phạm hoàn chỉnh hơn bất cứ thời đại nào, trước cũng như sau đây. Quan trọng hơn cả là Việt ngữ thời TLVĐ đã thực sự vận động được dân chúng càng lúc càng phổ biến, nói - viết và đọc, theo những tiêu chuẩn cách tân mới được phát xuất từ sinh hoạt của nhóm này.

Tác động vừa nêu này biểu lộ rõ được rằng sức kiên trì của dân Việt ta trong công cuộc nuôi dưỡng và liên tục phát triển Việt ngữ: Phát xuất từ sự tồn tại ở tiếng nói, rồi trên 20 thế kỷ, tùy theo điều kiện xã hội mà Việt ngữ đã được dân Việt bền chí áp dụng lẫn sáng tạo qua ba hình thức chữ khác nhau, từ Hán sang

Nôm rồi sang căn bản trên mẫu tự La Tinh để viết- đọc. Việt ngữ ngày nay, có thể hiểu, như là một trong những yếu tố căn cốt tạo nên sự trường tồn của dân Việt, trải qua mấy ngàn năm lịch sử.

TỔ CHẤT TRIẾT LÝ SỐNG CỦA DÂN VIỆT

Đọc các tác phẩm đủ mọi thể loại văn học-ngệ thuật của Tự Lực Văn Đoàn nói chung, chúng ta đều thấm thía và lưu lại trong ký ức của mình cách xử dụng từ ngữ phong phú và chính xác, hành văn mạch lạc, câu cú gãy gọn, để diễn đạt những tình cảm thực nhẹ nhàng trong sáng của người dân Việt phổ biến sống trong thời đại ấy [tiêu biểu như các tác phẩm của Thạch Lam, Gió Đầu Mùa (1937), Nắng Trong Vườn (1938)]. Thêm nữa, những đức hy sinh nhân bản trong cuộc sống (như truyện ngắn Anh Phải Sống, 1934), những mối tình chân chính nở hoa mang nặng yếu tố đề cao phẩm chất con người trong từng cá nhân (như Trống Mái, 1936, của Khái Hưng)...

Nhưng đặc biệt nhất là phải kể đến mối tình giữa chàng trai thị thành tên Ngọc với cô “chú tiểu” Lan tại chùa Long Giác, trong cuốn tiểu thuyết đầu tay của Khái Hưng, “Hồn Bướm Mơ Tiên” (1933). Từ trước đến nay, khi đề cập tới nội dung truyện Hồn Bướm Mơ Tiên, nhiều tác giả đã đưa ra những nhận định khác nhau. Chẳng hạn:

- Về độ dài của tác phẩm: Có tác giả gọi Hồn Bướm Mơ Tiên này là một truyện ngắn. Từ trước đến nay, một truyện ngắn ít khi dài quá 50 trang sách. Với trên dưới 100 trang sách, Hồn Bướm Mơ Tiên có thể được coi là một trung thiên tiểu thuyết.

- Mối tình trong cuốn này xảy ra giữa một chàng trai Ngọc với “chú tiểu” Lan (thực ra vốn Lan là ni cô) khi Ngọc lên văn cảnh chùa, tình tiết luôn được diễn tả một cách trong sáng... Tuy nhiên đã có nhận định, đây là một mối tình lãng mạn đến độ... không tưởng nếu so với tình trường vẫn thường xảy ra giữa nam và nữ

khi gặp gỡ và yêu nhau... Hoặc “...tình yêu của Lan và Ngọc chỉ là một phần nhỏ của lòng bác ái bao la, vì lòng bác ái mà Phật Tổ đã lang thang khắp bốn phương trời để tìm phương giải thoát cho nhân loại. Hồn Bướm Mơ Tiên, tác phẩm của tình yêu, nó thể hiện một tình yêu rộng rãi bao la: đó là Tình Yêu Nhân Loại.[1]...vân vân... Nghĩa là người ta có thể luận ra nhiều nhận định khác nhau.

Nhưng riêng cá nhân tôi thì nội dung được diễn tả trong mối tình Ngọc-Lan của Hồn Bướm Mơ Tiên lại đã khiến cho chúng ta có thể liên tưởng đến bốn câu Mười đầu cho bài hát nói “Hương Sơn Phong Cảnh” của Chu Mạnh Trinh (1862-1905):

*“Lên chùa chân bước khoan khoan
Khi mô mô Phật, khi tang tang tình
Thuyền lan một lá xinh xinh
Non non nước nước mình mình ta ta” [2]*

“Khi mô mô Phật, khi tang tang tình”? Xin lỗi, người hiểu đạo Phật thế nào cũng phải thắc mắc rằng lên chùa thì mô mô Phật là phải rồi, nhưng sao ngay đó lại còn kèm theo hành động “*khi tang tang tình*” nữa vậy? Viết như thế là trái hẳn với giáo lý của Nhà Phật rồi! Xin thưa: Không hẳn như vậy. Bởi sống làm người ở trần gian, nhân bản bao giờ tình cũng đi đôi với lý mà hiện hữu.

Thâm sâu vào triết lý sống của người Việt, chúng ta hãy nhớ lại giai thoại về Trần Tung - Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291): “*Một hôm, hoàng thái hậu Nguyên Thánh Thiên Cảm mở tiệc trong cung điện. Trên bàn có cả thức ăn mặn và thức ăn chay. Tuệ Trung Thượng Sĩ gấp thức ăn không phân biệt chay hay mặn. Hoàng thái hậu hỏi: “Anh tu Thiền mà ăn thịt cá thì làm sao thành Phật được?” Ông cười đáp: “Phật là Phật, anh là anh. Anh không cần thành Phật. Phật cũng không cần thành anh. Em không*

nghe các bậc cổ đức nói: Văn Thù là Văn Thù, giải thoát là giải thoát đó sao?" [3]

Rồi đến thời của Trần Nhân Tông (1258 – 1308), ông đã lên ngôi vua mà vẫn học đạo với Thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ, rồi lại từng ăn chay khổ hạnh đến mức thân hình gầy guộc, khiến Thượng hoàng Trần Thánh Tông phải ngăn lại. Sách Thánh Đăng Ngữ Lục kể: *"Thánh Tông khốc, bảo: Ta nay già rồi, trông cậy một mình con, nếu con làm như thế thì sự nghiệp của Tổ tông sẽ ra sao? Ngài [Nhân Tông] nghe vua cha nói vậy cũng rơi nước mắt".* Ở ngai vàng, ngài lãnh đạo toàn dân kháng chiến chống quân Nguyên thành công hai lần (1285 và 1287-1288). Tới khi về già ngài lên làm Thái Thượng Hoàng, nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông để trở thành Giác Hoàng Điều Ngự, Tổ thứ nhất của dòng Thiền Trúc Lâm nhưng ngài vẫn tích cực trong những việc nước khi cần đến. Năm 1299 ngài chọn Yên Tử (Quảng Ninh) làm nơi tu dưỡng mà đồng thời, theo ngài thổ lộ, thì cũng là để "gác giặc" phương Bắc nữa! [4] Xem thế, suốt cuộc đời Trần Nhân Tông ngài luôn tu dưỡng mà chưa bao giờ dứt hẳn khỏi đời sống trần thế, quên luôn đi công tác trực tiếp phụng sự nhân sinh cho dân tộc cả.

Do đó, chúng ta có thể hiểu một cách minh bạch rằng vì điều kiện sinh tồn của dân tộc Việt ở tại vị trí địa lý- chính trị ấy, người trí thức dù tuân theo bất cứ đạo giáo nào đi nữa thì cuộc sống nhân sinh vẫn là căn cỗi. Cho nên, chúng ta chỉ có thể hiểu một cách chân chính rằng:

*"Mái chùa mang nặng hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông"* [5].

Mấy chi tiết sự kiện lịch sử vừa nêu trên sẵn sàng cho phép chúng ta nhận ra rằng tôn giáo nào cũng đều là văn hóa chung của loài người. Khi du nhập vào vùng dân cư cụ thể nào, bất cứ

tôn giáo nào cũng phải tùy thuộc vào những điều kiện sống còn đặc thù dân tộc ấy mà thích ứng, mà biến đổi để trở thành nếp văn hóa riêng của dân tộc ấy, thì tôn giáo ấy mới có cơ hội tồn tại lâu dài được.

Diễn tả một cách khác, chúng ta thấu hiểu được rằng cách thể sống của bất cứ một dân cư nào cũng bắt buộc phải thay đổi theo hoàn cảnh lịch sử dân tộc mà tồn tại. Cũng như vậy, văn hóa dân tộc nào cũng phải phù hợp theo dòng phát triển của xã hội con người nói chung, nhưng tổ chất đặc biệt của dân cư ấy vẫn hiển hiện mồn một thì dân tộc ấy mới vươn tới tương lai mà trường tồn được.

Có như thế, chúng ta mới hiểu một cách sâu rộng nội dung câu tuyên bố của Phạm Quỳnh *"Truyện Kiều còn, nước Việt còn"*, câu này hoàn toàn đúng cho dân Việt ở thời đại của nửa đầu thế kỷ 20. Còn trong môi trường sinh tồn của các cộng đồng gốc Việt hiện nay trên thế giới, chúng ta phải hiểu câu nói trên theo cách diễn tả thời đại bây giờ là *"Việt ngữ còn, dân Việt còn"*./

Tài Liệu tham khảo:

-[A] https://vi.wikipedia.org/wiki/Tự_Lực_văn_đoàn;
- [A] Từ cuốn *"The Self-Reliant Literary Group (Tự Lực Văn Đoàn)"* - UC Berkeley xuất bản

http://digitalassets.lib.berkeley.edu/etd/ucb/text/Nguyen_berkeley_0028E_12682

-[B] *"Tự Lực Văn Đoàn Tập Đại Thành Chữ & Văn Quốc Ngữ"* của TRẦN BÍCH SAN;

http://www.hocxa.com/VanHoc/TuLucVanDoan/TLVD_TranBichSan_TLVDTapDaiThanhChuVanQuocNgu.php;

-[B] Xin đọc thêm chi tiết ở bài *"Thi cử và giáo dục VN thời Pháp thuộc"* của Trần Bích San.

<http://nghiencuuquocte.org/2018/06/17/thi-cu-va-giao-duc-viet-nam-thoi-phap-thuoc-p1/>:

- [C] Xin đọc thêm bài "Tại sao Việt Nam không bị đồng hóa sau 1.000 năm Bắc thuộc" của Nguyễn Hải Hoàn; <http://nghiencuuquocte.org/2015/09/07viet-nam-khong-bi-dong-hoa-1000-nam-bac-thuoc/>
- [D] Xin đọc thêm:

https://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_v%C3%BA%BFt_t%C3%BA%BFng_V%C3%BB%87t; & cuốn "Phép Dòng Chệ Em Mến Cầu Rút Đức Chúa Giê Su", Bản Thảo in năm 2009, do Phạm Xuân Hy phiên âm từ bản văn xuôi cổ bằng chữ Nôm có ghi "Làm tại Đàng Ngoài, ngày...tháng năm 1670 của đức cha Lambert De La Motte thuộc Dòng Mến Thánh Giá, & được cho khắc in tại Phát Diệm năm 1869, hiện được bảo quản dưới mã số 1309D tại Văn Khố Hội Thừa Sai Paris - Missions Etrangères de Paris- 128 rue du Bac-7507 Paris.

[1]. Lan tiêu biểu cho con người xuất thế, cô cho rằng tình yêu chỉ là ảo tưởng của hạnh phúc, sự thể hiện của chốn trầm luân, nó chỉ là một sự nhỏ nhen so với lòng bác ái của Đấng Từ Bi. "Trên đời chỉ có lòng bác ái mới là đáng kể" Phần kết thúc Ngọc có nói rằng: "...Tôi không có gia đình nữa. Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình tôi là ...hai linh hồn đôi ta, ẩn núp dưới bóng từ bi Phật tổ" Và như vậy tình yêu của Lan và Ngọc chỉ là một phần tử nhỏ nhen của lòng bác ái bao la, vì lòng bác ái mà Phật Tổ đã lang thang khắp bốn phương trời để tìm phương giải thoát cho nhân loại. Hồn Bướm Mơ Tiên, tác phẩm của tình yêu, nó thể hiện một tình yêu rộng rãi bao la: đó là Tình Yêu Nhân Loại.. [trích "HỒN BƯỚM MƠ TIÊN Tác phẩm đầu tay của Khái Hưng", tác giả Trọng Đạt;

<http://www.vanhoaviet.info/hon%20buom%20mo%20tien.htm>;

[2]. Trong https://www.thivien.net/Chu-M%E1%BA%A1nh-Trinh/author-ZpBj6D9P3q-U3JR36g_w5g; ghi là

"Hương Sơn phong cảnh ca"

ghi hai câu mười đầu:

"Đàn thông phách suốt vang lừng

Cá khe lắng kệ, chim rừng nghe kinh"

rồi dưới đây mới ghi là "Hát Núi". Thực ra bài "Hương Sơn Phong Cảnh" này (chứ không phải Hương Sơn phong cảnh ca) nguyên đã được tác giả Chu Mạnh Trinh (1862-1905) sáng tác theo thể HÁT NÚI với 4 câu Mười đầu là:

"Lên chùa chân bước khoan khoan

Khi mô mô Phật, khi tang tang tình

Thuyền lan một lá xinh xinh

Non non nước nước mình mình ta ta"

rồi sau đó mới vào đề:

"Bầu trời cảnh Bụt

Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay..."

[3].

https://vi.wikipedia.org/wiki/Tu%E1%BB%87_Trung_Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_S%C4%A9 có ghi giai thoại này đại khái như vậy.

[4]. Đọc thêm ở

https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Nh%C3%A2n_T%C3%B4ng_Gi%C3%A1c_Hoàng_Di%C3%A0u_Ng%E1%BB%97n_Tr%E1%BB%A3n_Nh%C3%A2n_T%C3%B4ng (1258 - 1308)

[5] Nguyên câu của Thi sĩ Huyền Không [tức Hòa thượng Thích Mãn Giác(1929-2006)] là:

"Mái chùa che chở hồn dân tộc

Nếp sống muôn đời của tổ tông"(1952)

16:00 hour ngày thứ Ba Tuesday, April 23/ 2019.

Phạm Quốc Bảo

KHÁI HƯNG, HÀNH TRÌNH NHÂN BẢN

Vương Trùng Dương

Khái Hưng, tên thật là Trần Khánh Giur, sinh năm 1896 tại làng Cổ Am, Vĩnh Bảo, Hải Dương. Con trưởng của tuần phủ Trần Mỹ, cử nhân hán học, tác giả tập thơ “Cổ Phần Lái Khúc”. Lúc nhỏ, Khái Hưng theo học chữ Hán, sau theo học trường trung học Albert Sarraut, đỗ tú tài, về Ninh Giang hoạt động thương mại, được thời gian, không thành công, trở lại Hà Nội dạy học ở trường Thăng Long của cụ Huỳnh Thúc Kháng. Nơi đây, ông gặp Nhất Linh.

Là con rể của Tổng đốc Bắc Ninh Lê Văn Định. Tuy nhiên, Khái Hưng không thích làm quan, thích cuộc sống tự lập vì vậy vừa đi dạy vừa viết báo để tạo dựng cuộc sống. Vừa dạy học vừa viết xã luận và chuyện vui trong tuần cho tờ báo thương mại của Chu Mậu. Chu Mậu là nhà buôn có thể lực, dùng tờ báo để làm phương tiện quảng cáo cho công việc kinh doanh về may mặc vì vậy Khái Hưng không mấy hài lòng cho “mảnh đất dụng võ” trong nghiệp báo.

Khái Hưng có người em cùng cha khác mẹ, nhà văn Trần Tiêu (1900-1954) tác giả Con Trâu, Chồng Con, Năm Hạn, Sau Lũy Tre vào thập niên 1940... Trần Tiêu theo Cộng Sản, làm Ủy viên Hội đồng Nhân dân xã Cổ Am, không có tác phẩm nào sau này được hình thành và trở thành bóng mờ khi Khái Hưng bị thủ tiêu.

Năm 1930, sau bốn năm du học ở Pháp, đỗ cử nhân khoa học, Nhất Linh về nước, không chọn con đường hoạn lộ, làm Hiệu trưởng ở trường Thăng Long và tiếp tục sự nghiệp làm báo. Nhân bài khảo luận ký tên Bán Than đăng trên báo Văn Học của anh em Dương Bá Trạc và Dương Tự Quán, Nhất Linh bắt gặp được ngọn bút độc đáo, có khả năng và nhận thức sâu sắc. Hình ảnh vị anh hùng dân tộc Trần Khánh Dư đời Trần làm Nhất Linh liên tưởng đến nhà giáo Trần Khánh Giur, đồng nghiệp, đang cộng tác cùng chung mái trường. Từ đó, Khái Hưng và Nhất Linh trở thành “đôi bạn” trong văn học, nghiệp dĩ và cuộc sống. Vợ chồng Khái Hưng không có con nên vợ chồng Nhất Linh “gởi gắm” đứa con thân yêu là Nguyễn Tường Triệu cho gia đình bạn làm “con nuôi” đối họ là Trần Khánh Triệu để lo phần hương khói sau này. Trong bài viết “Những Ngày Cuối Cùng Của Ba Tôi”, Trần Khánh Triệu gọi ông bà Khái Hưng bằng ba mẹ.

Theo Nguyễn Vỹ trong “Văn Thi Sĩ Tiền Chiến”, Khái Hưng “Người gầy ốm, đôi má hơi cốp và nước da hơi tái, nhưng nụ cười rất tươi. Nụ cười ngụ nét hóm hỉnh, nhưng hiền lành khả ái chứ không hời hợt dãi bôi như Thế Lữ và không trào lộng như Nguyễn Tường Tam”. Về bút hiệu, Khái Hưng cho biết: “Tên thật của tôi là Trần Khánh Giur, hai chữ Khánh Giur, sắp theo lối anagramme thành ra Khái Hưng, chứ không có gì lạ”. Về tính tình “Khái Hưng cũng không tự kiêu tự đắc, tính điềm và tao nhã, câu chuyện có vẻ thành thật và lịch sự... Ít nói, tính điềm đạm, nhưng thỉnh thoảng khôi hài đôi chút, và không làm mịch lòng

ai". Về sáng tác, Khái Hưng "thẳng thắn nhìn nhận rằng anh viết tiểu thuyết theo nhu cầu và điều kiện văn nghệ của một thời đại mà thôi"; vì vậy, nhà giáo, nhà văn đi vào con đường "tiểu thuyết luận đề" nhằm khai phá dòng sinh khí mới trong văn học qua lăng kính xã hội, nêu ra thực trạng trong cuộc sống bi đát của xã hội đầy dẫy với nhân tình thế thái, với cảnh đời ô trọc, phong tục, tập quán cổ hủ trong thời điểm phong kiến và thực dân xâm phạm nhân phẩm, phẩm cách, giá trị cao quý đích thực của nhiều tầng lớp nổi trôi, trầm luân trong cuộc sống.

Vũ Ngọc Phan trong "Nhà Văn Hiện Đại" đã nhận định: "Nhà văn mà được nam nữ thanh niên yêu chuộng, được họ coi là người hiểu biết tâm hồn họ hơn cả, có lẽ chỉ có Khái Hưng... Khái Hưng là văn sĩ của thanh niên Việt Nam cũng như Alfred de Musset là thi sĩ của thanh niên Pháp thuở xưa... Khái Hưng, như người ta đã thấy, là một nhà tiểu thuyết có biệt tài... ông lại để tâm đến những việc cải cách hủ tục trong gia đình Việt Nam, nên những tiểu thuyết phong tục của ông đều là những tiểu thuyết có giá trị".

Năm 1927, giáo sư Phạm Hữu Ninh ra đời tờ Phong Hóa, được 13 số thì đình bản vì thiếu người cộng tác. Sau thời gian tìm được những cây bút hợp tác, Nhất Linh thương thảo với Phạm Hữu Ninh để tục bản tờ Phong Hóa. Số 14 ra ngày 22-9-1932, chú trọng về văn học và trào phúng. Tòa soạn và trị sự đặt tại trường Thăng Long. Với ngòi bút khôi hài, châm biếm tập tục hủ lậu, thái độ kiêu căng tự đắc, nhân danh này nghĩa nọ để lộng giả thành chân... được đề cập qua dòng phiếm luận, tranh hí họa đã tạo được tiếng vang trong báo giới. Hình ảnh Xã Xệ, Lý Thót, Bang Bạnh, Đình Dừ... nhân vật điển hình của thời đại đã lôi cuốn độc giả đón nhận tờ Phong Hóa. Hà Nội được cười nhạo với bao tiết mục khôi hài, chế giễu, châm chọc... nhiều nhân vật có "máu mặt..." lần lượt được đề cập trên tờ Phong Hóa.

Giới cầm bút có Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Khái Hưng (Trần Khánh Giư), Tú Ly, Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long), Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu), Thạch Lam, Việt Sinh (Nguyễn Tường Lân), Lê Ta, Thế Lữ (Nguyễn Thứ Lễ)... Giới cầm cọ có Cát Tường, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tường Tam... mở ra mặt trận xung kích tạo cho Phong Hóa có sắc thái mới lạ, độc đáo. (Phát hành được 110 số, tờ Phong Hóa bị đóng cửa vào năm 1936 vì bài phóng sự của Hoàng Đạo mỉa mai Hoàng Trọng Phu liên quan đến tay sai của Pháp).

Từ những cây bút trong "Nhóm Phong Hóa" bảy chàng ngự lâm pháo thủ thành lập ra Tự Lực Văn Đoàn vào năm 1933. Với chủ trương "Trước vui thích, sau ích lợi". Mười điều tôn chỉ của Tự Lực Văn Đoàn được đề cập trên Phong Hóa, số 87, ra ngày 2-3-1934. Ba mục đích lớn về phương diện chính trị, xã hội và văn chương. Đả phá quan liêu, hống hách, cường hào ác bá, âm mưu chia để trị, hủ tục, tệ nạn xã hội, trừ khử lối văn chịu ảnh hưởng chữ Nho xâm nhập quá nhiều... Xây dựng canh tân xứ sở, giá trị tình yêu quê hương dân tộc, tinh thần vị tha, tự lập, phục vụ đời sống người dân lao động, giá trị nhân phẩm con người, nhất là nữ giới với quyền làm người trong xã hội, văn chương trong sáng, giản dị, dễ hiểu, quan tâm đến đời sống đích thực của con người... Khái Hưng là người lớn tuổi nhất trong Tự Lực Văn Đoàn, hơn con chim đầu đàn Nhất Linh đúng mười tuổi.

Hồn Bướm Mơ Tiên do Đời Nay xuất bản vào tháng 5-1933, tác phẩm đầu tay của Khái Hưng và cũng là tác phẩm đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn được gây tiếng vang khi vừa xuất hiện. (Nhà xuất bản Phương Hoàng của Nguyễn Thạch Kiên tái bản năm 1939). Tình yêu giữa Ngọc và Lan được thể hiện trong tâm hồn lãng mạn, thanh cao, thoát tục qua mối tình chàng sinh viên si mê, đắm đuối "chú tiểu Lan" nương thân nơi cửa Phật. Khái Hưng đã gửi gắm vào đó tính nhân bản của đôi trai, gái tìm một

con đường: “Đại gia đình của tôi nay là nhân loại, là vũ trụ, mà tiểu gia đình của tôi là... hai tâm hồn của đôi ta ẩn núp dưới bóng từ bi Phật tổ”. Đam mê, yếu đuối trong tình yêu khi gặp nghịch cảnh, éo le, bi đát, rồi than vãn, khóc thương, hủy hoại thân xác như Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách thuở đó như sách gối đầu giường cho thanh niên nam nữ. Hồn Bướm Mơ Tiên xuất hiện với mối tình đầy lãng mạn, thơ mộng, éo le nhưng được thăng hoa, nâng cao tâm hồn để tìm lối thoát cao đẹp, có ý nghĩa trong cuộc sống.

Tiếp đến, Nửa Chùng Xuân xuất hiện với hình ảnh Mai - người phụ nữ đẹp cả tâm hồn và thể xác - trong mối tình với Lộc đầy bi thương, sóng gió trong xã hội phong kiến, lạc hậu. Người phụ nữ yếu đuối đã chịu đựng, hy sinh, chịu bao bao đắng cay tủi nhục đã chụp lên thân phận làm vợ, làm dâu... nhưng bằng nghị lực, bằng tấm lòng yêu thương chân thật với gia đình, người yêu, tuy dang dở nhưng thể hiện được mối tình cao thượng, lý tưởng trong xã hội thời ấy. Hai tác phẩm này đều xuất hiện trên tờ Phong Hóa.

Khi tác phẩm được xuất hiện đều đặn, Khái Hưng thôi dạy, tiếp tục cộng tác trên tờ Phong Hóa & Ngày Nay (ra ngày 30-1-1935) cùng với anh em trong Tự Lực Văn Đoàn. Ngày Nay ra mỗi tháng 3 kỳ, nội dung & hình thức như Phong Hóa nhưng mục trông tìm đi thẳng vào vấn đề sinh hoạt “dân ta” trong cuộc sống giữa thực dân & phong kiến nên vẫn là cái gai cho chế độ thực dân. Cuộc sống nhà báo lúc đó rất khó khăn nhưng vì đam mê, yêu nghề nên đành “lấy nghiệp vào thân”. Trương Bảo Sơn kể về trường hợp Nhất Linh: “Trong khi dạy học, anh để dành tiền làm báo... anh em không ai ngạc nhiên thấy anh bỏ cái nghề hàng tháng (nghề dạy học) đương cung cấp cho anh ba trăm đồng bạc lương để làm cái nghề chỉ đem lại cho anh có ba chục đồng bạc,

nghĩa là 1/10 số lương cũ”. Cũng như Nhất Linh, Khái Hưng cũng chọn con đường “nghiệp báo” theo lý tưởng của ông.

Năm 1940, Khái Hưng cùng Nhất Linh nhập cuộc trong Đại Việt Dân Chính khi Nhất Linh đứng ra lập nên hệ phái này trong Đại Việt Quốc Dân Đảng. Thời kỳ này, giữa Khái Hưng & Nhất Linh tuy hai mà một, tâm đắc, chí hướng đã gặp gỡ nhau nên luôn “sát cánh” trên mọi việc.

Khái Hưng bị Nhật bắt giam ở nhà giam Vụ Bản, Hòa Bình một thời gian. Được thả, Khái Hưng tiếp tục con đường cầm bút. Đinh Hùng đã ghi lại hình ảnh đau buồn đó trong bài “Những Kỷ Niệm Khó Quên Với Các Bạn Trong Tự Lực Văn Đoàn: “Khái Hưng bị bắt đưa đi Vụ Bản, Thế Lữ sợ liên quan cũng lẩn trốn mất dạng. Huyền Kiều về ở quê nhà tại Vân Đình. Bạn bè thân, sơ không còn mấy ai lại vãng tới căn nhà “cửa trúc cài phen gió” nữa. Trong nhà quạnh vắng, chủ nhân cũng bắt đầu ngoại bệnh. Chỉ có Nguyễn Tường Bách là em ruột Thạch Lam và tôi vốn ở gần thỉnh thoảng còn lui tới”.

Báo Ngày Nay lại tiếp tục tái xuất hiện ngày 5-5-1945, đường Quan Thánh, Hà Nội. Được xem như cơ quan ngôn luận của VN Quốc Dân Đảng. Nội dung chú trọng về thời cuộc, khảo cứu, khoa học. Khái Hưng, cây bút trụ cột, chuyên viết đề tài có tính cách xã hội và thời sự nóng bỏng. Tác phẩm Xiềng xích lần lượt xuất hiện trên trang báo, lên án sự bạo hành, tham lam, những loạn của thực dân Pháp & bè lũ tay sai, đồng thời đưa ra hình ảnh những nhà hoạt động chính trị, cách mạng xả thân cho đất nước đã bị tù tội, bị đánh đập tra tấn, bị hành hạ khổ sở trong gông cùm thực dân. Tập truyện cuối cùng Bóng Giai Nhân và vở kịch Khúc Tiếu Ai Oán được đăng tải trên tuần báo Chính Nghĩa trong hai năm 1945-. Ngòi bút sống động, chân thực, phơi bày thực trạng phủ phàng, tang thương trong lao tù, cuộc sống... được Khái Hưng mô tả đã làm xúc động lòng người.

Thế rồi, biến cố 19-8-45, Việt Minh cướp chính quyền, đàn áp đảng phái đối lập, Ngày Nay bị đóng cửa. Tuy không ưa Cộng Sản nhưng Khái Hưng mang tâm hồn nhân bản nên vẫn nghĩ rằng Cộng Sản không lẽ nhẫn tâm, tàn ác tiêu diệt thành phần chân chính đối lập vì vậy Khái Hưng không nghe lời ngăn cản của bằng hữu, rời Hà Nội, về lại quê vợ ở Nam Định vào tháng 12-1946. Hai tuần lễ sau, Khái Hưng bị Cộng Sản thủ tiêu một cách dã man (1)!. Vợ ông sống lầm lũi trong nỗi khổ đau, đau tim, qua đời ở quê nhà vào năm 1954. Không có con cái, người con nuôi Trần Khánh Triệu lo giỗ tang cho song thân.

Nhìn Về Tác Phẩm

Từ tác phẩm Hồn Bướm Mơ Tiên đến Khúc Tiêu Ai Oán, Khái Hưng đóng góp trong kho tàng Văn học Việt Nam khoảng hai mươi lăm tác phẩm (truyện dài, truyện ngắn, kịch...) qua 15 năm sáng tác. Về truyện ngắn, Khái Hưng sáng tác rất phong phú, xuất hiện thương xuyên trên báo Phong Hóa và Ngày Nay; Đời Nay tuyển chọn một số tuyển ngắn để in thành tác phẩm, chưa hẳn đặc sắc và tiêu biểu trong hàng trăm truyện ngắn Khái Hưng sáng tác.

Theo thời gian xuất bản gồm: Hồn Bướm Mơ Tiên (1933), Nửa Chừng Xuân (1934), Tiêu Sơn Tráng Sĩ (1934), Trống Mái (1935), Tiếng Suối Reo (1935), Gia Đình (1935), Dọc Đường Gió Bụi (1936), Thoát Ly (1937), Tục Lự (1937), Thừa Tự (1938), Hạnh (1938), Đợi Chờ (1938), Đẹp (1939), Cái Ấm Đất (1940), Những Ngày Vui (1941), Đội Mũ Lành (1941), Đồng Bệnh (1942), Bần Khoăn - Thanh Đức (1943)... Khúc Tiêu Ai Oán (1946). (Theo Vũ Ngọc Phan: Thừa Tự (1940), Hạnh (1940), Đẹp (1941) và Bóng Giai Nhân (viết xong vào tháng 12 năm 1946).

Viết chung với Nhất Linh: Anh Phái Sống (1934), Gánh Hàng Hoa (1934), Đời Mưa Gió (1936).

Viết chung với Trần Tiêu: Dưới Ánh Trăng (1936).

Trong "Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên", dẫn chứng một số tác phẩm tiêu biểu của Khái Hưng qua tiểu thuyết về ái tình, gia đình và đoàn thiên đoàn kịch, Phạm Thế Ngũ kết luận: "Khái Hưng là một cây bút đi nhặt nhanh truyền người, một thứ gương pha lê hướng ra cuộc đời lăm vè và dung nạp một cách trung thực và khoan hòa những tâm tư và hình thái của một xã hội chung quanh ông".

Cùng quan điểm với tôn chỉ trong Tự Lực Văn Đoàn, Khái Hưng đã thể hiện tiếng nói trong văn nghiệp của ông qua toàn bộ tác phẩm. Đúng ra, phải phân tích toàn bộ tác phẩm của ông mới nói lên được hành trình ông đi và gửi gắm tâm hồn người cầm bút trong từng tác phẩm. Tuy nhiên, với Khái Hưng chỉ nhìn vào vài tác phẩm tiêu biểu cũng thấy được cuộc hành trình đó. Tiểu thuyết của ông phần đông thuộc tiểu thuyết lý tưởng, tiểu thuyết luận đề, tiểu thuyết phong tục... nhằm bày tỏ cái hay, cái đẹp, nhân phẩm, giá trị của con người, sự rung cảm của con tim, tình người trong cuộc sống. Đưa ra hình ảnh hủ lậu, quan niệm khắt khe, phong kiến, bảo thủ của tầng lớp phong kiến... đã từng gieo rắc bao tai họa, bất hạnh, khổ đau không những cho kẻ khác mà ngay cả người thân trong gia đình để soi nhìn thực trạng bi thương, phũ phàng của thời đại sinh sống.

Mối tình bi đát nhưng rất cao đẹp giữa Phạm Thái & Trương Quỳnh Như qua tiểu thuyết lịch sử Tiêu Sơn Tráng Sĩ. Nếu gò bó trong hôn nhân, bị tan vỡ giữa Lộc & Mai đưa đến tình yêu lý tưởng trong Nửa Chừng Xuân thì trong Trống Mái quan niệm về tình yêu có vẻ phóng khoáng, thanh thoát hơn. Hiền thích Vội với thân hình lực lưỡng, vẻ đẹp của chàng trai đánh cá, có lúc yêu nhưng không muốn tiến đến hôn nhân vì Hiền, cô gái thuộc hạng phong lưu, có tư tưởng mới... Giữ trong tim hình ảnh đẹp, lấy nhau, cách biệt về cuộc sống, không còn đẹp đôi.

Khái Hưng đưa ra hình ảnh chân thực về tình yêu, hạnh phúc đích thực trong cuộc sống trong Gia Đình. Phụng, Nga, Bảo là ba cô con gái ông bà án Báo. Phụng & Nga lấy chồng tri huyện, kẻ tham lam, người nhu nhược, ham chơi nên có tiếng nhưng không có gì hạnh phúc. Nga lấy Hạc, chàng sinh viên, bỏ học, đi làm đồn điền, cả hai đều bắt tay tạo dựng cuộc sống mới, công tác xã hội, giản dị, hòa đồng, dung dị, tìm được niềm vui, hạnh phúc bên những người thân quen.

Viết về hình ảnh trong sáng, Khái Hưng sử dụng ngòi bút thật uyển chuyển, nhẹ nhàng, bóng bẩy để tô điểm bóng dáng nhân vật hài hòa trong văn.

Bên cạnh đó, hình ảnh ông huyện bà phán nhớ nhăng, kịch cớm, hách dịch, danh đá... với lời lẽ châm biếm, gay gắt cho phù hợp với nhân vật đang bị nguyên rửa.

Bà Phán Trinh trong Thoát Ly, vợ lẽ, cầm quyền trong gia đình. Người dì ghẻ thâm độc, gian ác, nham hiểm, tìm mọi thủ đoạn để hành hạ Hồng, mồ côi mẹ lúc 6 tuổi, sinh viên sư phạm Hà Nội. Trong tình yêu, Hồng gặp bao cảnh ngang trái lại bị dì ghẻ manh tâm phá hoại, hồng bất lực trước cuộc sống và tìm cái chết để thoát ly cõi đời làm than, bất hạnh.

Bà án Ba trong Thừa Tự cũng thuộc mẫu người đàn bà gian ngoa, bủn xỉn, mê tín, hợm hĩnh. Gia đình giàu có nhưng trở thành bị kịch bởi lòng tham, đồ kị, giành giật, tranh nhau chiếm đoạt đất đai để thủ lợi.

Bà Án trong Nửa Chừng Xuân thể hiện mẫu người có đầu óc phong kiến, thiếu tình người, không có lòng nhân ái, độ lượng. Cái lý của bà Án trong quan niệm vị kỷ nên tìm cách bảo thủ làm hại cuộc tình của Mai và Lộc.

Khái Hưng đã phác họa bức tranh sống và thực trong giai đoạn thực dân và phong kiến nhằm phơi bày cái xấu xa, lạc hậu,

lên án đầu óc ích kỷ, vụ lợi, cậy quyền cậy thế... đã hãm hại chà đạp tình yêu, nhân phẩm, cuộc sống của tha nhân và ngay chính người thân thuộc. Ca ngợi tinh thần tự chủ, tự lập, đề cao phẩm cách của người phụ nữ trong sinh hoạt gia đình và xã hội; tôn trọng đời sống riêng tư, tình cảm cá nhân, lòng vị tha và nhân ái.

Khái Hưng đã dẫn thân trong văn giới với tấm lòng của nhà giáo, với hoài bão của người cầm bút chân chính nhằm đem vẻ đẹp của Chân Thiện Mỹ để trang trải, tô điểm cho cuộc sống có ý nghĩa đích thực của nó. Khái Hưng sáng tác rất dồi dào, phong phú... với sự đam mê và giàu nghị lực. Vũ Bằng đã kể về những khuôn mặt trong Tự Lực Văn Đoàn: "... Có một lần nhìn vào bản thảo của Khái Hưng, người ta thấy anh viết ở đầu trang một chữ "Gia Đình", ở cuối trang một chữ "Người con gái đẹp" và ở giữa trang một dòng "Trời ơi, biết viết gì đây, hờ trời?". Khái Hưng đã từng đưa ra vấn nạn, hình ảnh "người con gái đẹp" trong thảm cảnh "gia đình". Làm sao dung hòa, giải thoát cuộc sống, tình yêu... cho thích nghi, phải đạo, có tình có lý. Sự thận trọng, cân nhắc, đắn đo, suy ngẫm đó cho thấy tinh thần trách nhiệm và ý thức sáng tạo của người cầm bút.

Khái Hưng chọn nghề văn, nghề báo như là nguồn sống cao quý để dâng hiến cho tha nhân với tâm tư, tình cảm, nhận thức của văn nhân để cùng nhau trang trải nỗi niềm. Nhà giáo, nhà báo, nhà văn, nhà cách mạng chân chính... luôn luôn mang tâm hồn nhân bản để xây dựng cái hay, cái đẹp, nhân cách con người, giá trị đạo đức trong từng cá nhân, gia đình và xã hội. Khái Hưng vẫn còn khả năng cống hiến cho đời những đứa con tinh thần đáng giá, nhưng tiếc thay! Kẻ bạo tàn đã nhắm tâm thủ tiêu cây bút đầy lòng nhân bản đang dẫn thân cho nghiệp dĩ!

Cuộc hành trình của ông còn dang dở nhưng tên tuổi Khái Hưng đã có chỗ đứng vững vàng trong lịch sử văn học Việt Nam.*

Thời gian như lắng đọng trong thời điểm giao hòa giữa năm cũ và năm mới, khi mọi người đoàn tụ trong mái ấm gia đình để đón nhận giây phút thiêng liêng đêm giao thừa của ngày Tết cổ truyền, nhà văn Khái Hưng đã vĩnh viễn ra đi trong niềm bi thương, uất hận. Đêm cuối năm - 30 tháng Chạp năm Bính Tuất (2/01/1947) - Khái Hưng bị điều ra khỏi trại giam Lạc Quần, sau đó bị thủ tiêu nơi bến đò Cựa Gà, làng Ngọc Cục, Xuân Trường, Nam Định, xác chìm xuống dòng sông Ninh Cơ. Hành động sát hại con người nho nhã, chân chính, có tấm lòng với tiền đồ dân tộc, nhà văn lớn đã có công đóng góp cho nền Văn Học đất nước... là vết nhơ trong lịch sử dân tộc.

Khái Hưng bị triệt hạ nhưng tên tuổi Khái Hưng vẫn sáng chói trong nền Văn Học Việt Nam. Ngày nay hình ảnh, tác phẩm của Khái Hưng được sống lại ngay trên đất nước bị chế độ độc tài thống trị sau gần 5 thập niên bị dìm cho phôi phai theo thời gian. Cộng Sản thủ tiêu hình hài Khái Hưng nhưng không thể nào tiêu hủy hình ảnh, ngôn ngữ, tác phẩm Khái Hưng đã dâng hiến cho đời, cho dòng sinh mệnh Văn học Việt Nam. Giá trị tư tưởng vượt khỏi gông cùm, xiềng xích. Vào giữa thập niên 90, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội ở Hà Nội cho ấn hành cuốn *Lược Truyện Các Tác Giả Việt Nam*, đề cập đến nhà văn Khái Hưng nhưng cái chết của nhà văn bị thủ tiêu ghi rất mập mờ như sự nghi vấn để chạy tội.

Vương Trùng Dương

(Trích từ Khái Hưng, *Hành Trình Nhân Bản* trong Tuyển Tập về Khái Hưng, 1998.)



Nhà văn Khái Hưng - Trần Khánh Giu (1896 – 1947?)

BÀ NHẤT LINH NGUYỄN TƯỜNG TAM

Bùi Bích Hà



Bà Nhất Linh - Tranh do họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ

Trong trí tưởng tôi như một độc giả con nít những năm 40, thiếu nữ những năm 50 và trẻ tuổi những năm 60, Nhất Linh trong Tự Lực Văn Đoàn cùng những vị cầm bút thời của ông là những nhân vật gần như huyền thoại, chỉ hiện hữu bằng tài năng, thanh danh và tác phẩm, không bằng nhục thể có thể nhìn thấy hay tiếp cận, như những con người bình thường khác xung quanh tôi.

Giữa năm 1963, tuy đã tốt nghiệp đại học, đi dạy, đã bước vào một cuộc hôn nhân khó khăn và đang sinh sống tại một tỉnh lỵ trù phú gần cực nam miền nam Việt Nam, tin nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam tự vẫn để phản đối sự bất công chuyên chính của chính quyền đương thời tới với tôi là một nỗi buồn lặng lẽ. Dường như một phần của ông, cái hồn Tự Lực Văn Đoàn mà tôi gắn bó mật thiết thời còn đi học, trước đó, đã được tôi chôn cất kỹ trong hoàn cảnh làm vợ không có chỗ nào dành cho văn chương của tôi. Nay ông thực sự ra đi, là một tên tuổi chính trị lẫy lừng, một tư cách chính trị hiếm hoi, khuôn mặt này của ông, dấu thể, hoàn toàn xa lạ trong cảm thức của tôi. Có vẻ như thể hệ chúng tôi, nhút nhát, lẳng mạn, nên yêu thích cái đẹp trừu tượng, thậm chí trừu tượng hóa mọi vẻ đẹp của đời sống để thấy chúng tinh khiết, linh thiêng, và như thế, chúng càng đẹp hơn, an toàn và bền bỉ hơn.

Phải đợi đến bây giờ, những năm đầu thế kỷ 21 và do tạp chí Thế Kỷ 21 đề xuất, chúng tôi mới có dịp nhìn lại thần tượng Nhất Linh của chúng tôi suốt hơn nửa thế kỷ vừa qua.

Điều khám phá đầy ngạc nhiên và thích thú là khi nhìn ông như một con người bằng xương, bằng thịt, từng sống, từng cảm xúc như bất cứ ai với trái tim mỏng manh, với tấm linh hồn dễ bị thương tích, tôi nhận ra cả những liên hệ đời thường xung quanh ông, sinh động và phong phú, tôi nhận ra bà Nhất Linh, anh Nguyễn Tường Triệu, anh Nguyễn Tường Thiết.

Tuy nhiên, bữa nay, trong khuôn khổ thời gian hạn hẹp của buổi giới thiệu tuyển tập Nhất Linh, Người Nghệ Sĩ-Người Chiến Sĩ, do nhà Thế Kỷ phát hành, chúng tôi chỉ xin được nói về bà Nhất Linh, khuê danh Phạm Thị Nguyên.

Có một câu truyền khẩu rất phổ thông, đã trở thành khuôn sáo, khi người ta muốn đề cao vai trò của những bà vợ đảm đang,

mẫu mực, đứng sau lưng người chồng thành công, làm điểm tựa vững chắc cho người đàn ông ấy. Cho dù không đón nhận câu xưng tụng này như một bông hồng hoa mỹ mà xã hội cài lên ngực áo hay như một tuyên dương muộn màng, mang tính phủ dụ, dành tặng các vị nữ lưu giúp chồng làm nên sự nghiệp, tôi chắc mọi người đều sẵn sàng nhìn nhận thực tế trong những đóng góp thầm lặng của nữ giới đối với chồng con họ. Trên dòng lịch sử văn học - chính trị của chúng ta, những đóng góp này rất lớn, tỷ lệ nghịch với con số nhân lực đóng góp vì tài năng, đức độ vốn không nhiều trong cõi nhân sinh. Bà Nhất Linh là một trong những bà vợ hiếm quý này.

Ở trang 9 tập sách ra mắt hôm nay, chúng ta có bức vẽ chân dung bà Nhất Linh do danh họa Nguyễn Gia Trí (và cũng là bạn chí thiết của gia đình Nguyễn Tường) thực hiện năm 1952 tại Sài Gòn. Ngoài y phục, cách trang sức điển hình của nữ giới trung lưu đất Thăng Long những năm năm mươi trở về trước: áo nhung, chuỗi ngọc, hoa tai, nhẫn, vòng, bà có khuôn mặt trái xoan, nét cương nghị nhờ ở chiếc cằm vững chãi, vầng trán rộng. Đôi môi bà không đầy kín hàm răng khá đều đặn, khiến cho bà tuy không cười nhưng nụ cười dường như phảng phất, của một tâm hồn bình an, một tấm lòng rộng mở. Dưới hàng lông mày bán nguyệt thanh tú, đôi mắt bà to, tròn, ánh nhìn êm ả, buồn mà không ảm đạm. Bà chít khăn nhung, đường ngôi rẽ lệch, cùng với hàm răng không nhuốm của bà, là dấu hiệu mở đầu cho phong trào manh nha đổi mới của nữ giới Hà Thành thập niên 30- 40, đồng thời với chiếc trống cổ võ canh tân của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Để tìm hiểu thêm về bà, để có một cái nhìn gần gũi hơn, sống động hơn về bà, khác với nhìn từ một bức vẽ chân dung dù là qua nét cọ tài hoa của nhà danh họa Nguyễn Gia Trí, mời quý vị nghe thi sĩ Anh Thơ mô tả bà như sau: “Hôm đến nhà Nhất Linh, tôi tưởng tượng vợ ông là cô Loan (trong Đôi Bạn), một cô Loan ngây thơ, xinh đẹp. Nhà của nhà văn phải là một khu vườn

rộng, mang đầy hương sắc thôn quê và cô Loan áo trắng đang hái rau ngót dưới trời mưa. Nhưng ngược lại, nhà Nhất Linh lại là cửa hàng buôn bán đủ cả cau tươi, cau khô và cô Loan là một bà tuổi đã nọ giồng, mặc quần áo đen, dáng vẻ tất bật của một người đàn bà vất vả, phải tự lo lắng nhiều cho gia đình...” Đoạn cuối bài phóng sự, nữ sĩ Anh Thơ viết thêm về bà sau khi nghe bà tâm sự về chồng con, như sau: “Đôi mi dài óng ả của bà rung động trước cặp mắt to long lanh. Tôi nhớ mãi đôi mắt ấy. Đôi mắt có vẻ chịu đựng mọi hy sinh vì người thân yêu của mình. Đôi mắt của một người đàn bà Việt Nam cũ kỹ, tảo tần, không ý thức được rằng những việc mình làm đã đóng góp cho sự nghiệp của chồng không nhỏ.”

Mặc dầu công lao của những bà vợ như bà Nhất Linh, của những bà vợ kém may mắn hơn vì các ông chồng họ không nổi tiếng bằng ông Nhất Linh nhưng họ, một cách nào đó, cũng đã hy sinh, những công lao ấy luôn được văn học cùng người đời ca ngợi, mặc dầu nay những người đàn bà ấy hoặc đã nghìn thu yên nghỉ, hoặc nếu còn sống, ngoảnh nhìn lại chặng đường gian khổ đã qua, họ cũng đủ tự hào và vui lấy mình, thế nhưng tự đáy lòng một phụ nữ học đòi chữ nghĩa, hiện sống ở đầu thiên niên kỷ thứ ba như tôi, vẫn cứ có chút gì bất nhẫn, ngậm ngùi về sự bất công nếu như đời những người đàn bà kia chỉ là một chuỗi ngày dài hy sinh và chịu đựng.

Trong ý nghĩ với rất nhiều rung động của tôi khi thử đi tìm một cách giải thích khác, tôi vui mừng thấy bà Nhất Linh được hưởng nhiều hạnh phúc hơn chúng ta tưởng.

Trước hết, nếu cuộc hôn nhân của ông bà hoàn toàn do số phận quyết định, cha mẹ đôi bên mối manh, dạm hỏi linh đình (trả lời phỏng vấn Anh Thơ) thì mặt tích cực của sự kiện này là bà không mang nhiều ảo tưởng khi bước vào cuộc đời làm vợ. Ngay lập tức, bà nhận lấy trách nhiệm gánh vác giang sơn nhà

chồng, với khả năng và phẩm giá ngang tầm vai trò của mình, một tay bà “quản xuyên tất cả mọi công việc giao tế, phân xử tranh chấp trong gia đình, họ hàng nội ngoại, ảnh hưởng của bà rất mạnh trong dòng họ” (Nguyễn Tường Thiết, *Tâm Tình của Người Con*). Bà nhận sự phân chia trách nhiệm giữa vợ chồng một cách giản dị, “sách báo là việc của đàn ông, đàn bà mình ngó vào làm gì” thế nhưng khi vì một lý do nào ông ngừng viết, bà hiểu ngay ông đang có vấn đề khúc mắc. Bỏ cả việc buôn bán, bà từ Hà Nội đi Hương Cảng. “Có chị trên núi, không khí nơi đây như tươi lên đôi chút. Chị Tam kín đáo sẵn sàng anh, luôn tìm cách nhắc lại thời anh làm báo, viết sách. Chỉ những khi đó, như một phép lạ, nét mặt anh vui, ánh mắt tươi sáng... Chị Tam mua một chiếc ghế vải, có thể ngồi hay nằm tựa và chiếc bàn nhỏ, kê trong hang đá, rồi gọi nơi đó là nhà mát... Anh có thể ngồi suốt ngày trong hang đá, viết, viết và viết... Đến mùa hàng cau khô, chị Tam phải về Hà Nội. Anh Tam phần nào đã tạm ổn định tinh thần, viết lại và viết rất đều tay cuốn *Xóm Cầu Mới*, khiến chị yên tâm” (Nguyễn Thị Vinh, *Nhất Linh và Xóm Cầu Mới*). Như vậy, không phải là bà không ngó vào việc sách báo của ông, chỉ là bà biết khi nào thì cần ngó vào. Chỉ một cái “biết” này thôi đã làm cho bà trở nên riêng biệt. Ngoài tư cách làm vợ với ít nhiều hệ lụy, bà có thêm tư cách làm người bạn tri kỷ của chồng, biết hiện diện, biết vắng mặt đúng lúc, biết làm nguồn cảm hứng, làm ngọn gió cho cánh diều bay bổng, không làm giấy nhợ buộc chân người.

Và, Nhất Linh, linh hồn tuyệt hảo của những tác phẩm TLVĐ, ông còn là người đàn ông như mọi người đàn ông khác, hơn cả những người đàn ông khác vì ông có tài, lại hào hoa, phong nhã. Trên những trang sách ông viết, theo nhận định của nữ sĩ Anh Thơ, “tình yêu vượt xa những chuyện tả tình yêu tầm thường của các nhà văn khác, Dường yêu Loan nhưng lại yêu cuộc đời hoạt động hơn là say mê lạc thú gia đình,” liệu ngoài đời, ông có yêu vợ bằng cái tình vượt xa sự tầm thường như Dường yêu Loan

không? Một tình yêu được xếp hạng thứ tự ưu tiên như thế, liệu có tồn tại đẹp đẽ như trong tiểu thuyết không? Kể cả nữ sĩ Anh Thơ, bà đã công khai bày tỏ sự nghi ngờ thoáng qua khi đặt câu hỏi: “Nhất Linh có nhiều cô bạn trẻ đẹp thế này thì ông có còn yêu bà không? Hay bà chỉ được ông coi là cái kho tiền để ông lấy của mà làm việc?”

Tôi tin rằng bà Nhất Linh đã được chồng yêu bằng cái tình yêu vượt xa sự tầm thường thông tục khi chính bản thân bà cũng vượt xa sự tầm thường thông tục để tan hòa chính mình vào các ưu tiên của chồng, xóa bỏ được ranh giới gai góc của sự chọn lựa để lựa chọn nào của chồng cũng có bà ở trong: “Còn các cuộc lạc quyền lo nhà cho dân nghèo thì bây giờ mới bắt đầu. Mà mình đứng lên hô hào người ta thì mình phải bỏ vốn trước đã. May mà nghề buôn cau của tôi cũng dễ kiếm lãi, mới giúp được nhà tôi có tiền mà lo các thứ.” Rõ ràng bà không chỉ là cái kho tiền của ông, bà còn là cái kho của những thứ quý giá khác: sự hiểu biết, niềm tin đặt vào công việc chồng làm và lòng thiện.

Vì vậy, không chỉ yêu, ông còn cực kỳ trân trọng khi nghĩ về bà. Hãy nhìn những giòng chữ ông đập xóa nhiều lần chỉ để viết một lời đề tặng cuốn *Xóm Cầu Mới* cho vợ: “Tặng N. người đàn bà yêu quý đã khuyên tôi bỏ hết chính trị, trở lại đời văn sĩ và nhờ thế, cuốn *Xóm Cầu Mới* này mới ra đời...” Rồi ông sửa lại, không đành viết tắt tên bà với một mẫu tự N, lần này ông viết cả chữ Nguyên, như một cách gọi mình thị và âu yếm, để nghe cái tên ấy dội lại trong tâm hồn ông với tất cả yêu đương. Ông cũng xóa bỏ mấy chữ người “đàn bà yêu quý,” như thế cách xưng tụng khuôn sáo này không xứng đáng với tầm vóc của bà, không giải bày được hết cảm xúc trong lòng ông nên ông sửa lại: người rất thân yêu. Rồi ông cũng xóa mấy chữ “bỏ hết chính trị” vì bà có bao giờ muốn ông phải từ bỏ điều gì đâu đâu chỉ là tìm cách khuyến dụ!

Con đường chông gai nào ông đi, cũng có dấu chân bà lặng lẽ theo cùng.

Thế kỷ 15, trong La Chanson de Roland, trước khi vĩnh viễn nhắm mắt lìa đời giữa khe núi mờ sương, người hiệp sĩ thất trận cúi hôn lên mặt đất, mặt hướng về hoàng cung, thu hết tàn lực thổi hồi kèn tạ tội với quân vương, không một chút băn khoăn tưởng nhớ tới người đàn bà đợi chờ. Thế kỷ 20, người đàn ông, người chiến sĩ Việt Nam hào hùng Nguyễn Tường Tam, trong giây phút quyết định ra đi, đã cẩn thận gửi tới người bạn đời của ông những giòng di chúc về “mối tình đẹp đẽ của đôi ta trong bao năm, “lời cảm ơn về niềm hạnh phúc tràn đầy họ đã cho nhau đến mức “không còn ao ước gì hơn.” Trước sau, dù xa, dù gần, dù đã năm, bảy mặt con, dù thăng trầm chìm nổi bao phen, ông luôn yêu bà như một người tình. Ông không cần trời trần thêm gì nữa. Ông biết tình yêu trong lòng ông, trong lòng bà, của lòng họ từng dành cho nhau, chỉ một điều quan trọng ấy sẽ đủ sức giúp bà chu toàn những gì cần chu toàn trong quãng đời còn lại của bà.

Lựa chọn nói về bà Nhất Linh như tôi vừa mạo muội trình bày, trước hết, vì tôi cực tin vào vẻ đẹp của tình yêu, nói chung. Ở đỉnh cao của nó, tình yêu khơi gợi và làm triển nở năng lực tình anh nơi mọi người. Sau nữa, đọc thêm nhiều tài liệu xung quanh cuộc sống của ông bà Nhất Linh, tôi thực sự tâm cảm và ngưỡng mộ. Sự thể nhập vào nhau của hai ông bà trọn vẹn quá, lý tưởng quá, họ đem thêm cho nhau nhiều thứ và không lấy đi của nhau bất cứ cái gì. Trên bước đường ngang dọc, rất dễ có những hoàn cảnh tế nhị xảy tới cho một người đàn ông vốn tự do như mây trời, “hết đi Tây du học, đi Pháp chữa bệnh, lại đi Tàu làm cách mệnh, đi Đà Lạt chơi lan, một hai năm, ba bốn năm mới về nhà” (Trương Bảo Sơn, *Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam*). Thế nhưng, tự chung, cuộc sống tình cảm riêng tư của ông thật trong sáng, như nhận xét rất đáng tin cậy

của nhà văn Nguyễn Thị Vinh: “Đâu chỉ có văn chương trong sáng không thôi, mà cả cuộc đời anh Tam đã ánh lên sự sáng trong.” Đọc Bức Hòa Hàng Cơm hay Cậu Ấm Đi Bắn Vịt Trời, độc giả thấy ông có biệt tài mô tả sự cảm dỗ về thể xác giữa người đàn ông và người đàn bà, sự sa ngã tưởng chừng trong gang tấc nhưng sự tránh né được chỗ ấy, vực sâu ấy, dưới ngòi bút của ông, còn tài tình hơn nhiều, khiến ta liên tưởng tới một người uống rượu mà không để cho mình say, biết trước rằng khi tỉnh, phải dọn dẹp những thứ tanh tưởi đã nôn ra: “Thà bỏ qua một cái thú trong chốc lát về nhục dục còn hơn mất một chỗ hút thuận tiện và lâu bền” (*Cậu Ấm Đi Bắn Vịt Trời*). Là một nghệ sĩ chân chính, ông yêu mê cái Đẹp và thể hiện nó một cách thuần khiết trong mọi hoàn cảnh sống. Nhà văn Trương Bảo Sơn, trong bài *Những kỷ niệm riêng với Nhất Linh Nguyễn Tường Tam*, đã ghi lại như sau: “Ông yêu lan đến độ bưng cả chậu lan Thanh Ngọc lên giường ngủ chung và tặng lan hai câu thơ

*Sắc trong Thanh Ngọc, hương thơm mộng
Một thoáng mơ tiên, thoáng xuống trần.”*

Nếu quý vị đọc lại trích đoạn *Cậu Ấm Đi Bắn Vịt Trời*, đoạn vợ chồng cậu Ấm đùa bỡn với nhau, đối thoại thật thông minh, tình tứ và duyên dáng, rồi nhìn vào bức hình chụp ông bà Nhất Linh bên giòng suối Đa Mê (trang 96), tôi tin chắc quý vị cũng sẽ cảm nhận như tôi, ảnh và truyện phản chiếu nhau khá rõ. Dường như ngòi bút ông, tâm thể ông, chỉ hoàn toàn thoải mái khi nó bay lượn, vẽ ra khuôn mặt hạnh phúc trong khung cảnh gia đình, với người đàn bà rất thân yêu, rất tin cậy của ông chứ không ở đâu khác, cũng không với một ai khác.

Có lẽ phần đông các bạn gái trẻ thời nay sẽ phát biểu là họ không còn chấp nhận cách sống của những bà vợ thời bà Nhất Linh nữa. Tôi ngờ rằng bản chất tình yêu thời nào cũng thế, chỉ có cách biểu lộ thay đổi tùy thuộc sự lý luận của từng người

thường có xu hướng chạy theo trào lưu và sự định hình của xã hội. Nói đến biểu lộ là nói đến lựa chọn, tách mình ra khỏi trào lưu hay sự định hình ấy. Mỗi lựa chọn, tiếc thay, luôn có một tỷ lệ rủi may. Cái rủi, đã đành không ai lường trước được nhưng cái may, mừng thay, có sẵn trong trái tim trong trẻo của những ai nhìn thấu suốt mình, thấu suốt người và thấu suốt cả càn khôn. Tôi tin rằng với trái tim trong trẻo, tấm lòng quảng đại, sự may mắn luôn ở cùng bà Nhất Linh trong suốt cuộc đời làm vợ chân cứng, đá mềm của bà để ngày hôm nay, đứng đây, ngồi đây, kẻ hậu sinh như tôi thật sung sướng được soi chiếu từ bà những kinh nghiệm xử thế vô giá.

Bùi Bích Hà

Quận Cam tháng 8/04



MỘT HIỆN TƯỢNG VĂN HỌC VÀ CHÍNH TRỊ LỚN CỦA THẾ KỶ XX NHÓM TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Dương Ngọc Sum

1. MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA, LỊCH SỬ

Nhìn chung thì đầu thế kỷ XX vừa qua, so với thế giới, về phương diện chính trị và văn học, VIỆT NAM tụt hậu hàng thế kỷ.

-Về Chính Trị: Trong khi ở Pháp, Cách mạng DÂN QUYỀN BÙNG NỔ năm 1789, tiếp theo là các giai đoạn Cộng Hòa. Tuy cũng có giết chóc, lạm dụng Cách mạng, nhưng nhìn chung thì "Họ" đã tiến đến mức gần như chuẩn của một chế độ "của dân, do dân và vì dân". Còn nhìn lại VIỆT NAM ta thì lệch-bệch, vùng vẫy thoát ra khỏi ách Phong kiến, Thực dân, Đế quốc, rồi rơi vào hiểm họa nội chiến, Cộng sản... bị đe dọa mất nước không biết lúc nào!

-Về Văn Học, trong khi Thế giới nói chung và Pháp nói riêng, đã trải qua các giai đoạn Phục Hưng (Renaissance), với các cao trào phát triển:

Le Parnasse với Ronsard, Malherbe.

Classicisme (Cổ điển) với Corneille, Racine, Molière.

Romantisme (Lãng mạn) với bộ tứ Victor Hugo, Lamartine, Alfred de Musset, và Alfred de Vigny.

Existentialisme (Hiện sinh)

Còn Việt nam ta chưa đi đến đâu cả, chỉ là nỗ lực cời bỏ nền giáo dục cổ hủ, "chi hồ dã dã", "Tứ viết, Thánh viết". May nhờ có hai Tạp chí là ĐÔNG DƯƠNG Tạp chí (1913-1919) của Văn hào Nguyễn văn Vĩnh và Nam Phong Tạp chí (1917-1934) của HỌC GIẢ Phạm Quỳnh, cả hai đã góp phần trong việc:

-Phổ biến chữ Quốc ngữ trong tầng lớp dân chúng và luyện cho chữ Quốc ngữ có thể diễn đạt được các lý thuyết, các ý tưởng triết học, khoa học mới.

-Học vấn: tiếp thu nền văn minh Tây phương, quảng bá và phổ cập khoa học và kỹ thuật mới. Những điều yếu lược của văn học Âu Tây là những điều gần như hoàn toàn mới lạ với dân chúng và cả trí thức Việt nam.

Giờ đây, tự nhiên có một Nhóm Trí thức gồm Nhà giáo, Nhà văn, Nhà thơ, Họa sĩ, Kỹ sư, bỗng dưng đứng ra đòi "làm báo", thành lập Văn đoàn, "Tự Lực Cánh Sinh" (Self Strengthening - Self Helping- Literary Group), đòi viết văn, ra sách báo, chỉ trích thói hư tật xấu xã hội và tệ nạn, bất công của quan trường, thì quả là một "Biến Cố Chính Trị và Văn Học lớn".

2. THÀNH PHẦN VÀ MỤC ĐÍCH CỦA TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Lúc đầu nhóm chủ trương "ít người", nghĩa là độ sáu hay bảy người, gồm ưu tiên là anh em trong nhà lý do là "dễ xin phép" và "dễ hợp ý nhau" hơn, mục đích ban đầu cũng giản dị hơn: chỉ trích, chế nhạo hủ tục, thói hư tật xấu trong xã hội và tệ nạn trong quan trường. Về sau, càng hoạt động, số người gia nhập càng nhiều hơn và mục đích cũng thiên về chính trị hơn.

Thành phần ban đầu trong gia đình gồm có:

- Nhà giáo Nhà văn Nguyễn Tường Tam, Nhất Linh là Trưởng nhóm.
- Kỹ sư Canh nông Nguyễn Tường Cẩm, anh thứ hai của Nguyễn Tường Tam.
- Nhà văn Nguyễn Tường Long (Tứ Ly, Hoàng Đạo) em thứ tư trong gia đình 7 anh em.
- Nhà văn Nguyễn Thị Thế, em thứ năm.
- Nhà văn Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), em thứ sáu.
- Bác sĩ Nguyễn Tường Bách, em út trong gia đình, nhưng "gánh vác" nhiều hơn.

Gia đình có 7 anh em tất cả đều tham gia hoạt động, chỉ có người anh Cả Nguyễn Tường Thụy, thân phụ của Nguyễn Tường Cường là không có tham gia (Tôi thấy có bài báo ký tên Nguyễn Tường Thụy, tôi chỉ cho anh Cường, anh bảo: "Không phải Bố em").

Người tâm phúc:

- Nhà văn Nhà Giáo Khái Hưng (Trần Khánh Giư) người hợp tác đặc lực, tâm phúc.
- Thi sĩ Hồ Trung Hiếu (Họa sĩ Tú Mỡ, Nhạc Phụ Nhà văn Đoàn Quốc Sỹ, tù lâu năm của Cộng Sản).
- Nhà thơ Thế Lữ (Thứ Lễ), Nhà thơ Huy Cận (Cù Huy Cận), Họa sĩ Cát Tường (Le Mur vẽ kiểu Áo dài) ...Có những thành viên tham gia về sau.
- Họa sĩ Nguyễn Gia Trí.

3. HOẠT ĐỘNG

Nguyễn Tường Tam: Nhân vật lãnh đạo NHÓM TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Ông người gốc làng Cẩm phố, Điện Bàn, Quảng Nam, sinh ngày 25/7/1906 tại Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Thân phụ là Nguyễn Tường Nhu làm Thông phán Tòa Sứ bên Lào và mất bên đó năm 1918. Thuở nhỏ, ông học Trường Tiểu học Cẩm Giàng và

Trường Trung học Chu Văn An ở Hà Nội, sớm có khiếu và ưa thích văn chương: 16 tuổi làm thơ đăng Báo Trung Bắc Tân Văn, 18 tuổi có bài bình luận về Truyện Kiều đăng trong Nam Phong Tạp Chí, năm 1923 đậu Bằng Thành Chung (Diplôme d'Etudes Primaires Supérieures Indochinoises, tức Bằng Cao Đẳng Tiểu Học Đông Dương DEPSI), nhưng vì tuổi còn nhỏ (17 tuổi) không thi vào các trường Cao đẳng ở Hà Nội, nên phải xin vào làm thư ký Sở Tài Chánh Hà Nội, tại đây ông kết thân với thi sĩ Hồ Trung Hiếu, sau trở thành nhà thơ Tú Mỡ. Chính trong giai đoạn này Nhất Linh viết quyển tiểu thuyết đầu tiên và lập gia đình với Bà Phạm Thị Nguyên và có 10 người con. Tất cả đều thành tài nhờ sự nuôi dạy của bà. Riêng ông, năm sau đủ tuổi ông thi vào Y khoa năm 1924, nhưng có mấy tháng thì bỏ trường Y, thi vào Trường Mỹ thuật, thích hợp với sở thích của ông (giúp cho nhân sinh, cải tổ giáo dục). Năm 1926 vào Nam, ông kết giao với Trần Huy Liệu và Vũ Đình Di rủ nhau làm báo, nhưng lại dính líu đến vụ biểu tình nhân dân tang Cự Phan Chu Trinh, Trần Huy Liệu và Vũ Đình Di bị bắt. Ông bỏ trốn sang Campuchia, làm nghề vẽ và tìm đường đi du học. Năm 1927, sang Pháp du học, vừa học về khoa học vừa học nghề làm báo và xuất bản. Sau khi đỗ bằng Cử nhân khoa học giáo khoa lý Hóa năm 1930, ông về nước cùng năm đó.

Hoạt Động Văn Hóa

Khởi sự dạy học tại Trường Thăng Long, kết thân với Khái Hưng dạy Văn tại đây và rủ nhau làm Báo. Lúc đầu chỉ xin ra Báo Vui Cười, nhưng bị ngấm tôm, sau mua lại tờ Phong Hóa của Phạm Hữu Ninh và Nguyễn Xuân Mai và trở thành Giám Đốc kể từ số 14 (22/9/32), chủ trương dùng tiếng cười trào phúng để đả kích những hủ tục phong kiến, hô hào Âu hóa, đề cao Chủ nghĩa cá nhân. Cũng trong năm đó, ông cùng các cộng sự viên thành lập Tự Lực Văn Đoàn, nguyên tắc dựa vào sức mình, theo tinh thần anh em một nhà. Tổ chức không quá 10 người (chừng 7 người) để khỏi xin phép nhà nước, chỉ nêu ra trong nội bộ mục

đích, tôn chỉ, anh em tự nguyện, tự giác noi theo. Về sau, Văn Đoàn mới chính thức tuyên bố thành lập ngày 2/3/34, Báo Phong Hóa số 87. Tháng 6/35, Báo Phong Hóa bị nhà cầm quyền ra lệnh đóng cửa 3 tháng vì loạt bài “Đi xem mũ cánh chuồn” châm biếm Tổng Đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu. Sau đó được tiếp tục ra một năm rồi bị đóng cửa vĩnh viễn cũng vì tội chế nhạo (Số cuối 190 ra ngày 5/6/36). Từ tuần báo Ngày Nay trước ra cùng tờ Phong Hóa tiếp tục và kế tiếp tờ phong Hóa. Tháng 12/36 trên báo Ngày Nay, Nguyễn Tường Tam và nhóm phát động Phong trào Ánh Sáng, một tổ chức từ thiện với mục đích cải tạo nếp sống ở thôn quê trong đó có việc làm nhà hợp vệ sinh cho dân nghèo.

Hoạt Động Chính Trị

-Năm 1938, thành lập Đảng Hưng Việt, năm 1939 đổi lại là Đại Việt Dân Chính Đảng, với Nguyễn Tường Tam làm Tổng Thư Ký và Nhóm Tự Lực Văn Đoàn trở thành một Đảng công khai chống Pháp. Năm 1940 bị đàn áp, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí bị bắt và đày đi Sơn La đến năm 1943 mới được thả.

Trong thời gian này, Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay đến tháng 9/40 thì bị đóng cửa khi ra số 224.

Năm 1942, Nhất Linh chạy sang Quảng Châu và Liễu Châu, gặp Nguyễn Hải Thần và Hồ Chí minh vừa ở tù ra bên đó, nhưng rồi chính Nhất Linh cũng bị bắt giam ở Liễu Châu 4 tháng, phải nhờ Nguyễn Hải Thần can thiệp với Trương Phát Khuê mới được thả. Sau đó thì về Côn Minh, hoạt động trong Việt Nam Quốc Dân Đảng, tá túc với Vũ Hồng Khanh. Tháng 3/44, tại Liễu Châu, Nguyễn Tường Tam (NTT) được bầu làm Ủy Viên Dự Khuyết BCH Trung Ương VNCMĐMH tức Việt Cách.

Giữa năm 1945, NTT trở về Hà Giang cùng Quân Đội, nhưng quay trở lại Côn Minh rồi đi Trùng Khánh. Theo lệnh của ông từ ngoại quốc, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tường Bách cho tọc bản khổ nhỏ Báo Ngày Nay ngày 3/3/45 và trở thành cơ quan ngôn luận của VN Quốc Dân Đảng. Tháng 5/45 tại Trung Quốc, Đại Việt Dân Chính Đảng sáp nhập với VNQDD đồng thời VNQDD liên minh với Đại Việt QDD. Nguyễn Tường Tam làm Bí Thư Trưởng của VNQDD. Cuối năm 1945 ĐVQDD và VNQDD thành lập Mặt Trận Quốc Dân Đảng.

Sau khi quân Tưởng vào Việt Nam đầu năm 1946, NTT trở về Hà Nội tổ chức hoạt động đối lập chánh quyền VNDCCCH, xuất bản báo VN. Tháng 3 năm 1946, sau khi đàm phán với Chánh phủ, ông giữ chức Bộ Trưởng Ngoại giao trong Chính Phủ Liên Hiệp kháng Chiến. Ông cũng tham gia Quốc Hội khóa 1 Đặc cách không qua bầu cử. Ông cũng được cử làm Trưởng Đoàn Việt Nam dự Hội nghị trù bị Đà Lạt đàm phán với pháp, mặc dù trên thực tế Võ Nguyên Giáp là người lãnh đạo Phái Đoàn. Theo Võ nguyên Giáp, NTT không dự hầu hết các phiên họp, còn theo David G Marr thì TAM là người Phát ngôn có năng lực và giúp giải quyết một số tranh cãi về chiến thuật đàm phán trong Đoàn. Ông được cử đứng đầu Phái Đoàn Việt Nam dự Hội Nghị Fontainebleau nhưng cáo bệnh không đi và rời bỏ Chính phủ Liên Hiệp kháng chiến, lưu vong sang Trung Quốc tháng Tư năm 1946 và ở lại Hồng Kông cho tới 1951. Sau đó xảy ra sự kiện vụ án Phố Ôn Như Hầu: Lực lượng Công an khám xét các cơ sở VNQDD và ĐVQDD bắt giữ nhiều Đảng viên 2 đảng này và tịch thu nhiều vũ khí, truyền đơn và khẩu hiệu chống chính quyền. Khi NTT rời bỏ Chính Phủ, Chính Phủ đã tuyên bố NTT đào nhiệm và biến thủ công quỹ, tiền cho Phái Đoàn sang Pháp đàm phán chi tiêu, nhưng trên thực tế, việc này khó xảy ra vì Trưởng Đoàn NTT không được giao nhiệm vụ giữ tiền! Đảng Cộng Sản toàn là đối trá. Phòng vấn Nguyễn Tường Bách về tương quan lực lượng ban

đầu giữa Quốc Cộng, lý do thất bại của phe quốc gia: "Lực lượng tương đương, mình thua họ vì họ trí trá và ác độc hơn mình!".

Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách

CHÚ Ý: Có một sự trùng hợp hi hữu là gần đây xuất hiện một NGUYỄN TƯỜNG BÁCH, một trí thức trẻ hơn NGUYỄN TƯỜNG BÁCH của Tự Lực Văn Đoàn, một Nhà khoa học và Tâm linh học rất trẻ, sinh năm 1948 tại Huế, Tiến sĩ Vật lý. Xin đừng nhầm lẫn.



Nhà văn Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách

Thành viên tích cực của Tự Lực Văn Đoàn là Bác sĩ Nguyễn Tường Bách, người em út trong gia đình. Ông sinh năm 1916 tại Cẩm Giàng, từng theo học Trường Bưởi Chu văn An và Trường Albert Sarraut, Đại học Y Khoa Hà Nội và tốt nghiệp năm 1924, viết báo, làm thơ đăng trên báo Phong hóa và Ngày Nay. Năm 1939 tham gia Đại Việt Dân Chính Đảng. Năm 1942, Thạch Lam



Họp mặt thân hữu ngày 13/5/2009 tại Nam Cali với sự hiện diện (từ trái, theo chiều kim đồng hồ):

Đại tá Lê Bá Kiều, Tỉnh trưởng Quảng Ngãi.
 Trung tướng Nguyễn Bảo Trị, Bộ Quốc phòng.
 Bác sĩ Nguyễn Tường Bách, Tự Lực Văn Đoàn.
 Đốc sự Vương Quốc Quả, Trường Cao đẳng Quốc phòng.
 Thẩm phán Phạm Đình Hưng, Giám sát viện.
 Thanh tra Dương Ngọc Sum, Phụ tá Khối NCPTGD/BGD
 Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn

qua đời, NTB phụ trách Nhà XB Đời Nay. Tháng 3/1945, Nhật tở Ngày Nay Bộ mới với sự cộng tác của Khái Hưng, Hoàng Đạo, hồ hào Độc Lập, Dân Chủ. Tháng 5/1945, Việt Minh cướp chính quyền, ông cùng với VNCMĐMH ra mặt chống đối công khai, phụ trách tuyên truyền, sáng lập Quốc gia Thanh niên Đoàn. Tháng 5/1946, khi tình thế cấp bách, ông lui lên Đệ Tam Chiến khu, từ Vinh Yên đến Lào Kay, hợp cùng Vũ Hồng Khanh phụ trách chỉ huy Bộ. Tháng 6/1946 Việt Minh tăng gia tổng công kích lực lượng của VNQDD phải lui dần lên Yên Bái, Lào Kay. Tháng

8/1946, ông sang Trung quốc hoạt động ngoại viện và liên lạc với các tổ chức người Việt hải ngoại, tiếp tục chiến đấu chống lại Việt Minh Cộng Sản. Cuối năm 1946, ông lập gia đình với bà Hứa Bảo Liên tại Côn Minh. Năm 1947, QĐĐ không tán thành Giải pháp Bảo Đại với những điều kiện do Pháp đưa ra, và chủ trương tiếp tục hoạt động bí mật. Tháng 8, Hoàng Đạo mất. Tình thế Trung Quốc biến chuyển, do việc phe Cộng Sản của Mao Trạch Đông chiếm Hoa Lục, một số anh em trở về quốc nội tiếp tục hoạt động. Ông ở lại Trung Quốc năm 1950 và hành nghề Bác sĩ tại Phật Sơn (Quảng Đông) cho đến khi về hưu. Năm 1988, ông di tản sang Hoa Kỳ, và định cư tại miền Nam Cali, tiếp tục liên lạc, hỗ trợ các Tổ chức đấu tranh cho Tự Do Nhân Quyền Việt Nam, viết sách "Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn" và viết Hồi ký "Việt Nam Một Thế Kỷ Qua". Ông mất ngày 11/5/2013 tại Fountain Valley, Orange County, Nam California, hưởng đại thọ 97 tuổi.

THƠ ĐIỀU NHÀ VĂN NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

*Sông Hồng cuộn cuộn sóng xa khơi
Thương nhớ quê hương suốt cả đời
Nắng xé Hoàng quyền kêu khăn gọng
Rừng chiều Đỗ vũ khóc tàn hơi
Mong mệnh khói tỏa mùi Phương Phật
Lướt thướt mây bay một nẻo Trời.
Tiền Bối lên đường về cõi phúc
Nguyễn Tường Đại tộc lệ đầy vơi.*

(Hậu sinh Cao My Nhân khắp bái)

Một Bài thơ của Viễn Sơn

CHIỀU

Chiều tà lê gót xóm Kiều Lương
Mắt lệ mờ loang bóng phố phường.
Tuổi thơ hoài bão nay còn hết?*

*Vận nước làm đo mảy ngà đường.
Bao năm bão táp như sòn gối
Ngàn xưa lý tưởng gần đau thương .
Cây tùng nghênh gió qua ngày tháng
Mái tóc xanh giờ đã điểm sương!
Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách*

*Kiều Lương –Tiên Sơn-Trung Quốc.

KÍNH HỌA BÀI "CHIỀU " CỦA CỤ VIỄN SƠN NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

*Mái tóc giờ đây đã điểm sương
Nợ nước riêng mang một vết thương!
Bôn ba tranh đấu vì sông núi
Lê gót bao năm mảy dặm đường.
Ai người tri kỷ năng lui tới
Buôn nước bán dân, lánh những phường.
Thương ôi, đồng đội giờ đâu cả
Cuối đời chưa dứt cảnh thê lương!*

Dương Tử (2013)

THƠ KHÁI HƯNG TRẦN KHÁNH GIU CẢM Ồ TÁC PHẨM ĐOẠN TUYỆT CỦA NHẤT LINH

*Em đi đường em, tôi đường tôi
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi!
Đã biết không mong sum họp mãi
Bận lòng chi lắm lúc chia phôi.
Em theo số mạng người xa lạ
Và sẽ xa tôi trọn cuộc đời!*

Khái Hưng (1935)

TÌNH TUYỆT VỌNG (DỊCH BÀI THƠ SONNET CỦA ARVERS)

Lòng tôi chôn một khối tình
 Tình trong giây phút mà thành thiên thu.
 Tình tuyệt vọng, nỗi thâm sâu
 Mà người gieo thắm như hầu không hay.
 Hỡi ơi người đó ta đây
 Sao ta thui thủi đêm ngày chiếc thân.
 Dầu ta đi trọn đường trần
 Chuyện riêng đâu dám một lần hở môi.
 Người dù ngọc nói hoa cười
 Nhìn ta như thể nhìn người không quen.
 Đường đời lặng lẽ bước tiên
 Nào hay chân đạp lên trên khối tình!
 Một đời tiết liệt đoan trinh
 Xem thơ nào biết có mình ở trong.
 Lạnh lùng lòng sẽ hỏi lòng
 "Người đâu tả ở mấy dòng thơ đây?"

KHÁI HƯNG (DỊCH THƠ SONET D'ARVERS) NGUYÊN TÁC: SONNET

Ma vie a son secret, mon âme a son mystère
 Un amour éternel en un moment concu
 Le mal est sans espoir, aussi j'ai du le taire
 Et celle qui l'a fait n'en a rien su.
 Hélas! J'aurai passé près d'elle inaperçu,
 Toujours à ses côtés et pourtant solitaire
 Et j'aurai jusqu'au bout fait mon temps sur la terre
 N'osant rien demander et n'ayant rien reçu.
 Pour elle, quoi que Dieu l'a faite douce et tendre

Elle ira son chemin, distraite et sans entendre
 Ce murmure d'amour élevé sur ses pas.

A l'austère devoir pieusement fidèle,
 Elle dira, lisant ces vers tout remplis d'elle:
 "Quelle est donc cette femme?" et ne comprendra pas!

A R V E R S (Mes Heures Perdues)



THỜI ĐẠI HỒI KÝ

Cao My Nhân

Nhà văn Duy Lam cách đây hơn 20 năm, có phê bình cuốn hồi ký đầu tiên của một bà mới bước chân vào làng văn, rằng bà muốn trở thành văn sĩ, thì đừng viết hồi ký, xưng danh cái tôi ra, mà phải hư cấu nội dung và các nhân vật truyện, mới diễn tả khách quan được.

Tôi vốn thân với 2 gia đình anh chị Duy Lam, và anh chị Thế Uyên, dòng cháu bên ngoại của đại gia đình Nguyễn Tường có sự hiện diện của bộ ba nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn, là quý nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), Hoàng Đạo (Nguyễn Tường Long) và Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân). Sau này ở hải ngoại, còn có bác sĩ Nguyễn Tường Bách, bút hiệu Viễn Sơn nữa.

Thế thì trở lại con đường viết hồi ký, hay là nhà văn chưa thực sự viết độc lập, là giàu tưởng tượng, xây dựng tình tiết truyện cùng những vai diễn làm sao cho hợp lý như chuyện xảy ra ở ngoài đời.

Thế mới nhiều khê, muốn tập truyện thật như đời thường, thì tại sao không làm văn chương hồi ký chứ.

Nếu hồi ký thì chỉ việc kể lể đúng với những sự việc có sẵn, như một khách bàng quang, nghĩa là viết đúng sự thật.

Nếu vậy thì chỉ cần đừng quên, hay đừng nhớ sai thôi.

Tôi đã ngồi cạnh một nữ thi sĩ, vốn quê ở Phú Lạng Thương ngoài Bắc Việt.

Bà nữ sĩ Anh Thơ, người nhận giải thưởng thơ của Tự Lực Văn Đoàn, suốt mấy tháng trời, ở tư thất của ông bà số 11 đường Thiệu Trị, quận Phú Nhuận Saigon mà sau họ đổi là thành Hồ, khi tôi vừa xong tù cải tạo, đầu thập niên 80 thế kỷ trước.

Cuốn hồi ký của bà, thoát bà đặt là "Sống và chiến đấu", bà hỏi tôi:

"Mình gọi tên sách thế có được không?"

Tôi thành thật trả lời :

Chị ơi, em thấy là "SỐNG VÀ CHIẾN ĐẤU" nó có vẻ cứng ngắt à, và lại...cũng qua thời gian đó rồi.

Bà ngần ngừ : "Thế đặt là gì cho hay nhỉ ?"

Tôi nói phăng:

Tại sao chị quê ở "sông Thương" mà không đặt nó là: "TỪ BẾN SÔNG THƯƠNG" chứ.

Thế này, em nói chị nghe, Từ Bến Sông Thương có 2 ý nghĩa đơn giản mà rất kêu, là :

1/ Chị vốn ở cái Bến Sông Thương đó ra đi làm "cách mạng" phải không?

2/ Bến Sông Thương trầu tượng, phải chăng mang âm hưởng của tình người, mong rằng chị đạt được điều suy nghĩ đó, nếu thực tình như vậy.

Nữ thi sĩ Anh Thơ được cụ thân sinh đặt cho cái tên vương giả là Vương Kiều Ân, nữ sĩ tiền chiến.

Sau thoát ly gia đình đi theo tiếng gọi của cách mạng vô sản, được nhiều lần ở cạnh ông Hồ, cùng một bà viết lách nữa mà tôi không biết tác phẩm.

Tôi cũng chẳng có ý giới thiệu bà Anh Thơ, vì quý vị cứ hỏi Google là mau nhất. Nhưng tôi muốn kể lại giai đoạn ngắn ngủi tôi lui tới bà Anh Thơ, vì nữ sĩ Mộng Tuyết niên trưởng Hội thơ Quỳnh Dao của chúng tôi nói tôi đến bà Anh Thơ nếu muốn coi thơ ca tiền chiến của quý bà xưa, thập niên 30, 40 thế kỷ trước.

Nhà tôi ở đường Nguyễn Huỳnh Đức, nên gần nhà bà, tôi mới tù cải tạo về nên còn tạm rảnh rang, bà cũng thích có tôi để kể chuyện xưa, tích cũ.

Bà nói: "Viết hồi ký như thế có tiền, và được ghi lại đời mình."

Gần xong cuốn 1, bà Anh Thơ bắt đầu nhờ một thanh niên tới đánh máy, kiểu tạch tạch hồi xưa, chứ đã computer gì đâu.

Tôi là "Em út Quỳnh Dao thi đàn" nên tôi cứ đi xe đạp chuyển tin tức, thư từ của quý bà thi sĩ lão thành tên tuổi qua qua lại lại trong thành phố Saigon cũ, thì xét ra cũng chẳng sao.

Nhưng một hôm, có một ông trung niên từ Hà Nội vô thăm nữ sĩ Mộng Tuyết, và mang thư của quý ông thi sĩ nổi tiếng trước 1945 là Huy Cận, Xuân Diệu vv... gởi bà Mộng Tuyết.

Ông trung niên tên Đỗ Đình Thọ nhờ nữ sĩ Mộng Tuyết giới thiệu đi thăm mấy nơi có dấu tích của thi sĩ Nguyễn Bính xưa.

Tất nhiên là trong số đó có bà Anh Thơ và quý vị ở miền Nam.

Nguyễn Bính, nhà thơ viết toàn thi ca dân gian như tập LỮ BƯỚC SANG NGANG chẳng hạn.

Niên trưởng Quỳnh Dao lại nói tôi đưa ông Đỗ Đình Thọ này tới gặp bà Anh Thơ.

Bà Anh Thơ bấy giờ thuộc lớp cao niên, lại mang theo tình yêu giai cấp (vô sản) trong tim, mặc dầu xuất thân con cụ đồ Hán học.

Thế nên, những buổi sau, gã trung niên Đỗ Đình Thọ đã hù dọa bà cán bộ văn hoá được mang tước "Thứ trưởng văn hoá" mà bất kỳ ai viết lách có danh với cộng sản VN như Huy Cận cũng được cấp hiệu "Thứ trưởng Văn Hoá".

Rằng : Tại sao chị hay bà, có thể tôi không ở đó, nên gã hô: "đồng chí Anh Thơ" không chừng, lại có thể tin Cao My Nhân là một sĩ quan tâm lý chiến VNCH mới đi tù cải tạo về.

Ồi chao, bà Anh Thơ có cái cuốn hồi ký đang viết chưa xong, chứ binh thư, binh pháp gì mà tin với chả không tin.

Tôi vừa bước vô phòng khách ÚC VIÊN của nữ sĩ Mộng Tuyết, thì được niên trưởng tôi nói nhỏ giọng: "Cao My Nhân, thôi từ nay đừng đến bà Anh Thơ nữa, cái ông Bắc kỳ đó đã nói Cao My Nhân là sĩ quan chế độ cũ đấy".

Tôi thản nhiên: "Ông Đỗ Đình Thọ đó tồi quá, mà bà Anh Thơ cũng chả có tri thức gì cả. Bà ấy cũng phải biết em do đại tỷ Mộng Tuyết bảo đến, em mới đến chứ đến làm cái gì?"

TỪ BẾN SÔNG THƯƠNG, hay từ đâu đến đâu, tôi cần gì biết chứ, hướng chỉ tôi thường gặp quý cụ Bằng Bá Lân, Linh Diệu, Nguyễn Vạn An vv... là quý cụ viết lách từ ngoài Bắc vô Nam năm 1954, tôi muốn hỏi thăm chuyện xưa thì có ngay, đọc văn bà chơi thì đọc, chứ thế hệ tôi đã đi dự nhiều đám ma rải rác ở lớp quý vị lớn tuổi rồi.

Có điều khi cuốn Hồi Ký bà Anh Thơ ra mắt ở thành Hồ, đã có người thắc mắc là bà viết không đáp ứng lắm về cái xã hội tiền cách mạng, thậm chí còn số người hiện vẫn sinh hoạt bình thường ở chung quanh ta, họ vẫn vui vẻ bình an trong tình nghĩa bạn bè.

Nghĩa là hồi ký viết hay là viết chính xác ai đó trong thời đại nào, nếu còn tại thế thì bổ sung, chỉnh lại các chuyện quên, nhớ, đúng, sai.

Nếu các nhân vật trong hồi ký đã quá cố, thì quý vị quá cố đó sẽ đời mờ sống lại thừa nào xưa, nhắc tác giả những điều đã viết sai sót vv... trong cuốn sách.

Hoá cho nên thời đại tung hoành của các "hồi ký gia" hiện nay không phải là hay, hay không hay, mà đúng hay không đúng, đã chan hoà cả đôi miền giới tuyến ý thức hệ bắc nam VN.

Tức là thời đại văn chương hồi ký vậy.

Tạp văn CHỖN BỤI HỒNG ở báo Saigontimesusa, chính là những thử thách cho tôi chuẩn bị viết hồi ký.

Tuy nhiên, tôi vẫn băn khoăn điều có nên ghi lại cho mình những kỷ niệm nồng nàn thân ái cùng bạn bè đồng hội đồng thuyền, nhất là tôi trải qua bao nhiêu thời khắc đi học, đi làm, đi tù cải tạo (giai đoạn này quý vị trong đại tộc Ka Ki ... tôi mong nhất). Rồi thì vân vân nữa.

Riêng tôi, chỉ mong được giải bày tâm tư tình cảm của một người viết hàng ngàn bài thơ tình không biết chán ...

Xin hẹn một ngày ... ra mắt hồi ký không xa...

Cao My Nhân

NHÀ VĂN NGUYỄN TƯỜNG THIẾT: MỘT HẬU DUỆ CỦA NHẤT LINH

Việt Hải Los Angeles

Khi nói về nhà văn Nguyễn Tường Thiết tôi muốn bắt đầu bằng đề tài Chợ An Đông, vì nơi đó có nhà ông ở ngày xưa trước năm 1975. Nào hãy kể sơ đôi nét về Chợ An Đông, mặt tiền là đường An Dương Vương, thuộc Quận 5, Chợ Lớn, mặt sau là đường là Hùng Vương. Hai bên hông là 2 dãy phố chợ đường Nguyễn Duy Dương và đường Yết Kiêu. Chợ An Đông hình thành từ năm 1951. Trước năm 1975, Chợ An Đông có một "tụ điểm" địa phương quan trọng là quán cơm gà Siu Siu, cửa tiệm này được nhà văn Nguyễn Tường Thiết đưa vào văn học.

Thật vậy, tác giả kể về "Căn nhà 39 An Đông của mẹ tôi", đây ấp những kỷ niệm vui buồn. Dĩ nhiên cuộc sống này có khi vui, có lúc buồn.

"Căn nhà 39 An Đông của mẹ tôi" chôn dấu bao kỷ niệm. Vui khi tôi chăm chú đọc về sự huyền ảo cảnh phố chợ An Đông, có hôm mình tình Thẩm Thúy Hằng tìm bà "Nhứt Linh" vì ý muốn

thực hiện dựa phim theo tác phẩm "Đoạn Tuyệt", tác giả Nguyễn Tường Thiết mô tả kỷ niệm như sau...

"Đi sau Thẩm Thúy Hằng là một lô một lốc những đứa trẻ con bện quần xà lỏn mình trần trụi trọc. Tôi cũng mặc quần xà lỏn nhưng lịch sự hơn chúng nó một tí là có cái áo sơ mi cột tay khoác lên. Cô Thẩm Thúy Hằng thì cố nhiên ăn mặc sang trọng lộng lẫy lắm. Mình tình điện ảnh mà! Vừa bước vào nhà cô nói oang oang: "Trời đất ơi! Cả cái chợ An Đông này hổng ai biết nhà ông Nhứt Linh ở đâu. Mãi sau tôi mới nhớ ra là bà Nhứt Linh bán cau. Thế là mấy đứa nhỏ ùn ùn dẫn tôi tới đây". Đoán biết ngay cô nữ tài tử này đến nhà tôi về chuyện gì nên tôi nói: "Mẹ tôi không có nhà. Nhưng cô có thể nói chuyện với tôi nếu có liên quan đến bản quyền những tác phẩm của ba tôi" – "Đúng dzậy! Tôi đến để điều đình về việc thực hiện cuốn phim dựa trên cuốn tiểu thuyết Đoạn tuyệt của nhà văn Nhứt Linh". Rồi cô Thẩm Thúy Hằng chìa tấm danh thiếp mời tôi đến tư gia của cô để bàn về chi tiết. Cô nói chưa có quyết định ai sẽ là người đóng vai Loan còn vai Dũng thì có thể do nghệ sĩ La Thoại Tân đóng. Lúc tiễn cô ra ngoài tôi nhìn tấm thân khá đầy đặn của cô và thầm nghĩ trong bụng cô này mà đóng vai Loan thì hổng bég nó cả cuốn tiểu thuyết của bố tôi. Tuần lễ sau tôi gặp Thẩm Thúy Hằng lần thứ hai tại nhà cô ở đường Duy Tân. Mấy tháng sau không hiểu vì lý do gì cô cho biết bỏ ý định thực hiện cuốn phim Đoạn tuyệt.

Chuyện cô Thẩm Thúy Hằng đến nhà mẹ tôi làm xôn xao dân chợ một dạo. Nhưng đó không phải là lần đầu tiên họ được dịp chiêm ngưỡng tận mắt những nghệ sĩ nổi tiếng. Cặp nghệ sĩ cải lương Kim Cương – Hùng Cường một buổi chiều nọ cũng làm náo động đám trẻ con khi họ đến ăn ở quán cơm gà Siu Siu. Bữa đó tôi đang ngồi học bài trên gác thì có tiếng gọi ới ới ở dưới đường: "Kim Cương tụi bay ơi!" – "Hùng Cường tụi bay ơi!". Tôi bèn ra đứng ở ban công nhìn xuống. Trẻ con mấy chục mạng từ

trong chợ chạy túa ra đường đứng thành hình vòng cung lớp lớp trong lớp ngoài chung quanh quán cơm gà. Có vài người lớn trong đám nhưng họ chỉ đứng nhìn ở xa. Mấy đứa nhỏ đứng hàng đầu tiến sát lại gần cái bàn ăn của hai thực khách nhìn trân trân vào tận mặt cô Kim Cương, thần tượng của chúng mà trước đó chúng chỉ được thấy trên màn ảnh TV. Rồi bất ngờ trong đám con nít đồng loạt có tiếng vỗ tay, vừa vỗ tay vừa reo hò, rất đúng nhịp: “Kim Cương nhai! Kim Cương nuốt!”. Tức mình, tài tử Hùng Cường đang ăn đứng lên phùng má trợn mắt nhìn đám trẻ. Tưởng nghệ sĩ này làm trò hề, lũ trẻ lại rộ lên cười. Ông Siu Siu đang chặt thịt gà, xách con dao phay chạy ra xua tay nói lớn: “Hê! Để cho người ta ăn lót! Để cho người ta ăn lót!”. Đám trẻ rân ra xa thối hờ hét nhưng không chịu đi, cứ đứng quanh đó mà nhìn cho tới khi cặp nghệ sĩ ăn xong lên xe. Cứ như thế từ trên ban công căn nhà của mẹ tôi tôi ngắm cảnh sinh hoạt phía dưới không bao giờ chán mắt. Nội nhìn ông Siu Siu chặt thịt gà đã thấy mê! Con gà bóng mỡ nằm ngửa trên thớt. Một nhát dao phay bổ ngọt trên bụng. Rồi phập phập! Hai cái đùi gà văng ra. Bằng bốn đầu ngón tay trái ông Siu Siu chặn cái đùi gà, chặn kín chỉ chừa một khoảng hở. Phập! Con dao phay bổ sát móng tay. Rồi cứ thế các ngón tay ông ta lùi dần, lùi đến đâu con dao phay sát tới đó. Phập! Phập! Phập! Thoắt cái, đùi gà đã được chặt thành từng khúc nhỏ đều đặn. Xúc những miếng gà đã chặt bằng lườn con dao phay ông trải thịt gọn ghẽ lên một chiếc đĩa trắng, rắc một ít hành lá lên trên, thế là đĩa gà được mang cho khách, cùng với những bát cơm gà nóng vàng ngậy bốc khói cộng thêm hai thứ nước chấm, một chén xì dầu có những lát ớt đỏ và một chén gừng băm trộn dấm. Trong bao nhiêu năm quan sát ông Siu Siu chặt thịt gà tôi cứ bị ám ảnh bởi một ý nghĩ và ý nghĩ này không ngớt theo tôi cho tới tận ngày nay, hơn bốn mươi năm sau. Đó là có bao giờ ông ta lơ đãng trong lúc chặt thịt? Tôi không dám nghĩ tiếp vì cái hậu quả mà tôi hình dung thấy nó kinh khiếp quá!...”

Dĩ vãng cũng có cái buồn của tác giả Nguyễn Tường Thiết trong phong văn sau đây:

“Chúng tôi chia tay. Đó là hình ảnh sau cùng tôi ghi nhớ trước khi tôi già từ vĩnh viễn căn nhà chúng tôi đã sống suốt 20 năm, căn nhà An Đông của mẹ tôi....

Hai mươi mốt năm trôi qua trên đất Mỹ nhanh như một chớp mắt. Năm 1996 chúng tôi trở về Việt Nam lần đầu tiên và có dịp ghé chợ An Đông thăm căn nhà cũ. Căn nhà nay đã đổi chủ. Bảng hiệu cau Cầm Lợi thay thế bằng bảng tiệm vàng Kim Xuyên. Trong lúc vợ con tôi đi sắm đồ trong chợ An Đông (nay được tân trang phía trong với một dãy cầu thang cuốn) tôi đứng trước cửa tiệm vàng nhìn lên cái ban công trên cao nhớ lại những giờ phút xa xưa đứng trên đó nhìn xuống cái quán Siu Siu ở dưới này bây giờ không còn nữa, nhớ lại cả một thời thanh xuân, thời tuổi trẻ của mình mà lòng bồi hồi.

Đã bao nhiêu nước chảy qua cầu. Mẹ tôi không còn nữa. Sau biến cố năm 1975 mẹ tôi đã sống thêm được 6 năm tại căn nhà An Đông ấy và chứng kiến bao nhiêu cảnh tang thương của cuộc đời. Tuy mẹ tôi được nhà cầm quyền mới để yên không làm khó dễ như bà vẫn hằng lo ngại (do tên tuổi bố tôi), nhưng bà đã trải qua bao cảnh chia ly tử biệt trong gia đình. Mẹ tôi chứng kiến chị cả tôi, chị Thu, chết trong một tai nạn xe cộ vào năm 1976, anh Thạch tôi bị đi tù cải tạo ở miền Bắc, anh chị Triệu tôi vượt biên, bị bắt, bị tù, rồi vượt biên nữa. Những người con của bà, người chết người bỏ đi xa, căn nhà vắng dần bóng người, mẹ tôi nhiều lúc sống thui thủi một mình trong căn nhà An Đông. Người chăm lo hầu hạ bà sau này nhiều nhất là chị Thạch và... chú Tiểu. Vâng, chú Tiểu, con người điên điên khùng khùng ấy không ngờ lại là người rất có tình nghĩa, tận tụy chăm lo cho mẹ tôi cho đến những ngày cuối của đời bà.

Theo lời chị dâu tôi, chị Thạch, sau năm 1975 chú Tiều ở hẳn trong nhà mẹ tôi. Chú giặt dũ, nấu cơm, đóng cửa, mở cửa, coi nhà và trông nom mẹ tôi. Hồi đó trộm cướp nhiều lắm, mẹ tôi nhiều lúc ở nhà một mình nên sợ, may mà có chú Tiều bảo vệ. Đêm đêm chú giặt con dao phay sáng quắc đi tới đi lui trước nhà khiến đám bụi đời và lũ trộm cắp rất ngán không ai dám bén mảng đến cửa. Anh Thạch tôi sau 5 năm trời cải tạo trở về sống ở chợ An Đông. Ngày anh trở về là ngày vui nhất của mẹ tôi. Anh là người duy nhất trong số các con của mẹ tôi được sống với mẹ trọn một năm chót của đời bà. Tháng Tư năm 1981 mẹ tôi bị bệnh nặng. Anh cả tôi từ bên Pháp về Việt Nam đưa mẹ tôi sang Paris chữa bệnh. Đến phi trường Orly mẹ tôi được chở thẳng đến bệnh viện. Bà qua đời tại đó ít lâu sau, thọ 74 tuổi.

Trong cuộc đời khủng khiếp ấy tội nghiệp nhất phải nói là ông chủ quán cơm gà Siu Siu. Vào năm 1975 sau 20 năm làm ăn phát đạt ông Siu Siu trở nên giàu có. Ông đã tậu 3 căn nhà sát nhau trong một dãy phố đường Nguyễn Duy Dương, cạnh trường Trí Dũng, và biến 3 căn này thành một nhà hàng bán cơm gà thật lớn, trong khi ông vẫn duy trì cái quán cóc nhỏ ở sát cạnh nhà mẹ tôi. Vẫn theo lời kể của chị Thạch thì khi những người cộng sản vào trong Chợ Lớn họ niêm phong và tịch thu tất cả những nhà hàng lớn của Hoa kiều, chỉ cho hoạt động những nhà hàng nhỏ bán buôn lẻ tẻ. Ông Siu Siu bỗng nhiên một lúc bị tước đoạt cả 3 căn nhà. Còn quán cóc thì ông sang lại cho chú Sáng, một người bà con của ông. Tháng Sáu năm 1978 những thương gia trong Chợ Lớn hùn nhau tổ chức một cuộc vượt biên bằng tàu. Ông Siu Siu và toàn gia đình ông tham dự trong chuyến đi ấy. Ra khơi không may tàu chìm. Toàn thể gần trăm người trên tàu không một ai sống sót chỉ trừ một mình ông Siu Siu. Ông bám vào một tấm ván theo sóng biển trôi tấp vào bãi biển tỉnh Bến Tre. Dân chúng địa phương báo cho công an biết và ông được chở vào bệnh viện cứu sống. Sau khi điều tra lý lịch biết ông Siu Siu ở chợ An Đông

họ điện cho công an phường An Đông để xin giải ông về quận 5. Ông Siu Siu sau đó trở thành người mất trí. Không còn nhà cửa để ở ông sống lầy lắt ngay dưới mái hiên căn nhà cũ của mình ở đường Nguyễn Duy Dương. Rồi giống như chú Tiều ông bắt đầu điên khùng nói năng lảm nhảm. Nhưng tệ hơn chú Tiều ông phải ngửa tay xin từ gói xôi, gói bắp của những người qua đường để sống, những người mà chỉ mấy năm trước đã là thực khách thường xuyên của quán cơm gà rất nổi tiếng của ông.

Còn chú Tiều nhờ trời thương nên có hậu vận khá. Sau khi mẹ tôi qua Pháp, chị dâu tôi và anh Thạch là hai người sau cùng ở lại chợ An Đông. Khi anh chị Thạch quyết định về ở Thủ Đức anh chị đã sang căn nhà 39 An Đông cho bà Kim Xuyên. Bà Xuyên sửa lại căn nhà để mở một tiệm vàng trang đẹp đẽ. Theo lời chị Thạch thì căn trên gác được sửa sang gắn cửa kính lắp máy lạnh và đặc biệt để dành riêng cho chú Tiều ở. Chả là bà Kim Xuyên có nhà riêng 3 tầng ở đường Lý Hồng Phong nên bà không ở tiệm vàng. Mỗi sáng bà đến chợ An Đông bán hàng. Chiều đến bà cho vàng vào trong két sắt (cái két sắt lớn của mẹ tôi để lại) khóa két lại rồi giao nhà cho chú Tiều coi giữ. Đêm đêm chú Tiều giặt con dao bên lưng, đi tới đi lui, giống như trước kia chú đã làm thế để bảo vệ mẹ tôi, do đấy mà không một tên bất lương nào dám bén mảng đến trước cửa căn nhà số 39. Bà Xuyên về nhà riêng có thể yên tâm ngủ vì tiệm vàng đã có chú Tiều canh giữ. Một người khùng điên, không tài cán, không người thân thích, mà lại được tín nhiệm giao phó trông coi cả một tiệm vàng... Đúng là chuyện khó tin nhưng có thực!

Sáu năm sau, năm 2002, chúng tôi lại trở về Sài Gòn và đến thăm lại căn nhà cũ một lần thứ hai. Tiệm vàng Kim Xuyên không còn ở đó nữa. Từng dưới nhà nơi chỗ hai cửa sắt trông ra hai mặt đường đã bị bịt tường kín bưng. Trên lầu những ban công được che bằng những song sắt chắc chắn. Chúng tôi đoán chủ nhân mới

là sở hữu chủ của cả hai căn 39 và 41, họ dùng căn 41 làm chỗ buôn bán và dùng căn nhà cũ của mẹ tôi làm kho chứa hàng. Lần đó cũng là lần sau cùng tôi nhìn thấy căn nhà An Đông cũ của mẹ tôi. Bức tường kín mít đã hoàn toàn chắn tôi với quá khứ. Tôi băng khuảng tự hỏi không biết số phận của chú Tiểu bây giờ ra sao, còn sống hay đã chết? "

Đọc tác phẩm "Căn nhà An Đông của mẹ tôi" của Nguyễn Tường Thiết tức cười ở mục "xả xui", chuyện kể ông được tiền nhuận bút từ tạp chí Văn. Nhà văn của những tác phẩm "Ngồi lại bên cầu" và "Nửa đêm thức giấc"; cũng như dịch giả của những sách Sứ mệnh văn nghệ (Discours de Suède, diễn văn đọc tại lễ nhận giải Nobel Văn chương của Albert Camus, và Sự đã rồi (Les jeux sont faits của Jean-Paul Sartre. Trần Phong Giao dịch chung với Nguyễn Xuân Hoàng).... Nguyễn Tường Thiết nhận quà "xả xui" của ông "Nửa đêm thức giấc" như sau:

"Ở trên lầu bốn của chung cư là lầu thượng có mở câu lạc bộ là chỗ giải trí cho lính Mỹ. Đêm đêm tiếng nhạc và tiếng trống thình thình từ trên đầu chúng tôi vọng xuống. Quân đội Mỹ đi đến đâu thì thế nào mà chẳng có đoàn nữ binh lén lút hoặc công khai lảng vảng đâu đó để phục vụ. Nhưng tôi chỉ phỏng đoán thế thôi chứ không tài nào phát hiện được. Chợ An Đông bề ngoài trông vẫn nghiêm túc. Không một bóng dáng chị em ta nào lảng vảng. Thuở ấy nhóm bạn của tôi chia đôi. Một số ít đậu tú tài xong thì nhập ngũ. Số còn lại đông hơn có tôi trong đó tiếp tục đại học và được "hoãn dịch vì lý do học vấn". Có một thông lệ là mỗi lần có đứa nào từ mặt trận về phép Sài Gòn thì đám hậu phương chúng tôi phải chung tiền để bao nó đi chơi bời mà chúng tôi gọi là đi "xả xui". Xả xui thì độc có hai chỗ chúng tôi biết đến là Ngã Ba Chú Ía và ngã Lê Văn Duyệt đối diện Quân Vụ Thị Trấn. Cả hai chỗ này đều dơ dáy kinh khiếp nhưng tụi nó ở trong rừng cả năm kệt quá cỡ, được xả là khoái rồi, chẳng bao giờ chê bai.

Thế rồi bất ngờ một hôm tôi được dẫn đến một cái động rất sang mà lại chẳng phải đi đâu xa xôi. Nó ở ngay trên đầu chúng tôi, lầu ba chung cư An Đông! Anh bạn văn Trần Phong Giao của tôi ơi! Anh ở dưới tuổi vàng hãy thứ lỗi cho tôi tiết lộ chuyện này. Nói đến chung cư An Đông mà không nhắc đến anh và kỷ niệm này thì quả thiếu xót. Anh Giao hồi đó là chủ bút của tạp chí Văn. Anh là một người thật dễ mến, thật "tình thân" như anh luôn luôn viết thế khi kết thúc một bức thư gửi bạn bè. Năm đó anh xuất bản cuốn Tuyển tập Nhất Linh, trong đó có đăng bài "Niềm vui chết yếu" của tôi. Sách xuất bản xong, một bữa anh lái xe mô-bi-lét đến tìm tôi ở chợ An Đông. Gặp tôi ở trước cửa nhà anh móc ngay trong túi một cái phong bì, nhưng anh không đưa phong bì cho tôi, chỉ nói: "Trong này có 500 đồng tiền nhuận bút của anh. Anh có hai lựa chọn. Một là anh nhận cái phong bì này. Hai là anh nhận một món quà khác tương đương với giá tiền". Thấy tôi lưỡng lự anh nheo mắt bảo tôi: "Món này độc đáo lắm. Bảo đảm anh sẽ thích". Rồi không để tôi lựa chọn anh ra lệnh: "Đi theo tôi!". Nói xong anh khóa xe mô-bi-lét, lững thững bước đi trước. Ra đường Nguyễn Duy Dương anh dẫn tôi đến một cái cầu thang lên lầu ba của khu chung cư chúng tôi ở. Tôi đi theo anh mà lòng ngờ ngợ vực vực. Chưa bao giờ tôi bước chân lên lầu ba. Chúng tôi đi qua một hành lang rất dài, hai bên hành lang là một dãy cửa phòng đóng kín, tôi có cảm tưởng như là mình đang đi trong hành lang của một khách sạn lớn. Đến một phòng nọ anh gõ cửa. Cửa mở. Đầu của một cô gái Tàu thò ra. Chúng tôi vào phòng. Anh Giao nói mấy câu với cô gái rồi đưa cho cô ta cái phong bì. Xong anh lui ra, nháy mắt với tôi một cái, rồi khép cửa lại. Tôi nhìn căn phòng rộng trống hổng chỉ có một cái giường nệm lớn trái khăn trắng ở giữa phòng trong lòng phân vân không biết phải làm gì. Trong lúc đó cô Tàu vào buồng tắm mở nước vắn vòi hoa sen. Lát sau cô trở ra không mặc quần áo gì cả chỉ quấn một cái khăn tắm quanh người rồi cô ta ra hiệu tôi cởi quần áo để vào phòng tắm chung với cô.

Một tiếng đồng hồ sau bước xuống cầu thang tôi lẩm bẩm: “Thằng cha Giao này tài thiệt! Hắn ở xa tít thế mà biết hết mọi chuyện ở ngay trên đầu mình”. Trong đời viết văn vốn không nhiều nhận gì cho lắm của tôi đây là lần đầu tiên cũng là lần duy nhất tôi có tiền nhuận bút. Mà may quá tôi lại không nhận cái tiền nhuận bút ấy....”

Động từ “xả xui” nghe rất vui và có tính lý số hên xui nữa. Những street slangs tôi vẫn nhớ ngày xưa như “đá gà”, “đeo áo mưa”, “xả xui”, “úi bãi”, “thối kèn”, “xào khô”,... Mới đây sau 43 năm xa xứ tôi tình cờ đọc tác phẩm Thần Thánh Không Biết Yêu của nhà văn Nguyễn Thi Thanh Bình,, tôi tìm cái từ ngữ của thế kỷ trước, một thoáng kỷ niệm vui vui... “bắt bò lạc”. Quả thật, đọc Nguyễn Tường Thiết, ông có những văn tự dí dỏm, hóm hỉnh, và tinh nghịch.

Tác phẩm khác gần gũi với phong văn của Nguyễn Tường Thiết là bài “Bãi Ô Quẩn”, Vũng Tàu. Quê ngoại tôi ở thị xã Vũng Tàu. Câu truyện về nguồn gốc của Bãi Ô Quẩn hay tên khác của nó là Mũi Nghinh Phong vào thời Pháp được gọi là Pointe au Vent. Người Việt đọc trại ra hai từ “au vent” thành Ô Quẩn, sau đó lại dịch Pointe au Vent thành Mũi Nghinh Phong. Bãi tắm Ô Quẩn, nay rất ít có du khách hay dân địa phương xuống tắm biển ở nơi đây vì dòng chảy của nước rất nguy hiểm. Về hình thể, địa thế thì Mũi Nghinh Phong là mũi đất vươn dài ra phía Nam bán đảo Vũng Tàu. Nghinh Phong có nghĩa là đón gió. Mũi đất này đón gió 4 mùa, khí hậu mát mẻ dễ chịu. Mũi đất này vươn dài ra biển tạo hai Vịnh lớn và hai bãi tắm nổi tiếng, bãi Vọng Nguyệt (hay Ô Quẩn) và bãi Hương Phong (hay bãi Dứa). Chữ Ô Quẩn hay tên Tây “Au Vent” như vừa đề cập, có nghĩa là gió. Ở đây gió nhiều, nên người ta đặt tên mũi đất này là Nghinh Phong rất đúng nghĩa, và bãi tắm ở đây là Ô Quẩn, bãi tắm nhiều gió. Nghinh Phong đón gió thổi suốt năm như vậy, gió biển mát rượi

khi ta ghé đây hóng gió biển. Xa xa ngoài khơi là bồng đảo Hòn Bà... Bãi Ô Quẩn hay Vọng Nguyệt rất nổi tiếng vì thắng cảnh rất đẹp. Nếu quý vị độc giả thích sóng lớn, thích một bãi tắm riêng rẽ, đây là bãi tắm của quý vị vậy, vui trượt sóng. Ở đây sóng nhiều, nước trong và sạch, hơi sâu hơn ở bãi Trước và bãi Sau. Những lúc hoàng hôn phủ xuống không gian Au Vent khi trăng lên, ngắm nhìn những làn sóng bạc tung tăng nô đùa ở đây lấp lánh, ôi sao đẹp tuyệt vời quá...

Những tiểu thuyết hay phim tình cảm lấy biển làm bối cảnh dựng phim như Titanic, Endless Love, truyện tình yêu tuổi trẻ lãng mạn hay N'oublie Jamais (của Nicholas Sparks, The Notebook), tình cảm trẻ trung giữa cặp đôi Noah và Allie. Truyện Au Vent của nhà văn Nguyễn Tường Thiết cũng mang nét lãng mạn như “P.S.: I love you” (của nhà văn nữ Cecelia Ahern, P.S. – Je t'aime) giữa 2 người trẻ Holly và Gerry. Nguyễn Tường Thiết kể chuyện “Bãi Pointe au Vent”, một chuyện tình cảm man mác nhẹ nhàng, đan xen nét lãng mạn của chuyến đi chơi ở Bãi Ô Quẩn có hai mẹ con bà Simone và Gabrielle, Paul là bạn của Gabrielle, Họ chia chung kỷ niệm tại biển này. Về sau cha Gabrielle là một sĩ quan Pháp bị tử trận tại Điện Biên Phủ. Hai mẹ con bà Simone về Pháp. Paul giữ kỷ niệm đẹp với 2 người Pháp này. Tác giả lồng vào truyện 2 bài tình ca Pháp xa xưa thật hay, và cốt truyện có Étoile des neiges và Moulin Rouge với kỷ niệm Edith Piaf trong nét bút diễn tả của nhà văn Nguyễn Tường Thiết. Chút lời nhạc ... Ta kết hôn vào mùa xuân, sao tuyết lại lau khô đôi mắt xinh đẹp của em? Pour nous marier dès le printemps... Étoile des neiges, sèche tes beaux yeux (Etoile des neiges do NS. Franz Winkler – 1906-1962)

Line Renaud – Etoile des neiges;
<https://www.youtube.com/watch?v=koQ9LpUnCs8>.

Khoảng năm 1970, khi về Cấp nghỉ hè tôi nhớ tại bãi Ô Quấn có chiếc tàu buôn khá lớn bị sóng đánh trôi dạt vào bãi biển này. Ô Quấn là một trong những bãi biển đẹp của Vũng Tàu. Tôi thích bãi này mỗi khi tìm sự thanh tịnh trong chuyến hè. Au Vent biểu tượng cho chồn mát mẻ cũng như vắng vẻ. Au Vent với tôi như bãi Playa del Carmen (ở bán đảo Yucatan, Mexico), khúc gần điểm nghỉ mát Riviera Maya và Las Brisas. Pointe au Vent cũng cho ta vẻ trầm mặc, tĩnh mịch như bãi Codo Playa thuộc đảo Bermudas, Caribbean. Những nơi lý tưởng để ta trốn tránh cảnh ồn ào, huyên náo của xã hội đô thị lớn. Xin nghe tiếp bài ca thứ 2 do danh ca “Sẽ nhỏ” Édith Piaf (le petit moineau) hát nhé...

Édith Piaf chante la grand chanson Moulin Rouge:
<https://www.youtube.com/watch?v=whgqqKiyWI>

Kể tiếp xin theo dõi nhà văn Nguyễn Tường Thiết qua bài viết: “Vài kỷ niệm với thầy Lưu Trung Khảo”

“Mười năm trước đây, năm 2003, tôi có viết một hồi ký nhan đề “Mưa đêm cuối năm” thuật lại những kỷ niệm của tôi với nhà văn Võ Phiến. Trong hồi ký ấy tôi kể lại lần đầu tiên tôi biết tới nhà văn Võ Phiến là do sự giới thiệu của thầy giáo dạy môn Việt văn của tôi, thầy Lưu Trung Khảo. Sau đây là một đoạn văn trích từ bài viết “Mưa đêm cuối năm” ấy:

1958 – Bút danh Võ Phiến tôi nghe đầu tiên từ cửa miệng thầy giáo tôi, trong một chuyến du ngoạn ở Tây Ninh. Năm ấy tôi học lớp Đệ Tứ trường trung học Chu Văn An Sài Gòn. Cái tuổi còn mộng mơ. Giờ học tôi thường lơ đãng nhìn ngoài cửa sổ có cây phượng đại thụ thông xuống chỉ chít những quả đen dài queo quắt. Nhưng vị thầy trẻ tuổi dạy môn Việt văn của chúng tôi lại cứ bắt tôi về với thực tế. Thực tế lại không hay ho gì lắm. Những ngày nóng bức từ nhà xí sát cạnh lớp một mùi khai khai thoảng nhẹ qua hoà vào những lời giảng thơ văn của thầy. Biết tôi là con một nhà văn tên tuổi, thầy cứ chắc mẫm là tôi phải xuất sắc về môn học

của mình. Thầy không để tôi yên. Bình giải thơ Nguyễn Công Trứ xong thầy cho chúng tôi 20 phút viết phần dẫn nhập bài luận đề, thầy nói là sau đó thầy sẽ kêu tên một hai trò trong lớp đọc to cho cả lớp nghe và cho điểm. Nói xong thầy liếc xéo về phía tôi. Tự nhiên tôi có linh cảm chắc chắn thầy sẽ kêu tên mình. Thế là trong lúc hai thằng bạn ngồi cùng bàn Đỗ Diễn Nhi và Tạ Huy Sáng đánh cờ ca-rô thoải mái thì tôi hốt hoảng nặn bút viết. Mà viết phải cho hay để khỏi mất mặt ông cụ! Tôi nhớ là mình mới đọc có dăm câu: “Ảnh hưởng của tư tưởng Lão Trang trong nền thi giới nước ta...” tức thì ở dưới “đám nhà lá” đã có tiếng trầm trồ khen hay! Cái đám vờ vĩnh đó chúng khen xúi tôi để lần tới thầy lại tiếp tục gọi tên tôi nữa.

Cuối niên học, thầy Việt văn của chúng tôi hướng dẫn lớp Đệ Tứ B đi du ngoạn Tây Ninh. Chúng tôi lên đây một xe buýt. Đến Tây Ninh chúng tôi leo núi Bà Đen và thăm thánh thất Cao Đài. Đó là chuyến du ngoạn duy nhất trong đời học sinh của tôi. Ngày hôm ấy theo lịch trình thì xe buýt phải quay lại đón chúng tôi lúc hai giờ trưa để về Sài Gòn nhưng không biết sao đến ba giờ cũng chưa thấy xe tới. Buổi trưa trời hè nóng gay gắt. Tôi mệt đừ ngồi bệt xuống vỉa hè đường dưới bóng mát hiem hoi của hàng cây sao cao vút. Trên một khúc đường rộng đâm vào tòa thánh thất mấy chục học sinh với đồng phục quần xanh áo trắng đứng ngồi tản mạn từng đám. Bỗng thầy Việt văn lại gần, thầy ngồi xổm nói chuyện với tôi. Chúng tôi nói về sinh hoạt văn nghệ. Hồi đó ông cụ tôi đang chủ trương nguyệt san Văn Hóa Ngày Nay. Trong câu chuyện thầy vụt hỏi tôi: “Em đã đọc Mưa Đêm Cuối Năm chưa?”. Tôi trả lời thầy là tôi chưa đọc. Thầy nói: “Em nên tìm đọc. Võ Phiến viết hay lắm!”. Võ Phiến? Cái tên lạ hoắc!

Mười năm sau, vào mùa hè năm 2013, tôi nhận được e-mail của anh Trần Việt Hải ngỏ ý xin một bài viết của tôi để in trong cuốn sách “Kỷ niệm về GS. Lưu Trung Khảo” sẽ được xuất bản

trong dịp mừng thượng thọ thầy Khảo 80 tuổi. Tôi rất hân hạnh được đóng góp một chút trong cuốn sách này vì thầy Khảo là một vị thầy khả kính mà tôi luôn luôn quý trọng. Hơn nữa tôi có một vài kỷ niệm với thầy mà tôi không bao giờ quên. Bình thường kỷ niệm giữa thầy và trò thường chỉ giới hạn trong không gian một mái trường và trong thời gian một niên học. Hết niên học thì thầy trò chia tay, mỗi người mỗi ngả, và hầu như suốt đời không gặp lại nhau. Trường hợp của tôi với thầy Khảo thì khác. Ở Sài Gòn, nhiều năm sau niên học 1957-58, tôi vẫn liên lạc với thầy Khảo, một phần vì tôi là học trò “cưng” của thầy, phần khác vì tôi là con của nhà văn Nhất Linh, người mà thầy Khảo ngưỡng mộ và kính trọng một cách đặc biệt.

Năm 1973, mười lăm năm sau khi chia tay với thầy Khảo lớp Đề Tứ B, tôi đến nhà thầy ở đường Bùi Thị Xuân, Sài Gòn, để tặng thầy cuốn tiểu thuyết Xóm Cầu Mới của Nhất Linh do tôi vừa xuất bản. Năm ấy tôi tìm lại được bản thảo cuốn tiểu thuyết Xóm Cầu Mới của ông cụ tôi đã bị thất lạc từ 10 năm trước sau khi ông cụ tôi qua đời. Mặc dù cuốn tiểu thuyết này chưa hoàn tất tôi cũng quyết định xuất bản, đánh dấu ngày hoạt động lại của nhà xuất bản Phương Giang do ông cụ tôi chủ trương từ năm 1952. Trông nom và điều khiển một nhà xuất bản đòi hỏi rất nhiều thì giờ mà lúc bấy giờ tôi không có vì tôi đang bị kẹt trong quân đội, phục vụ tại Tổng cục Chiến tranh Chính Trị với cấp bậc Trung úy. Nói chuyện với thầy Khảo tôi được biết thầy đang làm việc ở Bộ Quốc Gia Giáo Dục với chức vụ Chánh Văn Phòng cho ông Thứ trưởng Nguyễn Danh Đan. Tin này làm loé trong trí tôi một tia hy vọng là thầy Khảo có thể giúp tôi ra khỏi quân đội bằng cách biệt phái tôi về giáo chức....”

Nguyễn Tường Thiết là ai?

Nhà văn Nguyễn Tường Thiết qua những dòng kể chuyện trên, bây giờ hãy nhìn qua đôi chút nét tiểu sử thì ông sinh năm

1940 tại Hà Nội. Con út nhà văn Nhất Linh. Tốt cử Nhân Khoa Học tại Đại Học Sài Gòn. Trước 1975 là giáo sư dạy Toán Lý Hóa. Ông còn phụ trách nhà xuất bản Phương Giang năm 1973. Qua Mỹ năm 1975, làm chuyên viên hóa chất tại tiểu bang Washington. Về hưu tháng 05/06/2005. Cộng tác với Thế Kỷ 21 từ năm 2002. Tác phẩm đầu tay: Hồi ký Nhất Linh Cha Tôi, xuất bản tháng 7/2006, đúng 100 năm ngày sinh của Nhất Linh.

Đây là chút nét thôi. Năm 2005 khi tôi sinh hoạt trong nhóm văn Đồng Tâm, nhân dịp sang Dallas và Houston để ra mắt sách về nhà văn Doãn Quốc Sỹ. Một hôm ghé nhà thăm chị Phụng và nhà văn Đào Vũ Anh Hùng tại Dallas – Fort Worth, trong buổi nghỉ ngơi và đàm đạo văn chương tại tư gia anh chị Phụng Hùng, Anh Hùng nhắc đến tên “Nguyễn Tường Thiết”. Tôi thắc mắc bỗng hỏi anh nhà văn ấy là ai vậy, chưa biết, chưa bao giờ đọc qua cả. Anh Hùng cho ngay một màn giới thiệu chút nét như trên. (Nguyễn Tường Thiết: <http://nguyentuongthiet.free.fr/>)

Năm 2013 chúng tôi thực hiện sách “Lưu Trung Khảo, Dưới Mắt Nhìn Của Bạn Bè”, tôi đi xin bài khắp nơi, được biết GS. Nguyễn Tường Thiết có lúc học với GS. Khảo, tôi bèn gõ cửa xin bài. Ông cho bài rất nhanh, tôi đọc bài nhận đồng hương ngay, bởi vì ông du ngoạn nơi quê hương tôi. Ông còn leo núi Bà Đen và ghé thăm Thánh Thất, ăn cơm chay Cao Đài. Thầy Khảo đùa nhận nhau được đấy. Thầy biết tôi người Tây Ninh. Tôi đùa lại: “Quá được Thầy chứ! Ăn cơm chay Cao Đài, mà lại thuộc gia đình danh giá vọng tộc Nhất Linh nữa.”

Năm lớp 12 khi vào phòng thi tú tài môn Việt văn. Đề thi bảo tôi viết essay về tác phẩm Đoạn Tuyệt. Trước đó đám học trò niên khóa 72 “Mùa hè đỏ lửa” chúng tôi kháo nhau năm nay “Nửa Chừng Xuân” hay “Đoạn Tuyệt”. Tôi cá với chúng bạn “Đoạn Tuyệt” (vì bố tôi đặt tên cho anh cả của tôi là Dũng). Giá như bố đặt tên ấy là Lộc, tôi đổi deal cá độ chứ nhì ? Tú tài tôi đỗ cao

không khó một phần chắc là nhờ cụ Nhất Linh phò hộ nhắc tường truyện kể vậy.

Nhờ cụ Nhất Linh cho đỡ Tú tài, nên chỉ khi sang Mỹ tôi lục tục theo ngành văn. Tôi đọc những tác phẩm của cụ. Một trong những bài tôi đọc là “Đỉnh Gió Hú”, của Emily Brontë, Cụ dịch dang dở do cụ mệnh chung vì biến cố chính trị thuở ấy, và ra hải ngoại nhà văn Nguyễn Tường Thiết hoàn tất nó. Theo ông Thiết thì cụ Nhất Linh rất tâm đắc tiểu thuyết này của nhà văn Brontë.



Tác phẩm duy nhất và nổi tiếng của nữ nhà văn người Anh, Emily Brontë, là quyển Wuthering Heights, đại để thì “Đỉnh Gió Hú” là một truyện tình lãng mạn, bi ai vì yêu nhau mà không thành, rồi sinh lòng thù hận, cốt truyện xảy ra nơi miền đồng hoang Haworth, vùng West Yorkshire, bên Anh quốc, tác phẩm đưa tâm hồn độc giả qua những cảm giác bi thảm vì sự buồn bã, ảm đạm nhất trong loại chuyện hư cấu. Vào cuối thế kỷ 18, phong trào lãng mạn (romanticism) đã tràn vào nước Anh và nền văn

học Anh có bộ môn văn chương đáng lưu ý nhất là thi ca, thi phú (poetry). Đề cập đến phong trào lãng mạn này của nước Anh, chắc hẳn phải nói đến những tài danh như Lord Byron, Samuel Taylor Coleridge, Robert Burns, Percy Bysshe Shelley, William Wordsworth, John Keats, William Blake,... Hãy kể thêm nhà văn nữ Jane Austen, người được xem như thuộc trường phái lãng mạn cổ điển, nổi bật qua các tác phẩm Sense and Sensibility (1811), Pride and Prejudice (1813), Mansfield Park (1814) và Emma (1815). Và đến cuối giai đoạn của phong trào lãng mạn này bỗng xuất hiện là những ngòi bút gây sóng gió cho văn chương Anh là những chị em nhà Brontë với các danh tác như Jane Eyre (Kiều Giang), Villette và Wuthering Heights (Đỉnh Gió Hú). Đọc lời giới thiệu sách của nhà văn Nguyễn Tường Thiết khi giới thiệu tác phẩm Wuthering Heights, ông viết:

“Đỉnh Gió Hú là tác phẩm dịch thuật duy nhất của văn hào Nhất Linh. Ông đã dành những giờ rảnh hiếm hoi trong cuộc đời rất bận rộn của ông để dịch cuốn Wuthering Heights này từ nguyên tác Anh ngữ phối hợp với bản Pháp ngữ Les Hauts de Hurle-Vent của dịch giả Frédéric Delebecque. Đầu tiên ông dịch nhan truyện là Mỏm Gió Hú, về sau được sửa thành Đỉnh Gió Hú trước khi đăng một phần trên Nguyệt san Tân Phong (Sài Gòn, Việt Nam) vào năm 1960.” kể tiếp về bản dịch của thân phụ Nhất Linh, ông viết:

“Trong bản thảo viết tay mà chúng tôi hiện giữ có ghi những mốc thời gian từ lúc khởi dịch cho đến khi kết thúc: 19-12-1952, 21-8-1953, 27-6-1960 và 18-1-1962. Như vậy, sau khi viết xong cuốn tiểu thuyết sau cùng Giòng Sông Thanh Thủy vào năm 1961, Nhất Linh đã cố gắng mà không dịch xong Đỉnh Gió Hú trước khi ông qua đời vào ngày 7-7-1963... Năm 1974 chúng tôi phụ trách nhà xuất bản Phương Giang có nhờ nhà văn Bảo Sơn dịch tiếp và Đỉnh Gió Hú được xuất bản lần đầu tiên năm 1974 tại Sài Gòn, Việt

Nam... Hiện nay vì không có trong tay ấn bản của nhà Phụng Giang để in lại, nên chúng tôi quyết định đánh máy từ bản thảo của Nhất Linh và tự dịch tiếp một số chương cuối để hoàn tất và tái bản cuốn truyện giá trị này. Chúng tôi cố gắng theo sát tinh thần dịch thuật của văn hào Nhất Linh để giữ cho hơi văn toàn tác phẩm được thuần nhất."

Nhà văn William Somerset Maugham đã chấm tác phẩm Đỉnh Gió Hú là một trong mười cuốn tiểu thuyết mà ông cho là hay nhất của mọi thời đại, (selected by W. Somerset Maugham as one of the 10 greatest novels of all time). Dịch giả Nguyễn Tường Thiết viết tiếp: "Dịch giả Nhất Linh đã ca tụng Đỉnh Gió Hú như là một trong những cuốn truyện hay nhất thế giới. Trong cuốn biên khảo của ông Viết và đọc tiểu thuyết Nhất Linh đã xếp Đỉnh Gió Hú vào "những sách hay của nhân loại, đời đời công nhận, có giá trị bền mãi với thời gian, như những cuốn Chiến tranh và Hòa bình, Anna Karenina, Tình nghĩa vợ chồng, Một bản đàn của Tolstoi, cuốn Những linh hồn chết của Gogol, cuốn Mấy anh em Karamazov, Những người bị ám ảnh của Dostoevsky...". Cũng theo cuốn biên khảo đó, Nhất Linh còn viết: "Trong cuốn sách lạ lùng của nữ văn hào Anh quốc Emily Brontë, cuốn Đỉnh Gió Hú, xuất bản năm 1847, tác giả đã để một người vú già kể chuyện lại. Một vú già kể chuyện thì còn làm gì có những chỗ giảng giải về tâm hồn, ý nghĩ nhân vật nữa, tuyệt nhiên không có, tuyệt nhiên vú già chỉ là người đứng ngoài thôi. Thế mà chỉ bằng một giọng kể chuyện rất thường, bằng những chi tiết, vú già đó đã cho người ta thấy tất cả cái sâu xa của tâm hồn người trong truyện."

Bài viết này tôi ghi nhận những bài văn của nhà văn Nguyễn Tường Thiết trong một cung cách hay qua những ý tưởng nào đó mà tôi cảm nhận sự gần gũi với ông từ chuyện Tây Ninh và Thầy Khảo, sang chuyện căn nhà 39 Chợ An Đông có tiệm cơm Siu Siu, vốn gần gũi 2 inches với dạ dày của tôi. Rồi chuyện Bãi Ô Quẩn,

Pointe au Vent với nàng Gabrielle và chàng Paul, une histoire d'amour légère est racontée, tôi thắc mắc nếu Paul được chuyển ngữ là Thiết tha.... và sau nữa là chuyện tình bi ai về tác phẩm Wuthering Heights của Emily Brontë đã nêu, mà nhà văn Nhất Linh và nhà văn Nguyễn Tường Thiết hỗn hợp hoàn thành dịch phẩm này.

Bài viết này khá dài vì tôi cố ý dùng nhiều trích đoạn văn và ý tưởng của nhà văn Nguyễn Tường Thiết để người đọc đọc thẳng, thay vì phải chuyển tham khảo link từ sách sang hệ thống www như đọc văn online, như vậy sẽ phức tạp quá. Những con chữ đã nhiều, tôi xin được dùng con chuột (mouse) ở đây. Văn và kỷ niệm mãi mãi trong tâm hồn của người viết bài, nơi có Tây Ninh, Vũng Tàu, Khu An Đông có tiệm Cơm Gà Siu Siu, và Đại học Cal State Nothridge, nơi môn văn học có Emily Brontë và Wuthering Heights. Và trong trường hợp này, nhà văn Nguyễn Tường Thiết đã cho tôi những áng văn tưới mát tâm tư. Million de mercis. Chấm hết.

Viết Hải Los Angeles

05/21/2019

GIA ĐÌNH NGUYỄN TƯỜNG: VINH QUANG VÀ BI KỊCH

Mặc Lâm



Nhà văn-Họa sĩ Duy Lam – connectionnewspaper.com photo

Duy Lam tên thật Nguyễn Kim Tuấn ông sinh năm 1932 tại Hà Nội, là con ông Nguyễn Kim Hoàn (mất năm 1963, Sài Gòn) và bà Nguyễn thị Thế. Mẹ ông là em gái của Nhất Linh, Hoàng Đạo và là chị Thạch Lam; mất năm 1997 tại Hoa Kỳ.

Tác phẩm của ông gồm truyện ngắn Chồng Con Tôi, Ngày Nào Còn Đàn Bà, Nỗi Chết Không Rời, Em Phải Sống, Hồi ký Gia Đình Tôi. Truyện dài Cái Lưới, Lột Xác.

Ngoài viết văn Duy Lam còn là một họa sĩ tài năng, ông vẽ rất sớm và mới đây có cuộc triển lãm tranh tại tiểu bang Virginia, Hoa kỳ.

Chúng tôi may mắn gặp nhà văn, họa sĩ Duy Lam trong lần triển lãm này và ông cho phép được hỏi đôi điều có liên quan đến Nhất Linh, cha đẻ của Tự Lực Văn Đoàn cũng là người cậu ruột thân thiết của ông.

Binh Bộ Thượng Thư

Nói về cuốn hồi ký mà mẹ ông, bà Nguyễn Thị Thế, viết về gia đình Nguyễn Tường ông cho biết:

" Ông Nhất Linh là bác tôi vì mẹ tôi là em ruột của ông có viết cuốn Hồi ký của gia đình Nguyễn Tường-Nhất Linh-Hoàng Đạo - Thạch Lam. Tôi đã tái bản đến ba lần. Mẹ tôi viết sau khi ông mất và đó là điều đáng tiếc. Chắc ông rất thú vị vì em gái của mình mà ông rất quý cũng đã viết hồi ký. Cuốn hồi ký được nhắc nhiều nhất trong văn học. Nhắc đi nhắc lại, trích trong văn chương Việt Nam.

Khi quyển hồi ký ra đời vào năm 1968 ở Sài Gòn thì nó đã làm cho tất cả các sách giáo khoa phải thay đổi vì cái gọi là gốc gác của họ Nguyễn Tường là ở Cẩm Phô, Quảng Nam. Trước đó không ai hề hay biết. Trong sách học thì ghi là Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam sinh ở Hải Dương, không nói gì đến gốc gác của họ Nguyễn Tường, là một giòong dõi quan từ đời ông Nguyễn Tường Vân là Binh Bộ Thượng Thư của vua Gia Long. Chữ Tường là bởi vua Gia Long đi đến chân núi Phước Tường, Hội An thì hỏi mọi người núi này là núi gì, ông trả lời "Thưa Chúa đây là núi Phước Tường". Vua Gia Long nói với ông Nguyễn Tường Vân đi bên cạnh là hầu cận rất thân: "Phước là họ ta nhưng Tường thì ta ban cho

nhà người". Từ đó trở đi thì mới là họ Nguyễn Tường, trước thì chỉ Nguyễn không thôi.

Cụ Nguyễn Tường Vân có làm Đại sứ cho vua Gia Long sang nước Trung hoa thời nhà Thanh. Ở nhà tôi có một bức hình chụp cụ Nguyễn Tường Vân do nhà Thanh vẽ tôi có triển lãm trong các ngày lễ văn hóa ở các trường trung học ở Đà Nẵng năm 1971. Bức hình đã lâu đời hết sức nhưng màu vẫn còn đẹp nguyên."

- Thừa nhà văn Duy Lam, chúng tôi rất muốn biết điều gì đã xảy ra sau khi nhà văn Nguyễn Tường Tam vào Sài Gòn và thu nhận thêm một vài thành viên nữa cho Tự Lực Văn Đoàn, mặc dù lúc ấy sức thu hút của Văn đoàn này không còn mạnh mẽ như trước nữa?

- Về chuyện ông bác tôi thì tôi có giải thích một lần trong báo Người Việt tại sao ông Nhất Linh lại làm cái gọi là Tự Lực Văn Đoàn mà thêm giễu đùa là "nối dài". Vào năm 1953 ông có làm "chức thư văn nghệ" và đề nghị đưa tôi và Nguyễn Thị Vinh và anh Tường Hùng ở Tự Lực Văn Đoàn lớp sau. Những người trong lớp văn học cũng có thể trả lời tại sao ông lại làm Tự Lực Văn Đoàn lớp hai. Lớp hai chứ không phải là thế hệ hai vì Vinh là người cùng thời với ông ấy và là đồng chí của ông nữa. Phía ở Hà Nội vào lúc hoạt động chính trị, ông Trương Bảo Sơn chồng bà là một đồng chí của ông Nhất Linh.

Điên? Mưu kế chính trị!

- Còn câu hỏi về sự tự vẫn của Nhất Linh tuy đã được bàn rất nhiều trên báo chí nhưng đâu đó vẫn còn những câu hỏi cho rằng Nhất Linh có vấn đề tâm thần dẫn tới cái chết của ông ấy...

- Đến bây giờ mọi người vẫn không chịu tìm hiểu gốc gác các câu chuyện tại sao, động cơ nào đã khiến ông Nhất Linh tự vẫn. Tôi làm việc với ông Nhất Linh nhiều nhất, khi tôi bắt đầu viết truyện theo sự huấn luyện và kèm của ông thì tập "Chồng con tôi"

ra đời và do ông chọn. Ông sửa một truyện của tôi đến 4,5 lần nhưng tôi chịu được sự kỷ luật đó. Vì thế tôi mới được coi là người có lối văn Dostoyesky đầu tiên ở trong văn chương Việt Nam, như ông Nguyễn Văn Trung có nói đến chuyện đó.

Lúc viết truyện ngắn tôi còn đang đi học ở Chu Văn An, lớp đệ tứ mới 19 tuổi. Ông Nhất Linh vô Sài Gòn trước năm 1952. Ông ấy gửi cho tôi, bà Vinh và anh Hùng mỗi người một tờ giấy viết tay cho chúng tôi vào Tự Lực Văn Đoàn làm tôi hết sức ngạc nhiên vì tôi chỉ mới là cậu bé 19 tuổi. ⁽¹⁾

Tiện đây tôi cho anh biết rằng lý do tại sao ông ấy lại làm ra vẻ điên như vậy vì ông ấy nói với tôi vào thời tôi đến chơi ở Đà Lạt với ông: "Đời bác lắm khi phải giả vờ để tránh sự chú ý của Pháp. Có một lần bác phải giả điên điên, đại đại một thời gian. Rồi sau này thì nói khỏi rồi".

Trong cuốn sách của ông Tú Mỡ có nói đến đoạn đó. Đó chẳng qua là một mưu kế chính trị mà một người như ông phải làm thôi. Đó là lần thứ nhất. Lần thứ hai, lần này thì mẹ tôi có ghi trong cuốn hồi ký là năm 60, ông ở nhà bà ngoại tôi là mẹ ông ở 58 Lý Thái Tổ (mà sau này tôi vô ở cùng) thì cảnh sát đứng rình chung quanh nhà. Như mẹ tôi nói "anh Tam lấy giấy tờ vứt ra cửa sổ", rồi nói năng lảm nhảm để giả vờ mình bị điên. Thế nhưng cái đó không phải là lần đầu tiên. Ngày trước bác đã giả vờ điên rồi. Cái đó có ghi trong sách nhưng không ai đọc sách cả. Trong cuốn hồi ký của mẹ tôi đã in đến lần thứ ba. Mẹ tôi còn khôi hài "giả bác vất tiền ra thì mẹ đến mẹ nhặt". Hai lần giả vờ điên thế nhưng người ta cứ bảo ông Nhất Linh tự tử chống Ngô Đình Diệm là vì ông điên. Tôi sợ họ không đọc sách cho kỹ nên họ mới là người điên.

Đút đời - Gây dựng lại

- Quay trở lại Tự Lực Văn Đoàn, ông có thể cho biết thêm tâm sự của Nhất Linh về đứa con tinh thần này như thế nào...

Ông ấy có tha thiết với nó hay chỉ là một phương tiện để hoạt động cách mạng? Nhất là sau khi những cây bút chính rút lại miền Bắc?

– Cuộc chiến tranh ý thức hệ đã làm đứt đôi Tự Lực Văn Đoàn. Ông Nhất Linh than thở với tôi: “Bây giờ bác vào đây có mỗi mình bác. Xuân Diệu, Tú Mỡ, Thế Lữ... ở ngoài đó đi theo cộng sản”. Mới đây anh Nguyễn Hưng Quốc diễn thuyết ở Người Việt cũng còn nhắc những người đều đi theo cộng sản hết. Ông Tú Mỡ được giải thưởng của Hồ Chí Minh về thơ trào phúng chống Pháp. Ông Thế Lữ là chủ tịch hội kịch nói. Ông Xuân Diệu là công thần của chế độ. Ba người đó là cộng sản bị đảng áp lực đã nhiều lần tố ông Nhất Linh là phản động và phủ nhận Tự Lực Văn Đoàn. Họ phải làm vậy thôi nếu không thì họ không thể nào sống nổi với cộng sản.

Như thế theo nguyên tắc họ không còn trong Tự Lực Văn Đoàn vì họ tự ý đã kích ông giám đốc của đoàn và tự ý rút ra. Những người Quốc gia ở Việt nam thời đó và những người Việt nam ở hải ngoại bây giờ tự hỏi mình có thể chấp nhận Tự Lực Văn Đoàn có 3 người cộng sản không? Chỉ còn có mỗi ông Nhất Linh, ông Hoàng Đạo mất ở hải ngoại, ông Thạch Lam mất sớm. Ông Khái Hưng thì bị Cộng Sản giết ở Cửa Gà cùng với anh của ông Nhất Linh là ông Nguyễn Tường Cẩm, chuyện đó là lịch sử rồi. Thế thì mình có chấp nhận Tự Lực Văn Đoàn có ba người cộng sản không?

Ông Nhất Linh nhiều lần nói chuyện với tôi ở nhà Hàng Bè. Vào Sài Gòn thì ông gửi cho chúng tôi “chức thư văn nghệ” năm 1953. Ông hay than thở với tôi là “Cái công lớn nhất của đời bác là làm Tự Lực Văn Đoàn nhưng bây giờ vì chính trị, anh em tan nát ra cả. Không biết họ có vào được miền Nam không”.

Dĩ nhiên ông ấy có nhiều lần khóc, khó lòng mà không khóc được. Những ngày tết nhất nhớ lại Tự Lực Văn Đoàn ngày xưa

của ông, nhớ lại những người đã chết, ông Tường Cẩm bị Cộng Sản bắt đi và bị giết chết. Vì những nỗi buồn đó mà ông ấy có nói với tôi “vì thế mà bác mới làm Tự Lực Văn Đoàn để đưa những tay bút mới” như một bài thơ có nói “Tự Lực Văn Đoàn rồi phải trôi lên”. Phải phục hưng tinh thần của Tự Lực Văn Đoàn nếu không chúng ta sẽ bị những người cộng sản chiếm đa số.

Vinh quang và bi kịch

– Số phận của gia đình Nguyễn Tường hầu như gắn liền với một giai đoạn lịch sử... Là thành viên trong gia đình này nhà văn có cảm tưởng ra sao khi có người so sánh với gia đình Kennedy của Mỹ, cũng vinh quang nhưng đầy bi kịch...

– Gia đình tôi cũng giống như gia đình Kennedy ở bên Mỹ này, những thành viên trong gia đình đều làm chuyện công ích và chính trị. Họ Nguyễn Tường ở trong nước Việt Nam nhỏ bé cũng liên hệ đến chính trị cùng với các đồng chí. Ông Tường Cẩm thì bị Cộng Sản giết, ông Nhất Linh sau chết cũng vì chính trị. Ông Hoàng Đạo bị lưu vong mà phải chết sớm, cũng là vì chính trị. Cho nên có thể nói cái ảnh hưởng sâu rộng đến gia đình Nguyễn Tường và ảnh hưởng luôn đến Tự Lực Văn Đoàn. Làm đứt đôi Tự Lực Văn Đoàn luôn. Ông Nhất Linh ở vị trí của ông – người sáng lập ra đoàn, phải cố gắng phục hồi tinh thần của Tự Lực Văn Đoàn bằng đủ mọi cách. Đó là tinh thần của ông Nhất Linh, lúc nào cũng tiến tới, lúc nào cũng làm một cái gì mới. Đời không khuất phục được. Chính trị độc tài không khuất phục được. Cộng Sản không khuất phục được. Thế mới là ông Nhất Linh chứ mà lùi và xóa bỏ đi Tự Lực Văn Đoàn thì chuyện đó là chuyện tự nhiên, không ai nói gì được. Tinh thần ông ấy là như vậy, tôi biết bác tôi. Ông ấy bảo tôi: “Cháu phải cố gắng”.

– Xin cảm ơn nhà văn, họa sĩ Duy Lam.

Nguồn: http://www.rfa.org/vietnamese/in_depth/interview-with-the-youngest-member-of-tu-luc-van-doan-08242013103530.html

⁽¹⁾ tờ giấy viết tay mà nhà văn Duy Lam nói tới là bản "chức thư văn học" của Nhất Linh nhan đề "Giao thừa năm Quý Tỵ 1953" trong đó có đoạn nguyên văn như sau: "Trong bảy tám nhà văn mới chọn lọc được trong hai năm nay, tôi thấy có ba nhà văn chắc chắn xứng đáng là nhân viên Tự Lực Văn Đoàn và tôi tin anh Đỗ Đức Thu cũng như mấy anh em mất tích sau này trở về, cũng như tôi sẽ bỏ phiếu bầu một khi ba nhà văn đó có đủ số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Ba người đó là Nguyễn Thị Vinh, Tường Hùng và Duy Lam". Như vậy ba nhà văn đó chỉ có thể là thành viên của TLVĐ sau khi đạt được cả hai yêu cầu: 1) được đa số thành viên chính thức TLVĐ bỏ phiếu bầu và 2) hội đủ một số sáng tác để sự quyết định có căn cứ. Dựa vào bản chức thư này chúng ta thấy rõ tinh thần DẪN CHỦ trong phương thức làm việc của Tự Lực Văn Đoàn; dù Nhất Linh có là chủ soái, ông không thể đơn phương quyết định mọi chuyện. Ngoài ra cũng nên nhớ rằng thời điểm Nhất Linh viết bản "chức thư văn học" này là năm 1953, một năm trước khi đất nước chia đôi. Lúc đó ông không biết chắc chắn là Khái Hưng đã bị thủ tiêu (chỉ tin là mất tích) và cũng không biết những thành viên TLVĐ khác ai là người sẽ ở lại Bắc, ai là người sẽ vào Nam khi đất nước chia đôi." (chú thích của Nguyễn Tường Thiết).

VIẾT VỀ NHÀ VĂN THẠCH LAM

Dương Tử



Photo: Chân dung Thạch Lam dưới nét vẽ của Đinh Cường.

Việt Hải hỏi tôi cho dự án sách về "Tự Lực Văn Đoàn và Các ngôi bút hậu duệ" một bài viết về nhà văn Thạch Lam, tôi đoán VH thích nhà văn này. Với tôi, Thạch Lam là một trong những ngôi bút sáng chói của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Văn phong, ngôn ngữ của ông khá đặc biệt, đượm nét dễ hiểu, không cầu kỳ mà lại

làm say đắm độc giả khi đọc các tác phẩm của ông. Những tác phẩm của ông có nội dung sâu xa, có những thâm trầm và kín đáo. Mỗi truyện ngắn của nhà văn Thạch Lam như một chuỗi thơ hàm súc, và cốt cách man mác với một chút thi vị, cho người đọc những cảm xúc tinh tế. Truyện văn xuôi ươm mầm với một phong cách ngôn ngữ rất độc đáo và đặc trưng cho bút pháp của ông.

Nghệ thuật ngôn ngữ của Thạch Lam khá thanh tao, trong vẻ bình dị trong làng văn học Việt Nam, nhất là khuynh hướng tiểu thuyết. Lấy ví dụ như truyện ngắn "Gió lạnh đầu mùa" trong tập truyện "Gió đầu mùa" (in 1937). Truyện kể về cốt cách truyện ngắn Thạch Lam, khi hai chị em Lan và Sơn cảm nhận cô bạn láng giềng là cái Hiên vì gia đình nghèo mặc áo rách tả tơi giữa mùa đông rét buốt. Lan và Sơn lấy chiếc áo bông cũ của mẹ lên cho cái Hiên. Nhưng rồi bà mẹ của Hiên biết được Lan và Sơn ngang nhiên lấy chiếc áo của mẹ hai em này đem cho con mình, bà mang trả lại cho mẹ của Lan và Sơn. Mẹ Lan Sơn mới biết rằng gia đình láng giềng mình quá nghèo, làm nghề mò ốc bắt cua ngoài đồng, tiền bạc lại túng thiếu. Mẹ Lan Sơn cảm động nên bà cho mẹ cái Hiên mượn năm hào mà may áo cho cái Hiên. Đại ý truyện nói lên lòng nhân ái của trẻ thơ với nhau. Hãy nghe mẫu đối thoại bình dị như sau:

"Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

– Sao không lại đây, Hiên? Lại đây chơi với tôi.

Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn chơi với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước đến gần, trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

– Sao áo mày rách thế, Hiên? Áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.
- Sao không bảo u may may cho?

Sơn bấy giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiền rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn chơi cùng với Hiền, đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.
- Ừ, phải đấy, để chị về lấy...."

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui..."

Thạch Lam đã nhẹ nhàng tạo nên một dấu ấn đẹp để mãi trong lòng người mộ điệu yêu văn chương. Khi đông về nơi đất bắc, trời vừa bước vào những cơn giá rét, con người dân quê lam lũ vô cùng khổ sở. Đọc Thạch Lam, phong văn ông dùng cho thấy rõ nét chân chất. Ngôn ngữ văn trần thuật của Thạch Lam luôn hướng đến nét đẹp chân thiện mỹ của đời sống thường nhật, đi sát với xã hội bình dân. Ở những truyện ông thường dàn dựng có những cái nghèo nơi đất Bắc vào những thập niên 1930, Hãy xem truyện kể tiếp trong văn tập "Nắng Trong Vườn" (in 1938) của nhà văn Thạch Lam, qua truyện ngắn "Hai Đứa Trẻ" được nhiều người thích thú. Với phong cách văn chương hiện thực mà phần nào đó mô tả ký ức của tuổi thơ mình, tác giả đã xây dựng thành công về hình ảnh hai chị em Liên với những tâm trạng nghèo khổ đã khiến hai chị em phải bước vào cuộc sống mưu sinh phụ mẹ quá sớm. Hai chị em Liên qua những dòng văn rất

chân thực. Điểm chủ yếu là cái nhìn của Liên về cuộc sống và trách nhiệm vây quanh, khi đứa em An vô tư đã ngủ say trên đùi chị. Rồi hình ảnh chị Tí với gánh hàng nước kiếm được chẳng đáng bao nhiêu, bác phở Siêu với gánh phở cả đêm không bán được đồng nào, gia đình bác Sấm ngồi đánh đàn bầu "run rẩy", bà cụ Thi điên uống rượu rồi cười khanh khách đi vào trong đêm tối.... thật thương tâm.

Trong "Hai Đứa Trẻ" Thạch Lam cho thấy tất cả những con người đóng vai trong cuộc đời quần quật mưu sinh, truyện đã làm rõ sự nghèo đói và khốn khổ trong khu phố huyện, tất cả họ cứ lầm lũi, cặm cụi sống qua ngày như vậy trong bóng tối, với niềm hy vọng mà vẫn mong mỗi sẽ có cái gì đó tươi sáng hơn đến với cuộc sống. Rồi hai chị em Liên ngắm nhìn đoàn tàu, chuyến tàu đó là từ Hà Nội xuống, mang theo những ánh sáng và cả những ký ức tuổi thơ ăn kem xanh đỏ trên bờ hồ của hai chị em. Trong cuộc sống nghèo khổ ấy, chính những đứa trẻ cũng đã cảm nhận được cái khổ được vẽ bày ra ước mơ có một cuộc sống mới tươi đẹp hơn.

Ý nghĩa hình tượng hai chị em Liên và An là hai nhân vật mà Thạch Lam vừa tạo một sức hút riêng cho tác phẩm, vừa phản ánh một cái nhìn sâu sắc về cái nghèo của khu phố huyện. Tôi xem truyện đã nhận chân ra tác giả vẫn dùng lối văn giản dị, tả chân sinh hoạt của đời sống hàng ngày được đi vào trong phong văn Thạch Lam một cách tự nhiên.

Ôn qua tiểu sử thì Thạch Lam sinh ngày 07/07/1910 tại Hà Nội trong một gia đình công chức gốc quan lại, thuở nhỏ Thạch Lam chủ yếu sống ở quê ngoại tại phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Năm 1931 ông tham gia nhóm Tự Lực Văn Đoàn, và sớm có tác phẩm đầu tay "Gió Đầu Mùa", được độc giả đón nhận.

Ông ra đi ở tuổi 32 khi còn khá trẻ, để lại người vợ trẻ cùng với ba đứa con thơ trong cảnh nghèo. Gia đình đã an táng ông nơi nghĩa trang Hợp Thiện, Hà Nội. Sau khi Thạch Lam mất, vợ và các con ông có về sống ở Cẩm Giàng với bà mẹ chồng, bà Phan Nhu, một thời gian rồi di cư vào Nam. Thạch Lam có ba người con, hai trai một gái: Nguyễn Tường Nhung, Nguyễn Tường Đăng và Nguyễn Tường Giang... Người con gái lớn nhất của ông là Nguyễn Tường Nhung sau này kết hôn và trở thành phu nhân của trung tướng Ngô Quang Trưởng, vị tướng nổi tiếng giỏi và thanh liêm trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa.

Theo nhà văn Nguyễn Tuân: Lời văn Thạch Lam nhiều hình ảnh, nhiều tìm tòi, có một cách điệu thanh thản, bình dị và sâu sắc... Văn Thạch Lam mang động đầy những suy nghiệm, nó là cái kết tinh của một tâm hồn nhạy cảm và từng trải về cuộc đời. Thạch Lam có những nhận xét tinh tế về cuộc sống hàng ngày. Xúc cảm của Thạch Lam thường bắt nguồn và nảy nở lên từ những cảm tác chân thành đối với tầng lớp dân nghèo thành thị và cũng như ở thôn quê. Thạch Lam là nhà văn quý mến cuộc sống, trang trọng trước cuộc sống của mọi người chung quanh.

Ngày nay đọc lại văn Thạch Lam, vẫn thấy nét thanh tao, dù bình dị ở nhiều tác phẩm của ông, những tác phẩm có cốt cách và phẩm chất văn học... Đề cập về thiên chức của văn chương, nhà văn Thạch Lam cho biết: "Đối với tôi, văn chương không phải một cách đem đến cho người đọc sự thoát ly hay sự quên, trái lại, văn chương là một thứ khí giới thanh cao và đặc lực mà chúng ta có, để vừa tố cáo và thay đổi một cái thế giới giả dối và tàn ác, vừa làm cho lòng người đọc thêm trong sạch và phong phú hơn". Thạch Lam đòi hỏi văn chương ở nét cao trong phẩm chất trung thực của văn nghệ sĩ. Ông viết: "Sự thành thực chưa đủ cho nghệ thuật. Có thể, nhưng một nhà văn không thành thực không bao giờ trở nên một nhà văn giá trị. Không phải cứ thành thực là trở

nên một nghệ sĩ. Nhưng một nghệ sĩ không thành thực chỉ là một người thợ khéo tay mà thôi".

Vì mất sớm nên sự nghiệp văn chương của Thạch Lam nói về số lượng rất khiêm tốn, tuy nhiên vì giá trị nghệ thuật của nó rất cao nên ông vẫn được coi là một nhà văn lớn trong nền văn chương Việt Nam cận đại.

Các tác phẩm Thạch Lam gồm:

- 1- Ngày Mới, tiểu thuyết 1937.
- 2- Gió Đầu Mùa, tập truyện ngắn, 1937.
- 3- Nắng Trong Vườn, tập truyện ngắn, 1938.
- 4- Theo Giọng, nghị luận văn chương, 1941.
- 5- Sợi Tóc, tập truyện ngắn, 1942.
- 6- Hà Nội 36 Phố Phường, tùy bút, 1942.



Đặc biệt trong sáng tác, Thạch Lam luôn luôn quan niệm: "Cái đẹp man mác khắp vũ trụ, len lỏi khắp hang cùng ngõ hẻm, tiềm tàng ở mọi vật bình thường. Công việc của nhà văn là phải hiểu cái đẹp ở chính chỗ mà người ta không ngờ tới, tìm cái đẹp kín đáo và che lấp của sự vật cho người khác một bài học trông nhìn và thưởng thức". Bởi thế cho nên trong suốt sự nghiệp sáng tác của ông, dù viết về đề tài nào, ông cũng luôn đề cao đặc tính thẩm mỹ trong câu chuyện. Dù viết về cái nghèo, cái đói, cái khổ cùng quẫn, văn chương Thạch Lam vẫn đẹp. Điều đó cũng xuất phát từ chính tâm tư của con người tác giả.

Sinh thời, Thạch Lam vốn sống thực với niềm tâm cảm và nhân hậu, ông đi sâu vào thế giới nội tâm con người, biết quan sát cái bên trong, văn đi ẩn sâu vào những bí ẩn tâm lý. Tác giả đã hướng cái nhìn của mình vào những mặt khuất tối nhất trong thế giới nội tâm con người: dù ý tưởng khắc khoải của Liên truyện "Hai đứa trẻ", hay cái tâm lý thương người của 2 chị em Lan và Sơn trong truyện "Gió Lạnh Đầu Mùa".

Nói đến Thạch Lam không thể không nói đến tác phẩm "Hà Nội Băm Sáu Phố Phường". Đây là một dấu ấn đẹp của Thạch Lam dành cho Hà Nội với những nét đặc trưng của nó. "Hà Nội Băm Sáu Phố Phường" được đánh giá là một cuốn bút ký mang một áng văn đẹp trình bày rất rõ phong cách trong tâm hồn ông. Thạch Lam đã đem Hà Nội vào kho tàng

văn chương Việt Nam.

Đọc tác phẩm của Thạch Lam viết về Hà Nội có những món ăn, thi sĩ Đinh Hùng cho rằng: "Khiếu thường thức món ăn của Thạch Lam rất tế nhị, thận trọng và tinh vi trong việc từ lựa chọn miếng ăn, thức uống, từ món quà nhỏ mọn hương vị quê mùa của đất nước".

Kể là nhà văn Vũ Bằng, khi nhận xét về lối sống tao nhã của Thạch Lam, đã viết rằng: "Nghĩ lại thì trong suốt cuộc đời anh, cái gì cũng nhẹ nhàng: Nhẹ nhàng từ cử chỉ, từ tiếng nói, nhẹ nhàng từ câu nói, từ bước đi... dường như nếu bước mạnh thì đất nó đau".

Còn nhà phê bình Thụy Khuê bên Paris cho nhận xét: "Tất cả những món quà Hà Nội, từ bánh tây, bánh cuốn, xôi lúa, cơm nắm, tiết canh, lòng lợn, phở, bún ốc, miến lươn, bún chả, bánh giầy giò,

bánh ít, cốm, bánh cốm, bánh xu xê... đến những món quà Tàu như phán si thông, chỉ mà phù, mìn páo, sủi ỉn, sa cốc măng... dưới ngòi bút Thạch Lam, mỗi món đều tỏa ra một không gian văn hóa, quây quanh người bán, người ăn, người làm món ăn, thức ăn, khung cảnh và cả thời gian đã trôi qua trên bước đi của món ăn ấy từ xưa đến nay. Ông tạo không khí tương giao giữa những linh hồn đã làm thành khung cảnh văn hóa đó, thành một Hà Nội riêng, và mỗi lần ghé lại chốn ấy của Thạch Lam qua tiếng rao Bánh dày giò, chúng ta thấy lại không gian văn hóa của tất cả những nơi còn giữ được chất thiêng của kiếp người trên hương vị các món".

Như trong phần tiểu sử bên trên đề cập, Thạch Lam có người con trai tên Nguyễn Tường Giang, là người con út trong gia đình sinh năm 1942. Trong bài văn tùy bút loại hồi ức của Nguyễn Tường Giang mang tên "Thạch Lam, Cha tôi trong trí tưởng", Nguyễn Tường Giang khi tâm sự kể rằng:

"Cao hơn một thước bảy mươi. Mất sớm và buồn. Buổi sáng lặng lẽ đội chiếc mũ phớt lên đầu, tay cầm vài cuốn sách để đi đến tòa báo. Thạch Lam. Ông rất ít khi uống cà phê ở ngoài, và vì thế mẹ tôi là người pha cà phê ngon nhất họ. Đôi khi nhà hết cà phê, người nhà lỡ mua về một ly cà phê nguội, ông bắt đổ đi. Ăn ít và nhỏ nhẹ như một con mèo, bát đĩa phải thật sạch và đẹp. Ông ăn nhẹ nhàng và ít nói. Mẹ tôi nấu cơm rất ngon. Bà đã chết, nhưng mỗi khi Ngạc, Thế-Uyên và tôi tụ họp ăn cơm tại nhà một người trong bọn theo thông lệ, chúng tôi không thể không nhắc tới những chén cơm bà nấu cho chúng tôi ăn ngày bà còn sống.

Thạch-Lam buổi tối đi chơi thật khuya, gần như mọi tối nhưng không bao giờ ông say rượu trở về. Tôi hồi còn nhỏ thường hỏi về quán nước cô Dần, về những đêm cha tôi đi suốt sáng không về, mẹ tôi chỉ cười. Quán nước cô Dần bà cũng biết và chuyện người chồng đi suốt sáng bà quen đi rồi. Thạch-Lam ít tiếp khách, buổi trưa ông thường nằm trong nhà, khách không quan trọng

đến chơi ông nói người nhà ra xin lỗi, có gì cần thì viết vào một cuốn vở để sẵn trên bàn. Sau này, khi mới vào Nam, tôi cùng mẹ tôi đến thăm chú Đình Hùng - thi sĩ Đình Hùng vẫn coi cha tôi như anh em - tôi cũng phải viết giùm mẹ tôi trên tập vở ngoài phòng khách và thoang thoang bay trong buổi sáng hôm đó, tôi nghĩ thấy mùi thơm ngào ngạt của một loại thuốc đen....

Thạch-Lam, người chỉ cần cái phẩm hơn cái lượng. Văn chương và đời sống ông tinh tế, nhẹ nhàng quá. Người yêu hoa cẩm chướng, viết văn thật sớm vào buổi sáng, dạy học thêm một tuần đôi ba giờ, đến tòa báo vào những giờ đẹp nhất trong ngày. Ông thích thơ Nguyễn Nhược Pháp, yêu văn Nguyễn Tuân. Người văn sĩ tài hoa của dĩ vãng đã tặng ông một chiếc ấm gan gà và một bộ đồ trà, ngày nay tôi chỉ lâu lâu nhìn và ngắm nghía trong những lần dọn nhà. Hồi ơi, giữa thời đại này một chiếc ấm trà đã lạc lõng, huống chi một chiếc ấm gan gà của một tình bạn cổ tri. Thạch-Lam cũng có làm thơ, góp phần khá nhiều vào bài "Tương Biệt Dạ" của Huyền-Kiều. Thi sĩ Đình Hùng - những bài thơ trác tuyệt của mùa thu - đã khóc khi đưa quan tài ông đến nơi an nghỉ cuối cùng "Đêm nào tôi mộng buồn riêng gối, Anh đã nằm yên dưới mộ hoa." Nghe tin Thạch-Lam chết, Thanh-Tĩnh một sớm nào đã đáp xe từ Nghệ-an ra Hà-nội, thấp trước bàn thờ người bạn tâm giao ba nén hương, nhỏ những giọt nước mắt chân tình nhất rồi lại tất tả trở về. Hàng năm cứ vào cuối thu..."

Đọc để mà xót xa khi một người trẻ thiếu tình cha ấy luôn nhớ về cha qua những dòng hồi ức của mẹ: "Mẹ tôi thường kể rằng, cha tôi yêu hoa cẩm chướng, viết văn thật sớm vào buổi sáng, dạy học thêm một tuần đôi ba giờ, đến tòa báo vào những giờ đẹp nhất trong ngày... Người thích thơ Nguyễn Nhược Pháp, yêu văn Nguyễn Tuân, hay ngồi đánh cờ tướng với bạn bè ở tòa soạn khi rảnh rỗi, hoặc ông với cây đàn tranh để lên bàn, lơ đãng và thanh thản gảy lên những thanh âm theo cảm hứng, một bản

cò lá hay nam ai. Thi sĩ Huy Cận, khi tôi gặp ông năm 1995 để tìm kiếm một số kỷ niệm về cha tôi, đã kể với tôi rằng, có lần ông đến tòa báo tìm cha tôi, khi nghe tiếng đàn tranh vọng ra, đã đứng nép vào bên cửa để nghe, chỉ dám gõ cửa khi tiếng đàn đã dứt. Ông nói với tôi: "Cha anh đánh đàn rất hay", rồi ông vội vã lật vài trang sách khoe tôi về những kỷ niệm ông viết về cha tôi: "Tôi đã từng quen Thạch Lam, con người mảnh khảnh tưởng như chỉ làm bằng một làn gió có thể thổi đi, một thân hình tưởng như chỉ làm bằng cảm giác, cái khối cảm giác ấy đã hóa thân vào văn"...

Hãy nghe giấc mơ hình như bình thường nhưng khó thực hiện được đối với nhà thơ Nguyễn Tường Giang khi ông từng thổ lộ:

"Tôi vẫn mơ có một buổi chiều nào tôi cùng cha tôi thơ thẩn trên một con đường ở Hà Nội, một con đường từ đê Yên Phụ đến Cổ Ngự, hay một ngã rẽ vào vườn hoa hàng Đậu, chúng tôi cùng 32 tuổi, cùng nói với nhau các chuyện đời thường, chuyện vợ con, cuộc sống và bạn bè, và chuyện văn chương... Cha tôi có lẽ có một tâm hồn rất yếu đuối, rất thương người và hy sinh cả cuộc đời để chăm chút đến những số phận nhỏ bé nhưng đáng quý, một tâm tình nhân bản và hiền dịu biết bao. Tôi có thể kể cho ông những khó khăn ông để lại cho vợ con vào thời kỳ bắt đầu của súng ống và hận thù, của những cái nghèo đói thật sự mà ông đã phơi bày trên nhiều trang sách... Tôi có thể kể bao nhiêu chuyện xảy ra từ ngày ông mất đi... nhưng có hề chi, vì tôi biết rằng, ông sẽ nhẹ nhàng nói với tôi: Không có chuyện gì là sai hay phải, là xấu hay tốt, khi người ta cư xử với nhau bằng một tấm lòng"...

Sau cùng, câu châm ngôn sách vở thường bảo: "La vie est courte"; Vâng, cuộc đời quả ngắn ngủi, câu nói chẳng may đúng với cuộc đời của nhà văn Thạch Lam. Nhưng giá trị của những tác phẩm ông để lại sẽ kéo dài miên viễn.

Dương Tử

Dương Ngọc Sum, California, 15 tháng 6, năm 2019.

**“ĐÌNH GIÓ HÚ” CỦA EMILY BRONTË,
QUA NHẤT LINH CÙNG
NGUYỄN TƯỜNG THIẾT VÀ TRẦN VĂN NAM**
Việt Hải Los Angeles

Nhà thơ Hà Nguyên Du chủ biên tập san Văn Học Mới cho tôi biết anh thực hiện quyển số 2 để tưởng niệm nhà văn biên khảo



Trần Văn Nam. Trần Văn Nam viết nhiều, và anh ra đi bỏ lại nhiều bài viết cho bạn bè, cho văn học những áng văn giá trị. Trong số nhiều áng văn chữ nghĩa đó, hôm nay tôi xin đề cập về tác phẩm “Đình Gió Hú” của Emily Brontë, bài viết do Trần Văn Nam tường thuật và anh cũng cho nhận định. Emily Brontë viết tác phẩm duy nhất văn xuôi và nó trở nên nổi tiếng vì nội dung về tình éo le, ngang trái sâu lụy là quyển

Wuthering Heights, có tên Việt ngữ là Đình Gió Hú.

Theo nhà văn W. Somerset Maugham đã chấm tác phẩm Đình Gió Hú là một trong mười cuốn tiểu thuyết mà ông cho là hay nhất của mọi thời đại, (selected by W. Somerset Maugham as one of the 10 greatest novels of all time). Nói về gia đình Brontë văn đàn thế giới vẫn nhắc đến các chị em nhà Brontë đã để lại dấu ấn sâu đậm nhất không phải là Charlotte Brontë với tuyệt phẩm Jane Eyre mà chính là Emily Brontë cũng là danh tác được xem như một viên kim cương trong kho tàng văn học Anh. Vâng, chính là Đình gió hú (Wuthering Heights).

Nào bây giờ hãy theo ngòi bút Trần Văn Nam ghi nhận như sau đây.

“Người lữ khách Lockwood đi tìm sự yên tĩnh cho tâm hồn trong miền đồng cỏ Gimmerton, được chủ nhân Đình Gió Hú cho mượn chỗ trú ngụ tại trang trại Thushcross-Grange cách đó bốn dặm đường. Đình gió hú, nơi có lâu đài hoang vắng, có người chủ nhân Heathcliff lạnh lùng và những người thân cận lạnh lẽo như cái bóng biệt lập với đời sống văn minh, nơi có oan hồn lang thang trên đồng cỏ hoang sẽ trở về trong những đêm khuya gió thổi lồng lộng. Lockwood hoang mang muốn tìm hiểu sự thật, và quá khứ của những chủ nhân trên lâu đài được lần lượt kể lại qua lời của bà lão Nelly Dean, kể lại bắt đầu từ ngày bà còn thơ ấu theo mẹ giúp việc trên lâu đài Đình Gió Hú.”

Trần Văn Nam kể tiếp truyện này như sau: “Chủ nhân thuộc thế hệ thứ nhất là ông Earnshaw, một người nhân đức, có hai người con: một trai tên Hindley và một gái tên Catherine. Ngày nọ, ông đi ra thành phố Liverpool, nhặt được một thằng nhỏ có nước da ngăm ngăm, nó tên là Heathcliff, có lẽ cha mẹ nó gốc gác Ấn Độ hay Bắc Phi gì đó. Ông Earnshaw rất thương yêu thằng bé bị bỏ rơi này, tận tình bảo bọc cho nó chống lại những sự hắt hủi

chung quanh. Tình thương của ông dành cho nó càng ngày càng lấn lướt tình thương dành cho các con ông. Ganh tức, Hindley đối xử lắm khi tàn bạo với Heathcliff. Trái lại Catherine rất tâm đầu ý hợp với Heathcliff, hai đứa thường rong chơi trên khắp miền đồng cỏ hoang vu.

Khi ông Earnshaw mất đi, Hindley trở thành chủ nhân thứ hai của lâu đài Đỉnh Gió Hú, càng xử tệ hơn với Heathcliff, không cho nó đi học. Heathcliff thường lêu lổng cùng Catherine sống một đời man dại giữa thiên nhiên. Hindley và vợ tìm cách ly gián hai đứa, gây mặc cảm thấp kém cho Heathcliff trước một Catherine kiêu diễm quý phái, bạn của những đứa trẻ quý phái khác thuộc một gia đình giàu có ở trang trại Thushcross-Grange: đó là cậu Edgar và cô Isabelle... Hindley trở thành một người hư hỏng, say sưa và ác độc, có lần suýt làm chết đứa con trai là Hareton, may nhờ Heathcliff lanh tay cứu kịp... Catherine yêu Heathcliff có lẽ vì hợp tính man dã, nhưng lại kết hôn với Edgar, một người mà Heathcliff có ác cảm ngay từ nhỏ vì Edgar gây cho nó một mặc cảm thua kém... Heathcliff bỏ đi giang hồ, mất cả tung tích trong một thời gian khá lâu, và đó chính là thời gian mà Edgar và Catherine sống trọn vẹn hạnh phúc với nhau... Rồi Heathcliff trở về, bấy giờ đã thành một người đàn ông quắc thước, có nhiều già dặn của một người tự học. Catherine vẫn còn yêu Heathcliff, nhiều lần làm khổ và làm nhục chồng, nhưng Edgar độ lượng, một mực yêu thương vợ. Trong khi đó Heathcliff bắt đầu trả mối thù hận ngày xưa, đưa Hindley đi sâu vào cái bẫy cờ bạc. Hindley mắc nợ Heathcliff càng ngày càng nhiều, chẳng bao lâu Heathcliff trở thành chủ nhân thứ ba của lâu đài Đỉnh Gió Hú, và trở thành người bảo bọc cho Hareton bị cha bỏ bê vì say sưa, nhu nhược. Tối đó chưa thôi, Heathcliff lại ra tay quyến rũ Isabelle, em gái của Edgar, quyến rũ để trả thù người anh hiện là chồng của người yêu cũ của mình... Catherine hạ sinh một bé gái tên Cathy, gặp trường hợp sinh khó nên nàng chết sau đó. Heathcliff hay tin, đứng lặng

lẽ hàng mấy tiếng đồng hồ dưới cơn mưa tầm tã trong khu vườn bên cạnh ngôi nhà có đặt thi hài người quá cố. Còn về nàng Isabelle, chịu không nổi trước mối thù hận sâu dày trong tâm khảm Heathcliff, nàng bỏ trốn đi xa, không dám than van với người anh đau khổ Edgar, và cũng hạ sinh một bé trai ẻo lả tên là Linton (con của Heathcliff). Mười mấy năm sau, Isabelle chết trong cô độc, Edgar đem cháu về nuôi ở trang trại Thushcross Grange."

Đỉnh Gió Hú khái quát cốt truyện là một câu chuyện tình yêu không được mọi người chấp nhận của 2 nhân vật, chuyện tình của Catherine và Heathcliff. Được nhắc đến trong đó về cô gái



đam mê văn chương và hồn ma đói khát để ta đọc ngay cuốn sách này, câu chuyện của họ không thể không khiến người đọc cảm nhận sự sợ hãi khi đọc chi tiết. Không thể phủ nhận đây là loại tình cảm mà Heathcliff dành cho Catherine không phải là tình yêu khi Heathcliff điên cuồng nhớ mong cho đến phút giây cuối cùng, cái kết cuộc của nội dung sách khiến người đọc lại liên tưởng đến những câu truyện về vùng đồi gió hú ghê rợn, họ chết nhưng linh

hồn họ không được yên nghỉ. Trần Văn Nam viết:

"Tại Đỉnh Gió Hú, sau khi Hindley chết đi, bé Hareton trở thành con nuôi của Heathcliff. Mặc dù rất chịu bản chất hùng mạnh của Hareton, Heathcliff vẫn trả mối thù mà Hindley đối xử với mình khi xưa: không cho Hareton đi học, bắt nó sống một đời man dã trên đồng cỏ hoang xung quanh Đỉnh Gió Hú. Heathcliff

còn bó buộc Edgar phải giao trả đứa con của mình là nhỏ Linton hiện ở trang trại Thushcross Grange, bắt nó đem về Đỉnh Gió Hú, mướn thầy dạy học, mong nó trở thành người cứng cỏi, nhưng Linton tỏ ra vô cùng yếu đuối và bạc nhược tinh thần. Khi nó lớn, Heathcliff gạ cho nó viết những bức thư tình lãng mạn, làm mũi lòng con gái của Edgar là nàng Cathy, mục đích của Heathcliff tìm cách trói buộc Cathy lấy con mình, nhằm chiếm đoạt trang trại Thushcross-Grange nếu một mai Edgar mất đi. Dì Nelley-Dean bắt gặp những bức thư tình ấy, la mắng Cathy nhẹ dạ, nhưng chính dì và Cathy cũng bị Heathcliff gạt gẫm đưa về Đỉnh Gió Hú và nhốt họ tại đó trong những ngày ông Edgar hấp hối trên giường bệnh. Heathcliff bắt buộc Linton và Cathy trở thành vợ chồng trong những ngày này... Ông Edgar mất, chẳng bao lâu Linton cũng chết vì nhiều bệnh tật, Thushcross-Grange lọt về tay Heathcliff, Cathy là con dâu sống như hình bóng trong lâu đài Đỉnh Gió Hú. Vì thế cho nên, ở đoạn mở đầu của câu chuyện, người lữ khách muốn mướn nơi trú ngụ ở Thushcross-Grange đã phải lên Đỉnh Gió Hú để thương lượng với Heathcliff... Người lữ khách ở nơi trú ngụ không lâu vì có việc cần phải đi gấp, bảy tháng sau, trở lại thăm Đỉnh Gió Hú, lữ khách mới biết ông Heathcliff cũng đã chết. Trước khi chết ông có những giao cảm lạ lùng với hồn ma Catherine còn lang thang trên đồng cỏ hoang... Harenton và Cathy trở thành vợ chồng, trở thành chủ nhân thứ tư của lâu đài Đỉnh Gió Hú (và cả trang trại Thushcross-Grange), lấy lại những gì mà cha họ đã đánh mất về tay Heathcliff."

Theo nhà văn Nguyễn Tường Thiết kể là nhà văn Nhất Linh đã ca tụng Đỉnh Gió Hú như là một trong những cuốn truyện hay nhất của thế giới. Trong cuốn biên khảo của ông, *Viết và đọc tiểu thuyết* (Nhất Linh, xuất bản 1961), chính Nhất Linh đã xếp Đỉnh Gió Hú vào "những sách hay của nhân loại, đời đời công nhận, có giá trị bền mãi với thời gian, như những cuốn *Chiến tranh và Hòa bình*, *Anna Karenina*, *Tình nghĩa vợ chồng*, *Một bản đàn* của

Tolstôï, cuốn *Những linh hồn chết* của Gogol, cuốn *Mấy anh em Karamazov*, *Những người bị ám ảnh* của Dostoievsky..."

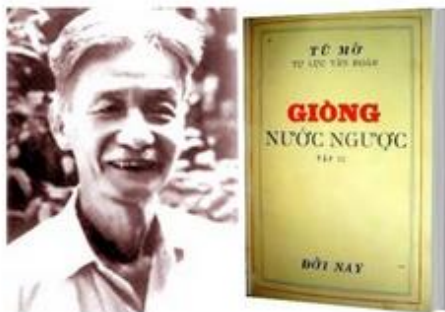
Cũng theo cuốn biên khảo đó, Nhất Linh còn viết: "Trong cuốn sách lạ lùng của nữ văn hào Anh quốc Emily Brontë, cuốn *Đỉnh Gió Hú*, xuất bản năm 1847, tác giả đã để một người vú già kể chuyện lại. Một vú già kể chuyện thì còn làm gì có những chỗ giảng giải về tâm hồn, ý nghĩ nhân vật nữa, tuyệt nhiên không có, tuyệt nhiên vú già chỉ là người đứng ngoài thôi. Thế mà chỉ bằng một giọng kể chuyện rất thường, bằng những chi tiết, vú già đó đã cho người ta thấy tất cả cái sâu xa của tâm hồn người trong truyện."

Riêng nhà biên khảo Trần Văn Nam cho cảm nhận: "Đứng về phương diện huyền truyện, tức là loại văn chương có nhiều chất thơ, về phương diện kết cấu tiểu thuyết, và về phương diện giáo dục, Đỉnh Gió Hú đáng được gọi là tác phẩm xuất sắc về ba phương diện này. Về phương diện huyền truyện, Đỉnh Gió Hú là một khúc ca thiên nhiên với những cánh đồng cỏ hoang, với những nhân vật trẻ thơ sống một đời man dại trên khắp vùng thảo dã, với những hồn ma lang thang tiếp nối một đời gần bó nhưng bất thành trên dương thế, với lâu đài đá tảng có những nhân vật trầm lặng mà nội tâm giông tố, với mưa lũ và sấm chớp mịt mù trên đồng cỏ tương ứng từng lúc sự nổi dậy những tình cảm điên cuồng, với sườn đá khô và cỏ thanh hao trải dài, với tiếng động ma quái của những cành thông quẹt vào cửa kính trong những đêm khuya gió hú trên lâu đài, với đêm trăng soi sáng từng viên sỏi trên đường từ Thushcross-Grange lên Đỉnh Gió Hú, với mùa đông tuyết trắng lấp đầy những hố sâu vực thẳm thành một vùng bao la bằng phẳng nhưng nguy hiểm chết người từ Đỉnh Gió Hú đổ xuống đồng bằng..."

Việt Hải Los Angeles

NHÀ THƠ TÚ MỠ: TÂM TÌNH VÀ NÉT THI CA HÓM HÌNH - TRÀO LỘNG

Bích Ty



Tôi đọc chậm rãi bài về những tâm tình mà nhà thơ Tú Mỡ trao đổi với các nhà văn Nhất Linh và Khái Hưng, cùng về tờ Phong Hóa của nhóm văn Tự Lực Văn Đoàn. Sau đây là những trích đoạn tiêu biểu theo Hồi Ký Tú Mỡ: "Trong Bếp Núc Của Tự Lực Văn Đoàn",

"Hai năm sau, anh Tam xin thôi việc, để sang Pháp du học. Ở Pháp độ hai năm, anh về nước với mảnh bằng cử nhân khoa học. Tôi lấy làm lạ: anh muốn trở thành văn sĩ sao lại đi lấy bằng cách trí? Hỏi anh, anh nói rằng: anh sang Pháp chủ yếu là nghiên cứu nghề làm báo để khi về sẽ mở một tờ báo thể tài mới, khác hẳn các báo. Còn cái bằng cử nhân khoa học? Chỉ là cái cứu cánh để phòng xa, nếu làm báo thất bại sẽ ra làm giáo sư cũng tốt. Thế là "tiên vi báo, cáo vi sư," anh muốn bắt cá hai tay. Chu đáo thật!

Ít lâu sau, anh tính chuyện mở một tờ báo trào phúng lấy tên là Tiếng Cười. Anh thấy báo chí của ta bấy giờ chán ngắt, nếu không là báo thông tin "chó chết" thì là báo lý luận suông. Nước ta chưa có một tờ báo nào chuyên môn về trào phúng. Tiếng cười ra đời chắc sẽ được hoan nghênh như một cuộc cách mạng trong làng báo quốc ngữ. Hiện anh đang đi tìm bạn cùng chí hướng để tổ chức tòa soạn, và xin tôi nhận một chân trợ bút về mục thơ trào phúng, ngón sở trường của tôi mà anh đã khám phá ra. Yêu cầu đó thật là hợp với sở thích, với ước mong của tôi...

Mãi đến khi anh Tam rủ tôi vào tòa báo Tiếng Cười thì cá mới thực gặp nước; tôi miễn phục anh Tam có con mắt tinh đời, biết người, biết của, nên vui sướng nhận lời cộng tác với anh.... Chúng tôi đã sáng tác được khá nhiều cho báo Tiếng Cười. Nhưng vẫn chưa được giấy phép ra báo. Anh Tam có đi thăm dò tin tức, thì ở sở Báo chí của Phủ Thống Sứ người ta bảo rằng: "còn xét!" Một tháng, hai tháng, ba tháng, vẫn cứ "còn xét." Chúng tôi bảo nhau: cái kiểu kéo dài "còn xét" này, có nghĩa là nó không muốn cho phép. Nhưng nó xỏ lá không muốn công khai từ chối vì không có lý do chính đáng. Chẳng qua nó sợ tờ báo trào phúng, nó sợ người chủ trương tờ báo đó là tay đã sang Pháp về mà phàn những người chân chính ở Pháp về đều có tư tưởng bài Pháp thực dân; nó sợ tờ báo cười tung trời sẽ làm đảo lộn cả trật tự của cái xã hội thối nát mà chúng nó muốn duy trì để dễ cai trị.

Anh Tam đâu có chịu bó tay. Anh xoay và đã xoay rất cừ. Bấy giờ, nhân dịp có tờ Phong Hóa của anh Phạm Hữu Ninh quản trị, anh Nguyễn Xuân Mai, giám đốc, chính trị, loại báo vô thưởng vô phạt, đang sống dở chết dở vì không ai buồn đọc, sắp sửa phải đình bản. Anh Tam đề nghị với hai anh nhượng lại tờ báo cho mình làm chủ bút, hai anh vẫn đứng tên quản trị và giám đốc chính trị làm vì, mỗi tháng lĩnh mấy chục bạc lương (tức là tiền cho thuê báo). Tất cả đều hỉ hả: anh Ninh và anh Mai trút được gánh nặng mà báo khỏi đình bản; anh Tam sẵn có tờ báo thay cho tờ Tiếng Cười chắc là không được phép xuất bản.

Thế là tờ Phong Hóa nọ được tổ chức lại hoàn toàn từ hình thức đến nội dung, thay da đổi thịt, biến thành tờ báo trào phúng đầu tiên của làng báo ta. Tất cả những dự định cho báo Tiếng Cười, anh Tam dồn cả cho báo Phong Hóa mới, ra đời vào khoảng đầu tháng 7-1932, đánh dấu một cuộc cách mạng báo chí ở nước ta...

Từ một tờ báo không ai biết đến, nó trở thành một tờ báo được mọi tầng lớp quần chúng hoan nghênh nhiệt liệt ngay từ số đầu, và nổi tiếng khắp ba kỳ, là vì nó đáp ứng đúng nhu cầu của trí thức, của bình dân, nó đem lại niềm vui sống khi người ta đang buồn chết vì khổ sở; nó vạch mặt làm bìa chế giễu những kẻ tai to mặt lớn, sống trên áp bức bóc lột dưới cúi lồn xu nịnh mà người bình dân căm ghét; nó bàn đến và tìm cách thực hiện một cuộc đời tươi sáng thay vào cuộc sống tối tăm, bùn lầy nước đọng; nó phát huy một lối văn quốc ngữ trong sáng, đánh rập các thứ văn lai căng hoặc đặc sệt những danh từ Hán học. Nó không làm cách mạng nhưng nó làm công việc khai phá, dọn đất cho cách mạng, gieo hạt sau này. Điều đó có lẽ bọn thống trị chưa biết, vì Phong Hóa không đập thẳng vào Tây mà chỉ đá kích bọn quan lại cường hào tay sai của Tây, thì Tây cứ để cho làm xi hơi tức khí của dân chúng vào bọn này. Một mặt công chúng bị đánh lạc hướng, quên

kẻ thù chính; một mặt bị ru ngủ bởi tiểu thuyết lãng mạn tiểu tư sản đều có lợi cho Tây cả, Phong Hóa không bị cấm vì thế.

Phong Hóa có những mục hấp dẫn, hợp với "khẩu vị" quần chúng.

"Từ Cao Đến Thấp" nói về người; "Từ Nhỏ Đến Nhớn" nói về việc; "Bàn Ngang" nói ngược mà hiểu ra xuôi; (ba mục này Tứ Ly tức Nguyễn Tường Long phụ trách).

"Vui Cười," mẩu truyện khôi hài, có duyên và phong phú (cả tòa soạn phụ trách và quần chúng đóng góp).

"Những Hạt Đậu Dọn" vạch làm trò cười những câu văn viết sai, viết ẩu, ngớ ngẩn, lỗ lã, nhặt ở các sách báo (Nhất Dao Cạo tức Trần Khánh Giur phụ trách).

"Cuộc Điếm Báo" bên những điều sai trái, lỗ bịch nhặt trong các báo (Nhị Linh tức Trần Khánh Giur phụ trách).

"Giòng Nước Ngược" thơ trào phúng (Tú Mỡ phụ trách).

Những mục trên đây nhằm cười đời một cách hóm hỉnh, thanh nhã mà chua cay, với trí tuệ trào lộng đặc biệt Việt Nam.

Ngoài ra, về văn chương có:

Những phóng sự về mặt trái xã hội; những truyện dài, truyện ngắn về tình yêu lãng mạn mà trong trắng, về xung đột giữa cái mới và cái cũ (của Khái Hưng tức Trần Khánh Giur, Nhất Linh tức Nguyễn Tường Tam, Thạch Lam tức Nguyễn Tường Lân, Thế Lữ v.v...).

"Thơ Mới" khởi đầu bằng bài Tình Già của Phan Khôi và mấy bài của Lưu Trọng Lư. Sau Thế Lữ nổi bật trong một bài giới thiệu của Nhất Linh, rồi Xuân Diệu, Huy Cận, Huy Thông làm nổi đình đám phong trào thơ mới ngày càng lên như điều gập gío.

Trước đây, lúc chuẩn bị ra báo, tôi đã thấy các anh làm việc không biết mệt. Nay báo Phong Hóa ra hằng tuần với nội dung súc tích như vậy, tôi lại càng thấy các anh có một sức làm việc ghê gớm, đáng phục: làm ngày, làm đêm, nhất là làm đêm, tốn khá nhiều cà phê, thuốc lá, làm việc đến rạc người, hom hem, xanh xám như Khái Hưng ai không biết cứ tưởng là “dân làng bẹp” (nghiện thuốc phiện).

Riêng tôi, công chức viết báo nghiệp dư, ngày hai buổi tốt nhất đã cống hiến cho công sở, tôi cũng noi gương các anh hết sức tranh thủ thời gian để viết: đi đường từ nhà đến sở, từ sở về nhà, óc phải suy nghĩ, cấu tứ, tìm vần; về nhà, cơm nước xong buông đũa bát, lại ngồi vào bàn, viết cả buổi trưa, buổi tối. Có khi nhuận trí, viết một mạch, có khi tắc đành gác bút đi nằm, nhưng đầu óc vẫn thao thức, có đêm chưa ngủ - vần thơ bật ra, liền nhồm dậy, bật đèn viết cho đến khuya. Cái lối làm việc như thế, cố nhiên “bà Tú nhà tôi” không bằng lòng, lo tôi ốm, khuyên can chẳng được thì gắt, dọa sẽ tìm đến “bác Tam” để phản đối. Nhưng tôi không thể làm khác được, đành cứ cười trừ; lắm khi làm xong một bài thơ, bài phú, một phở, nhưng được cái đang sức trai, không quy... Tôi rất muốn được như các anh sống để mà viết, viết để mà sống, nhưng ngẫm xưa nay thơ không nuôi nổi người phụng sự nó, huống chi tôi lại nặng gánh gia đình, nên chưa dám bỏ mỗi bát bồng, bỏ nghề “thầy phán fi-năng” theo hân nghề viết báo.

Đối với tòa soạn, tôi tiếng là chân trong nhưng vẫn làm việc ở nhà. Tối thứ Bảy, tôi đến họp với anh em. Cuộc họp rất “gia đình.” Trên căn gác ẩm cúng nhà số 80 đường Quan Thánh, chúng tôi quây quần, thân mật như hồi ở Ấp Thái Hà: ăn phở, phở của bác phở rong phố Quan Thánh rất ngon, đã khiến tôi làm bài thơ thú vị Phở Đức Tung; uống cà phê của chị Khái Hưng pha tuyệt khéo; đốt thuốc lá khói um cả căn gác, mùa rét đốt lò sưởi, củi nổ lách

tách, anh em ngồi châu ngọn lửa ấm áp, tán chuyện thời sự, nảy ra đề tài viết bài cho số báo tới.

Dạo Khái Hưng và Nhất Linh viết chung truyện dài Đồi Mưa Gió, trong buổi họp tối thứ Bảy, hai anh bàn nhau kỳ này nên cho hai nhân vật chính (Tuyết và Chương) đi đâu, làm việc gì đột nhiên trái chứng trái khoáy, rồi mỗi kỳ mỗi anh thay phiên nhau chấp bút. Công việc sáng tác tập thể của các anh là như vậy...” (Hồi ký Tú Mỡ, trích dẫn)

Khuyh hướng báo chí phiếm luận, trào lộng

Phẩm chất tiêu biểu tạo nên tính tranh đấu của tiểu phẩm chính là cái cười. Khi mới ra đời, cái cười trong tiểu phẩm vạch mặt, lên án bản chất xấu xa, sự lạc hậu, thối nát của chế độ xã hội phong kiến đã mục ruỗng, suy tàn. Dần dần về sau, cái cười trong tiểu phẩm nhằm vào cái cũ, cái xấu nói chung, kể cả những biểu hiện tiêu cực trong nội bộ quần chúng. Nhiều nhà văn, nhà báo, nhà thơ như Tú Mỡ có tư tưởng tiến bộ, khuyh hướng cải cách xã hội từ châu Âu trước đây đã sử dụng tiểu phẩm trên diễn đàn báo chí công khai để châm biếm, diễu cợt, lên án sự thối nát, bất công của xã hội đương thời, những biểu hiện giả dối, lừa bịp trong hoạt động tôn giáo hay sự lợi dụng tôn giáo để thực hiện những mục tiêu chính trị vụ lợi, ích kỷ.

Biết cười tức là biết sống

Trở lại với một quan niệm chi phối cuộc đời nhà thơ trào phúng Tú Mỡ. Trào phúng là một chuyện khó. Trong khi cười cợt người khác, người ta lại dễ bộc lộ chỗ tầm thường của mình, và đã đến nước ấy thì không gì cứu vãn nổi! Chỉ những tấm lòng hồn nhiên và cởi mở, hơn nữa, những đầu óc tinh táo, mới cười được một cách trong sáng và sâu sắc. Ít ra điều đó đã đúng với nhà thơ trào phúng thuộc loại sáng giá nhất của văn học hiện đại: Tú Mỡ.

Học để nhìn đời một cách lạc quan

Có lần, qua một tờ báo, nhà thơ Vũ Đình Liên có gửi mấy dòng thơ tâm tình với Tú Mỡ. Tác giả Ông Đồ bảo rằng đời mình "đầy rẫy những nỗi buồn không thi vị", nên muốn hỏi kinh nghiệm Tú Mỡ xem nên nghĩ sao để sống cho vui vẻ. Tác giả Dòng Nước Ngược liền trả lời bằng bài Lạc Quan, trong đó ông kể rằng lúc trước ông cũng thường ủ rũ chán đời, và nhiều phen rên rỉ "trần ai là bể khổ". Nhưng, "thật phúc đức", ông đã mau tỉnh ngộ và thường tự nhủ hãy yên vui để làm việc và hưởng hạnh phúc ở đời; còn khi nào mệt quá, tìm nơi thanh vắng nghỉ ngơi cho đầu óc được thoải mái. Tóm lại, sở dĩ ông không buồn vì ông quyết trở thành một tín đồ của chủ nghĩa lạc quan. Đường như qua đây, Tú Mỡ muốn bạch bạch rằng nhìn đời với những khía cạnh vui vẻ của nó nhiều khi không cần bấm sinh mà là điều người ta có thể học được; và khi nó đã thành nhu cầu nội tại, thành phương cách tự vệ của con người thì tự nhiên người ta gạt được hết mọi nỗi ưu phiền và tạo được niềm vui sống.

Theo dõi các bài thơ in trong Dòng Nước Ngược, thấy đối với cái định hướng tâm lý chính của đời mình, Tú Mỡ khá thành thật, thơ ông quả là tiếng cười vút lên từ sự quan sát đời sống, và càng đi theo các hướng lạc quan như thế, ngòi bút ông càng tìm được sự hào hứng vốn rất cần cho sáng tạo. Một lần nào đó, trên chuyến tàu hỏa, Tú Mỡ chứng kiến một cảnh trái mắt: một bên là người vợ ngồi không, và luôn tay phẩn son ngấm vuốt, còn một bên là anh chồng "tay cầm chai sữa, tay bồng con thơ", đến khi con ngủ lại ngân nga ru con. Thế là ông có bài Thăng... vù em. Lại một lần khác - theo lời các thành viên Tự Lực Văn Đoàn kể lại - mấy anh em đang cùng nhau đi chơi thì bắt gặp một cảnh lạ đời không dễ ai tưởng tượng nổi: Một viên quan ngồi trong ô tô, hai bên có bốn tên lính chạy theo vác lọng che ngoài mui xe. Trong lúc ai cũng thấy chướng nhưng chưa kịp nói gì, thì Tú Mỡ buột ra một câu khái quát: "Y đi lọng!" (chơi chữ từ tiếng Pháp idiot nghĩa là thằng ngốc), và trở về làm bài thơ Đi Lọng. Cứ thế, ông

viết về đủ cảnh nhố nhăng kỳ cục: những ông già làm bộ trẻ và những ông trẻ làm bộ già; những viên quan nịnh bợ dốt nát và những tờ báo chết yếu. Đặt bên cạnh những bài thơ của Tú Xương nhiều phen ngả sang cay cú hằn học, cái cười của Tú Mỡ như có gì lành hiền hơn, nhưng do đó, lại dễ chấp nhận hơn. Trên một số phương diện, Tú Mỡ gợi nhớ tới Nguyễn Khuyến, nhất là trong những bài tự trào hóm hỉnh và pha chút trữ tình...."

"Giọng điệu thơ trào phúng Tú Mỡ trong "Dòng Nước Ngược"..."

Khi nói đến giọng châm biếm, mỉa mai ta không thể không nói đến giọng lên án, chỉ trích. Đây cũng là một giọng điệu làm nên sự đa dạng trong giọng châm biếm. Trước đó, giọng lên án, chỉ trích của Nguyễn Khuyến mang tính chất phê phán thâm trầm, kín đáo. Giọng lên án của Tú Xương quyết liệt hơn, gắn liền với thái độ muốn phá phách của tác giả trước những cái nhố nhăng. Trong Dòng Nước Ngược, giọng lên án, chỉ trích thường được thể hiện nổi bật ở những bài thơ viết về hủ tục, về tệ nạn xã hội, về bọn quan lại bóc lột, hà hiếp nhân dân.

Thuở bé được ông nội dạy chữ Nho, về sau vào học trường Bưởi, ông nhìn cái gì cũng thành thơ: như Vịnh Xe Điện, Vịnh Giám Thị, Vịnh Các Thầy... Đùa nhiều quá hóa ra thành thật, năm 1918 ông vào làm ở Sở Tài Chính, hai năm sau đã có thơ diễu nghệ công chức cạo giấy của mình. Lần này thơ đăng báo hẳn hoi chứ không chỉ truyền khẩu như thời đi học. Hình hài, tính nết của loại người lấy công sở làm oai, vừa khôi hài vừa tội nghiệp, Tú Xương cũng đã từng diễu: Bác này rõ thực thái vô ích. Sớm vác ô đi tối vác về. Dưới ngòi bút của Tú Mỡ càng sống động hơn, vì nó là cái đời ông:

*Hai buổi đến ung dung ư buồng giấy,
Số to số nhỏ bày liệt bày la.*

*Tám giờ ngồi chằm chệ ư ghế mây,
mực đỏ mực đen viết chi viết chát.*

Khi Triều đình Huế phong Hàn Lâm Thị Độc cho tất cả công chức, Tú Mỡ tự ngắm mình:

*Ừ mà quan quách chi ông nhĩ.
Sáng sáng đi làm chén phở rong.*

Tú Mỡ thực sự nổi tiếng từ năm 1932, khi giữ mực “Dòng Nước Ngược” cho báo Phong Hóa. Cái xã hội thuộc địa nửa phong kiến thời Tú Mỡ đầy rẫy những lỗ lã kệt cớm, đạo đức giả. Tú Mỡ cảm nhận được tất cả và đã giữ lại trong thơ mình như một tang chứng sống của thời cuộc. Tính chất hiện thực là một đóng góp đặc sắc của Tú Mỡ vào nền thơ công khai hồi ấy, chất trào phúng nằm ngay trong sự việc. Tài dùng khẩu ngữ dân gian của Tú Mỡ rất điêu luyện. Ông chửi bọn thống trị bất tài vô hạnh nhưng chúng không làm gì được ông chính là do sắc thái từ ngữ của ông. Ông khen, ông chúc mà là ông rửa, ông chửi. Sau khi mô tả sự long trọng, vui vẻ của bữa tiệc kỷ niệm 30 năm phái bộ đi Tây (1908- 1938), Tú Mỡ dùng bút ở đám dân đói đứng chiêm ngưỡng ở vòng ngoài:

*Trong đình quan khách cổ bàn.
Vòng ngoài dân đói hàng ngàn xúm đông
Há mồm lỗ mắt đứng trông
Chúc thăm các cụ các ông muôn đời*

Nhà văn Doãn Quốc Sỹ viết về nhạc phụ Tú Mỡ như sau:

Cụ Tú Mỡ là nhà thơ trào phúng nổi tiếng nhất của văn học Việt Nam trong Tự Lực Văn Đoàn. Một trong những bài thơ của cụ mang tính chất ngụ ngôn mà tôi rất thích, đó là bài Tú Mỡ Đi Xe Bình Bịch như sau:

Tú rình mỗ cưỡi xe bình bịch

*Máy nổ vang xình xịch chạy như bay
Bóp còi toe như quất tháo đường vầy
Khách đường cái vội giã ngay tằm tấp
Tú nhớ thuở còn đi xe đạp
Một thứ xe chậm chạp hiền lành
Trên đường đông đủ chuông bấm liên thanh
Khách đứng đình làm thỉnh không chịu tránh
Ồ ngán nhĩ ở trên cỏi tục
Con người ta bất độc bất anh hùng*

Một trong những bài thơ không có tính chất trào phúng nhưng nổi tiếng vào bậc nhất của cụ Tú Mỡ là bài Khóc Người Vợ Hiền, viết để tiễn đưa bà Tú Mỡ về nơi cỗi vĩnh hằng. Có đoạn cuối mà tôi rất thích, và tôi cũng đã đọc lên trong ngày tiễn linh cửu bà nhà tôi về cỗi Phật cách đây hai năm:

*Bà đi rồi nhưng tôi phải ở,
Công việc đời còn dớ chút thôi,
Bao giờ nhiệm vụ xong xuôi,
Về nơi cực lạc, lại tôi với bà...*

Có một chi tiết mọi người ít biết đến, đó là cụ Tú Mỡ không hề vào đảng Cộng Sản Việt Nam. Nghe nói là vì cụ cho rằng vào đảng thì không còn làm thơ châm biếm được nữa. Cụ có làm một bài thơ nói về việc này như sau:

*Đồng chí chết cũng ra ma,
Quần chúng chết cũng đưa ra ngoài đồng.
Miễn là làm việc gắng công,
Vi dân, vi nước một lòng trung kiên.
Cứ gì có thể Đảng viên,
Kề kề giắt túi mới nên con người...*

Nhớ về Tự Lực Văn Đoàn, nhà thơ Tú Mỡ viết tiếp trong hồi ký của mình.... Ông viết về kỷ niệm với nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam:

Tập thơ Giòng Nước Ngược, tác phẩm đầu tay của tôi, có bốn câu thơ đề tặng:

*Ít lời lẽ ngang phè,
Mấy vần thơ lỗ mỗ,
Tặng anh Nguyễn Tường Tam
Đáp tấm ơn tri ngộ.*

Bốn câu thơ đó ghi lại mối tình chí thiết của tôi đối với anh bạn văn chương, người sáng lập ra Tự lực văn đoàn, trong đó tôi đã hoạt động hơn 13 năm, từ 1932 đến 1945, thời kỳ mới vào nghề, thuở đương thì tuổi trẻ lằng lằng làm việc, hào hứng nhất.

Ở đời, thường có sự gặp gỡ ảnh hưởng đến cả một tương lai. Tôi là một trong những trường hợp đó. Sự gặp gỡ không hẹn mà nên giữa tôi với anh Nguyễn Tường Tam đánh dấu bước đầu trong sự nghiệp văn thơ của tôi, từ một thư sinh chỉ làm thơ phiếm sau trở thành nhà thơ trào phúng thực thụ.

Theo tác giả Đỗ Ngọc Yến viết về Tú Mỡ: Nhà văn Nguyễn Công Hoan cho rằng: "Tú Mỡ là người "thuốc lá không hút, chè tàu không nghiện, tổ tôm không biết đánh". Giữa đám người cầm bút đông đảo "đa ngôn đa sự", ông có vẻ như sống riêng ra, lấy sự siêng năng cần mẫn làm trọng, lấy cảnh gia đình yên ấm làm vui, không phiêu lưu không mơ tưởng hão huyền, tin rằng thiên đường chỉ có ở trên trần thế, được sống khỏe mạnh, lại có công việc ưa thích đã là tiên cảnh lắm rồi, còn như có gì khó chịu trước sự đời, thì đã có nụ cười hóa giải giúp!...

Còn theo Giáo sư Phạm Thế Ngũ trong "Việt Nam Văn Học Giải Uớc Tân Biên" (Quyển 3), xuất bản năm 1965 thì: "Trong làng thơ Việt Nam sau 1932, có một cây bút không mới chút nào...

vậy mà ngự trị thường xuyên trên báo Phong Hóa và Ngày Nay' và được độc giả thời ấy rất ham coi, đó là cây bút trào phúng Tú Mỡ... Thơ ông chịu ảnh hưởng rõ rệt thơ cũ... từ cảm hứng đến thể cách. Ông sáng tác đủ loại: thơ Đường, phú, văn tế, lục bát, hát nói, hát xẩm, châu văn... Nói rằng ông đã tiến hơn tiền bối thì quá đáng, song ở ông cũng đã có một lời thơ hoạt bát, cách gieo vần tài tình, giọng dí dỏm tự nhiên và biết mượn tiếng cười để chinh phục người ta... Sau Tú Mỡ (và đồng thời ông nữa) trên khắp các báo, người ta làm thơ trào phúng nhan nhản, nhưng để chừng không ai bắt chước được tác giả "Giòng Nước Ngược".

Sự hướng đạo của Nguyễn Tường Tam đối với Tú Mỡ ngay từ thời tập tợng làm thơ là không thể chối cãi được. Thậm chí có ý kiến còn cho rằng nếu không có Nguyễn Tường Tam thì không có Tú Mỡ. Từ báo đầu tiên mà Tú Mỡ cộng tác là "Phong Hóa" của nhóm Tự Lực Văn Đoàn do Nguyễn Tường Tam phụ trách. Ông đã khuyến khích Tú Mỡ đi vào thơ trào phúng, cho nên mới thành Tú Mỡ...

Theo tác giả Đỗ Ngọc Yến viết tiếp về Tú Mỡ qua bài "Trào Lộng Nhưng Vẫn Rất Nhân Hậu", được trích dẫn như sau:

Với cái tên bút danh Tú Mỡ, khiến nhiều người nghĩ đến có lẽ đây là ước nguyện da diết và cháy bỏng của một anh chàng toàn da bọc xương mà lại tự xưng mình là Mỡ, chỉ nghe cũng đã thấy phì cười. Ông vua văn xuôi trào phúng, người cùng thời với Tú Mỡ là nhà văn Nguyễn Công Hoan đã chấp bút bài thơ đùa trên Tú Mỡ từ cái sự "trái khoáy" giữa bút danh và vóc dáng thật của nhà thơ hoàn toàn trái ngược nhau. Đây cũng là sự lý giải vì sao "Tú Mỡ sống lâu". Ấy là một lần Tú Mỡ làm thơ "xỏ xiên" Trời, dám gọi Trời là "xừ". Thực ra đây là cách gọi tắt của từ cũ "me xừ", cách nói bởi từ tiếng Pháp "monsieur" để đùa hoặc chê bai một ai đấy, chẳng hạn như: "me xừ ấy đạo này rảnh rồi nhì". Thậm chí Tú Mỡ còn có lúc bảo Trời là đồ "xỏ lá ba que", khiến

Trời phải sai Thiên Tào đi dò la khắp thiên hạ để tìm bắt Tú Mỡ về "trị tội". Bởi theo logic thông thường thì Mỡ ắt sẽ phải... béo. Cho nên khi đi khắp hạ giới Thiên Tào chỉ chú trọng đến cái tên "Mỡ" ấy theo phương châm là:

*Bắt thẳng béo kẹp kim lời mỡ
Phớt lờ đi những đứa gầy còm.*

Kết cuộc là Tú Mỡ đã lọt lưới Trời mà sống thọ đến tuổi "cổ lai hy" 76 vì thoát được sự truy xét của Thiên Tào. Lại là một cách đùa hóm hỉnh và rất thông minh của ông vua truyện trào lộng Nguyễn Công Hoan. Nhưng ở Tú Mỡ, bên trong cái buồn cười, đầy vẻ trào lộng ấy lại là một con người rất mẫn cán với công việc và nhân hậu với người thân. Sinh thời Tú Xương cũng đã có bài thơ "Thương Vợ" viết theo thể thất ngôn bát cú hay đến mức nhiều nhà nghiên cứu lịch sử văn học và các nhà lý luận đã xếp bài thơ này vào loại mẫu mực của thể loại thất ngôn bát cú:

*Quanh năm buôn bán ở mom sông
Nuôi đủ năm con với một chồng.
Lặn lội thân cò khi quãng vắng
Eo xèo mặt nước buổi đò đông.
Một duyên hai nợ, âu đành phận
Năm nắng mười mưa, dám quản công
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc!
Có chồng hờ hững cũng như không!*

Không những thế, bài thơ còn là mẫu mực về tình nghĩa vợ chồng, đạo phu thê từ trước tới giờ, đáng để cho nhiều người trong chúng ta soi vào tấm gương ấy. Còn bài thơ "Khóc Người Vợ Hiền" của Tú Mỡ được viết theo thể song thất lục bát khá dài. Dù dài, nhưng vì là bài thơ quá hay nên bài được trích đoạn ra đây để xét thơ tình cảm của nhà thơ:

Vẫn còn khỏe mạnh, vui tươi,..."

Tác giả ôn kỷ niệm tình nghĩa phu thê qua những dòng thơ khóc vợ:

*"Đôi ta cùng một cảnh nghèo,
Đạo chồng vợ lấy chữ yêu làm nền.
Nhớ khi giường bệnh đã nằm,
Bà còn thủ thi tình thâm thương chồng
"Tôi mà chết thì ông sẽ khổ,
Vì, cứ theo câu cổ ngữ ta
Xưa nay con cái nuôi cha
Cũng không chu đáo bằng bà nuôi ông."*

Khi người vợ ra đi nhà thơ dâng nỗi sầu bi, thương nhớ vợ hiền...

*"Bà ơi, hãy đau lòng yên dạ,
Giấc nghìn thu cho thỏa vong hồn,
Bà đi, đã có cháu con,
Một lòng phụng dưỡng, chăm nom bố già.
Tôi có khổ, âu là chỉ khổ
Vì thiếu bà, nhà cửa vắng tanh,
Khổ khi thức giấc tàn canh
Bên giường trống trải một mình nằm trơ.
Khổ nhớ lại sớm trưa ngày trước
Pha ấm trà chén nước mời nhau.
Giờ tôi chẳng thấy bà đâu,"*

Nhìn bàn thờ nhấp chén sầu đầy vơi cảm nhận cái buồn khổ ông cho thơ tiếp....

*"Ngẫm: cảnh già cuộc đời sung sướng,
Trường vợ chồng còn hưởng dài lâu
Không ngờ con tạo cơ cầu,
Bà đi, để tôi để sầu cho tôi
Ôi! Duyên nợ thế thôi là hết,*

*Năm mươi năm thắm thiết yêu nhau!
Bà về trước, tôi về sau
Thôi đành tạm biệt, nuốt sầu gượng vui
Bà đi rồi nhưng tôi phải ở,
Công việc đời còn dở tí thôi,
Bao giờ nhiệm vụ xong xuôi,
Về nơi cực lạc, lại tôi với bà..."*

Đây là bài diếu văn bằng thơ hay là một bài thơ khóc vợ hay nhất từ trước đến nay. Nếu một bài thơ hay được nhìn nhận tùy thuộc vào cái tình mà tác giả gửi gắm vào đấy chân thành, thiêng liêng và mặn nồng nghĩa phu thê. Nhà thơ trong cảnh buồn, nhưng tinh thần Tú Mỡ trào lộng vẫn có trong thi ca của mình.

Bài viết của GS. Đoàn Trọng Huy (Tú Mỡ và Sức Mạnh Trào Phúng) được trích dẫn như sau...

"Tú Mỡ là một tài năng đặc sắc về nghệ thuật trào phúng. Đó là điều có được nhờ hấp thụ từ văn học Pháp và những truyền thống tốt đẹp của tiếng cười dân gian – hồn nhiên mà sâu sắc, từ tiếng cười thâm thúy, sắc sảo của Nguyễn Khuyển, Tú Xương (Tôi đã học làm thơ trào phúng như thế nào? (theo Văn học số 50, 1959).

Tú Mỡ vốn có khiếu trào phúng. Thời học sinh, ông làm thơ chế giễu những ông giáo Tây hách dịch, đố cáng, những giám thị xử ác với học sinh. Khi đi làm, "Anh Ký Cóp" làm thơ tự trào về nghề cạo giấy. Nhưng rồi, cuộc sống xã hội diễn ra bao trò xấu xa đáng cười và đáng giận như đề tài vô tận cho thơ Tú Mỡ. Năm 1932, Tú Mỡ tham gia viết cho báo Phong Hóa và được giao phụ trách mục Dòng Nước Ngược. Nhà thơ đi thẳng vào những sự kiện, hiện tượng cuộc sống, mạnh dạn vạch trần những mặt xấu xa của xã hội. Theo Xuân Diệu, Tú Mỡ "đã trở thành một sự kiện khách quan".

Từ đó, ông xuất hiện như một hiện tượng kỳ lạ trong văn giới với các tác phẩm chủ yếu: Dòng Nước Ngược (I) – Đời Nay (1939), Dòng Nước Ngược (II) – Đời Nay (1941), Dòng Nước Ngược (III) – Đời Nay (1945).

Xã hội thực dân nửa phong kiến thời ấy đã phơi bày đủ thứ xấu xa, bỉ ổi. Mâu thuẫn giữa người dân và giới thống trị quan liêu phong kiến đã lên đến cực điểm. Nhà cầm quyền thống trị đã bóc lột, đàn áp thậm tệ người dân bản xứ. Đời sống nhân dân ngày càng sa sút, cảnh tượng làng quê xơ xác. Mặt trái xã hội được phơi bày với đủ loại người, từ thực dân đến quan lại, dân biểu, nhà báo, nhà văn bồi bút,... Nhất là tầng lớp quan lại những công cụ bóc lột và cai trị của thực dân, là một lũ quan lớn, quan bé. Tú Mỡ ra thơ khuyên các ông "quan lớn", Tâm sự một ông quan bé; quan cũ và cả quan mới (Tổng Cự Nghênh Tân):

*"Mấy kẻ quan tham cùng lại nhùng
Ăn tiền hối lộ khoét dân chúng
Hắn trông thấy mặt bắt hình dong
Người thấy hơi đồng nơi đáy bụng"*

Một loạt hài được nhà thơ viết để tập trung đả kích: Nhấn nhủ ông nghị, Ông nghị đi hội đồng về, Hách, Ngồi thứ các ông nghị, Ông nghị đi xem đồn điền di dân,... Nghị viên chính là đối tượng bị đả kích thường xuyên bằng lời lẽ cay độc.

Ngoài công kích đích danh cá nhân, Tú Mỡ còn phê phán một số chính sách thực dân, như kiểm duyệt báo chí, ban hành chế độ thuế khóa nặng nề, chủ trương chính sách ngu dân (Dân Ngu Phú),... Đây là "niềm tự hào" của người nô lệ:

*Tự do bình đẳng tuy thua thiệt
Nhưng đã hơn người cái... thuế cao*

(bài Đóng Thuế Thân)

Tú Mỡ là một tài năng đặc sắc về nghệ thuật trào phúng. Đó là điều có được nhờ hấp thụ từ văn học Pháp và những truyền thống tốt đẹp của tiếng cười dân gian, vốn hồn nhiên mà sâu sắc, từ tiếng cười thâm thúy, sắc sảo trong ý thơ. Tuy nhiên, những tác phẩm của ông vẫn mang một bản sắc riêng, phong cách riêng của Tú Mỡ. Nghệ thuật ngôn từ, thủ thuật gây cười, tạo tình huống bất ngờ, khôi hài, khiến nhà thơ trở thành một nhà trào phúng, đả kích và công phá vào cái ác, cái xấu đầy hiệu quả.

Đời sống cần nụ cười, cho nên thi sĩ Tú Mỡ đã cho đời nhiều nụ cười qua thơ của ông. Dù nụ cười đem lại hạnh phúc cho gia đình, cho bạn bè hay nụ cười mang lại sự thay đổi xã hội được tốt đẹp hơn, đây là nụ cười hữu ích. Cái cười của Tú Mỡ trào lộng qua thi ca được trình bày như bên trên. Nụ cười của ông rất quý giá trong câu thơ đối kháng. Nó có thể mang lại cả một bầu trời hy vọng cho xã hội xưa đả phá bất công, mang lại niềm hạnh phúc cho những người dân lành, nụ cười hóm hỉnh. Nụ cười của Tú Mỡ qua thi ca có thể làm bừng sáng những ngày đen tối lạc quan cho người dân. Tính hài hước, hóm hỉnh của ông xuất phát từ khả năng thi phú do thiên phú và sự hài hước dí dỏm của ông đã tạo nét đặc biệt cho nền văn học Việt Nam. Nụ cười tự tin và luôn có cái nhìn lạc quan về cuộc sống. Một người sống cởi mở, tích cực, hoà đồng lợi ích cho mọi người chung quanh thì rõ ràng Tú Mỡ luôn cho thi ca yêu đời và từ đó nảy sinh ra tiếng cười đôn hậu. Có thể nói, bất cứ ai có quan niệm sống lạc quan, tích cực đều có tinh thần hài hước và sẵn sàng hòa mình theo tiếng cười vui với mọi người.

*"Bác kia, ruộng cả ao liền
Lắm bạc, nhiều tiền, chạy tước, mua danh
Bàì ngà với áo thụng xanh
Súng sa súng sính như anh phường chèo
Về làng khao vọng í eo*

*Ăn trên, ngồi trốc, eo sèo thịt sôi
Bây giờ cơ nghiệp đi đời
Thẻ ngà, giấy sắc đem mài mà ăn*
(bài Hư Danh, Tú Mỡ)

Nguồn: Tú Mỡ, thi tập "Giòng Nước Ngược" - Tập I, Trung Bắc Tân Văn, 1934.



Thưa, đó là tất cả về "Nhà Thơ Tú Mỡ: Tâm Tinh và Nét Thi Ca Hóm Hỉnh - Trào Lộng".

Bài viết này như một lời tri ân và tưởng nhớ đến những vị văn nhân thi sĩ tiền bối như: Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu, đã có công sáng lập ra nhóm Tự Lực Văn Đoàn và đã để lại cho hậu thế một kho tàng văn học giá trị phong phú và đa dạng.

Cám ơn nhà văn Việt Hải, con chim đầu đàn của nhóm "Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian" đã khuyến khích và nhuận bút cho cây viết non trẻ này mà thuở thiếu thời đã từng say mê với "Đoạn Tuyệt, Gánh Hàng Hoa, Anh Phải Sống, Hồn Bướm Mơ Tiên, v.v..."

Đào Bích Ty
Irvine, May 31st 2019

ĐỌC VĂN THẠCH LAM: THẤY NHỮNG NHỊP ĐỘ VĂNG LAI Ở TẬP TRUYỆN “NẮNG TRONG VƯỜN”

Trần Văn Nam

Nhịp độ văng lai, theo thiển nghĩ là từ ngữ dễ hiểu hơn từ ngữ “tần số đậm đặc” thường gặp trong các bài nhận định văn học hiện nay, nhất là ở trong nước. Tần số đậm đặc là số bao nhiêu lần một vấn đề hay một cảm thức hay một ám ảnh được lặp lại trong các bản văn, trong các tác phẩm. Thuật ngữ “tần số” có lẽ mượn ở môn khoa học vật lý nghiên cứu về tốc độ nhanh hay chậm của những vi-hạt đi theo làn sóng làm thành những vòng đồn-dập. Tần số càng cao là số tính làn sóng vi-hạt càng nhanh hàng ngàn triệu chu-kỳ trong mỗi giây đồng hồ, như ở tốc độ tia ánh sáng, tốc độ tia cực tím, tốc độ tia radar, tia vô tuyến... Tần số đậm đặc hay nhịp độ văng lai trong văn chương, hàm chứa những sự lặp lại không phải do có chủ-tâm về nghệ-thuật (như sự lặp lại từ ngữ “lá rụng, lá rụng” trong “Hồn Bướm Mơ Tiên” của Khái Hưng); cũng không phải sự lặp lại do kỹ thuật còn non của người viết văn chưa thành thạo. Vậy tần số đậm đặc trong văn chương phát xuất từ tiềm thức, từ tâm cảm, từ hứng

cảm. Ta liên-tưởng đến phân-tâm-học, nhưng phân tâm học có lẽ thường hướng về phía tiêu cực của tâm hồn; còn nhịp độ văng lai qua bài viết này hướng về tích cực của nội tâm như lòng nhân-hậu hay niềm hứng cảm về những điều thi-vị.

Với tập truyện “Nắng Trong Vườn”, ta thấy hai nhịp độ văng lai. Nhịp độ văng lai đầu tiên thấy ở vài truyện, đó là “tia sáng ánh lên tình người”. Đôi khi tình người ấy tạm thời bị che lấp bởi tính tham lam muốn bóc lột tận cùng kẻ yếu thế. Rồi thì một tia sáng nhân hậu bỗng chợt đến, và tình người bắt đầu thấy được phục hồi. Như ở truyện “Đứa Con”: Bà Cả là kẻ bóc lột không chút nương tay đối với Chị Sen. Vì cha mẹ không thể trả nợ hết (cùng với tiền lời) theo giao ước trong một năm, nên chị phải làm người giúp việc không công cho gia đình Bà Cả. Chị thường bị mắng chửi, có khi bị đánh đập, quần áo không được cấp cho lành lặn, cơm lắm khi ăn với muối và không đủ no. Ông Bà không có đứa con nào. Chòm xóm coi như đó là hình phạt của cõi vô hình đối với một gia đình thiếu lương tâm. Rồi đầu tháng tám, cha mẹ Chị Sen đem lễ vật gồm gà vịt và mâm trái cây ngon đến dâng; xin chị Sen về để lấy chồng; tiền vay cùng với tiền lời sẽ vẫn tiếp tục trả hàng tháng. Chị ở chưa đúng một năm nên không được cấp quần áo mới theo giao ước đi làm người ở không công... Hai năm sau, chị Sen đã có con đầu lòng, cha mẹ cùng chị lại đến dâng lễ vật và việc trả nợ vẫn chưa hết. Chính đứa con bụ bẫm của chị Sen mà khi Bà Cả ẵm trên tay đã làm thức tỉnh tình thương trẻ con, tình mẫu tử, tình người, nơi tâm hồn Bà Cả. Thường ngày keo kiệt, bỗng nhiên Bà Cả trở nên hào sảng, cho chị Sen đến ba đồng bạc (so sánh mới thấy số tiền ấy khá: chỉ ba mươi đồng mà gần ba năm vay nợ cha mẹ chị Sen vẫn trả chưa hết).

Nhịp độ lai văng tia sáng nhân hậu lại thấy trong truyện “Người Đầm”. Thật ra ánh chớp về tình người ấy không biểu-lộ trực tiếp từ người đàn bà Pháp mà chính từ cảm thức của tác giả

thấy nét đẹp cư xử bình đẳng của người Pháp chính quốc. Thạch Lam so sánh thấy có sự khác nhau trong cách sống chung với người bản xứ, giữa người Pháp mới đến và người Pháp thực dân. Thạch Lam cảm thức: Một người đàn bà Pháp ngồi trong rạp xi-nê ở hàng ghế hạng nhì chung với người bản xứ Việt Nam, đó là điều ít thấy, có thể không từng thấy. Thiếu phụ trẻ người Pháp chưa tiêm nhiễm thói tự tôn của thực dân luôn luôn ngồi ở thượng hạng hoặc hạng nhất trong rạp hát. Hoặc cô đã biết mà vẫn tỏ ra không cần trịch thượng? Nhưng riêng cảm thức ngạc nhiên ấy rồi có ý nghĩ đẹp đối với người Pháp chính quốc, thì điều đó ta coi như điểm sáng phát xuất từ tâm hồn tác giả. Chỉ một chi-tiết nhỏ mà tác giả quy nạp vào toàn thể, để xóa nhòa cái nhìn thành kiến đối với tất cả người Pháp.

Một ánh chớp lên của nhân hậu nữa đã văng lai trong một truyện khác: "Bóng Người Xưa". Truyện hai người có tình yêu với nhau. Gia đình nàng nghiêm khắc nên Mai phải vâng lệnh đi lấy chồng. Vân buồn rầu thất vọng, bỏ đi xa một thời gian năm năm mới trở về khi Mai đã trở thành góa phụ. Hai người lại chấp nối thành vợ chồng, và đã có một đứa con. Tuy vậy, Vân cứ bị dẫn vật vớ quá khứ Mai đã có một đời chồng. Nhiều lần Vân day nghiến, có khi nói nặng lời với Mai: "Mày tưởng mày còn quý hóa lắm đấy. Tao lấy mày nghĩ mà đại, lấy cái của thừa". Mai chịu đựng trước lòng ghen quá khứ của Vân, dù chồng trước của Mai đã mất. Nhưng một đêm đông lạnh, dưới ánh lửa hồng lò sưởi, Vân nhận ra nét buồn trên gương mặt Mai. Nhờ ánh lửa hồng cũng là ánh lửa nhân hậu vốn sẵn có trong lòng Vân, nó hồi-phục, và vợ chồng lại tìm thấy hạnh phúc.

Lần thứ tư, tia sáng lòng tốt, ở đây là tình thương mẹ, lại phục hồi trong truyện "Buổi Sớm". Bính là một thanh niên ăn chơi trác táng, rượu, thuốc phiện và gái đàn đúm, đã quyến rũ chàng thành một con thiêu thân. Từ ngày cha mất, Bính bỏ mẹ

già sống một mình trong gian nhà cổ. Hằng đêm, cứ đến ba bốn giờ sáng mới trở về nhà trọ, thân thể mệt mỏi, nằm vật ra mà ngủ. Nên từ lâu, Bính không còn nhớ ngôi nhà cha mẹ có tiếng chim gù buổi sáng; tiếng cười nói của ngưỡng người đi chợ sớm; không còn nhớ khí trời mát lạnh; kể cả những bông hồng buổi mai nở ra tinh khiết. Nhưng rồi khi bị mất việc, trở về nhà xưa; có dịp thức dậy sớm; Bính chợt nhớ lại thời cũ cứ sáng sớm mình hái một đóa hoa hồng đặt trong đĩa sứ trắng làm thức dâng lên buổi sớm mai theo ý thích của mẹ. Buổi sáng mát lạnh làm thức tỉnh tình thương mẹ mà bấy lâu mình đã quên. Và Bính lại hái một bông hồng đặt vào đĩa sứ: dấu hiệu tốt của sự hồi hận từ lâu cứ để mặc mẹ già còm cõi sống thui thủi một mình.

Với bốn lần tia sáng nhân hậu lóe lên được lấy làm chủ-đề (Những truyện khác trong tập "Nắng Trong Vườn" cũng đậm nhạt tình người, nhưng không rõ có ý thức chủ-đề); như vậy "nhịp độ văng lai" hay "tần số đậm đặc" thiết nghĩ không phải là nhận-định quá chi-tiết có vẻ gán ghép. Điểm sáng nhân hậu lóe lên, điều này vốn không xa lạ với độc giả; riêng với những người từng ngồi ở Trung Học thuộc thế hệ nay đã 60 hay 70 tuổi thì vẫn còn nhớ ánh sáng ấy hiện hữu trong tập "Gió Đầu Mùa" và "Sợi Tóc" của Thạch Lam. Cũng như "văn nghiêng về thi tính", mà khi ở Trung Học ta từng bị chinh phục với những câu văn đẹp trong tập truyện "Nắng Trong Vườn" này, chẳng hạn "Ngày chưa tắt hẳn, trăng đã lên rồi. Mặt trăng tròn, to và đỏ từ từ lên ở chân trời, sau rặng tre đen của làng xa. Mấy sợi mây con vắt ngang qua, mỗi lúc một mảnh dần, rồi tắt hẳn... ánh trăng trong chảy khắp cả trên ngành cây, kẽ lá, tràn ngập trên con đường trắng xóa". Hoặc như ở một câu khác mà từ lâu ta còn nhớ: "Tiếng trống thu không trên cái chòi của một huyện nhỏ: từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương Tây đỏ rực như lửa cháy và những đám mây hồng như hòn than sắp tàn. Giấy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời. Chiều, chiều rồi. Một

buổi chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve”.

Vậy nhịp độ văng lai kế tiếp nơi tập truyện “Nắng Trong Vườn”, dễ nhận ra là văn nghiêng về thi-tính vừa mới nêu ra trong hai đoạn văn trên; mà để cụ-thể-hóa riêng biệt: xin liệt kê rõ ràng có đến sáu lần Thạch Lam hứng cảm viết về những chuyến xe lửa đi và đến, chỉ riêng trong tập truyện này. Chuyến xe lửa đến nơi nghỉ hè, thấy ở truyện đầu tiên: “Nắng Trong Vườn”. Chuyến thứ hai, tàu hỏa đi ngang qua thị trấn, hiện diện trong truyện “Bên Kia Sông”. Chuyến thứ ba nơi truyện “Cuốn Sách Bỏ Quên”: ta gặp Thạch Lam hóa thân là nhân vật nhà văn mới xuất bản một cuốn tiểu thuyết, đang ngồi trong toa xe lửa. Chuyến xe lửa thứ tư trong truyện “Hai Đứa Trẻ”: chuyến tàu khuya mà hai chị em đêm nào cũng cố thức vì như ghiền nghe tiếng rền trên đường sắt; tiếng còi tàu vang âm; và ánh đèn xanh nơi đầu máy đi qua vùng quê của một huyện nhỏ. Chuyến xe lửa thứ năm trong truyện “Tiếng Sáo”: một chuyến tàu từ biệt không bao giờ trở lại của một thiếu nữ bị quyến rũ bởi một gã có tài mê hoặc phái nữ, chuyên đào mỏ rồi phụ tình, một phần cũng do tài thổi sáo nghe rất náo nùng truyền cảm của hắn. Chuyến xe lửa thứ sáu, trong truyện “Bắt Đầu”: chuyến xe lửa đưa một thanh niên từ thành thị đến dự lễ cưới ở vùng quê; góp mặt tiễn người chị về nhà chồng, đồng thời cũng chuẩn bị hôn lễ sắp tới với người em gái. Người con gái nào trong gia đình cũng sẽ bắt đầu có một đời sống riêng, cũng sẽ về nhà chồng, từ già quê hương cha mẹ đầy lưu luyến.

Nơi truyện “Bên Kia Sông”, nhân vật xưng tôi có nói quê của mình ở huyện Văn Dương miền hạ-du, với quang cảnh “Dưới bến thuyền buôn chen chúc đậu/ Trên đường xe lửa lại qua luôn”. Ta nghĩ đây cũng chính là quang cảnh vùng quê của Thạch Lam với

cái tên địa-danh khác, đúng ra phải là Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương. Vì vậy những chuyến xe lửa đi và đến có lắt dấp được nhắc tới trong văn chương Thạch Lam, đó như một điều hiển nhiên. Mười hai truyện trong tập sách này mà có đến sáu truyện với chuyến xe lửa hiện diện, thì có nên gọi đó là “nhịp độ văng lai”? Rõ rệt, những nhắc nhở ấy trong văn chương Thạch Lam mang nét thi-vị; đọc tới có vẻ gì như êm ả của một vùng nửa tỉnh nửa quê mà tàu đến tàu đi làm thành sợi giây nối kết; tạo nên nét đậm đà của một vùng tác giả rất yêu mến. Chất thơ này của Thạch Lam hiển lộ ở hai đoạn văn trích ra ở trên, hoặc ở một đoạn văn khác trong truyện “Hai Đứa Trẻ”: “Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé. Ừ, em cứ ngủ đi... Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rần rộ đi tới. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng, lỗ nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng... Tiếng vang động của xe hỏa đã nhỏ rồi, và mất dần trong bóng tối, lắng tai cũng không nghe thấy nữa...”

Một nhịp độ văng lai phát xuất từ tâm nhân hậu (ánh chớp tình người); một nhịp độ văng lai phát xuất từ hồn thơ trước ngoại cảnh (những chuyến xe lửa ngang qua vùng quê). Người viết bài hy vọng đây là vài đóng góp khi đọc lại sáng tác văn chương của một tác giả quen thuộc trong Nhóm Tự Lực Văn Đoàn thuộc giai-đoạn 1932-1942.

Trần Văn Nam

City of Walnut, California, tháng 3 năm 2016.

SỐNG, CHẾT và YÊU trong Bướm Trắng của NHẤT LINH

Quyên Di

BƯỚM TRẮNG là tác phẩm nổi bật của Nhất Linh, đánh dấu bước chuyển hướng của tác giả, từ tiểu thuyết luận đề, tiêu biểu là Đoạn Tuyệt, sang tiểu thuyết tâm lý.

Nếu trong tiểu thuyết luận đề, tác giả lấy lý luận đánh thép làm chính thì trong tiểu thuyết tâm lý, tác giả lấy diễn biến tâm lý phức tạp của nhân vật làm chính.

Trong Đoạn Tuyệt, Nhất Linh đã hăng say bênh vực luận đề *"đổi mới và tự do cá nhân phải thắng thủ cựu và chế độ đại gia đình."* Hăng say đến độ trong phiên tòa xử Loan tội ngộ sát/cố sát chồng, người đọc có cảm tưởng Nhất Linh đã tự biến mình thành trạng sư để cãi cho Loan trắng án.

Trong Bướm Trắng, Nhất Linh đã để cho nhân vật Trương miên man trong mơ tâm lý phức tạp của một kẻ khao khát sống, khao khát yêu nhưng luôn luôn bị cái chết ám ảnh.

Cốt truyện Bướm Trắng rất đơn giản, vì cốt truyện không phải là chính. Cái chính là diễn biến tâm lý của nhân vật.

Truyện kể về một sinh viên trường Luật ở Hà Nội vào cuối thập niên 30 đầu thập niên 40 tên là Trương. Đang vui vẻ, yêu đời, Trương chợt khám phá ra mình bị bệnh lao, chứng nan y mà vào thời đó người mắc bệnh thường chỉ chờ chết. Vì tha thiết sống nên Trương rơi vào tình trạng tâm lý hỗn loạn, vui, buồn, hy vọng, tuyệt vọng đan lẫn vào nhau.

Giữa lúc ấy, Trương gặp Thu, em gái của Mỹ, một người bạn. Thu đẹp, con nhà giàu và quý phái. Ngay từ phút đầu, Trương đã bị sắc đẹp của Thu cuốn hút. Phần Thu, nàng cũng có cảm tình với Trương. Tuy nhiên, vì hai người đều tự ái nên không ngờ ý cùng nhau. Nhưng rồi cuối cùng, Trương viết cho Thu một bức thư tỏ tình. Gửi thư rồi, Trương lại ân hận vì có cảm tưởng mình lừa dối Thu để mua lấy hạnh phúc, sung sướng một cách ích kỷ. Khi thấy phản ứng của Thu đối với tình yêu của mình không rõ rệt, Trương quyết định tránh không gặp Thu nữa.

Quãng nửa năm sau, tình cờ nghe anh họ của mình là Hợp và các bạn nói về bệnh tình của Trương, Thu cảm thấy mình có trách nhiệm về cuộc sống của chàng. Thu cho rằng Trương xa tránh mình vì chàng cao thượng, không muốn làm mình khổ. Thế rồi Thu quyết định đến thăm Trương. Lần ấy hai người bày tỏ tình yêu dành cho nhau.

Đang khi Thu nghĩ rằng Trương cao thượng và đáng thương nên quyết tâm cứu vãn chàng thì Trương lại tự thấy mình hèn hạ vì mình đã lừa dối Thu. Trương cho rằng Thu chỉ ngỡ chàng bị bệnh phổi xoàng nhưng thực ra chàng biết mình bị bệnh lao sắp chết mà cứ giấu không cho Thu hay, lý do là chàng muốn níu kéo tình yêu Thu dành cho mình.

Trong những ngày này, Trương không biết hướng cuộc sống mình về đâu. Chàng về quê, nhờ người trong họ hàng bán hết ruộng đất cha mẹ để lại, lấy tiền ăn chơi. Tuy nhiên Trương cắt ra 5 mẫu đất nhường cho bà dì họ xa tên là Thiêm, có cô con gái tên Nhan, vốn đã được Trương cho ở nhờ trên đất ấy.

Phung phí hết tiền bạc trong chốn chơi bời trụy lạc, Trương bị nhóm bạn bè ăn chơi xa lánh dần. Nhiều lúc Trương có ý định tự tử, không phải vì nghèo khổ nhưng vì thấy cuộc sống vô nghĩa và tình yêu của mình tầm thường. Cuối cùng vì không còn tiền, Trương phải nhận một việc làm ở Hải Phòng do một ông cụ quen biết giới thiệu.

Trước khi đi Hải Phòng làm việc, Trương có dịp cùng nhóm bạn bè trong đó có anh của Thu và Thu rủ đi chơi chùa Thầy. Tại đây, lần đầu tiên, mà cũng là duy nhất hai người hôn nhau.

Tại Hải Phòng, Trương được chủ tín nhiệm cho giữ kết tiền của công ty. Công việc quá nhàn hạ khiến Trương càng chán nản cuộc sống. Một ngày nọ, Trương lấy hết 400 bạc trong két. Chàng về Hà Nội, rủ một cô gái làng chơi tên là Phương đi đánh cá ngựa. Trương thua hết sạch số tiền thật kết.

Trương đến nhà Thu, chuyện trò với anh em Thu như không có chuyện gì xảy ra. Mục đích của Trương không hẳn là muốn thăm Thu lần cuối trước khi vào tù, mà để khi chuyện vỡ lở, đăng trên mặt báo, Thu phải nhận Trương là người can đảm.

Sau khi đọc tin trên báo về chuyện Trương biến thủ quỹ của công ty, Thu tìm cách gặp Trương. Nàng đề nghị kiếm đủ số tiền để Trương trả lại công ty nhưng Trương từ chối.

Một buổi tối Trương gặp Mùi, cô con gái hàng xóm chàng quen biết khi còn là một cậu học sinh son trẻ. Vì hoàn cảnh, Mùi biến thành gái làng chơi, lại bị bệnh nên thọt một chân. Hôm ấy là lần đầu Mùi kiếm khách thì lại gặp ngay Trương. Trương tự

làm cho mình thêm bệ rạc bằng cách đi chơi với một gái điếm thọt chân. Chàng dẫn Mùi vào quán ăn sang trọng, cho Mùi mấy chục bạc còn lại, thú thật với Mùi là mình thật kết, sắp vào tù. Chàng chỉ đòi Mùi hứa là với số tiền chàng cho, Mùi trở về làm cô bán hàng xén như xưa.

Không muốn bị bắt và dẫn từ Hà Nội về Hải Phòng, Trương tự về Hải Phòng đầu thú. Chàng bị bỏ tù.

Ra tù, Trương lại về Hà Nội. Tình cờ trên chuyến xe lửa, Trương gặp gia đình Thu mới đón người anh lớn du học từ Pháp về. Trương thấy rõ mọi người đều sợ ông anh ấy biết họ đã giao du với một kẻ bất hảo như Trương, chàng càng cố tình tìm cách trêu tức mọi người nhưng rồi cuối cùng cũng không để cho ai mất mặt.

Được biết bệnh mình đã khỏi hẳn, đồng thời có cảm tưởng ai cũng xa lánh mình nên Trương rất chán nản. Ngay cả tình yêu đối với Thu cũng khiến Trương mệt mỏi. Ý định tự tử trở lại với Trương nhưng Trương lại cảm thấy tiếc Thu. Chàng quyết định mua một con dao, tìm cách gặp Thu để rủ Thu đi trốn, thỏa mãn nhục dục với Thu rồi tự tử. (Cũng có thể Trương dự tính giết Thu rồi sau đó tự tử.)

Trương viết một bức thư, tìm mọi lời khôn khéo để thuyết phục Thu gặp mình, kể cả việc vấy vào bức thư mấy giọt nước giả làm nước mắt cho chữ nhoè đi. Đọc bức thư giả dối ấy, Trương lại thấy nó rất thực đối với cảm xúc của mình.

Thu nhận lời gặp Trương. Trương vui, tuy nhiên cũng không rõ Thu nhận lời vì còn yêu chàng hay vì muốn chấm dứt những rắc rối, quấy rầy do chàng gây ra; gặp một lần cho xong. Nhưng Trương chợt nhớ ra ngày hẹn Thu cũng là ngày giỗ mẹ chàng. Chàng quyết định không gặp Thu nữa, và lại việc Thu nhận lời đã

khiến chàng thoả mãn lòng tự ái. Thay vì đến chỗ hẹn, Trương viết một mấy dòng chữ giải thích, nhờ một đứa bé đưa cho Thu.

Trương bỏ về quê và quyết định lấy Nhan, cô con gái đẹp giản dị để sống một cuộc sống bình yên, quên đi mối tình đối với Thu. Tuy nhiên hôm gặp lại Nhan, Trương vẫn thấy thất vọng vì Nhan quá đơn giản, không có những lời nói hay cử chỉ lãng mạn như chàng mong ước.

VỀ TÊN “BƯỚM TRẮNG” VÀ GIÁ TRỊ CỦA TÁC PHẨM

Có rất nhiều phỏng đoán lý do Nhất Linh đặt tên tác phẩm này là “Bướm Trắng,” trong khi chính tác giả không đưa ra lời giải thích nào.

Trần Văn Nam, trong bài viết *Nghĩ Về Nhan Đề “Bướm Trắng” Của Nhất Linh*, có chỗ cho rằng: *“Trong tác phẩm Nhất Linh đã động đến cánh bướm trắng, đó là khi nhân vật Trương biết chàng mắc bệnh lao, có thể chỉ sống trong vòng một năm nữa, lúc ấy chàng nhìn hoa cẩm chướng trắng mà tưởng tượng những con bướm trắng của một thời thơ ấu lành mạnh và xa xôi. Từ hình tượng này, ta nghĩ rằng ý nghĩa của tác phẩm là sự nuối tiếc thời thanh xuân tươi đẹp trong sáng.”* Nhưng cũng chính Trần Văn Nam lại cho rằng *“ý nghĩa tìm ra ấy hình như quá dễ dàng. Có lẽ đâu nhà văn mở cửa cho độc giả thấy ý nghĩa của nhan đề quá lộ liễu như thế.”*

Trần Văn Nam đưa ra thêm vài phỏng đoán nữa:

“Căn cứ vào cốt truyện trên đây, ta có thể kết luận bướm trắng là biểu tượng của tình yêu giản dị, không phức tạp. Con bướm trắng không sắc sỡ nhưng êm ái đậu trên cây cỏ của vườn xưa...”

“Nhưng dựa vào khuynh hướng viết tiểu thuyết của Nhất Linh, khuynh hướng phân tách tâm lý, đào sâu vào những ngõ

ngách lòng người, ta lại có một ý nghĩa khác về biểu tượng con bướm trắng. Bướm trắng là con vật chấp chờn, phát phơ trên cành lá, cho nên bướm trắng có thể là biểu tượng cho nội tâm bí ẩn và bất trắc của con người.”

“Bướm Trắng, biểu tượng tươi đẹp của thời thanh xuân lành mạnh. Bướm Trắng, biểu tượng chấp chờn của nội tâm con người bất trắc. Bướm Trắng, biểu tượng giản dị của tình yêu êm đềm không phức tạp. Ta vẫn không thể quả quyết giải thích nào gần nhất cho nhan đề Bướm Trắng của Nhất Linh.”

Cũng có những người muốn liên kết ý nghĩa tựa đề “Bướm Trắng” với tích “Trang Tử hoá bướm” nhưng người ta không thấy có sự liên hệ chặt chẽ nào giữa cánh bướm trắng của Nhất Linh với cánh bướm trong giấc mơ Trang Tử.

Vì tất cả đều chỉ là phỏng đoán nên người viết bài này cũng đưa ra lời phỏng đoán của mình: Tình yêu dành cho Thu, hay nói rõ hơn, Thu, chính là cánh bướm trắng đối với Trương. Cánh bướm chấp chờn, khi bay lên cao, khi hạ xuống thấp được ví như Thu và tình yêu của nàng, nó chấp chờn, gần mà như xa, xa mà như gần khiến Trương bị thúc đẩy đưa tay muốn bắt. Cũng có lúc Trương bắt được cánh bướm ấy trong tay, nhưng lại sợ bướm bị gãy cẳng, bị nát cánh vì bàn tay thô bạo của mình, chàng lại buông ra. Vì thế cánh bướm trắng ấy (Thu và tình yêu của nàng) cứ mãi chấp chờn.

Việc đánh giá “Bướm Trắng” có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, nhà phê bình nào cũng phải nhận rằng đây là một tác phẩm rất đặc biệt của Nhất Linh.

Võ Phiến, trong “*Đọc/đọc lại Nhất Linh*,” nhận định rằng:

“Nhất Linh chẳng những có đổi cũ thay mới mà còn thay đổi rất nhanh.”

Và nhanh hơn nữa là sự biến chuyển từ Đoạn tuyệt sang Bướm trắng: chỉ trong vòng thời gian chưa đầy năm năm ông từ bỏ quan niệm viết cho luận đề một thời để nhảy sang quan niệm viết cho cái hay muôn thuở, chuyển từ mục tiêu nhân sinh sang mục tiêu nghệ thuật.

Sau Bướm Trắng quan niệm ấy được nghiên cứu kỹ, đúc kết thành lý thuyết, làm nền tảng cho những sáng tác của Nhất Linh hậu chiến. Nhưng từ một quan niệm sáng tác này nhảy sang một quan niệm sáng tác khác, chuyện ấy còn dễ dàng hơn là thay đổi bút pháp. Bút pháp của một người dính liền với cá tính người ấy (*Le style, c'est l'homme*). Bản tính không thay thì bút pháp cũng ít khi đổi. Thế nhưng từ Nhất Linh trẻ sang Nhất Linh già bút pháp khó lòng nhận ra là của một người."

Học giả/giáo sư Bùi Xuân Bào, trong một chuyên luận về tiểu thuyết Việt Nam 1925-1945 bằng tiếng Pháp đã ghi nhận điều này: "Bướm Trắng đánh dấu một giai đoạn mới trong tiến trình Nhất Linh vì tác giả đã hoàn toàn dứt bỏ công thức luận đề mà xưa nay ông vẫn sử dụng. Ở đây hư cấu tiểu thuyết không tìm cách chứng minh điều gì. Mà chỉ nhằm phân tích tâm hồn một thanh niên ở tuổi hưởng thụ cuộc sống, khát khao hạnh phúc, mà chứng bệnh nan y đã cản ngăn những nguyện vọng chính đáng nhất (...)"

Tác phẩm vô cùng độc đáo. Trước Nhất Linh và đồng thời với ông, chưa có tác giả nào đẩy xa như vậy cuộc phân tích một bi kịch của tâm thức. Chưa bao giờ nỗi ám ảnh của cái chết được đan kết chặt chẽ như vậy với những hoang mang của tình yêu." (Trích theo bài viết "Đọc Bướm Trắng của Nhất Linh" của Đặng Tiến.)

Nhà biên khảo Phạm Thế Ngũ, trong "Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên" nhận định rằng: "Qua Bướm Trắng, Nhất Linh cũng đã đưa ngòi bút phân tích tâm lý vào địa hạt nhân bản muôn thuở với trường hợp bi đát con người bị giằng co giữa tình

yêu và cái chết, con người muốn phá hoại nhân phẩm, tự thân truy lạc, mà vẫn không thể nào không hướng về những nẻo thiện mỹ, con người tủi thân giận hận muốn tìm xuống đáy địa ngục mà nằm cho xong nhưng hồn mộng vẫn chấp chờ đôi cánh bướm trắng, hình ảnh một hạnh phúc thiên đường đã trót để lỡ."

HUYỀN BÍ CỦA ĐỜI NGƯỜI

Đời người bắt đầu bằng một sự huyền bí: cái SỐNG, và kết thúc cũng bằng một sự huyền bí: cái CHẾT. Cái huyền bí "sống" kéo dài từ khi con người chào đời cho đến khi cái huyền bí "chết" xuất hiện.

Giữa hai huyền bí "sống" và "chết" xuất hiện cái huyền bí thứ ba: "YÊU."

Tại sao tôi sinh ra mà không phải là không được sinh ra? Tôi sống trên đời này để làm gì? Tôi chết. Sao lại chết vào lúc này mà không phải là lúc khác? Sống thì tốt cho tôi hơn hay chết thì tốt hơn? Tôi chết rồi thì còn tôi hay không? Nếu còn tôi thì "tôi" ấy như thế nào, đi về đâu? Tất cả đều là huyền bí.

Và rồi trong cuộc sống, tôi yêu. Sao tôi yêu vào lúc này mà không yêu vào lúc khác? Sao tôi yêu người này mà không yêu người khác? Sao tôi yêu người chưa từng có liên hệ gì với tôi, chỉ là "người dưng khác họ" mà lại yêu hơn cả người thân của tôi, có khi hơn cả cha mẹ tôi là những người nuôi dưỡng tôi, hy sinh tất cả cho tôi? Tôi yêu, có thật là tôi yêu hay chỉ là thích, là mê đắm, hay là yêu chính tôi? Tình yêu giúp tôi triển nở con người tôi hay huỷ hoại chính tôi? Biết bao nhiêu là câu hỏi, ngờ vực về "yêu."

Ba điều huyền bí ấy lẫn lộn vào nhau, trong tâm lý một nhân vật của Bướm Trắng, đó là Trương.

Và Nhất Linh đã cho ba huyền bí ấy xuất hiện cùng một lúc, hay ít ra là sát nhau, ngay trong phần mở truyện.

Trương khám phá ra mình bị bệnh lao, lúc nào cũng lo là mình sắp chết. Nhưng câu mở đầu truyện lại là câu diễn tả về niềm vui của cuộc sống:

"Trương chậm bước lại vì chàng vừa nhận thấy mình đi nhanh quá tuy không có việc gì và cũng không nhất định đi đến đâu. Từ lúc này, vô cớ chàng thấy lòng vui một cách đột ngột khác thường tự nhiên chàng đi nhanh làm như bước đi cần phải đi nhịp với nỗi vui trong lòng."

Nhưng chỉ cách một vài câu, Nhất Linh cho Trương hồi tưởng ngay về cái chết và tình yêu:

"Trên đường cơn gió thổi bay lên mấy chiếc lá khô và một ít bụi trắng, khiến Trương cảm thấy nỗi hiu quạnh của cuộc đời cô độc chàng sống đã mấy năm nay. Chàng thốt nhớ đến Liên, người yêu của chàng đã chết vì bệnh lao ba năm trước. Chàng nghĩ đến những cái thú thần tiên của tình yêu lúc ban đầu, và nỗi buồn của chàng khi được tin Liên chết."

Kể từ lúc đó, Nhất Linh để cho Trương càng lúc càng quan tâm đến cái sống của chàng:

"Trương ngừng lại trước một cửa hàng và nhìn bóng mình trong một chiếc gương nhờ có ánh sáng đều đều của một ngày phủ mây nên mặt chàng không có vẻ hốc hác như mọi lần. Chàng vui mừng, không, chàng không đến nỗi gầy lắm, có lẽ béo hơn một chút thì tốt, nhưng béo quá, béo đến nỗi xấu và già đi như Lương và Mịch thì chàng sẽ khó chịu vô cùng."

Đang lúc Trương vui mừng như thế thì cái "chết" xuất hiện, một đám tang:

"Ở phía xa có tiếng trống và tiếng kèn thổi một cách vội vàng. Những chấm xanh vàng của đối tượng hiện ra ở đầu phố lẫn với những chấm trắng của các người đi đưa đám."

- Có lẽ đám ma cậu anh Hợp đã trở về.

Chàng bước nhanh về phía đám ma..."

Cũng trong bối cảnh đám tang ấy, huyền bí "yêu" xuất hiện. Trương gặp Thu. Thu là em họ của Hợp, người bạn duy nhất biết Trương mắc bệnh lao. Họ cùng lên xe điện sau đám tang.

Thu đẹp. Người phụ nữ đẹp sẽ càng đẹp hơn khi họ có dáng vẻ đau buồn và mệt mỏi.

"Chàng dăm dăm nhìn lại hai con mắt to và đen, sáng long lanh như còn ướt nước mắt và đôi gò má không phấn sáp, ửng hồng, ẩn trong khuôn vải trắng. Vẻ buồn của tang phục làm lộ hẳn cái rực rỡ của một vẻ đẹp rất trẻ và rất tươi. Nét mặt thiếu nữ, Trương thấy kiêu hãnh một cách ngây thơ và cái vẻ kiêu hãnh lại làm cho sắc đẹp thiếu nữ có một ý vị hơn lên như chất chua của một quả mơ."

"Thu từ lúc lên xe không nói gì: nàng ngả đầu vào cánh cửa và lim dim mắt lại vì buồn ngủ quá. Thỉnh thoảng Thu lại mở mắt để cố chống lại giấc ngủ vì nàng cho ngủ ở trên xe như vậy là không lịch sự. Trương đứng lên kéo cửa kính cho gió khỏi lọt vào chỗ Thu ngồi. Thu mỉm cười nói:

- Cám ơn ông.

Giọng nói mệt nhọc và ảm áp. Trương nghe có một vẻ quyến rũ mê đắm. Trong lúc Thu nhắm mắt lại, Trương tha hồ ngắm nghía, chàng cố trấn tĩnh sự cảm động bàng hoàng để nhìn thật kỹ nét mặt Thu... Trương nhìn kỹ vẫn thấy Thu đẹp mà may quá người đẹp ấy lại là người mà mới nhìn chàng đã biết rằng có thể yêu mê man..."

Từ đó trở đi, Nhất Linh để cho tình yêu Trương - Thu phát triển dần dần. Càng yêu, Trương càng quan tâm đến cái sống và cái chết của mình. Chàng đến phòng mạch mà bác sĩ vốn là bạn,

tìm cách đánh lừa để Chuyên (bác sĩ) phải nói thật về tình trạng sức khoẻ, về thời hạn sống được bao lâu. Và chàng thành công: Chuyên cho biết Trương có thể sống được thêm một năm. Chuyên còn cho biết thêm là ngoài bệnh phổi, chàng còn mắc bệnh tim. Thế là Trương tin chắc là mình sắp chết, chết sớm.

Và rồi Trương quyết định tận hưởng cuộc SỐNG trước khi CHẾT.

"Chàng sẽ nếm đủ các khoái lạc ở đời, chàng sẽ sống đến cực điểm, sống cho hết để không còn ao ước gì nữa, sống cho chán chường. Trương thấy mình nô nức hồi hộp mà lại sung sướng nữa. Chàng sung sướng chỉ vì chàng thấy mình như một con chim thoát khỏi lồng, nhẹ nhàng trong sự tự do không bờ bến. Những cái ràng buộc, dằn nén của đời sống thường không còn nữa, chàng sẽ hết băn khoăn, hết e dè hoàn toàn sống như ý mình.

- Chết thì còn cần gì nữa?"

Đang khi ấy, YÊU lại xuất hiện trong cuộc sống của Trương. Về YÊU, Bướm Trắng có nhiều cảnh rất gợi cảm.

Cảnh Trương theo Hợp, Mỹ và Thu về ấp mừng thọ ông nội. Trong đêm khuya, khi Trương và Hợp nằm ở buồng ngoài, còn anh em Mỹ, Thu và bà dì nằm ở buồng trong, có lúc Trương đã nhìn qua khe vách và thấy bàn tay của Thu.

"Trương chống khuỷu tay, ngừng đầu lên: có ánh đèn ở buồng bên kia chiếu qua bức vách gỗ. Trương tìm chỗ hở có nhiều ánh sáng nhất ghé mắt nhìn sang. Mới đầu chàng chỉ thấy ánh sáng loe ra thành vòng tròn, chàng chớp mắt và một lúc lâu nhìn quen, chàng thấy một mảnh trắng của tấm chăn hiện ra. Trương nghiêng đầu nhìn chéo sang một bên, nhưng mặt Thu bị khuất sau một chiếc gối. Chàng nhìn qua xuống phía dưới: trên nền vải trắng một bàn tay của Thu hiện ra trước mắt chàng. Mấy ngón tay thon để xoải ra và khẽ lên xuống theo điệu thở. Trương yên

lặng nhìn như vậy lâu lắm. Sao lúc đó chàng thấy chàng khổ sở thế: chàng cũng không hiểu tại sao, chàng mang máng thấy đời người đẹp vô cùng, trong sự sống có bao nhiêu cái đẹp mà riêng mình chàng bị hắt hủi. Đối với đời chàng như người được ngắm có cái bàn tay.

Trương nằm xuống, thấy bụi ngủi như sắp khóc. Chàng có thể giữ được, nhưng chàng lại muốn khóc nên cố nuôi nỗi buồn cho nước mắt ràn ra. Một dòng nước chảy qua thái dương xuống bàn tay. Chàng nhìn về chỗ có ánh sáng lọt qua, gọi thầm:

- Em Thu, em Thu..."

Cảnh Thu thay áo. Khi Thu đi rồi, Trương ôm lấy cái áo đó. Thu tình cờ quay lại và chợt hiểu.

"Trương cầm giấy và một quyển sách bìa cứng ra vườn viết. Khi ngang qua cửa sổ buồng trong, chàng chợt bắt gặp Thu đang ngồi ghé ở giường thay áo."

"... Khi qua khung cửa sổ, chàng chú ý nhìn như không có Thu ngồi ở đấy nữa, chỉ có chiếc áo cánh nàng vừa thay vắt ở đầu giường. Trương đứng lại nhìn chiếc áo cánh một lúc, đáng tư lự rồi đi thẳng..."

"... Trương nhìn theo Thu khi nàng khuất sau cái thành bể xây, Trương gấp vội bức thư bỏ vào túi. Chàng nhìn cửa buồng bên một lúc rồi đi vào buồng. Chàng đến gần bên giường. Nhìn qua cửa sổ ra ngoài không thấy bóng ai, Trương với chiếc áo cánh của Thu rồi úp mặt vào chiếc áo mà chàng âu yếm vò nát trong hai bàn tay. Lụa áo Trương thấy mềm như da người và mùi thơm hơi cay, không giống hẳn mùi thơm của nước hoa xông lên ngậy ngất. Trương cảm thấy mình khổ sở vô cùng, chàng thấy làm lạ sao mình lại đau khổ đến thế, đau khổ như một người sắp chết, cảm tưởng ấy giống hệt như cảm tưởng đêm qua khi chàng nhìn trộm bàn tay của Thu trên tấm chăn.

Trong lúc ấy Thu đã đi gần đến nhà khách bỗng quay trở lại. Nàng mang máng thấy có vẻ gì bất thường trong cử chỉ của Trương vừa rồi. Như cái máy, nàng quay trở lại, nàng cũng không biết tại sao và quay lại để làm gì. Đi khỏi cái bể xây, Thu dừng lại vì thoáng thấy Trương trong buồng. Nàng chăm chú nhìn và khi đã hiểu: nàng đứng yên lặng, khắp người rờn rợn như có ai sờ vào da thịt mình. Thấy Trương bỏ chiếc áo vào chỗ cũ, nàng giật mình, đứng lùi khuất sau thành bể.

Thu đi ngoặt ra phía sau nhà thóc, nơi mà nàng biết không ai đến bao giờ, nàng ngồi xuống bậc gạch, hai tay ôm má cúi nhìn mũi giày. Nàng thương hại cho Trương và bàng hoàng lo sợ...”

YÊU đẹp như thế, gợi cảm như thế, nhưng cái CHẾT vẫn quanh quẩn đâu đó, trong cảnh vật và trong tâm tưởng của Trương. Nhân một buổi Thu khâu lại cái áo cho Hợp và làm ra vẻ không quan tâm đến Trương, chàng bỏ ra ngoài, đi dạo một mình và ý nghĩ tự tử lớn vờn trong đầu.

“Chàng trôi qua hai, ba cái dốc đến một chỗ khuất, có bóng cây, rồi nằm xuống cỏ ngửa mặt nhìn lên. Trương tưởng như tìm được một chỗ yên tĩnh rồi thì giải quyết xong ngay cái ý định tự tử vẫn lớn vờn trong óc chàng từ khi đứng nhìn Thu.

- Có nên không? Có lẽ thế là hơn cả.

Trương cố tưởng tượng ra lúc mình uống thuốc phiện, giấm thanh và nằm đợi cái chết đến. Chàng chắc cũng chẳng khác gì bây giờ, chỉ khác là một đằng chết ngay, một đằng cái chết còn lâu mới đến. Nhưng chàng thấy khó nhất là lúc cầm cốc để lên miệng uống. Không, tự nhiên vô cớ chàng không thể nào có can đảm ấy được.”

Rồi Trương lại nảy ra ý tưởng giết Thu vì nếu cùng chết thì cái chết thật êm ái.

“Trương nghĩ nếu làm thế nào rủ được Thu cùng tự tử thì cái chết của hai người sẽ êm ái lắm.

- Hay là ta giết Thu.

Trương lấy làm lạ rằng chưa bao giờ nghĩ đến việc giết Thu, ý tưởng ấy đến đột ngột quá nên Trương sợ hãi, mắt nhìn trừng trừng vào quăng không một lát. Trương lắc đầu rồi cố nằm yên không dám nghĩ nữa...

... Khi về đến nhà cũ, Hợp và Thu vẫn còn đứng ở ngoài hiên. Trương có cảm tưởng như vừa ở một thế giới khác trở về. Chàng nhớ lại cái ý định giết Thu lúc này, và bất giác nhìn vào cổ Thu. Lúc đầu chàng nhìn thấy vẻ đẹp cả cái cổ tròn màu trắng dịu và non như một búp hoa ngọc lan sắp nở.”

Có ý định tự tử, có lẽ vì Trương thấy cuộc sống thật vô nghĩa, vô nghĩa như cái chết của một con bọ.

“... Một con bọ như một hạt đỗ màu đỏ thắm bò trên đầu gối chàng, xoe cánh toan bay rồi lại cụp vào. Trương ngẫm nghĩ:

- Không biết con bọ ấy nó có những ý tưởng gì trong óc mà nó sống làm cái gì?

Trương giơ tay bắt con bọ và nghĩ đến lúc này nó nhất quyết bay đi thì nó sẽ không chết. Chàng bóp mạnh cho đến khi con bọ nát nhừ trong hai ngón tay.

- Nó chết hay không cũng không có gì khác.”

Giữa SỐNG và CHẾT, YÊU vẫn khiến Trương bị dẫn vật. Thành linh bỏ ắp về Hà Nội như để dứt khoát quên Thu sau khi đã gửi thư tỏ tình, nhưng Trương không quên Thu được. Thu, đối tượng của YÊU lại hoà nhập với cái CHẾT.

“Chàng thiu thiu sắp ngủ: những ngôi sao chàng thấy xa dần mờ hẳn đi và hiện ra hai con mắt đen của Thu. Hình như nàng mặc

áo tang, đội mũ, tóc xõa đi theo một chiếc áo quan và chính chàng lại nằm trong chiếc áo quan ấy, người chàng liệm toàn vải trắng. Phảng phất cả mùi thơm của những vòng hoa. Trương ngủ đi lúc nào không biết.”

Dịp Trương về quê bán đất cũng là lúc cái SỐNG và cái CHẾT hoà quyện lấy nhau trong tâm trí Trương. Chàng bán đất để có tiền SỐNG cho đến tận cùng trong thú ăn chơi truy lạc nhưng lại cứ nghĩ đến cái CHẾT.

“Chiều đến, Trương xuống cuối làng thăm mộ hai thân chàng. Trương không muốn chết ở quê nhưng chàng mong khi chết rồi người ta sẽ đem chàng mai táng ở nghĩa địa nhà, chàng thấy nằm ở các nghĩa địa gần Hà Nội có vẻ tạm thời không được vĩnh viễn và ấm áp như ở đây, cạnh những người thân thuộc. Chàng hơi buồn nghĩ đến chẳng bao lâu nữa lại có những đứa trẻ như chàng hồi còn bé, chạy nhảy trên mộ chàng, hoặc thả diều, hoặc bắt châu chấu những buổi chiều hè lộng gió. Chàng sẽ không biết đau khổ là gì nữa: trên mặt đất, chỗ chàng nằm chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ và ở một nơi nào đó Thu mà chàng không bao giờ quên vẫn đi lại, cười nói, sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia.”

Cùng lúc Trương nghĩ đến cái SỐNG (truy lạc) và cái CHẾT thì một đối tượng khác của YÊU xuất hiện: Nhan. Nhan là con gái bà Thiêm, bà di họ xa mà hai mẹ con vẫn ở trên mảnh đất Trương sở hữu. Nhan đẹp hiền lành và rất tôn trọng Trương. Trương thường gọi Nhan bằng cái tên chàng dùng để trêu ghẹo: “Hồng NHAN đa truân.” Nhân buổi hẹn để trao giấy nhượng 5 mẫu đất cho mẹ con Nhan, Trương đã hôn nàng.

“Trương đặt tờ giấy vào lòng bàn tay Nhan trong tay mình. Nhan để yên. Trương ghen ngào chỉ nói được một tiếng:

- Em...

Chàng giờ tay vòng lấy cổ Nhan kéo về phía mình. Chàng lấy làm lạ thấy Nhan cứ việc theo chàng. Mỗi chàng chạm vào một làn tóc, rồi đặt trên cổ Nhan đã đầm mồ hôi. Chàng giờ tay gạt mớ tóc rồi tìm đôi môi của Nhan.

Trương nhắm mắt lại, lần đầu tiên chàng trao hôn với một người con gái trong sạch mà chàng yêu nên chàng muốn để hết cả tâm hồn hưởng cái thú ngây ngất nó đương làm chàng mê dại.”

Nhưng hôn Nhan rồi, Trương lại bị dẫn vật nên vội đẩy Nhan ra và giục nàng đi về ngay. Chàng có cảm tưởng mình làm ơn cho mẹ con Nhan để đổi lấy một cái hôn. Nhưng... Nhan đi rồi Trương lại tiếc sao ngừng lại với chỉ một cái hôn suông. Chàng lẩn thẩn nghĩ rằng giá mình ngừng được, đừng cầm tay Nhan, còn đã hôn rồi mà chỉ có thể thôi thì vô lý hết sức.

Trở về với những cảnh gợi cảm của YÊU, cảnh Thu đến thăm Trương, ăn bánh, bộc lộ tình cảm, tặng khăn cũng rất gợi cảm...

“Trong lúc Thu ăn bánh. Trương ngồi nhìn chăm chú vào đôi môi của Thu. Thu ăn dở một chiếc vừa đặt xuống. Trương cầm ngay lấy chiếc bánh dở ăn nốt:

- Cả đời anh chưa bao giờ ăn chiếc bánh nào ngon hơn.

Thu then nóng bừng cả mặt. Nàng hơi lo sợ, bất giác đưa khăn tay lên lau miệng. Trương hiểu ý:

- Em không sợ, anh không dám xúc phạm đến em, anh chỉ xin em cho phép anh cầm lấy bàn tay em trong một lúc, một lúc thôi.

Thu vẫn để yên chiếc khăn tay che miệng, nàng như người bị thôi miên thong thả giờ bàn tay phải ra cho Trương nắm lấy. Trương nắm rất nhẹ lấy bàn tay Thu, bàn tay mà trước kia chàng chỉ được nhìn trộm trên nền khăn trắng. Tự nhiên Thu có một cử chỉ thân mật như vợ với chồng, kéo hai bàn tay của Trương đặt lên đùi mình. Trương nhận thấy hơi ấm của người Thu thấm dần

dẫn vào hai lòng bàn tay và đoán thấy cái êm ái của làn lụa trên da thịt...”

“Khi Thu đi ngang qua, chàng đã toan cầm lấy tay một lần nữa rồi hôn Thu, nhưng chàng cố giữ lại được. Chàng nói:

- Em cho anh xin chiếc khăn tay của em.

Thu không đưa chuyển tay chiếc khăn cho Trương, nàng đặt vội chiếc khăn lên mặt ghế vội đi ra...”

“... Nghĩ đến chiếc khăn của Thu, Trương vội cầm lấy vò nát trong hai bàn tay rồi đưa lên miệng. Chàng vừa cắn mạnh chiếc khăn vừa thầm nói với Thu, rưng rưng muốn khóc:

- Em Thu yêu anh làm gì. Khổ anh lắm.”

Nghệ thuật viết truyện được phân tích theo lối Mỹ, thường được xây dựng như sau:

1. Bối cảnh – truyện xảy ra khi nào, ở đâu
2. Nhân vật – tác giả để cho các nhân vật chính, phụ xuất hiện trong bối cảnh đó.
3. Diễn tiến qua các phân cảnh
4. Đỉnh điểm
5. Các diễn tiến hạ thấp dần xuống
6. Giải quyết vấn đề

Có thể nói cảnh Trương – Thu gặp nhau, trao tình là đỉnh điểm, từ đó các diễn tiến dần dà đi xuống, mặc dù có cao lên một lần nữa là cảnh Trương – Thu hôn nhau lần đi chơi ở chùa Thầy.

Cảnh ấy cũng gọi cảm lắm:

“Trương giữ chặt người Thu trong tay mình và thấy Thu điềm tĩnh ngửa mặt đưa đôi môi ra cho chàng hôn như có ý định từ lâu. Trương ôm vòng lấy cổ Thu, dựa đầu nàng vào phiến đá. Hai tiếng rất gần thốt ra liền nhau:

- Em...

- Anh!

Rồi hai người yên lặng hôn nhau, mê man trong cái thú thần tiên, bờ ngõ của cái hôn trao yêu thứ nhất trên đời. Hai mắt Thu mở to, Trương thấy trong và đẹp long lanh như thu hết cả ánh sáng của vùng trời cao rộng. Thu níu mạnh lấy hai vai Trương và nàng nói mấy tiếng rất nhỏ, nhỏ quá Trương không nghe thấy, nhưng cũng đoán hiểu là nàng định nói:

- Em yêu anh.”

Rõ ràng, đến thế là YÊU đã tiến lên cực điểm rồi chỉ còn đi xuống. Chính Nhất Linh cũng có cảm giác như thế khi diễn tâm tâm lý của Trương sau nụ hôn:

“... Chàng buồn vì vừa mất đi không lấy lại được nữa một thứ gì đẹp nhất ở trong đời, chàng thấy tình yêu của hai người lúc ban sáng đã tới một mực cao cực điểm và từ nay trở đi chỉ là lúc tàn dần: ánh sáng rực rỡ đã tắt và buổi chiều buồn bắt đầu về trong lòng chàng, trong đời chàng từ nay.”

Nhưng Bướm Trắng là tác phẩm tâm lý nên diễn tiến truyện không đơn giản như 6 điểm ta vừa nói. Trương – Thu gặp nhau và trao tình chỉ là đỉnh điểm của mối tình hai người. Đó là đỉnh điểm của cái YÊU. Nếu về cái SỐNG thì đỉnh điểm lại là chuyện Trương thụt két, lấy tiền ăn chơi, “bao gái,” đánh cá ngựa, thua sạch.

Mà đỉnh điểm của cái SỐNG đó lại liên quan đến đỉnh điểm của cái YÊU. Tại sao Trương hành động như thế? Sâu xa trong lòng, Trương mệt mỏi với tình yêu đối với Thu. Chàng vẫn có cảm giác lừa dối nàng mà lại không có can đảm xa rời nàng. Chỉ còn một cách là huỷ hoại danh dự của mình để không xứng với Thu

và với tình yêu nàng dành cho mình nữa. Trương đã thành công, đã đi đến cái tận cùng của bộ rạc.

Ngay từ trước ngày đi Hải Phòng nhận việc làm rồi thụt két, bị tù, Trương đã nhận ra cái tầm thường, khổ nạn của mình.

"Ngoài cái mong chết vì chán sống, chàng lại mong chết để thoát được tình yêu của Thu. Chính chàng đã thấy sợ chàng, sợ sẽ có những hành vi rất xấu đối với Thu, đối với đời, nếu chàng còn sống ít lâu nữa. Chắc chắn chàng sẽ quấy rầy đến Thu, không thể khác được. Đó là một sự tất nhiên, một sự định số nếu chàng chưa chết ngay. Chàng còn sợ hãi hơn nữa vì chàng thấy trước rằng nếu còn sống thì không bao giờ nữa chàng là người có lỗi. Phải, từ nay "không bao giờ là người có lỗi", chàng không có tội với ai nữa, chàng hết cả trách nhiệm của một người và có lẽ hết lương tâm của một người biết hối hận. Trương ngay từ bây giờ đã thấy rõ rằng đó sẽ là sự thực, chàng sẽ trở nên như vậy. Chàng mở to hai con mắt, khắp người rờn rợn sợ hãi vì lần đầu nhận thấy rõ căn bản của tâm hồn mình, một căn bản vô luân khổ nạn, bấy lâu còn ẩn núp che đậy, giờ mới lộ rõ ra. Tuy vậy, Trương chỉ thấy mình sợ mình chứ không thấy sợ khinh."

Trong những lúc ấy, ý tưởng tử tự vẫn ở trong đầu Trương. Trong một buổi ăn chơi sa đoạ với đám bạn trụy lạc, Trương nói với Trực:

"Chúng mày bảo những đứa tự tử là hèn nhất à? Láo tuốt, chỉ nói a dua thôi. Tớ, tớ cho là không hèn nhất cũng không can đảm. Hèn nhất thì không bao giờ tự tử được. Tự tử được hay không là ở cảnh chứ không ở người."

Chuyện trớ trêu là sau khi đã xuống đến tận đáy bùn đen, khi được tha tù, Trương khỏi bệnh (hay vì trước đây bác sĩ tòi đã chẩn bệnh Trương sai để phán quyết rằng Trương sắp chết thì cũng thế.) Chính Trương nhận thấy sự bộ rạc của mình. Chàng

nhận ra rằng ai cũng xa lánh chàng. Trương bộ rạc đến độ phải xin tiền Phương là cô gái làng chơi trước kia nhiều lúc chàng không muốn cho ở gần. Cô gái ấy cho tiền Trương với ý là Trương khỏi quấy rầy mình.

Nhưng Trương vẫn muốn thử thách tình yêu của Thu, thử xem chàng tồi tàn đến thế này, Thu còn yêu chàng không. Chính vì thế mà Trương đã có những hành động gần như là mất nhân cách: ném gạch vào cửa sổ phòng Thu để buộc nàng phải xuống lấy thư; khi Thu xuống vườn ra hàng rào lấy thư thì nài ép nàng:

"Trương tiến nhanh lên hai bước, chàng vội nắm lấy bàn tay Thu, đưa lên miệng và lật ngửa hôn vào trong lòng bàn tay. Một mùi thơm xông lên ấm như mùi thơm của hoa ngâu đã chín vàng. Trương hôn dần lên cổ tay và kéo Thu về phía mình nhưng chàng thấy Thu cưỡng lại. Tiếng lá xột xạt và cả khóm lải rung động vì sức co kéo của hai người. Trương ngừng nhìn mặt Thu. Sao Thu lại sợ hãi đến thế kia, trong lúc sợ hãi Trương thấy nàng đẹp lên khác thường, ánh trắng, mấy bông hoa lải trắng, hai con mắt đen, hương lải lẫn hương phấn, nước hoa. Trong rạo rức thèm muốn, ngay lúc đó, mà chỉ lúc đó thôi, chàng thấy trước là sẽ sung sướng đến cực điểm nếu được hôn vào đôi môi của Thu."

- Em Thu...

Thu cố kéo tay ra. Nàng vừa thở vừa nói:

- Anh bỏ em ra. Người nhà mà biết thì chết. Ô hay..."

*

Có một thời người ta không thể hiểu được Trương, chính ra là không thể hiểu được Nhất Linh nên giới nghiên cứu phê bình văn học miền Bắc đã có những nhận định rất tiêu cực về văn chương lãng mạn, về Nhất Linh và về Bướm Trắng, trong đó có Bạch Năng Thi, Phan Cự Đệ, Nguyễn Đức Đăng, Vũ Đức Phúc,

Nam Mộc... Nhận định chung của các nhà nghiên cứu phê bình văn học này là “tinh thần dân tộc không có trong tác phẩm của Nhất Linh, ít nhất cũng không có cơ sở chắc chắn.” Lý do đưa tới nhận định này là “tác giả không nói tới sự áp bức bóc lột của đế quốc,” và rằng “ông ta chỉ sáng tác những tác phẩm giả tạo và đến khi ông ta định làm cách mạng thì hoá ra phản động.” Đương nhiên cái nhìn này do định kiến chính trị chi phối. Và lại, viết tiểu thuyết tâm lý Bướm Trắng, Nhất Linh có ý định viết một cuốn truyện mang màu sắc chính trị và nêu cao tinh thần ái quốc, tinh thần dân tộc đâu.

Riêng về Bướm Trắng, sách Giáo Khoa Văn Học lớp 12, chương trình phổ thông trung học của nhà trường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nhận định: *“Văn học lãng mạn cơ bản là bạc nhược, suy đồi, phản động, không giúp ích gì cho cách mạng và Bướm Trắng là tác phẩm suy đồi, truy lạc, vô luân...”* Nhận định như thế là đứng ở chiều bên này để nhận xét, phê phán những người, những việc ở chiều bên kia chứ không đứng trên cùng một chiếc chiếu là chiếu “nhân bản.”

Nhân bản là lấy con người làm gốc, mà con người thì có SỐNG, có CHẾT, có YÊU. Đó là mẫu số chung, dành rằng nơi mỗi một con người, cái SỐNG, cái CHẾT, cái YÊU khác nhau. Tôi không chấp nhận cái SỐNG, cái CHẾT, cái YÊU theo kiểu của anh, nhưng tôi tôn trọng chúng, cũng là tôi tôn trọng anh, mặc dù tôi khác anh.

Tìm hiểu về cái SỐNG, cái CHẾT (trong tư tưởng) và cái YÊU của nhân vật Trương, một số người không chấp nhận được. Những người này thường có khuynh hướng “nhị nguyên” của Tây phương, hoặc là có khuynh hướng truyện Tàu theo chương hồi của văn chương cổ. Trắng là trắng, đen là đen; tốt là tốt, xấu là xấu; đúng là đúng, sai là sai; phải là phải, trái là trái.

Trương thì không thế. Trong cùng một con người là Trương, có cái tốt, cái xấu; có cái cao thượng, cái hèn hạ; có cái hy sinh cao cả, cái hưởng thụ thấp hèn; có cái buồn, cái vui; có cái hân hoan, cái cay đắng... Và có như thế mới là CON NGƯỜI.

Hiện nay có nhiều người chấp nhận một thứ chất lỏng mà họ gọi là cà-phê. Sự thật, trong cái được gọi là cà-phê đó có những gì thì chỉ có thánh mới biết được, nếu không phải là chính người chế ra nó. Đại để trong đó có một chút cà-phê, hợp với bắp rang, hạt cau, bột màu và (hình như) một giọt gọi là “làm thành cà-phê tuyệt hảo.” Chất lỏng được gọi là cà-phê đó rất đen, rất sánh, rất đắng, rất thơm. Và người ta chấp nhận đó là cà-phê. Từ đó, một ly cà-phê thật không được chấp nhận là cà-phê. Quên chúng thì như thế, nhưng những người sành cà-phê cho chúng ta một nguyên tắc để biết chất lỏng nào không phải là cà-phê: “Thứ gì đen quá, sánh quá, đắng quá, thơm quá... chắc chắn nó không phải là cà-phê.”

Những ai đòi hỏi Trương phải thật tốt hoặc thật xấu, thật cao thượng hoặc thật thấp hèn... sẽ không biết thưởng thức một ly cà-phê đúng là cà-phê.

Làm sao họ hiểu được một hành động rất nhỏ mà phản ánh rất đúng tâm lý phức tạp của Trương: mua con dao để tự tử một cách cá quyết mà đồng thời biết rằng mình sẽ không dùng nó.

Thật là phức tạp. Nhưng một con người với cái SỐNG, cái CHẾT, cái YÊU luôn luôn chi phối hẳn thì đương nhiên hẳn phải phức tạp.

Nói cho cùng, ai trong chúng ta cũng là một sinh vật phức tạp. Chỉ có điều nhiều khi, và có nhiều người, không ý thức được rằng mình phức tạp hoặc vô tình hay cố ý quên đi rằng mình là một sinh vật phức tạp.

NHẤT LINH thì ý thức rõ ràng con người là một sinh vật phức tạp. Bởi thế ông mới tạo được nhân vật Trương trong Bướm Trắng với đầy những phức tạp về tâm lý.

Cũng vì thế, Nhất Linh có nghệ thuật uống cà-phê rất “siêu” mà trong Bướm Trắng ông để cho một nhân vật phụ là Quang nói lên nghệ thuật ấy:

“Hai cốc cà phê. Thật đặc... À này, phổ ky, anh cho xuống cốc một ít nước đầu thôi, còn thì nhắc lọc ra cho khỏi chất rồi anh thêm nước sôi vào cốc. Phải thế cà phê mới thơm ngon. Anh nhớ chưa? Những tay sành mới biết cách ấy.”

Nhất Linh là “tay” sành về cà-phê, về tâm lý và về cuộc sống con người.

Quyên Di



THỬ BÀN VỀ KHÍA CẠNH NGHỆ THUẬT QUA BÀI CỦA NGỌC CƯỜNG.

Việt Hải Los Angeles

"Cali phố xá đông người Bolsa Brookhust một trời sao quên"

Hình như đất Cali vốn mỡ ngò cho nhiều thân hữu, bạn bè đến đây rồi ít nhiều họ đã bỏ quên con tim đầy ắp kỷ niệm với chốn đất thiêng Bolsa, bằng chứng khi đọc văn của tác giả Hệ Luy tôi yên tâm ý nghĩ mình đúng. Mời xem link bài tham khảo đính kèm.

Bài viết "Đôi dòng về nghệ thuật" của nhà văn Ngọc Cường đã cho tôi nguồn cảm hứng dâng ngòi bút góp ý cùng anh. Trong tác phẩm Băng Khuâng mới nhất của anh, sau văn tập Hệ Luy, nơi trang 1 giáo đầu là đề tài mang tính bàn luận, những trang giấy mờ hàng bắt mắt tôi nhiều lắm. Ngọc Cường viết: "Một điều cần bàn khi nói đến nghệ thuật, là xem nó là gì, thường nghệ thuật gồm 6 bộ môn chính như văn học, múa, kiến trúc, hội họa, sân khấu và âm nhạc, và gần đây thêm nghệ thuật thứ 7: ngành điện ảnh. Theo các cuốn từ điển thông dụng, từ nghệ thuật được định nghĩa rất vắn tắt và

giản dị là ... thực hiện hay diễn tả vẻ đẹp, thực tế ... là sản phẩm tri thức và không là khoa học..."

Trong 7 đề mục của phạm vi nghệ thuật mà anh liệt kê bên trên thì 2 mục văn học và hội họa được tác giả ghi nhận qua sách mới Băng Khuâng. Đây cũng là 2 tiêu đề tôi xin chú trọng trong bài này. Khi nói về nghệ thuật (art) ta sẽ hiểu nó ra sao. Và nghệ thuật thường đi song hành với vẻ đẹp (beauty), trong cung cách nào đó ta cho là nét đẹp của mỹ thuật. Thế thì nghệ thuật là gì ?

Nghệ thuật theo quan điểm của triết gia J.J. Rousseau (1712-1778) cho là "Nghệ thuật không phải là sự mô tả hay sao chép thế giới ta nhìn thấy, mà là cả một sự trào dâng của nguồn cảm xúc và của niềm đam mê". Những tư tưởng khác như họa sĩ trường phái lập thể Pablo Picasso ghi nhận: "Nghệ thuật là tất cả mọi thứ bạn có thể tưởng tượng ra là có thật". Còn theo họa sĩ Edgar Degas thuộc trường phái ấn tượng đồng thời với những vị như Vincent Van Gogh và Edouard Manet thì cho là "Nghệ thuật không phải là những gì bạn nhìn thấy, mà là những gì bạn làm cho người khác thấy được". Với thi sĩ Oscar Wilde cho là: "Nghệ thuật là điều nghiêm túc duy nhất trên thế giới. Và nghệ sĩ là người duy nhất không bao giờ nghiêm túc". Trong quan điểm của nhạc sĩ Amy Lowe suy nghĩ như: "Nghệ thuật là ước muốn của con người nói lên bản ngã của mình, ghi lại những phản ứng của ý nghĩ mình với thế giới xung quanh."

Riêng với danh họa Ý Agostino Carracci thuộc thời kỳ phục hưng của thế kỷ 16 nhìn vấn đề nghệ thuật là: "Một cái bóng mờ của những gì người nghệ sĩ đang nghĩ về một cái góc nhỏ qua những gì ông ta giữ bên trong tâm hồn". Chung quy thì quan điểm nghệ thuật xuất phát từ sự suy nghĩ từ tâm hồn khiến nảy sinh ra tác phẩm.

Nói đến Ngọc Cường hẳn nhiên không thể bỏ qua phạm trù chữ nghĩa hay sách vở, tổng quát hơn thì là khía cạnh văn học. Anh viết về nét văn hóa quanh chữ nghĩa như sau:

"Sách được bày bán nhiều quá, đầy trên kệ, còn la liệt trên bàn nữa. Không biết lựa chọn cuốn nào, dở trang đầu, đọc lướt qua mục "Lời Tựa", tôi nhận thấy ở nhiều tác giả (thường là họ mới có tác phẩm đầu tay), hay nói về lý do cầm bút. Họ giải thích "tôi viết để mà viết...", hoặc "tôi không dám tự nhận là một nhà văn..." Những câu tâm sự như vậy trở nên như một thông lệ ở phần đầu cuốn sách. Có thể do sự khiêm nhường hay dè dặt của họ, như để "rào trước đón sau", phòng trường hợp có bị chê thì... vì tôi đâu phải một nhà văn? ...Điều này theo tôi đáng tiếc, vì lẽ ít ra họ phải có chút tự tin, và cần được khích lệ vì một khi tác phẩm được xuất bản, hiển nhiên họ là một nhà văn (theo định nghĩa), không nên tự phủ nhận một tất yếu như vậy; Và một khi bỏ công ra viết là cố gắng hơn nhiều người, là điều đáng được khuyến khích, nếu không nên được khen thưởng? Người cầm bút không nên có mặc cảm. Mong độc giả rộng lượng, lên tiếng khuyến khích. Còn nếu nói viết chỉ để viết thì cũng không trọn nghĩa, vì một khi đã ra mắt, sách là để người khác đọc, nếu không, nên bỏ ở xó nhà chỉ là đóng giấy lộn. J. P. Sartre trong bài tiểu luận "Văn Học Là Gì" đã khẳng định là một tác giả chỉ thành một nhà văn khi có người đọc. Thật vậy, tác giả nào chả mong có nhiều độc giả, còn nếu không thì đừng mang tác phẩm ra xuất bản - Sách bày ra tất sẽ có người mua đọc. Và như vậy, động lực cầm bút (của một nhà văn), đầu tiên có thể chỉ là viết để mà viết, nhưng thật ra nó đã chứa đựng tiềm ẩn nhiều nguyên nhân: giải bày một tâm sự, chia sẻ một kỷ niệm... và lý do khác như muốn thỏa mãn tự ái, kiếm chút danh vị... Nên, không thể nói: viết chỉ để viết đơn thuần, mà phải là viết cho người khác thưởng thức. Tất nhiên, cũng có nhiều cuốn hồi ký chỉ nhằm vào số nhóm độc giả chọn lọc nào đó... Một tác phẩm không xuất bản, để quên vùi một xó, không ai biết thì vốn không là một tác phẩm nghệ thuật. Theo Tolstoy: sự thông tin, giao cảm giữa tác giả và người đón nhận tạo thành tác phẩm nghệ thuật. Nhật ký Ann Frank nếu không được ông bố cô bé đem ra in sau khi cô qua đời, thì cũng sẽ chỉ là một sản phẩm riêng tư, nó trở thành tác phẩm nghệ thuật khi được chia sẻ, có người thưởng

thức. Sở dĩ nêu lên khía cạnh này, vì tôi muốn nhấn mạnh đến vai trò của độc giả. Theo tôi, dù tác giả có công sáng tạo, nhưng chính người đọc mới là sở hữu chủ của tác phẩm, ít ra thì đó là dưới quan điểm kinh tế của một cuốn sách. Còn về giá trị, hay hoặc dở là do chủ quan thưởng thức của người đọc quyết định. Một khi cuốn sách được xuất bản, nhiệm vụ nhà văn chấm dứt, như đứa con (tinh thần) đã trưởng thành."

Đoán văn trên dùng ý tưởng của JP Sartre. Thật vậy, Jean Paul Sartre viết trong tác phẩm "Văn học là gì?" (Qu'est-ce que la littérature?) về vai trò của văn học hay của nhà văn cần hai yếu tố: Tự Do và Dẫn Thân, được tự do viết, dẫn thân yêu và trung thành với ngòi bút, đam mê với văn chương.

Văn học vốn được hiểu như một loại hình thức sáng tạo để nói lên những vấn đề của đời sống xã hội và con người. Cách thức sáng tác của văn học có thể được tạo thành do yếu tố thực sự hay hư cấu, cách thức trình bày nội dung của đề tài được biểu hiện qua ngôn ngữ. Khái niệm văn học đôi khi có nghĩa tương tự như khái niệm văn chương và thường bị dùng lẫn lộn. Tuy nhiên, về mặt tổng quát, khái niệm văn học thường có nghĩa rộng hơn khái niệm văn chương, văn chương thường chỉ nhấn mạnh về vẻ đẹp, hoặc tính thẩm mỹ, sự sáng tạo của văn học về phương diện ngôn ngữ, nghệ thuật ngôn từ. Văn chương dùng ngôn từ làm chất liệu để xây dựng tác phẩm, sự hình thành kết quả qua sự biểu hiện cho đời sống thăng hoa hơn. Vì vậy văn học nói chung gồm có những thể loại khác nhau như: tiểu thuyết, truyện ngắn, thi ca, kịch bản, bình luận biên khảo.

Chủ điểm quan trọng như nhà văn Ngọc Cường đề cập điều kiện để được gọi là nhà văn hay để được gọi là tác phẩm là văn theo Sartre thì tự do tư tưởng, hay như bên trên sự tự do trong văn học là những khái niệm chính của nhà văn, nhà văn phải có hai yếu tố tự do và dẫn thân (cam kết, éléments fondamentaux comme la liberté et de l'engagement) cho mục tiêu sáng tạo của nhà văn. Trong sự tự do

sáng tạo nhà văn có tinh thần chấp thuận sự lựa chọn và phải ý thức trách nhiệm đối với sự lựa chọn đó. Đây là ý nghĩa của việc chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Tự do tức là dẫn thân viết, hay dẫn thân trong tự do viết,... Và nếu nhà văn là người có tự do khi sáng tác, thì người đọc cũng phải là người tự do khi đọc tác phẩm. Và nhà văn là người tự do nói với những người tự do, mà phải có chính đề tự do cần thiết mà thôi. Thế thì tác phẩm nghệ thuật là do giá trị bởi nó là tiếng gọi của nhà văn. Ngọc Cường nói đến yếu tố phê bình văn phẩm. Tác giả rào đón trong bút pháp chân chất, khiêm nhu theo ý tôi...

"Thường khi cầm bút viết về một đề tài gì, tác giả nếu không qua sự tìm tòi, nghiên cứu thì cũng phải được đào tạo chuyên môn về đề tài đó. Tác giả hẳn có đủ hiểu biết, nắm vững những gì viết ra. Đó là điều kiện tối thiểu, để tôn trọng chính mình và cả độc giả. Độc giả không dễ bị lừa: Bởi qua đôi giòng đầu sách, có thể họ tin vào tác giả mà không cần suy xét sâu xa; nhưng khi càng đọc họ càng thêm khám phá ra những điều sai hay phi lý của toàn bài... Như vậy điều kiện tiên khởi của một tác giả là biết về điều mình viết."

Xét riêng về cá nhân, tôi đang viết về đề tài văn chương, cống hiến và mua vui quý vị mà tôi chẳng có khả năng chuyên môn gì về văn học nghệ thuật cả! Tại sao tôi lại dám liều mạng, cả gan đến vậy? Câu trả lời thực sự nằm trong nội dung bài này. Hy vọng rằng khi đọc xong lời bạt, quý vị có được sự thông cảm ... và đồng ý với tôi là: riêng nghệ thuật, điều kiện đó là một ngoại lệ, ai cũng có thẩm quyền nêu ý kiến, không riêng gì các nhà nghiên cứu hay văn nghệ sĩ mà thôi."

Đọc văn Ngọc Cường như trên, tôi suy nghĩ về tư tưởng sau để góp lời với anh. Lão Tử nói với nhà văn Ngọc Cường rằng: "Bởi vì một người tin vào chính mình, một người không cố gắng thuyết phục được người khác. Bởi vì một người hạnh phúc với chính mình, một người không cần người khác. Bởi vì một người chấp nhận ra chính

minh, cả thế giới chấp nhận anh hoặc cô ấy nhá.", Lão Tử ngôn ("Because one believes in oneself, one doesn't try to convince others. Because one is content with oneself, one doesn't need others' approval. Because one accepts oneself, the whole world accepts him or her.", Lao Tzu).

Nhà văn Katherine Mansfield góp ý với nhà văn Ngọc Cường: "Hãy liều mạng đi nhé! Đừng quan tâm đến ý kiến của những ai khác,... Hãy làm điều khó nhất trên đời này vì ta. Hãy hành động vì chính mình. Hãy đối mặt với sự thật." (Risk anything! Care no more for the opinion of others ... Do the hardest thing on earth for you. Act for yourself. Face the truth.)

Nhà văn kiêm bác sĩ giải phẫu mắt (eye surgeon) Dr. Roopleen cho lời thật lòng đến nhà văn Ngọc Cường: "Nếu bạn có một giấc mơ, đừng chỉ ngồi đó mà mơ. Hãy gồng hết can đảm để tin chắc rằng bạn có thể thành công và hãy vượt qua bất kỳ trở ngại nào để biến nó thành hiện thực!" (If you have a dream, don't just sit there. Gather courage to believe that you can succeed and leave no stone unturned to make it a reality!), Dr. Roopleen.

Thêm nữa nhé. Vị Tổng thống thứ 26 của nước Mỹ Theodore Roosevelt cho ý kiến đến với tác giả Băng Khuâng: "Hãy tin tưởng rằng bạn có thể dư sức qua cầu và bạn đang ở giữa chừng rồi." (Believe you can and you're halfway there.), Theodore Roosevelt.

Trong tác phẩm Băng Khuâng tác giả nhà văn Ngọc Cường dùng cả hai lối văn độc thoại (monologue) như bài "Đôi dòng về nghệ thuật", và lối văn đối thoại (dialogue), anh dùng khá chuẩn và thành công, ví dụ nhưng trong các bài: Yêu và Hận, Long và Thủy, Dưới Ánh Đèn Màu, Anh em cột chèo,...

Ngọc Cường nói về văn học, viết văn chương, rồi tán mạn bàn về lý luận và phê bình qua bài tham luận về nghệ thuật. Anh nói văn học dùng phương pháp khoa học nghiên cứu văn chương, trong khi văn chương thuần túy là sáng tạo do diễn đạt xúc cảm, như định

nghĩa của nó. Anh dùng lối hành văn đàm thoại. Khi vận dụng lý thuyết đối thoại, tức theo lý thuyết văn học của Bakhtin. Lý thuyết đối thoại theo Mikhail Bakhtin và những nhà nghiên cứu văn học hậu nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp như Julia Kristeva, Tzvetan Todorov, Roland Barthes, Michel Foucault, Jacques Derrida, ... là đã dùng điểm tựa vào lý thuyết đối thoại, để rồi sau này đối thoại thực sự trở thành nguyên lý chi phối toàn bộ văn học ở các nơi, trong đó có chúng ta. Hành văn lối tiểu thuyết là thể loại in đậm dấu ấn của nguyên lý này.

Nguyên lý của lý thuyết đối thoại Mikhail Bakhtin xuất phát từ những đặc điểm thi pháp học của thể loại tiểu thuyết. Ngoài ra, trong quá trình phát triển loại văn này, các nhà phê bình văn học có dịp đào sâu nó trong cung cách sử dụng của các nhà văn hậu bối, cũng để vận dụng lý thuyết Bakhtin qua các trường học, các lớp hậu hiện đại để nghiên cứu về lịch sử văn học.

Đối thoại là lối văn tiêu biểu những phong cách tân văn kể từ hậu phong trào tiểu thuyết Dostoievski. Vượt qua phạm vi tác giả tiền khởi Dostoievski, văn chương đã đổi mới. Trong ngôn ngữ đối thoại vốn mang tính đa thanh, đa âm giữa các nhân vật trong truyện, điều Bakhtin chú trọng nhất là lời nói. Chính lời nói là đặc trưng tạo nên tính đối thoại rõ nét nhất của tiểu thuyết. Tác phẩm được tạo ra do công trình sáng tạo văn chương với tính đa thanh, đối thoại của nó diễn ra trong nội dung tư tưởng trong văn bản nói chung ở thể loại thơ (thi ca), hay truyện ngắn ví dụ ngày xưa của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và nhiều tác giả khác, hoặc tiểu thuyết qua các phương diện: ngôn ngữ, giọng điệu, cách nhìn vào bố cục văn phong, tương ứng về thể loại văn chương. Ngày nay khi nhìn lại phong trào tiểu thuyết Dostoievski, hay lý thuyết đối thoại Bakhtin là cả một sự tiến bộ cho thể giới văn học nói chung.

Nói về trường phái ngôn ngữ học xuyên qua lý thuyết Bakhtin được cấu trúc tân tiến như hiện nay, song song ta xét tiếp về văn học

do Roland Barthes nói về văn bản, khi ta đi từ tác phẩm văn học sang văn bản (literal texts, literal works hay textes littéraires, œuvres littérales) có thể nói Barthes là người thành công nhất trong việc thực hiện nhiệm vụ chính yếu nói trên. Xem xét lại khái niệm liên văn bản của nhà văn Julia Kristeva, chính nhờ Barthes đã tạo cho nó một cái tên gọi mới ngắn gọn và mạnh mẽ hơn, đó là "Văn Bản", mà ý muốn của Barthes cần nhấn mạnh về mặt thuật ngữ. Từ ngữ "văn bản" có nghĩa là "tấm dệt", "mạng lưới", "tấm vải", và nếu vào những năm 1970, nguyên mẫu "văn bản" của Barthes thường là "Thiên Hà của Gutenberg" (Gutenberg's Galaxy), hoặc dưới tên "Thư viện của Borges" (Borges's Library) thì ngày nay, hình ảnh thích hợp nhất với nó là "siêu văn bản" qua hình thức các máy vi tính hay điện toán chứa dữ liệu (datafiles) như một "tấm dệt", hay là "mạng lưới toàn cầu" (world wide web) truyền đi toàn thế giới".

Xem tiếp Ngọc Cường qua đoạn kể...

"Văn học bao gồm cả văn chương nhưng cộng thêm về lý luận và phê bình. Có thể nói văn học dùng phương pháp khoa học nghiên cứu văn chương, trong khi văn chương thuần túy là sáng tạo do diễn đạt xúc cảm, như định nghĩa của nó. Văn chương (thơ và văn xuôi) là nghệ thuật dùng chữ để diễn tả tư tưởng và cảm xúc. Như vậy, trước khi nói đến văn chương, ta thử tìm hiểu rõ thêm xem nghệ thuật là gì?"

Từ lâu, cách đây trên hai ngàn năm, Plato đã tìm về ý nghĩa của nghệ thuật; và từ đó đến nay, nhiều người cũng đã làm công việc này nhưng vẫn chưa ai hoàn thành vì nó phức tạp và khó khăn cho định nghĩa nghệ thuật. Văn hào Tolstoy nước Nga đã viết một cuốn sách nhỏ (Nghệ Thuật Là Gì, Tolstoy, 1896), chỉ nhằm định nghĩa hai từ nghệ thuật! Dù vậy, định nghĩa của Tolstoy vẫn chưa toàn hảo, chính xác. Một tiêu chuẩn Tolstoy nêu ra (ngoài rất nhiều chi tiết khác) là: nghệ thuật không phải để giải trí, mua vui mà là

phương tiện giao cảm giữa tác giả và người khác... Điều này ...có vẻ trái với ý của cụ Nguyễn Du nước ta, khi cụ viết:

"Lời quê chấp nhặt đông dài, Mua vui cũng được một vài trống canh." (câu kết của Truyện Kiều).

Ngọc Cường ghi nhận về văn học hay văn chương qua lăng kính lý luận và phê bình. Khi nói về ý niệm nghệ thuật ta có thể xét qua quan điểm của triết gia Kant cho là "Nghệ thuật vì nghệ thuật" (L'art pour l'art, Art for Art's Sake, French slogan from the early 19th century, "l'art pour l'art", and expresses a philosophy that the intrinsic value of art, and the only "true" art, is divorced from any didactic, moral, or utilitarian function), còn được gọi là nghệ thuật thuần túy. Đây là một nguyên lý mỹ học duy tâm, chủ trương nghệ thuật độc lập với đời sống xã hội và chính trị, khước từ sứ mệnh của nghệ sĩ trong sứ mạng đấu tranh xã hội, thường dùng nền tảng lý luận cho các trường phái và khuynh hướng văn học có thái độ bất hòa với những vấn đề hiện thực, tìm lối thoát qua hình thức chủ nghĩa (Formalism). Lý luận này bắt nguồn từ những luận điểm mỹ học của triết gia Immanuel Kant (1724 – 1804), nhà triết học duy tâm cổ điển Đức, cho rằng cái đẹp của nghệ thuật là tự nhiên phát sinh ra, không thể tính toán, vụ lợi trong bất cứ mục tiêu nào khác ngoài chính bản thân nghệ thuật mà thôi. Đến thế kỷ XIX, nhiều nhà lý luận, nhà văn, nhà thơ ở Đức và Pháp đã phát triển tư tưởng này nhằm tách rời văn học nghệ thuật ra khỏi đời sống xã hội, phủ nhận ý nghĩa nhận thức và giáo dục tư tưởng, phủ nhận sự phụ thuộc của nghệ thuật vào những yêu cầu thực tiễn của thời đại. Và từ đó, trước sau sẽ dẫn đến chỗ khẳng định nghệ sĩ phải được "tự do" khai phá, hay sáng tác, không có trách nhiệm với xã hội, tức là đến chủ nghĩa cực đoan. Đó là mầm mống của các trường phái văn học ở cuối thế kỷ XX như chủ nghĩa tượng trưng, chủ nghĩa ấn tượng, chủ nghĩa đa đa (Multiplism), chủ nghĩa số nhiều (Pluralism), chủ nghĩa vị lai (Futurism, Prospectivism),... Ta thấy có quan điểm của JP Sartre (Existentialism), Nhất Linh (Tự Lực Văn Đoàn) trong đề tài.

Quan điểm "Nghệ thuật vì nghệ thuật" hay L'art pour l'art (Art for Art's Sake) tương phản với chủ trương của trường phái "Sự tự chủ của nghệ thuật" (Sự tự chế của nghệ thuật, hay Pseudo-Autonomy of Art, Its frame distinguishes art from non-art, provides it with the appearance of autonomy and gives it entry into history. The frame changes the context of art. It removes the painting from the viewer's world. The space between framed art and viewer is discontinuous). Vì những mâu thuẫn về sự suy nghĩ hay chủ trương nên có đạo lịch sử ghi nhận cả hai hệ phái Nghệ thuật vì nhân sinh và Nghệ thuật vì nghệ thuật. Người viết bài hơi ba phải, vì đứng bên nào thấy cũng phải cả, tùy trường hợp nhé. Nếu duy tâm lãng mạn thì vị nghệ thuật. Nếu đương đầu với việc chính trị hay xã hội ta suy nghĩ mất ngủ luôn nhé. Thực ra thì sự phát triển cái nhìn duy tâm về nghệ thuật của những người chủ trương Nghệ thuật vì Nghệ thuật, đã đề cao nghệ thuật thuần túy đều công khai hoặc kín đáo đối với thực trạng xã hội và chính trị theo một cung cách nào đó. Khó nói lắm, uốn lưỡi 7 lần theo nhà hiền triết Socrates mà vẫn băng khuâng lơ lửng như ông Hệ Lụy vậy. Xem tiếp Ngọc Cường ở đoạn cuối qua những ghi nhận về nghệ thuật...

"Nói chung, nghệ thuật phản ánh cuộc sống nên cũng mơ hồ, phức tạp như thế; và giá trị của nghệ thuật mang tính chủ quan, không thể chỉ do các nhà phê bình đơn thuần cho là hay hoặc dở, đẹp hay xấu, mà chỉ có nhận định chủ quan của người thưởng ngoạn quyết định. Nếu khai triển thêm ra, nghệ thuật là sáng tạo có tính hấp dẫn: khen chê là do quyết định của người nhận, độc giả, thính giả hay người xem tranh ... Trước kia, khi mới được khai sanh, trường phái họa "ấn tượng" ở Pháp đã bị chê bai gắt gao, ngay cả danh hiệu của họ (impressionism, môn phái ấn tượng) xuất phát từ bức tranh "Ấn tượng, một buổi bình minh" của Claude Monet bị nhà phê bình Louis Leroy gán cho cái tên "Bọn Ấn Tượng" một cách mỉa mai qua bài đăng trên báo Le Charivari. Không ngờ từ đó Ấn Tượng lại trở thành môn phái quan trọng trong nền hội họa: và gần đây, ở

nước ta thấy xuất hiện một văn phái, họ viết rất hấp dẫn, dùng nhiều từ khó hiểu, ra vẻ cao siêu, đầy triết lý mà độc giả bình thường không hiểu nổi. Xin thí dụ một đoạn như sau "... tiểu thuyết Việt-Nam hiện nay, không phải là xác nhận một trở thành đã hoàn tất, mà là theo dõi những chặng đường của một vận động đang tuần tự hình thành. Vận động đó là một vận động của ý thức, một vận động của nghệ thuật..." (Mai Thảo, 1965): Những luận điểm như trên khó hiểu và dễ làm lẫn lộn, hoang mang người đọc. Họ tự nhận là nhóm sáng tạo, gay gắt với trào lưu văn nghệ tiền chiến, nhưng hình như họ muốn đồng nghĩa khó hiểu với xấu sắc, tối nghĩa với triết lý. Sự thật, chuyện bình thường và giản dị trên đời như tình yêu, gia đình, vui, buồn ... là những vấn đề sâu xa nhất của con người. Nhóm sáng tạo là môn phái lập dị thì đúng hơn (Lê Huy Oanh, Về thơ tự do, 195). Dù sao, chỉ có thời gian mới là quan tòa, mới có lời phê phán cuối cùng cho nghệ thuật: Tác phẩm có giá trị khi nó vượt được thử thách của thời gian và không gian (Nhất Linh, Viết và đọc tiểu thuyết, 1958).

Nếu đồng ý như vậy, ta có thể nói rằng không có tác phẩm nào tuyệt hảo cả: Nói cho cùng thì dù chỉ được một độc giả yêu thích cũng đem niềm vui cho tác giả. Nghệ thuật rõ rệt là chủ quan và phi thời trang nhưng lại mang tính dân chủ (số đông quyết định giá trị). Như trường hợp của Van Gogh, cả một đời vẽ tranh (rất nghèo lại vẫn sống, chết sớm) chỉ bán lẻ tẻ vài bức (dù người em là môi giới hội họa đã cố gắng giúp anh). Thế mà ngày nay, bức "Hoa Diên Vỹ" (Irises, 1889) được bán với giá mấy chục triệu đô! Cùng số phận hẩm hiu với Van Gogh là nữ văn hào Emily Bronte, tác giả cuốn "Đỉnh Gió Hú" (Wuthering Heights, 1847) khi xuất bản đã không được độc giả hưởng ứng mà phải chờ đến cả trăm năm sau mới có lời khen. Ngày nay, tác phẩm duy nhất này của bà trở thành một tuyệt tác của thế giới, được mọi người, mọi nơi công nhận! Sự kiện tương tự sẽ là niềm an ủi cho nhiều nghệ sĩ không thành công ngày hôm nay (trong đó có tôi, nói một cách tự an ủi), và hy vọng rằng có

thể sau này, vài chục năm nữa, sẽ có người yêu thích? Phải chăng con người bao giờ cũng bám víu và sống với chút hy vọng vào ngày mai tươi sáng hơn hôm nay? Thẩm mỹ, hay cái đẹp, - đối tượng chính của nghệ thuật- hiển nhiên là do nhận định chủ quan mỗi người, nhưng liệu ta có thể tìm thấy một tiêu chuẩn, hay mẫu số chung, dựa vào đó, mọi người cùng đồng ý hoặc chấp nhận, dù họ ở đâu và sống ở bất cứ thời đại nào? Lúc trước, khi xem hình ảnh bên Phi Châu chụp mọi cà răng cưa tai, ít ai coi đó là thẩm mỹ, mà còn cho là man di mọi, nhưng đâu ngờ, gần đây, ngay ở Bolsa bên Mỹ, lại xuất hiện người đi cưa tai, chà răng và đeo vòng ở lưỡi! Theo tôi, vẻ đẹp (có lẽ) phát xuất từ ấn tượng người tiền sử cảm nhận qua thiên nhiên (tranh vẽ, khắc trên đá, mô tả thú vật ở hang Lascaux, Pháp, khoảng 20,000 ngàn năm trước) và sau này, khi loài người đã hợp quần thành xã hội, thì từ tình yêu, trước tiên là tình mẫu tử, đôi lứa, vợ chồng ... rồi nâng cao, biến dạng trở thành lòng trắc ẩn, thương yêu đồng loại. Không khác gì các giống vật hợp quần (con kiến, loài ong...) để duy trì giống nòi, con người phải hy sinh; và khi sống cho tha nhân, cảm thấy thỏa mãn vì đó là bản tánh chân thật của mình (Nhân chi sơ tính bản thiện, Khổng Tử, 500 năm trước Công Nguyên). Thâm tâm con người, không một ai muốn gây đau đớn sầu khổ cho người khác. Phải chăng, tội ác do hoàn cảnh gây ra, vì mà có ai thực sự làm chủ được vận mệnh của mình đâu, nếu như vậy: ý chí tự do (free-will) chỉ là một ảo tưởng, như người ta thường ví: cuộc đời là một vở kịch hay canh bạc, trong đó, con người đóng một vai hay tùy thuộc vào may mắn! Vậy tôi là ai?

Nếu một tác phẩm là đứa con tinh thần của người sáng tác, thì sự liên hệ giữa tác giả và tác phẩm rất mật thiết, như chuyện của một gia đình: Vì lẽ đó, muốn hiểu thấu đáo bức tranh, hoặc cuốn tiểu thuyết, sự hiểu biết về tác giả giúp ta tận hưởng rõ hơn tác phẩm của họ. Nhưng ta cũng tránh có quan điểm quá khích: như ghét tác giả (vì lý do gì đó, chính trị chẳng hạn) rồi vợ thừa thừa tác phẩm của

họ luôn! Ngược lại, cũng đừng tôn thờ tác giả như là một fan của họ (nguyên ngữ từ fanatic ra, nghĩa quá khích).

Nghệ thuật không là bản sao chép thiên nhiên mà là cách diễn tả cuộc đời qua nhận thức của tác giả- Phải chăng con người nhìn mọi thứ trên đời qua nhận thức chủ quan của mình- Nhưng chính nhờ đó mà tác phẩm trở nên sống động, như được tái sinh, có cuộc sống thứ hai, vì vậy đã đem lại sự thích thú cho người thưởng ngoạn: thu hút họ, làm như chính họ được sống như một nhân vật trong truyện dù câu chuyện đã xảy ra cả trăm năm trước; hay chính mình, như họa sĩ, đang đứng trước cảnh của bức tranh, dù ở một nơi ta chưa hề đặt chân tới. Đó là sự kỳ diệu của nghệ thuật, chứ không phải vấn đề triết lý cao siêu. Câu hỏi nên đặt ra, không phải là “con người, cuộc sống là gì?” mà trở thành “Cái gì có thật trên cõi đời này?” (Rainer Rilke, 1912); và đối với người nghệ sĩ thì cảm giác phải là thật (Bạn cứ thử đá chân vào hòn đá thì biết!). Để kết luận, có thể nói, nghệ thuật có rất nhiều mục đích, tùy quan niệm của tác giả: như giúp ta trở nên cao thượng, tận hưởng cuộc sống hơn (như nhận xét của Thạch Lam, Nhất Linh), giải bày vấn đề triết lý (như Sartre, Camus) v.v... nhưng theo tôi, tất cả những mục đích ấy chỉ là phụ, đến sau, không chủ tâm, nhưng xuất hiện như mấy phản ứng phụ của thuốc tây (side effect) mà có thể lại mãnh liệt hơn cả mục đích chính là mua vui dù là một thủ đau thương! Nghệ thuật phải có tính hấp dẫn trước nhất, để giải trí thiên hạ (Nguyễn Du), một món ăn tinh thần cho công chúng. Nếu không có tính hấp dẫn thì nghệ thuật không tồn tại và sẽ không truyền đạt các mục đích khác nữa được. Phải chăng, với chủ quan và hiểu biết hạn hẹp, tôi đã vừa liều lĩnh trả lời về điều kiện tối thiểu của người viết nêu ra ở phần đầu: đó là ai cũng có thẩm quyền bàn về nghệ thuật cả?

Xin cảm tạ quý độc giả. Ngọc Cường."

*

Sau cùng nhà văn Ngọc Cường còn có thú thưởng ngoạn bộ môn hội họa. Ở bìa sách Bảng Khuâng và phần Phụ lục anh trình bày bức họa nổi danh "La Nuit Etoilée aux Carrières de Lumières" (à Saint-Remy-de-Provence) của họa sĩ Van Gogh. Với những vòng xoáy quyền rũ, bố cục tranh cho vẻ say đắm và màu sắc đầy mê hoặc, Đêm đầy sao ("La Nuit Etoilée") của Vincent van Gogh là một trong những tác phẩm nghệ thuật được yêu thích và nổi tiếng nhất thế giới. Trong sự sáng tạo và thành công cuối cùng này như nội dung câu truyện có nhiều điều lý thú về Đêm đầy sao này mà khách thưởng ngoạn có thể biết. Ôn sơ qua về tiểu sử của Van Gogh, ông sinh ngày 30 tháng 3 năm 1853 – 29 tháng 7 năm 1890, là một danh họa Hòa Lan thuộc trường phái hậu ấn tượng (Post-Impressionism). Nhiều bức tranh của ông nằm trong số những tác phẩm nổi tiếng nhất, được yêu thích nhất và giá đắt nhất trên thế giới. Van Gogh là nghệ sĩ tiên phong của trường phái biểu hiện (Expressionism) và có ảnh hưởng rất lớn tới mỹ thuật hiện đại, đặc biệt là tới trường phái dã thú (Fauvism) và trường phái biểu hiện tại Đức. Tranh La Nuit Etoilée mô tả quan điểm của Van Gogh từ một trại tị nạn. Sau khi trải qua một lần ông bị suy sụp tinh thần vào mùa đông năm 1888, Van Gogh đã tự mình đến nhà tị nạn Saint-Paul-de-Mausole gần Saint-Rémy-de-Provence. Quan điểm nghệ thuật đã trở thành nền tảng của tác phẩm mang tính biểu tượng nhất của ông. Từ cảm hứng của mình, van Gogh đã viết trong một trong nhiều lá thư của mình cho em trai Theo, "Sáng nay anh thấy đất nước mình từ cửa sổ rất lâu trước khi mặt trời mọc, không có gì ngoài ngôi sao buổi sáng, trông thật to lớn." Các nhà sử học nghệ thuật đã xác định rằng Van Gogh có một số quyền tự do với góc nhìn từ cửa sổ phòng ngủ tầng hai của ông, một lý thuyết được hỗ trợ bởi thực tế là studio vẽ mà ông vẽ ở tầng một của tòa nhà. Ông viết: "Qua cửa sổ có rào chắn bằng sắt. Tôi có thể thấy một quảng trường lúa mì kèm theo trên đó, vào buổi sáng, tôi nhìn thấy mặt trời mọc trong tất cả nét vinh quang của nó."

Ngôi làng từ hướng cửa sổ của mình, Van Gogh sẽ không thể nhìn thấy vùng Saint-Rémy. Tuy nhiên, các nhà sử học nghệ thuật có những nhận xét khác nhau về việc ngôi làng được trình bày trong bức *The Starry Night* được lấy từ một trong những bản phác thảo than của thị trấn Pháp hay nếu nó thực sự thì có thể được lấy cảm hứng từ quê hương Hòa Lan. Đêm đầy sao cho thấy tỷ lệ từ vong, khi nhìn các ngọn tháp tối ở phía trước là cây bách, loại cây thường liên quan đến nghĩa trang và cái chết. Mỗi liên hệ này mang một ý nghĩa đặc biệt đối với câu nói của Van Gogh này, "Nhìn những ngôi sao luôn khiến tôi mơ ước. Tại sao, tôi tự hỏi mình, không nên cho những chấm sáng trên bầu trời có thể thêm vào như những chấm đen trên bản đồ nước Pháp? Ngay khi chúng tôi đi tàu để đến Tarascon hoặc Rouen, chúng tôi sẽ chết để đến được một ngôi sao.", ông viết. Tranh *Đêm đầy sao* nổi tiếng thế giới được vẽ vào năm 1889. Nhưng năm trước, van Gogh đã tạo ra *Đêm đầy Sao* ban đầu của mình, đôi khi được gọi là *Starry Night Over The Rhone*. Sau khi đến Arles, Pháp vào năm 1888, van Gogh đã bị ám ảnh một chút với việc chụp ánh sáng của bầu trời đêm. Ông đã tìm hiểu mô tả nó trong tranh *Cafe Terrace trên Diễm đàn Place du*, trước khi dám thực hiện bản phác thảo *Starry Night* đầu tiên của mình với tầm nhìn ra sông Rhone. Xem thêm các tác phẩm ta biết đến tranh như là bức *Saint-Paul Asylum*, loạt tranh vẽ ở Saint-Remy, ông viết cho người em Theo: "Tất cả trong tất cả những điều duy nhất anh xem là tốt mà trong đó là các bức *Wheatfield*, *Mountain*, *the Orchard*, *the Olive* những cái cây với những ngọn đồi xanh và *Chân dung và Lối vào mỏ đá*, và phần còn lại không nói gì theo ý em." Van Gogh vô tình vẽ *Venus*. Vào năm 1985, nhà sử học nghệ thuật thuộc trường UCLA Albert Boime đã so sánh *Starry Night* với một trò giải trí trên hành tinh về cách bầu trời đêm sẽ xuất hiện vào ngày 19 tháng 6 năm 1889. Sự tương đồng rất đáng chú ý và đã chứng minh rằng "ngôi sao buổi sáng" của Van Gogh như được đề cập trong bức thư của ông gửi em trai của ông, thực tế là hành tinh *Venus*. Buồn thay cho số nghèo Van Gogh chỉ bán một hoặc hai bức tranh trong cuộc đời

của mình và cũng không phải là bức *Đêm Đầy Sao*. Một trong những người được biết chắc chắn đã được bán là bức *The Red Vineyard* tại Arles, ít được biết đến hơn, được hoàn thành vào tháng 11 năm 1888, trước khi sự cố khiến ông phải đi tị nạn. Nghệ sĩ và nhà sưu tập người Bỉ Anna Boch đã mua nó với giá 400 franc tại triển lãm Les XX năm 1890. Ngày nay, bức tranh lịch sử này được trưng bày tại Bảo tàng Mỹ thuật Pushkin ở Moscow. Nhưng có bằng chứng cho thấy van Gogh đã bán bức tranh thứ hai. Trong tiểu sử của mình về nghệ sĩ, nhà sử học Marc Edo Tralbaut đã nói về một lá thư của Theo nói rằng một trong những bức chân dung tự họa của Van Gogh đã tìm đến một đại lý nghệ thuật ở London. Bức tranh *Đêm Đầy Sao* được hai lần sở hữu bởi góa phụ Theo. Sau cái chết của Van Gogh năm 1890, Theo được thừa hưởng tất cả các tác phẩm của anh trai của mình. Nhưng khi người em qua đời vào mùa thu năm 1891, vợ của ông là Johanna Gezina van Gogh-Bonger đã trở thành chủ nhân của *Đêm Đầy Sao* và những bức tranh khác. Đó là van Gogh-Bonger, người đã thu thập và chỉnh sửa thư từ của anh em ông để xuất bản, và bà được ghi nhận với việc xây dựng danh tiếng sau khi chết của Van Gogh, nhờ vào sự quảng bá rộng rãi của Johanna về thành quả của công việc triển lãm.

Năm 1900, van Gogh-Bonger đã bán *Starry Night* cho nhà thơ người Pháp Julien Leclercq, người đã sớm bán nó cho nghệ sĩ hậu ấn tượng Émile Schuffenecker. Sáu năm sau, Johanna đã mua lại bức tranh từ Schuffenecker để bà có thể chuyển nó đến Phòng trưng bày Oldenzeel ở Rotterdam, Hòa Lan.

Đó là bức tranh van Gogh. Còn ở trang 11 sách *Băng Khuảng*, Ngọc Cường cho trưng bức tranh *Bữa Trưa Trên Cỏ* của họa sĩ Édouard Manet.

Édouard Manet (1832 – 1883) là một danh họa người Pháp, nổi tiếng với phương pháp vẽ hiện đại trong hội họa. Manet luôn tự nhận mình đi theo trường phái hiện thực. Tuy nhiên, vào năm 1868, sau

buổi gặp gỡ với các họa sĩ theo trường phái ấn tượng, Manet quyết định sẽ kết hợp cả hai trường phái lại. Kể từ đó, ông trở thành bậc thầy khi kết hợp 2 trường phái này tưởng chừng chẳng ăn nhập gì với nhau. Bữa Trưa Trên Cỏ là một trong những tác phẩm thành công nhất của Édouard Manet và hiện được trưng bày tại viện bảo tàng Louvre nước Pháp. Bữa Trưa Trên Cỏ đáng giá vì nó khác biệt với những bức tranh đương đại cùng thời về bố cục, kích thước và nhân vật trong tranh. Về bố cục tranh Bữa Trưa Trên Cỏ được lấy cảm hứng từ hai bức vẽ Italy vào thế kỷ 16 là Buổi Hòa Nhạc Đồng Quê (The Pastoral Concert, Le Concert Pastoral) và Phán Xét Của Paris (The Judgment Of Paris, Le Jugement de Paris).

*

Sau cùng, bài viết này được tán mạn lãng đãng từ những ý niệm trong đề tài "Đôi dòng về nghệ thuật" của nhà văn Ngọc Cường ghi nhận về nghệ thuật và những khía cạnh của nó. Nhà văn Ngọc Cường viết về những cảm nghĩ chung cuộc về nghệ thuật. Nghệ thuật dù bị áp lực chính trị chi phối hay bị trấn áp, khủng bố, nghệ thuật bị cảm dỗ bởi duy tâm lãng mạn cũng hại chúng ta. Phải chăng nghệ thuật là con dao hai lưỡi. Người nghệ sĩ hãy chọn khuynh hướng sao cho thích hợp cho mình. Đoạn văn dưới đây là phần kết thúc bài viết chung của hai chúng tôi. "Có lẽ phải đợi một trăm năm sau vấn đề chính trị mới không còn ảnh hưởng đến nghệ thuật nữa chăng. Mục đích của nghệ thuật là mua vui, và đôi khi sự hiểu biết nhiều về tác giả hay tác phẩm cũng chỉ làm giảm thú thưởng ngoạn: Như khi còn trẻ, tình yêu bao giờ cũng đẹp hơn người yêu, có nhạc sĩ than thở: "làm sao giết được người trong mộng!" Là một "fan" hay bị lung lạc bởi tác giả là quan niệm ấu trĩ về nghệ thuật vì, như đã nêu ở trên, chính kẻ thưởng ngoạn làm chủ tác phẩm. Hãy trả lại chủ quyền cho khán thính giả, cho giới thưởng ngoạn. Bàn về nghệ thuật, có lẽ nếu đi sâu quá thì sẽ không cần thiết và lâm vào lãnh vực chuyên môn của mấy nhà khảo cứu triết học. Tuy nhiên, là một độc giả, khán thính giả bình thường, ta cũng nên có một xác định rõ rệt về sở thích

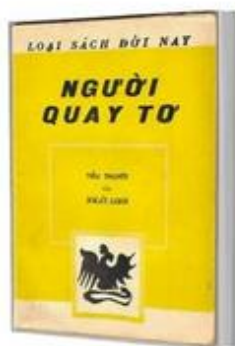
của riêng mình. Cũng như khi cầm ly rượu lên uống, không cần biết nó đắt tiền, giá bao nhiêu mà chỉ cần biết là nó ngon với mình, như vậy là đủ rồi."

Việt Hải Los Angeles và Ngọc Cường.

**HAI TÁC PHẨM ĐẦU TAY CỦA NHẤT LINH:
NHO PHONG VÀ NGƯỜI QUAY TỜ
NHƯ LÀ NHỮNG BÁO HIỆU THIÊN TÀI CỦA MỘT
NHÀ VĂN.**

Nguyễn Văn Sâm

Lời vào đề:



Nhất Linh Nguyễn Tường Tam (1906-1963) có 4 quyết định quan trọng cho đời ông nhưng đồng thời cũng là bốn quyết định có ảnh hưởng mạnh lên đời sống của dân tộc Việt Nam. Đó là:

1. Sáng tác hai tác phẩm đầu tay *Nho Phong* và *Người Quay Tờ* khi chưa đầy 20 tuổi. năm 1926.
2. Chấp nhận làm Tổng Trưởng Ngoại Giao trong Chánh Phủ Liên Hiệp để cầm đầu phái đoàn đi dự hội nghị Đà Lạt năm 1946.

3. Bỏ không đi dự hội nghị Fontainebleau mà qua Trùng Khánh ẩn náu những năm 1946-50.
4. Tự tử từ chối không để cho nhà cầm quyền năm 1963 xử 'cái gọi là tội' mà để cho lịch sử xử.

Quyết định đầu tiên ảnh hưởng lên mặt văn học Việt Nam, những quyết định kế ảnh hưởng lên mặt chánh trị như là quyết định cuối cùng. Chúng ta nói về điều quyết định đầu tiên nói trên.

✱

Năm 1926 Nhất Linh lúc đó là một thanh niên còn rất trẻ, cho ra đời quyển *Nho Phong* viết trong hai năm trước 1924-1925, lúc mới 18, 19 tuổi. Và năm sau ông viết tập truyện *Người Quay Tờ*. Quyển này in năm 1927. Căn cứ trên năm viết 1924-1926 thì ta chắc chắn rằng đó là hai công trình văn nghệ đầu tay của Nguyễn Tường Tam, người thanh niên mới chấp chững vào đời và mới bước vào chuyện viết lách.

Hai tác phẩm này có phần số đặc biệt của nó.

Rất ít người nói về chúng, họ thường chỉ nói về những quyển của cùng tác giả nhưng gây tiếng vang thời xuất hiện như *Đoạn Tuyệt*^[1], *Đôi Bạn*, *Lạnh Lùng*... Nhà viết văn học sử thời danh là Dương Quảng Hàm trong tác phẩm kinh điển *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*^[2] không nói gì đến *Nho Phong* và *Người Quay Tờ*. Giáo Sư Thạch Trung Giả^[3] cũng chỉ nói về *Đoạn Tuyệt* thôi. Trước năm 1975 Vũ Ngọc Phan^[4] và Phạm Thế Ngũ có nhắc đến hai tác phẩm này, đồng ý với nhau là tác phẩm cổ lỗ, văn phong xưa... Sau 1975, ở Sài Gòn, quyển *Từ Điển Văn Học* và bộ sách *Văn Học Việt Nam* do nhiều người viết của nhóm Phan Cự Đệ cũng có nhắc sơ đến *Người Quay Tờ* và *Nho Phong*. Mỗi người/nhóm có cái nhìn riêng nhưng tựu trung cũng gần giống nhau. Để khỏi dài dòng và gây rối rắm cho người đọc/nghe chúng tôi xin không đơn cử những sách và bài viết của những học giả khác cũng là

tiếng nói khá có uy tín như Thanh Lăng, Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Diêu, Hà Như Chi, Lữ Hồ, Lê Hữu Mục ...

Tổng quan tôi có thể xác định rằng:

Đây là hai tác phẩm tuy là ban đầu của một tác giả, về hình thức thì nhỏ nòi, như nhiều người nhận định, về văn phong thì thuộc thể hệ văn chương cổ điển vì ảnh hưởng của thời gian xuất hiện do cái bóng quá lớn của văn chương thế kỷ 19. Nho Phong bị ảnh hưởng nặng nhứt, nhưng kết quả của hai tác phẩm này rất to lớn... Nhất Linh đã từ căn bản đó suy nghĩ thêm về những ý tưởng mới ra lóe ra để cải tiến cách viết lách của mình sau này, từ đó tạo nên một giai đoạn văn học lớn cho tiểu thuyết Việt Nam trước thế chiến, đó là thể hệ văn học 1913-1932 hay là thể hệ của Tự Lực Văn Đoàn.

Nho Phong^[5]

Hình như đây là tác phẩm duy nhứt của nhà văn Nhất Linh được ký tên thật: Nguyễn Tường Tam. Ký tên thật vì lúc đó có thể là ông chưa quyết định chắc nịch sẽ đi theo luôn con đường văn nghệ bằng sáng tác. Nó như là tác phẩm được phóng ra bởi một người thanh niên mới bước vào đời, thấy mình cần viết cái gì đó theo cách nhìn của mình để nói về cuộc đời này. Nó thể hiện cái ưu tư và ước vọng của người muốn trình bày điều mình suy nghĩ và đưa trình diện nó với đời. Tôi chắc chắn rằng **yếu tố làm văn chương ít hơn yếu tố bày tỏ tư tưởng** trong tác phẩm này. Cái hay là Nhất Linh, tuy vậy, đã chọn con đường viết truyện dài bằng văn xuôi, và viết rất mới ở nhiều điểm, trong khi ông còn có khả năng khác như hội họa, viết nghiên cứu văn chương và nhứt là sinh hoạt đảng phái, làm chánh trị như ta thấy sau này...

Nguyễn Tường Tam in sách năm 1926 trong khi trước đó độ chừng 10 năm thôi ở trong Nam, Hồ Biểu Chánh viết quyển *U*

Tình Lục cũng ký tên thật là Hồ Văn Trung, một quyển tiểu thuyết hoàn toàn chịu ảnh hưởng những nhà văn viết bằng chữ Nôm của thế kỷ trước, một ảnh hưởng quá đậm về mặt hình thức. Đó là thể truyện thơ lục bát.

U Tình Lục và *Nho Phong* có điểm giống nhau là đều nói đến cuộc đời của một người con gái, do tình yêu mà chịu đựng những khó khăn sâu đậm trong đời. Nguyễn Tường Tam viết bằng văn xuôi và ít tình tiết, trong khi Hồ Văn Trung viết bằng văn vần lại đưa ra nhiều chi tiết nhỏ nhặt trong tác phẩm của mình.

Nho Phong dễ đọc dễ hiểu hơn, dĩ nhiên, người đọc cũng dễ thấy tâm tình và thái độ của nhân vật, *U Tình Lục* tuy tác giả sử dụng thuần nhuyễn những nhóm chữ chịu ảnh hưởng của Trung Hoa nhưng người đọc vẫn khó khăn lắm mới thấy rõ những gì mà nhân vật suy nghĩ. Về sau, gần như đồng thời với *Nho Phong* của Nguyễn Tường Tam, Hồ Biểu Chánh viết *Ai Là Được*. Tác phẩm này về phương diện văn phong và cách tạo truyện mới hơn *Nho Phong* rất nhiều nên được chào đón nồng nhiệt ở trong Nam và từ đó tác giả của nó trở thành nhà văn kiệt suất trong Nam...

Nhưng đó là chuyện khác.

Do vậy sự lựa chọn thể văn xuôi của Nguyễn Tường Tam là sự lựa chọn sáng suốt, điều đó rất quan trọng đối với văn nghiệp của ông cũng như đối với sự lớn mạnh của văn học Việt Nam thế hệ 1913-1932.

Dĩ nhiên con đường viết bằng văn xuôi sau năm 1920 không phải là sáng kiến đầu tiên của Nguyễn Tường Tam, nhiều người trước đã vạch rồi, nhưng sự đi theo sáng suốt và với tinh thần cải tiến cũng cần được ghi nhận, chúng ta hãy tưởng tượng Nguyễn Tường Tam mà viết truyện dài bằng thơ như Phan Chu Trinh viết *Giai Nhân Kỳ Ngộ Diễn Ca* (1915-1917) thì sau này

chắc chắn ta không có phong trào đổi mới văn chương và đổi mới sáng tác của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Và văn học Việt Nam thiệt thòi biết là bao nhiêu!

Đó là một giả sử thôi nhưng chắc chắn rằng hậu quả sẽ như vậy nếu có...

Nho Phong nói về cuộc đời của Lê Nương, một phụ nữ gia giáo con một phủ hồi hưu nhưng nghèo khó và cô thế. Cảnh bên nhà ông phủ có thư sinh tên Dương Văn. Dương Văn nhận thấy Lê Nương đẹp đẽ, đảm đang và thùy mỵ nên đem lòng yêu mến và được đáp tình lại. Trước khi qua đời, cha Lê Nương kêu mẹ của Dương Văn tới ủy thác cô con gái cho bà, mong bà cưới Lê Nương cho con bà. Sau khi cha mất, Lê Nương phải về nương náu với người chú, ông chú này quyết tâm gả cháu cho một thanh niên nhà giàu mà Lê Nương không yêu. Bị cháu quyết liệt từ chối đám này, người chú cuối cùng phải bỏ cuộc.

Sau nhiều gian truân, Lê Nương và Dương Văn lấy được nhau. Nỗi khổ bắt đầu từ đây vì nhà nghèo, thiếu nợ do những đám ma chay, chỉ có mỗi người vợ lo buôn bán nhỏ, người chồng là hàn sĩ chỉ dài lưng tốn vải, không phù hợp với thực tế của cuộc sống nên gia đình càng ngày càng nghèo khổ trong thời gian Dương Văn thi 10 năm không đậu. Người vợ tần tảo quá sức, lao tâm cực trí nên bệnh nặng, khi bà gần kiệt lực thì được tin chồng thi đậu thủ khoa...

Chuyện chấm dứt ở đây. Tác giả không nói rõ Lê Nương thoát khỏi cơn bệnh hay không. Nàng sống hay chết sau đó. Nhưng điều quan trọng không nằm ở chỗ kết thúc mà nằm ở những chỗ khác như là những gì tác giả muốn gợi gẫm...

Vì là con người của Nho phong nên Dương Văn thương nhớ thích muốn cô bạn gái lắng giềng theo phong cách thiệt là "Nho phong", anh thấy bóng hoa thấp thoáng, dáng liễu thanh tân (trg

8), để mơ mộng chứ không thấy những gì lồ lộ, rõ ràng, ngộp mắt, để rồi tìm cách qua nhà nhiều lần... nhưng cũng chẳng dám liếc mắt đưa tình gì, cũng chẳng dám "*lần khân*" như Kim Trọng để bị người tình quở bằng cách kê tủ đứng: ... *trên bệ trong dậu/ thì con người ấy ai cầu làm chi* mà chỉ giả bộ hỏi sách làm bài với cụ cừu phủ. Nàng thì e lệ chiều thu để khiến nét thu ngại ngùng (trg 11). Tóm lại: Tình yêu hai người trẻ này trong vòng lễ giáo và tương kính của con người Nho phong.

Trong khi ở Miền Nam, ca dao tuy diễn tả sự thương nhớ cách khác nhưng tình cảm và thái độ không khác, cũng muốn thấy mặt, mong mỗi được đến gần nhưng *khó* trước đối tượng:

*Anh thả ghe câu lên xuống mấy lần,
Thương em đứt ruột nhưng đến gần lại run.*

Nho Phong, như tựa đề là *tính cách Nho phong* của những nhân vật chánh trong truyện:

– Ông Phủ về hưu nghèo nàn vì suốt đời làm quan cai trị dân với tình thương dân và lòng tự trọng của mình.

– Bà Huấn, mẹ của Dương Văn, là người đàn bà nhân từ, kiên ái trọng việc giúp người khi thấy họ khổ đau mình chẳng dư dả gì.

– Cặp trai tài gái sắc Dương Văn và Lê Nương, tình yêu tràn đầy nhưng chưa bao giờ đi ra ngoài lễ giáo. (So sánh với cặp nhân tình trong U Tình Lục thì khác xa, nàng có bầu vì ăn cơm trước kẻng.)

– Cuộc đời sau này của họ khi đã thành vợ chồng cũng thế, cuộc đời người vợ là phụ nữ chăm chỉ làm ăn để nuôi chồng con, nuôi cháu, cuộc đời người chồng là quyết chí đèn sách dạy học, sống đời lương thiện chỉ mong thoát cảnh khổ bằng việc đỗ đạt...

Ta không thấy lời oán trách nào về trời, về người, về xã hội của cặp vợ chồng này dầu họ lâm vào cảnh nghèo đến tận cùng, khổ sở hết sức vì nhà có tang mà hết cả tiền, chỗ vay lại không phải dễ... những điều xé lòng như gặp bà con giàu khinh khi, gặp người có tiền bạc vụ oan giá họa...

Những nội dung và thái độ con người như nói trên không mới, cũng là thoát thai từ quan niệm Nho giáo và chịu ảnh hưởng từ những gì tác giả học hỏi được từ sự giáo dục của nước ta cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20.

Có thể rằng Nguyễn Tường Tam nhận chân rằng những điều đó ông đã diễn tả quá lờ mờ nên ông chuyển cách viết sang thể mạnh dạng hơn, điều đó thể hiện trong tác phẩm *Người Quay Tor*^[6].

Người Quay Tor:

Cùng một số phận hẩm hiu ít được nói tới nhưng tác phẩm này có cái may riêng. Nhà xuất bản Ngày Nay của Nhất Linh sau năm 1954 có bản in trước đó nên đã in lại ở Sài Gòn. Chúng tôi không có bản in đầu tiên của nhà Nghiêm Hàm ấn quán, Hà Nội năm 1927 nên không biết được bản in mới ở Sài Gòn có sửa đổi văn chương chữ nghĩa của bản cũ ở Hà Nội hay không, nhưng điều nhận xét đầu tiên của với tánh cách người đọc là văn phong ở đây rất mới, chữ dùng đã không còn rất đặc trưng của miền Bắc nữa, chữ đã chuẩn hơn nhiều. Vậy nên xin chỉ chú ý đến ý tưởng trong quyển này và bỏ qua chuyện câu văn cùng là từ ngữ được sử dụng.

Người Quay Tor là một tập truyện ngắn đa dạng gồm nhiều truyện ngắn và truyện dịch:

Người quay tor. 2. Nô lệ. 3. Chiến tranh. 4. Giấc mộng Từ Lâm. 5. Sư Bác chùa Kênh. 6. Làm gì mà bán khoán thế? 7. Vương vãi trắng... (các truyện khác hoặc là dịch truyện xưa, hoặc dịch

truyện ngoại quốc, không cần để ý). Vậy thì đây là một tập truyện ngắn, mỗi truyện dài trên dưới 10 trang.

Tổng quan ta có thể thấy nhiều điều tác giả muốn nói:

– Tuy là người tu hành nhưng chưa chắc người tu đã hết lòng trần tục. Tiền tài vẫn là điều hấp dẫn. Khi có tiền rồi người ta sa đà vô độ và đi tới mục tiêu khác nữa hầu tìm danh vọng, như chánh trị chẳng hạn. (*Sư Bác Chùa Kênh*).

– Người khôn lanh và biết lợi dụng thế lực khi có hoàn cảnh sẽ dè dặt dè dặt kể cô thế thiếu những thủ đoạn, thiếu hiểu biết ... Cuối cùng kẻ giáo quyệt lên làm chủ, người hiền từ, tính toán đơn giản, tin người... sẽ làm tội mọi cho lớp người khôn lanh nói trên. (*Nô Lệ*).

Mỗi truyện là một đề tài là một vấn đề xấu của xã hội, vấn đề mà người có chánh quyền cần phải thủ tiêu hay ít nhất là cải cách.

Điều đặc biệt là tác phẩm này in sau quyển *Nho Phong* chỉ có một năm thôi nhưng văn phong đã khác xa, rõ ràng, không sáo mòn từ ngữ cũ, câu cú xưa không còn vết tích, nếu trích một đoạn đưa cho người chưa đọc qua bao giờ thì họ dễ dàng nói đó là văn mới sau ngày đất nước bị chia hai^[7].

Vũ Ngọc Phan nhận định: *Nho Phong*, là một truyện cổ bình thường, có tính cách trung hậu như hàng trăm truyện cổ nước ta, Cách hành văn của Nguyễn Tường Tam... còn cổ lỗ. Ông còn đẽo gọt câu văn cho thật kêu, cho thật du dương và dùng rất nhiều chữ sáo.

Hãy xem ông viết (Vũ Ngọc Phan trích *Người Quay Tor*) :

Lệ Nương năm ấy tuổi mới tăng tròn (trg 1). Như bông hoa thấp thoáng, dáng liễu thanh tân, làm cho chàng cũng phen man mác trong lòng (trg 8). Những lúc ấy thì tơ tằm bối rối (trg 11).

Thấy vườn bên kia bóng đèn thấp thoáng mà chiều xuân dễ khiến nét thu ngại ngùng (trg 12). Tóc nàng không nắng trải trông bối rối như mây thu (trg 13). Đôi mắt gặp nhau, làn thu ba như nhuộm vẻ sầu (trg 14). Nếu cụ trông thấy cảnh song trăng quạnh quẽ, vách mưa rã rời... (trg 32). Lúc đi là hàn nho, lúc về biết đâu không ông Cống ông Nghè chi dài các (trg 120)...^[10]

Phạm Thế Ngũ nói không khác gì hơn:

Nho Phong là câu chuyện ái tình lý tưởng theo kiểu truyện Nôm xưa... Nguyễn Tường Tam còn chịu ảnh hưởng đậm đà của Nho giáo, Nho phong... Tư tưởng trung hiếu tiết nghĩa, sự rung động của tâm hồn trước những vẻ đẹp tưởng như bất biến của đạo Nho... Về kỹ thuật: giảng giải dài dòng về thể sự nhân tình, kết luận bằng nhận xét luân lý cho rõ rệt trước khi chấm dứt. Câu văn gọt dũa, uốn nắn, lấy sáo làm đẹp cái sáo của văn Kiêu... (448-449)^[11]

Vũ Ngọc Phan sau khi phê bình đã biện luận rất thuyết phục cho sự kiện cổ lỗ này của Nguyễn Tường Tam:

- Lối tiểu thuyết của nước ta trong thời kỳ phôi thai.
- Tiểu thuyết đầu tay của văn sĩ trong thời thanh niên.

Ông Vũ Ngọc Phan nói đúng, chính người thanh niên đó tiến bộ trong những tác phẩm sau này và nhút là đã tạo sự tiến bộ trong lối viết tiểu thuyết của nước ta sau đó nhờ công của ông trong việc thành lập và điều khiển một văn đoàn.

Vấn đề quan trọng là tuy nhận rằng hai tác phẩm trên xưa nhưng Vũ Ngọc Phan cũng như Phạm Thế Ngũ đều đồng ý rằng nhìn tổng thể tiểu thuyết của Nhất Linh có sự tiến hóa:

Đọc Nhất Linh từ trước đến nay người ta thấy tiểu thuyết của ông tiến hóa rất mau. Từ cái lối còn cổ lỗ như Nho Phong, tiểu

thuyết của ông đi vào loại tình cảm, rồi đi thẳng vào lối tiểu thuyết luận đề là một lối rất mới ở nước ta.^[10]

Đúng. Có một sự tiến hóa theo tôi không chỉ có ích lợi cho văn nghiệp của ông Nhất Linh để thành một nhà văn có thể giá trong một giai đoạn văn học nào đó mà sự tiến hóa đó còn làm đà thúc đẩy cho sự tiến tới của văn chương Việt Nam, vì nó là con tàu kéo theo những **cách viết trực diện với đời sống của con người** trong xã hội đương thời của những nhà văn thời Tự Lực Văn Đoàn và ngay cả những nhà văn thời sau đó nữa.

Trên mặt văn học con đường 10 năm của truyện dài Việt Nam như vậy là được bước bằng đôi hia thần thoại. Nó bỏ hình thức thơ lục bát để bước sang thể văn xuôi. Dĩ nhiên còn vướng víu những hình thức của râu ria cũ, người ta gọi là cổ lỗ, nhưng rồi sẽ được trau tria dần dần sau này. Nhóm có công lớn làm cái lực trong sự thúc đẩy ban đầu là nhóm Tự Lực Văn Đoàn mà Nguyễn Tường Tam là người chủ sủy... Để ý rằng sau đó không còn truyện dài bằng thơ có giá trị xuất hiện nữa, nếu có chăng thì là những tập thơ mỏng bình dân của những người viết vì những thôi thúc tài chánh hơn là theo tiếng gọi của văn chương và tư tưởng.^[11]

Người Quay Tơ có thể không quan trọng về mặt văn chương^[12] nhưng mặt văn học là bước tiến vĩ đại của người chủ soái Tự Lực Văn Đoàn, bước tiến dài từ người viết truyện Nguyễn Tường Tam biến thành nhà văn lừng lẫy Nhất Linh.

Hơn nửa thế kỷ qua từ ngày tôi đọc quyển này lần đầu tiên khi ghi tên theo học chúng tôi mới mở lần đầu tiên ở trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn năm 1961-1962 là chứng chỉ *Văn Chương Quốc Âm*, cái cảm giác phải đọc cho hết quyển sách để biết coi Dương Văn thi đậu hay không và Lê Nương có qua khỏi cơn bệnh ngặt nghèo đối đầu với thần chết hay không lần này vẫn có.

Độc giả chỉ được trả lời có một: Thi đậu, còn câu hỏi sau cũng là một bí ẩn.

Cái bí ẩn đó là tài năng của người viết truyện Nguyễn Tường Tam. Sự tạo bí ẩn đó cùng với những yếu tố khác sau này là hạt giống gieo thành nhà văn kỳ tài Nhất Linh về nhiều phương diện, chẳng hạn như người đọc *Đoạn Tuyệt* nóng lòng theo dõi coi kết cuộc vụ án cô gái mới Loan giết chồng ngã ngũ ra sao, đời cô Loan sau đó như thế nào. Sự nóng lòng của độc giả khi cầm quyển truyện theo các nhà phê bình Tây phương là sự thành công của nhà văn...

Nhà văn thường được người đọc thấy tương lai văn nghiệp ngay trong tác phẩm đầu đời. Đọc xong, buông tác phẩm xuống phần nhiều họ sẽ nói, và nói rất đúng: Ông này sẽ tiến xa trên đường nghệ thuật nếu viết tiếp, hay ông này đầu viết thêm cả chục, cả trăm quyển nữa, theo dõi việc viết lách 3, 4 chục năm nữa thì cũng thế thôi. Có lượng mà không có phẩm, sau cùng, cái hình bóng rất nhỏ sẽ chìm vào trong đám đông, có mặt để cho người ta quên. Tôi không muốn nói ai nhưng hầu hết những cây viết trong Nam cuối thập niên 50 ở vào trường hợp này.

So sánh với *Ai Làm Được* của Hồ Biểu Chánh cùng thời kỳ ta thấy Hồ Biểu Chánh sức sáng tác mạnh hơn nhiều, về chi tiết trong truyện về văn (rõ ràng trong sáng hơn...) nhưng trong lịch sử văn học Việt Nam Nhất Linh nổi trội hơn nhiều do tác phẩm của ông *thay đổi đột biến* về mặt câu văn cũng như *gắn bó trực tiếp đến những vấn đề trong đại của xã hội đương thời*, Hồ Biểu Chánh không được ưu điểm đó, văn ông không tiến bộ theo thời gian, nội dung tác phẩm cũng tương tự nhau tuy rằng khởi đầu của Hồ Văn Trung hơn hẳn sự khởi đầu của Nguyễn Tường Tam.

Giải thích về tư tưởng tiến bộ hé thấy đây đó trong tác phẩm *Người Quay Tor*, nhóm viết Văn Học Việt Nam 1900-1945, bài của

Phan Cự Đệ xa gần muốn đem công lao này gán cho nhóm tổ chức các phong trào sinh viên học sinh vào thời tác phẩm xuất hiện^[13] khi nói:

Phong trào yêu nước sôi sục trong trí thức, học sinh sinh viên vào những năm 1925- 1926 chắc hẳn đã có ảnh hưởng đến Nhất Linh. Tập truyện Người Quay Tor (Nguyễn Hàm ẩn quán 1927) bộc lộ một tinh thần dân tộc và thái độ phê phán gay gắt đối với chế độ thực dân phong kiến... (trg 538)

Tôi cho rằng tin tức về những phong trào đó không thể thoát ra khỏi vùng có sự kiện gây nên tin tức được. Vấn đề giới hạn của báo chí khiến nhà báo không thể đem đến những tin chánh trị cho người đọc sớm, hay họ đã lờ đi không nói gì khi cho rằng tin tức đó có thể tạo nên phản ứng xấu mà nhà cầm quyền phải mất công giải quyết. Và mọi sự liên hệ về tư tưởng trong *Người Quay Tor* với phong trào này nọ thời đó đều không có cơ sở, không thể tin được. Đó là một kết luận **qui nạp áp đặt** của người đi sau vì khuynh hướng chánh trị của mình.

Gần đây một quyển tự điển văn học đồ sộ, mà trong sự hình thành đã có những tranh luận gay go về những tác giả nào tác giả nào của Việt Nam được đưa vào tự điển, đã viết:

Những sáng tác đầu của Nhất Linh, trước 1930 (Nho Phong 1925), (Người Quay Tor 1927) chưa có gì đặc sắc, nghệ thuật còn cổ như những sáng tác khác thời ấy^[14].

Nói như vậy để họ nói về những tác phẩm có giá trị nghệ thuật của Nhất Linh sau 1930, nhưng cũng vì vậy họ đã không thấy được những tư tưởng tiến bộ lấp lánh trong hai quyển đầu đời văn của tác giả. Chính những tư tưởng đó sau này phát triển thành những điều mà chúng ta gọi là luận đề để thay đổi những hủ tục của thời đại.

Sao không nói đến phần tư tưởng, nhất là những tư tưởng mở đường cho thấy những khuyết điểm của xã hội thời đó?

Khoảng cách cực lớn giữa ý tưởng và thực hiện ý tưởng đó thành một điều cụ thể rạch ròi là hành động, nhà văn trẻ Nguyễn Tường Tam thực hiện những ước mơ của mình (trong *Nho Phong* và *Người Quay Tor*) để thành Nhất Linh của *Đoạn Tuyệt*, *Lạnh Lùng*, *Đôi Bạn*, *Bướm Trắng*... Sự thực hành đó là việc điều hành tờ *Phong Hóa*, tờ *Ngày Nay* với các bạn văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Giải thích tại sao Nhất Linh thành công trong việc tạo nên một phong trào văn nghệ như Tự Lực Văn Đoàn mà Hồ Biểu Chánh trong Nam mặc dầu khởi đầu sự nghiệp mình khá trội hơn đã không làm được, tôi xin trả lời giản dị rằng Hồ Biểu Chánh không có văn hữu chí cốt để phân công làm việc và nhất là ông không được đi Tây để mở mắt ra nhìn thấy toàn thể bộ mặt văn nghệ tiến bộ của Tây Phương và cách làm việc sao cho thành công^[1].

Dĩ nhiên điều căn bản nhất: Cũng cần có yếu tố tự thân ta gọi là thiên tài...

Chú thích:

[1] Xin xem để thấy những tiếng vang về *Đoạn Tuyệt* trong Thanh Lăng, *13 năm Tranh Luận Văn Học*, nhà xuất bản Văn Học, Sài Gòn, 1995.

[2] Dương Quảng Hàm, *Việt Nam Văn Học Sử Yếu*, bản in lần thứ mười, 1968 của Trung Tâm Học Liệu, VNCH, bản in lại nguyên văn của nhà xuất bản Đại Nam, CA, Hoa Kỳ, không đề năm.

[3] Thạch Trung Giả, *Văn Học Phân Tích Toàn Thư*, Lá Bối, Sài Gòn, 1973, quyển sách này, vốn là một giảng khoa ở Viện Đại

Học Vạn Hạnh vài năm trước đó nên không thể đi vào chi tiết hết các tác giả và tác phẩm quan trọng nhưng khi nói đến Nhất Linh Giáo Sư Thạch Trung Giả chỉ nói đến *Đoạn Tuyệt* mà không có một lời nào về hai tác phẩm chúng ta đang bàn.

[4] Vũ Ngọc Phan, *Nhà Văn Hiện Đại*, bản in lần đầu, Hà Nội 1942, in lần thứ ba, Sài Gòn 1960.

[5] Để ý rằng trước đó không lâu, trong Nam tháng Oct, 1921 ông Lê Hoàng Mưu cho in quyển *Hoạn Thư Bất Thúc Kiều* bằng thể thơ thất ngôn trường thiên, không tác phẩm nào có thể cổ điển hơn:

*Người huyện tích Châu Thường quê ngụ, Thúc Kỳ Tâm dòng
đôi thư hương, Rèn bút nghiên đúng bức văn chương, Tra lý lịch
đáng gương đức hạnh, Lắm sở ruộng cò bay thẳng cánh, Nhiều
miếng vườn chó chạy ngay đuôi, Phận sắt cầm đã dựng an vui,
Cung ái nữ con quan lại Bộ...*

[6] Và sau này viết có hệ thống hơn chú trọng đến điều mà ông cho là quan trọng hơn nữa vì trực tiếp và nhứt là cụ thể như điều viết trong *Đoạn Tuyệt* và *Lạnh Lùng*....

[7] Nhắc lại, người viết bài này không có bản in đầu tiên của nhà in Nghiêm Hàm ở Hà Nội mà chỉ có bản in của nhà xuất bản Đời Nay năm 1960 nên không thể xác quyết bản in ở Sài Gòn có chỉnh sửa hay không và nếu có thì đổi đến mực nào. Trong khi chờ đợi giải quyết bởi một người nào đó có bản in lần đầu thì ta coi như không có sửa hoặc nếu có thì cũng không quan trọng vì sửa một số từ Bắc rặt (như đã dùng trong *Nho Phong*) sang từ thông dụng hơn thời thập niên 60 của thế kỷ trước, chứ không sửa chữa câu văn.

[8] Như trên, trang 900.

[9] Phạm Thế Ngũ, *Việt Nam Văn Học Giảng Ước Tân Biên*.

[10] *Nhà Văn Hiện Đại*, trang 907.

[11] Bộ thơ trường thiên lục bát của mấy nhà xuất bản Phạm Văn Thành, Phạm Đình Khương, Thuận Hòa ở Chợ Lớn kéo dài mấy chục năm với gần 200 quyển nhưng không có quyển nào so sánh được với *U Tình Lục* vì nhiều lẽ mà lẽ quan trọng nhất là đề tài: Lấy trong tác phẩm Trung Quốc, rút ra từ Truyện Tàu, kể lại một truyện cổ tích... sự sáng tác đặc biệt phát xuất từ tâm tư của tác giả như *U Tình Lục* không có.

[12] Những khuyết điểm có thể kể cụ thể:

a. những chữ quá xưa và quá địa phương: Đã nhớn, Phương giời lẻo đẻo, tỉnh kiệt, đau cháo, nói truyện suốt ngày, vài dương quần áo, văn thơ sao nhãng, Con giai tóc nàng không năng trải, Nhời con nói, Túp danh bên cạnh, Nàng sinh đẹp quá, Bóp chán có giăng gương, cái trống, dút dất, trấn song, nó trở đi cúng rồ tổ tiên, cau đầu, mặt sanh sao, bỏ soãi ra, sế ruột sế gan, lấy làm rể chịu, trăn giời tối đen, sượng danh, có sức mà trống lại được, xút kém, trống mạnh, chôn rau cắt dốn, chôi chấy...

b. những nhóm chữ xưa sáo mòn: tuổi mới trắng tròn, bắc bực làm cao, làn thu ba như nhuộm vẽ sầu, nét hoa ủ dũ...

c. giọng người viết nói với ta để giải thích nầy nọ: tuổi thiếu niên như thế, há có riêng ai, ôi con người ta chỉ vì miếng ăn mà cùng khổ đến thế ư?

[13] Phan Cự Đệ, Trần Đình Hượu, Nguyễn Trác, Nguyễn Hoàng Khung, Lê Chí Dũng, Hà Văn Đức- *Văn học Việt Nam (1900-1945)*, nhà xuất bản Giáo Dục, Sài Gòn 1998.

[14] *Từ Điển Văn Học*, Bộ Mới, Nhà xuất bản Thế Giới, Sài Gòn, 2003, mục từ Nhất Linh, người chấp bút Nguyễn Hoàng Khung (trang 1255).

[15] Nhiều người có kinh nghiệm về viết văn, có ý muốn kết hợp với bạn văn để viết lách về một đề tài lớn nhưng kết quả thường không được như ý vì nhà văn thường có khuynh hướng làm việc độc lập và nhứt là mỗi người mỗi ý về kỹ thuật cũng như điều muốn đưa vào trong tác phẩm của mình. Nhất Linh làm được vai trò người lãnh đạo Tự Lực Văn Đoàn phải công nhận là đáng khâm phục, ông đã tạo được một nhóm người cùng nhau viết với một mục tiêu và đã thành công vượt bực, ảnh hưởng lớn trên văn học Việt Nam một thời gian dài.

Nguyễn Văn Sâm

Sept. 2014.

(bài nói chuyện ở Viện Việt Học, California, năm 2014)



Sài Gòn 1960. Nhất Linh cùng các văn hữu trong buổi họp văn hóa. Cho tới niên kỷ 2004 hơn nửa số nhà văn hiện diện trong hình đã vĩnh viễn ra đi. Hàng ngồi, từ trái qua phải: Linh Bảo - Quỳ Hương - Nguyễn Thị Vĩnh. Hàng đứng, từ trái qua phải: Bình Nguyễn Lộc - Duy Lam - Đồ Đức Thu - **Nhất Linh** - Tường Hùng - Nguyễn Thành Vĩnh - Trương Bảo Sơn.

NHÀ VĂN, NHÀ GIÁO DOÃN QUỐC SỸ

Đàm Trung Pháp

Doãn Quốc Sỹ sinh năm 1923, tại Hạ Yên Quyết (Hà Đông), nay thuộc quận Cầu Giấy (Hà Nội).

Ông là nhà văn, nhà giáo nổi tiếng tại miền Nam Việt Nam từ trước 1975. Đã dạy học tại các trường Trung học như Nguyễn Khuyến (Nam Định) Chu Văn An (Hà Nội) Trần Lục (Sài Gòn). Làm Hiệu trưởng trường Trung học Hà Tiên, Giáo sư trường Trung học Hồ Ngọc Cẩn, Giáo sư trường Đại học Văn khoa Sài Gòn và Đại học Sư phạm Sài Gòn.

Giữa thập niên 60, ông du học tại Hoa Kỳ về ngành Giáo dục và trở về nước dạy học cho tới 1975.

Doãn Quốc Sỹ vừa dạy học vừa viết văn. Ông di cư vào Nam năm 54 và sống tại Sài Gòn. Năm 56, sáng lập Nhà xuất bản Sáng Tạo và tạp chí văn nghệ cùng tên với Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, Tô Thùy Yên v.v...

Ông là tác giả khoảng 25 tựa sách, nổi tiếng nhất là bộ trường thiên tiểu thuyết Khu Rừng Lau gồm 4 tập: Ba sinh hương

lửa, Người đàn bà bên kia vĩ tuyến, Tình yêu thánh hóa, Đàm thoại độc thoại.

Bộ tiểu thuyết này đã được ví như "Chiến tranh và hòa bình" của Leo Tolstoy.

Sau biến cố 1975, ông bị đưa đi "cải tạo" tại trại Gia Trung (Tây Nguyên) và giam cầm hai lần với tội "viết văn chống phá cách mạng", tổng cộng 14 năm tù trước khi được phép di cư sang Hoa Kỳ theo diện O.D.P, đoàn tụ với con trai năm 1995.

Ông đã lập gia đình lúc trẻ với bà Hồ Thị Thảo, con gái nhà thơ trào phúng Tú Mỡ (Hồ Trọng Hiếu).

Doãn Quốc Sỹ hiện đang sống tại Quận Cam, California, Hoa Kỳ, vào cái tuổi những người xưa nay ... rất hiếm.

Nói về nghiệp văn của mình, Doãn Quốc Sỹ cho biết: Chúng tôi trình diện đồng bào Miền Nam bằng cái tập gọi là tập Xuân Chuyển Hướng. Tập Xuân Chuyển Hướng đó là do đoàn sinh viên Hà Nội di cư đứng ra trông nom ấn loát, ấn hành, thì may sao tôi mang được truyện ngắn Sợ Lửa từ miền Bắc vào miền Nam thì tôi đóng góp cho anh chủ tịch cái tập Xuân Chuyển Hướng đó cái truyện ngắn Sợ Lửa của tôi.

Tôi vẫn nghĩ rằng nếu Sợ Lửa mà tôi quên không mang vào trong Nam, hoặc đã mang vào trong Nam rồi thì lại quên mà để ở đâu đó, mất đi, thì chính tôi tôi cũng chẳng để ý đến nữa. Nhưng mà một khi đã thấy tác phẩm của mình được in thành chữ đăng hoàng trên một tờ báo thì tự nhiên lòng cảm hứng của tôi nổi lên. Thế là như lửa gặp gió, tôi cầm bút tiếp tục viết để đi vào cái nghiệp viết văn từ thuở đó.

Với người giữ mực này, những tác phẩm buổi đầu của Doãn Quốc Sỹ như Sợ Lửa, U Hoài, Dòng Sông Định Mệnh... là những bông hoa đầu tiên mình gặp được trên đời và trở thành bạn đồng

hành suốt mấy chục năm qua, qua chiến tranh, tù ngục và cuộc đời lưu lã. Giữa bao nhiêu biến động đó hình ảnh của Thiệu và Yến sáng ngời trong tâm tưởng và xiết bao thân yêu.

Sau đây, để vinh danh nhà văn/nhà giáo Doãn Quốc Sỹ, xin giới thiệu bài viết Tạ Ôn của Giáo Sư Đàm Trung Pháp viết cho Doãn Quốc Sỹ.

Suốt thời gian mài dũa quần trên ghế nhà trường tại quê nhà, trong những năm đầu óc còn trong trắng dễ uốn nắn, tôi có điểm phúc được nhiều lương sư dạy dỗ. Nhờ công ơn hun đúc của những vị thầy đó mà tôi trở thành một người hữu dụng ngày nay. Trong số những lương sư đó của tôi, thầy Doãn Quốc Sỹ đứng hàng đầu.

Tôi được học Việt văn với thầy lớp đệ ngũ, trong niên học 1955-1956 tại Trung Học Trần Lục ở Saigon. Lúc ấy thầy mới ngoài 30 tuổi, đang chuẩn bị xuất bản tác phẩm đầu tay là tập truyện cổ tích SỢ LỬA, và dĩ nhiên chưa nổi danh là một nhà văn. Những giờ học với thầy thú vị và bổ ích vô cùng, đến nỗi những “quái kiệt” quấy phá nhất trong lớp cũng phải ngồi yên chăm chú nghe thầy giảng văn chương và ngôn ngữ nước nhà. Nhiều người trong chúng tôi từ đó mê tiếng Việt chính vì những lời thầy nói thiết tha về vẻ đẹp muôn màu của nó, những điều mà sau này tôi được đọc lại trong cuốn NGƯỜI VIỆT ĐÁNG YÊU của thầy. Chẳng hạn khi đề cập đến cái đẹp của những câu ca dao chứa đựng những hình ảnh đi thẳng vào lòng dân Việt như:

*Đêm đêm tường dải ngân hà
Chuôi sao tinh đầu đã ba năm tròn
Đá mòn nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy hây còn trơ trơ*

thì thầy xúc động “muốn gục xuống trước bàn thờ tổ tiên để cho chính mình tan thành nước mắt, dòng suối nước mắt nhớ ơn tiên

nhân đã từ thế hệ này qua thế hệ khác trau chuốt cho tiếng Việt sớm trở nên cực kỳ diễm lệ.” Ngay từ dạo đó, bọn học trò 14, 15 tuổi chúng tôi đã thầm nghĩ rằng ông thầy tuyệt vời cả tài lẫn đức này sẽ có ngày trở thành một nhà văn lẫm lừng tên tuổi và một hiền nhân của dân tộc.

Với trọn vẹn lòng kính mến dành cho vị thầy cũ, tôi đã hân hoan tham dự “Đêm Doãn Quốc Sỹ và Dòng Sông Định Mệnh” hôm Thứ Bảy 18-11-2000 vừa qua tại Arts Center của thành phố Irving, tiểu bang Texas, do Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam tổ chức. Các bạn trong Hội Văn Hóa Khoa Học Việt Nam đã làm một điều đẹp đẽ và có ý nghĩa vô cùng, và tôi mang ơn các bạn. Các bạn đã thực hiện được một chương trình văn hóa qua âm nhạc và văn chương đặc sắc hiếm thấy từ trước đến nay, trang nhã ngoài hình thức và long lanh trí tuệ trong nội dung, để vinh danh một nhà văn lớn, một hiền nhân đích thực của đất nước chúng ta.

Đàm Trung Pháp

NHỮNG NGỌN CỎ MAY TRONG TRUYỆN NHẤT LINH

Lê Hữu



Cỏ may

*"Trên mặt đất, chỗ chàng nằm
chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng
rung rung trước gió thờ ơ."*

(*"Bướm trắng"*, Nhất Linh)

*Hồn anh như bông cỏ may
một chiều cả gió bám đầy áo em*

Câu lục bát trên là bài thơ ngắn nhất của thi sĩ Nguyễn Bính, "Bông cỏ may".^(*) Bài thơ thật ngắn, chỉ hai câu, nhưng đầy những ý tình. Trong số nhiều người yêu thích bài thơ ấy tôi chắc có nhà văn Nhất Linh. Trong một bài hồi ức khá lý thú viết về thân phụ mình (*Người thừa trong làng thơ*, "thi sĩ" Nhất Linh – Diễn Đàn Thế Kỷ, 23/1/2012), nhà văn Nguyễn Tường Thiết tiết lộ rằng Nhất Linh rất yêu thơ; hơn thế nữa, từng làm thơ rất sớm và có thơ đăng trên báo *Trung Bắc Tân Văn* năm mười bảy tuổi. Đọc văn Nhất Linh, người ta cũng đọc thấy một tâm hồn đầy chất thơ trong con người nhà văn, con người nghệ sĩ, một tâm hồn thật phóng khoáng, nhiều lúc trải rộng đến mênh mông như là những cánh đồng cỏ may.

Bài học thuộc lòng khó quên

Không rõ ngày trước có bao nhiêu thầy cô giáo dạy môn Việt văn từng cho học trò mình lời khuyên rằng nên học thuộc lòng những đoạn văn hay của các nhà văn tên tuổi để học cách viết văn? Không rõ ngày trước có bao nhiêu thầy cô giáo từng trích ra ít đoạn văn mở đầu trong bài *Tôi đi học* của Thanh Tịnh làm bài "Học thuộc lòng" cho học trò mình? Cô giáo dạy Việt văn của tôi thì "thoáng" hơn, cô cho học trò "tự chọn" đoạn văn nào đó của nhà văn nào mình yêu thích để học thuộc lòng (tất nhiên đoạn văn phải được cô giáo thông qua). Tôi không chọn *Tôi đi học* như nhiều bạn học khác vì hai lẽ: thứ nhất, những câu văn và ý tưởng trong bài có vẻ được "phóng tác" từ bài *La rentrée* trong tập truyện *Le livre de mon ami* của Anatole France; thứ hai, một chi tiết trong bài khiến tôi khựng lại và bót phần hứng thú để thưởng thức một áng văn đẹp. Chi tiết ấy là hai chữ "hoang mang" ở ngay câu đầu của bài văn:

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường...

"Kỷ niệm hoang mang" là kỷ niệm như thế nào?! Cho dù cảm xúc "hoang mang" ấy là có thật đi nữa thì tác giả cũng không thể viết "nao nức những kỷ niệm hoang mang" được. Cũng vì nhận ra chỗ ấy, nhiều người đã tự ý đổi động từ "hoang mang" trong câu thành ra "mơ man" (động từ) hoặc "miên man", "mên mang" (tính từ). Chưa nói đúng sai, hay dở thế nào, câu văn được sửa đổi dù ít hay nhiều cũng không còn là câu văn của tác giả nữa khiến tôi đành chia tay với Thanh Tịnh để tìm đến một nhà văn khác, một bài học thuộc lòng khác. Không phải chuyện tựu trường, tan trường chi cả mà là chuyện một người nghĩ về cái chết của mình:

Chiều đến, Trương xuống cuối làng thăm mộ hai thân chàng. Trương không muốn chết ở quê nhưng chàng mong khi chết rồi người ta sẽ đem chàng mai táng ở nghĩa địa nhà; chàng thấy nằm ở các nghĩa địa gần Hà Nội có vẻ tạm thời, không được vĩnh viễn và ấm áp như ở đây, cạnh những người thân thuộc. Chàng hơi buồn nghĩ đến chẳng bao lâu nữa lại có những đứa trẻ như chàng hồi còn bé, chạy nhảy trên mộ chàng, hoặc thả diều, hoặc bắt châu chấu những buổi chiều hè lộng gió. Chàng sẽ không biết đau khổ là gì nữa: trên mặt đất, chỗ chàng nằm chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ, và ở một nơi nào đó, Thu mà chàng không bao giờ quên, vẫn đi lại, cười nói, vẫn sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia.

Đoạn văn trên ở trong truyện dài *Bướm trắng* của nhà văn Nhất Linh (Phần thứ nhì, Chương I), là đoạn văn khá quen thuộc với những người từng đọc, từng yêu văn Nhất Linh.

Vi lẽ gì tôi chọn đoạn văn ấy mà không phải đoạn văn nào khác? Lý do thứ nhất, đây là đoạn văn tả tình, tả cảnh, tả tâm lý nhân vật thật hay (là theo nhận xét của riêng tôi) và cũng dễ... học thuộc lòng nữa. Lý do thứ hai có chút... riêng tư: tên của một trong hai nhân vật trong đoạn văn ấy cũng là tên cô bạn học cùng lớp mà trái tim chàng trai mới lớn là tôi vẫn có chút rung động nhẹ nhàng mỗi khi len lén đưa mắt về phía cô bên dãy bàn đối diện. Tôi đã có những lúc... tưởng tượng rằng nhân vật Trương ấy chính là tôi, và không ngại đẩy trí tưởng tượng đi xa hơn: anh chàng nằm dưới đáy mộ ấy chính là tôi.

Cũng như Trương, khi chết rồi tôi cũng muốn được "mai táng ở nghĩa địa nhà" hoặc một nghĩa địa nào ở gần nhà để được gần gũi những người thân thuộc và cảm thấy ấm áp hay ít ra cũng bớt phần lạnh lẽo. Cũng như Trương, tôi "sẽ không biết đau khổ là gì nữa", và trên mặt đất, chỗ tôi đang nằm "chỉ còn có mấy ngọn cỏ may hồng rung rung trước gió thờ ơ". Và..., đến chỗ này mới thật là hay, "và ở một nơi nào đó, Thu mà chàng không bao giờ quên, vẫn đi lại, cười nói, vẫn sống tự nhiên trong ánh sáng của thế gian trên kia". Câu ấy, ngay từ những ngày ấy, đã gieo vào lòng tôi mối thương cảm và đồng cảm sâu xa với anh chàng Trương tội nghiệp.

"Thu mà chàng không bao giờ quên", câu ấy bộc lộ một tình yêu thiết tha, sâu kín. Câu ấy lại rất "mới", và mãi đến bây giờ đọc lên nghe vẫn cứ mới. Bây giờ người ta vẫn đang viết như thế, vẫn còn học cách viết như thế.

"Trương hơi buồn nghĩ đến...", cái buồn buồn của Trương khiến người đọc là tôi ngày ấy cũng phải chạnh lòng. Không buồn nhiều lắm, chỉ là cái buồn thoáng qua, vì chàng đã tiên liệu, đã chấp nhận cuộc sống là như thế, đã biết chắc mọi việc sẽ diễn ra như thế. Nhưng mà vẫn cứ buồn. Một người vừa nằm xuống, vừa chia tay với cuộc sống tươi đẹp, với tình yêu say đắm. Dòng

đời vẫn cứ bình thản trôi đi, vẫn cứ “một ngày như mọi ngày” cho dù có chàng hay không có chàng. Những đứa trẻ vẫn cứ nô đùa, chạy nhảy, thả diều, bắt châu chấu trong những buổi chiều hè lồng gió ở ngay trên mộ chàng. Những ngọn cỏ may hồng vẫn cứ “*rung rung trước gió thờ ơ*”.

Những ngọn cỏ may ấy, những ngọn cỏ may màu hồng lay động nhẹ nhàng trong gió chiều ấy đã đọng lại lâu dài trong ký ức tôi từ bao năm, và còn theo tôi mãi đến bây giờ. Thường thì người ta chỉ viết “mấy ngọn/bông cỏ may” chứ ít có ai viết “*mấy ngọn cỏ may hồng*” như Nhất Linh để tô thêm màu sắc cho câu văn ấy, cho hình ảnh ấy ở trong đầu người đọc. Đến hai chữ “*thờ ơ*” đặt ở cuối câu ấy thì quả là tuyệt, và... chỉ có Nhất Linh viết ra. Chỉ có ông mới thật là tinh tế trong cách sử dụng những tính từ, trạng từ, làm rung lên những cảm xúc trong lòng người đọc. Nhiều lắm người ta chỉ viết “*rung rung trong/trước gió*”, rồi thôi. “*Thờ ơ*” biểu tỏ trạng thái dửng dưng, không màng đến. Thờ ơ như không cần biết người nằm dưới mộ kia là ai. Thờ ơ như “*Thu mà chàng không bao giờ quên*” vẫn cứ đi lại, vẫn cứ cười nói, vẫn cứ sống tự nhiên “*trong ánh sáng của thế gian trên kia*”.

“*Ánh sáng của thế gian*”, hai chữ “*ánh sáng*” ấy được dùng có chủ ý, trong nghĩa tương phản với “*bóng tối của huyệt mộ*”. Bóng tối phủ trùm, bóng tối vây quanh Trương. Chàng đã thuộc về một thế giới khác. Nhất Linh không viết “*thế giới bên kia*” như cách người ta vẫn nói, ông viết “*thế gian trên kia*”. Chữ “*trên*” được hiểu là trên “*chỗ chàng nằm*”, là ở “*trên mặt đất*”, trong nghĩa tương phản với “*dưới đáy mộ*”. Trên và dưới, ánh sáng và bóng tối, vẽ ra ý niệm rõ nét của “*âm dương cách biệt*”.

Chỉ một vài nét chấm phá, chỉ một vài câu, chữ như “*thờ ơ*”, như “*ngọn cỏ may hồng*”, như “*thế gian trên kia*”..., đoạn văn ấy, đoạn văn mà tôi đọc được thuở còn ngồi ghế nhà trường, mãi

đến nay vẫn là bài học thuộc lòng “*mà chàng không bao giờ quên được*”.

Những dấu lặng của tình yêu

Đâu phải chỉ trong *Bướm trắng*, trong những trang tiểu thuyết khác, trong thế giới văn chương của Nhất Linh, người đọc vẫn gặp không ít những vật cỏ may mọc rải rác chỗ này chỗ khác, dọc bờ đê, ven đường làng, trên cánh đồng, dưới chân đồi...

Triết vừa đi vừa hỏi Mạch: “*Anh có thích bướm bướm không?*” “*Thích lắm nhưng ở Hải Phòng không có bướm bướm.*”

Triết giơ tay kéo Mạch vào vì thấy Mạch loảng quảng chạy ra ngoài ô giẫm lên một đám cỏ may ở cạnh đường để xem cỏ may bám vào quần ra làm sao. (...)

Mùi ngòai xuống kéo Mạch lại gần, vuốt lại tóc, nhặt những cái lá dứa ở trán ở má, sửa lại cổ áo, nhặt các hoa cỏ may vương ở áo và kéo lại cái quần cho ngay ngắn. (Xóm Cầu Mới – Phần thứ nhất, Chương VIII)

Những bông cỏ may be bé, nhòn nhọt tựa những chiếc dầm nhỏ nghịch ngợm, chỉ chực chờ ai đó đi ngang qua là bám theo, ghim chỉ chít vào những vật áo, gấu quần. Tình yêu trong *Đôi bạn*, tình yêu của Loan và Dũng cũng lắm tấm những bông cỏ may như thế.

Dũng thấy trên ống quần Loan lắm tấm những bông cỏ may, mà đường từ nhà ra trường học toàn lát gạch cả. Mấy bông cỏ may là cái chứng cứ hiển nhiên bảo cho Dũng biết rằng Loan đã một lần vượt qua cổng nhà trường, không vào, cứ đi thẳng về phía cánh đồng. (Đôi bạn – Phần thứ nhất, Chương IV)

Những bông cỏ may tím tím, sắc nhọn ghim cả vào những trang chữ, những dòng chữ viết về câu chuyện tình khép kín của "đôi bạn".

Đột nhiên Loan hỏi Dũng:

"Anh sắp định đi đâu?"

Cả hai người cùng ngừng lên một lúc. Dũng ngạc nhiên vì câu hỏi bất ngờ, chàng nhìn Loan dò xét. Loan cúi xuống tìm nhặt những bông hoa cỏ may vương trên vạt áo, nàng nói tiếp:

"Hình như anh sắp đi đâu xa, xa lắm?" (...)

Trong lúc cúi xuống để giấu đi sự bối rối trước cái nhìn dò xét của Dũng hoặc vì không biết nói năng câu gì, Loan vờ như chăm chú "tìm nhặt những bông hoa cỏ may". Những ngón tay mềm mại chuyển động nhẹ nhàng trên vạt áo. Những bông hoa cỏ may li ti màu tím nhạt nói hộ tình yêu.

Một đoạn khác:

Hai người lại yên lặng. Loan chăm chú nhặt cỏ may. Một cơn gió từ ngoài cánh đồng đưa vào thoảng mùi lúa chín thơm và ấm. Một con cào cào bay ngang qua mặt Dũng cánh xoè ra lấp lánh xanh đỏ rồi bay lẫn vào trong nắng. (...)

Thay vì nói với Dũng câu gì đó, Loan lại lặng lẽ cúi xuống... "chăm chú nhặt cỏ may". Cử động dịu dàng mà e ấp ấy là ngôn ngữ của tình yêu.

Lại một đoạn khác:

Dũng biết là chỗ này rất tiện để nói với Loan, nếu không nói được thì không còn dịp nào nữa. Chàng nghiêng người về phía Loan, dịu dàng gọi:

"Cô Loan..."

Loan thông thả quay lại, nét mặt nàng bỗng trở nên nghiêm trang. Tay nàng vẫn đưa đi đưa lại trên vạt áo tìm hoa cỏ may. Dũng nhăm trong miệng tìm câu bắt đầu, nhưng câu nào chàng cũng thấy nó tầm thường quá. (...)

Bằng những ngón tay nhẹ nhẹ "đưa đi đưa lại trên vạt áo tìm hoa cỏ may", Loan muốn che giấu nhịp tim hồi hộp đang chờ đợi ở Dũng một lời tỏ tình.

Đoạn tiếp theo:

Chàng không dám cất tiếng vì chàng đã thấy trước rằng câu chàng nói ra chắc không tự nhiên, có vẻ trơ trẽn, giả dối sẽ làm chàng tự thẹn với mình và ngượng với Loan mãi mãi.

Nhưng cần gì phải nói với Loan. Ý quyết định ấy vụt ra trong trí bất thần quá khiến Dũng cho ngay là có lý và tuân theo ngay. Chàng đứng lên nói:

"Ngày chóng hết quá. Đã chiều rồi đấy."

Loan cũng phúi áo cho sạch cỏ may đứng lên theo. (Đôi bạn – Phần thứ hai, Chương X)

Cơ hội tỏ tình của Dũng đã vụt qua như những bông cỏ may đã được phúi sạch. Anh chàng Dũng đã có thể ngồi sát gần Loan hơn, vừa gỡ giúp nàng những bông cỏ may bám trên vạt áo vừa ngập ngừng thốt lời yêu, ngập ngừng chiếc hôn trao yêu. Và Loan cũng đang chờ đợi..., nhưng Dũng đã không làm vậy. Bây giờ thì chẳng còn một bông cỏ may nào trên vạt áo Loan.

Chỉ có thể thôi, như chẳng có chuyện gì cả. Những bông cỏ may đã theo gió bay đi mang theo những lời yêu chưa kịp ngỏ. Chuyện tình trong *Đôi bạn* và trong những trang tiểu thuyết khác của Nhất Linh thường là những "chuyện tình cỏ may", đơn sơ và thầm kín. Thử đọc một đoạn khác:

Không nghe tiếng Loan và Thảo nói chuyện nữa, Dũng nghiêng mặt quay về phía hai người. Chàng thấp thoáng thấy hai con mắt đen của Loan. Thấy Dũng bắt gặp mình đang nhìn trộm, Loan vội nhắm mắt lại làm như ngủ; song biết là Dũng đã trông thấy rồi, nàng lại vội mở mắt ra, rồi qua những ngọn lá cỏ rung động trước gió, hai người yên lặng nhìn nhau. (...)

"Những ngọn lá cỏ rung động trước gió" ấy là những thoáng xao động của tình yêu.

"Hai người yên lặng nhìn nhau...", những khoảng lặng như thế vẫn thấy trong những đoạn văn kể "chuyện hai người". Những bông cỏ may ở đây là "dấu lặng" của tình yêu.

Thử đọc thêm một đoạn nữa:

Loan nói:

"Anh yên lặng mà nghe tiếng thông reo... Anh có nghe thấy không?" Dũng đáp: "Từ nãy tôi vẫn nghe và nghe rõ lắm." (Đôi bạn – Phần thứ ba, Chương XVI)

Dùng "nghe và nghe rõ lắm" nhịp đập xao xuyến trong trái tim mình. Tình yêu trong truyện Nhất Linh vẫn thường có những thời khắc lặng yên như thế, trong lúc trái tim của hai kẻ yêu nhau thì lay động nhẹ nhẹ như những ngọn cỏ may đong đưa nhẹ nhàng trước gió.

"Khắp nẻo dâng đầy hoa cỏ may
Áo em sơ ý cỏ găm đầy
Lời yêu mỏng mảnh như màu khói
Ai biết lòng anh có đổi thay?"

Những câu thơ trên ở trong bài thơ cùng tên với bài thơ của Nguyễn Bính. Tác giả bài thơ là Xuân Quỳnh. Hai bài thơ cùng tên, nhưng khoảng cách giữa hai bài thì xa đến mấy mươi năm.

"Lời yêu mỏng mảnh như màu khói", hai chữ "mỏng mảnh" ấy thật hay. Mỏng mảnh như màu khói nhàn nhạt, như hoa cỏ may tím, như tình yêu thật mong manh.

Chẳng phải "sơ ý" đâu, cỏ may vương trên áo như tình yêu vấn vương.

Những bông hoa li ti, những mũi gai nhòn nhòn như đầu nhọn của chiếc kim may, găm đầy vạt áo như găm vào trái tim cô gái vừa biết yêu. Những chiếc gai mỏng mảnh chỉ vừa đủ làm xao xuyến, vừa đủ làm xốn xang. Chỉ cảm thấy ram ráp chứ không đến nỗi nhức nhối như mũi kim chích vào người. Chỉ ram ráp thôi, nhưng thế nào thì cũng phải gỡ ra, gỡ ra từng chiếc gai nhỏ của tình yêu.

Dễ chừng lâu lắm tôi không gặp lại những bông cỏ may. Nơi tôi ở không có những bông cỏ may, hay là có mà tôi không biết vì chưa hề gặp. Chắc là phải đi đến một nơi nào xa lắm. Xa như tuổi ấu thơ tôi, như những vạt cỏ may rạp rờn "cuốn theo chiều gió" chạy vờn trên những cánh đồng tuổi thơ xa tắp. Câu thơ Xuân Quỳnh, câu thơ Nguyễn Bính và những câu thơ cỏ may nào khác đưa tôi về lại chốn cũ của những ngày xưa êm đềm, có tôi ngồi trong lớp học mà "mộng ngoài cửa lớp", có tôi mê mải cúi xuống những trang tiểu thuyết của Nhất Linh.

Nhất Linh, trong những tấm ảnh mà tôi thấy được, hiếm khi tôi nhìn thấy trên môi ông một nụ cười. Thường là vẻ mặt lặng yên dưới vầng trán rộng, vẻ mặt đôi lúc trông khắc khổ, và đôi mắt sâu đắm chiều, tư lự. Khuôn mặt ấy dường như thể hiện con người thứ hai, con người được gọi bằng tên thực của ông hơn là một Nhất Linh nhà văn. Tôi chú ý nhất là đôi mắt đen sâu, lặng lẽ và có chút gì bí ẩn. Lặng lẽ và bí ẩn như chiếc bóng cam lặng của người ngồi trong phòng vắng mà nhìn từ sau lưng ta chỉ thấy được một phần khuôn mặt chìm trong bóng tối mờ mờ.

Nhất Linh, không chỉ là những khoảng lặng trong những trang tiểu thuyết, cả trong đời sống, cả đến những phút cuối đời, lúc nào cũng vẫn là niềm im lặng sâu thẳm. Đôi lúc tôi tự hỏi liệu tôi, liệu nhiều người từng đọc ông, liệu nhiều người từng ở gần ông và cả những người thân của ông, thực sự đã “đọc” hết được ông chưa, thực sự đã hiểu được bao nhiêu về ông, sau những cánh cửa mà ông mới chỉ hé lộ. Có những cánh cửa vẫn còn đóng kín, im lìm.

Cũng có những bức ảnh chụp ông với đôi mắt mơ màng, với ánh mắt mênh mông xa vắng, ánh mắt chứa đầy những sức sống mơ hồ. Dưới vẻ trầm ngâm, mơ màng ấy trông ông có vẻ như một nhà suy tưởng. Tôi thích vẻ mơ màng ấy và tôi cũng thích trông thấy ông cười, nụ cười thật đẹp. Những lúc ấy trông ông có vẻ “Nhất Linh” hơn cả.

Ánh mắt mênh mông xa vắng ấy cũng làm tôi nhớ đến câu cuối trong chương sách cuối của *Đôi bạn*:

Trước mặt hai người, về phía bên kia cánh đồng, ánh đèn nhà ai mới thấp, yếu ớt trong sương, trông như một nỗi nhớ xa xôi đương mờ dần...

Câu văn đọc lên nghe đọng lại một cảm giác êm ả mà buồn buồn. Cái buồn buồn nhẹ nhẹ, xa xôi, bàng bạc trong những truyện của Nhất Linh, tạo nên cái khí hậu văn chương rất “Nhất Linh”. Cái khí hậu ấy thấm vào lòng người đọc là tôi, thấm vào lòng biết bao nhiêu người đọc của hơn một thế hệ. Cái khí hậu ấy hẳn phải đến từ một tâm hồn thật phong phú, một trái tim thật giàu cảm xúc và những giác quan thật tinh tế, thật bén nhạy trước những diễn biến, những đổi thay từng khoảnh khắc của thiên nhiên và trạng thái tinh cảm của con người.

Câu văn ấy, sau bao nhiêu năm, đọc lên nghe vẫn cứ mới. Gọi là “mới” theo cái nghĩa ngày nay người ta vẫn chuộng cách viết, cách dùng chữ như thế.

Nhất Linh, có lúc tôi tưởng như ông vẫn còn lẩn khuất đâu đây, tưởng như ông vẫn chưa đi xa lắm. Sau những cố gắng, những hô hào, vận động đổi mới trong văn chương của nhóm này nhóm nọ (trên cái nền nhà cũ của Tự Lực Văn Đoàn), dường như người ta vẫn chưa vượt lên ông là bao nhiêu. Ngoảnh lại sau lưng, vẫn thấy xa xa cái bóng ông thấp thoáng, chập chờn. Đổi mới, tôi chắc ông phải là người muốn đổi mới, muốn thực hiện việc đổi mới hơn ai hết. “*Theo mới, hoàn toàn theo mới, không chút do dự!*” đấy không phải là khẩu hiệu, là điều “tâm niệm” hàng đầu của ông và của các “bạn văn” ông ngày ấy hay sao? Người ta còn gọi ông là “nhà cách mạng” nữa kia mà. Tôi chắc ông phải vui lắm ngày nào được trông thấy những thành tựu của cuộc cách mạng trong văn học đến từ “những người viết mới”.

Nhất Linh, bao giờ thì người ta mới thực sự quên ông? Bao giờ thì ông mới như là “*một nỗi nhớ xa xôi đương mờ dần*”? Chắc phải là ngày nào trên mặt đất này không còn trông thấy những ngọn cỏ may.

Lê Hữu

7/2013

(Nhân tưởng niệm 50 năm ngày mất của nhà văn Nhất Linh)

ĐỌC ĐOÃN QUỐC SỸ

Việt Hải Los Angeles



Doãn Quốc Vinh

Doãn Quốc Vinh là thứ nam của GS. Doãn Quốc Sỹ, cháu ngoại của nhà thơ Tú Mỡ. Vinh theo khuynh hướng thi ca như cụ ngoại Hồ Trọng Hiếu. Ngoài ra, Doãn Quốc Vinh có đam mê hội họa, tôi không ngạc nhiên vì anh có hoa tay vung cọ hay múa mouse hay mát tay trong lãnh vực mỹ thuật này. Vinh tốt nghiệp kiến trúc, chính môn kiến trúc tạo cho người thực hành có cái nhãn quan mỹ thuật, cũng như kỹ thuật bố cục kết cấu một tác phẩm, nét mỹ thuật Vinh dùng thiết kế nhiều tranh hay bìa sách. Bìa sách này, Lục bát tùy bút, cho thấy nét đơn giản, màu sắc hòa

hợp dịu mắt, phân nửa trang bìa trước là bức tranh màu đỏ cam vàng với tựa đề, phân nửa bên dưới con lại không màu hay trắng bạch, có chú gà và tên tác giả, tựa sách và tên nhà xuất bản.

Bây giờ hãy lật vào bên trong sách, trang 11 là bài giới thiệu của GS. Doãn Quốc Sỹ về nhà thơ hậu duệ Doãn Quốc Vinh, xin xem trích đoạn như sau:

"Bố Sỹ đọc Lục Bát Tùy Bút... Thế "Lục Bát Yêu Vận"

Bố Sỹ đọc Lục Bát Tùy Bút... Thế "Lục Bát Yêu Vận" là thể thơ độc đáo của người Việt nam! người Nhật Bản có loại thơ còn ngắn hơn gọi là "Hai Cú". Vinh đã dung hoà được thể thơ Lục Bát độc đáo của Việt Nam, ứng dụng song hành với thể thơ độc đáo ngắn gọn "Hai Cú" ... chỉ với 2 câu Lục Bát, Vinh đã dỏm chơi với 2 chữ "Tình Nhân" và "Nhân Tình":

Nhân tình... chín côi hỗn mang

Tình Nhân... một côi đi hoang vội vàng

[Tình Nhân]

Trong bài Đá Trắng với 4 câu Lục bát, Vinh khởi sự với 2 câu phảng phất nét ca dao:

Trắng ơi... bao tuổi trắng già ?

Đá ơi... bao tuổi gọi là đá non ?

và đi đến kết luận dung dị cũng rất ca dao:

Hợp tan... ấy lẽ vuông tròn

dăm ba năm nữa ai còn ai không ?

[Đá Trắng]

Đi vào chiều sâu suy tư hơn nữa: con người có hướng thiện đấy! Nhưng khổ nỗi chào đón nơi này, quyến rũ nơi kia, khi bình tĩnh đã thấy mình lạc sâu vào Tham, Sân, Si lúc nào không hay:

doãn quốc vinh

Ơi Trời... Ơi Phật từ tâm ...

*con nào có muốn ôm nhằm thị phi
Ới Đời... mê bước mãi đi
lỡ chân dẫm nát sân si chẳng ngờ
[LạyTrời lạy Phật] "*

Thật vậy cái bắt mắt tôi, Doãn Quốc Vinh dùng 2 hay 4 câu thơ rồi tẽ phân ra, đập vào mắt tôi là loại lạ lắm; cảm giác suy diễn sự lạ lắm như chút gì đó như thơ haiku hay thơ tây phương. Trong sự nhận xét của GS Sỹ ở trang 11, Vinh đã ứng dụng song hành với thể thơ độc đáo ngắn gọn "Hai Cú" ... chỉ với 2 câu Lục Bát...

Xem qua sách, Doãn Quốc Vinh chia cắt thơ 6, 8 ra nhiều dạng thức như 2, 4, 4, 4, hay 2, 4, 8, hay 3, 3, 8, hay 6, 2, 6 hay 6, 6, 2, hay 2, 2, 2, 4, 2, 2,... v.v.. tùy bài, tùy lối cảm tác bài.

Người Nhật quen với thể haiku, trong văn học Nhật những thi nhân haiku nổi danh trong văn học Nhật Bản là Matsuo Basho (1644-1694), Yosa Buson (1716-1784), và Kobayashi Issa (1763-1827), Masaoka Shiki (1867 - 1902)... Và tôi xem nhiều bài haiku đặc biệt của hai thi nhân Matsuo Basho và Masaoka Shiki. Họ có nhiều đóng góp quan trọng đưa thơ haiku trở thành một thể thơ có địa vị trang trọng trong lịch sử văn học Nhật Bản. Matsuo Basho và Masaoka Shiki là những gương mặt tiêu biểu cho trường phái thơ haiku. Nếu Việt hóa, tôi nêu 17 chữ tương đương 17 tiết âm như sau:

*Em như mùa xuân tươi
Tuổi gần như chín mộng đôi mươi
Muôn hoa đón xuân thì*

Tổng số 17 âm tiết của một bài haiku được thu xếp thành 3 dòng thơ, thông thường với 5 âm tiết cho dòng thứ nhất, 7 âm tiết cho dòng thứ hai, và 5 âm tiết cho dòng thứ ba. Ba dòng thơ

ấy không bắt buộc phải vần với nhau và cũng không cần những dấu chấm câu.

Tuy vậy, tôi thấy gần gũi với lối thơ ngắn của Doãn Quốc Vinh hơn, anh có thể dùng 2 câu 6, 8 để hóa phép, biến thể ra nhiều dạng tùy ý bài, cắt sao cho hợp lý. Nếu dạng haiku Nhật gồm 17 tiết âm ngắn nhất, thơ ta theo dạng tẽ phân vẫn chỉ 14 tiết âm ngắn, nhưng trình bày bằng nhiều cách khác nhau.



Nhà thơ Doãn Quốc Vinh

Thơ Doãn Quốc Vinh

Thi tập Lục bát tùy bút được chia ra làm 4 chương, mà chương đầu là lục bát nhà, chương 2 là lục bát đôi bờ, chương 3 là lục bát đời và cuối cùng là lục bát tình. Sau đây là phần trình 4 chương với bài thơ tiêu biểu của nó.

a/ Chương 1: Lục bát nhà

Lục bát nhà là những bài thơ tác giả tặng các người thân trong gia đình ông bà, cha mẹ, cô chú bác, anh em, vợ con, các cháu,... ví dụ bài thơ đầu ghi vô đề thay lời tựa: ...

*bởi là...
con Bồ cháu Ông
đâm ra...
xón xác đèo bông văn chương...
Cháu kính tặng ông Ngoại Tú Mỡ
Con kính tặng bố Doãn Quốc Sỹ
Sài Gòn 2003*

(trang 31)



Gs. Doãn Quốc Sỹ

b/ Chương 2: Lục bát đôi bờ

Lục bát đôi bờ gồm những bài thơ từ bên bài bờ Thái Bình Dương cảm nhận chuyện nơi quê nhà, dĩ dụ như sau:

*Hãy cứ là
...
hãy cứ là sông nhỏ ...
soi tỏ ánh trăng chơi ...
gặp con nước lũ duyên trời
lo gì chẳng được sống đời đại dương
...*

*hãy cứ là giọt nước ...
hãy cứ là hạt sương ...
nhấn nha tưới tắm rộng vườn
lo gì cỏ dại bên đường yêu ma
...
hãy vui đời sâu lá ...
nhấn nhục tháng ngày qua ...
rồi mai xuân đến chan hòa
thoắt ra thành bướm, thành hoa giữa đời
...
hãy vui đời chim nhỏ ...
trong lồng hót thành thời ...
thuận mây, thuận gió bên trời
lo gì chẳng được về chơi suốt ngàn
...
hãy cứ là hạt lúa
nhảy múa khi mùa sang
tiếc chi trái ngọc, cành vàng
buồn gì chẳng được xênh xang ruộng người
...*

Doãn Quốc Vinh

(trang 82, 83)

c/ Chương 3: Lục bát đời

Lục bát đời là những bài thơ nói về cuộc đời xung quanh, nói chung ví dụ như

Thành Thơi

*...
ta đại...
ta tìm nơi vắng vẻ
người khôn...*

*người đến chốn lao xao
thảnh thơi...
tắm mát sông đào
vỗ tay hát khúc thanh cao cho đời*

(Tặng riêng Đoàn khoa)

(trang 105)

d/ Chương 4: Lục bát tình

Lục bát tình gồm những bài tình thơ của tác giả, tình thơ lãng mạn, yêu đương đắm say, xin đan cử 2 bài trong nhiều bài....

VÔ ĐỀ

...
*buồn trông con nhện giăng tơ
sợi thương, sợi nhớ, sợi chờ, sợi mong
yêu em...*

*chết đuối giữa dòng
nổi đau đầu kín
nổi lòng lặng thinh*

Sài Gòn 4/2003

(trang 186)

hay bài kế tiếp trang bên cạnh:

VÔ ĐỀ

*lạy em tôi ở bụi này
làm thân giun để ăn mảy tình nhau
ơn em... ban phát nhiệm màu
chút thôi...
cho đỡ nát nhàu tim tôi
cỏ hoang mắc cạn lưng đời*

*ngu si...
bén rề...
đâm chồi...
nở hoa...*

Sài Gòn 8/2003

(trang 187)

Tóm lại, tác giả làm thơ tôn trọng sự thật, thơ trung thực. Thơ Đoàn Quốc Vinh đơn giản qua cách trình bày ngắn gọn, ý thơ dễ hiểu, không cầu kỳ, sáo ngữ, nhiều bài âm điệu châm biếm, dí dỏm. Tác giả nhìn cuộc sống lạc quan, giản dị qua thi ca, phải chăng anh dùng thơ để dung hòa lãnh vực kiến trúc hay hội họa vốn đòi hỏi nhiều chi tiết, nhiều sắp xếp, tính toán quy củ, có thể Vinh dùng thơ như thú vui giảm stress, anh có những bài trên đời, hay trên tình. Ví dụ:

LẠY TRỜI LẠY PHẬT

*Ới Trời, ới Phật... từ tâm
con nào có muốn ôm nhâm thị phi
ới Đời... mê bước mãi đi
lỡ chân dẫm nát sân si...
chẳng ngờ !*

VÔ ĐỀ

...
*ra đường...
ngộp tóc em bay
về nhà...
ngộp thở ngất ngây đứng ngồi*

...

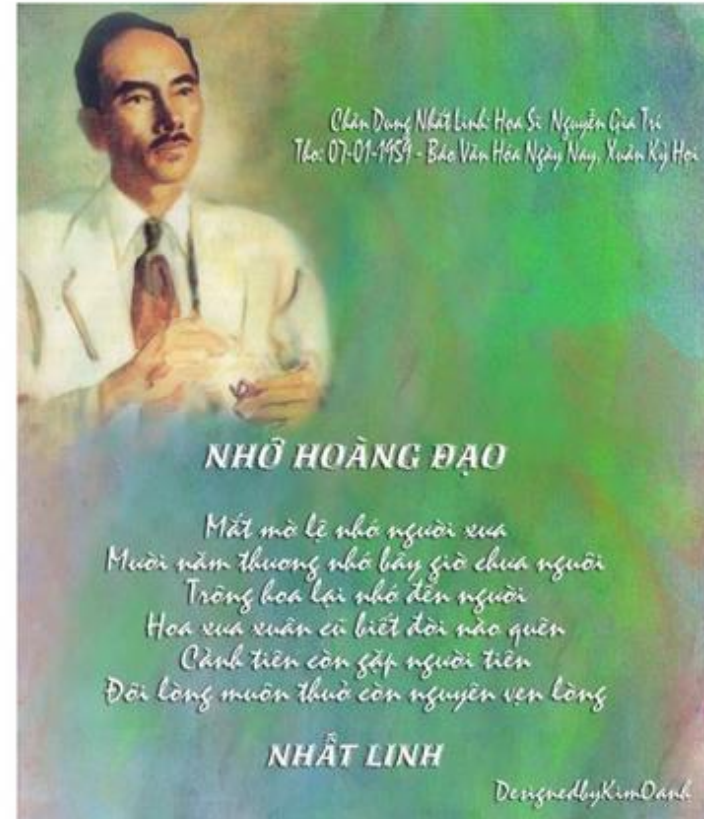


Hoạ sĩ Doãn Quốc Vinh

Suốt thi tập tác giả chỉ dùng đoản thơ, nhưng ý nghĩa rõ ràng nói lên đại ý của bài. Tôi nhớ nhà văn hay giáo sư văn chương Nguyễn Thanh Liêm cho là một bài thơ hay có thể ở dạng ngắn gọn mà xúc tích ý, thi vị và ẩn chứa hồn thơ. Thật vậy chỉ vài câu thơ đủ nói lên ý mà thi nhân muốn bộc lộ hay tâm tình tôi cho là thành công.

Xin hân hạnh giới thiệu thi tập: Lục Bát Tùy Bút, dày hơn 200 trang, không ghi giá bán. Liên lạc tác giả qua email: dv.gallery@yahoo.com

Việt Hải Los Angeles



HƯƠNG CỐM - HÀ NỘI VÀ THẠCH LAM

Nguyễn Hồng Nhật Uyên

*"Paris có gì lạ không em?
Mai anh về mắt vẫn lánh đen
Vẫn hỏi lòng mình là hương cốm
Chả biết tay ai làm lá sen?..."*
(Paris có gì lạ không em - Nguyễn Sa)



Cốm Thu Hà Nội * Hương Cốm Lá Sen

Đây cũng là bài ca của nhạc sĩ Ngô Thụy Miên phổ thơ của thi sĩ Nguyễn Sa, tôi trích đoạn thơ vì các chữ hương cốm và lá sen; Ôi dễ thương làm sao khi nhạc hát vang "Vẫn hỏi lòng mình

là hương cốm, Chả biết tay ai làm lá sen?..." Thi ca hay văn học đã chính thức mang ẩm thực cốm sen vào kho tàng văn chương xứ ta bao bài viết về như: Hồn Thu Gọi Hương Cốm, Cốm Thu Hà Nội, Hương Cốm Lá Sen, Hà Nội Băm Sáu Phố Phường với Cốm viết bởi nhà văn Thạch Lam.

Mùa thu khi gió heo mây thoảng nhẹ, khi mây trời giăng giăng không gian, nắng chiếu trên phố xá, quyến mọi thanh âm, mùi hương thơm quen thuộc mê mẩn dịu dàng, chút gì đó như chút dư hương thu Hà Nội, gió vẫn man mác ru hương cốm phảng phất vị thơm mê hoặc khứu giác. Gió bay trong trời với hương cốm mùa thu. Kỷ niệm nào, bao khắc khoải, những ký ức đậm thắm, đã khiến lòng người vọng tưởng, vọng nhớ sớm mai khi thu về băng khuâng trong hồi ức. Sắc xanh của cốm nhẹ nhẹ, mơn man hương cốm lá sen ngày cũ của thơ Nguyễn Sa, hay như thơ Việt Hải...

*"Hương thơm cốm gọi mùa thu về
Ngơ ngẩn chút tình ôi lạ ghê
Xanh muốt lá sen ngày xưa ấy
Thảo nào ta giữ trọn tình quê".*

(Mùa Thu Hương Cốm, Việt Hải Los Angeles)

Tôi miên man với sách Hà Nội Băm Sáu Phố Phường trên tay, nhớ thuở đi học, ngắm nghĩ về vẻ đẹp trong bản văn "Một thứ quà của lúa non: Cốm" của Thạch Lam. Nhà văn Thạch Lam từng viết rằng, mọi người không nên "thọc tay hay mân mê thức quà thần tiên ấy" mà phải "nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chút chau mà vuốt ve". Khi ăn cốm phải ăn từng chút một để cảm nhận hương vị lúa non đọng lại trong cái màu xanh tươi mát ấy. Phong cách thưởng cốm giống như một nghi lễ linh thiêng, phải làm thật nhẹ nhàng, cẩn thận để thể hiện sự trân trọng và biết ơn món quà quý giá mà thiên nhiên đã ban tặng cho mảnh đất Kinh kỳ. Phong

cách ăn cơm thanh lịch, tao nhã ấy là một nét đẹp văn hóa của thủ đô mà ai cũng mong sẽ gìn giữ được cho tới những thế hệ sau này."

Độc Thạch Lam với tác phẩm "Một thứ quà của lúa non – Cốm", được rút ra từ tập bút ký "Hà Nội Băm Sáu Phố Phường", bài tùy bút đã nói về một món ăn văn hóa cổ truyền của người Việt Nam nói chung và người Hà Thành nói riêng, đó chính là cốm. Cốm vốn là một món quà của quê hương thanh nhã và tinh khiết, khởi đi từ nguyên liệu làm ra cốm mà tạo nên hương vị đặc trưng của nó. Nó mang hương vị của bông lúa mạ non, do vậy ta nghĩ thấy khi đi qua những cánh đồng xanh rì, những hạt thóc nếp đầu tiên làm cong cong cái thân lúa còn xanh tươi. Những hạt ngọc mạ non của đất trời, chất chứa những giọt sữa trắng thơm ngon ấy được nắn ẩm hong cho dần đông lại. Quả thật là Thạch Lam có sự quan sát rất tỉ mỉ, tinh tế và cách cảm nhận tài hoa, lối tả chân nhẹ nhàng, đầy chất thơ, dường như tác giả đang rung động trước màu sắc và hương thơm ngọt dịu phảng phất trong gió ấy. Nghe tiếp thơ Việt Hải

*"Xao xuyến lá rơi lá thu vàng
Ngập ngừng chậm bước nắng không gian
Hiu hiu hương cốm bay đầu ngõ
Thoang thoáng bóng ai như bóng nàng"*

(Hương Cốm Nhớ Nàng, Việt Hải Los Angeles)

Cơn gió thoảng lướt qua vùng hoa sen trên hồ, nhuần thấm cái hương thơm của lá, như báo trước mùa về của một thức quà thanh nhã và tinh khiết. Người ta có thể nghĩ thấy hương mạ khi đi qua những cánh đồng xanh, mà hạt thóc nếp đầu tiên làm trĩu thân lúa còn tươi, và trong cái vỏ xanh kia, có một giọt sữa trắng thơm, phảng phất hương vị ngàn hoa cỏ. Dưới ánh nắng, giọt sữa

dần dần đông lại, bông lúa càng ngày càng cong quắc xuống, trĩu nặng vì cái chất sữa thơm trong sạch của Trời ban.

"Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ. Lúc bấy giờ ta mới thấy thu lại cả trong hương vị ấy, cái mùi thơm phức của lúa mới, của hoa cỏ dại ven bờ: trong màu xanh của cốm, cái tươi mát của lá non, và trong chất ngọt của cốm, cái dịu dàng thanh đạm của loài thảo mộc. Thêm vào cái mùi hơi ngát của lá sen già, ướp lấy từng hạt cốm một, còn giữ lại cái ẩm áp của những ngày mùa hạ trên hồ. Chúng ta có thể nói rằng trời sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng như trời sinh cốm nằm ủ trong lá sen. Khi các cô gái Vòng đồ gánh, giỏ từng lớp lá sen, chúng ta thấy hiện ra từng lá cốm, sạch sẽ và tinh khiết, không có mảy may chút bụi nào. Hỡi các bà mua hàng! Chớ có thọc tay mân mê thức quà thần tiên ấy, hãy nhẹ nhàng mà nâng đỡ, chắt chiu mà vuốt ve... Phải nên kính trọng cái lộc của Trời, cái khéo léo của người, và sự cố sức tiềm tàng và nhẫn nại của thần lúa. Sự thưởng thức của các bà sẽ được trang nhã và đẹp đẽ hơn và cái vui cũng sẽ tươi sáng hơn nhiều lắm."

Cốm để nguyên chất ăn bao giờ cũng ngon và nhiều vị. Tất cả những cách thức đem nấu khác chỉ làm cho thức quà ấy bớt mùi thơm và chất dẻo đi thôi. Tuy vậy, nhiều người ưa cái thứ cốm xào, thẳng đường rất quánh. Thành ra một thứ quà ngọt sắc và dính răng. Như vậy tưởng mua bánh cốm mà ăn lại còn thú vị hơn. Ở Hà Nội, người ta lại còn làm một thứ chả cốm, nhưng cái thanh đạm của vị lúa không dễ ăn với cái béo tục của thịt, mỡ. Tôi thích hơn thứ chè cốm, nấu vừa đường và không đặc. Ít ra ở đây cốm cũng và còn giữ được chút ít vị thơm và chất dẻo, và chè cốm ăn cũng mát và lành. Nhưng cũng chẳng gì hơn là một lá cốm Vòng tươi sạch trong một chiếc lá sen mới hái về." (Thạch Lam, trong Hà Nội Băm Sáu Phố Phường).

Đọc tiếp "Hà Nội Băm Sáu Phố Phường", vẫn Thạch Lam... "Bánh cốm Hàng Than... Một thứ bánh ngon mà cũng không đắt, một thứ bánh gọi cho ta những kỷ niệm rất nhiều màu. Bánh cốm chính là thứ bánh cưới, trao đi đổi lại trong những ngày mùa thu, để chứng nhận cho cái sung sướng của cặp vợ chồng mới, và cái vui mừng của họ hàng. Vuông vắn như quyển sách vàng, bọc lá chuối xanh, buộc lạt đỏ: cái dây lạt đỏ như sợi dây tơ hồng buộc chặt lấy những cái ái ân... Nhân đậu xanh giã nhuyễn, vương mấy sợi dừa, và đường thì ngọt đậm (...)

Bánh cốm thường đi đôi với bánh xu xê. Cái tên kỳ khôi này ở đâu ra? Thứ bột vàng và trong như hổ phách ấy, dẻo và quánh dưới hàm răng, là một thứ bánh rất ngon. Dù sao, cũng là một thứ bột thẳng thắn, vì nó dễ cho ta đoán trước - để mà thèm thường - những cái ngon ngọt hơn ẩn nấu bên trong. Qua cái màu vàng óng ánh ấy, màu trắng của sợi dừa và màu vàng nhạt của đậu thêm một sắc nóng ấm và thân mật. Tôi bao giờ cũng ưa thức ăn nào có một hình sắc đẹp đẽ: cái đẹp lúc trông ngắm giúp nhiều cho cái thưởng thức lúc ăn lắm.

Hai thứ bánh cốm và bánh xu xê của Hàng Than Hà Nội, có thể nói là đã là nổi tiếng khắp Bắc kỳ, từ Kẻ Chợ cho đến thôn quê. Ở Hàng Than, chỉ có hai nhà là chính hiệu (...) Nhà bánh cốm "Nguyên Ninh" tôi tưởng là một nhà làm bánh cốm cũng đã lâu đời, cùng với nhiều nhà khác. Họ biết giữ cho bánh được ngon đều (...)

(Một nồi cốm thẳng đường lúc lấy ra, thế nào cũng còn lại ít nhiều cháy. Cái thứ cháy cốm ấy, ngọt sắc và dẻo cũng như "mè xừng", người ta bán năm xu một miếng cho những người ít tiền dùng, nhất là những người nghèo mà lại đánh bận với ả Phù Dung, là những người tìm được cái ngon bất cứ ở thứ quà gì) (...)

Ở Hà Nội, người ta làm (...) bánh đậu ướt (...) có mỡ. Một thứ bánh để ăn trong khi uống chè tàu, cái vị béo ngọt của bánh rất ăn với cái vị đắng của nước chè (...)

Bánh đậu ướt ngon nhất là bánh đậu của Hàng Bạc và Hàng Gai. Bây giờ hai phố ấy vẫn cạnh tranh nhau để lấy tiếng, và thêm vào cuộc tranh giành, còn có phố Hàng Đào và phố Hàng Đường nữa (...) Ai chiếm giải quán quân bánh đậu? Thật là khó giải quyết. Tôi đã lần lượt dùng hết chừng ấy thứ, đã ngẫm nghĩ và suy xét nhiều về cái vị ngon trước một chén chè tàu bốc khói. Tôi không có cái kiêu vọng bắt buộc người khác phải theo cái quyết định của mình. Nhưng tôi không khỏi có cái sở thích riêng trong việc đó.

Bánh đậu của Ích Nguyên thì thẳng thắn và thực thà, mịn vì đậu ngon nguyên chất. Bánh của Thanh Quang nhiều hương thơm va-ni, nhưng đường dùng hay lạo xạo; của Giu Nguyên thì ướt vì nhiều mỡ quá; của Cự Hương thì nhạt vị; của Việt Hương thì dẻo quá, tựa như đậu trắng; của Ngọc Anh thì hơi khô khan; của Thanh Hiên thì hơi cứng mình... Kể về vị ngon, thì mỗi thứ của một hiệu đều có một đặc sắc riêng, đủ để cho người ta chuộng. Nhưng tôi thì ưa thích thứ bánh đậu Hàng Gai hơn, vì giản dị và mộc mạc. Đậu thì nguyên chất đậu, và hương thơm cũng chỉ là hương thơm riêng của bột đậu xanh. Cho nên bỏ vào mồm thì tan đều, ăn ngẫm nghĩ rồi mới thấy béo, suy xét rồi mới thấy thơm. Cái ông cụ già làm bánh ở hiệu đó có nói chuyện rằng: trước kia, vì theo thời, ông cũng cho thêm hương va-ni vào bánh. Nhưng các khách hàng quen, trong số đó có vài ông khách hàng già ở ngoại ô, đều yêu cầu nên giữ nguyên hương vị đậu xanh như xưa, và nhà hàng từ đó cứ theo như thế. Đây thật là một ý kiến hay.

Một thứ quà của lúa non: cốm

"Cốm là (...) thức dâng của (...) lúa (...) mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê (...) Việt Nam".

Cốm là quê. Mà quê thì đang vừa bé lại vừa hóa tỉnh.

"Cốm không phải thức quà của người vội; ăn cốm phải ăn từng chút ít, thong thả và ngẫm nghĩ".

Thong thả là phong cách của "một thời" đã "vang bóng".

Cho nên, "Thật đáng tiếc (...) những thức quý của đất (nước) mình (đang bị) thay dần bằng những thức bóng bẩy hào nháng và thô kệch bắt chước người ngoài""

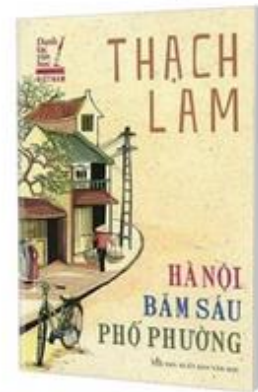
Đấy Thạch Lam cho biết như trên lâu rồi cơ mà. Đọc "Hà Nội Băm Sáu Phố Phường", chất hương cốm lá sen vẫn còn đọng lại trên tú sách hay trên các trang báo văn học hay ẩm thực. Nói về cốm và bếp núc, ta hãy xét qua những món ăn từ cốm.

Nếu ta đếm những món ăn làm từ cốm thì cũng khá nhiều. Vì thế cho dù nhà văn Vũ Bằng gọi những thứ làm từ cốm là "một chút hương thừa" thì những món ngon từ cốm vẫn được khá nhiều người yêu thích. Này nhé, ta có xôi cốm được làm từ cốm, đậu xanh, hạt sen và dừa tươi nạo nhỏ. Món này được nhiều người yêu thích bởi nó vẫn giữ được hương thơm của cốm, vị ngọt thanh nhẹ.

Sau món xôi cốm ta có bánh cốm, Ra phố Hàng Than món bánh này được tìm thấy ê hề. Và lại trong các tráp sính lễ cưới hỏi thường có món bánh này. Món bánh cốm ngon có hương thơm dịu, mềm, độ ngọt và độ dẻo vừa phải. Kể đến là món cốm xào. Cốm xào nhất định phải là cốm tươi. Người ta đảo cốm với nước đường, để cho ra thành phẩm dẻo thơm, có người thích thêm nước cốt dừa. Rồi món chè cốm. Đây là món chè được nấu bao gồm cốm, bột sắn dây, đường và chút nước hoa bưởi. Đun

sôi nước đường, hòa chút bột sắn dây và chế vào nồi cho đến khi có độ sánh sệt nhất định thì rải cốm vào, thêm chút nước hoa bưởi và múc ra ăn. Sau nữa là món chả cốm. Đó là một món ăn với nguyên liệu gồm thịt nạc băm, giò sống, cốm, mỡ phần thái hạt lựu, nước mắm ngon và hạt tiêu. Tất cả những nguyên liệu đó trộn đều lên, rồi đem hấp chín sau đó mới chiên vàng trong chảo sâu lòng, ngập dầu, deepfry.

Đọc tiếp "Cốm - Một Thứ Quà Của Lúa Non". Cốm vốn là thức quà riêng biệt của những cánh đồng lúa bát ngát, mang trong hương vị tất cả cái mộc mạc, giản dị và thanh khiết của đồng quê nội cỏ Việt Nam... theo ghi nhận của Thạch Lam. Thạch Lam thực ra không khai thác đề tài từ những tình yêu trai gái kiểu lãng mạn, mà hướng ngòi bút của mình vào thế giới của những điều bình dị, mộc mạc, gần gũi với cuộc sống con người. Là một cây bút tinh tế, nhạy cảm, văn chương Thạch Lam đem đến cho



người đọc những rung cảm đẹp đẽ về cuộc sống và con người. Là một cây bút sở trường về truyện ngắn, vốn đã nổi tiếng trên văn đàn bởi những truyện ngắn dồi dào chất thơ, phải nói Thạch Lam rất thành công khi sáng tác tác phẩm "Hà Nội Băm Sáu Phố Phường". Đây là một "bestseller" của ông. Văn tập này ghi nhận về những nét sinh hoạt, những thứ quà ẩm thực dân dã, bình dị, những phố phường, cửa hiệu ở Hà Nội trước

năm 1945. Đây là một sáng tác có giá trị rất lớn về văn hoá, phong tục và chứa đựng cả tấm lòng yêu mến quê hương đất nước, những quan niệm cần trân trọng. "Một thứ quà của lúa non: Cốm" là một sáng tác độc đáo trong tập tùy bút ấy.

Tóm lại, đề tài Cốm được trình là một thứ quà ẩm thực mộc mạc và phổ biến trong dân gian. Nhưng ngòi bút của Thạch Lam, đã đưa Cốm vào trong văn học. Đọc "Một thứ quà của lúa non: Cốm", ta hiểu ý tưởng của ông hơn. Mạch cảm xúc của bài văn bắt đầu từ hương thơm của lá sen, trong làn gió mùa hạ lướt qua vòm sen trên mặt hồ. Hương thơm ấy gợi nhắc đến hương vị của cốm, thứ quà đặc biệt của lúa non. Một cảm giác thật tinh tế. Cảm giác ấy càng tinh tế hơn khi nhà văn mở rộng lòng mình để đón nhận tất cả hương vị nồng nàn và thanh khiết của cánh đồng lúa, của lúa non.



Hà Nội Băm Sáu Phố Phường với Cốm và nhà văn Thạch Lam

Tác giả Thạch Lam cũng nhắc nhở là ăn cốm không phải để ăn no, người Hà Nội ăn cốm như một thứ quà vật mộc mạc, giản dị nhưng ai cũng háo hức mỗi mùa cốm về. Cốm được người Hà Nội chế biến thành rất nhiều món ăn ngon, có khi cốm làm nguyên liệu chính, có khi là thực phẩm làm tăng mùi vị trong món ăn khi chế biến. Nhưng dù thế nào thì vẫn không mất đi hương vị thanh khiết trong từng hạt cốm nhỏ. Mỗi độ thu về,

hương vị đặc trưng của cốm như góp phần làm cho sắc thu Hà Nội thêm nồng nàn, thêm lắng đọng.

Bài văn tùy bút "Một thứ quà của lúa non: Cốm" đóng góp nhiều cho nét văn hóa quê hương và cái giá trị văn học của tác phẩm "Hà Nội Băm Sáu Phố Phường" của nhà văn Thạch Lam rất nhiều. Thật vậy.

Nguyễn Hồng Nhật Uyên, nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật.

NGUYỄN TƯỜNG TAM, MỘT HỌA SĨ HIẾM QUÝ

Việt Hải Los Angeless

(Bài viết này tôi dùng bài viết của nhà văn Nguyễn Tường Thiết làm nền. Xin nhà văn cho tôi ghi tên ông vào bài này như lời cảm ơn. TVH)

Tôi xem bức tranh nghệ thuật "Scène de Marché de rue Indochinois" (Cảnh Phố Chợ Đông Dương) được đấu giá quốc tế. Công ty đấu giá Sotheby, văn phòng chính đặt tại Hong Kong. Tranh được định giá từ 200,000 — 250,000 HKD (tức 25,481.00 USD - 31,851.25 USD).

Cuối cùng bức tranh hiếm quý này đi từ vị chủ nhân bên Pháp ra giá khởi đầu 25,000-32,200 Mỹ kim, để rồi về sau Sotheby bán với giá cao hơn gấp 3 lần. Bức "Scène de Marché de rue Indochinois" được mua với giá 596,000 HKD (Hong Kong Dollars), tương đương với 75,933.38 US Dollars.



Bức tranh Cảnh phố chợ Đông Dương của Nhất Linh

Nguyễn Tường Tam, tức nhà văn Nhất Linh có nhiều tác phẩm văn chương góp phần phong phú hóa phong trào tiểu thuyết lãng mạn Việt Nam, ông còn là nhà thơ, một chính khách nổi tiếng, một công dân yêu nước. Nhưng phạm vi có lẽ ít người trẻ tại hải ngoại biết đến, đó là Nhất Linh Nguyễn Tường Tam: một họa sĩ hiếm quý.

Theo nhà văn Phan Văn Bảo khi nhận xét về nét cọ của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam như sau....

"Họa sỹ Nhất Linh vẽ mô tả rất chân thực, rất sống động, tự nhiên cảnh một phố chợ Việt Nam bình thường nhưng sao thấy gần gũi, thân thương đến lạ..."

Nhất Linh là nhà văn, nhà báo, một chính trị gia có tiếng. Ông là người sáng lập Tự Lực Văn Đoàn, Nhất Linh viết khá nhiều (10 tiểu thuyết, 7 tập truyện ngắn và 1 tiểu luận). Song Nhất Linh còn là một họa sỹ có thực tài với bút danh Đông Sơn. Ông đã có thời gian học trường Mỹ Thuật một năm rồi bỏ, lấy việc tự học vẽ là chính và đã thành công. Trong những năm 30, Nhất Linh tự làm lấy nhiều công việc khác nhau trong tòa soạn: trình bày tờ báo, làm maquette, vẽ vignette minh họa. Năm 1958, rời Đà Lạt về Sài

Gòn chủ trương ra tờ Văn Hóa Ngày Nay; Nhất Linh cũng tự làm lấy mọi việc kể cả vẽ bìa. Tranh bìa được ông thể hiện ở mỗi số báo là một loại hoa lan khác nhau. Ông đã có công giới thiệu và cùng cộng tác với những họa sỹ Nguyễn Gia Trí, Tô Ngọc Vân mà tài năng của họ cho đến nay cũng chưa có ai vượt qua được. Và rồi cả, họa sỹ Nguyễn Cát Tường (Lemur) đã vẽ những kiểu áo mới làm tôn vinh vẻ đẹp phụ nữ Việt Nam.

Với Nhất Linh, tinh thần dân tộc, sự chân thành đối với người lao động được biểu hiện khá rõ nét trong văn chương mà chúng ta được đọc, được nghe thông qua các buổi hội thảo, các bài viết. Còn khả năng thiên phú rất tài ba của họa sỹ Nhất Linh thì được dẫn ra đây làm ví dụ qua bức tranh lụa Cảnh Phố Chợ Đông Dương (Scène de Marché de rue Indochinois) với khổ tranh 51 cm x 92 cm được vẽ vào khoảng thời gian từ 1926-1929. Bức tranh này đã được một nhà sưu tầm tranh người nước ngoài mua với giá 596 ngàn đôla Hồng Kông, tương đương với 75 ngàn đôla Mỹ thông qua hãng Sotheby's đem bán đấu giá ở Hồng Kông vào năm 2010.

Trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn, Tú Mỡ nổi trội với thơ trào phúng và đôi khi ông có vẽ minh họa. Riêng với Nhất Linh đặc biệt nổi trội trong cả lĩnh vực văn chương và cả trong lĩnh vực hội họa. Nhất Linh - Nhà văn, Họa sỹ đích thực." (Phan Văn Bảo).

Tôi tham khảo thêm ở trang nghệ thuật nét đẹp Việt Nam trang <http://www.btfvn.com> cho đi bài viết sau:

"Artiste écrivain Journaliste Nhất Linh (1905-1963)

Họa phẩm: Cảnh Phố Chợ Đông Dương.

Tranh trên vải lụa, thực hiện trong khoảng năm 1926-1929, khổ 20x36 in.

Scène de Marché de rue Indochinois, vers environ 1926-1929, peinture sur soie.

Nguyễn Tường Tam là một nhà văn, nhà báo với bút danh Nhất Linh, Tam Linh, Bảo Sơn, Lãng Du, Tân Việt, Đông Sơn (khi vẽ); và cũng là chính trị gia nổi tiếng của Việt Nam trong thế kỷ 20. Wikipedia.

Mặc dầu thời gian theo học Trường Mỹ thuật không lâu, Nhất Linh cũng đã để lại một số tranh vẽ trong đó có bức Scène de Marché de rue Indochinois (Cảnh Phố Chợ Đông Dương) vẽ trên lụa thực hiện khoảng 1926-1929. Bức tranh này năm 2010 được hãng Sotheby's bán đấu giá ở Hương Cảng với giá 596.000 Đô la Hồng Kông, tương đương với 75.000 Mỹ kim. Wikipedia.

... Nhất Linh từng là chủ bút những tờ báo lớn như Phong Hóa, Ngày Nay... Ông là người thành lập Tự Lực Văn Đoàn và là cây bút chính của nhóm, để lại nhiều tiểu thuyết nổi tiếng như Đoạn tuyệt, Bướm trắng, Đời mưa gió. Nguyễn Tường Tam là người sáng lập Đại Việt Dân chính đảng và từng làm Bí thư trưởng của Việt Nam Quốc dân Đảng (khi Đại Việt Dân Chính đảng hợp nhất với Việt Nam Quốc dân đảng và Đại Việt Quốc dân đảng) và giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao trong Chính phủ Liên hiệp Kháng chiến. SaiMonThiDan.com | Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam. Theo blog <http://www.btfvn.com/>

("Scène de marché de la rue Indochinoise" est une peinture réalisée par Nguyen Tuong Tam).

Bài tham khảo kể từ website của công ty Sotheby's viết về họa sỹ Nguyễn Tường Tam như sau:

"Bức họa mang tên Cảnh Phố Chợ Đông Dương (Scène de Marché de rue Indochinois) vẽ trên vải lụa, khổ 20x36 inches, sáng tác trong khoảng năm 1926-1929, do một tư nhân bên Pháp đặt bán với giá khởi đầu 25,000-32,200 Mỹ kim.

Modern and Contemporary Southeast Asian Paintings by Nguyen Tuong Tam, Scène de Marché de Rue Indochinois (Street Market Scene in Indochina)

Estimate 200,000 — 250,000 HKD (equivalent 25,481.00 USD - 31,851.25 USD)

Lot Sold: 596,000 HKD (Hong Kong Dollars), tương đương với 75,933.38 US Dollars.

(Lời ghi chú của Việt Hải: Tỷ giá hối đoái vào ngày 25/05/2019 lúc 3PM EST).

Catalogue Note:

Scène de Marché de rue Indochinois (Street Market scene in Indochina) marks the very first time a work of art by Nguyen Tuong Tam in an international sale. Born in 1905 to a modest family in Hai Duong (North Vietnam), the young Nguyen Tuong Tam lost his father, a judge and translator, in his early years. In spite of this difficult circumstance, all the seven children of the Nguyen Tuong family defied the odds and became famous for their contribution to the country and culture of Vietnam.

Nguyen Tuong Tam, whose nom de plume is Nhat Linh, was the founder of the famous Vietnamese literary group called "Tu Luc Van Doan/ Groupe Littéraire Autonome", together with fellow writer Khai Hung. He was a student in the first wave of École des Beaux Arts de Hanoi's promotion and was a classmate of Le Pho, Nguyen Phan Chanh, Le Van De, Mai Trung Thu, Georges Khanh, Cong van Trung and Le Ang Phan, who are now considered to be the original pioneers of Modern Vietnamese Art.

With its subtle and warm palette, graceful lines and delicate silk, the present work demonstrates l'Ecole des Beaux Arts de Hanoi's beautifully unique and sublime silk paintings. Depicting the hustle and bustle of a scene in a typical South Vietnamese market, with women and children as an important focal point, it illustrates the artist's interest in social structure and interactions and perhaps signified his future as a sharp observer of the social and cultural evolution of his country.

In 1927, in spite of his talent, Nguyen Tuong Tam made a personal choice to leave the École in order to pursue journalism and a career as a writer, much to the regret of his professors, notably the painter and director Victor Tardieu. It was a choice that was not looked upon favourably by the French Authority, as it was a disconcerting period of transition in Indochina. This period of revolution from ancient to modern times shook the structure of society and politics in this French Colony.

In order to live his new life as "a free artist", Nguyen Tuong Tam continued to create silk paintings and held a few exhibitions in Hanoi, Saigon and Phnom Penh. No one knows for certain how many works he produced exactly during these early years. His writings, on the other hand, was considered revolutionary and he was thus closely observed by the French police.

After 1929, Tam stopped painting and established "Phong Hoa" in Hanoi, a famous, avant-garde social literary review that promoted change, to replace conservatives ideas with modern ones that would advance social & educational evolution.

Not only Tam was considered to be a Leader in the Vietnamese cultural & art scene, he was also an important modern writer and novelist, and a well-know politician. Few knew Tam as a painter as not many of his paintings survived the vagaries of revolution and time. A well-preserved, sizeable piece such as the present Lot is a true rarity, not only because few are in existence, but also because it provides an important glimpse into the heritage of one of the renowned and important pioneers of Modern Vietnam."

Ref. link:

<http://www.sothebys.com/en/auctions/ecatalogue/>

Phần phiên dịch xin xem bài viết của nhà văn Nguyễn Tường Thiết nói về cha thật cảm động.

Hai Vẻ Đẹp Của Họa Sĩ Nhất Linh

Tháng 10 năm 2010 vừa qua một họa phẩm hiếm quý của Nhất Linh đã được bán đấu giá tại Hồng Kông.

Sotheby's nhà bán đấu giá nghệ phẩm danh tiếng cho biết lần đầu tiên một bức họa của Nguyễn Tường Tam được bày bán trên thị trường thế giới. Bức họa mang tên Cảnh Phố Chợ Đông Dương (Scène de Marché de rue Indochinois) vẽ trên vải lụa, khổ 20x36 IN, thực hiện trong khoảng năm 1926-1929, do một tư nhân bên Pháp đặt bán với giá khởi đầu 25,000-32,200 Mỹ kim.

Sotheby's trang trọng giới thiệu bằng Anh ngữ tác giả Nguyễn Tường Tam và bức họa của ông mà tôi tạm dịch sang tiếng Việt như sau:

"Cảnh Phố Chợ Đông Dương đánh dấu lần đầu tiên một họa phẩm của Nguyễn Tường Tam xuất hiện trên thị trường quốc tế. Sinh năm 1905 tại Hải Dương (Bắc Việt) trong một gia đình nghèo Nguyễn Tường Tam khi còn rất nhỏ tuổi đã sớm mất cha, một vị thông phán. Mặc dù gặp nghịch cảnh khó khăn tất cả bấy người con của gia đình Nguyễn Tường đã cố vươn lên để sau này trở thành những người nổi danh có những đóng góp đáng kể cho đất nước và cho nền văn hóa Việt Nam."*

Nguyễn Tường Tam, bút hiệu Nhất Linh, cùng với người bạn văn Khái Hưng, đã sáng lập ra hội văn hóa Việt Nam nổi tiếng mang tên Tự Lực Văn Đoàn. Ông cũng là sinh viên đợt đầu tiên của Trường Mỹ Thuật Hà Nội. Bạn cùng lớp với ông có Lê Phổ, Nguyễn Phan Chánh, Lê Văn Đệ, Mai Trung Thu, Georges Khán, Công Văn Trung và Lê Ang Phan, những người mà sau này được xem là tầng lớp họa sĩ tiên phong cho nền hội họa Việt Nam hiện đại.

Cảnh Phố Chợ Đông Dương với màu sắc ấm cúng và tình tế, với đường nét duyên dáng trên vải lụa thanh tú đã thể hiện hết vẻ đẹp tuyệt vời của tranh lụa vốn là nét độc đáo của Trường Mỹ Thuật Hà Nội. Mô tả cảnh sinh hoạt rộn rịp của một ngôi chợ điển hình miền Nam bộ, với đàn bà và trẻ con làm chủ điểm, bức tranh cho thấy sự lưu tâm của người nghệ sĩ đối với đời sống xã hội, và có lẽ nó hé mở cho thấy tương lai của ông sau này là người rất nhạy cảm trước những biến chuyển về xã hội cũng như về văn hóa của đất nước ông.

Năm 1927, mặc dù có thực tài vẽ, Nguyễn Tường Tam đã tự ý rời bỏ Trường Mỹ Thuật để theo đuổi nghề báo và viết văn, với sự luyện tiếu vô cùng của các giáo sư nhà Trường, đặc biệt là của họa sĩ kiêm giám đốc Victor Tardieu. Nhà cầm quyền Pháp hồi ấy không mấy yên tâm về quyết định của ông vì đây là một thời kỳ chuyển tiếp của Đông Dương: một thời kỳ cách tân từ cũ qua mới

làm lay động cấu trúc xã hội và chính trị trên mảnh đất thuộc địa này của người Pháp.

Để có thể trở thành một "nghệ sĩ tự do" Nguyễn Tường Tam tiếp tục vẽ tranh lụa và mở vài cuộc triển lãm ở Hà Nội, Sài Gòn và Nam Vang. Không một ai biết chắc là hồi trẻ ông đã vẽ bao nhiêu bức tranh. Mặt khác những tiểu thuyết của ông được xem là có tính cách mạng và ông bị mật thám Pháp theo dõi kỹ.

Sau năm 1929, Tam thôi vẽ và thành lập báo Phong Hóa ở Hà Nội, một tờ báo nổi tiếng và là cơ quan tiền phong cổ vũ cho sự đổi mới, đã phá những ý niệm cổ hủ thay bằng những tư tưởng tiến bộ, đưa đến sự tiến hoá về xã hội cũng như về giáo dục.

Tam không những được xem là vị lãnh đạo trên địa hạt văn học nghệ thuật, ông còn là tiểu thuyết gia mới hàng đầu, đồng thời là một chính trị gia được nhiều người biết tới. Ít người biết ông là một họa sĩ bởi lẽ trải qua bao nhiêu biến cố và thời gian không còn bao nhiêu họa phẩm của ông sống sót. Một bức tranh với khổ khá lớn và được bảo tồn kỹ như bức tranh này, Cảnh Phố Chợ Đông Dương quả là họa phẩm cực hiếm, bởi vì không những không còn nhiều những tranh như thế tồn tại, mà còn bởi vì nó cung cấp thêm một cái nhìn quan trọng vào trong di sản của ông, một trong những người Việt Nam Mới tiên phong nổi danh.

(MODERN AND CONTEMPORARY Southeast Asian Painting Hong Kong 4 October 2010, trang 116)

*

Tháng 10 vừa qua tôi nhận được từ nam Cali một cú điện thoại khiến tôi sững sốt. Bác sĩ Hà Quốc Thái một người tôi quen biết báo cho tôi là ở Hồng Kông họ vừa bán đấu giá một bức tranh của ông cụ tôi. Anh Thái là một người sưu tập tranh quý, anh tỏ ý tiếc là đã không mua được bức tranh ấy vì đã có người trả quá cao (trên Sotheby's website bức tranh đã được bán với giá 596,000 Hồng Kông đô-la, khoảng 75,000 Mỹ kim). Mặc dù chưa nhìn thấy bức tranh chỉ nghe anh Thái nói đó là một bức họa lớn vẽ cảnh chợ trên vải lụa và ký tên TAM, tôi đặt ngay câu hỏi về tính trung thực của bức tranh ấy. Bởi nhiều lẽ: thứ nhất là sau gần

nửa thế kỷ sưu tập những di cảo của ông cụ tôi chưa hề trông thấy hoặc nghe nói đến một bức tranh nào tương tự như thế, thứ hai là trong tất cả tài liệu và tranh vẽ của ông cụ mà tôi cất giữ đều ký tên hoặc là NHẤT LINH hoặc là TƯỜNGTAM, chứ không bao giờ ký TAM không thôi. Thấy tôi tỏ ý nghi ngờ anh Thái hứa gửi tôi quyển sách của nhà Sotheby's để tôi so chữ ký ông cụ và anh cũng nói thêm nhà bán đấu giá Sotheby's là một cơ quan uy tín quốc tế rất lâu đời không bao giờ có chuyện họ bán một bức tranh giả mạo. Sau khi nhận được quyển sách nhìn chữ ký và so với chữ TƯỜNGTAM ký trên bức thư từ chức Bộ Trưởng Bộ Ngoại Giao của ông cụ thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa: chữ Tam ký trên tranh giống chữ Tam trên bức thư. Bức tranh này được vẽ khi ông cụ tôi ở trong khoảng từ 20 đến 23 tuổi, có lẽ hồi đó ông chưa có bút hiệu Nhất Linh.

Nhìn bức tranh tôi bàng hoàng. Mỗi xúc động đó của tôi hoàn toàn có tính cách cá nhân. Đó là tâm trạng của một đứa con lần đầu tiên được nhìn thấy một họa phẩm mà nó chưa từng nhìn thấy của người cha thân yêu. Hơn thế nữa bức tranh như một cánh cửa vừa hé mở lộ ra một phần đời của cha nó mà nó chưa hề biết tới.

Tôi nhìn bức tranh mà như không nhìn tranh. Hình ảnh hiện lên trong tôi là tác giả bức tranh ấy, một cậu thanh niên mới ngoài 20 tuổi, đứng trước một giá vẽ họa cảnh phố chợ Sài Gòn gần 90 năm xưa.

Tôi tự hỏi tại sao bức tranh này lại là cảnh phố chợ ở Sài Gòn mà không phải là cảnh chợ Hà Nội hay một làng quê đất Bắc? Dịp nào mà cha tôi trong thập niên 20 của thế kỷ trước đã có phòng triển lãm tranh ở Sài Gòn và Nam Vang? Nguyên do nào khiến ông đã phiêu lưu rời xa Hà Nội sớm thế khi ông mới hai mươi mấy tuổi đầu?

Tôi tìm thấy câu trả lời trong vài dòng ngắn ngủi sau đây khi đọc lại tiểu sử Nhất Linh. Thụy Khuê trong cuốn sách Nhất Linh, người nghệ sĩ người chiến sĩ, cho biết: "Cuối năm 1923 ông đậu bằng Cao Tiểu. Nhưng vì chưa đến tuổi vào trường cao đẳng, nên làm thư ký sở tài chính Hà Nội, kết duyên văn nghệ với Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu, viết Nho Phong. Lấy vợ và theo ban cao đẳng. Lúc đầu,

năm 1924 học thuốc được một năm thì bỏ, chuyển sang học Mỹ Thuật, được một năm cũng bỏ. Năm 1926 Nguyễn Tường Tam vào Nam, gặp Trần Huy Liệu, Vũ Đình Di định cùng làm báo. Nhưng vì tham dự đám tang Phan Chu Trinh, hai người này bị bắt, Nguyễn Tường Tam phải trốn sang Cao Miên, sống bằng nghề vẽ và tìm đường đi du học".

Như vậy là trong thời gian ở Sài Gòn và Nam Vang cha tôi đã sống bằng nghề vẽ. Ông tổ chức những buổi triển lãm để bán tranh và một trong những bức ấy có một người (Việt hay Pháp?) mua được đem qua Pháp để hơn 80 năm sau bán đấu giá ở Hồng Kông: đó là bức tranh tôi đang nhìn ngắm được chụp lại và in trong cuốn sách của nhà Sotheby's.

Ngắm bức tranh tôi ngẩn ngơ. Lần đầu tiên tôi thấy một họa phẩm lớn của ông vẽ trên vải lụa. Những bức tranh mà tôi sưu tập được là những bức nhỏ cha tôi vẽ sau này, phần lớn là những bản phác họa trên giấy vẽ hoa lan, vẽ phong cảnh Đà Lạt... Trước sau tất cả các họa phẩm này đều toát lên một vẻ đẹp thật sự của tài hoa.

Mặc dù sau năm 1929 ông cụ tôi không sống về nghề vẽ như một họa sĩ chuyên nghiệp nhưng lòng mê say hội họa của ông vẫn theo ông cho đến cuối đời. Ông dùng tài vẽ của mình, theo từng giai đoạn, hoặc để làm báo, hoặc vẽ theo cảm hứng. Với Phong Hóa, Ngày Nay trước kia ông ký tên Đông Sơn và sau này với Văn Hoá Ngày Nay ông ký tên Nhất Linh trên những bức vẽ. Phần lớn những tranh tôi giữ được là những bức cha tôi vẽ theo cảm hứng trải qua nhiều giai đoạn của đời ông. Từ bức tranh Cúc Xưa vẽ ở Hồng Kông năm 1948, bức Cathédrale de Bourges ở Paris năm 1954, cho đến bức Phong cảnh Đà Lạt năm 1958... Đặc biệt là trong những năm 1956-58 hồi chúng tôi ở Đà Lạt, tôi chứng kiến cha tôi trong những buổi đi chơi xa hoặc đi tầm lan ông thường vẽ phác phong cảnh và hoa phong lan trên một cuốn sổ tay. Thời gian này tôi thấy ông vẽ còn nhiều hơn là ông viết nữa.

Bức tranh Cảnh Phố Chợ Đông Dương mới khám phá này còn gây cho tôi thêm một thắc mắc. Vì lẽ gì mà người nghệ sĩ trẻ tuổi

tài hoa ấy lại tự ý rời bỏ Trường Mỹ Thuật để theo đuổi nghề báo và viết văn?

Để trả lời cho câu hỏi này một người bạn của ông cụ tôi, nhà văn Trương Bảo Sơn, giải thích: "Ở trường Mỹ Thuật anh tin tưởng đời anh sẽ là một họa sĩ, thực là thích hợp với tâm hồn nghệ sĩ của anh. Anh mê say hội họa, nhưng rồi sau một năm, một hôm cùng bạn theo giáo sư về vùng quê vẽ mấy con trâu, anh nhận thấy cái cảnh nghèo khổ của dân quê và sự vô lý của công việc anh đang làm: trong lúc dân chúng bao nhiêu người còn phải sống trong cảnh "bùn lầy nước đọng", anh lại có thì giờ đi vẽ trâu".

Ông Trương Bảo Sơn là người rất thân cận với ông cụ tôi, chắc hẳn là đã được nghe chính ông cụ tôi tâm sự, nên đoạn trích của ông về lý do ông cụ bỏ hội họa là cực kỳ quý giá và quan trọng vì phản ánh đúng tâm trạng ông cụ tôi.

Mặc dù không còn gì để nghi ngờ nữa tôi vẫn muốn tìm hiểu thêm lý do khiến ông cụ tôi bỏ vẽ và tôi đã được soi sáng hơn khi đọc kỹ lại truyện ngắn HAI VẼ ĐẸP của Nhất Linh. Trong truyện tác giả TAM của bức tranh kia hoá thân thành nhân vật DOÃN. Chỉ khác một điều: Tam là họa sĩ trước khi Đi Tây. Còn Doãn là họa sĩ khi từ Pháp trở về.

Nhất Linh tả họa sĩ Doãn vẽ cảnh chợ ở một làng quê, gần gũi với cảnh chính ông vẽ trong bức Cảnh Phố Chợ Đông Dương:

Biết là có phiên chợ, Doãn dậy sớm ra ngồi ở hàng nước đầu làng để đón những người gồng gánh đi qua. Chàng cần lấy dáng điệu một bọn người gánh hàng, vì chàng đương làm dở một bức bình phong sơn vẽ cảnh chợ nhà quê.

Doãn vẽ mãi cả tay mà vẫn còn muốn vẽ. Giở cuốn sổ tay xem lại, chàng thấy nhiều dáng rất linh động. Nhưng chàng vẫn nhận thấy nó sai hẳn sự thực; người ở trang giấy đẹp đẽ, sạch sẽ khác xa những người thật xấu xí, bẩn thỉu, tiêu tụy đi diễn qua trước mắt chàng từ sáng đến giờ...

Nhất Linh diễn tả tâm trạng của Doãn khi vẽ một cảnh nghèo khó như sau:

Doãn lim dim mắt nhìn cái mái nhà gió đêm qua thổi bay từng mảnh để hở cả rui tre. Chàng toan chữa lại bức tranh, nhưng sao lại thôi, vì chàng cho thế là vụn vặt quá. Những cái mái nhà thủng làm chàng lo sợ; nếu mai kia họ đem rạ mới lợp lại, màu mái nhà đối khác thì bức tranh của chàng đành vứt đi. Chàng cúi xuống vẽ thật mau. Được một lúc chàng tự nhiên mỉm cười vì một ý ngộ nghĩnh thoáng hiện trong óc:

– Mình chỉ cốt vẽ, muốn cho người ta ở nhà dột mãi, không cho người ta lợp lại mái nhà nữa...

Rồi chàng buồn rầu tự hỏi làm sao họ lại có thể sống trong cái nhà đó được.

Người họa sĩ trong truyện cuối cùng tìm thấy chân lý: đó là sự khám phá ra vẻ đẹp thứ hai trong Hai Vẽ Đẹp của cuộc đời:

Doãn tấy máy rút một cây cỏ đưa lên miệng nhai lá. Mùi đất ở rễ cỏ chàng tưởng như một mùi thơm của thời quá vãng còn vương lại, để chàng nghĩ đến cái ý nghĩ của quê hương. Doãn thấy mình đã bao lâu nay sống ở giữa chốn quê như một người xa lạ; bây giờ chính những cảnh nhem nhuốc của quê hương đã kích thích chàng, xúi giục chàng quay về với quê hương và mong mỏi cho quê hương trở nên đẹp đẽ. Đời của đám dân quê đã bao lâu bị chàng thờ ơ, lạnh nhạt, bỏ quên như xác những con vờ bên sông kia, từ lâu chàng sẽ sẵn sức tới.

Thoáng một lúc chàng thấy hiện ra, trên những làng xóm ngủ yên, in bóng xuống các ruộng nước rải rác ở chân trời, những cảnh đẹp khác hẳn những cảnh đẹp vẫn phô diễn trong tranh: đó là những cảnh đời đẹp đẽ sáng sủa mà mấy tháng trước đây chàng đã có lần tưởng đến, nhưng cho là không bao giờ thành được sự thực. Doãn ngẫm nghĩ:

– Ta phải hết lòng đi tìm cái đẹp ấy cho người khác, cũng như là bấy lâu ta đi tìm cái đẹp về hình sắc để ghi trên vải lụa.

*

Hai Vẽ Đẹp của Nhất Linh nói lên hết

Từ hội họa chàng họa sĩ đã nhìn thấy một cái đẹp khác: vẻ đẹp cao cả của cách mạng làm cho đời tốt hơn.

Và chàng sau đó đã thực sự lên đường đi tìm vẻ đẹp thứ hai cho đời ông và cho quê hương ông. Hành trang lên đường là điều tâm niệm sau đây của André Gide mà ông đã đặt làm lời mở cho truyện Hai Vẻ Đẹp:

Anh phải luôn luôn tự nhủ rằng đời người có thể đẹp đẽ hơn: đời của anh và đời của những người khác.

Nguyễn Tường Thiết

* Nguyễn Tường Tam sinh ngày 25-7-1906 nhưng bởi muốn đủ tuổi để đi thi, ông đã làm lại giấy khai sinh tăng thêm một tuổi, do đấy trên giấy tờ ghi ngày sinh là 1-2-1905. (Chú thích của NTT)



Hai nhà văn, hai thế hệ: Nhất Linh và Nguyễn Tường Thiết

Qua bao nhiêu trang giấy như trên, tôi xin kết luận như chính tựa đề của bài này...

Nguyễn Tường Tam, một họa sĩ hiếm quý.

Việt Hải Los Angeles.

NHỚ TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Ngô Thiện Đức

*Tự Lực Văn Đoàn Nho Phong
Nhất Linh Đoàn Tuyệt bấy ông văn đàn
Đợi Chờ Hai Buổi Chiều Vàng
Mơ Tiên Hồn Bướm mơ màng Trăng Xưa
Đôi Bạn Đời Mưa Gió mưa
Tiếng Đàn Hoàng Đạo mấy mùa Trăng Thu
Khái Hưng Thạch Lam sĩ phu
Văn nhân trọn kiếp mây mù Bâng Khuâng.*

Bài thơ gồm những tác phẩm văn học của nhà văn sau:

- 1/ Nhất Linh: Nho Phong, Đoàn Tuyệt, Đôi Bạn, Hai Buổi Chiều Vàng, Đời Mưa Gió.
- 2/ Khái Hưng: Hồn Bướm Mơ Tiên, Đời Mưa Gió, Trăng Thu, Trăng Xưa.
- 3/ Hoàng Đạo: Tiếng Đàn.
- 4/ Ngọc Cường (hậu duệ): Bâng Khuâng.

Tham khảo trang blog: <http://www.viethoc.com/van-hoc>



Ngô Thiện Đức

VIẾT ĐÔI DÒNG KỶ NIỆM VỀ NHÀ VĂN NGỌC CƯỜNG

Trần Mạnh Chi

Tôi nhớ khi nhà văn Phạm Quốc Bảo giới thiệu nhà văn Ngọc Cường tổ chức ra mắt tác phẩm Hệ Lụy tại phòng sinh hoạt của nhật báo Người Việt, anh chị em liên nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian tham dự khá đông để cổ vũ anh. Hệ Lụy ra đời sau Bèo Giạt, và trước Băng Khuâng. Đây là 3 tác phẩm của nhà văn Ngọc Cường. Theo cảm nghĩ của tôi khi định nghĩa tác phẩm thứ hai, Hệ Lụy, thì đây từ ngữ này hàm nghĩa là hậu quả kết quả sau khi kết thúc một việc gì đó gọi là hệ lụy. Nhìn lên sân khấu các diễn giả bàn luận như sau:

Một bạn tù của nhà văn Ngọc Cường là nhà văn Ngũ Lang khi giới thiệu tác phẩm Hệ Lụy của Ngọc Cường có nhắc đến một người bạn trong nhà tù có tên là "Minh nhà xác," đây là chính ông. Nhận định về tác phẩm này, "Minh nhà xác" cho biết: "Đọc Hệ Lụy của Ngọc Cường phải kiên nhẫn để cùng tác giả đi vào tâm tư tình cảm của tác giả mới thấu được cái hay. Đừng tìm sự lôi cuốn của câu chuyện (như trong tiểu thuyết trinh thám) sẽ không thấy có trong "Hệ Lụy," bởi "Hệ Lụy" là những tư duy,

những băn khoăn, những thắc mắc từ cuộc sống đan chéo nhau bằng những hệ lụy không một ai tránh khỏi.

Còn với nữ nhà văn thân thiết Trịnh Thanh Thủy cho lời nhận xét "Hệ Lụy là một tập truyện gồm các truyện ngắn được tuyển chọn y hệt như một bức tranh lắp ghép mở ra những câu chuyện sống vui buồn, những mảnh đời thăng trầm của người Việt tị nạn khắp nơi tại hải ngoại. Văn phong của Ngọc Cường giản dị, dễ hiểu, không hề có nét bí hiểm nhưng không kém phần sâu sắc. Người xem có thể đọc từ tốn hay đi một mạch xuyên suốt mà không phải vấp ngã bởi bất cứ từ ngữ hay ẩn dụ khó hiểu nào trên con đường chuyên chở văn chương trong tác phẩm của ông... Tình bạn, tình gia đình là những ràng buộc miễn yếu được tác giả trân trọng lồng vào những nghịch cảnh, trái ngược, đáng chất của nhân vật trong truyện. Cái lối trần trụi muôn mặt của cuộc sống được tác giả bóc ra và bày rõ."

Còn hôm ra mắt sách thứ ba là Băng Khuâng do anh chị em nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian, quan khách đến đông chật thính phòng Hội Việt Nam Tương Tế. Diễn giả Bùi Bích Hà nêu lên nhận xét về tác phẩm như sau:

"Có một lý thuyết được công nhận rộng rãi, kể cả với nhà văn Ngọc Cường, rằng chính khán giả, độc giả của mọi công trình trước tác hay sáng tác được hình thành bởi các tác giả có tác phẩm, mới là những người thực sự kết thúc các tác phẩm ấy, cho chúng một linh hồn, một dung mạo và một ý nghĩa. Đọc Bèo Giạt, đọc Hệ Lụy hay đọc Băng Khuâng của Ngọc Cường là trường hợp điển hình cho lý thuyết này.

Câu chuyện nào của ông cũng lơ lửng tầng mây, là những bức ảnh khoanh lại một mảng thời gian không đầu, không đuôi, như thể ai rồi cũng chỉ có một quãng đời để sống, với gặp gỡ rồi biệt ly ở nơi đến và nơi đi, bằng tiếng cười thoáng qua, bằng tiếng khóc

ở lại, không bao giờ biết rõ xuất xứ cũng như chung cuộc của sự xuất hiện những khoảng khắc vô nghĩa ấy.

Hơn nửa thế kỷ viết trong cưu mang lặng lẽ hay viết xuống những mặt giấy lạnh lẽo, Ngọc Cường tạo ra một trường phái của riêng ông qua ngót nghét gần ngàn trang sách phản chiếu một nhân sinh quan nhất quán xuyên suốt ba tác phẩm tuần tự góp mặt trên văn đàn hải ngoại mỗi hai năm một cuốn, 2014, 2016 và 2018. Bày tỏ trong lời mở ở phần đầu cuốn *Bâng Khuâng* quý vị đang có trong tay, tác giả chia sẻ: “Do ngôn ngữ và chữ viết có giới hạn khi diễn tả hay tiếp nhận tư tưởng cùng cảm xúc nên không ai có thể tường tận hết được người viết muốn nói gì. Phật đã cảnh cáo các môn sinh trong câu “Nhu Lai xưa nay chưa nói lên điều gì cả.”

Ông ở trong và cũng ở ngoài tác phẩm. Ông viết để chữ nghĩa cất lên tiếng nói của chúng. Y như chúng ta ai cũng có một cuộc đời mà mình không thực sự làm chủ, tưởng là có hóa ra không, muốn thế này, nó ra thế nọ. Ngẫm cho cùng, nỗi bi ai đeo đẳng con người, kim cương hay châu ngọc long lanh có khác gì hàng mã? Biết vậy nhưng con người hết đời này qua đời khác, vẫn phải gánh vác thánh giá và chặng đường khổ ải trong nhọc nhằn vinh quang này, sau cùng, được giải thích bằng nước mắt yêu thương của Mẹ hiền Maria hay của Phật Bà Quán Thế Âm luôn đổ xuống thân phận con cái các bà như một cứu rỗi. Ngọc Cường ca ngợi tình yêu/tình thương, thấy trong đó sự an ủi: “Đường như ở làng Jaux hẻo lánh hay bất cứ nơi xa xôi nào khắp thế giới, một khi có tình yêu gia đình và tình thân của bạn bè, nơi đó có niềm vui và hy vọng.” (Luu Vong, tr. 94) “Phải chăng tình yêu chỉ có ý nghĩa khi làm cho con người trở nên tốt đẹp hơn?” (Yêu và Hận, tr. 46) Độc giả sẽ gặp những câu trích dẫn tương tự rải rác ở nhiều nơi khác trong cả 3 tập truyện của NC.”

Về tác phẩm đầu tiên *Bèo Giạt*, nhà văn Bùi Bích Hà cho phần nhập đề bài nhận định sách:

“Tác giả *Bèo Giạt* có lý do chính đáng để ký bút hiệu Ngọc Cường trên tác phẩm đầu tay của ông. Có nỗi đau không những người ta không thể quên, không muốn quên mà còn cần nó luôn hiện diện đâu đó, nhìn thấy được, chạm tay vào được, ở một chỗ quan trọng nhất, linh thiêng nhất. Là nỗi đau mất một đứa con mà không được nhìn mặt nó lần cuối, mà cái tang nát lòng ấy cũng đồng thời đánh dấu khoảng đời đen tối nhất của một người bỗng nhiên thấy mình phải vô cớ gánh chịu những oan khiên không có lời giải đáp.”

Và tôi xin trích đoạn phần cuối khá lý thú như sau: “Trong *Bèo Giạt*, cũng có nhiều cảnh Nhà Mẹ Lê sau này sẽ là tư liệu của một giai đoạn người Việt tản lạc, nổi chìm trong cuộc tồn sinh bất đắc dĩ sau biến cố 30 tháng 4/1975.

Dưới cái dù màu to lớn của giòng họ Nguyễn Tường và Tự Lực Văn Đoàn, Ngọc Cường (chứ không phải Tường Cường) đã tách ra đứng một mình. Ông không có sứ mệnh thay đổi một xã hội, không có cái bố cục sắc sảo của một nhà lập thuyết, không pha được những gam màu tuyệt kỹ để thể hiện mình như nhà văn/nhà danh họa Nhất Linh. Ông không có cái đa cảm, lãng mạn, mượt mà tơ lụa của Thạch Lam thượng bán thế kỷ 20. Thuộc thế hệ cầm bút thứ hai, ông không có cái liêu xiêu trần trụi của Duy Lam thập niên 1950 ở Huế, đốt hàng đồng bản thảo đầu tay không vừa ý trước khi hoàn thành *Gia Đình Tôi*. Ông không có cái tham vọng kiêu kỳ khai sinh một trường phái tiểu thuyết mới của Thế Uyên khi phong trào Hiện sinh du nhập vào Sài Gòn, viết về tình dục với sự thần nhiên giả vờ như viết về cơn mưa ở ạt đổ xuống những mái tôn Sài Gòn mùa hè. Ông cũng không có vẻ đẹp lung linh, bay bổng, siêu thực và quý tộc của Tường Hùng trong *Con Ve Sầu*. Ông không có cả sự cẩn trọng cân nhắc từng con chữ làm nên văn

phong mẫu mực của Nguyễn Tường Thiết. Ông chỉ có một tấm lòng yêu mến con người, trong những ước vọng và thất vọng sâu xa của nó. Câu chuyện, với ông, mở ra dễ dàng, tự nhiên, diễn tiến theo cái cách ông bắt gặp chúng, lúc lẽ mề, dai dẳng, như một con dao cùn cứa mãi vào một vết cắt; lúc vội vàng, láu táu, mãi mới ghi chép trung thực tình tiết, con người như chúng đang hiện ra trong tầm mắt và cảm xúc của ông với nhiều khiếm khuyết, không hoàn hảo, một loại nguyên liệu rỗng, thô sơ, thật có nên khả tín, có lẽ cũng rất cần thiết cho thời đại photoshop đầu thế kỷ 21, càng quý giá hơn khi chúng không là tác phẩm làm nên tiếng tăm của một tác giả mà chúng là một tập hợp cần mẫn, âm thầm, khó nhọc, những mảnh puzzles sứt mẻ, gãy vỡ, trôi giạt song nếu thiếu chúng, bức họa toàn cảnh cuộc di cư và định cư vĩ đại của người Việt Nam ở rải rác nhiều nơi trên thế giới cuối thế kỷ 20 sẽ không đầy đủ, không trung thực vì nhiều phận đời hăm hiu bị bỏ quên và bị thời gian vùi lấp."

Tôi cố gom ý tưởng của mình qua 3 qua tác phẩm của nhà văn Ngọc Cường là trong tác phẩm đầu tiên Bèo Giạt, tác giả ví đời mình như cánh bèo giạt mây trôi, hoàn tất năm 2014. Tác phẩm được độc giả hưởng ứng rất nồng nhiệt. Điều này đã khích lệ. Do như vậy, cuộc đời anh như cánh bèo và trôi giạt con người không biết đi về đâu. Thật đúng vì đời người như cánh bèo trôi giạt. Đây là nhiều truyện ngắn, viết về những mảnh đời mà tác giả đã gặp và xúc động nên chia sẻ với mọi người.

Trong cuốn Hệ Lụy, truyện đầu tiên tả ngày trở về của một cựu sĩ quan đi tù ngoài Bắc, bắn khuẩn về tin đồn vợ đã sang ngang.... nhưng cuối cùng tình yêu đã thắng. Với tác giả thì Hệ Lụy có nghĩa là ràng buộc của những người trong gia đình, ngoài xã hội. Tên sách được đặt qua những mẫu truyện anh sáng tác, dường như con người bị ràng buộc và dính líu đến nhau, một cách vô hình và không ai gỡ ra được. Không ai có thể có tự do

hoàn toàn cả, ngay lúc từ khi chưa sinh ra, con người đã bị ảnh hưởng của cái gene của cha, mẹ rồi, nói gì là sự tự do. Đây là nét triết tính của Ngọc Cường khi câu tạo tác phẩm này.

Trong tác phẩm "Bâng Khuâng" tác giả nêu lý do có tên này vì là cảm giác của anh khi suy nghĩ đến cuộc đời của những người xung quanh, bạn bè và chính mình! "Bâng Khuâng" qua bài đầu nói về cuộc sống và mối tình của đôi trẻ thời chinh chiến, yêu nhau nhưng bị chiến tranh cướp đi chàng trai, cố lại chinh chiến kỷ nhân hồi! Rồi mỗi tác phẩm khi đến hồi kết cuộc, chuyện cho kết thúc trong bâng khuâng nhẹ nhàng, và có chút tiếc nuối và mơ hồ,... Do đó là cảm giác man mác bâng khuâng. Còn bài tiểu luận về "Tác Giả Và Tác Phẩm" cho rằng nên phân biệt hai về người viết và cuốn sách, nó liên quan thật đấy nhưng không quan trọng vì độc giả khi đọc tác phẩm Ngọc Cường đề nghị họ hãy làm chủ tác phẩm!

*

Xuyên qua những dòng Tiểu Sử...

Nhà văn Ngọc Cường tên thật là Nguyễn Tường Cường sinh năm 1947 tại Hà-Nội. Bốn năm sau theo gia đình vào Nam sinh sống.

Lớn lên và đi học ở Sài-Gòn.

Bắt đầu tiểu học theo chương trình Pháp (Trường Lamartine, cạnh Sở Thú Sài Gòn), sau đó qua Trung học Việt Nam (Trường Nguyễn Khuyến, Phan Sào Nam, và Chu Văn An). Đậu Tú Tài II năm 17 tuổi, nhưng lên Đại Học, mất niềm tin vào học vấn, bằng cấp.

Học Luật năm 1965, đậu thi viết, khi vào vấn đáp, cãi lại thầy nên bị đánh rớt, bỏ qua Dược Khoa, Văn Khoa rồi cũng bỏ và cuối cùng đi lính.

Tốt nghiệp Khóa Phóng Viên Việt Tấn Xã (1965), Tùy Viên Báo Chí Bộ Thông Tin (1968).

Tình nguyện nhập ngũ khóa 8/68 Võ Bị Thủ Đức. Từng phục vụ các đơn vị : Tiểu Đoàn 20 Chiến Tranh Chính Trị (Quân Đoàn II), Nha Báo Chí Phủ Phó Tổng Thống, Cục Tâm Lý Chiến QLVNCH (Đài Phát Thanh Quân Đội).

Sau 75, bị giam ở các Trại Tù : Trảng Lớn, Long Khánh, Long Giao, Yên Bái, Phong Quang và Vĩnh Quang.

Vượt biên và định cư ở Ohio từ năm 1981. Tốt nghiệp hóa-học Wright State University, Dayton, Ohio. Làm thử nghiệm viên về nước cho Quận. Đã về hưu sau 25 năm làm công chức địa phương.

Lập gia đình năm 1974 và có năm con. Mất một người con năm 1979 khi đang bị giam giữ ở Vĩnh Phú (để tưởng nhớ đứa con xấu số, đã ghép tên con là Bích-Ngọc và tên mình thành bút hiệu Ngọc-Cường)

Từ năm 2011, đã có bài được chọn đăng trên trang Quán Văn báo Người Việt và gần đây trên Nguyệt San Phụ Nữ Gia Đình ở Nam Cali và Tạp Chí Văn Chương Cỏ Thơm ở Virginia.

2014 là Hội viên Hội Văn Bút Việt-Nam Hải Ngoại Miền Đông Hoa Kỳ.

2016 là Hội viên Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian - Nam Bắc California.

Đã xuất bản:

Bèo Giọt (2014), Hệ Lụy (2016), Bâng Khuâng (2018).

Trân trọng giới thiệu nhà văn Ngọc Cường, bạn tôi.

Trần Mạnh Chi

24/05/2019



Trần Mạnh Chi và thi sĩ Vũ Hối (bên phải).

HÌNH ẢNH CHIM ĐẦU ĐÀN VÀ CHỦ TRƯỞNG CỦA TỰ LỰC VĂN ĐOÀN

Hùng Tâm

Trong bài viết "Tìm hiểu về nhóm Tự Lực Văn Đoàn" của tác giả Mặc Lâm, phóng viên đài RFA được trích đoạn như sau:

"Tôn chỉ của Tự lực văn đoàn được công bố trên báo Phong Hóa số 101 ngày 8 tháng 6 năm 1934 gồm 10 điểm, đúc kết lại trong nội dung "Lúc nào cũng mới, trẻ, yêu đời, có chí phấn đấu và tin ở sự tiến bộ. Theo chủ nghĩa bình dân, không có tính cách trường giả quý phái. Tôn trọng tự do cá nhân. Làm cho người ta biết đạo Khổng không hợp thời nữa. Đem phương pháp Thái Tây áp dụng vào văn chương An Nam."

Lãnh đạo TLVD là Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Ông là nhà văn xuất chúng, lại là một nhà cách mạng lỗi lạc chống thực dân và chống cộng sản. Ông sinh năm 2006, là người con thứ ba trong một gia đình 7 người, trong đó có Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm (bị Việt Minh thủ tiêu năm 1947), Nguyễn Tường Long tức Hoàng Đạo (mất năm 1948 tại Quảng Đông), Nguyễn Thị Thế (mất năm 1997 tại Hoa Kỳ), Nguyễn Tường Lân tức Thạch Lam (mất năm

1942) và người con út là Nguyễn Tường Bách đã sống tại Trung Quốc cho đến năm 1988 di dân sang Hoa Kỳ, định cư tại Nam California. Nguyễn Tường Bách qua đời năm 2013 tại bệnh viện Fountain Valley, hưởng thọ 97 tuổi.

Năm 1932, cùng một số anh em, Nguyễn Tường Tam tức nhà văn Nhất Linh sáng lập tờ báo Phong Hóa có thể gọi là mở một thời kỳ mới trong văn học. Cùng với số nhà văn tài hoa, Nhất Linh thành lập Tự Lực Văn Đoàn, đánh dấu sự phồn thịnh văn học. Năm 1935, tờ Ngày Nay được xuất bản. Tháng 12 năm 1936, trên báo Ngày Nay, Nhất Linh phát động phong trào Ánh Sáng cùng nhóm Tự Lực Văn Đoàn, xây dựng nhà rẽ tiền cho người nghèo, chống lại các nhà ổ chuột ở các khu lao động...."

Nhóm Tự Lực Văn Đoàn hướng đến một xã hội tốt đẹp, và các thành viên trong nhóm cũng đã xây dựng một tủ sách giá trị cho văn học Việt Nam. Tủ sách phải nói là gồm nhiều tác phẩm nổi tiếng. Song song với các hoạt động chính trị và xã hội, Nhất Linh được biết đến nhiều qua các tác phẩm nổi tiếng mà cho tới nay vẫn được nhiều người yêu chuộng vì văn phong, tính cách và khuynh hướng cũng như chủ đề mới mẻ của những quyển. sách này. Trích đoạn ví dụ như:

"Các tiểu thuyết của Nhất Linh có thể kể: Nho Phong (1924), Người quay tơ (1926), Anh phải sống (viết chung với Khái Hưng 1932-1933), Nắng thu (1934), Đoạn Tuyệt (1935), Đi Tây (1935), Lạnh lùng (1935-1936), Đôi bạn (1937), Bướm trắng (1939), Xóm Cầu Mới (1949-1957), Viết và đọc tiểu thuyết (1952-1961) và cuối cùng là tác phẩm Giòng Sông Thanh Thủy (1960-1961).

Những dòng tiểu sử của nhà văn Nhất Linh cho thấy ông là người không khoan nhượng với độc tài, thực dân và suốt cuộc đời ông chừng như chỉ biết tranh đấu cho những người cùng khổ,

nghèo hèn. Qua các hoạt động văn học lấy ngôn ngữ làm vũ khí khai mở những con đường mà ông và nhóm TLVD cho là đúng đắn và cần thiết, Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã lừng lẩy trong vai trò tiên phong xử dụng thành công quyền tự do ngôn luận làm vũ khí tranh đấu cho sự tồn vong của văn hóa dân tộc."

Một bài viết khác của ngòi bút Mặc Lâm qua bài "Hai nhà văn Nhất Linh và Khái Hưng của nhóm Tự Lực Văn Đoàn", ông ghi nhận về những tác phẩm của hai nhà văn này cho tới nay, sau bao thăng trầm biến đổi của lịch sử vẫn lóng lánh như những hạt ngọc trong Văn Học Sử Việt Nam, về nhà văn Nhất Linh thì...

"Tác phẩm đầu tiên được Nhất Linh viết vào năm 1924 là Nho Phong, sau đó lần lượt những tác phẩm bất hủ khác ra đời cho thấy khả năng sáng tác của ông thật dẻo dai và hơn nữa, bất cứ tác phẩm nào Nhất Linh cũng thành công trong mục đích đem những khuynh hướng cách tân vào đời sống người dân quê lẫn trí thức Việt Nam thời ấy. Tập truyện ngắn đầu tiên "Anh Phải Sống" viết chung với Khái Hưng vào năm 1932 đã gây một tiếng vang lớn, mô tả những cảnh sống cùng khổ của người dân quê Việt Nam đang cố gắng tranh đấu vô vọng với cái nghèo túng kinh niên mà không lối thoát.

Tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn trên và trước hết nhằm truyền tư tưởng chống đối nho phong hủ bại mà suốt hàng ngàn năm đã nhúng xã hội Việt Nam vào u mê tăm tối. Tầm ảnh hưởng của những tiểu thuyết này ăn sâu vào nhiều tầng lớp thị dân, lan dần đến cả những vùng quê qua lời đồn truyền khẩu. Nhất Linh đã nhanh chóng thu hút được giới thanh niên trí thức bằng những tác phẩm như Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng, Đôi Bạn... Tác phẩm cuối cùng trong cuộc đời nhà văn Nhất Linh là tiểu thuyết trường thiên Giòng Sông Thanh Thủy, viết xong năm 1961. Đây là tác phẩm có tính cách kể lại lịch sử qua những suy ngẫm mà một thời nhà văn đã kinh qua. Những chi tiết đôi khi làm người này người khác phật

ý nhưng cuối cùng vẫn chuyển tải được những biến cố mà nhà văn chứng kiến."

Về nhà văn Khái Hưng, một người vừa là bạn văn vừa là đồng chí, hơn nhà văn Nhất Linh 9 tuổi và được văn giới đặt cho danh hiệu là Nhị Linh đó là nhà văn Khái Hưng. Ông là một trong bốn trụ cột của Tự Lực Văn Đoàn và tác phẩm của ông có số lượng ngang ngửa với nhà văn Nhất Linh trong một thời gian dài cho tới khi ông bị thủ tiêu vào năm 1947 gần ga Cửa Gà, Xuân Trường tỉnh Nam Định...

Giống như các tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn khác, tác phẩm của Khái Hưng đề cao tình yêu tự do của thời đại mới, mạnh mẽ chống lại các lễ giáo phong kiến, và cố gắng mang tính cải cách xã hội vào tác phẩm để lôi kéo thanh niên trí thức nhập cuộc chống lại phong kiến thực dân.

Giống như Nhất Linh, Khái Hưng cũng tham gia hoạt động chính trị. Do tham gia Đảng Đại Việt Dân Chính nên Khái Hưng từng bị chính quyền thực dân Pháp bắt giam.

Truyện ngắn "Anh Phải Sống" có lẽ đã đưa Khái Hưng lên ngôi vị tột đỉnh của văn học Việt Nam trong thập niên 30. Tính nhân bản trong tác phẩm ngắn ngủi này đã khiến không biết bao nhiêu học sinh của nhiều thế hệ sau rơi lệ khi học qua Tự Lực Văn Đoàn trong chương trình Văn Học Sử. Hình ảnh một gia đình nghèo đi kiếm sống bằng cách mót củi trên sông, gắp nước xoáy dầm thuyền và cuối cùng thì người vợ hy sinh bản thân để người chồng trở về với con thơ đã thức tỉnh lương tri không biết bao nhiêu người. Tác phẩm như một chiếc đèn bão soi rọi vào những ngày tháng tối tăm của xã hội Việt Nam trong tranh tối tranh sáng của những ngày cuối cùng của phong kiến."

*

Trong bài “Thử định vị Tự Lực Văn Đoàn” của tác giả Nguyễn Huệ Chi, ông đưa ra 3 mục tiêu lớn của tôn chỉ Tự lực văn đoàn:

Tạo ra một phong trào sáng tác làm cho văn học Việt Nam đang ở tình trạng nghèo nàn có cơ hội phát triển và vươn lên cao, để làm giàu thêm văn sản trong nước về mặt tiểu thuyết và văn xuôi, cũng như thơ cũ theo hình thức lục bát và thi ca đường thi.

Xây dựng một nền văn chương với tiếng Việt phổ thông đại chúng áp dụng một lối văn giản dị dễ hiểu, ít chữ Nho, một lối văn thật có tính cách Việt Nam, vì ngôn ngữ của tạp chí và văn chương thuở ấy vẫn là ngôn ngữ đậm nhiều danh từ Hán Việt và dành cho tầng lớp học thức cao trong xã hội cổ.

Về xã hội Tự lực văn đoàn chủ trương đề cao lòng yêu nước ví dụ như vai Dũng trong Đoạn Tuyệt. Còn về tư tưởng thì vạch trần tính chất lỗi thời của những tàn dư thuộc giới Nho giáo đang ngự trị trong xã hội và công khai chống lại lễ giáo phong kiến. Tự lực văn đoàn đã gây được sự đổi mới ý thức bài Nho. Về con người, Tự lực văn đoàn lấy việc giải phóng cá nhân làm trung tâm điểm của các sáng tác tiểu thuyết.

Ôn lại nền văn chương trước 1930, sách vở đã không đưa ra sự tự do con người cá nhân lên vị trí trung tâm, được chú ý. Diễn trình của chủ trương này tạo tác dụng kích thích phong trào sáng tác văn học của cả nước như là sự kiện tất yếu, như một nhu cầu nội vào thời điểm đó.

Vài chục năm trôi qua kể từ sau khi đổi mới, tác giả Huệ Chi ghi nhận rằng chúng ta đã dành nhiều giấy mực để luận bàn nhằm từng bước giải tỏa nhiều thành kiến khắt khe, cổ chấp, cố gắng trả về cho lịch sử văn học những giá trị đích thực của khối lượng tác phẩm do Tự lực văn đoàn để lại. Ta đề cập tới trong sách vở của họ các khuynh hướng đấu tranh chống lễ giáo phong kiến, khuynh hướng lãng mạn, ca ngợi tình yêu và hạnh phúc cá

nhân, khuynh hướng nghiêng mình xuống số phận những con người cơ cực, bần cùng, cho đến khuynh hướng không bằng lòng với cuộc sống trưởng giả, tẻ nhạt cũ kỹ, quyết dẫn thân vào con đường gió bụi, “mê man trong hành động”, tuy chưa biết hành động sẽ đi đến đâu nhưng ít nhất cũng là sự giải thoát cho mình khỏi nỗi mặc cảm đau xót của thân phận người dân mất nước v.v... Ta cũng không quên cuộc cách tân văn xuôi to lớn của họ, cấp cho họ một giọng văn trong trẻo, chuẩn mực, giàu sức biểu cảm tuy có lúc còn đơn điệu, và một cấu trúc thể loại mới mẻ, trong đó quy luật tâm lý thay cho trục diễn tiến đường thẳng theo trình tự thời gian và cái nhìn đa chiều trong soi chiếu nhân vật thay cho lối trần thuật một giọng của người kể chuyện; là sự có mặt của thiên nhiên như một đối tượng thẩm mỹ...

*

Về công lao văn học của “Tự Lực Văn Đoàn”, ta thử xem bài viết “Đánh giá lại tự lực văn đoàn” của tác giả Nguyễn Hưng Quốc. Trích dẫn:

“Cần nói ngay, chúng ta có thể đánh giá Tự Lực Văn Đoàn từ hai cấp độ chính: Một, nhìn Tự Lực Văn Đoàn như một nhóm với trọng tâm là các hoạt động có tính tập thể; và hai, nhìn vào từng thành viên như những nhà văn và nhà thơ cụ thể với trọng tâm là các tác phẩm của họ. Cấp độ thứ nhất nặng tính chất nghiên cứu, ở đó, mục tiêu chính là tìm kiếm ý nghĩa lịch sử của tổ chức và của phong trào; cấp độ thứ hai nặng về phê bình, ở đó, mục tiêu chính là phát hiện tính nghệ thuật và tính thẩm mỹ của tác phẩm, dĩ nhiên, như đã nói, vẫn phải chú ý đến tính lịch sử của các tác phẩm ấy...”

Nói một cách tóm tắt, trước thập niên 1930, trong suốt cả lịch sử văn học Việt Nam, chưa hề có một nhóm văn học nào hoạt động đa dạng, sôi nổi và thành công như Tự Lực Văn Đoàn. Từ thập

niên 1930 về sau, cũng không hề có. Cùng thời với Tự Lực Văn Đoàn, người ta hay nhắc đến nhóm Tân Dân với những tên tuổi như Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Lan Khai, Lê Văn Trương, Vũ Bằng, Nam Cao, Tô Hoài, v.v.. Nhưng Tân Dân, thật ra, không phải là một tổ chức văn học đúng nghĩa. Họ đến với nhau một cách khá tình cờ chung quanh nhà xuất bản Tân Dân của Vũ Đình Long. Giữa họ với nhau không hề có một liên kết hay cam kết nào khác ngoài lãnh vực thương mại,...

Trong thời hiện đại, bắt đầu từ đầu thập niên 1930, văn học Việt Nam chuyển hướng từ ảnh hưởng của Đông phương sang ảnh hưởng của Tây phương, từ môi trường nông thôn sang môi trường thành thị, từ văn hóa truyền khẩu sang văn hóa in ấn, từ sinh hoạt có tính nghiệp dư sang sinh hoạt có tính chuyên nghiệp, và từ ý thức cộng đồng sang ý thức cá nhân. Tất cả những sự thay đổi ấy đều gắn liền với hai hiện tượng văn học chính: Tiểu thuyết "lãng mạn" và phong trào Thơ Mới. Cả hai, với những mức độ khác nhau, đều gắn liền với nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tiểu thuyết "lãng mạn" là do Tự Lực Văn Đoàn khởi xướng và hoàn thiện, còn với Thơ Mới, Tự Lực Văn Đoàn chỉ đóng vai trò cổ vũ, nhưng bằng uy tín của họ, sự cổ vũ ấy có tác dụng rất lớn trong việc quảng bá Thơ Mới và cuối cùng, làm cho Thơ Mới toàn thắng, trở thành một dòng thơ chủ đạo, nếu không muốn nói là thống trị, trong giai đoạn từ 1932 đến 1945.

Tự Lực Văn Đoàn đã có công nâng tiểu thuyết lên thành một thể loại văn học thực sự.... Bởi vậy, từ góc độ văn học, không có gì quá đáng nếu nói tiểu thuyết hiện đại Việt Nam chỉ bắt đầu từ Tự Lực Văn Đoàn và với Tự Lực Văn Đoàn. Là những người đầu tiên, các nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn, đặc biệt Nhất Linh, Khái Hưng và Thạch Lam, đã chứng tỏ tài năng kiệt xuất của họ khi viết những cuốn tiểu thuyết được xem là kinh điển trong trào lưu lãng mạn của Việt Nam. Nhưng là những người đầu tiên, họ

vấp phải không ít vụng về và sai lầm mà sau này chính Nhất Linh đã thừa nhận trong cuốn *Viết và Đọc Tiểu Thuyết*. Tuy nhiên, ở đây, lại có mấy điểm cần phải chú ý. Thứ nhất, phần lớn các nhà văn trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn hiểu khá rõ những khuyết điểm trong công cuộc khai phá của họ nên họ không ngừng tìm tòi để tự hoàn thiện, hệ quả là, trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn, những người trưởng thành sau thường vượt hơn hẳn những người đi trước: về thơ, Xuân Diệu viết hay hơn Thế Lữ, và về truyện, đặc biệt truyện ngắn, Thạch Lam viết hay hơn cả Khái Hưng lẫn Nhất Linh và Hoàng Đạo; trong những người thuộc lớp trước, như trường hợp của Nhất Linh và Khái Hưng, những tác phẩm về sau thường hoàn chỉnh và đặc sắc hơn những tác phẩm ban đầu. "

Những đóng góp khác của nhóm Tự Lực Văn Đoàn, ta xét thêm qua những phân đoạn trích dẫn như sau....

"Tự Lực Văn Đoàn đã góp phần lớn trong việc quảng bá Thơ Mới và đưa phong trào Thơ Mới đến chỗ toàn thắng trong một thời gian hết sức ngắn ngủi. Ai cũng biết Tự Lực Văn Đoàn không phải là người khởi xướng ra phong trào Thơ Mới. Vai trò tiên phong ấy thuộc về Phan Khôi, một nhà cự học, người được Hoài Thanh, trong cuốn *Thi nhân Việt Nam*, xem như "một vị tướng quân đồng dặc bước ra trận" với bài "Tình già" đăng trên báo Phụ Nữ Tân Văn số ra ngày 10.3.1932. Bài thơ và lời giới thiệu của Phan Khôi gây nên tiếng vang lớn và có ảnh hưởng mạnh khiến một số người, như Lưu Trọng Lư, Nguyễn Thị Manh Manh (tức Nguyễn Thị Kiềm) và Hồ Văn Hào bắt chước và bắt đầu sáng tác theo phong cách mới. Tuy nhiên, Thơ Mới chỉ thực sự được hưởng ứng rộng rãi khi Phong Hóa ra đời và ngay ở số đầu tiên, ngày 22.9.1932, đã hô hào "Thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng". Từ đó đến cuối năm, Phong Hóa không đăng bài thơ nào, dù cũ hay mới, nhưng không ngớt đã kích thơ cũ, kể cả thơ của Tân Đà. Bước sang năm 1933 thì họ lần lượt đăng khá nhiều thơ mới,

trong đó, nổi bật nhất là Thế Lữ, người, theo Hoài Thanh, được tôn làm “đương thời đệ nhất thi sĩ, và nhờ thế đã lập được công lớn, đã mở đường cho các nhà thơ mới sau này.”[28] Khi ngôi sao Thế Lữ bắt đầu mờ, trên Phong Hoá lại xuất hiện một tài năng khác, người được xem là mới nhất trong các nhà thơ mới: Xuân Diệu. Cả Thế Lữ lẫn Xuân Diệu đều là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn. Không những thuyết phục người đọc bằng những bài thơ mới và hay. Thế Lữ, dưới bút hiệu Lê Ta, còn thường xuyên viết những bài bình thơ và điểm thơ, nhằm phê phán cái cũ cũng như những cái mới ông xem là thiếu nghệ thuật đồng thời, biểu dương những tìm tòi và khám phá của các nhà thơ trẻ muốn tham gia vào con đường đổi mới thơ. Có thể nói, công lao của Tự Lực Văn Đoàn đối với Thơ Mới nằm ở ba khía cạnh: Thứ nhất, bằng uy tín của tờ báo, họ làm cho dư luận chú ý đến Thơ Mới; thứ hai, bằng những bài thơ mới hay, đặc biệt của Thế Lữ và sau đó, Xuân Diệu, họ đã chinh phục được đồng cảm và ngưỡng mộ của người đọc đối với Thơ Mới; và thứ ba, qua các bài phê bình ngắn gọn của Lê Ta, họ định hướng cho sự phát triển của Thơ Mới. Xin lưu ý là những sự đánh giá của Thế Lữ đã có ảnh hưởng sâu sắc đến Hoài Thanh, tác giả của tập phê bình và trích tuyển, cho đến bây giờ, vẫn được xem là có giá trị nhất về Thơ Mới: Thi nhân Việt Nam...

Tự Lực Văn Đoàn đã có công cố sức cho chủ nghĩa cá nhân ở Việt Nam. Trong lịch sử phát triển của nhân loại, chủ nghĩa cá nhân vốn nhấn mạnh vào chủ thể tính, tự do tính và quyền của con người, của từng người, trước hết, đối với vận mệnh của chính họ, là một sự phát triển vượt bậc trong việc xây dựng những bảng giá trị phổ quát cũng như việc tìm kiếm một mô hình tổ chức xã hội hoàn chỉnh cho các bảng giá trị ấy (một mô hình dựa trên một đơn vị nhỏ nhất là cá nhân chứ không phải là gia đình hay dòng tộc). Tuy nhiên, ở Việt Nam, suốt cả hàng ngàn năm, dưới áp lực của chế độ phong kiến và ảnh hưởng của Nho giáo, ý thức về cái tôi của cá nhân không hề được phát triển. Đơn vị cơ bản của xã hội

là gia đình. Tiêu chí để hình thành mọi giá trị trong xã hội là tính cộng đồng. Trong 10 tôn chỉ của Tự Lực Văn Đoàn, điều thứ 7 nhấn mạnh: “Trọng tự do cá nhân”. Có thể nói đó là lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, vấn đề tôn trọng tự do cá nhân được nêu lên làm một phương châm hành động cho một tổ chức văn học. Trên báo chí cũng như trong toàn bộ sáng tác của mình, nhóm Tự Lực Văn Đoàn không ngừng thực hiện và cố sức cho phương châm ấy....

Tự Lực Văn Đoàn có công nâng tiếng Việt lên thành một thứ ngôn ngữ văn học đích thực. Điều này có thể thấy trong cả hai lãnh vực thơ và văn xuôi, nhưng rõ nhất là trong văn xuôi. Xin lưu ý là để xây dựng một nền văn học hiện đại, thử thách lớn nhất của giới cầm bút Việt Nam từ cuối thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20 không phải là trong thơ mà là trong văn xuôi. Trong thơ, vấn đề quan trọng nhất là thi pháp (poetics), bao gồm từ quan niệm mỹ học đến phương pháp sáng tác chứ không phải là ngôn ngữ (hiểu theo nghĩa là từ vựng và cú pháp)....

*

Những lời sau cùng để đúc kết bài này, Tự lực văn đoàn đã chấm dứt hoạt động trên thực tế kể từ sau năm 1940, tính đến nay đã gần 80 năm, rồi đây sẽ qua một thế kỷ, một khoảng thời gian khá dài, đã trải qua bao sóng gió của một thuở không chút bình yên về nhiều mặt... những năm biến cố lớn như 1954, 1963, 1975... Nhóm Tự lực văn đoàn để lại cho nhiều chúng ta những kỷ niệm trong đời sống, dù nơi sân trường hay hắt bóng thời gian nơi tâm trí của chúng ta. Tự lực văn đoàn có những giá trị đóng góp cao quý cho nền văn học Việt Nam vượt qua nhiều năm tháng khi ta nhìn lại.

Hùng Tâm



Nhất Linh

Tranh do họa sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ

NHỚ RỪNG

Thơ: THẾ LỮ

Phổ nhạc: DƯƠNG VIỆT ĐIỂN

SLOW

Gặm một khối cảm hờn trong cũi sắt

Ta nằm dài trong ngày tháng dần qua

Khinh lữ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ.

giương mắt bé diều oai linh rừng thẳm.

Nay sa cơ bị nhục nhân tự hăm

Để làm trò lạ mắt thú đồ chơi.

chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi.

với cặp báo chuồng bên vô tư lự.

PHẦN II

CÁC CÂY BÚT HẬU DUỆ

MỤC LỤC

TRỞ VỀ MIỀN QUÁ KHỨ	
Tường Việt.....	8
TRẠI CẮM GIÀNG TRONG Ý TƯỞNG	
Thế-Uyên.....	18
BÀ NỘI VÀ TRẠI CẮM GIÀNG	
Tường Nhung.....	28
KHI GHÉ THĂM CẮM GIÀNG	
Nguyễn Tường Giang	56
TIẾNG GUỐC	
Hồi ký một thời đi guốc - Phạm Thảo Nguyên	58
KHI VỀ HÀ NỘI	
Nguyễn Tường Giang	68
PAPA TÒA BÁO	
Trần Khánh Triệu	70
HÒN VUA Ở BANDON	
Nguyễn Tường Thiết.....	90
TẾT NÀO MÌNH GẶP LẠI?	
Nguyễn Lâm.....	98
BUỒN XƯA	
Nguyễn Tường Giang	104
XUÂN THỦY TIÊN	
LE MAGIQUE PRINTEMPS DE THỦY TIÊN	107
CON YÊU TINH THỨ MỘT TRĂM LẺ TÁM	
Đặng Thơ Thơ	124
GỌI VỀ	
Nguyễn Tường Giang	126
CON GÀ ỒNG	128

Tường Hùng	
CĂN PHẦN	
Nguyễn Tường Giang	147
MỘT NGÀY Ở SÂN GA	
Phương Lan.....	148
BẢY CHÚ VỊT CON	
Tường Cát	154
BA CHỊ EM	
Tường Cường.....	158
MẸ TÔI - BÀ HOÀNG ĐẠO	
Từ Dung.....	196
TÌNH DỤC VÀ CÁC NHÀ VĂN NỮ DI DÂN VIỆT:	
ĐẶNG THƠ THƠ	
Thế Uyên	208
Còn đây câu nói yêu em	
Tôn Thất Niệm.....	214
TRANG HÌNH ẢNH	220

Giới thiệu

Tôi nhớ trong lá thư thay mặt cho liên nhóm văn học nghệ thuật, Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian, ngỏ lời để xin bài viết hay những tác phẩm cho tuyển tập "Vài Góc Nhìn về Tự Lực Văn Đoàn và các cây bút Hậu Duệ", gửi đến các nhà văn hậu duệ Tự Lực Văn Đoàn (từ đây chúng tôi xin dùng danh từ gọi ngôi thứ ba số ít là "hậu duệ"), với mục đích như là trình bày cho độc giả biết có sự hiện diện của một tập thể văn chương hậu duệ Tự Lực Văn Đoàn, đã và đang nối gót thế hệ đi trước. Do vậy, thật là một vinh dự cho Nhân Văn Nghệ Thuật và Tiếng Thời Gian được thực hiện tác phẩm này.

Trước hết tôi xin đi sơ lược đôi nét chính về nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Về các Thành Viên Tự Lực Văn Đoàn chính yếu gồm có 7 người là Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Thế Lữ, Xuân Diệu. Nhìn từ góc xã hội phải nói là đây là một văn đoàn ôm ấp một lý tưởng muốn cống hiến cho văn học, thông qua phạm trù văn học hầu đóng góp cho xã hội, và cùng chung sức nhau xã hội hóa hoạt động sáng tác của họ, trong sự vận hành

của nhu cầu thị trường văn học nghệ thuật cùng lãnh vực báo chí để dấy lên từ Nam ra Bắc thuở bấy giờ.

Tự Lực Văn Đoàn lấy thị trường chữ nghĩa để mưu sinh để sống còn bằng nghề văn và nghề báo của mình. Tự Lực Văn Đoàn không chỉ phát huy phạm vi tiểu thuyết, thi ca mà còn ràng buộc với nhau trong việc sống nhờ vào hai tờ báo và một nhà xuất bản, tờ Ngày Nay cùng trước đó là tờ Phong Hóa. Trong suốt quá trình tồn tại, Tự Lực Văn Đoàn vẫn duy trì mục đích văn chương cao quý cho mục tiêu hướng thiện song song với việc kiếm kế sinh nhai là tạo điều kiện để họ giữ vững thiên chức văn học như một mục đích "Văn Dĩ Tài Đạo", tâm đạo hay đường hướng phục vụ xã hội, theo quan điểm tôi nhìn là điều mà có lẽ, từ 1945 xưa đến nay, khá hiếm ít có một văn đàn nào trên dải đất Việt Nam chúng ta làm được thành công trên cả 2 phạm trù xã hội cùng văn học.

Sau đây là phần trình bày về các hậu duệ thuộc gốc gia đình Tự Lực Văn Đoàn là những thành viên đã theo đuổi ngành văn thơ, nghệ thuật như những vị tiền bối đi trước.

Theo buổi nói chuyện với nhà văn Nguyễn Tường Thiết (hậu duệ thuộc gia đình của nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam), tôi đã có được một số chi tiết như sau. Về các ngôi bút hậu duệ, chúng ta có thể chia làm hai giai đoạn: những nhà văn đã thành danh ở miền Nam VN trước 1975 và những tác giả sau 1975 ở hải ngoại.

Trước 1975 có nhà văn Doãn Quốc Sỹ (con rể của nhà thơ Tú Mỡ), hai nhà văn Duy Lam và Thế Uyên (thân mẫu là em ruột nhà văn Nhất Linh) và nhà văn Tường Hùng (thân phụ là anh ruột Nhất Linh). Riêng Duy Lam và Tường Hùng năm 1953 là hai trong số ba người (người thứ ba là Nguyễn thị Vinh) được Nhất Linh đề nghị là thành viên của Tự Lực Văn Đoàn nếu sau này đây

đủ các thành viên chính thức của Tự Lực Văn Đoàn bỏ phiếu bầu (nhưng sự việc này không thành).

Sau năm 1975 ở hải ngoại các ngôi bút hậu duệ được chia làm hai: các nhà văn có tác phẩm xuất bản và các tác giả có bài viết đăng trên các tập san.

- Những nhà văn hậu duệ có tác phẩm xuất bản gồm có Phạm Thảo Nguyên (con dâu của Thế Lữ), Nguyễn Tường Thiết (con trai út Nhất Linh), Nguyễn Tường Giang (con trai Thạch Lam), Nguyễn Lân (con trai Hoàng Đạo), Ngọc Cường (thân phụ là anh ruột Nhất Linh), Đặng Thơ Thơ (cháu ngoại Hoàng Đạo).

- Những ngôi bút hậu duệ có bài viết đăng trên một số tập san gồm có Trần Khánh Triệu (con nuôi Khái Hưng), Tường Việt (con trai trưởng Nhất Linh), Tường Nhung (con gái Thạch Lam), Từ Dung (con gái Hoàng Đạo), Phương Lan (con gái Duy Lam), Diễm Hoa (vợ nhà văn Nguyễn Lân), Tường Cát (cháu nội ông Nguyễn Tường Thụy, anh ruột Nhất-Linh), và BS Tôn Thất Niệm (con rể ông Thụy)

*

Đây là bài giới thiệu về các ngôi bút hậu duệ của Tự Lực Văn Đoàn để khi đọc giả đọc bài viết bởi hậu duệ nào, ta biết được sự liên hệ gia đình của một thành viên tiền bối của nhóm Tự Lực Văn Đoàn.

Mời quý vị đọc tiếp vào sách nhé.

Trần Việt Hải,

Đại diện Nhóm Nhân Văn Nghệ Thuật

TRỞ VỀ MIỀN QUÁ KHỨ

Tường Việt

Chuyến bay của hãng hàng không Nhật Bản đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào lúc nửa đêm. Mục đích chuyến trở về lần này của chúng tôi (năm 2018) là muốn cháu Maya biết về quê nội của nó. Sau chuyến bay dài mệt mỏi tôi ngủ một giấc ngon lành. Sáng hôm sau, trong lúc gia đình Tường Anh, cậu con trai của tôi lấy taxi đi tham quan Sài Gòn, tôi một mình tản bộ xuống phố tìm quán cà-phê. Mới sáng sớm mà xe cộ đã chạy ngược xuôi, mọi người đi lại hối hả. Cả thành phố bồng bồng như chạy đua với thời gian. Dân bà thì khẩu trang che kín mặt mũi chỉ chừa đôi mắt. Thật khó mà tìm được một cô gái đẹp! Thoảng một giây tôi ngỡ ngàng và ngậm ngùi: còn đâu nữa một Sài Gòn ngày xưa, còn đâu nữa “nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát, bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông”?

Ngày hôm sau chúng tôi bay ra Đà Nẵng, thuê xe đi Hội An thăm Dinh phái 1 và Từ Đường phái 2 của dòng họ Nguyễn Tường, sau đó viếng nghĩa trang riêng của gia tộc. Đứng trước hàng bia mộ, nơi yên nghỉ của những người thân yêu, cảm giác

này thật khó diễn tả! Cảm giác ấy vừa mơ hồ lại vừa cụ thể như phảng phất đâu đây cái kì bí giữa hai cõi âm dương.

Sau hai ngày ở Đà Nẵng và Hội An chúng tôi ra Huế. Không khí ở đây có phần mát mẻ và tĩnh lặng hơn. Tôi tiếc là chưa có dịp đi dò trên sông Hương để nghe nhạc cung đình Huế. Đọc tác phẩm “Mưa trên cây sầu đông” của Nhã Ca, tôi định bụng ra Huế lần này sẽ coi thử “cây sầu đông” (còn gọi là “cây xoan”) xem nó ra thế nào, và tại sao người ta hay ví con gái đẹp với khuôn mặt trái xoan? Vậy mà Huế đã vào đông rồi mà cây sầu đông tôi vẫn chưa có dịp nhìn thấy.

Vì gia đình cháu Tường Anh chỉ có gần hai tuần lễ ở Việt Nam mà chương trình kéo dài từ Nam ra Bắc nên chúng tôi đến nơi nào cũng chỉ “cưỡi ngựa xem hoa” rồi lại vội vã lên đường đi nơi khác.

Đến phi trường Nội Bài chúng tôi lấy taxi về khách sạn. Hà Nội bây giờ cũng đông đúc y như Sài Gòn. Hai bên đường chung cư nhà cửa hàng quán san sát. Giọng bắc của người Hà Nội bây giờ, nghe lạ tai lắm! Âm điệu gần giống nhau, thiếu sự ngọt ngào, êm ái của người Hà Nội ngày xưa. Đến khách sạn tôi gọi điện thoại nói chuyện với anh Nguyễn Tô, một người bạn ngày xưa học cùng lớp trường Chu Văn An, anh Phạm Hoàng Đạo, một người em họ, báo là tôi đã đến Hà Nội và hẹn gặp vì tôi có mang một số quà từ Mỹ để biếu họ. Buổi trưa tôi mời tất cả đến ăn tại một nhà hàng gần khu phố cổ. Cuộc họp mặt rất thoải mái vui vẻ. Tôi bàn với Đạo chương trình của mình và nhờ Đạo thuê xe để ngày hôm sau đi nghĩa trang Yên Kỳ (Sơn Tây, ngoại ô Hà Nội) thăm mộ những người thân chôn cất tại đó: trước hết là mộ bà ngoại tôi, mộ chú thím Thạch Lam rồi đến mộ đứa em út của tôi Nguyễn Tường Thái cùng một số những người trong họ đã yên nghỉ tại đây. Nghĩa trang Yên Kỳ bây giờ khác xưa nhiều lắm, có lối đi thoáng mát, có đường cho xe chạy, cây cối hoa cỏ đủ màu sắc nên trông cũng bớt lạnh lẽo ảm đạm.

Chuyến về Hà Nội lần này tôi còn có mục đích đến thăm thôn Lê Dương, thăm lại căn nhà lánh nạn, thăm mộ anh Tý, người đã bất chấp nguy hiểm không sợ liên lụy để mẹ tôi và tôi ẩn nấp trong căn nhà của anh. Ơn cứu mạng đó làm sao mà quên được? Vào thời đó cuối năm 1946 bố tôi Nguyễn Tường Tam, Bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ Liên hiệp Kháng chiến, đã bỏ sang Tàu. Trong nước Việt Minh lùng bắt thân nhân bố tôi. Mẹ tôi, bác Nguyễn Tường Cẩm, cậu Phạm Hoàng Tín và tôi (lúc đó 15 tuổi) bị quân du kích Việt Minh bắt tại quê mẹ tôi Phụng Vũ. Chúng giải bốn người đến giam trong một cái đồn ở phủ Thường Tín nói là để điều tra. Đúng lúc đó thì máy bay Pháp xuất hiện thả bom. Lợi dụng cơ hội lộn xộn này bốn chúng tôi chạy thoát ra khỏi đồn. Khi máy bay ngưng thả bom, mẹ tôi nói với bác Cẩm và cậu Tín thừa cơ hội này trốn đi. Nhưng cậu Tín trả lời: "Chị và cháu trốn đi còn tôi và anh Cẩm phải trở lại đồn vì họ đã còng tay hai người với nhau có trốn cũng sẽ bị bắt lại. Mẹ con tôi chạy thoát và sau đó tá túc tại nhà anh Tý, một người làm công trung thành của mẹ tôi. Còn cậu Tín (bố của anh Đạo), bác Cẩm (bố của Nguyễn Tường Tâm) sau đó bị Việt Minh thủ tiêu.

Hai ngày sau khi thăm nghĩa trang Đạo hướng dẫn chúng tôi lên đường đi thôn Lê Dương. Đến nơi chúng tôi phải thăm hỏi nhiều người mới tìm ra được đúng địa điểm và may quá căn nhà của anh Tý vẫn còn nguyên chưa bị phá hủy. Đứng trước căn nhà ấy tôi đã kể cảnh Việt Minh bố ráp và nỗi sợ hãi khi chạy trốn, sợ bị bắt lại, nó kinh hoàng như thế nào. Nó ám ảnh tôi cho đến tận bây giờ hơn 70 năm qua mà tôi vẫn nhớ từng chi tiết như thể chuyện mới xảy ra ngày hôm qua. Anh Tý yên nghỉ trong nghĩa trang của thôn Lê Dương. Trước ngôi mộ tôi cúi đầu thắp cho anh một nén nhang. Nhớ lại những ngày ấy đã bao lần tôi tự hỏi nhưng không có câu trả lời là tại sao mẹ tôi lại bình tĩnh và can đảm đến thế; trong lúc chạy trốn mẹ tôi như đã nắm trước địa đồ, dắt tôi chạy qua đê, băng qua đồng ruộng, bất chấp cái chết đang lơ lửng trên đầu. Tôi cũng tự hỏi người ta đã nhân danh cái gì để gán cho chúng tôi hai chữ "Việt gian" khiến biết bao người

phải hy sinh, chết oan, bị tra tấn, bị thủ tiêu, như trường hợp của bác Cẩm và cậu Tín, hai người chỉ có mỗi cái "tội" duy nhất là anh ruột, là em vợ của bố tôi.

Xe lăn bánh. Chúng tôi từ già thôn Lê Dương. Tôi băng khuông nhìn cảnh cũ mà người xưa không còn.

Ngày sau đó gia đình Tường Anh kéo nhau đi Sapa và vịnh Hạ Long. Tôi chọn ở lại Hà Nội. Sức đâu mà theo kịp tụi nó! Tôi nghĩ bụng mình mời anh Tô hay gia đình anh Đạo đi ăn uống và tâm sự với nhau còn vui hơn nhiều.

Cái ngày tôi sang Pháp du học đã trôi vào dĩ vãng xa xăm. Hà Nội bây giờ không còn đáng vẻ êm đềm thanh thản như khi tôi lìa xa nó năm 1950. Và tôi cũng không còn là chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết, ra đi với chiếc va-li nhẹ tênh mà lòng thì trĩu nặng nhớ thương, nhớ quê hương, nhớ gia đình. Tiếc rằng lúc đó chàng trai 19 tuổi chưa có một "bóng hồng" nào để mang theo. Nhưng khi tàu nhổ neo rời vịnh Hạ Long thì tôi lại thấy lòng nhẹ nhõm, cảm được cái mùi tự do rạo rờ giữa trời biển mênh mông. Tàu lên đèn gần một tháng mới nhập cảng Marseille. Trên tàu tôi cũng có quen với một cô gái tên Lan, nhưng có lẽ vì chưa đủ duyên nên khi xuống tàu là đường ai nấy đi!

Thoảng một cái mà đã gần hết một đời người! Bao năm qua mãi mê với cuộc sống, ít thì giờ suy nghĩ viễn vông, nay đã về già mọi thứ ổn định, mới thành thơ mà thả hồn về chốn cũ. Rời Hà Nội từ thời niên thiếu tôi tưởng đã quên hết nhưng đi giữa lòng Hà Nội bước chân vẫn dẫn tôi về những nơi xưa cũ: đây là cây đa ngày xưa ở Hồ Gươm, kia là căn nhà cũ ở phố Hàng Bè, đó là khu thương xá Tràng Tiền với những khung cửa kính lớn, rồi những ngõ nhỏ ẩm cúng nối kết Hà Nội 36 phố phường, rồi Hồ Tây, hồ Trúc Bạch và con đường Cổ Ngư, nơi ghi dấu bao mối tình lãng mạn! Tình yêu luôn là thứ lãng đãng trong tâm tưởng chàng trai mới lớn. Phải như hồi đó, tìm được một giai nhân, để có mối tình mang theo sang Pháp, có lẽ trời sẽ bớt lạnh và tâm hồn ấm áp

hơn khi nhâm nhi những bức thư thăm hỏi: “Paris có gì lạ không anh?”. Tiếc quá! Thời trai trẻ đã qua... Nhưng không sao, tâm hồn chưa già là được rồi!

Chúng tôi bay về lại Sài Gòn. Sợ kẹt xe nên thuê khách sạn ở gần phi trường vì ngày hôm sau các cháu phải về Mỹ. Thấy chúng nó vui vẻ thích thú, lại còn cảm ơn rối rít, tôi biết là đã thành công khi tổ chức chuyến đi này.

Bọn trẻ đi rồi buổi trưa tôi thuê xe vào quận 5 Chợ Lớn, tìm khu chung cư An Đông có cửa hàng Cẩm Lợi của mẹ tôi, có căn nhà mà gia đình đã sống suốt trên 20 năm. Tôi nhìn lên căn gác, nó đã cũ lắm rồi, chung quanh chợ vẫn ồn ào tấp nập đúng như em tôi Nguyễn Tường Thiết đã tả trong tập truyện “Căn nhà An Đông của mẹ tôi”. Tôi đang tập trung nhớ lại hình ảnh mẹ tôi, người đàn bà tần tảo lo toan hết mọi chuyện trong gia đình để chồng yên tâm theo đuổi chí lớn, tôi bỗng giật mình. Có tiếng người đàn bà hỏi lớn: “Ông muốn kiếm gì?”. Tự nhiên tôi buột miệng: “Tôi kiếm quán cơm gà Siu Siu”. Bà ấy lắc đầu: “Đẹp lâu rồi! Gần đây cũng có một tiệm ngon lắm!” Theo Thiết tả thì quán cơm gà Siu Siu ở bên cạnh cửa hàng mẹ tôi rất ngon và nổi tiếng, các em tôi trong bao nhiêu năm được ăn thoả thích, không phải trả tiền, vì trừ vào tiền mẹ tôi cho chủ quán câu điện.

Cuộc sống vẫn tiếp diễn...nhưng những người muôn năm cũ đã từng gắn bó với căn nhà này như bố mẹ tôi, như chị Thư tôi, như các em tôi Thạch, Thoa, thì hồn ở đâu bây giờ?

Còn lại mấy ngày ở Việt Nam tôi định bụng lên Đà Lạt thì may quá anh bạn đồng hành rủ tôi cùng đi. Xe đồ Phương Trang có giường nằm. Tôi ngủ thiếp đi. Lúc tỉnh dậy thì xe sắp qua đèo Bảo Lộc. Những cây thông thấp thoáng hai bên đường. Cái khoảng khắc núi rừng chìm trong hoàng hôn sao mà âm u vậy? Anh bạn tôi nói là chỉ khoảng 40 phút nữa là sẽ đến Phinom, vùng đất cao nguyên, nơi cha tôi, nhà văn Nhất Linh, đã định dừng chân, sống với mây ngàn gió núi, vào rừng tìm những giò lan đẹp, tiếp tục

trả cho hết cái nợ văn chương, cái nợ chữ nghĩa. Tôi mừng tượng căn nhà mang tên một loài lan quý Thanh Ngọc Đình qua bài văn của Thiết, nó nằm giữa rừng thông bát ngát, bên bờ suối Đa Mê thơ mộng cách quốc lộ 20 khoảng nửa cây số, do ông vẽ kiểu và nếu căn nhà không sập đổ trong một cơn bão lớn thì biết đâu ông sẽ trở thành một ẩn sĩ, cống hiến thêm nhiều tác phẩm cho đời? Trước khi đi tôi đọc lại tập san Thế Kỷ 21 số 201 và 202 bài Thiết viết vào mùa xuân năm 2006. Đọc xong cái tên Phinom khiến tôi tò mò như bị cuốn hút vào vùng đất hoang vu lặng lẽ nhưng lại rất sinh động này. Khung cảnh ở đây chắc hẳn có gì đặc biệt lắm nhà văn Nhất Linh mới chọn để xây căn nhà mộng ước?

Vì vậy, ngay ngày hôm sau khi đến Đà Lạt tôi háo hức thuê xe đi ngược lại quốc lộ 20 đến Phinom. Qua ngã ba Đơn Dương tôi bảo tài xế taxi đi thêm hai cây số thì rẽ phải trên con đường dẫn đến suối Đa Mê. Nhưng thực tế hoàn toàn trái với trí tưởng tượng của tôi, không giống những gì Thiết tả trong hồi ký. Đã 60 năm qua rồi còn gì! Phinom chẳng còn vẻ gì hoang vu nữa, lối cũ bị xóa mờ, khá nhiều nhà cửa san sát. Tôi hỏi thăm đường vào suối Đa Mê chẳng ai biết rõ cả, người chỉ đường này, kẻ chỉ đường kia, tôi không biết đi ngả nào, thôi thì cứ theo trực giác mà đi tìm. Tôi hẹn tài xế thả tôi ở đây một giờ nữa quay lại đón rồi tôi tiếp tục hỏi thăm, may ra có người biết miếng đất mà xưa kia nhà văn Nhất Linh đã từng ở? Chẳng ai cho tôi một thông tin nào chính xác. Mà cũng phải thôi. Một số người sống ở đó đã tàn mác đi nơi khác, một số có thể đã về với ông bà rồi. Tôi vào một quán nước bên đường ngồi nghỉ cảm thấy tê tê trong đầu. Phảng phất đâu đây trên vùng đất này, trên khúc đường này, đã in dấu chân của bố mẹ tôi, của các em tôi, vào một mùa xuân nào xa lắc, mẹ tôi ở Sài Gòn lên, có cả một số bạn bè thân quen của bố tôi cùng đón giao thừa trong rừng bên suối Đa Mê trong một cái Tết xưa năm Kỷ Hợi. Tôi nghĩ chắc năm đó cha tôi đã ăn một cái Tết bình an và vui vẻ nhất trong đời ông.

Đang mơ màng thì xe đến đón tôi quay trở về thành phố. Từ xa những căn nhà cao thấp ẩn hiện trong sương mù. Phải nói dù thế nào Đà Lạt vẫn có vẻ gì mời gọi quyến rũ đủ để lòng người có một chút băng khuâng. Có lẽ phố núi vừa mau tối vừa lạnh lẽo cần sự ấm nên người ta tìm đến nhau sớm hơn. Thành phố của tình yêu mà!

Mấy ngày ở Đà Lạt trời mưa liên miên, gió lạnh và đường phố ẩm ướt nhưng tôi vẫn muốn đến toà nhà số 12 đường Yersin (nay đổi tên là Trần Phú) để nhìn lại căn gác nơi bố tôi từng sống với hai em tôi là Thoa và Thiết. Tiếc là quán Café de la poste mà Thiết tả trong hồi ký "Chai rượu khai xuân" đã không còn nữa để tôi có thể ngồi trong căn nhà mà bố tôi ngày xưa đã từng ở.

Hôm sau ngủ dậy nhìn xuống phố, trời đã hết mưa, buổi sáng có nắng đẹp, tôi thấy vui lây cái vui của thiên hạ đông đúc dưới kia. Để thử sức trai tráng còn được bao nhiêu, tôi không lấy taxi mà đi bộ từ đường Phan Đình Phùng hướng về phía chùa Linh Sơn. Dọc đường tôi ghé vào quán gọi một tô bún cá rô ăn ngon lành, rồi theo lời chỉ dẫn tôi leo lên một con dốc cao qua những bậc tam cấp, qua những nhà cửa cao thấp theo triền đá; ra khỏi con dốc là đường Minh Mạng xưa. Tôi ngồi nghỉ uống một ly sữa đậu nành nóng, thấy trong người không mệt mỏi, không thở dốc, vậy là còn lâu viện dưỡng lão mới lấy được tiền của tôi! Lại lang thang hết khu Hòa Bình, vòng xuống Hồ Xuân Hương, hướng mắt tìm một cây Mimosa như trong thơ Nhất Tuấn: "Đường khuya mưa bay bay, Mimosa thôi nở trong hồn anh đêm nay" nhưng không tìm thấy. Hay là tôi chưa tìm kỹ? Hay nó chỉ còn lảng đãng đâu đó trong hồn người? Tôi tần ngần đứng trước một ngôi biệt thự. Sao nó giống ngôi biệt thự ở ngoại ô thành phố Paris năm nào, mà hai bố con tôi hay đến đây trong những dịp nghỉ lễ.

Kỷ niệm xưa lại hiện về trong tâm trí.

Năm 1950 khi tôi rời Hà Nội thì bố tôi còn ở Hồng Kông. Năm 1974 khi tôi trở về Sài Gòn lần đầu tiên thì bố tôi không còn trên

đương thế. Tôi sẽ không có một kỷ niệm thân thương nào với ông cụ tôi nếu không có chuyến Đi Tây thứ hai trong đời ông vào năm 1954.

Tôi được ở với bố khoảng 6 tháng ở Paris. Thời gian này với tôi thật là tuyệt vời. Tôi cảm nhận cái hạnh phúc được sống trong mái ấm gia đình. Tại sao Đà Lạt lại có hương vị của Paris nhỉ? Không khí nơi đây nhắc nhở tôi những ngày hai bố con sống với nhau, cùng ăn, cùng ngủ, cùng nói chuyện, tất cả đã xa lắm mà tưởng như mới hôm nào. Tôi mỉm cười nhớ tới lời dặn của bố tôi: "Con yêu ai thì yêu, nhưng lấy vợ Việt Nam thì tốt hơn!". Rất tế nhị, không cấm đoán, ông chỉ nhẹ nhàng đưa ý kiến của mình.

Buổi tối cuối ở Đà Lạt tôi xuống trà phòng, nói dăm ba câu chuyện với ông chủ khách sạn. Khi nói về việc đổi tên đường tôi mới biết là đường Huỳnh Thúc Kháng bấy giờ ngày xưa đã có một thời mang tên Nguyễn Tường Tam

*

Là con trai trưởng trong gia đình tôi qua Pháp từ hồi rất trẻ trước khi có hiệp định chia đôi đất nước. Hai mươi bốn năm sau khi tôi trở về thăm Sài Gòn lần đầu thì miền Nam Việt Nam đã gần mất về tay Cộng Sản. Cả hai nền Cộng Hòa của miền Nam tôi không được biết, được sống. Tôi như người đứng ngoài lịch sử, không trực diện với bối cảnh chiến tranh, không phải đối phó với những hoàn cảnh khó khăn với tâm trạng ngổn ngang đau thương mất mát của gia đình như các em tôi đã phải đương đầu. Như vậy có phải là may mắn? Cuộc đời thì hữu hạn, nhưng hoài niệm thì chẳng có giới hạn nào, chúng cứ lơ lửng theo ta đến cuối đời.

Tôi không có thiên khiếu văn chương để viết được những tác phẩm đầy đủ và xúc tích như em tôi Nguyễn Tường Thiết. Chỉ xin ghi lại nơi đây một vài cảm nghĩ chuyển về quê này. Chuyến đi cho tôi những trải nghiệm rất thật mà từ hồi nào tôi như sống ngoài nó. Có lẽ khi người ta chưa thực sự trải qua những thăng

trầm của cuộc sống thì những suy nghĩ cũng chẳng có thể chứng
chạc được. Một người đã vốn nghèo về văn chương thì đâu có dư
chữ nghĩa để viết được những bài văn bóng bẩy? Cũng thích viết
lắm nhưng cứ lần lữa hoài ngần ngại hoài, lại chưa tìm được đề
tài để viết. Sự khuyến khích của Thiết, của Cường, đã cho tôi cảm
hứng viết bài bút ký này, hy vọng sẽ được đón nhận.

Tường Việt



Tác gia Tường Việt qua nét vẽ Nhật Linh (Paris - 10.11.54)

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN VÀ CÁC CÂY BÚT HẬU DUỆ

16

TỰ LỰC VĂN ĐOÀN VÀ CÁC CÂY BÚT HẬU DUỆ

17

TRẠI CẨM GIÀNG TRONG Ý TƯỞNG

Thế-Uyên

Nhiều người đã cho rằng trại Cẩm-Giàng là cái nôi chính của TLVD



Vị trí Trại Cẩm Giàng ngày nay.

Hà Nội có hai ga xe lửa, ga chính là ga Hàng Cỏ khá đồ sộ có nhiều tuyến đường đi khắp nơi, gia đình tôi ít dùng. Mỗi lần về quê ngoại, gia đình tôi thường dùng ga phụ nhỏ hơn là ga Đầu Cầu, tên gọi như vậy vì nhà ga nằm ngay đầu cầu Long biên băng qua sông Hồng đến cảng Hải phòng cách đó đúng 105 km, và

cũng băng qua trước cổng trại quê ngoại của bọn tôi là trại Cẩm Giàng. Gọi là “băng qua” e không đúng sự thực vì mỗi khi xe lửa chạy qua, là xì khói, hơi nước và bụi than cháy đỏ ngay vào mũi lũ trẻ bọn tôi đang đứng khá sát đường sắt, “xem có sao không”. Cũng may là tất cả đều được “bà mụ” (theo tin tưởng cổ truyền, bà mụ là nàng tiên tốt chuyên lo cho con nít) chăm lo cho nên không sao cả.

Xe lửa thường đông và sán đầy rác, nhất là thứ nước quét trầu đỏ như máu do các bà nhổ ra dơ dáy chẳng kém gì nước thuốc lá do các vị cao bồi Viễn Tây nhổ bắn tung tóe ra sàn quán rượu ngày xưa. Bởi thế lên được toa xe là hai anh em, tôi và anh Duy Lam, dù chiều cao còn lùn xùn, thường lên ra đầu toa ngồi trên bậc lên xuống cho dễ ngắm cảnh và nhảy lên nhảy xuống khi xe ngừng ở nhiều ga. Quen như thế rồi nên khi theo dân Hà Nội đi tản về miền quê tránh bom Mỹ ném quân Nhật rơi “lạc trúng đầu” mình, tàu hỏa đông đến nỗi không còn một chỗ đặt chân (hiếu theo nghĩa đen). Nhưng khi xe lửa chuyển bánh, anh Lam hô tôi: “Nhảy lên bám đi”, tôi cũng nhảy đại vào chùm người đang bám lắc lư ở bậc lên xuống, chỉ níu được một tay lên thanh sắt và một chân lên bậc gỗ. Cứ như thế tôi tồn teng một nửa người trong không gian qua cầu Long Biên, nhìn xuống, chưa bao giờ thấy sông “gần” mình đến như thế. Đến mỗi ga, người tị nạn lại xuống một ít nên đến ga trước ga Cẩm Giàng, tôi đã kiếm được chỗ đặt đủ hai chân lên tàu. Khi tàu ngừng ở ga Cẩm Giàng, mẹ tôi cười vui khi nhận ra hai đứa bám tàu bọn tôi, không trách cứ vì sinh trong một gia đình có nhiều anh lớn chuyên làm việc gia đình qua mặt Quan Thuế, các anh cách mạng chống Pháp, chống Cộng sản...bà quen với mọi hoàn cảnh hiểm nguy rồi.

Bọn tôi đợi đến khi tàu tiếp tục chạy đi Hải Dương, chia hành lý nặng cho người làm ở Trại mang hộ, mấy mẹ con mới dắt díu nhau đi bộ về, trên con đường mòn sát đường sắt chắc chỉ đủ

rộng cho một xe hơi (cho đến khi Trại bị san bằng, tôi chưa thấy một xe hơi nào chạy trên đường này, giàu hay nghèo cũng đều đi bộ). Chưa chi Lam đã nhảy lên một đường rail, giờ hai tay giữ thẳng bằng trên đường sắt. Tôi không bắt chước ngay vì còn mỗi một đả đeo tàu: từ nhỏ tôi vẫn yếu ớt về thể xác, nhạy cảm về tinh thần, hơn là ông anh chỉ hơn có hai tuổi. Sự chênh lệch này đến bây giờ cũng thế, ở miền Tây bắc nước Mỹ tôi đã chống gậy và đi xe lăn vì một *massive stroke*, ông anh tôi nhờ tập yoga từ trong các trại cải tạo tập trung, vẫn thỉnh thoảng trồng cây chuối cho bạn bè con cháu coi chơi.

Được một cái quãng đường này không dài lắm, chưa chi đã đến cổng Trại và đây là một cái cổng hần hoi, không nhớ kiến trúc sư nào đã vẽ kiểu hộ bà ngoại tôi : hai cột cao hai bên rộng đủ hai xe hơi đi lọt, phía trên là hai then ngang kiểu Nhật hay một giàn gỗ kiểu Pháp tôi không nhớ vì lúc nào hầu như cũng phủ kín hoa lá ti gôn, thứ hoa màu hồng nhạt quyến rũ nhưng ngắt xuống không dùng vào việc gì vì hoa quá nhỏ. Cô em họ con đầu Thạch Lam, thường xuyên có mặt ở Trại, cắt nghĩa cho tôi như vậy. Hai cánh cổng lớn thường xuyên khóa bằng vòng xích khá lớn kể như không mở bao giờ, it ra trong ký ức một chú bé con dưới 10 tuổi là tôi hồi đó. Bọn tôi ra vào một cổng nhỏ ngay cạnh bụi tre ngả vàng óng ả, dưới dàn hoa ti- gôn. Và đến khi Thạch Lam chết vì lao ở “nhà cây liễu” làng Yên phụ Hà Nội, bà ngoại tôi đón mẹ góa con cô của ông về Trại, cho ở căn nhà gạch mới xây hai phòng ở góc Trại sát mặt đường phía nhà ga, thì bọn tôi đi lối này, gần hơn và hợp với lũ trẻ cháu bà hơn.

Sau cổng gỗ hoa ti-gôn và bụi tre vàng là lối đi chính dẫn vào phía trong, lát gạch đỏ hai bên trồng hoa tóc tiên, không phải thứ tóc tiên leo lá lẫn tẩn hoa nhỏ đỏ chói, mà là thứ tóc tiên đất lá dài rậm rạp hoa hồng nhạt nhô cao nên rần thường đến ở và lọt xác, cô em họ cắt nghĩa như vậy, và để chứng minh, nàng vạch

cụm tóc tiên cho tôi thấy một thứ vỏ màu trắng trông dễ nể như xác con *alien* trong bộ phim Mỹ - do đó mỗi khi ngồi khu này, tôi thường xoay xở cho lưng cách một quãng luống tóc tiên. Hai bên lối đi tóc tiên bà tôi trồng mấy luống hoa hồng nhiều màu. Lối đi gạch đỏ bỗng nhiên quẹo trái tới một bụi cây hoa tròn xoe như mâm xôi trước khi lại quẹo phải tới một ngã ba: cứ đi thẳng sẽ tới tòa nhà chính của trại, nhà bằng gạch trên một một thềm cao nhiều bậc dẫn lên hàng hiên hai bên bày hai con voi bằng sứ: chỗ ngồi thích thú của tôi. Và cũng là chỗ bà tôi đặt bộ chỉ huy Trại...

Bên phải là một nhà dọc kiểu nhà Ánh Sáng, thẳng góc với tòa nhà chính lợp tranh đầy cộp, vách bằng bùn trộn trấu quét vôi trắng trên thềm đất cao, trông nổi bật hẳn lên trong khung cảnh thường ít màu của đồng bằng miền bắc. Một hàng hiên khá rộng bao kín tòa nhà này, có thể coi là nhà khách của Trại, chia làm ba phòng. Phòng đầu tiên hướng về cổng trại là phòng khách đích danh với một bộ bàn ghế mây tre to tướng: nơi tụ họp của các bác chú và Tự lực Văn đoàn nói chung cùng thân hữu của họ, để uống trà (nhiều nhất) uống cà phê và nhậu nhẹt đôi khi (thời kỳ này khu Tự Lực ít nhậu nhẹt so với lớp văn nhân bên ngoài và hậu chiến, và đôi khi có uống thật say thì dẫn đầu buồn thay lại là ...bố tôi, rồi mới đến Thạch Lam, Đình Hùng, Thế Lữ... Dĩ nhiên khu nhà khách những khi đó là *off-limits* cho trẻ con và chú bé con là tôi, có tò mò lắm cũng chỉ đến ngồi trên trạc cây sấu vườn trước nhìn vào và không hiểu gì cả về “thế giới người lớn” ồn ào kia. Tôi nhớ mang máng là ít có “bóng hồng vào ra” trong những cuộc hội họp đó vì bà ngoại tôi, người đã từng trải và nghiêm túc, đứng chống một tay lên hông trông oai phong lắm liệt trên thềm cao nhà chính ngay kia. Sau này đi tu cạo đầu mặc đồ nâu sồng, bà mới bỏ dáng điệu con nhà võ - bà là con gái một võ quan miền Quảng Nam được bổ nhiệm tới huyện Cẩm Giàng này. Bố bà phụ tá cho một quan văn cùng quê nên sau này hai bên gả con nhau, tạo ra một chi Nguyễn-Tường mới trụ tại miền Bắc, sinh sôi nẩy

nở ra một lô con cháu ở nội địa và ở ngoại quốc sau này.

Bên kia con đường dẫn vào nhà chính và thẳng góc với nhà khách là “nhà ngang” ba gian, dĩ nhiên không khang trang và mỹ thuật như nhà khách vì là nơi ở của người làm và lũ cháu đông đảo trong dịp giỗ và tết - bà tôi cho dọn mọi đồ đạc ra ngoài, trải một lớp rơm dày và sạch trên trải chiếu, mỗi gian một gia đình và cấm lũ cháu không được vào trước khi trời tối vì lũ cháu thành phố thường chui xuống dưới chiếu nghịch phá tan tành ổ rơm. Chính ở nơi này tôi lần đầu tiên khám phá ra sự tái sinh màu nhiệm của cây cỏ: trong túi tôi có lẫn ít hạt thóc vì nhảy vào sân phơi thóc, mẹ tôi bắt vớt đi. Tôi dốc túi vào rãnh trước cửa nhà và quên đi cho đến sáng hôm chót thời gian cư trú Cẩm Giàng, tôi ngạc nhiên và mê say sự mơn mớn của những cây thóc non mới mọc, đến độ vớt ít cây từ bùn rãnh nước, nâng niu trên xe lửa mang về Hà Nội.

Con đường xi-măng chia nhà khách ở bên phải, nhìn từ cổng vào, bên trái là một sân cỏ, sân bà tôi trồng một thứ cỏ thấp, thường bị dẫm nát bởi các cầu thủ tí hon tranh nhau đá một thứ tròn tròn nào đó - trong thời đệ nhị thế chiến không nhập cảng được những trái banh thứ thật. Có buổi sáng được phát xôi ăn sáng trên bãi cỏ, một ông anh họ phát minh sáng kiến vo tròn nắm xôi lại dùng làm bi bắn chơi với nhau. Khi người lớn trông thấy hét lên, một cậu vội phi tang hòn bi bằng cách đưa ngay lên miệng ăn nhồm nhoàm; tôi thì khá hơn: phui bột đất và cỏ rồi mới bắt đầu ăn ... Sát thềm tòa nhà chính, bà tôi mới đầu trồng một cây trúc đào lá thuôn cứng hoa màu hồng đào rực rỡ, sau vì nghe nói lá trúc đào rất độc, sợ lũ cháu cái gì cũng nhắm cũng ăn thử, bà cho chặt đi, thay thế bằng một cây liễu rủ rất quen thuộc cho chi thứ năm Nguyễn thị Thế (mẹ của Duy Lam và Thế Uyên) và chi thứ sáu Thạch Lam.

Bên trái tòa nhà chính là sân phơi thóc lát gạch đỏ vuông vức

có bày một máy quạt lúa có trục quay tay khá nhậy, làm bằng gỗ là chính. Gần đó là một đồng hình chóp nhọn nhụy mời gọi, tôi lập tức nhảy lên chơi trước khi chị Sập, người làm, kêu lên can “đừng!” vì đó là một đồng phân đang ủ cho khoai: “phọt, phọt!” cả hai chân tôi đã ngập trong phân...Chị Sập vội giơ hai tay dang rộng bế tôi lên, cứu nguy. Dĩ nhiên sau đó phải tốn hơi nhiều công sức tẩy uế, mới đưa tôi về tình trạng có thể chạy chơi được và điều đầu tiên là loan báo các bạn đồng lứa về cái “bẫy nguy hiểm” trong sân. Không ngại mùi hôi, lũ trẻ xúm xít coi chị Sập đang dùng bùn trát lại cho nguyên vẹn hình chóp.

Bà tôi đuổi ma như thế nào: Chị Sập không những chỉ là bạn cứu nguy tôi trong trường hợp vừa kể, mà còn là người hay công, bế tôi đi coi chèo ở trên huyện hay đâu đó. Các cô người làm trẻ, không cứ của trại Cẩm Giàng mà còn của bố mẹ tôi, hay bế hay công tôi đi coi hát chèo vọng cổ... ở các nơi hơi xa. Tôi coi mà có hiểu gì đâu, chỉ thấy chiêng trống um xùm trong tiếng hét tiếng khóc - lớn lên tôi mới phỏng đoán các cô “mượn” tôi làm một thứ *baby-sitter, escort*...cho các cô đỡ bị con trai chòng ghẹo!.

Lần đó không hiểu sao bà chỉ gọi mẹ tôi về Trại gấp đến nỗi phải đi chuyển tàu chiều, về đến nơi Trại đã tối đen, không phải là tối thường mà là tối đen xì đen ngòm. Phòng ngủ của bà ngoại chỉ có một đèn dầu nhỏ soi mờ mờ chiếc giường trải nệm trắng. Bà ngồi trên giường và lũ con cháu xúm xít trên chung quanh: lũ chúng tôi không chịu về ngay phòng ngủ như thường lệ. Bà sắp kể truyện ma, mà lại là ma đang viếng nhà bà, làm sao ngủ ! Lần này không có mục chân co lên giường vì sợ, chúng tôi vẫn phải ngồi trên sàn đá hoa vì lệnh cấm không được leo lên làm bẩn tấm drap trắng vẫn duy trì, thậm chí sờ một cái cũng không được. Bằng một giọng lúc bổng lúc trầm, bà kể không biết có một bầy ma ở đâu không biết, lạc lõng đến quấy phá hàng đêm không cho bà ngủ, cứ chạy đuổi nhau trên trần ầm ầm. Bà đã hai lần nhờ

anh người làm to khỏe leo lên thang, mở miếng vuông dẫn lên trên trần, soi đèn pin tứ tung, nhưng không thấy gì. Im vắng được một lát, rồi khi anh Dự người làm xuống nhà dưới đi ngủ, mọi sự lại âm ỉ. Gọi chị Sập lên ngồi canh, vô ích, lũ ma này coi bộ không sợ đàn bà con gái... Sau cùng bà phải gọi một ông thầy bói nổi tiếng trong vùng tới xem sao, và đúng như một tục ngữ: *bói ra ma, quét nhà ra rác*, ông thầy phán: đúng là có một lũ ma đói *homeless* mới đến cư ngụ căn nhà này, phải mời *thầy pháp* đến thôi. Mời thì mời, dễ thôi... Ngày mai sẽ lập đàn cúng kiếng cho thầy pháp trở tài bắt quỷ đuổi ma.

Không biết có phải sợ thầy không đủ cao tay, ma quỷ sống ra bắt nạt người sống, bà cho gọi mẹ tôi về gấp. Mẹ tôi vốn cứng bóng vía có tiếng. Bà không gọi các chú các bác vì sợ các con trai cười cho, còn mẹ tôi là con gái, kể gì... Theo truyền thống, truyện ma quái thầy bói thầy pháp...vẫn là truyện của đàn bà con trẻ.

Tôi không nhớ nổi các chi tiết cụ thể, chỉ biết mọi sự được tổ chức tại căn phòng đối đầu với phòng khách của các ông, đèn nền sáng trưng chuông trống âm ỉ, như vậy chưa đủ, thầy pháp còn có thể giơ lên cao một trống nhỏ, đánh nhịp điệu đuổi quỷ, chắc thế, nghe không vui như tiếng trống giao thừa của bố tôi đánh trên thềm hiên cao. Ông thầy mặc áo the đen, tay giơ bắt quyết, miệng đọc những lời không biết tiếng *mã tà ma ní* chi đó, thỉnh thoảng lại bắt quyết trên đầu con đồng là chị Sập đầu phủ kín một làn the đỏ, trông cũng bí mật lắm. Đến một lúc nào đó chị bắt đầu quay đầu, trước nhẹ nhẹ sau nhanh dần. Mọi người chung quanh xì xào: *đồng nhập rồi, đồng nhập rồi!* Không khí nghiêm trọng: đã bắt được ma nhập vào chị Sập rồi, từ đó ông thầy pháp đọc thần chú không ai hiểu, chị Sập trả lời ú ớ u ơ... cũng không ai hiểu nốt, cả hai cứ như thế cho đến khi con đồng trắng, miếng the đỏ phủ được bỏ đi, và chị Sập được bồi dưỡng giải lao.

Sau đêm thầy pháp điều đình với ma như thế, về sau không thấy bà tôi than phiền gì nữa về truyện ma quỷ trên trần nhà nữa. Đừng ai hỏi tôi tại sao. Vì tôi không biết, thật thế. Trước khi Pasteur dùng kính hiển vi thô sơ nhìn thấy nhiều vi trùng lớn nhỏ bơi lội thoải mái trong một giọt nước, không ai ngờ là có chúng. Mắt chúng ta không trông thấy một sự vật gì, đừng vội khẳng định là không có...

*

Bên cạnh tòa nhà chính là một sân gạch, bên cạnh có một cây xương rồng to bự, vào mùa hoa nở màu vàng sậm thơm lừng cả khu vực. Người lớn bảo những loài rắn độc rất mê mùi hoa cây này, lại gần phải coi chừng. Tôi đón đến lại gần, chỉ thấy những chú thằn lằn xanh lè xông ra, ngóc đầu lên nhìn tôi đe dọa. Thế cũng dễ sợ rồi cho chú bé là tôi. Ở đầu sân gạch là một cây mít quả lắc liu bám vào thân cây, thân chính có cột một tàu cau khô dẫn nước mưa chảy vào một chum nước. Lần nào về trại, tôi cũng ghé thăm chum nước mưa này, ngấm mấy chú cung quăng bơi lội tứ tung, dù thế người lớn vẫn khẳng định là nước sạch uống được. Có lẽ hồi nhỏ Nhất Linh cũng đã nghiêng đầu nhiều lần trên một chum nước như thế, thả vài hột muối trắng vào, coi chúng tan biến như chưa bao giờ có - như đời một con người trên mặt tinh cầu trái đất này.

Bà tôi xây một bếp đứng có thể đun một lúc nhiều nồi, kê một cái phản gỗ lớn để các bà ngồi làm cỗ. Phần nửa phía sau nhà chính là một bể lớn tích trữ nước mưa đủ dùng quanh năm, mở về phía trong nhà bếp cho an toàn người lấy nước về mùa mưa. Đi qua nhà bếp, một sân nhỏ, là đến hàng rào dâm bụt ngăn với vườn sau, là nơi làm việc của anh lực điền Dự, trụ sở chính là căn nhà tranh chứa cối và chày giã gạo. Đối với trẻ con thành phố, đây là một cơ quan hấp dẫn, tôi đã có lần quanh quẩn cả buổi tại đây, coi anh Dự đập chày xuống hố trước khi co chân lên cho

chày bổ xuống cối gạo một tiếng rõ to, chị Sập quì bên cối, xúc gạo lên. Cứ như thế đều đều. Đôi khi anh Dự chuyển sang một hoạt động hào hứng hơn, như “ăn ong” chẳng hạn. Đây là công tác đàn ông nguy hiểm nên bọn trẻ và chị Sập chỉ được đứng trong nhà giã gạo, ngoài tầm tấn công của đàn ong. Anh Dự làm một bó đuốc to quấn thêm rơm để tạo ra nhiều khói hơn, cời trần làn da nâu xỉ (tôi chưa có cơ hội thấy anh mặc áo), đốt đuốc leo lên một cây cau. Ong vàng bay ra bao lấy kẻ tấn công, anh Dự quơ đuốc xua ong. Sau cùng anh gỡ được tổ ong, tụt xuống mang vào cho “nàng” và lũ tôi coi. Anh mở toang tổ ong cho thấy mật đang chảy ứa ra, từng dãy ong non trắng lúc nhúc. Anh ra về không quan tâm tới “nàng” - chị Sập bây giờ phải gọi là nàng thôi - bất cứ phụ nữ nào đang yêu hay đang được yêu, đều phải gọi là “nàng” hết, bất kể tuổi tác xấu đẹp, đang quẹt vôi lên những chỗ ong chích.

Anh Dự mời bọn trẻ nếm thử mật ong vườn nhà, một vài ngón tay giơ ra, không có ngón nào của tôi, đến chiều anh Dự làm món ong non chiên giòn mời mọi người ăn thử, trong những bàn tay nhỏ nhón một con ăn thử và khen “cũng giòn đấy”, cũng vẫn không có tay nào của tôi: tôi không bạo ăn bạo uống như nhiều người. Những món như ba ba, mỗi chúa nuốt tươi, càng bọ cạp nướng, chuột ướp ngũ vị hương, rượu trộn máu đuôi rắn độc... tôi đều không biết ăn dù vào lúc đói dài người, đói kinh niên mãn tính trong các trại cải tạo tập trung của chế độ xã hội chủ nghĩa VN. Một chuyến về trại Cẩm Giàng về sau, chỉ thấy một con chó vện thay cho con Mực ra đón sữa nhặng xỉ và những người làm mới. Bà tôi cho biết anh Dự lấy chị Sập (có lẽ tên đúng là Thập, tôi nói ngọng thành Sập chẳng), đôi trẻ xin về quê đẻ con, sau đó không trở lại làm nữa. Anh chị đã tan biến mất tích vào cái đồng bằng nhân mãn thường xuyên nghèo và đói từ ngàn đời. Nhưng hai người đó được lấy nhau và sinh con đẻ cái, là một truyện tình có hậu hân hoi, và như thế “cũng tốt thôi”...

Miêu tả trại Cẩm Giàng như thế là quên một “nhân vật” quan trọng: đó là cái ao dài cách nhà khách một khoảng vườn nhiều hoa, nhiều nhất là hồng, sồi, ngâu. Ao người ta thường tròn, ao bà đào dài sát bờ tre, lấy nhiều đất làm các nền nhà nên chứa được nhiều nước tắm giặt, và bơi tùm tùm cho lũ cháu. Một lối đi lát gạch, từ giữa nhà khách ra bờ ao có làm các bậc gạch cho dễ lên xuống, và chính lối đi này đã dụ một cô bé con của Nhất Linh chập chững đi theo và rớt tòm xuống, chết ở ao nhà. Lâu lắm rồi, tôi chỉ nghe kể lại. Tháng giêng năm 1955, đứng trên bậc thềm toa xe lửa đưa tôi vào Nam, kẻ cuối cùng của một giòng họ đông đảo di cư vào Nam, khi qua vùng Trại Cẩm Giàng, tôi cố nhìn kỹ nhưng không thấy trại năm xưa đâu hết. Chiến tranh, cách mạng đủ loại đã quét hết, nhà cửa cũng như cây cối. Đứng nghiêng hẳn người ra khỏi toa xe, cố nhìn, tôi chỉ thoáng thấy vết tích duy nhất là cái ao dài. Còn lại bao nhiêu trở thành ruộng hết.

Xưa kia, lâu lắm rồi, có một bà góa trẻ và nghèo nhưng quyết tâm nuôi đàn con ăn và học cho thành tài. Và không những thành tài về học vấn mà còn thành danh về văn học nữa: những Nhất Linh, Hoàng Đạo, Nguyễn thị Thế, Thạch Lam, Tường Bách là con của bà, những Tường Hùng, Nguyễn tường Thiết, Nguyễn tường Giang, Duy Lam, Thế Uyên, Đặng Thờ Thờ là những cháu nội và ngoại của bà. Khi còn nghèo phải thức khuya dậy sớm kiếm tiền nuôi các con, bà có một lời nguyện: khi nào có đủ tiền sẽ mua đất làm nhà tí ngoài xa để không ai chắn gió đồng nội của mình. Quả thực bà đã thực hiện được giấc mộng ấy, nhưng rồi bây giờ, lúc này đây, gió đồng nội lại vì vụ thối trên phần ruộng đất xưa là trại Cẩm Giàng của bà. Ruộng đất lại trở thành ruộng đất như xưa.

Thế Uyên

BÀ NỘI VÀ TRẠI CẨM GIÀNG

Tường Nhung

*Bà Nội tôi, thân mẫu bảy anh chị em Nguyễn Tường
và Trại Cẩm Giàng*



Tác giả dưới bảng
đường Thạch Lam tại
Cẩm Giàng

*(Lời tòa soạn: Cuốn
sách hồng "Hạt Ngọc"
tác giả Thạch Lam để
tặng hai con Nhung và
Đăng. Nhung chính là
tác giả bài hồi ký này.)*

Sau đám tang bố tôi là nhà văn Thạch Lam vài tháng bà nội tôi cho người lên Hà Nội đón mẹ và ba chị em chúng tôi về trại Cẩm Giàng. Trại rộng hai mẫu tây, kang trang, nằm cách ga tàu hỏa khoảng hơn cây số. Hai cánh cổng chính của trại khá to, sơn màu xanh, dàn hoa ti-muội màu hồng nhạt leo chung quanh. Chị em chúng tôi thích bám vào cánh cổng rồi đu qua đu lại rất thích thú, nhưng nếu chẳng may bị bà hay mẹ bắt gặp thế nào cũng bị mắng một trận. Căn trại được thiết lập khi người con cả đã tốt nghiệp ra đi làm thầy giáo, gửi tiền về giúp đỡ mẹ, lại thêm việc cần gạo ngày càng phát triển, cùng lúc đó bà được bên họ Lê của bà giúp cho một số tiền để dựng nhà khi bà đã có được hai mẫu tây đất do một con nợ gán để trừ nợ. Bà bắt đầu xây dựng trên miếng đất một căn nhà lợp mái tranh, tuy nhỏ nhưng thoáng mát, khai thác trồng cây, trồng hoa, ngăn đất mé sau chừa khoảng hai sào để cấy lúa lấy gạo đủ ăn quanh năm.

Chỉ một thời gian ngắn trang trại hai mẫu tây đã có một tòa nhà gạch kang trang nằm ngay chính giữa, có một nhà ngang có dàn hoa ti-gôn leo bám theo lan-can chung quanh cửa mở ra bốn phía gọi là Nhà Ánh Sáng. Từ cổng đi qua một con đường hai bên có những hàng cây như tường-vy, hoa dâm-bụt, hoa mẫu-đơn v...v. nhìn thẳng vào thấy ngay tòa nhà gạch có bậc thang bước lên thềm, hành lang chạy theo chiều ngang của cả tòa nhà. Hành lang trang trí bằng hai con voi màu xanh nhạt, bốn cái ghế bằng gỗ mun trạm hình hoa hồng, cành lá v...v. Mành cửa làm bằng những ống trúc cắt ngắn gắn vào dây sơn nhiều màu, mỗi lần vén qua phát ra tiếng trúc chạm nhau nghe cũng vui tai. Thỉnh thoảng tôi lấy tay vuốt nhẹ để được nghe âm thanh rổn rảng, nhưng nếu bắt gặp cũng bị mắng vài câu.

Nhà chia làm ba gian. Gian giữa có cái sập gụ màu đen bóng, kê sát tường, trên sập có cái tủ bề ngang dài bằng sập gọi là tủ chè, thường để mấy thứ như chuông, mõ, mấy cuốn kinh phật,

bộ ấm trà, rượu ngọt, mấy hộp chè tàu như Thiết Quan Âm v...v...
Chung quanh sập trạm trở hình những con sóc leo dây, hay hình
sần sùi như quả mướp đắng v...v.

Tôi có phận sự hai ngày một lần phải chùi bụi ở tủ, và những
hình trạm trở của sập, một công việc mà tôi ghét nhất. Việc này
không phải dễ đâu: Này nhé! lấy cái khăn mỏng, nhỏ, thấm nước,
rồi túm lại một góc khăn vừa đủ để luồn qua từng lỗ hổng nhỏ
xíu, đưa qua đưa lại từng lần bé tí tẹo, đầu con sóc, đuôi con sóc
v...v.. mà một cái sập to như thế cũng mất vài ba giờ đồng hồ.
Nhưng không được làm dối đâu, phải chùi cho đến khi bóng
loáng. Lần nào tôi cũng vừa làm vừa khóc đấy.

Gian bên trái làm buồng thờ Tổ Tiên. Có nhiều bàn thờ, trên
đó có mấy ngọn đèn dầu leo lét. Dưới gầm tủ thờ, sáng lờ mờ, có
những vật dụng linh tinh, chắc để dùng đến khi cúng bái, tế lễ. Vì
vậy khiến gian buồng không còn chỗ trống, chỉ chừa vừa lối vào
để thắp hương mỗi ngày.

Mỗi buổi sáng tôi thay nước cúng đựng trong cái bát cổ màu
xanh nhạt viền vàng trên miệng. Nước mưa lấy ở trong chum, có
con loăng quăng ngo ngoáy. Rồi còn phải hái hoa để cúng, mỗi
bàn một đĩa. Tôi rất sợ phải vào buồng thờ một mình vì vậy phải
năn nỉ cậu em kể đi cùng. Nhưng cũng có ngày cậu mãi chơi, tôi
sợ run... nhưng làm sao đây! Giường bà nội ngủ chỉ cách cái sập
một khoảng ngắn. Đầu giường có một cái bàn nhỏ, gần đấy có
một cái bàn hình chữ nhật cũng ngắn. Sau bức tường, qua phòng
rửa mặt là cái phòng xếp, bề dài bằng với nhà ngoài; bề ngang thì
hẹp. Đó là chỗ ngủ của bốn mẹ con chúng tôi. Phòng không có
giường, trải chiếu trên sàn để ngủ. Mùa đông thì rải ổ rơm nằm
cho ấm.

Cả một vườn mé sau lối ra ao trồng nhiều loại hoa khác nhau.
Tôi thích nhất hai cây hải-đường cao hơn cả đầu người, hoa màu

đỏ tía, lá dày màu xanh đậm. Sáng sáng tôi thường ra nhặt những
hoa rụng rồi để dành vào một cái giỏ mây. Những loài hoa có
hương thơm như hoa sồi, hoa ngâu, hoa trà được trồng trong
những chậu to bằng sứ trạm trở hình rồng phượng rất mỹ thuật
công phu, quanh năm bốn mùa lúc nào cũng có hoa nở. Bà còn
cho người đào ao chung quanh trại và trồng tre dọc theo bờ ao
để đề phòng trộm. Sau vườn hoa có một cái ao nhưng bà không
cho các cháu ra đó vì chị Thanh con gái bác Tam (nhà văn Nhất
Linh) đã bị chết đuối tại đó. Khu vườn phía trước cũng trồng
nhiều cây ăn quả xen kẽ, xum xuê, đặc biệt là cây khế ngọt, đến
mùa quả sai trĩu trĩu, cành xòa gần chạm mặt đất. Mỗi kỳ nghỉ
hè các anh chị con các bác từ Hà Nội về chơi, chúng tôi trải chiếu
xuống cùng nhau nằm ngửa mặt lấy tay vít cành rồi cứ thế cắn
từng miếng tranh nhau quả to quả bé cười rúc rích. Thật là cả
một thời thanh bình vô tư của tuổi trẻ. Tôi may mắn được sống
gần bà nội. Những hôm trời nắng dịu hai bà cháu cùng ra vườn
nhổ cỏ dại. Những lúc như vậy bà dạy bảo tôi, tôi chỉ biết vâng
nhưng thật ra tôi không thích nghe mấy mà trong đầu chỉ muốn
được cùng con bạn thân đi chơi hay ra xem hai em đánh đĩnh
đánh đáo. Khi nhớn lên mới cảm nhận và hiểu được nhờ sự dạy
dỗ của bà những điều thật quý và hữu dụng là hành-trang tôi
mang theo áp dụng suốt cuộc đời mình.



*Trại Cẩm Giàng và Bà Nội trước "tiêu thổ kháng chiến" 1946
(hình của Ng tường Giang)*

Bà Nội dáng người cao to, nước da trắng hồng, gò má hơi cao, đôi mắt sáng, sâu, trông như lai, toát ra một vẻ oai nghiêm cương nghị. Bà rất nghiêm khắc và ít khi cười. Nhưng khi bà cười thì nụ cười thật tươi, lộ hàm răng đen. Bà nói giọng Huế nghe hay hay và lạ. Có lần tôi hỏi bà, “Bà nói tiếng gì mà không giống tiếng người ở đây?” Tôi đã không bị mắng mà bà cười rồi nói, bà nói tiếng Huế vì bà là người Huế mà! và mắng yêu, “Con Nhung ngây thơ quá.”

Bà ăn uống cầu kỳ, kiểu cách. Bát ăn bằng men xanh trắng viền chỉ vàng, đĩa ngà, mâm bằng đồng thau sáng láng. Khi ăn phải từ tốn, thức ăn cũng phải sắp thứ tự, rau muống luộc để ra đĩa, cộng và lá không lẫn lộn, cắt ra làm hai, khi chấm chỉ vừa đụng vào nước chấm, cơm chỉ được xới một nửa bát, nếu xới đầy bà bảo, “Tôi đâu có phải thợ cấy!” Nếu vơi quá bà nói, “Tôi đâu đã chết mà xới cơm cúng!” Bà không bao giờ đánh mắng và rất yêu thương các cháu, nhưng tôi rất sợ bà, nhất là khi phải ngồi ăn cơm chung với bà. Bà dạy bảo từng tí một: con gái phải nhai nhỏ nhẹ, không được làm vãi cơm, không được nói to, không được và miến to v...v...

Bà rất kỹ trong việc cúng giỗ. Hàng năm ngoài ba ngày Tết, có ngày giỗ cụ Huyện bà, thân sinh ra ông nội (cụ Thông Nhu, phu quân của bà nội) vào ngày mùng năm tháng giêng. Giỗ ông nội (cụ Thông Nhu) vào ngày 23 tháng mười. Giỗ cụ Huyện bà thì chỉ cúng xôi chè hoa quả, không mời khách và cũng không có các bác ở Hà Nội về. Trái lại ngày giỗ chồng của bà nội, tức cụ Thông Nhu (ông nội tôi), thì linh đình, phải mổ hai con lợn, chục con gà, vịt. Ngày 22 cúng tiên-thường mời những chức sắc trong làng như Tiên Chỉ, Lý Trưởng, Chánh Tổng và những người mướn ruộng, vay tiền, vay thóc. Khách mời chia ra làm hai thành phần rõ ràng: Thành phần con nợ đến ăn khi về còn được mỗi người

một phần như thịt lợn, xôi đem về. Ngày giỗ chính thì chỉ các con, cháu và họ hàng tham dự.

Bà rất kiên cường, thật giỏi, can đảm. Ông nội mất ở bên Lào từ thập niên 1920, thời đó phương tiện đi lại, nhất là sang tận bên Lào còn rất khó khăn, bà thuê người và ngựa đi xuyên qua rừng, qua đèo để đem ông về an táng tại làng Trữ-La bên kia đường tàu hỏa trước cổng trại.

Cuộc sống của bà nội khá vất vả. Khi ông mất bà còn rất trẻ, chưa tới 40. Một tay bà phải chăm sóc mẹ chồng và bảy người con còn niên thiếu mà vốn liếng chỉ là một tiệm tạp hóa nhỏ, bán những thứ lặt vặt như kim chỉ, muối, đường, diêm, nến, vài lọ kẹo bột, kẹo gừng v...v... lời lỗ chẳng được bao nhiêu. Nhưng nhờ vào việc cần gạo, cứ mỗi sáng sớm tinh mơ, những dân ở các làng lân cận đem gạo lên bán, từng gánh hoặc thúng có khi chỉ mười đấu đựng trong cái bị đan bằng cói. Bà gom mua lại để bán lẻ, khách hàng là những gia đình nghèo sống rải rác quanh phố chợ. Nhờ tài quán xuyến bà đã cho các con ăn học. Đầu tiên là người con cả tốt nghiệp ra đi làm thầy giáo khi tuổi có khi còn nhỏ hơn học trò (học trò miền quê thời đó nhiều khi đi học muộn), gửi tiền về giúp đỡ mẹ. Liên tiếp sau đó, vì nhà nghèo, năm em trai tiếp tục học nhảy lớp, kể cả bố tôi, để đi làm giúp đỡ mẹ.

Sau này, khi các con trai đã thành danh, bà xuống tóc xuất gia cửa Phật và ít khi về lại trại. Kể từ đó cửa nhà trên khóa lại, mấy mẹ con chúng tôi dọn xuống căn Nhà Ánh Sáng. Tôi mừng lắm vì không phải lau chùi hình mấy con sóc khắc chung quanh sập gu nữa. Thỉnh thoảng bà về, tối tối bà tụng kinh tôi ngồi một bên để phe phẩy quạt cho bà, và đọc truyện cho bà nghe như những truyện Tam quốc, Thủy hử v...v.

*

Đột nhiên một đêm tối trời, tiếng la hét cùng ngọn lửa cháy bùng sáng rực cả một vùng ngoài phố huyện. Tôi bị U già lay dậy, tiếng U hốt hoảng – dậy, dậy đi – tôi còn đang ngơ ngác chẳng biết chuyện gì, thấy U đang lượm mớ áo quần nhét vào trong cái nôi to bên chiếc quang gánh, còn bên kia em út tôi độ ba tuổi đã ngồi lọt thỏm trong chiếc thúng. U và mẹ tôi trao đổi vài câu gì đó, sau đó mẹ tôi dắt tay tôi và cậu em kể cùng U với quang gánh chạy ra ngoài phố chợ nơi đang cháy, đám đông hỗn độn, tiếng người gọi bảo nhau ới ới. Gia đình tôi theo số đông người đi về phía làng Lang-Tài làng này khá khang trang, đường lát gạch, nhà gói xen lẫn nhà lá nhưng có vẻ khá trù phú. Gia đình chúng tôi cứ bám theo nhóm người xông vào làng rồi mạnh ai tự tìm đại một nhà nào đó xin ở tạm. Tôi không biết đã có sự xung đột giữa người làng và nhóm tản cư hay không vì sau thời gian ngắn gia đình tôi đã rời qua một làng khác về phía mạn ngược. Trú ngụ tại làng này để nghe ngóng tin tức của phố chợ, nhưng không may, một hôm đã bị lính Tây đến càn quét. Căn nhà chúng tôi đang ở đã bị Tây đốt cháy. Cũng may, trước khi lính Tây đến đã được báo động bằng mõ làng (thời đó thường gọi là “thằng mõ”) rêu rao - ới bà con nhanh nhanh chạy ra khỏi làng vì lính Tây sắp đến, sắp đến! Sau khi lính Tây rút khỏi chúng tôi trở lại nhà thì chỉ còn đồng tro tàn (Mất hết ảnh gia đình trong đó có ảnh của bố tôi).

Tôi không hiểu sao lúc chạy khỏi trại chỉ vợ với mấy mớ áo quần mà Mẹ tôi lại còn đem theo được một số ảnh? Tôi nhớ rất rõ vì tôi hay đem ảnh ra xem, trong đó có ảnh tôi đứng vin cành liễu bên cạnh Hồ Tây, Hà Nội, nhìn rõ cả cái cầu bắc ra mé hồ và ánh nước. Ngay chỗ cầu này một lần ra chơi tôi đã ngã tùm xuống nước tưởng đã chết đuối tại đấy. Rời khỏi làng này mẹ con tôi lại dắt díu nhau đi về phía mạn ngược theo lời chỉ dẫn của dân địa phương. Lần này lên tận Nhã-Nam thuộc huyện Yên-Thế, nơi nổi tiếng xưa kia có chiến khu chống Pháp của cụ Đề Thám. Nhã Nam

là một thị trấn có nhiều cửa hàng buôn bán rất sầm uất nhộn nhịp, ở đây Mẹ tôi gặp chú Bằng Bá Lân, thi sĩ, và nhạc sĩ Phạm Duy luôn đeo cây đàn ngang bụng. Nhã Nam không ở lâu được vì là nơi buôn bán nhà cửa bận rộn, chúng tôi lại phải một lần nữa đi sâu vào trong một xóm cách Nhã Nam khoảng 5, 7 cây số tên gọi Xóm-Đĩa. Đây là xóm người Kinh (người Kinh là người mình, tên gọi thời ấy) cuối cùng sinh sống, một xóm rất nghèo, chỉ có khoảng mười căn, phần đông đều lợp bằng lá, và sống bằng ruộng nương nhưng là ruộng thuê lại gọi là cấy rẽ. Sau mỗi mùa, tơi vạ gặt chủ ruộng cho người đến gom thóc, bao công lao cực khổ cả năm giờ chỉ còn lại mớ thóc ăn dè sẻn, hà tiện mới đủ đến vụ lúa sang năm. Năm nào trúng mùa những khuôn mặt dậm nắng mới điểm tí tươi vui, còn những năm thất thu thì kỳ kèo tranh cãi, dằng co kéo lại từng đấu thóc một giữa chủ và thợ. Một cảnh tượng thật đau lòng rơi nước mắt. Chỉ biết đứng nhìn theo từng thùng, từng thúng gánh đi... trong ánh mắt họ dấy lên niềm đau xót, đôi lúc buồn hơn cả khi có họ hàng xa qua đời. Khi đến Xóm-Đĩa vài nhà quanh xóm cũng đã có mấy người tản cư tá túc. Chúng tôi được chủ nhà tên Nhâm cho ở nhờ. Ông cho dọn dẹp cho chúng tôi ở nhờ trong cái kho nhỏ, thường để chứa những dụng cụ nhà nông như cuốc, xẻng, cày, bừa, dao liềm v...v.. và chỗ nằm của con vện đen. Cái kho lợp bằng rạ, vách trát bùn trộn rơm đã cũ, vách có nhiều lỗ thủng, cửa là cái phen đan bằng nứa có gắn một thanh tre để chống lên chống xuống. Bên trong, vện vện chỉ có một cái giường bằng gỗ vừa đủ cho bốn mẹ con nằm, bên cạnh giường kê ba hòn gạch chụm lại gọi là ông đồ bếp (theo ngôn ngữ lúc đó) để thổi nấu. Tắm rửa hàng ngày thì ra ngoài ao. Nước uống và nước thổi cơm thì phải vào tận cuối xóm gánh về; cả xóm đều dùng nước giếng ấy.

Xóm này không có chợ mà chỉ có vài nhà họ trồng rau quả rồi sáng sáng hái đem ra ngồi trên ngã ba đường bán cho những người quanh đó, chỉ một loáng là đã bán hết. Thịt cá thì rất hiếm.

Mẹ tôi có đem theo được một ít tiền nhờ vậy những năm đầu vẫn được ăn cơm với tí rau, ít thịt cá. Khi hết tiền mẹ bán cái dây đeo cổ, rồi cuối cùng là cái áo trấn thủ làm bằng bông. Cái áo cũng đã vào mồm hết rồi, làm sao đây? Mẹ sắp xếp cho tôi theo mấy cô trong xóm đi buôn cà chua và xu hào, mỗi tuần hai phiên chợ ngoài thị trấn Nhã Nam. Phải dậy từ sáng tinh mơ vào vườn cà chua hoặc xu hào họ đã hái sẵn rồi tùy sức của mỗi người gánh được nhiều hay ít. Tôi ít tuổi nhất nhưng cũng nhờ phải gánh nước mỗi ngày vai đã quen vì vậy tuy không gánh được nhiều như mấy cô kia, nhưng tiền lãi cũng tạm để mua gạo có cơm trộn khoai hay sắn. Các em thì vào rừng nhặt củi khô và nắm hạt dẻ. Năm này nấu có chất ngọt thơm khi ăn vào rất độc (lúc đói quá thì dù chất độc cũng chẳng sao!) Mẹ tôi thấy tôi quá vất vả mà chẳng kiếm được bao nhiêu; và chủ nhà cũng thương tình tôi nghiệp, họ khuyên nên làm hàng sáo, và cho mượn toàn bộ đồ nghề như cối xay lúa, cối giã gạo, nong, sàng v...v... Họ còn giới thiệu cho một nhà để mua chịu thóc, mỗi lần bán gạo xong mới đem tiền đến trả lại, rồi lại mua chịu thóc. Cứ tiếp tục như vậy. Lúc mới đầu chưa quen, tôi và mẹ tôi hơi vất vả luống cuống. Hai mẹ con tay cầm chung vào cái cán dài của cái cối đẩy theo hình tròn để những hạt gạo trắng ngần rót ra khỏi trấu, rồi sàng để chia gạo và trấu ra, xong bỏ vào cối giã. Thân cối làm bằng gỗ, dính vào đầu cối là một khúc gỗ hình cái chày, cái cối làm bằng đá chôn sâu xuống đất. Bỏ gạo vào đấy, khi giã đứng trên thân cối đập mạnh bằng chân cứ thế chiếc cần nhích lên xuống. Hai mẹ con thật vất vả mới giã xong được. Khi mỗi chân quá nhờ hai cậu em giã phụ nhưng chỉ vài phút sau là bỏ đi chơi. Cũng may là phiên chợ chỉ có hai tuần một lần. Tiền bán gạo vừa đủ trả tiền thóc; lại được tẩm để ăn, cám bán lấy tiền mua rau, muối, tương, cà. Nếu được thóc tốt thì thừa ra một ít gạo. Những lần như vậy mấy mẹ con mừng lắm, nhưng cũng phải dọn thêm khoai hoặc sắn. Khi mùa gặt đến chúng tôi đi mót lúa. Đôi khi gặp

được những chủ ruộng tốt bụng, thấy tội nghiệp họ chừa cho một khoảng. Thỉnh thoảng tôi đi theo mấy đứa đi hôi cá. Khi chủ họ tát ao để bắt cá bán, họ bắt hết những con cá to xong họ mới cho xuống. Trước đó cả đám đông người nhón và trẻ con đã chờ sẵn trên bờ. Khi được chủ cho xuống họ chen lấn nhào xuống ào ào trong vũng bùn lầy lội tranh cãi nhau. Tôi cũng nhảy theo họ nhưng không quen, chẳng bắt được con nào, mấy đứa bạn thấy vậy chia lại cho tôi những con bé tí tẹo đem về kho với tương. Hôm đó mấy mẹ con chúng tôi đã có một bữa ăn như là bữa tiệc. Tuy có cá nhưng cơm vẫn bị hạn chế. Từ khi mẹ hết tiền chưa hôm nào được ăn no và được ăn không dọn. Thịt lợn, thịt bò thì xa lánh hẳn, gặp mùa gà bị toi là lúc mới thấy mùi gà. Khi gà bị bệnh chủ gà chữa mãi, cho gà ăn tỏi, uống thuốc; phải chờ đến khi "hết thuốc chữa", nghĩa là gà tím bầm lẫn cu lơ ra, chủ mới chịu đầu hàng, lúc đó mới phân chia cho lối xóm; chúng tôi cũng được một phần.

Ngày tháng vẫn trôi qua Mẹ tôi không dám tự mình hỏi cư vì mịt mù tin tức, sợ Tây bắt. Thấm thoát đã gần ba năm, chị em chúng tôi mỗi người chỉ có hai bộ áo quần đã rách tả tơi. Quần của tôi thì toàn là miếng vá. Những con rận chung quanh cạp quần, đầu tóc đầy chấy. Lại bị bệnh sốt rét cách nhật; mỗi lần lên cơn sốt cả người rung lên bần bật phải nhờ hàng xóm lấy chiếu đắp lên người rồi lấy tay đè chặt. Cũng may, mẹ tôi có quen một anh con người bạn cũng từ Cẩm Giàng tản cư lên. Anh ta đem thuốc ký ninh cho tôi uống, một thứ thuốc đắng kinh người, ngấm vào từng kẽ răng mấy ngày sau mới hết. Cũng nhờ vậy tạm thời bệnh mới lui, nhưng đã để lại trên mặt tôi một màu xanh bủng.

Những buổi chiều tà, vệt nắng soi nghiêng trên những thửa ruộng trồng lạc, trồng đậu của gia đình. Đó là mảnh ruộng nhỏ vài sào được người địa phương cho để tự khai thác. Mỗi buổi

chiều mẹ và tôi thường ra ruộng để chăm sóc, bắt sâu, nhổ cỏ, vun đất và luôn tiện canh không bị trâu, bò dẫm đạp. Hai cậu em thường thì nhau chạy nhảy với mấy đứa trẻ cùng trang lứa. Cả một vùng đồng ruộng bao la. Sau bao ngày mong đợi trông chờ, giờ đây đã đến mùa thu hoạch. Năm nay lại được mùa, những dây lạc từng chùm nặng trĩu củ to và rắn chắc, những hột đậu cũng đầy no tròn. Từ ngày có đậu, lạc ăn thêm hai em khỏe ra và nhớn hăn lên. Một buổi chiều Mẹ con chúng tôi đang vui vẻ hái đậu, nhổ lạc; chợt có tiếng réo tên tôi. Giọng cô Tài – “Nhưng ơi! Có mấy bà này tìm mợ mày này!” Đi bên cô có hai người tuổi khoảng trung niên lạ mặt, nhìn cũng quê mùa. Đến bên ruộng bà nói chuyện với mẹ tôi. Bà cho biết được bà nội tôi thuê đi tìm mẹ con chúng tôi. Bà nói – cụ rất lo lắng vì từ khi chạy tản cư đã gần ba năm mấy mẹ con chúng tôi biệt vô âm tín, không một tin tức gì, không biết chúng tôi còn hay đã mất. Rồi bà kể lẽ là phải đi dò hỏi hết làng này sang làng khác gần nửa tháng mới tìm đến được đây. Trời đã xẩm tối, hai bà hẹn mẹ tôi ba ngày nữa sẽ trở lại đón. Đúng hẹn, một sáng tinh mơ trời mù sương, mẹ con chúng tôi từ già Xóm-Đĩa, từ già ông bà Nhâm chủ nhà và cô Tài em gái ông Nhâm. Cô nhớn hơn tôi vài tuổi và đã giúp đỡ tôi nhiều. Tôi cúi đầu chia tay. Không hiểu sao lúc đó trong tôi không cảm thấy mừng vui vì sắp được hồi cư đoàn tụ với bà nội và họ hàng mà còn có vẻ như lưu luyến chốn quê mùa nghèo khổ này. Nhìn lại cái kho mà chúng tôi đã ở đó chỉ với một bộ ván cũ, một cái chiếu đắp bốn mẹ con kéo qua kéo lại, mẹ ấm thì con rét và ngược lại, mấy cục gạch làm kiềng ở bếp trông trơ với đồng tro đã nguội, những vật vô tri mà sao giờ đây khiến lòng tôi nao nao, mất cay cay ướn. Nhìn thúng đậu còn nguyên trong vỏ, mùi hăng hắc chưa khô; những dây lạc còn thơm mùi của đất, những thứ thật quý giá với tôi giờ đây phải bỏ lại và tiếc chưa kịp ăn món chè đậu không đường. Con chó vện quần quýt chạy quanh vẫy vẫy đuôi về thân thiện. Tôi nghĩ nó vẫy đuôi để chào tạm biệt

tuy là chúng tôi đã chiếm mất chỗ ở của nó một thời gian cũng khá lâu. Nếu không có bà nội có thể tôi đã là một nữ cán bộ và các em có thể là bộ đội hay bệnh hoạn vui chơi nơi rừng thiêng nước độc này!

Chúng tôi rời xóm Đĩa qua một làng cách xa vài cây số. Mẹ tôi gửi lại tôi ở đây vì mẹ tôi ngại chưa biết trên đường về tình trạng như thế nào vì tôi là con gái lúc đó cũng đã mười bốn tuổi rồi. Thời gian đó lính Tây hay đi càn quét hăm hiếp nên đàn bà con gái rất sợ. Nhớ một lần lính Tây đã tiến gần đến xóm Đĩa, cả xóm báo động, mẹ tôi lấy nhọ nồi bôi lên mặt đen thui và các cô gái khác cũng làm vậy, tôi không biết bôi như vậy có tác dụng gì với lũ lính Tây, lính lê dương hay không khi chúng bắt được. May quá chúng lục soát một hồi rồi bỏ đi, không dám đi vào sâu hơn nữa, vì sau xóm này là một cái rừng khá rộng cây cối um tùm. Mỗi khi còi hú báo động có máy bay đến oanh tạc, cả xóm chạy vào rừng trú ẩn, hai cậu em và lũ trẻ trèo lên cây ngồi chễm trệ, không biết sợ hãi là gì.

Đưa hai em về trước trên đường đi cũng nguy hiểm, cậu em út tí nữa thì mất mạng trong lúc di chuyển qua sông. Khoảng một tuần sau đó mẹ tôi trở lên đón tôi về. Đi trên đường bên bờ ruộng. Ngày đi mỗi chân thì nghỉ, đêm đến tìm miếu hoang hay những cái chòi giữa ruộng của nhà nông làm chỗ họ nghỉ trưa. Sợ nhất là khi qua đồn bót Tây canh giữ, nhiều chỗ phải khom người hay bò rạp xuống đất luồn theo ẩn mình lẫn vào ruộng lúa hay vườn ngô bắp.

Sau vài ngày đêm từ chỗ tản cư (xóm Đĩa ở Nhã Nam) cũng may chúng tôi về đến Phố Chợ, Cẩm Giàng, nơi chốn cũ được an lành. Mẹ và tôi được một gia đình người quen cho ở nghỉ lại để chờ đáp tàu hỏa lên Hà Nội. Tôi đã được một bữa ăn cơm bằng gạo trắng không phải dọn khoai hay sắn, và vài món mà đã rất lâu mới thấy. Cơm nước xong tôi lăn quay ra ngủ một giấc dài

như chưa bao giờ được ngủ. Đang ngon giấc bỗng có tiếng người léo nhéo ngoài sân: “Nhưng ơi! Nhưng ơi tao đây, Nhưng đây!” Thì ra là tiếng con bạn thân cùng tên Nhung. Nó là con nuôi của mẹ tôi, chúng tôi thân nhau từ nhỏ, học cùng tiểu học, trong khi nó vẫn sống chung với bà nội nó. Tôi vừa ló đầu ra nó chẳng nói chẳng rằng kéo tay tôi đi theo nó, vừa đi nó vừa nói: “Tao nghe mày về từ tối qua. Nhìn mày cũng nhớn ra đấy”. Nó ghé vào chợ mua hai cặp bánh dây kẹp chả, rồi bảo tôi đi theo nó. Tôi cứ lẻo đẻo đi theo, vừa đi vừa cắn miếng bánh, ôi sao mà ngon thế, mùi thịt lợn rán thơm lừng. Đọc theo đường tàu hỏa khoảng nửa giờ chúng tôi ngồi trên đường rầy trước một khoảng đất mênh mông nó hỏi tôi: “Mày có nhớ khoảng ruộng đất kia lúc trước là trại của bà mày không?” Rồi nó giơ tay chỉ về phía bên phải của trại. “Mày nhớ cái tường cao ở trước sân trường học để cho lũ con giai tập leo không?” Nhìn bức tường loang lổ còn sót lại, tôi mừng rỡ tưởng ngôi trường tiểu học bằng gạch ba gian, vài ba lớp học vài ba chục học sinh cả nam và nữ, giờ ra chơi chạy đuổi nhau đất bụi đỏ sân trường bay tung tóe. Bọn gái chúng tôi cũng tranh nhau nhặt quả bàng rụng từ trên một cây bàng cao to xum xuê lá, rồi lấy gạch đập vỡ lấy nhân bàng ăn bùi bùi chát chát. Tôi nghe như có tiếng cười đùa chạy đuổi nhau quanh đây. Từ chỗ ngồi trong lớp của tôi, xuyên qua cửa sổ tôi nhìn thấy bụi tre của trại, ngay bên là chỗ mấy mẹ con chúng tôi ngồi ăn cơm mỗi ngày. Tôi đã học vỡ lòng tại ngôi trường nhỏ thân yêu giờ đây đã thành vườn ruộng. Chợt tiếng tàu hỏa từ xa vọng lại, Nhung vội lôi tay tôi ra khỏi đường rầy, kéo tôi trở về thực tại. Tôi thật ngỡ ngàng không thể tin được. Một trang trại rộng lớn đẹp như thế tại sao bây giờ chỉ là bãi đất hoang. Không đợi tôi hỏi nó nói ngay, “Khi Việt Minh rút đi họ đã đốt, đập phá hủy tất cả những dinh thự họ gọi là tiêu thổ kháng chiến”. Nghe nói vậy tôi ngẩn ngơ vì không hiểu tại sao Việt Minh lại làm vậy. Phá mất đi một trang trại nổi tiếng là đẹp, những chuyến tàu chạy ngang trại nhiều người giờ

máy chụp ảnh, và tôi không còn được ở đây nữa. Hai tiếng Việt Minh đã gọi lại bao kỷ niệm mà lũ trẻ chúng tôi đã rất vui khi họ hiện diện trong phố chợ. Trước khi chạy tản cư, Phố Huyện hay gọi là Phố Chợ đời sống êm ả, đồng ruộng bao quanh. Xa xa qua một cái cầu nhỏ bên kia sông có Chùa Sen thuộc địa phận làng Sen. Đọc theo ngang khu phố là đường tàu hỏa Hà Nội - Hải Phòng ngày đêm vài chuyến chạy ngang qua. Mỗi khi có dấu báo hiệu tàu sắp vào ga hai cậu em vội chạy ra ngoài cổng trại để đợi nhặt hai mảnh sắt tròn họ gắn vào bờ thành của đường rầy khi tàu cán lên sẽ có một tiếng nổ như pháo, để báo hiệu là tàu đã tiến sát vào ga. Tôi thấy hai cậu em loay hoay đập đập gõ gõ miếng sắt mỏng tròn hình như để đánh đinh đánh đáo. Không biết ngoài ngôi trường tiểu học mà tôi học ở cạnh trại thì ở Cẩm Giàng còn có trường nào nữa không. Thầy dạy học lớp tôi là bố của Bích hiện ở gần chợ Phước Lộc Thọ ở Nam California. Sáng nay vừa gọi để hỏi thăm vài chuyện về Cẩm Giàng thì nó đang nằm nhà thương! Tôi gọi điện thoại cho “bà cụ” Ninh, người bạn thời tiểu học ở Cẩm Giàng cũng không liên lạc được.

Tôi hồi tưởng lại ngày còn ở trại Cẩm Giàng, một ngày nọ mới sáng sớm thiên hạ xôn xao bàn tán thì thầm hoang mang có vẻ như sắp có chuyện lạ xảy ra. Người người nhìn nhau như e dè vẻ lo sợ, không khí khác hẳn ngày thường. Khoảng trưa hôm đó nhiều tiếng súng nổ quanh khu phố. Chợt một đám thanh niên nữ tú y phục khác thường, đeo súng trên vai, từ đâu xuất hiện vừa đi vừa hô to những khẩu hiệu như: “Đả đảo việt gian bán nước! Đả đảo! Đả đảo cường hào ác bá!” v...v... Tiếng hô vang cả một phố chợ... rồi thẳng tiến hướng về trụ sở của huyện. Cả đám xông vào bên trong hô to: “Bắt cho được chúng nó!” Nó đây là ông quan huyện và những thành phần công chức đang làm việc cho chính phủ. Một lúc sau thấy có mấy người bị trói giết khuỷu tay bằng dây thừng, dẫn đi qua vòng phố chợ, vừa đi họ vừa bắc loa hô hào: “Đả đảo việt gian bán nước, hút máu nhân dân!” Cả

phố chợ ồn ào, nhiều nhà vội đóng cửa chỉ he hé theo dõi. Đám trẻ con bu theo. Chợt một vài người lên tiếng chỉ trỏ: “Ồ! Thăng A, con nhà Vạn đây mà”, thì ra nó là Việt Minh trong bóng tối. Và hai đứa con nhà mụ Trèo bán bánh đúc riêu bên cầu Kê Sắt nữa kia. Hôm nay tụi nó có đeo súng, mặt mày dương dương tự đắc, nghênh ngang. Thường ngày mấy đứa này lang thang áo quần bẩn thỉu lê la ăn bám mẹ. Không khí cả phố chợ mang vẻ mặt hoang mang, nhiều công chức làm việc công sở thấy vài người đã bị bắt đem đi xa họ đều trong tình trạng ngày đêm nơm nớp sợ hãi, thì thầm bàn tán, không biết tốt xấu ra sao với nhóm người gọi là Việt Minh này và tự hỏi Việt Minh là ai vậy?

Sau một thời gian xôn xao bàn tán, mọi sự trở lại bình thường vì ngoài những người bị bắt đi không thấy Việt Minh hành động gì thêm. Nhưng không lâu sau đó có một số người của phố huyện từ trước vẫn làm ăn buôn bán mà phần đông dân ở đây cũng quen biết đã ra mặt nắm giữ một số việc của Việt Minh giao phó. Dân Phố Chợ lại một phen xôn xao thì thầm, vì những thành phần này đã làm việc với Việt Minh trong bóng tối. Những gia đình khá giả lại một phen lo sợ không biết phải đối xử với họ ra sao nếu họ gây khó dễ. Phố Chợ lại một lần nữa hoang mang, vắng vẻ. Nghe nói có một số người tuổi trẻ đã bị thủ tiêu, trong số ấy có Nguyễn Xuân Cát, con trai của ông Trợ Tá làm việc trong huyện bị chôn sống. Thế rồi mọi việc cũng qua đi. Nhưng dân Phố Chợ lại mang một vẻ nhộn nhịp khác thường vì mỗi buổi sáng tất cả già trẻ nhớn bé theo sự khuyến cáo phải đứng ra ngay trước cửa nhà mình để tập thể dục theo những động tác họ hướng dẫn, người nào không làm theo là bị cảnh cáo. Ngay giữa Phố Chợ họ dựng một cột cờ khá cao treo lá cờ đỏ sao vàng. Mỗi buổi sáng sớm họ bắc loa kêu gọi mọi người phải đứng nghiêm tại chỗ để chào cờ, dù đang di chuyển cũng phải ngừng ngay tại đó.

Đám trẻ chúng tôi ngoài giờ học phải tập hợp để tập như bộ đội, một hai, quay trái, quay phải v...v... Mỗi đứa phải có một bộ áo quần màu nâu, dưới gấu có dây thắt lại, mũ chào mào cùng màu viền chỉ vàng quanh vành mũ, giày như giày ba-ta. Bộ y phục đó để khi tập ắc-ê. Tiểu đội chúng tôi gồm khoảng 9, 10 đứa: Tuất, Vi, Nhung, Thủy, Chắt, Ninh, Bích và tôi cũng tên Nhung; trong số đó tôi là người kém tuổi nhất. Hiện giờ trong số “thiếu nhi Việt Minh” đó có bốn đứa chúng tôi đang sống ở Mỹ: Tuất ở Sacramento, California, Bích ở Santa Anna, gần khu Phước Lộc Thọ của cộng đồng người Việt, Nhung ở San Jose, tất cả đều ở tiểu bang California, và tôi ở tiểu bang Virginia, miền Đông Hoa Kỳ.

Khi về Cẩm Giàng lần thứ nhì tôi đến thăm Ninh ở làng Kim Quan. Chắc chắn là không thể nhận ra nhau được, nhưng trí nhớ của “cụ” Ninh cũng còn tốt vì tôi hỏi có nhớ mấy đứa ngày xưa cùng học không thì Ninh nhắc đến Tuất và tên tôi, còn nói thêm Nhung cháu cụ Thông. Gặp lại Ninh đã gợi nhớ trong tôi những kỷ niệm thời sinh hoạt thiếu nhi của chúng tôi thật vui. Được học hát, học diễn kịch, để trình diễn, được giao phó những công tác như quyền góp gạo, đi đến từng nhà đưa cho chủ nhà một cái bị bằng cói có quai treo ở trong bếp để mỗi bữa thổi cơm bót ra một nắm gạo bỏ vào trong bị gọi là “ủng hộ địa phương”. Cứ khoảng ba hoặc năm ngày là chúng tôi đến lấy gạo về trụ sở giao lại cho họ. Tôi cũng được giao cho một cái bị nhưng tôi không làm theo cách họ bảo mà mỗi lần đến kỳ thu góp thì tôi bảo chú Duẩn quản gia bỏ gạo cho đầy bị rồi tôi mang nộp. Có nhiều nhà mấy ngày mà chỉ thu chưa được nửa đấu gạo, chắc họ nghèo quá.

Mỗi khi có chiến dịch gọi là tuần lễ vàng cả đoàn theo mấy anh chị nhớn hơn cầm loa đi khắp phố huyện kêu gọi dân chúng tham gia ủng hộ. Cả một vùng quanh phố nhộn nhịp, đèn đuốc sáng trưng, tiếng phóng thanh vang vang. Tôi được ủy ban chọn

(em bé 10 tuổi) đứng trên bục gỗ cao hô hào nói những lời đã được học thuộc. Dân chúng quanh phố huyện và cả dân thôn quê cũng kéo nhau đến để ủng hộ. Người người tấp nập xếp hàng, tôi thấy họ tháo chiếc nhẫn đang đeo bỏ vào cái thùng đóng kín để trên bàn. Không biết kết quả như thế nào, nhưng họ đã tạo được một khí thế bừng bừng như sẵn sàng lao vào cuộc khi cần đến. Đám trẻ chúng tôi vui sướng nhất vì không bị gia đình gò bó như trước, và được tham gia những công việc của người lớn, vì vậy rất lấy làm vinh dự.

Có một lần họ hô hào tất cả từ công chức, thương gia, dân chúng, học sinh phải ra ga để đón chào “bác hồ” trên đường đi sẽ dừng lại ít phút. Hàng lớp người đông nghịt nhưng hạn chế chỉ được đứng xa xa giơ tay vẫy. Thiếu nhi chúng tôi được xếp hàng sát bên toa tàu, riêng tôi được một thanh niên bế lên cao để chào đón “bác” vì “bác” vẫn ngồi trong toa, chỉ thấy nửa người giơ tay vẫy vẫy. “Bác” giơ tay sờ vào tóc của tôi nói gì thì tôi không nhớ, và với tuổi ngây thơ tôi cũng không thắc mắc bác là ai. Chỉ biết thuộc lòng “Ai yêu bác Hồ chí Minh hơn chúng em nhi đồng”. Mỗi chủ nhật là ngày học hát, tập lại những động tác như bộ đội mặc dù lúc đó chúng tôi đã nhuần nhuyễn. Mỗi khi gặp tiểu đội trưởng phải đứng lại hai chân chụm vào nhau giơ tay phải để ngay trán chỗ lông mày chào. Thỉnh thoảng sau khi tập xong có các anh lớn hơn dẫn đầu đi về phía trại của bà nội - chỗ gia đình tôi đang ở - dừng lại ngay trước cổng rồi bảo tất cả cùng hô to khẩu hiệu “Đả đảo Nguyễn Tường Tam! Đả đảo!” Tôi cũng hô theo họ nhưng không hiểu tại sao họ lại đả đảo bác tôi, mà bác lại không ở đây.

Hơn 70 năm sau cái đêm tối trời, với tiếng la hét cùng ngọn lửa cháy bùng sáng rực cả một vùng ngoài phố huyện, từ Hoa Kỳ, trở về lại Cẩm Giàng, gặp lại “con” bạn tiểu học cũ nay đã là “cụ Ninh”, tất cả những hồi ức, kỷ niệm từ rất xa xưa trở về. Căn trại

rộng lớn đẹp nhất vùng xưa cũ, rồi trở thành một vùng đất hoang cỏ mọc um tùm ngày tôi hồi cư từ Nhã Nam, nếu không có đường tàu hỏa làm dấu mốc thì không thể nhận ra. Bà Nội tôi đã một đời vất vả bôn ba, một tay bà đã gây dựng được một gia đình làm rạng danh cho dòng họ, những văn tài đã để lại cho những thế hệ nối tiếp. Tuy bà đã khoác áo nâu sòng nhưng vì thương những đứa cháu mồ côi cha cho nên bà vẫn bận tâm lo lắng. Chính bà nội đã bảo bọc mẹ tôi và bốn đứa cháu mồ côi là ba chị em tôi và người anh họ nhỏ hơn tôi 9 tuổi, Nguyễn Tường Tâm, con bác hai, Nguyễn Tường Cẩm, người đã bị Việt Minh bắt mang đi mất tích từ làng Phượng Dực, quê vợ ông Nhất Linh trong lúc họ đang truy tìm ông Nhất Linh.

Năm 1953 bà nội đích thân đến nhà ông Thám (Tổng giám đốc Bưu điện Việt Nam) để xin cho mẹ tôi một việc làm. Ông đã cho mẹ tôi vào làm công nhân, lương tuy thấp nhưng cũng đủ sống cả mấy mẹ con và lại có nhà ở hai buồng nhỏ, có bếp, bể chứa nước, trong cư xá Bưu điện đằng sau Nhà Hát Lớn, trước cửa Nhà Bác Cổ Hà Nội. Mẹ tôi vui lắm vì từ nay không phải bôn ba buồn tảo bán tần và đã có một chỗ ở của mình không phải nhờ vả vào họ hàng thân thích nữa. Sau này, vào thập niên 1970, gia đình ông Thám đã tới nhờ tôi giúp một việc quan trọng, tôi vui vẻ giúp tận tình. Mặc dù may mắn đã có dịp gọi là trả ơn gia đình ông Thám nhưng tôi vẫn luôn nhớ ơn ông.

Bà nội đã yên tâm về gia đình mấy mẹ con chúng tôi. Chỉ còn Tâm là bà nội còn phải bao bọc và cũng là người sống với bà ở số 58 Lý Thái Tổ, Sài Gòn. Chính tại căn nhà này, ông Nhất Linh đã có thời gian sống với bà nội cùng người cháu của bà gọi bà bằng bác, cho tới ngày bà qua đời năm 1961, chúng tôi gọi là chú Hùng, con cụ Quận Biên, em ruột bà nội. Tôi luôn nhớ về bà Nội và Cẩm Giàng cùng căn trại thời thơ ấu. Nhưng đất nước chia đôi, tôi chưa có dịp về thăm, dù rất muốn. Sau này từ Hoa Kỳ, mấy lần về

VN tôi về thăm Cẩm Giàng và thăm mộ hai cụ cố thân sinh của bà nội là cụ ông, cụ bà Lê Quang Thuật. Mộ cụ bà ở ngoài cánh đồng, chung quanh là ruộng. Mộ cụ ông ở khoảng đất trước kia thuộc dòng họ Lê-Quang, nay nằm trong khu vườn của một căn nhà to gần như một dinh thự. Nghe nói, khi chiếm khu đất này để xây nhà, chủ nhà định rời mộ đi vì không biết người thân ở đâu. Một đêm nọ họ nằm mơ thấy cụ báo mộng cho biết, không được rời đi thì cụ sẽ phù hộ cho làm ăn phát đạt. Và đúng như vậy, bây giờ gia đình này thuộc thành phần đại gia giàu có. Ngôi mộ cụ Tổ Lê Quang Thuật có vẻ hoang vu, cây cỏ bao quanh, muốn vào thăm phải gọi cửa chờ chủ nhà ra mở, vì cửa ở khá xa căn nhà, và xin vào thăm mộ. Chủ nhà rất vui vẻ, sẵn lòng giúp đỡ nhưng phải vạch qua những hàng cây tàn úa mới có thể đi vào dọn dẹp, thấp nhang. Bia mộ rêu phong, màu xám âm đạm. Lòng tôi dấy lên niềm đau xót... mơ hồ hình dung thừa xa xưa khi cụ Tổ với chức vụ quan Tổng Quân Lãnh Binh, hàm Tam Phẩm, đã oai phong lẫm liệt biết bao! Cụ từ Huế, nhận lệnh vua ra nhậm chức và lập nghiệp tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương này. Cũng tại nơi đây, ông nội các nhà văn Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, cũng từ Quảng Nam nhận lệnh vua ra làm quan Huyện. Như thế bà nội tôi họ Lê và ông nội tôi họ Nguyễn Tường đều là con quan, đã kết hợp với nhau và sinh ra thế hệ ba nhà văn Nguyễn Tường của Tự Lực Văn Đoàn tại đây. Chính vì vậy, ngày nay, người dân Cẩm Giàng đã có lý khi hãnh diện địa phương của họ là cái nôi của Tự Lực Văn Đoàn, và họ đã mở rộng vòng tay đón thân mật như trong gia đình mỗi khi có ai trong thế hệ tôi trở về thăm lại Cẩm Giàng.

Chính nhờ vậy, người dân Cẩm Giàng, kể cả những người đương quyền, đã giúp đỡ các anh chị con ông Nhất Linh tìm ra ngôi mộ của ông nội chúng tôi, giúp đỡ xây bia đá rất đẹp tại làng Trữ La. Lần thứ nhất từ Hoa Kỳ về lại VN, việc đầu tiên của tôi là ra nghĩa trang Yên Kỳ, thuộc Sơn Tây, cách Hà Nội khoảng ba giờ

đồng hồ bằng xe du lịch (nay tất cả đã nhập vào Hà Nội), thăm mộ bố mẹ tôi (ông bà Thạch Lam) rồi về Cẩm Giàng thăm mộ ông nội. Tôi được anh Ba quen với chị Thu, trưởng nữ của bác ba (ông Nhất Linh), hướng dẫn đến tận nơi. Về Cẩm Giàng, lần đầu tiên đứng dưới bảng đường với tên của bố mình "Đường Thạch Lam" tôi thật xúc động và hãnh diện. Khi về lại VN lần thứ nhì tôi đã liên lạc được với người chú họ, Lê Quang Tạo, đang sống ở An Lương. Trên đời có nhiều chuyện ly kỳ. Chú Tạo đối với thế hệ chúng tôi cũng có thể xem là gần vì chú là anh em cô cậu ruột với bố tôi. Thân phụ của chú là em ruột bà nội tôi, tên là Lê Quang Biên, thường được gọi là cụ Quận Biên, vì trước kia cụ làm quận trưởng quận Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Năm 1954, toàn thể họ hàng bên nội của tôi đều di cư vào Nam, và toàn thể họ hàng bên nội của chú (tức bên bà nội tôi) cũng đều di cư vào Nam. Nghe mấy người trong họ nói lý do chú ở lại vì cụ Quận Biên có ba dòng con và khá đông con trai mà mẹ của chú thuộc gia đình khá giả vì vậy bà xin cho chú ở lại với bà để lo hương khói mồ mả tổ tiên, như phong tục cổ xưa. Và lại lúc đó chú còn nhỏ, khoảng 10 tuổi. Sau khi biết tôi là người đã sống với bà nội ở trại Cẩm Giàng, chú nói sẽ đưa tôi đến gặp ông Đạm là người đang sống trên đất của trại Cẩm Giàng. Bây giờ trong khuôn viên trại bỏ hoang đã có một ngôi nhà gạch, không lớn lắm, nhưng ông Đạm là chủ nhân đã thu thập một số hình ảnh, tác phẩm và tài liệu về Tự Lực Văn Đoàn. Căn nhà chỉ là một phần nhỏ của trại nhưng có cổng, có con đường lát gạch từ ngoài cổng. Trong khuôn viên còn sót lại cái ao nhỏ, cái ao sát bên tường của trại kế bên của bà cả Khấn trước kia. Bên bờ ao có cây ổi quả màu cam vàng, cành lá thấp gần mặt nước, cậu em kế Nguyễn Tường Đăng, hay ra ngồi vắt vẻo hái quả ăn. Tôi thật bồi hồi xúc động khi đứng trước nơi chốn mà mình đã từng sống...một trời kỷ niệm. Khi biết tôi là ái nữ của Thạch Lam, mà biến tên đường gần ngoài kia, và là người đã từng sống ở trại trước khi tản cư, tôi được chủ nhân và

vài người nữa đón tiếp nồng hậu, thân tình. Họ hỏi tôi nhiều chuyện về trang trại. Trong lúc tiếp xúc, có ông Thông, cũng một người địa phương, ghi lại hình ảnh. Tôi thật vui vì trang trại bây giờ dù sao cũng có một căn nhà so với lúc tôi mới hồi cư về, 1949, trại chỉ là bãi đất trống hoang phế. Lần thứ ba về thăm lại Cẩm Giàng tôi được quen biết thêm một thanh niên rất trẻ tên Đường người cao ráo, lịch thiệp, rất lễ độ, là người địa phương nhưng đang làm việc trong thị xã, sắp được bầu lên làm chủ tịch xã. Qua cách nói chuyện cởi mở, vẻ chân thật, tôi có cảm tình ngay với Đường, cỡ tuổi con tôi.

Ngày bà Nội mất, 1961, vì thời sự bác Tam (Nhất Linh) vắng mặt, chỉ có bác cả và cô Năm, người con gái độc nhất, cùng các cháu để tang. Bà được an táng tại nghĩa trang Gò Vấp, thuộc quận Gò Vấp. Sau đó có thêm nhiều thành viên trong gia đình cũng được an táng tại đây như: Nguyễn Tường Hường con bác cả bị tử trận. Bác Nguyễn Kim Hoàn chồng cô Năm và là thân phụ của hai nhà văn Duy Lam và Thế Uyên. Khi bác Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh) mất cũng an táng cùng nghĩa trang đó. Đến đầu năm 1970, mẹ tôi, bà Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân) cũng về an nghỉ cùng chung với những người thân. Khi bác cả (Nguyễn Tường Thụy) mất năm 1973 hay 74 (?) cũng an táng tại đó. Chúng tôi thường đùa gọi nghĩa trang Gò Vấp là nghĩa trang Nguyễn Tường và bảo nhau nên mua vài lô để dành sẵn. Tôi còn nhớ nghĩa trang này ở ngay trước ngôi nhà từ đường của nhà văn Hồ Biểu Chánh (?)

1975- Khi miền Nam thất thủ, đảng cộng sản nắm quyền cai trị, tướng đầu dân được com no áo ấm chấm dứt chiến tranh, ai ngờ những xác khô hay đã tan rữa hòa theo lòng đất cũng không được nghỉ yên. Nhà cầm quyền đào bới bắt rời đi. May mắn những gia đình có thân nhân để lo bốc dỡ. Những ngôi mộ còn

lại nhà cầm quyền sẽ gom vào một cái hố tập thể. Ôi đau lòng biết bao!

Gia đình chúng tôi đã bốc mộ, mang thiêu, rồi gửi trong ngôi chùa Kim Cương tọa lạc tại 108/61, Trần Quang Diệu quận 3, Sài Gòn, ngôi chùa mà khi sinh tiền bà nội đã có một thời gian ở đấy. Chúng tôi vẫn nhờ người đến cúng bái đèn hương.

Cách đây khoảng năm bảy năm Thầy trụ trì khuyên nên đem tro cốt đi thủy táng vì để lâu quá không tốt. Thế hệ gia đình Nguyễn Tường chúng tôi bàn tính nên đem bà về đâu. Có nhiều ý kiến khác nhau, và có hai chỗ để an nghỉ cho bà nội, một là trong khuôn viên nghĩa trang của dòng họ Nguyễn Tường tại Hội An, Quảng Nam; hai là đem bà thủy táng. Sự bàn cãi hơi gay go, vì ai cũng thấy mình có lý. Cuối cùng đa số đồng ý đưa bà về tại Hội An nơi mấy đời dòng họ Nguyễn Tường chôn cất và nhất là có mộ phần của bác Tam (Nhất Linh), người con hợp với bà nội nhất. Sau khi quyết định xong nơi chốn thì đây lại là một vấn đề: Ai là người lo chuyện đem bà về? Tro cốt phải di chuyển bằng tàu hỏa, không thể bằng máy bay, và xe ô tô lại càng không thể, vì dân tình tại VN còn lạc hậu sợ bị xúi quẩy khi chở người chết hay tro cốt. Và dù có đi tàu hỏa cũng phải dấu kín đáo. May mắn thời gian đó có anh Nguyễn Kim Sơn, con trai cô Năm, cháu ngoại của bà nội tạm thời ở VN. Anh đã liên lạc với các con cháu tại Hội An về chuyện huyệt đất, ngày giờ, nhang đèn đồ cúng tế v...v để khi đến nơi từ tàu hỏa đem bà ra thẳng nơi an táng. Việc mang tro cốt về quê không giản dị như mang một gói hàng mà phải xem ngày, giờ. Rồi tại địa phương phải chuẩn bị sẵn đủ mọi nghi thức tôn giáo và người cúng lễ. Lễ to hay nhỏ là tùy hoàn cảnh gia đình, nhưng phải có lễ. Và lại, tro cốt không được mang vô nhà mà phải đưa thẳng ra huyệt mộ để làm lễ tại đó. Trong khi đó, việc mang tro cốt rời chùa cũng có một số thủ tục không đơn giản với nhà chùa.

Anh Sơn, người phụ trách mang tro cốt bà kể lại: Muốn đến đem tro cốt bà ra khỏi chùa phải chứng minh là con, cháu; phải ký giấy, và phải báo trước với thầy ngày giờ. Anh Sơn phải rước cốt bà một ngày trước đem về nhà anh để kịp thời gian hôm sau lên tàu hỏa. Vì tro cốt của bà ngoại nên anh Sơn có thể mang về nhà một hôm chứ nhờ người ngoài thì không ai làm thế. Tôi và Sơn liên lạc với nhau thường xuyên. Đêm trước khi anh Sơn đưa bà nội lên tàu, tự nhiên lòng tôi bồn chồn và một ý tưởng chợt nảy ra trong đầu: “Tại sao không nghĩ đem bà nội về làng Trữ-La, Cầm Giàng nơi đang có mộ ông Nội?” Tôi không nhớ rõ khi bàn tính về việc bà Nội có anh chị nào nhắc đến đem bà về Cầm Giàng hay không, nhưng tôi nghĩ là không. Riêng tôi đã về tận làng Trữ-La thăm mộ ông Nội từ mấy năm trước nên thấy việc này có thể thực hiện được. Nghĩ vậy tôi vội gọi điện thoại hội ý với cậu em ruột là BS Nguyễn Tường Giang và người anh họ kém tôi 9 tuổi, là Nguyễn Tường Tâm, con bác hai, Nguyễn Tường Cầm, người đã bị Việt Minh bắt mất tích cùng thời gian có màn Việt Minh đã đảo Nguyễn Tường Tâm như tôi đã kể. Chúng tôi đồng ý và thấy có lý, vì Hội An là quê chồng (Nguyễn Tường) nhưng chồng lại không nằm đó và bà nội chỉ là dâu. Chỉ vài tiếng đồng hồ nữa là tro cốt bà nội sẵn sàng lên tàu, tôi vội phôn cho Sơn hoãn lại ngay. Sơn hơi bất ngờ thắc mắc và ngại vì sợ con cháu tại Hội An đã chuẩn bị xong mọi việc. Nhưng tôi bảo mấy chuyện đó nhỏ không đáng kể. Sau khi tôi giải thích, Sơn nói như vậy cử người khác lo vì đường ra Hà Nội quá xa. Tôi gọi cho Tâm để biết việc Sơn không đi xa được nghe vậy Tâm vui vẻ nói ngay Tâm sẽ lo việc ấy. Tâm là con bác hai là cháu nội mồ côi được bà nội cưu mang cho tới ngày bà nội qua đời nên rất thương bà nội. Như vậy việc đưa bà về đã tạm yên. Tôi chợt nghĩ nếu ở nghĩa trang làng họ không bằng lòng, vì theo tôi biết đất nghĩa trang nơi mộ ông nội thuộc về làng La 3, chỉ dành riêng cho dân sinh sống tại đó, và nếu hết đất thì phải làm sao? Khu nghĩa trang này

chỉ chiếm một khoảng không rộng lắm, vì khi tôi về thăm mộ còn chỗ trống nhưng đất đã có chủ, họ đã làm dấu. Nghĩ như vậy tôi lo quá vì nếu việc không thành cũng đành đem bà về Hội An vậy. Chỉ nghĩ đến đó tự nhiên ngực tôi hơi nhói nhói. Hôm đó vừa chập choạng tối tôi gọi điện thoại ngay cho Đường, lúc này Đường đã chính thức là chủ tịch xã. Tôi cho biết ý định đem bà về và nhờ Đường tìm hỏi đất nghĩa trang. Đường rất sốt sắng tận tâm lo việc. Chỉ vài ngày sau Đường đã cho biết đã có đất nhưng chưa biết giá cả vì phải thông qua nhiều người trong làng, và ngay cả người trông nom nghĩa trang (quản trang) cũng phải đồng ý. Trong thâm tâm tôi nghĩ chắc cũng phải năm ba ngàn. Nhưng dù tốn bao nhiêu anh chị em trong họ sẽ đóng góp. Nhưng thật là bất ngờ và ngạc nhiên, mọi thủ tục được thông qua một cách hết sức mau chóng và tiền mua đất chỉ có ba trăm đô. Tôi báo cho Tâm biết để thu xếp. Nhưng Tâm còn đi làm, không thể đi lâu nên không thể về Saigon, rồi từ Saigon đi tàu Hỏa mang tro cốt ra Hà Nội, với đoạn đường mất mấy ngày, rồi mất thêm ngày làm lễ tại Cầm Giàng. Làm sao bây giờ đây? Tôi ngày đêm khẩn bà để mong mọi việc tốt đẹp. Cuối cùng tôi cũng tìm được một cô họ xa bên Mẹ tôi ở Sài Gòn đem bà ra Hà Nội. Rồi nhờ Khánh, cháu gái gọi tôi bằng cô ở tại Hà Nội ra ga nhận cốt, xong đem cốt về Cầm Giàng trao lại cho Tâm. Tâm từ Hoa Kỳ về thẳng Cầm Giàng nhận tro cốt bà nội và là người ở lại để lo cúng lễ, hạ huyệt bà nội một cách cẩn trọng theo đúng nghi lễ.

Với tình cảm dành cho Tự Lực Văn Đoàn, chủ tịch Đường cùng mấy anh chị, mấy bác tại địa phương đã giúp đỡ rất tận tình, chu đáo nên lễ hạ huyệt bà nội tôi đã thật tốt đẹp. Thế là ông bà nội tôi sau gần một thế kỷ xa cách đã được nằm cạnh nhau êm ấm. Khi nhìn qua ảnh, Nguyễn Tường Tâm cẩn trọng ôm hũ tro cốt xuống tận huyệt mộ đã đào sẵn, đặt vào một cái tiểu sành, lòng tôi dấy lên một niềm nuối tiếc; đáng lý tôi phải cùng Tâm là người được các anh chị em trong tộc giao cho trọng trách vinh

dự này. Nhưng dù sao tôi cũng cảm thấy ấm lòng vì từ đây bà nội đã nghỉ yên trong phần đất mà ông và bà đã kết hợp thành duyên. Từ khi mộ bà ở đó tôi ao ước trở về để được đốt một nén hương, được chụp một tấm ảnh cạnh bia mộ bà để ôn lại những tháng ngày cùng bà nhổ cỏ dại trong vườn trại và được nghe bà dạy bảo.

Thế rồi tôi cũng đã có dịp trở lại thăm...đứng trước hai ngôi mộ song song của ông bà nội, trong một nghĩa trang làng mới vài năm trước còn nhiều chỗ trống, thế mà năm nay đã hàng hàng lớp lớp kín đầy. Ngồi bên mộ bà thơm mùi hoa huệ, qua màn khói mỏng quyện gió bay bay, tôi thì thầm khấn vái xin bà phù hộ cho con cháu cả hai tộc họ Nguyễn Tường & Lê Quang được bình an. Tàn hương đã cháy gần một nửa. Đám mây xám kéo theo luồng gió thổi từ đâu chợt đến những hạt mưa lác đác rơi, đúng lúc cô em và cháu gái đi thăm làng đã trở lại. Rời khỏi mộ ông bà nội lòng buồn thật buồn vì nghĩ đây là lần cuối được đứng cạnh mộ bà. Mưa đổ xuống nặng hạt hơn tạt vào mặt làm nhòe thêm cặp mắt ở tuổi xấp xỉ tám mươi (2013).

Năm 2014, qua sự thăm hỏi thông thường với nhau, tôi nhắc với Nguyễn Tường Thiết (thứ nam của cụ Nhất Linh) về chuyện gia đình Thiết mấy năm trước về Cẩm Giàng tìm ra mộ ông nội. Rồi miên man câu chuyện tôi vui miệng rủ Thiết cùng về lại VN. Thiết rủ thêm anh Nguyễn Tường Triệu, đúng lúc anh Triệu cũng đang có ý định về Nam Định để thăm mộ của bà Khái Hưng (anh Triệu là thứ nam của cụ Nhất Linh nhưng lại là con nuôi được cưng chiều của ông bà Khái Hưng) và cũng là nơi anh đã sống và tiễn biệt lần cuối nhà văn Khái Hưng khi ông bị Việt Minh bắt mang đi thủ tiêu. Tôi rủ thêm anh Nguyễn Tường Lưu, con bác cả. Khi mọi người đồng ý tôi nói cho Nguyễn Tường Giang biết và Giang cũng cùng về. Đây là một việc hi hữu khó có lần thứ hai khi mà mấy anh chị em chúng tôi tuổi đã trên dưới 80, lại ở cách

xa nhau mấy lục địa, mà cùng về thăm mộ tổ tiên ở ngôi làng cách xa nửa vòng trái đất, nơi đó, gia tộc chúng tôi chẳng còn ai. Riêng tôi vui mừng nhiều hơn hết vì với tuổi của tôi và đã về lại VN ba lần rồi và đã tưởng không còn dịp về thêm lần nữa. Chúng tôi bàn định ngày giờ hẹn gặp nhau tại Sài Gòn. Như vậy đoàn chúng tôi có anh Nguyễn Tường Lưu thứ nam của bác cả Nguyễn Tường Thụy, hai anh Nguyễn Tường Triệu, Nguyễn Tường Thiết là hai thứ nam của nhà văn Nhất Linh, tôi và Nguyễn Tường Giang là con gái đầu và con trai út của nhà văn Thạch Lam, thêm vào đó có Nguyễn Kim Sơn là thứ nam của cô Năm Nguyễn Thị Thế (em ruột cụ Nhất Linh) đã chờ sẵn để cùng đi và mang theo mô hình Nhà Ánh Sáng ở Cẩm Giàng do anh Nguyễn Tường Hùng trưởng nam của bác cả Thụy vẽ lại theo trí nhớ.

Về lại Cẩm Giàng lần này anh chị em chúng tôi cũng được mấy bác và Đường, chủ tịch xã đón tiếp niềm nở. Tôi lại được đứng bên cạnh mộ ông bà nội của tôi một lần nữa, được đi trên con đường bằng phẳng mang tên bố tôi "Thạch Lam", trong lòng tôi hân hoan vui sướng và hạnh diện.

Thế mà rồi tháng mười năm 2017 con gái tôi lo phương tiện để tôi một lần nữa, là lần thứ năm, được về thăm lại mộ Tổ Tiên và ông bà nội tại ngôi làng mà cách nay hơn 70 năm tưởng đã chỉ còn trong trí tưởng. Tôi, đứa cháu gái mồ côi cha đã được bà nội chăm nom săn sóc, có nhẽ đã được bà phù hộ để có thể về cạnh bà nhiều lần tại một nơi chốn xa xôi vạn dặm như tôi mong ước. Hàng năm giỗ Ông vào ngày 23 tháng mười (âm) và giỗ Bà ngày 16 tháng bảy (âm) chúng tôi đều nhờ vợ chồng Chủ tịch Đường ra mộ khói hương, như một tấm lòng thành từ các cháu chất nội ngoại ngày nay đã trôi dạt bốn phương trời. Tôi cũng điện thoại cho Tâm để hai chúng tôi cùng thắp nhang tưởng nhớ bà nội.

Virginia Mùa Đông 2018.
Tường Nhung



Hậu duệ TLVD đi viếng Nhà Lưu Niệm Tự Lực Văn Đoàn tọa lạc trên nền đất của Trại Cẩm Giàng xưa (2/2014).



Trước Mộ ông Nguyễn Tường Nhu, thân phụ Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam. Từ phải: Nguyễn Tường Thiết, Nguyễn Tường Giang, Tường Nhung (tác giả), Nguyễn Kim Sơn (2/2014).



Trước mộ Thạch Lam, nghĩa trang Yên Kỳ. Trái: Nguyễn Tường Giang. Phải: Nguyễn Tường Thiết (2/27/2014)

KHI GHÉ THĂM CẨM GIÀNG

tặng N.T.Thiết

Vẫn những cánh đồng khô
Những đụn rơm, mái rạ
Con trâu cày bên bờ ruộng vỡ
Mưa lác đác bay trên phố Cẩm Giàng
Tre xanh, đất bụi, quán xiêu đổ
Lèo tèo mặt hàng, rác thành phố
Những miếng bánh đúc hờ hơ
Ruồi bay trên lá chuối khô
Chiều nhạt nhoà bóng nắng

Tôi đứng ở sân ga
Người xuống, không có ai quen mặt
Cẩm Giàng chỉ còn là tên gọi
Rất xưa
Tôi bật khóc
Nhớ nhà

Tháng 12/95

Nguyễn Tường Giang

TIẾNG GUỐC

Hồi ký một thời đi guốc - Phạm Thảo Nguyên



Tôi vừa đọc bài viết "Guốc mộc" trên internet (1), tôi rất thích vì tôi cũng có những kỷ niệm rất riêng về guốc. Tuy bây giờ, guốc đã rất xa, nhìn quanh nhà, không còn thấy một đôi guốc nào

cả. Nhưng những đôi guốc kỷ niệm lại về rất gần, đầy thân ái. Những đôi guốc xưa của tôi không còn là 'guốc mộc', mà là những đôi guốc sơn, đẹp mỹ miều, đã cùng tôi đi suốt thời non trẻ.

Tôi sinh ra ở Hà Nội, hồi nhỏ đi học trường nữ tiểu học Thanh Quan, thường được gọi là trường "Hàng Cót", vì nằm trên phố cổ Hàng Cót. Tôi còn nhớ, chúng tôi từ các cô bé liu xiú lớp

năm đến các chị lớn lớp nhất (lớp 1 tới lớp 5 ngày nay), ai ai cũng mặc áo dài đi học, vớ đủ kiểu đủ màu, bông vai, xếp vai, ngắn, dài, mà thường là lồi thoi lổ thốc, tay, áo, mặt mũi lem nhem mực tím và cùng đội nón lá. Tại bất cứ lớp học nào trong trường, ở phía góc trên, mỗi ngày cũng có ít ra là hai kim tự tháp nón, thành lập bởi vài chục chiếc nón lá chồng khít lên nhau. Cả trường tôi không ai đội mũ bao giờ, và chúng tôi gần như đều đi guốc, chỉ một số rất ít đi dép cao su, hoặc dép da.

Chiều chiều khi tan học về, tiếng guốc của chúng tôi vang lên inh ỏi khắp Hà Nội, nhất là trên đường phố Hàng Điếu, từ trường Hàng Cót tới chợ Hàng Da. Tôi đi trong dòng guốc ấy, mà còn thấy đình tai bởi hàng trăm tiếng guốc gõ gõ thả dàn trên vỉa hè. Chúng giòn tan, rồi rạc từng tiếng nhưng kết lại thành một âm thanh râm ran dài không dứt, như một con sông đang trôi, hợp thành bởi từng hạt nước riêng lẻ chảy từng dòng không ngừng nghỉ. Bây giờ, lâu lâu nhớ về, thì biết rằng chả bao giờ ở bất cứ nơi nào trên trái đất còn nghe thấy tiếng vang âm của cả trăm đôi guốc gõ gõ loạn xạ lên hè đường cùng một lúc như thế nữa...

Ồi chao, cái thời còn bé sấu, sao mà dễ thương!

Xã hội dần dần thay đổi, dân ta khắp trong nước từ Hà Nội tới Saigon, ăn diện hơn lên. Những đôi guốc mộc từ bao giờ đã trở thành những đôi guốc quang dầu màu vàng, màu đỏ, rồi thành guốc sơn đủ màu. Từ thời còn mỗ ma báo Phong Hóa Ngày Nay (trước 1940) đã thấy trên báo có quảng cáo guốc Phi Yến, chẳng biết guốc đó thế nào (vì mình đã sinh ra đâu! Chỉ được xem vài ba cuốn báo Ngày Nay cũ), nhưng chắc là đã đẹp lắm. Khi tôi lớn lên thấy xuất hiện những đôi guốc "điệu nghệ" được khoét hơi lõm xuống cho dịu bàn chân dẫm lên, phần gót được đeo bốt cho cong cong chiếc guốc, cho nho nhỏ cái gót, cho yếu điệu đáng người đi. Có guốc được vẽ hoa lá cảnh đầy màu sắc, rồi có guốc đánh véc ni, có guốc lấp gót sắt nhọn. Ôi kinh hoàng những đôi

guốc có gót sắt nhọn hoắt được vắn dính vít vào thân guốc, với những chuyện thời sự đăng trên nhật trình thời đó: Các bà đánh ghen rút guốc đánh nhau nổi tiếng một thời. Còn quai guốc, có cả mấy chục kiểu, không biết ai đã “phát minh”, đã làm ra những chiếc guốc điệu, những cái quai đẹp này thế nhỉ? Mà chỉ có dân Việt mình đi! Cô bé con thấy thật đáng khâm phục, nghĩ thầm :” Chắc phải có cả kỹ nghệ guốc, với những xưởng mộc chứ chẳng chơi!”.

Tại mỗi chợ nước ta, hình như đều có một dãy hàng guốc. Mỗi khi đi tới hàng guốc là cô bé nào cũng ngơ ngẩn, chẳng phải riêng gì tôi. Thường được mẹ cho tự do chọn lựa, guốc là món đồ dùng cá nhân các cô bé con mua lấy một mình sớm nhất trong đời. Đó là một bài kinh tế học áp dụng đầu tiên để các cô tập bước vào thế giới người lớn. Với một số tiền có hạn mẹ cho, muốn có đôi guốc đẹp, phải biết giá trị của từng đôi guốc, phải biết để dành tiền để bù thêm, phải biết thích cái đẹp, thích được đi guốc đẹp!

Những hàng bán guốc thường để guốc và quai riêng. Khi khách đã chọn xong vừa quai vừa guốc, giá cả “đồng thuận”, còn phải xếp hàng chờ bà hàng đo chân, đóng quai cho. Đó là một nghệ thuật khác. Nhìn chiếc búa chim be bé đập đập lên chiếc đinh tí tẹo hoặc đinh kiểu đầu bọc đồng phòng cao, để đóng quai vào chiếc guốc, thật thích thú. Chúng tôi cứ “dương mắt bé” lên theo dõi, ngưỡng mộ. Bà hàng nào cũng làm rất gọn, bà lấy sẵn mấy cái đinh một lúc, giữ trong miệng, giữa hai hàm răng (!) sau đó lấy ra từng cái, đóng vào guốc liên tiếp thoăn thoắt không ngừng. Tay nghề bà hàng phải khéo lắm, chuyên nghiệp lắm, thì chiếc quai mới thuận, mới ôm lấy bàn chân nhỏ xinh, không cứa vào da thịt khi đi, không làm đau người diện đôi guốc mới. Rồi còn mục đóng miếng đệm vào đế guốc, cắt sửa những chỗ dư thừa bằng một con dao thợ giày cong veo, sắc như nước, được

bà hàng đưa đi nhẹ như tên. Thỉnh thoảng có người tới mua hộ ai đó đôi guốc, thì bà chỉ đóng đinh hờ, đóng giả, để người sử dụng đôi guốc đó thử lại, sẽ đóng thật chặt lại sau.

Nhiều người hay mua guốc ngoài chợ, nhưng chúng tôi luôn luôn có những nơi mua đặc biệt riêng. Tại Hà Nội tôi mua tại tiệm guốc tên là Phúc Khánh, trong ngõ Yên Thái trước cửa chợ Hàng Da. Nơi đây có guốc rất đẹp, rất “mỹ thuật” (ấy là cô bé con, là tôi lúc ấy, nghĩ thế), giá phải chăng. Trong tiệm có một cái giếng, nước lúc nào cũng trong veo, mát rượi và đầy ắp gần tới miệng. Cứ mở nắp giếng ra, cầm lấy cái gầu là mức nước lên được, y như mức trong chum ấy thôi! Tôi mê lắm, mỗi lần đến mua guốc xong là xin phép vào sân trong rửa chân đi guốc mới. Chúng tôi thích đi guốc hơn giày dép da vì thoáng gió, bàn chân không bị ép chặt, và tha hồ rửa chân. Cũng vì nước ta xứ nóng, đường xá nhiều bụi bặm, bùn lầy, đang đi giữa đường mùa hè rừng rực, qua cái cái ao có cầu bắc xuống nước, hoặc giản dị hơn là cái máy nước công cộng bên đường, là ta có thể bước tới thò chân khoảng ngay cả guốc vào nước được! Ôi mát lạnh cả người! Nhưng guốc chóng mòn, chóng hỏng hơn dép da. Khi guốc mòn rồi, tiếng guốc quét lên vỉa hè xi-măng xoèn xoẹt nghe ghê lắm, lại hết đẹp nữa!

Tán rộng thêm một chút, không biết có phải nhờ đi guốc, bàn chân luôn luôn được thờ tự do thoải mái, nên chân người Việt chúng ta không bị hôi, bị vằn vẹo như các sắc dân đi giày bó sát, bịt kín suốt đời không? Nói cho đúng ra thì cái gì được “tự nhiên, không bị chèn ép” cũng nảy nở hoàn mỹ hơn! Những đôi giày da thon nhỏ, bó sát vào chân của các bà quý phái, mặc áo đầm dạ hội hay áo veste, váy công sở... trông thì sang lắm, lúc trẻ thì đẹp lắm. Nhưng sống lâu ở những xứ ngoài mới biết, chân các bà đầm Âu Mỹ có rất nhiều “vấn đề”. Y học Mỹ có hẳn một chuyên ngành riêng về chân. Tôi có những người bạn đồng nghiệp Âu Mỹ bị mổ bàn chân nhiều lần vì xương ngón chân mọc thò ra, cho chân vào

giày cũ không được nữa, hoặc mấy ngón chân nhỏ bị dồn ép lại, có khi đè lên nhau rất đau đớn. Dân Việt mình khi sống lâu ở ngoại quốc, bỏ guốc, quen dần đi giày khép kín, cũng đã bắt đầu có người đi thăm bác sĩ chân.

Còn “**bàn chân giao chỉ**”, bàn chân có ngón cái và ngón thứ hai giao nhau hình chữ V, nổi tiếng của dân ta. Có phải do vì đã nhiều đời dân ta đi trên mặt đất thịt, đất sét, lầy lội trơn trượt của đồng bằng sông Hồng không? Khi chưa có đường cái khô ráo, những người đi chân đất phải bám chặt bàn chân xuống đất ướt, phải gãi sức trên từng ngón chân, nên chúng xòe dần ra? Tôi cho rằng hành động này tạo nên những bàn chân cứng cáp, bước vững vàng trên đất nước của tổ tiên chúng ta. Bạn đọc đã bao nhiêu người nhìn thấy **bàn chân giao chỉ** thực sự? Vào khoảng những năm giữa thế kỷ 20, hãy còn những bàn chân này trên những cánh đồng đầy phù sa sông Hồng. Còn bây giờ chắc là hiếm lắm. Cũng như trong những tấm ảnh thời Pháp thuộc, những người lính khố xanh khố đỏ đều đi chân đất. Lúc đó guốc hãy còn rất ít. (Điều suy luận này cần một nghiên cứu chính xác, rõ ràng hơn).

Nhớ lại những năm học trung học (phổ thông), học trò chúng tôi gần như chỉ đi guốc. Tại trường nữ, guốc không thuộc diện “đồng phục”, nên tha hồ mỗi người mỗi kiểu. Có những kiểu nổi tiếng do người đi đầu tiên quá đẹp, nên nhiều cô bé học trò khác đua nhau mua theo. Tôi còn nhớ một kiểu guốc thấy xuất hiện rất nhiều trong sân trường là guốc sơn trắng, có quai ngang giản dị bằng nylon mềm trong suốt, điểm chấm tròn xinh xinh màu đỏ, đi với áo dài đồng phục trắng rất nổi. Còn các cô bạn học cũ của tôi, vừa được hỏi đến guốc, là cô nào cô ấy cũng xuýt xoa nhớ đôi guốc đẹp mình từng có ngày xưa. Có cô, như Lan, còn say sưa kể tỉ mỉ từng chi tiết, về đôi guốc cao gót màu tím hoa cà, quai nhỵ. Sao mà đẹp thế không biết!

Khoảng những năm 50-70, tại Saigon có nhiều tiệm guốc nổi tiếng như Đa Kao, Như Ý, Phúc Khánh... với những đôi guốc rất sang, rất đắt tiền dành cho những ai thật diện và dư tiền. Đám học trò lau nhau chúng tôi hay rủ nhau đến mua guốc tại một nơi đặc biệt, nằm lọt trong một chung cư công chức. Một phần vì địa điểm này gần trường, một phần vì giá nới, hợp với túi tiền học trò. Lâu dần chúng tôi thành khách quen, cứ đến tiệm là vò vĩnh, trêu đùa chọc ghẹo nhau đủ thứ, bà chủ tiệm vui tính cũng hay hăng hái tham dự các cuộc đấu láo của chúng tôi.

Riêng tôi, kể cả những năm học Đại Học Sư Phạm và Khoa Học (bây giờ là Đại Học Khoa Học Tự Nhiên) không có bạn gái cùng lớp để khoe guốc, vẫn không theo “mode” nào cả, mà trung thành với kiểu guốc Nhật màu đỏ huyết dụ đậm, quai nhung hai màu đỏ đen cũ. Có lẽ vì được bà hàng “nịnh”: “Cô mà đi đôi này vào trường, là các cô bạn lại đến đây mua rào rào cho mà xem!”. (Tôi chỉ cười, nhin, không kể cho bà nghe là lớp tôi học bây giờ toàn con trai, kéo bà lại hết hy vọng!).

Một cô bạn tôi vừa nhắc lại chuyện năm học đệ tam (lớp 10): Tất cả các lớp cùng khóa chúng tôi đều toạ lạc trên tầng ba, tầng cao nhất trường. Chắc là vì các bà Giám Hiệu nghĩ rằng: đệ tam là lớp không phải đi thi cuối năm, học trò nghịch ngợm phá phách nhất, “đầy” chúng lên tầng cao cho khuất mắt.

Nhưng không dè khi ở trên cao, guốc của chúng tôi nện loạn xạ ngẫu, nhất là trên cái cầu thang cổ bằng gỗ cổ xưa, của cái trường cổ xây từ thời thực dân Pháp! Các bạn thử nghĩ coi: cả trăm đứa con gái ở tuổi “bẻ gãy sừng trâu” tinh nghịch đùa rỡ, chọc ghẹo nhau suốt ngày thì cái thang gỗ không run rẩy theo nhịp đùa cười của các nàng sao được! Thế cho nên cái thang cứ rung lên cộng hưởng, tiếng chọc ghẹo, tiếng guốc, làm điên đầu tất cả những người làm việc tầng dưới! Cuối cùng, vì có quá nhiều tiếng than phiền, bà Hiệu Trưởng phải ra lệnh cho toàn thể học

sinh học tăng ba đều phải đi dép da, ai đi guốc phải phạt đi học chủ nhật! Mỗi ngày đều có một bà giám thị đứng dưới chân thang kiểm soát guốc dép từng cô một!

Thế nhưng, vẫn có hàng loạt các cô điều đà lại cần đi guốc (vì guốc cao gót thon, làm người cao hơn, thanh hơn, dáng đi đẹp hơn! Bỏ đi sao đành!). Các cô bèn đi chân đất lên thang, dấu guốc vào trong cặp sách, lọt qua cặp mắt sắc như dao của bà giám thị! Mà cứ lọt thoát được lên đến trên gác, là các nàng lăn ra cười! Vào đến trong lớp hãy còn giấm giúi cười, ngất ngư cười, ôm bụng cười, cười mãi vẫn không sao nhịn được! Cho nên cứ thấy các cô nàng túm năm tụm ba cười lăn lộn, cười rúc rích là biết ngay: Không đi guốc trộm, thì cũng ăn quả vụng!

Đi guốc lâu năm, chúng tôi thỉnh thoảng lại gặp “tai nạn” dở khóc dở cười, vì “guốc đứt quai” thỉnh linh giữa đường! Thường ra, khổ chủ phải xách chúng lên, đi chân đất về nhà, áo dài lướt tha lướt thướt, thảm hại vô cùng. Đã thất thểu đi về xấu hổ muốn chết với người đi đường, với hàng xóm láng giềng, lại hay dẫm phải sỏi, đá, đau điếng người! Nhưng lúc ấy, nếu có thêm vài “cây si” lẻo đẻo đằng sau, thì thật không biết “Đi làm sao, đứng làm sao bây giờ!”

Ngoài ra, guốc còn theo tôi đi vào nhiều kỷ niệm riêng, với những xúc động chỉ một mình tôi biết, một mình tôi hay.

Tại Hà Nội, đường tắt về nhà tôi qua ngõ Lagiquet, sau đổi tên Việt là Chân Cầm, vì khu đó thuộc đất Chân Cầm ngày xưa. Đó là một con ngõ nhỏ, rộng gần bằng một đường phố cổ, hai đầu thông ra hai phố lớn. Ngõ này thẳng tắp, phẳng phiu, luôn được giữ sạch sẽ, vắng lặng. Hai bên vỉa hè hẹp, chắc chỉ độ 80cm, lại không có cửa hàng, rất ít người qua lại, những ngôi nhà có cửa mở ra ngõ đều luôn luôn đóng kín (Bây giờ sự vắng vẻ đó mất rồi!). Mỗi khi đi đâu về một mình, tôi thích đi qua

ngõ này. Tôi chạy lon ton chân sáo, không hiểu sao lúc bé gần như tôi chỉ chạy, ít khi chịu đi chậm chậm như đi thiền hành bây giờ. Đôi guốc của cô gái nhỏ chạy về nhà, gõ liên hồi trên vỉa hè ngõ vắng lặng, vang lên một loạt âm thanh “tanh tách, tanh tách...” đều đặn, nhanh, gọn, giòn tan, tiếng vang vọng sang tận hè đường phía bên kia, vui tai và thân ái vô cùng. Tôi còn nhớ, sau này khi đã dời xa Hà Nội, nhiều năm sau tiếng guốc gõ lách cách trong ngõ vắng vẫn thường trở dậy vọng lên trong tôi, một nỗi âm thầm luyến tiếc. Âm thanh thân quen ấy, tôi chỉ có trong lòng, không thể ghi chép cất giữ vào đâu được, theo ngày tháng cứ mòn dần đi, tưởng như mất hẳn, không còn đâu dấu vết. Thế rồi, rất lâu sau, mấy chục năm có lẽ, tôi sống ở nước ngoài, đang hồi hộp làm đơn xin visa về thăm quê. Một đêm kia, tôi bỗng mơ thấy đang chạy một mình giữa ngõ Chân Cầm cũ, trong tiếng guốc giòn tan xưa: “lách tách lách tách. lách tách”. Chuỗi dài âm thanh lạnh chanh, thân quen đó vừa dứt, tôi bừng tỉnh ngồi bật dậy, kêu lên: “Sắp được về nhà rồi!”. Ôi, thế ra, trong tiềm thức sâu thẳm của tôi, tình cảm nhớ nhà chôn dấu cả tiếng guốc gõ liên thanh trên vỉa hè đó ư?

Mà này, còn một tiếng guốc khác nữa, tiếng guốc của thế kỷ trước, của thời sinh viên đang đi học Toán, thời “chưa yêu”, có ghi lại trong một bài thơ xưa của tôi:

Lâu lắm hôm nay anh đến chơi
Ngọc lan ngoài ngõ hoa đón búp mời
Guốc ai lách cách rộn rã reo vui.

Thôi chết tôi rồi! Hoá ra tiếng guốc đã biểu lộ tình cảm vui buồn rõ hơn tôi tưởng! Tiếng gõ trên cầu thang gạch reo nhanh thoăn thoắt “Cờ lách cách, lách cách lách cách. lách-ta- cách.”, thế rồi thang gác tới chỗ ngoặt, chỉ còn dăm ba bậc gạch cuối cùng, tiếng gõ chậm lại, ngập ngừng, rồi rạc từng tiếng một, như ngại ngừng, như e dè, .. tôi hãy còn như đang nghe thấy đây... Nhưng

mà, tiếng giòn tan nhanh chậm đó là âm điệu, là tiếng hát riêng của guốc, diễn tả linh hồn riêng của guốc! Như vậy là, hôm đó, chính guốc đã lách cách, đã rộn rã, đã reo vui, đã e lệ... đấy chứ! Nào đâu có phải tôi!

Vậy mà, nửa thế kỷ qua đi, tôi vẫn còn rung rung nhớ tiếng guốc trên thang gạch, với những kỷ niệm thời xa xưa ấy.

Phạm Thảo Nguyên TV53-60

(1) Của Nguyễn quang Thiều

KHI VỀ HÀ NỘI

để tặng anh Đăng và chị Nhung

Hà Nội

*những hè đường như ngõ hẻm
mái ngói rêu phong
tường vôi loang lổ
bàn ván ép khắp khiêng
lề đường không lối đi
người lúc nhúc*

Hà Nội

*như một thành phố mới đào lên
bởi nhà khảo cổ
bụi thời gian
nhuộm đỏ những mặt người
như đất sét*

*Tôi ngồi ở vườn hoa Hàng Đậu
như 42 năm qua*

*đứa trẻ ngồi chờ bà cô đến nhận con nuôi
ôi, tôi người cao số
sát mẹ, sát cha, sát anh, sát chị
tôi được làm con nuôi về ăn bún chả
sống một ngày
sống đến bây giờ
còn những người thân thuộc
đã về đâu*

*Tôi đạp xe lên Nghi Tàm, Quảng Bá
đê Yên Phụ như vừa bị rải bom
mặt nhà tan tác
gạch vụn và đá sỏi ngổn ngang*

tôi nhìn ra Hồ Tây
hồ sen tàn
những vườn hoa khai mùi phấn bón
và những ngôi nhà cao ngói đỏ
như ngoại nhân nằm trên bụng
cô gái mặc áo vải nâu
hồi hám

Tôi vào làng Yên Phụ
căn nhà nơi bố tôi đã ở
là một bãi đất hoang
cây liễu bên hồ có người nhỏ mắt
có thể đã làm than củi đốt
qua một mùa đông
bố tôi chết ở đây
nghèo nàn và bệnh hoạn
ngày mẹ tôi đẻ tôi

Ôi Hà Nội của tôi
sao lòng tôi vẫn nhớ
như Hà Nội/ trái tim tôi bé nhỏ
vẫn còn nhịp đập
sống còn

Bao giờ rụng hết lá bàng
tôi sẽ là con lá cuối

12/14/95 – 12/20/95

Nguyễn Tường Giang

PAPA TÒA BÁO

Trần Khánh Triệu

Ông Trần Khánh Triệu là con đẻ của nhà văn Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam), và là con nuôi của nhà văn Khái Hưng (Trần Khánh Giư). Nhất Linh, bạn thân của Khái Hưng, con cái đầy đàn, trong khi ông bà Khái Hưng hiếm muộn, nên cho Khái Hưng con mình là Nguyễn Tường Triệu để làm con nuôi từ lúc còn nhỏ.

Bài sau đây của ông Trần Khánh Triệu (Nguyễn Tường Triệu) đã đăng ở báo Thế Kỷ 21 số tưởng niệm Khái Hưng, tháng 12 năm 1997. Vì quan hệ thân thiết giữa hai nhà văn Nhất Linh và Khái Hưng, chúng tôi in lại bài viết trong tập sách này để tái hiện tình bạn của hai người, mà sợi giây nối kết cụ thể là ông Nguyễn Tường Triệu, "người con chung" của hai nhà văn. – ĐĐTK

*Mây vẫn lồng lộng một trời
Đáng xưa hiu hắt... tháng ngày phơi pha.*



Ảnh chân dung Khái Hưng với lời đề tặng Huy Cận của Khái Hưng ngày 24-6-1940

Nào hãy thử nhắm mắt lại thả hồn trôi về dĩ vãng... tưởng tượng vào một ngày xa xưa nào đó ta trở về Hà Nội, cái thành phố đầy ắp kỷ niệm thời tiền chiến mơ màng trong ký ức.

Rồi hãy tưởng tượng tiếp ngày nào đó, ta được về tới vùng mây trời quê hương làng đăng... Hải Phòng rồi Hải Dương... con đường số 5 hai bên ruộng lúa ngút ngàn... Cẩm Giàng rồi Gia Lâm và kia, cây cầu Paul Doumert vắt ngang sông Hồng phù sa cuộn cuộn. Lấn khuất trong sương mù Yên Phụ... cột đồng hồ... tới tận bảo tàng, phà đen... Hà Nội đó, nơi ngàn năm văn vật đất Thăng Long.

Rời khỏi bờ sông lộng gió, dốc Hàng Đậu thoải thoải... tòa nhà tròn chứa nước ba tầng bằng đá xám bề thế chắn ngang, con đường tàu điện từ chợ Đồng Xuân qua ngã tư Hàng Than rẽ về phía Quan Thánh rợp lá bàng xanh... Vườn hoa Hàng Đậu, bên kia là phố Carnot, thành lính tây bát ngát, bên này đường, gần phía nhà thương khách... phòng trồng răng Đông Nam Mỹ rồi tiếp đó... dancing Rialtoz đêm đêm tiếng nhạc rập rình, hiệu Phúc Hưng Lâu với món phở sào dòn ăn miếng nhớ đời... kế bên, hăng chè tàu Phúc Kiến và quá chút nữa góc Hàng Bún. Quan Thánh... Đây rồi! Ngay đối diện với hiệu thực phẩm Hạp Ký của người Tàu là căn nhà số 80. Vàng... căn nhà 80 Quan Thánh mà tôi đã sống cùng cha mẹ nuôi tôi cả một thời thơ ấu với bao buồn vui kỷ niệm. Nơi đây, cha nuôi tôi, nhà văn Khái Hưng đã sống, đã viết bao nhiêu tác phẩm để đời trong khoảng thời gian 1934, 1935 tới năm 1946 nghĩa là cách đây đã hơn 50 năm rồi!

Tòa báo: 80 Avenue du Grand Bouddha

Tòa báo có hai mặt, mặt chính trông ra phố Quan Thánh, hồi trước 45 có cái tên tây là Avenue du Grand Bouddha, mặt kia số 55 quay về phía Hàng Bún tức Rue des Vermicelles, nhà này nguyên của một bà đầm cho papa tôi thuê (ấy theo thói quen tôi vẫn thừa với cha nuôi tôi là papa hay rõ hơn "papa tòa báo" để phân biệt với cha đẻ tôi - ông cụ ở Hàng Bè nên tôi vẫn dùng những chữ "cậu Hàng Bè" cho tiện).

Mặt trông ra phía Quan Thánh bước vào là một cái cổng nhỏ, hàng rào thấp, có cây leo rậm rạp quanh năm. Mặt phía Hàng Bún, cổng sắt hai cánh rộng hơn, xe ô tô đi lọt, vườn hoa bao bọc xanh tốt bốn mùa. Những luống hồng nhung mọc giữa dây cỏ tóc tiên mượt mà, vài cây phượng trở hoa đỏ rực, cây lá móng ngựa hoa màu lam dịu, lại có cả một bụi tre già cao chót vót, những ngày gió mạnh lá cọ vào nhau nghe cọt kẹt. Dưới vòm tre xanh tốt một bàn ping pong được kê ngay ngắn, lâu lâu papa lại đưa

bạn bè xuống đánh vài ván, tiếng bóng nhựa nảy trên bàn tròn rã. Những buổi trưa hè oi ả sau bữa ăn trưa papa thường nằm trên ghế xích đu hút píp, me ngồi thêu áo kế bên, tôi thì khoai nhất được leo lên cây ngâu già gần đó, thò tay chop đuôi con mèo xiêm đang nằm lim dim suy tư nghiền ngẫm trên cành.

Từ vườn bước lên năm sáu bậc thềm vào nhà, hàng hiên trước khá rộng... phòng lớn đặt máy in cùng chỗ sắp chữ, phòng bên phải nhỏ hơn nơi làm việc của ban trị sự tờ Ngày Nay, nhà xuất bản Đời Nay và sau này là tờ Việt Nam cơ quan tranh đấu của Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Đi lên gác, hàng hiên lát gạch men tàu ngăn chia bên này là dãy buồng kho, nhà tắm... bên kia phòng lớn quét vôi màu xanh lơ thoáng mát. Phòng bên trái trông ra bụi tre được ngăn đôi: Buồng ăn và buồng ngủ của riêng gia đình tôi. Phòng giữa nơi làm việc của Papa và tòa soạn kê hai bàn lớn đầu vào nhau, đầu bàn được khắc dấu hiệu Tự Lực văn đoàn, trên tường treo mấy bức tranh sơn dầu vẽ phong cảnh của họa sĩ Trần Bình Lộc và Nguyễn Gia Trí.

Phía bên phải là phòng khách kê một bộ salon nhỏ, một bàn làm việc, còn cái tủ sách lớn sát tường thì xếp toàn sách quý của nhà xuất bản Đời Nay, bìa da chữ mạ vàng óng ánh.

Đứng bên cửa sổ nhìn ra phía Hàng Bún, hàng cây bàng xanh ngắt, xế một chút gần nhà bác sĩ Hào, những con tàu điện từ Bưởi xuống hay từ Bạch Mai lên dừng đón khách ở ngã tư Quan Thánh lại đóng lên vài tiếng leng keng uể oải chậm chạp. Từng đợt ve sầu kêu ran, lan man đâu từ phía vườn hoa Hàng Đậu ủa tới rồi tản mát xuống tí mãi cuối phố khúc gần cửa Bắc, xa dần rồi mất hẳn. Những lúc ấy tôi cảm thấy thời gian sao dài quá! Cứ cái ngữ này không biết bao giờ mới tới được bữa cơm chiều đây!

"Papa tòa báo" viết văn

Mỗi buổi sáng khi thức giấc, trong cái cơn ngái ngủ mơ màng tôi đã cảm thấy bao trùm một mùi cà phê thơm dịu. Papa đang ngồi đọc sách, chốc chốc lại nhấc tách lên nhấp một ngụm, khói thuốc *méla* quện tỏa khắp phòng. Cái đèn cồn đun nước kêu sè sè đưa ra một vòng lửa xanh lam, lâu lâu papa đứng lên xoay chặt lại cái phin rồi đổ thêm nước sôi. Tôi trở dậy kéo ghế ngồi cạnh, tần mẩn nhìn từng giọt cà phê tí tách rơi xuống. Papa từ tốn dở từng trang sách chữ Hán nhỏ li ti vừa đọc vừa gật gù thỉnh thoảng lại cầm kính lúp lên soi. Đôi khi ông cụ còn mài miết chơi ô chữ trong tờ báo *La Volonté Indochinoise* xuất bản ở Hà Nội thời đó. Khi tìm được chữ nào đặc ý papa xoa nhẹ lên đầu tôi, ca se sẽ một bài hát quen thuộc của đoàn Ánh Sáng... “Rồi đây anh em chúng ta cùng nhau kết đoàn...”

Sau đó là bữa điểm tâm, thường thường trên mâm chỉ có cháo hoa với đường cát vàng hoặc cơm nắm muối vừng, hôm nào sang mới có xôi lúa mua của bà hàng quen. Bánh cuốn hay phở, những món sao mà ngon thế, thì buồn thay... năm thì mười họa chỉ khi nào có khách mới được bung lên. Hồi ấy gia đình tôi cũng không được dư giả cho lắm, bữa ăn sáng thường đạm bạc như vậy. Nghe me kể lại lương nhà báo của papa ít lắm may bà ngoại có cho me ít ruộng ở vùng Quế Phương, Hải Hậu nên nhờ vào đó mới đủ chi dùng. Ông nội tôi tuy làm quan nhưng khi ông mất tài sản tứ tán đi cả, papa cũng chẳng được hưởng gì.

Còn nhớ khi viết xong cuốn sách hồng, hình như “Cái ấm đất” thì phải, tiền bản quyền chỉ đủ mua một cái áo đi mưa cho papa ở Hàng Đào và một đôi giày Bata cho tôi. À quên, tôi còn được cây súng lục Euraka, bằng đạn dĩa dài đầu bịt cao su, bách phát bách trúng... ghê chưa?

Khoảng những năm 44, 45, vì tiền nhuận bút sách báo thiếu hụt, me có chung với cô em mở một hiệu tạp hóa nhỏ ở Hàng Trống, cửa hàng thuê của nhà in Thụy Ký. Tuy vậy, đôi khi tôi tới

chơi thấy vắng khách, me ngồi sau quầy tư lự thờ dài... “Hàng họ lúc này khó khăn quá!”

Rồi khi mặt trời đã lên cao, ánh nắng chiếu vào nhà, papa đứng lên vươn vai sang phòng làm việc. Trong cái không khí vắng lặng êm ả, papa say sưa viết trên những trang giấy trắng rời không kẻ hàng bằng cây bút máy waterman ngồi vàng mềm mại, nét chữ đứng ngay ngắn rõ ràng. Có lúc viết xong một đoạn bỗng ngừng lại, papa nhăn mặt nhìn lên trần, tay gõ nhịp lên bàn, sau đó thế nào trên giấy cũng có thêm những hình loằng ngoằng như xoắn ốc kéo dài mãi ra. Đôi khi con mèo xiêm lách cửa đi vào nhảy tót lên bàn nằm chình ịch một đống, tự nhiên như không... papa lấy tay khẽ vuốt ve, nung niu con vật, miệng se sẽ hát câu chèo quen thuộc “Đất ngòi đây... thanh lịch... đất có hữu tình...”

Chiều và tối thì phòng giữa nhộn nhịp hẳn lên, khói thuốc tỏa lan khắp nơi. Bác Thế Lữ lúc nào cũng ngồi đối diện với papa, người hao hao gầy, đôi mắt sắc sảo, đáng điệu trông lúc nào cũng đầy vẻ bí mật. Có lần tôi thấy bác lấy trong túi ra một khẩu súng lục rất xinh đặt ngay trước mặt rồi chăm chú viết, đôi lúc lại gật gù nhìn khẩu súng. Sợ nhất là có lần bác mang về một cái sọ người, không biết thật hay giả, đặt ngay trên thành lò sưởi, nghe răng cười với hai lỗ mắt sâu thẳm ghê hồn! Chú Hoàng Đạo và “cậu Hàng Bè” của tôi thì làm việc bên phòng khách có khi tới khuya cũng chưa ra về. Hai người lúc nghỉ ngơi thường bày cờ ra đánh, mỗi lần chiếu tướng chú lại đập mạnh quân cờ cười ha hả. Papa lâu lâu cũng tới góp nước, hoặc mở đàn tam thập lục ra dạo một bản, tiếng trong trẻo rộn ràng.

Những ngày tòa soạn làm việc như vậy tôi thích nhất được xem chú Gia Trí vẽ tranh. Chấm mực đen chú vẽ Lý Toét rất gọn, rất ngon lành, hình Xã Xệ chỉ đưa vài nét là xong, bao giờ cái tóc xoắn như lò so của ông Xã cũng được vẽ sau chót. Có một dạo bác Tô Ngọc Vân thay thế chú Trí. Hình như bác mới ở bên Xiêm về,

bác vừa vẽ vừa kể cho tôi nghe nhiều chuyện bên đó. Đôi khi bác còn cho tôi vài viên kẹo gồm tằm đường nhưng kẹo không ngon và nhiều như loại Toffee chú Trí vẫn cho, bởi vậy hồi đó tôi thấy bác vẽ Lý Toét, Xã Xệ sao không được đẹp bằng chú Trí của tôi!

Thỉnh thoảng bác Tú Mỡ từ Láng cỡi bình bịch tới tòa báo thăm anh em, người gầy gầy nhưng tiếng cười rộn rã đi đến đâu cũng nhộn nhịp tới đó. Thấy bác đến là tôi mừng rơn, vì thường thường sau khi công việc xong thế nào cả tòa soạn cũng cùng bác sang ăn phở xào dòn, phở áp chảo của hiệu Phúc Hưng Lâu gần đó, hay ít ra cũng là một châu bía, nước ngọt, bánh trái bên hiệu Hạp Ký trước cửa. Dĩ nhiên trong những trường hợp hy hữu đó bắt buộc tôi phải đi theo hầu papa rồi!

Ngược hẳn với bác Tú Mỡ, chú Thạch Lam của tôi đi tới đâu cũng yên lặng như một cái bóng, chú thường mặc áo dài the thâm, dáng người diêm dąm, ánh mắt sâu thẳm thẳm. Chú Huy Cận thì thân với tôi hơn, còn nhớ có lần ở Trung ra chú cho tôi một củ khoai to tướng, gấp ba bốn lần khoai thường. Tôi thích quá, nhất định không ăn, để dành mãi dưới gầm giường. Sau đó ít lâu papa với vẻ trang trọng đưa cho tôi tập Lửa Thiêng và nói chú có tặng tôi một bài thơ trong đó, tôi lật trang giấy rồi lăm lăm đánh vần:

TỰ TRƯỞNG

Tặng em Triệu

Một bài thơ chú tặng cho tôi, ờ, giá chú Huy Cận của tôi cho tôi thêm một củ khoai như hôm nọ có hơn không?

Sầm Sơn - Villa des pins

Những ngày tuyệt diệu nhất trong đời tôi, đó là những ngày nghỉ hè tắm biển ở Sầm Sơn. Kỷ niệm thật êm đẹp, mỗi lần hồi tưởng còn thấy gợn gợn trong tâm tư một niềm vui rào rạt.

Buổi sáng hè còn ẩm hơi sương, tuy ngái ngủ nhưng lòng tôi sao quá rộn ràng trong chuyến đi xa... Chiếc xe tay ven theo vườn hoa Hàng Đậu, băng ngang qua trại lính tây đường thành vắng ngắt, mùi hương của hoa sữa thoang thoang đâu đây. Rồi nhà ga Hàng Cỏ, đường sắt chi chít, con tàu xinh xịch chạy... Phủ Lý, Nam Định, Ninh Bình... Cầu Hàm Rồng và sau cùng là Thanh Hóa. Lên chiếc xe ca ì ạch tới Sầm Sơn thì trời cũng đã về chiều.

Villa des Pins là một biệt thự kiểu xưa ở vào dãy thứ tư tính từ biển trở vào. Bà ngoại tôi mua đã từ lâu dành cho con cháu ra nghỉ mát. Tới nơi, papa lập ngay một chương trình rõ ràng. Sáng sớm ra biển tập thể thao, coi kéo lưới rồi nhảy xuống tắm. Ngày nào mưa gió thì ở nhà, khi đó papa sẽ vừa viết văn vừa kèm tôi học. Tối đến tung tăng ở rừng phi lao hay trên bãi cát, hôm nào nhóm "Lo cho trẻ em đi nghỉ mát" có tổ chức lửa trại, diễn kịch gần hotel Renaud (?) thì cả nhà lại được đi coi giải trí không mất tiền. Những ngày đẹp đi chơi xa thăm hòn Độc Cước, hòn Trống Mái, hoặc ven theo rừng phi lao tới tận cửa sông Mã. Thích nhất là những hôm lên vùng "Sầm Sơn le haut" đường xe lên dốc ngoằn ngoèo, papa mặc quần soọc đi xăng đan xách theo giỏ bánh mì, cơm nắm, hăng hái tiến trước, tôi thở hổn hển theo sau. Hai bên là rừng phi lao bát ngát, những biệt thự ẩn hiện đẹp như mơ. Lên hết dốc tới một vùng quang đãng... hòn Trống Mái với hai phiến đá đè lên nhau, gần đó bước lên ít bậc thang, đình Belvédère có cái mái tròn xây xi măng, tôi leo lên đó đứng nhìn bao quát một vùng núi đồi, biển cả. Papa lấy tay chỉ ra khơi... xa tít ngoài kia là hòn Mê, phải đi theo mảng đánh cá đi lâu lắm mới tới được. Tôi ước gì được phẳng phẳng lướt sóng thám hiểm vùng xa xôi ấy, nhưng nay còn bé quá, biết đến bao giờ mới tới được hòn Mê!

Chơi chán rồi papa dẫn tôi tới gần một biệt thự cách đó không xa. Ngôi nhà này là của tây xây cất đã lâu mà hình như

không có ai ở, mấy cửa ra vào đóng im ỉm. Chúng tôi ngồi xuống bậc thềm đá hoa mát dịu, lấy cơm nắm ra ăn dưới tàng cây xum xuê, gió lồng lộng thổi. Nó nê rồi papa châm thuốc hút lấy giấy ra viết văn, còn tôi thì chạy tung tăng hái hoa mọc len với cỏ rồi tựa lưng vào gốc thông già làm một giấc dài.

Trên đường về, những hôm nào viết được nhiều, papa vui vẻ nói chuyện luôn miệng, mua dừa tươi cho tôi uống, dẫn tôi đi len vào rừng chơi ú tim. Khi xuống tới vùng “Sầm Sơn le bas,” chúng tôi đi qua những biệt thự quen thuộc: Villa des Flamboyants, villa des Roses, villa Hương Ký, villa Ngọc Lan... tất cả đều như rộn ràng trong nắng chiều. Về tới nhà đã mệt nhoài, bữa ăn sửa soạn xong, mẹ tôi lấy cơm, dịu dàng lắng lắng nhìn hai cha con ăn ngon lành, mỉm nụ cười rạng rỡ.

Tây bắt papa rồi!

Lần cuối cùng đi nghỉ mát ở Sầm Sơn, lúc trở về Hà Nội, tôi còn nhớ các đầu đường đã bắt đầu gắn những bảng nhỏ có mũi tên chỉ “Abri - Hamm trú ẩn.” Không khí như nghiêm trọng hẳn lên, nghe nói sắp có bom, ban đêm đèn phòng thủ thụ động chiếu lơ mờ ghê rợn. Đạo này papa ít khi có mặt ở nhà, từ Ngày Nay bị kiểm duyệt gắt gao, nhiều cột bỏ trống. Có lần đứng bên cửa sổ nhìn xuống đường, mẹ lo lắng thì thầm với tôi “Có thằng mặt thám con ạ, nó canh ngoài cửa.” Tôi không hiểu chuyện gì nhưng cảm thấy có một cái gì ghê gớm lắm sắp xảy tới!

Thế rồi sang hôm đó, khi tôi còn đang ngủ tôi bỗng choàng tỉnh dậy khi nghe tiếng khóc của mẹ tôi, chạy sang phòng ăn, thấy mẹ tôi đang gục đầu xuống bàn nức nở “Triệu ơi! Tây nó bắt papa rồi!” Tôi sững sờ và không biết gì hơn là ngơ ngác nhìn mẹ tôi, muốn nói một lời mà sao chân cứ như chôn chặt xuống đất.

Mẹ tôi tiếp: “Con lên kêu cô Tú Thái, nói cô tới ngay!” Cô Thái là em ruột của mẹ tôi cũng ở phố Quan Thánh khúc gần cửa Bắc,

cách tòa báo không xa. Tôi không hiểu sao mẹ lại cần gặp cô Tú trong lúc này. Nhưng khi cô Tú tới trò chuyện một lúc, tôi thấy mẹ tôi không khóc nữa, hình như cơn đau buồn đã dịu đi phần nào. Tôi cũng đã hiểu vì sao mẹ tôi lại cần có người thân trong lúc này như vậy.

Ít ngày sau, tôi được theo mẹ vào thăm papa ở sở Liêm Phóng gần Đầu Xảo. Tôi vác theo một bị đồ ăn tiếp tế cho papa, mẹ thì mang quần áo. Cửa phòng xích mở, một ông tây lai đưa papa ra nói một tràng tiếng tây. Tôi chưa hiểu ắt giáp gì thì papa đã kéo mẹ con tôi ngồi xuống cái băng gần đó dịu dàng nói: “Kệ nó, được phép 15 phút nhưng mình hơn cũng chẳng sao.” Mặc bộ pi-da-ma màu xanh đã nhàu nát nhưng đáng điệu không đến nỗi tiêu tụy lắm, papa tóm tắt kể cho biết chuyện từ ngày bị bắt: - Chú Long và chú Gia Trí bị trước, tây nó đánh đau lắm, những gì phải khai hai người đã nói hết papa vào sau cứ theo đó mà khai nên chỉ bị sơ sơ thôi. Tôi chợt rùng mình nghĩ tới cái cảnh đánh đập rùng rợn ở sở mật thám mà tôi vẫn được nghe những người lớn kể lại.

Chừng ba bốn tháng sau papa được chuyển lên trại An Trí tại Vụ Bản, vùng Nho Quan, Hòa Bình. Ngày ra đi, tôi không được đưa tiễn, nhưng nghe mẹ nghẹn ngào kể lại: papa bị mang công sổ, còng tay lúc lên đường.

Lúc này, tòa báo vắng vẻ lắm, “cậu Hàng Bè” nghe nói đã trốn sang Tàu, chú Thạch Lam mới mất ở nhà cây liễu Yên Phụ, mẹ rầu rĩ suốt ngày, còn tôi nhìn vào phòng làm việc của papa thấy trống trơn, trong lòng thấy buồn ngủi làm sao!

Rồi ít lâu sau được phép của sở Liêm Phóng, tôi cùng mẹ, thím Long và Tường Ánh con trai thím lên Vụ Bản. Đường từ Nho Quan trở ra thật cheo leo, cảnh hoang sơ mà hùng vĩ, con đường đất đỏ dài hun hút, đến chiều mới tới nơi. Chúng tôi phải vào trú

ngủ một đêm tại chủng viện, căn nhà do các bà sơ trông nom, hôm sau qua sông mới tới được trại trên đồi cao.

Papa hồi này da rám nắng, trông khỏe mạnh. Chúng tôi được phép vào một căn phòng, tự do nói chuyện nửa ngày trời. Được biết chú Long, chú Trí phải đẩy xe nước và vào rừng lấy củi, papa may mắn vì yếu đuối được phụ việc ở nhà thương, công việc nhẹ nhàng, mẹ tôi cũng yên chí phần nào. Papa cũng cho biết cái thằng tây trưởng đồn, người đảo corse, hồi đầu rất hách dịch, nay dần dần cũng bớt rồi, lâu lâu lại có anh em trẻ nghịch ngợm dám nhạo cả cái giọng nói nặng nề của hắn nữa.

Khi chúng tôi trở về, papa được phép tiến đến bến đò. Qua sông nước chảy xiết, giòng sông mênh mông, tôi thấy lòng se lại khi thấy hình dáng papa nhỏ dần, nhỏ dần. Trời lúc ấy thật thấp... thật nặng nề!

Bà nội Cổ Am mất

Bị an trí một năm, papa được tha về Hà Nội. Tuy vậy, cứ mỗi tháng papa lại phải đem một cuốn sổ bìa xanh (papa gọi là sổ đoạn trường) lên sở Liêm Phóng đóng dấu kiểm soát.

Tòa báo đạo này ít người lai vãng, "cậu Hàng Bè" vẫn biệt vô âm tín, chú Long Hoàng Đạo kẹt ở Vụ Bản, Bác Thế Lữ xoay sang diễn kịch, chú Trí vẫn mãi mê với tranh sơn mài trên đường Quần Ngựa... tờ Ngày Nay đóng cửa đã lâu. Papa thì trầm ngâm ít nói, loay hoay tỉa xén cây cảnh trên hòn non bộ nhỏ, đặt trong cái chậu sứ men tàu.

Rồi trong một buổi chiều cuối năm, trong lúc mọi người nhộn nhịp đón giao thừa thì bất chợt nhận được giấy thép báo tin bà nội ở Cổ Am bệnh nặng. Thế là cả nhà sáng mồng một tức tốc về quê. Gần trưa tàu hỏa tới Hải Dương, chuyển xe ca đi Ninh Giang qua Vĩnh Bảo về tới làng thì đã xế chiều. Bước vào nhà, chú Trần Tiêu chạy ra mếu máo nói bà đã nhập quan từ ngày 30. Mẹ

òà khóc thảm thiết, papa lặng lẽ tới gần cổ áo quan, khẽ sờ tay lên làn gỗ vàng tâm, nói với tôi mà y như nói một mình:

"Thế là bà đã nằm đây rồi, con ạ!"

Vì bà mất vào dịp tết nên mồng sáu mới phát tang và tới ngoài rằm mới an táng. Trong thời gian này tôi sủng sính trong bộ áo trắng dài tay sột soạt màu hồ đi "thám hiểm" khắp nơi cùng vài chú em họ trong làng. Bây giờ tôi mới được rõ Cổ Am rộng lắm, chia làm bốn thôn: thôn Thượng, thôn Tràng, thôn Am và thôn Phần là chỗ nhà tôi ở. Khắp nơi, đâu đâu cũng thấy trồng thuốc Lào xanh ngắt, nghe nói đến mùa hái thuốc cả làng nhộn nhịp vui lắm. Tôi còn được sang thăm mộ phần của ông nội tôi ngay sát bên nhà, xây toàn bằng đá đắp lên nhau như một trái núi nhỏ, bề cao dễ gần bằng căn nhà hai tầng, từ đỉnh trở xuống cây cỏ mọc um tùm chen lẫn những tượng nhỏ hình quái dị, xuyên vào lòng núi là nơi thờ tự, cảnh trí âm u, trầm hương tỏa ngát; kế bên mộ phần, một ngôi chùa nhỏ được ông nội tôi xây cất xưa kia... chùa Đông A nổi tiếng vì có một vị sư già nhiều pháp thuật, trụ trì. Tôi còn được biết thêm ông nội xưa làm tuần phủ Thái Bình có những năm bà tất cả, nên lúc mất đi con cháu đông đảo lắm. Bà nội tôi là cả sinh được bốn người con, trước hết là bác Trần Xuân làm Thương tá nhưng chẳng may mất sớm, rồi đến papa, kế đó là chú Trần Tiêu và cuối cùng là cô Ngọc. Riêng bà thứ năm chỉ sinh được một cô con gái được ông nội tôi quý nhất cho rất nhiều của cải nhà cửa ở Ninh Giang, Hà Nội. Bà tôi tuy là cả nhưng lạnh lắm, không ham thích những nơi quan quyền chỉ an nhàn sống nơi quê làng nên ai cũng mến thương.

Thấm thoát cũng đã gần đến ngày an táng, trước nhà dựng rạp lớn, cỗ bàn ăn uống linh đình theo tục lệ. Các chú, các cô ở xa cũng dần dần về đông đủ. Tôi còn nhớ bà Năm cũng từ Ninh Giang về chịu tang, bà khóc to lắm, có vẻ như rất lấy làm đau xót, làm tôi ngạc nhiên hỏi papa: "Bà có khóc thật không papa, bà

không ưa bà mình cơ mà?” Yên lặng một lúc papa mới khẽ nói với tôi “Bà khóc thật đó con ạ! Bà mình lúc sống hiền lành quá có làm hại ai đâu, chắc bây giờ bà Ninh Giang đã thương bà Cố Am rồi con ạ!”

Rồi đám tang nhận nhíp linh đình diễn ra, cỗ áo quan được đưa lên kiệu sơn son thiếp vàng được đưa từ nhà đi vòng mấy thôn trong làng rồi mới trở về hạ huyệt cạnh mộ ông tôi ngay kề bên nhà. Sau thời gian này papa còn ở lại Cố Am vài tuần, lâu lâu sang chùa Đông A niệm Phật cầu siêu cho bà. tay gõ mõ, nhịp chuông đều đặn, papa tụng kinh tiếng trong và ấm, tay lần giở những trang kinh Phật bằng chữ Hán, hương trầm tỏa ngát, không khí dịu dàng hiền hòa.

Biến cố dồn dập

Tôi trở về Hà Nội và tiếp tục đi học cho tới ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp, súng nổ vang trời, cả nhà phải chui xuống buồng kho gấm cầu thang để tránh đạn cả đêm. Sáng hôm sau nhìn ra ngoài hai ba xác chết nằm bên kia đường ngay trước hiệu Hạp Ký, ghê quá! Rồi truyền đơn của Nhật trải xuống Hà Nội... Việt Nam độc lập... Toàn quyền Đại Nhật Bản thay toàn quyền Đờ-cu... người ta bắt đầu chết đói như rạ. Khẩu phần ăn nhà tôi bị hạn chế, cơm bữa nào cũng hôi sặc mùi bao tải, lại còn phải dành một phần đưa cho đoàn khát thực cứu đói. Có lần đi qua chợ Đồng Xuân, papa mua cho tôi một bắp ngô nướng nóng hổi, đang lấy tay lần lần sửa soạn ăn, thì một bàn tay gầy guộc giật mạnh lấy, ức quá tôi định chạy theo nhưng papa giữ lại, lắc đầu buồn rầu nói: “Thôi con, người ta đói quá, khổ quá rồi!” Hần học, tôi đi theo papa, từ đó cho tới lúc về nhà, tôi không thấy ông cụ nói thêm một lời nào nữa.

Đạo ấy papa cũng rất bận rộn, hết lo cho tờ Bình Minh lại tới tờ Ngày Nay kỷ nguyên mới. Tuy vậy những ngày yên ổn vì khỏi

lo mật thám Tây bắt bớ không kéo dài được lâu. Một hôm đi học về... nhà thấy vắng vẻ quá, me đáng điệu bí mật kéo tôi lại gần nói nhỏ “Papa lánh mặt rồi, ai có hỏi nói về quê ít ngày.” Chúng tôi sống trong hồi hộp... rồi vào một buổi sáng Hiến binh Nhật ủa tới khám xét tòa báo, bao nhiêu sách trong nhà kho bị lục tung nhưng hình như không kiếm được gì khả nghi, chúng bỏ đi... Hú hồn!

Rồi Nhật đầu hàng, Việt Minh cướp chính quyền, Quốc dân đảng đóng ở tòa báo, tờ Việt Nam ra đời, Việt Quốc, Việt Cách chống Việt Minh, Pháp lăm le trở lại, chính phủ liên hiệp thành lập. Lúc này papa phải lo viết cho tờ *Việt Nam*, tờ *Chính Nghĩa* và lâu lâu luôn cả tờ *Thiết Thực* nữa.

Tiếp đó Hiệp định sơ bộ 6-3 ra đời, Pháp đổ bộ Hải Phòng... Hội nghị Đà Lạt tan vỡ. “Cậu Hàng Bè” từ chức bộ trưởng rồi sang Tàu lần nữa... Các trụ sở Việt Quốc lần lượt bị tảo thanh. Công an xung phong đột nhập tòa báo lục soát, bắt bớ. Các đảng viên cao cấp như bác Hế, bác Đóa, Trí, Dị... bị đem đi biệt tích. Tờ *Việt Nam* đình bản... Tòa báo ngoài papa chỉ còn lèo tèo vài đồng chí lai vãng: anh Bàng, Kính, anh Cống, bác Thắng...

Rồi tình hình giữa Việt và Pháp ngày càng căng thẳng, tự vệ thành xung đột với lính Pháp, hầm hố đào khắp nơi, dân chúng lũ lượt tản cư. Bất chợt một buổi sáng, Pháp tung quân tảo thanh Hàng Bún, xông vào tòa báo, bắt hết mọi người ra sân lục soát. Sau đó, với đáng điệu đàng đàng sát khí chúng áp giải, kẻ thì đi bộ, người bị lừa lên xe GMC chạy thẳng vào thành, giam trong những sà lim hôi hám. Súng nổ cả đêm, tôi bị giam chung với một số anh em thợ nhà in và lẫn lộn cả với mấy ông bà già cư ngụ cùng phố. Hoang mang không biết số phận papa, me và các bác, các chú trong tòa soạn ra sao!

Sáng hôm sau may nhờ ủy ban Liêm Kiếm can thiệp mọi người được tha. Gặp lại papa, mẹ mừng quá sức, hàn huyên đủ chuyện. Thấy tình thế không thể ở lại Hà Nội, papa quyết định tản cư về quê ngoại. Ngay chiều hôm sau chúng tôi xuống phà đen lên tàu thủy xuôi Nam Định. Hôm ấy là ngày 19-12-1946.

Papa bị Việt Minh bắt

Tàu chạy được ít lâu thì thấy rực lửa phía Hà Nội, mọi người xông xáo bàn tán, chắc là đánh nhau to rồi! Mờ sáng hôm sau tàu giạt vào bờ bến Mễ vì sợ tàu bay bắn phá. Chúng tôi phải tạm ngụ ở làng ven sông rồi sau thuê xe tay đi về quê.

Hai ngày sau mới về tới Dịch Diệp, quê mẹ tôi, cách tỉnh lỵ Nam Định chừng 20 cây số, một làng rất trù phú, nhà gạch san sát, tiếng khung cửa dột khăn mặt lách cách khắp nơi. Sắc mặt papa có vẻ vui hơn, không còn đăm chiêu như mấy ngày ở Hà Nội nữa. Thoát được thẳng Tây là đỡ rồi, từ nay cũng tạm yên.

Vài hôm sau, một chiều hai thanh niên mặt lạ tới “mời” papa lên huyện. Cả nhà thất sắc nhưng papa chỉ vào cái phù hiệu của Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam do chính tay Trần Huy Liệu tặng còn gắn ở ve áo, bình tĩnh nói “Chắc không có chuyện gì đâu, để tôi đi xem sao, bây giờ kháng Pháp là lúc cần đoàn kết, đâu có chuyện bắt bớ bậy bạ!”

Bằng đi vài ngày không thấy tăm hơi gì, mẹ tôi cho người đi dò la tin tức trên huyện Trục Ninh thì được biết papa đã bị giam và sắp bị giải đi nơi khác. Tôi cùng một người nhà vội lên Cổ Lễ rồi đi dọc theo đường cái tới huyện. May mắn thay trên đường đi lại gặp một đám người lẫn lộn trong đó hình như có papa. Anh người nhà kêu lớn:

“Ông Tú!”

Đúng papa tôi rồi, tôi chạy vội lên:

“Papa, con đây!”

Khuôn mặt võ vàng, mắt như sâu lại dưới gò má, tôi để ý, trên ve áo cái phù hiệu của Trần Huy Liệu tặng ngày nào không còn nữa!

Papa dừng chân lại: “Triệu, con về đi. Mẹ con cuốc đất trồng rau sống qua ngày. Papa đi lần này không biết ra sao!”

Tôi run lấy bầy nắm lấy cánh tay gầy guộc của papa, nhưng một thanh niên, ý chừng là công an sẵn giọng: “Đi ngay, đường còn xa!” ... Tôi lặng người nhìn theo bóng papa xa dần rồi khuất hẳn sau những ụ đất phá hoại trên đường liên tỉnh.

Trở về nhà báo tin, cả nhà bồn chồn lo lắng. Tình hình chiến sự lan rộng, tàu chiến Pháp đi dọc theo sông Hồng bắn phá làng mạc hai bên bờ đê, tàu bay bà già vùn vùn lượn ra một loạt đạn vu vơ. Trong thời gian này, mẹ cho người đi dò la khắp nơi tìm tin tức papa, lại viết rất nhiều đơn lên ủy ban Hành kháng tỉnh để xin cứu xét. Nhưng tất cả đều như chìm sâu trong sương mù vô vọng.

Rồi tết Đinh Hợi qua đi trong chán nản, kinh hoàng. Sau Tết một thời gian tàu Pháp chạy dọc theo sông Hồng bắn phá dữ dội, trong làng đang rực rạch tản cư thì bất chợt, papa trở về. Một công an mang phù hiệu “Công an Thành Nam Định” hẳn hoi đi kèm. Trong lúc chờ nhà sửa soạn bữa cơm papa cho biết: “Bị bắt lên Trục Ninh, sau giải sang Lạc Quần, bị giam ở đó sợ lắm vì mỗi lần báo động oanh tạc chúng chạy hết còn tù thì xích chân lại cho ở trong đồn, cố ý mượn tay thẳng Tây giết mình. Có lần tàu bay bắn phá may mà không sao. Hôm nay có lệnh giải đi nơi khác vì vùng này mất an ninh, nhưng không biết đi đâu.” Rồi papa hạ giọng: “Hôm trước nó hỏi về thẳng Triệu con anh Tam, tôi có khai là nuôi nó từ bé, nó không biết anh Tam là ai cả.”

Trong lúc papa ngồi ăn vội vã, tên công an vẫn lảo đảo ngoài hiên lừ lừ nhìn mọi người. Thấy mẹ khóc nức nở hẳn đến gần nói mấy câu: “Cứ yên tâm, sẽ có ngày về, chính sách chính phủ bao giờ cũng đại đoàn kết để kháng Pháp.”

Ăn xong lên đường, tên Công An còn ngoảnh lại nói như máy:

“Đến nơi sẽ có tin về nhà ngay, không sao cả, cứ yên tâm!”

Khi papa ra đã tới gần đầu ngõ, mẹ tôi chợt nhớ vội gói mấy quả cam đường vào tờ kinh cứu khổ rồi bảo tôi:

“Con chạy theo đưa papa mau lên, nói papa nhớ tụng kinh luôn, lạy trời phật cho tai qua nạn khỏi.”

Tôi chạy theo đưa papa nói vội:

“Cam đường papa nhớ ăn, kinh cứu khổ papa nhớ tụng!”

Tôi đi theo đến đầu làng, dáng papa thất thểu vác tay nải mệt nhọc đi trước, tên công an vạm vỡ đi theo sau. Đi mãi, đi mãi rồi khuất hẳn sau dãy tre, chắc là đi về phía sông Hồng xa lắc đằng kia.

Tôi bàng hoàng trở về nhà, miệng còn lẩm bẩm: “Tội nghiệp, không biết papa mình có nhớ ăn cam đường và tụng kinh cứu khổ không?”

Từ cái ngày đó về sau, tôi không còn được gặp lại “papa tòa báo” nữa.

Trần Khánh Triệu

BẾN QUÊ

tặng anh Đ.

*Bỗng dưng thèm nghe một giọng hát
Như mùa xuân thèm nghe tiếng chim*

*Sống một đời khổ đau như chết
Hồi sinh lời ru thờ vào tim*

*Con sơn ca ngân ngơ đồng cỏ
Hoa đầu mùa đỏ cánh sau hiên
Ngoài sông ai như Trương Chi hát
Lời đau thương ẩn giữa không gian*

*Em mới về thăm miền quê mẹ
Vạt áo chiều bay gió trên đê
Cánh đồng ẩm nghe mùi mạ mới
Chân nhện dài khoảng nước đồng chiêm*

*Có phải em để hồn thốn thức
Sống chỉ là hồi tưởng chốn xưa
Trên đường đi phai tàn ảo mộng
Còn chi em, một chút đại khờ*

*Hoa cỏ mọc ngang thềm trí nhớ
Nỗi niềm riêng chôn dấu khôn quên
Cuối đời bật lên lời xám hối
Giọt lệ xưa ấp ủ trong tim*

*Đôi ta đứt đoạn đắm chìm
Anh hoang mang sợ biết tìm em đâu*

4.7.94

Nguyễn Tường Giang

HÒN VUA Ở BANDON

Nguyễn Tường Thiết



Buổi sáng tinh mơ tôi thả bộ đi về hướng biển. Đến mép đường ở bờ vực tôi bước cầu thang gỗ xuống bãi. Sương phủ dày đặc quá. Tôi không thấy biển đâu. Từ trong khối mịt mù phía trước có tiếng sóng vỗ vọng tới, ào lên từng chập. Gió tạt bụi nước lấm tẩm trên da mặt tôi. Mùi tanh nồng của biển thấm vào khứu giác. Khi tôi bước đi trên làn cát mịn, màn sương phía

trước như loãng dần ra, mờ mờ hiện những hòn đá tảng thật lớn cắm trên biển, trên cát. Trên nền trời in những tảng màu đen thẫm với đủ những hình thù lạ mắt. Một hòn đá dựng đứng ở ngoài khơi nom hao hao giống như pho tượng đức Trần Hưng Đạo được ai cắm giữa lòng biển. Một hòn khác ngồi bề thế trên bãi cát, hòn ấy có hình một ông quan với đầy đủ mũ mão nhìn ra biển khơi Thái Bình như đang trầm tư về cố quốc. Tôi gọi đó là hòn vua. Vua quan lớn ngổn đứng ngồi trên khắp bãi Bandon thuộc tiểu bang Oregon.

Tôi nhớ đến những những ngày cũ ở Việt Nam. Đến biển. Đến tuổi thơ lóng lánh của mình trên những bờ biển đông ngày ấy. Ấn tượng đầu tiên của tôi về biển là hình ảnh những con ốc. Thủa ấy ở Hà Nội tôi còn bé lắm, chưa được phép theo các anh chị đạp tàu hỏa đi Hải Phòng tắm bãi biển Đồ Sơn. Biển với tôi là một thế giới kỳ bí. Một hôm đang ngồi chơi bi anh tôi vừa đi biển về thả trước mặt tôi một đồng những con ốc anh gói trong một cái khăn mu-xoa. Ôi những con ốc biển bé tí tẹo xinh đẹp quá! Chúng nhỏ như đốt ngón tay út có vỏ láng bóng với những đường vân ngũ sắc xoáy tròn tròn ốc, lại có những con khác to hơn cũng đủ màu sắc có hình chiếc tù và, vỏ sần sùi. Ngoài vẻ óng ánh những con ốc đó còn toát ra mùi biển, mùi tanh tanh nồng nồng rất đặc biệt của nó in trong khứu giác tôi. Hôm nay tôi nghĩ thấy mùi biển y hệt thế trên bãi Bandon này. Những con ốc biển Đồ Sơn thủa ấy không giữ được lâu. Tôi cất chúng trong đồng đồ chơi của tôi gồm những hòn bi ve, những hòn bi trông cũng đẹp lắm, trong lòng thủy tinh của bi có những vẩn mây màu uốn lượn. Sau vài ngày tôi phải vứt hết ốc đi vì chúng xông lên một mùi hôi thum rất nồng nặc. Khi những con ốc biển bị thối rữa, mùi biển cũng chết theo...

Bãi biển thứ hai trong đời tôi được nghe nói đến là Sầm Sơn. Cho đến nay hình ảnh về bãi biển này vẫn hoàn toàn trong trí

tưởng tượng của tôi, bởi vì mấy năm gần đây có dịp về nước tôi có ghé thăm Đồ Sơn, nhưng bãi Sầm Sơn thì chưa bao giờ. Trong trí tưởng tượng tôi, và có lẽ cả trong trí tưởng của những ai chưa từng đặt chân đến đó, hình ảnh Sầm Sơn là hình ảnh bờ biển trong truyện Trống Mái của Khái Hưng. Riêng tôi Sầm Sơn còn gợi lên một kỷ niệm riêng khá thân thương. Tôi được nghe mẹ tôi kể lại rằng, vào thập niên 30 của thế kỷ trước, cứ mỗi lần cha tôi viết xong và xuất bản một cuốn tiểu thuyết mới thì dù mẹ tôi có bận rộn buôn bán đến đâu, cha tôi cũng buộc mẹ tôi bỏ hết để cùng sống với ông riêng biệt một thời gian bên bãi biển Sầm Sơn. Thỉnh thoảng nghĩ đến điều ấy những đoạn tả trong truyện Trống Mái như cảnh Vội và Hiền sánh vai đi trên bãi biển Sầm Sơn tôi lại thoáng thấy xen vào hình bóng bố mẹ tôi.

Về phía hải đăng trong làn sương mù thốt nhiên có tiếng còi xa vọng lại. Tiếng còi trầm trầm đục đục, âm vang như thể bị nghẹn lại bởi màn sương dày đặc. Hu... Hu...Hu... Ba tiếng rồi tắt. Mấy hôm nay tôi để ý ở Bandon suốt ngày đêm cứ lâu lâu ba hồi còi lại hụ lên từ phía hải đăng ấy vọng ra khơi như điểm giờ cho biển cả. Để làm gì. Tôi không biết. Nhưng tiếng còi ấy làm lóe trong hồi ức tôi một tiếng còi tàu rất xưa tưởng như đã vĩnh viễn mất hẳn trong trí nhớ, tiếng còi tàu vang lên một thửa nào trên mặt sông Hồng vào một đêm tối của bến Phà Đen. Năm đó khoảng hai năm cuối của thập niên bốn mươi không lâu sau ngày chúng tôi tản cư trở về Hà Nội tôi theo anh tôi ra bến Phà Đen đáp tàu thủy đi Nam Định. Anh tôi là con nuôi của nhà văn Khái Hưng, năm đó anh dẫn tôi, một đứa bé mới tám tuổi về quê mẹ nuôi của anh ở làng Dịch Diệp cách Nam Định khoảng 20 cây số. Cha nuôi của anh đã mất tích từ một năm trước. Chúng tôi về Dịch Diệp lần này để thăm mẹ nuôi của anh còn ở đó. Đây là lần đầu tiên tôi được đi tàu thủy. Cũng là một chuyến tàu trên sông Hồng như nhà văn Mai Thảo. Thời gian qua, đã hơn sáu chục năm rồi, ký ức về cuộc hành trình đầy mộng mơ của tuổi ấu thơ ấy

nay đã bị tuổi đời xóa nhòa hết, không thể nhớ lại rõ một điểm nào trong chuyến đi. Thế nhưng tiếng còi ngân vang trên mặt sông Hồng đêm ấy thì nay lại vụt sống dậy một cách sắc nét như thể chúng vừa được ba tiếng hụ của hải đăng Bandon vực lên khỏi vùng mờ mịt của ký ức, nó loé trong tôi sau tiếng còi đêm là hình ảnh con tàu rời bến Phà Đen cùng với ánh đèn lung linh trong những quán lá ven sông trông thành trôi đi.

Hồi còn ở Việt Nam tôi đã trải qua trong đời ba chuyến tàu trên sông. Chuyến thứ nhất ở miền Bắc trên sông Hồng đưa tôi về Nam Định. Hai chuyến sau ở miền Nam trên sông Sài Gòn đưa tôi ra biển. Nếu chuyến tàu thứ nhì năm 1953 đưa tôi tới Vũng Tàu để tôi được thấy biển lần đầu trong đời, thì chuyến tàu cuối cùng ngày 30 tháng Tư năm 1975 đưa tôi ra biển Cần Giờ để vĩnh biệt nó.

Mặt trời lên. Hòn vua đã bắt đầu có nắng riềm ở trên mào. Theo với ánh bình minh bầu trời náo lên với bầy chim biển. Những con hải âu bay lượn kêu tao tác trên không trung. Trong khi trên trời rộn ràng như thế thì dưới mặt đất vẫn im lìm không một bóng người. Sinh hoạt trên đất ngưng hẳn. Có chăng chỉ được ghi lại âm thầm trên cát. Thủy triều đêm hôm trước không dâng đủ cao để liếm đi vết tích cái sinh hoạt rộn ràng trên bãi của dân Bandon chiều hôm trước: những dấu chân người chằng chịt, những vết bánh xe đạp ngoằn ngoèo, những vết chân chó loảng quăng trên cát. Cả những vết chân chim li ti in trên bãi nom tựa như vô vàn những que tăm ai vung vãi trên nền cát mịn. Nắng không đủ cao, chiếu xiên xiên bãi cát ướt mịn màng, lộ rõ những hòn sỏi nhỏ nằm rải rác đó đây. Cả những đụn cát li ti dùn lên bởi vô số những con sò biển.

Bỗng nhiên hình ảnh một hồi ức vụt hiện. Một buổi bình minh, ánh dương vừa lên, thằng bé chạy dọc bãi biển Vũng Tàu. Theo bước chân chạy của nó mặt cát ướt phía trước bỗng dưng

hoa lên như chuyển động. Những đốm nắng chạy rất nhanh trên cát. Loáng loáng. Dừng lại, mặt cát yên tĩnh. Chạy. Mặt cát lại loáng loáng hoa lên. Đứng yên hồi lâu quan sát nó thấy đằng trước trên bãi Vũng Tàu hàng triệu những đụn cát nhỏ li ti, cạnh mỗi đụn cát là một chú dã tràng tí hon thò đầu khỏi tổ như để chào đón ánh bình minh. Bước chân người đến đâu thì những chú dã tràng ở vùng quanh đó rụt ngay vào trong hang. Sự di chuyển hàng loạt của chúng, dưới ánh nắng mai, tạo ảo giác hoa nắng rung rinh chạy trên mặt cát.

Thủa đó khoảng hai ba năm trước khi đất nước chia đôi không ai nói đến bãi biển Vũng Tàu. Người ta nói đi “cấp” tắm biển. Cap Saint Jacques! Từ bến sông Sài Gòn tôi theo gia đình người bác đắp tàu thủy ra Cap. Tàu đến cửa biển Cần Giờ thì mặt sông phía trước mở rộng hẳn ra. Hai bên cửa sông rừng tràm lấp xấp ngút ngàn. Biển mênh mang trước mắt. Lần đầu tiên tôi thấy biển. Các anh họ sắp xỉ tuổi tôi cũng thế. Bốn đứa chúng tôi, đứa nhỏ nhất 10 tuổi, đứa lớn nhất 14 vừa đến Cap đã vội vàng thay quần tắm chạy đua ra bãi xem ai là người được tắm biển trước tiên. Từ nhà bưu điện của thành phố ở bãi trước, nơi mà trên lầu dùng làm cư xá nghỉ mát cho viên chức sở bưu chính, chúng tôi chạy băng qua đường, băng qua hàng dừa, những cây bàng, những quán cóc trên cát, qua hàng thùy dương và sau cùng là biển xanh hình cánh cung hiện ra trước mắt. Thi nhau nhảy tùm xuống nước chúng tôi chơi rộn với sóng. Sóng xô cả vào mồm vào mũi. Chúng tôi lần đầu biết thế nào là hương vị của biển cả. Sáng hôm sau chúng tôi dậy thật sớm đi xuống bãi xem dân chài đánh cá. Những người đi mua cá tươi đã chầu chực đông đảo trên bãi. Hai người ở hai đầu kéo chiếc lưới dài lên cát. Khi chiếc lưới thu lại nhỏ dần tôi thấy dưới nắng mai những con cá tươi đầy đầy trong mắt lưới thân chúng lấp loáng ánh bạc.

Hơn hai mươi năm sau đó, cho tới ngày rời khỏi Việt Nam, tôi đã tắm đã đi trên những bãi biển bờ cát Vũng Tàu không biết bao nhiêu lần. Những bãi cát mịn màng, những bãi đầy vỏ sò hến, những bãi hoang vu, những bãi lộng gió, những bãi Point au Vent, Rocher Noir... Bãi trước, Bãi sau, Bãi dứa, bãi Ô Quẩn, bãi Nghinh Phong... tôi đã hít thở bình minh của biển, hoàng hôn của biển, chất đầy trong lồng ngực mình mùi biển mặn mặn nồng nàn. Ôi, cái mùi biển Vũng Tàu của tôi thừa ấy!

Biển đã chết lặng trong tôi khi con tàu Tourane 3 rời cửa Cần Giờ vào buổi trưa ngày 30 tháng Tư năm 1975. Con tàu, thay vì cập bến Vũng Tàu như chuyến hải trình trên sông Sài Gòn hai mươi hai năm trước, nó tiến thẳng ra khơi về miền vô định.

Thành phố của biển và của tuổi trẻ tôi, Vũng Tàu, thành phố với hàng thùy dương hình cánh cung nơi bãi trước, với mái ngói đỏ tươi của ngôi biệt điện Thành Thái nằm lưng chừng một ngọn núi cao, với tháp hải đăng chót vót trên đỉnh, thành phố ấy đang nhỏ dần, lùi xa. Tôi nhìn lần cuối quê hương ấy cho đến khi giải màu xanh của rừng tràm mỏng dần đi rồi biến mất vào đường chân trời.

Hàng trăm chiếc tàu và thuyền bè di tản nối đuôi nhau ra khơi. Trên lòng biển bao la trông chúng bé nhỏ và mỏng manh như những chiếc lá liễu.

*

Về phía hải đăng trên bãi cát có ba người đàn bà đi tới.

Thái Vân người đi giữa mặc chiếc áo len màu đỏ. Hai người bên cạnh là nhà văn Trùng Dương và nhà thơ Trần Mộng Tú. Khi ba người tới gần, chị Thái tay cầm máy ảnh rời hai người kia đi nhanh về phía tôi, giơ tay ra dấu muốn chụp hình tôi với cái phông hòn vua ở phía sau. “Trùng Dương ơi!”. Tôi gọi thầm. Từ ngày quen biết chị chúng tôi hay gọi chị Thái như thế. Và lời chào

buổi sáng của tôi với chị thường là một câu hát trong *Ngày Đó Chúng Mình* của Phạm Duy.

Để át tiếng ầm ầm của sóng biển, tiếng hát của tôi vừa thoát ra khỏi miệng đã trở thành tiếng hét:

–Trùng Dương ơi! Có xót xa cũng hoài mà thôi...

Chị Thái tay giơ cao chiếc máy ảnh, ngửa mặt lên nhìn ra biển khơi Thái Bình Dương, chị cũng hét to không kém trả lời tôi:

–Anh Thiết ơi! Trùng dương này vô tình lắm. Trùng dương này chẳng bao giờ biết xót xa đâu! Không tin anh cứ thử hỏi những thuyền nhân thì biết...

Nguyễn Tường Thiết



Ảnh tác giả chụp chung với nhà văn Trùng Dương (trái) và nhà thơ Trần Mộng Tú (phải) trên bãi biển Bandon-Oregon, Sept 2009".

TẾT NÀO MÌNH GẶP LẠI?

Nguyễn Lân

Cả nhà quây quần bên bàn ăn. Đêm Ba Mươi thật êm đềm, ấm cúng. Tấm khăn ren trải bàn trắng càng làm nổi những món ăn đặc thù ngày Tết... nào bún mọc, chân giò hầm măng, giò thủ, miến xào cua, hạnh nhân, chả giò, cuốn ăn cặp với dấm bỗng bên cạnh hơn chục bát bún thang thơm tất những sợi vàng mỏng trứng chiên, giò lụa thái chỉ, thịt lợn nạc xé phay nổi trên nền bún trắng muốt, đĩa bánh chưng dền xanh mát màu cẩm thạch to đầy trông đậm đà nằm giữa bàn... đặc thù của dân Hà Nội trước 54. Đúng là một gia đình Bắc Kỳ chạy Cộng Sản. Và đêm nay, đêm Ba mươi tại thủ đô Sài Gòn hoa lệ.

Hoàng ngồi lặng trong cảnh đoàn tụ mỗi năm chỉ có một lần vào đêm Ba Mươi rạng sáng Mồng Một. Có bà, có mẹ, có cậu nuôi, có anh chị em, có các cháu như những Tết năm xưa nhưng sao chàng vẫn thấy trống vắng. Chàng đương nghĩ tới Vân Kiều, cô cậu nữ sinh và là người yêu của chàng vừa chia tay chiều nay. Hai người chưa chính thức thành hôn nhưng hai bên gia đình đã mặc nhiên chấp nhận. Sáng mai, Hoàng sẽ sang chúc Tết mẹ người yêu và nàng sẽ theo chàng về chúc thọ bà và chúc Tết cả

nhà. Chỉ có đêm nay xa vắng mà sao Hoàng bồn chồn lo lắng thế? Có cái gì báo trước một sự việc không lường sắp xảy tới? Không, có gì đâu! Cậu Tân vẫn chăm chọc chị Thủy, anh Sơn vẫn vui vẻ nói bố láo những chuyện trong trí tưởng tượng, em Vân vẫn liếc mắt tình tứ với hôn phu, chàng nhạc sĩ có giọng ngọt ngào đậm ấm. Tối nay cậu em rể tương lai Ngu Ý sẽ ca nhiều bài để tặng gia đình vợ và để đánh dấu một đêm trừ tịch, đêm đầu tiên bước vào gia đình này.

Hoàng lại nhớ ánh mắt Vân Kiều chiều nay, một chiều tà u tịch trước lối rẽ vào nhà nàng. Đôi mắt huyền mở rộng hơn trong bóng tà hôn buồn bã như trao lời vĩnh biệt.

Hoàng kêu lên: "Em! Em làm anh lo! Sáng mai quăng 9 giờ anh tới mừng tuổi má rồi chúng mình về đặng anh chúc thọ bà và mừng tuổi mẹ anh. Từ mai trở đi, mình sẽ không xa nhau nữa! Đừng nhìn anh như thế!"

Ánh mắt nào nùng thoáng tia vui nhưng trong không gian thoảng tiếng thở dài.

Bóng Vân Kiều mờ dần trong ngõ... Hoàng nhắm mắt lại tưởng như khuôn mặt thanh tú, đôi mắt huyền như mơ ẩn sau hàng mi cong đậm, đôi môi hồng như hé đóa hàm tiếu mà nhiều lần chàng vẫn đắm đuối đặt lên nụ hôn nồng ấm. Hoàng thấy mình hạnh phúc quá. Cái gì đến với chàng cũng toàn bích như ý. Thế sao vẫn tiềm ẩn một nỗi lo âu trong con người chàng?

Giọng mẹ rí rót: "Con sao thế? Đã ăn chậm mà còn thờ người buông đũa như mất hồn vậy?"

Hoàng giật mình, thủ nhận: "Con đang nghĩ tới Vân Kiều. Ban chiều đưa về sao cặp mắt em thấy buồn quá, mẹ à".

Mẹ giục già: "Ăn đi. Ngày mai đến đón em".

Bỗng... ầm... một tiếng nổ dữ dội không xa. Rồi... ầm ầm... tiếng bom rơi...

Cậu Tân đứng bật dậy nói như ra lệnh: “Việt Cộng tấn công! Các anh các chị về nhà ngay thu xếp đêm nay lên Sài Gòn. Chúng nó tiến chiếm Gia Định. Tôi lo vài việc rồi về đón bà và mẹ đêm nay. Mình sẽ tụ họp tại căn nhà trống ba tầng của mẹ tại Trần Quý Cáp. Thôi, giải tán!”

Cả nhà xôn xao. Anh Sơn giữ cậu Tân lại giọng lo lắng: “Cậu biết VC ra tay đêm nay?”

Cậu Tân lắc đầu: “Tình báo bên mình đã cho hay chúng sẽ tấn công Gia Định nhưng không biết lúc nào. Không ngờ đúng đêm Giao Thừa!”

Tạch... tạch... ùng... ùng... véo véo...

Trẻ con đang chơi rút bắt, quăng cả bài, ôm lấy bố mẹ. Cu Út, con chị Thủy sợ quá, khóc thét. Các anh, các chị vội vã ôm hôn bà ngoại và mẹ, tay bồng tay dắt đám con cái ra khỏi nhà.

Hoàng nói với cậu Tân: “Cháu ở lại với bà và mẹ chờ cậu!”

Cậu Tân giọng gắt: “Anh lên Sài Gòn trước đi, thu xếp nhà cửa phòng ốc để bà, mẹ lên có chỗ nghỉ ngơi đêm nay. Tôi đi chừng nửa tiếng sẽ về ngay mà”.

Hoàng không dám cãi lời, vội vã ra khỏi nhà. Nhưng thay vì lên ngã cầu Ông phía bắc hướng Sài Gòn Hoàng hối hả lái xe về phía nam hướng nhà Vân Kiều. Trên đường xe cộ tấp nập xô bồ hỗn loạn, người bộ hành giằng giạt nhau đi. Tiếng la hét, tiếng rên rĩ... Không thể chen lấn được nữa, Phong đành bỏ xe tại góc đường Ngô Tùng Châu, đầu đường nhà Vân Kiều. Khu này đang bị VC tấn công. Tiếng súng càng lúc càng to, càng gần xen lẫn tiếng bom dội vang vọng xé màng tai. Quân đội ta đang trả đũa, không quân thả bom đúng tiêu điểm. Đây, Ngã Năm Bình Hòa,

vùng tử địa của tàn quân Việt Cộng. Nhưng đau lòng thay, bao nhiêu mái nhà đổ nát, những vách tường tan hoang vì bom đạn, người dân gục ngã trên vũng máu đào! Xác bọn chiến binh Cộng Sản xấp ngửa đó đây, mặt mũi bê bết bùn và máu, thân thể tả tơi, tay cụt chân gãy. Nhìn những khuôn mặt trẻ măng của bọn du kích Việt Cộng mà Hoàng không khỏi ngậm ngùi. Những đứa con nít này hy sinh cho ai, cho lý tưởng gì?. Chúng còn trẻ quá, 15, 16, tuổi đương lớn. Chúng đã hy sinh cho một lũ bán nước, cho một chủ nghĩa phi nhân bản. Thật vô lý! Thật tội nghiệp!

Nhớ tới người yêu Hoàng mạnh dạn dẫn mình trong lửa đạn, tránh những mảnh bom tan vụn trên đầu rồi rơi vào vũng nước còn xèo xèo bốc khói bên cạnh. Có vật gì đu đưa trên đầu... thì ra... trên một cành cây lớn còn vắt vẻo cánh tay trần nuột nà đầm máu của ai đó, một người con gái nào chết không toàn thân. Mùi khói thuốc súng khét lẹt, bụi mịt mù nguyên cả vùng Hoàng đương lao đến nhà Vân Kiều. Quanh chàng là một bãi chiến trường còn lại... cây cối gãy đổ ngổn ngang, xác người rải rác, những mái nhà thủng lỗ, những vữa tường loang lỗ bề từng mảng, những mảnh đất bị cày nát, những chiếc xe hơi rúm ró, những chiếc xe đạp cong queo. Mùi chiến tranh lợm giọng đau thương.

Nhà nàng kia... nhà đầy sao mái như lệch hẳn, như muốn sụp. Hoàng dợm chạy tới nhưng tiếng đạn vèo bên tai khiến chàng phải nằm rạp, úp mặt xuống đất rồi trườn mình bò đi. Trông nhà không xa mà thật khó khăn tới gần. Thời gian như ngưng trôi. Tim chàng như lửa đốt. Cả gia đình ra sao dưới mái bị tróc nóc?

Bước qua xác một chiến binh Việt Cộng, né tránh những mảnh bom rơi tả, nép mình trước hàng dậu nhà Vân Kiều, chàng trườn mình lách những bụi cây, bò dần vào bên trong nhà. Một cảnh tượng hỗn độn tan tác ngay trước mắt. Bàn ghế gãy đổ,

chậu kiếng tan tành, vật dụng trong tủ kính bể rơi nát bấy, tranh ảnh tung toé trên sàn đá hoa đây đó bị xới tung.

Hoàng hét to: “Vân Kiều! Vân Kiều!”.

Ầm ì tiếng bom, vi vút tiếng đạn trả lời.

Xác ba nàng nằm xấp ngay sau lưng chiếc tràng kỷ gỗ gụ, máu còn rịn rỉ trên lưng. Mẹ nàng co quíu ngay bên cạnh, máu đã bầm đầy đặc quanh đường đi của viên đạn xuyên qua trán. Trước cửa bếp, anh Phong chết đứng, lưng tựa vào tủ lạnh kẹt cứng bởi vách tường màu hồng kể bên, tay còn cầm chai rượu mùi, cổ anh nơi lỗ đạn chọc thủng khô đặc máu đen. Còn nàng, Vân Kiều đâu, Vân Kiều, Vân Kiều ơi?!

Hoàng khựng lại trước cửa phòng ngủ. Nàng đấy, bất động trên nệm chăn trắng toát loang lổ máu đào. Hoàng chồm tới, ôm đầu Vân Kiều ấp vào ngực. Người nàng chưa lạnh hẳn dù tim đã ngưng đập, môi đã tái, nhưng cặp mắt còn mở rộng... như chờ đón thu hình ảnh của Hoàng.

Hoàng hoa mắt... chàng thấy nàng đứng ngay trước mặt, cười mỉm y như thảng trước nàng diễn vở Vân Muội của thi sĩ Vũ Hoàng Chương kỷ niệm Tết Mậu Thân sắp đến cho trường Gia Long – thi kịch liêu trai – mà vai Vân Muội là một oan hồn xuất hiện. Nàng đã diễn thật xuất sắc đắm mình trong những câu thơ nào nùng mà chính tác giả cũng phải xúc động:

*“Em đã chết, thôi rồi, Vân Muội
Còn nói chi rằng nổi tiền duyên
Đành thôi ngàn kiếp ly duyên
Luân hồi đây vẫn còn nguyên hận tình”.*

Hoàng dang rộng tay chồm tới... nàng vẫn còn đó cho cặp mắt chàng nhưng không có trong vòng tay chàng. Bàn tay ai mạnh mẽ giữ cứng chàng lại: “Cô ấy đã đi rồi!”.

Hoàng tỉnh hẳn ngơ ngác nhìn những người lính cứu hỏa đang thu dọn vùng tử địa vừa vào tới.

Tết nào mình gặp lại nhau?

Không có ai đáp lại. Câu trả lời là một cái Tết bi thảm, sầu thương không riêng cho chàng mà cho toàn dân miền Nam nước Việt, Tết Mậu Thân, cái Tết vô cùng đau đớn không bao giờ quên!

Nguyễn Lân

Virginia, một ngày đầu Thu 2018

Để tặng những ai đã sống tại Sài Gòn Tết Mậu Thân

BUỒN XƯA

Tặng chị D.

Mai mốt chị về thăm quê cũ
Chị còn gì để tặng cho em
Những nong tầm nhớ tơ lụa mỏng
Mùi khăn san rào rạt nhớ thương

Chị trở về, hai vạt áo nhung
Thắm xanh cả đến gió mùa đông
Nghe trong rét mướt lời than thở
Đáy hồ yên, ai dấu nỗi lòng

Chị sẽ đi trên hè phố cũ
Tiếng guốc ngày xưa réo rất vui
Mặt đường khô nghe từng xác lá
Bao mảnh hồn vương vẫn ngậm ngùi

(Có chút phấn hồng vương trên má
Mà nghe thơm ngát cả không gian
Hôm qua có một chàng thi sĩ
Làm một bài thơ rất dịu dàng)

Có phải thời gian đã ngừng trôi
Cả thơ ngây nữa, mất đâu rồi
Em vẫn là người đan mộng ảo
Chị về nghe cả lá hoa rơi

Chị về, tóc chẻ đường ngôi giữa
Kẹp tóc cài bao nỗi vấn vương
Cuối đường nghe đậm mùi hoa sữa
Và ai chờ, vai áo ẩm sương

07.1994

Nguyễn Tường Giang

Bài thơ dưới đây tác giả tặng cô cựu nữ sinh Gia Long Kiều Hạnh, người có hoa tay gọt tía, uốn nắn những nhánh Thủy Tiên với những hình dạng điệu kỳ: đôi bướm trắng, cặp rắn uốn lượn quấn quít bên nhau, vườn Thượng Uyển với bóng dáng Đức Phật ngự Tòa sen...

Dưới đây là mấy tấm hình chụp hoa Thủy Tiên của Kiều Hạnh tặng thầy Nguyễn Lân.





XUÂN THỦY TIÊN

Một năm dài nhưng nhớ,
Đón em về cùng với Chúa Xuân
Thủy Tiên ơi! Trong ngọc trắng ngần
Thiếu vắng em, Xuân không còn linh diệu

Vẫn mượt mà từng cánh hoa yếu diệu
Vẫn thanh tao e ấp dáng mỹ nhân
Vẫn cao sang suối tóc đượm tình xuân
Vẫn đắm say đôi mắt huyền u uẩn
Thủy Tiên ơi! Nhụy tim vàng vương vấn
Tâm lòng vàng... nơi Phật ngự tòa sen

Hương từ đâu... nhẹ tỏa... tự nơi em
Hương thơm ngát, ôi, mùi thơm tinh khiết
Thanh-Sắc-Tâm, Thủy Tiên em... diễm tuyệt
Lá đoan trang ôm gọn cả trời xuân
Lá nhẹ nhàng uốn lượn sóng thanh tân
Vườn Thượng Uyển chập chờn đôi bướm trắng
Hoa-Kiều nữ-hay uyên ương tung cánh
Em thực hư, huyền ảo, Thủy Tiên ơi!
Đôi mắt nhung thu hút sắc mây trời
Tay ngà ngọc, em xoay vần vũ trụ

Em như hoa, như tơ vương quyến rũ
Kết thành duyên cùng với ý thơ
Cho thi nhân khai bút mộng mơ
Trên hoa tiên họa hình em... Kiều Hạnh!

NGUYỄN LÂN

Bài thơ trên tác giả tặng cô cựu nữ sinh Gia Long Kiều Hạnh, người có tài uốn tỉa hoa Thủy Tiên theo đủ hình dạng diệu kỳ.

Dưới đây là bài thơ tiếng Pháp do Diễm Hoa chuyển ngữ:

LE MAGIQUE PRINTEMPS DE THỦY TIÊN

Passée mon année nostalgique
Tu m'es revenue comme une déesse de Printemps
Ô Thủy Tiên! Sans tes milles éclats de perle
- Sans Toi - mon printemps ne sera plus magique.

Éclatante dans chaque pétale de fleur
Pure comme un amour éternel
Vogue dans le parfum, le ruisseau de tes cheveux
Tes yeux de velours m'ennivrent de mystères.
Ô Thuỷ Tiên! Ton cœur d'or de nénuphars
M'encorcelle dans ce monde céleste
Comme tout n'appartient ... qu'à Toi
Remplis-moi ton doux ciel de feuillage
Léger et féerique jusqu'à l'horizon lointain.
Dans ton jardin secret, s'aiment les papillons
Jaloux des cigognes amoureux des vents,
Comme ce doux mirage romantique.
De tes yeux voluptés, garnis ce ciel toujours clair,
De tes doigts nacrés, crée un univers unique.

Tu es ma narcississe si rare
Qui se marie avec mes poèmes immortels
Laisse toujours ma plume rêver
Et graver ton cœur au nom des fleurs.

Paroles : Diễm Hoa
D'après le poème "Xuân Thuỷ Tiên" de Nguyễn Lân

CON YÊU TINH THỨ MỘT TRĂM LẺ TÁM

Đặng Thơ Thơ

Cuối cùng tôi đi đến quyết định lập đàn giải oan cho cha, một phần vì lòng thương xót vong hồn ông, phần khác vì tôi kiệt lực trước sự quấy phá của những hồn ma ấy. Đã bốn mươi năm rồi tôi chẳng hề được một giấc ngủ thanh thoi. Đã chừng đó năm rồi tôi bị ám ảnh từng đêm- sự ám ảnh rất thường trực nhưng không hề quen thuộc. Người ta vẫn nói sự tiếp cận thường xuyên sẽ dẫn đến miễn nhiễm, chẳng hạn miễn nhiễm với vi trùng, với chất độc, với lạm dụng, với tra tấn... Nhưng quả thật chúng ta chẳng bao giờ miễn nhiễm với ma quỷ cả. Trừ khi chúng ta biến thành ma quỷ.

Cha tôi là một người khác thường. Vị chủ tịch yêu kính của nhân dân, người lãnh đạo thành công các phong trào giải thực, hào quang thần thánh bao trùm cuộc đời đã được tiểu thuyết hóa của ông. Xác ông nằm trong một tòa lăng nguy nga bằng đá đen xây trên một ngọn đồi cao, đứng ở bất cứ góc độ nào trong thành phố cũng thấy sự ngạo nghễ của nó thống trị nền trời. Bộ chính trị chúng tôi vẫn tự hào rằng không kể Kim Tự Tháp và Taj

Mahal, thì Lăng của cha chỉ kém Lăng Lê-nin chút đỉnh. Nhất là kể từ lúc có một nhà văn tên Gabriel Garcia Marquez đến viếng thì Lăng cha đã nghiêm nhiên trở thành một kỳ quan thế giới.

Tôi suy nghĩ rất nhiều và cuối cùng nhất quyết mời vị thiền sư trụ trì Làng Sen về nước lập trai đàn giải oan. Thù lao chắc thầy không lấy nhưng tôi sẽ cúng dường bằng đất, là thứ mà chúng tôi dư thừa, để xây thêm những Làng Sen khác. Những cái làng kiểu này sẽ là chỗ thu tiền về sau, khi chúng tôi sát nhập thiền học vào du lịch. Tôi hình dung một viễn cảnh tươi sáng: các Làng Sen thành khu nghỉ mát nổi tiếng dọc Nam ra Bắc, những tu viện hay đất thánh sẽ là nơi tẩy rửa tội lỗi, khiến những đồng tiền trở nên sạch sẽ. Bước vào thiền viện và bước ra thiền viện, chúng ta biến thành những con người khác. Bước vào là ma, bước ra là thầy. Tôi tin tưởng vào sức mạnh vô biên của tôn giáo, đây là con đường tắt thẳng của kẻ biết làm chính trị.

Thiền sư Làng Sen là người tôi rất có cảm tình. Từ hồi phản chiến ông đã tuyên bố nhiều điều thuận lợi cho cuộc cách mạng giải phóng đất nước của chúng tôi. Khả năng lèo lái tốt. Thấu triệt tình hình quốc tế. Rất bức xúc để tiến tới giải Nobel Hòa Bình. Nếu Lê Đức Thọ xứng đáng một nửa thì Thiền sư Làng Sen xứng đáng hoàn toàn. Ông ta là ứng cử viên sáng giá nhất để trấn an các oan hồn trên đất nước chúng tôi.

Trong một buổi trà đàm ở thiền viện lúc vừa về nước, Thiền sư Làng Sen nói:

“Giải oan nên làm ngay trước Lăng thì đắc địa. Nên gọi là Đàn Tràng Bình Đẳng để đừng ai thắc mắc. Mọi người bình đẳng trong cái chết, lãnh tụ hay nhân dân, kẻ thù hay đồng chí. Khác biệt duy nhất là sự giác ngộ của mỗi người. Pháp môn Làng Sen sẽ là nơi an trú cho tất cả.”

Tôi cẩn thận dặn Thiền sư Làng Sen đừng phát âm tên cha khi làm lễ cầu vong.

Ông nói: “Khẩn thăm hay xướng danh thì cũng vậy, chỉ là hình thức.”

Tôi nói, nhưng cũng là thể diện.

*

Trong buổi họp chiều qua bộ chính trị phản ứng rất quyết liệt. Cũng dễ hiểu, làm sao có thể chấp nhận sự kiện vị lãnh tụ yêu kính của nhân dân lại cần phải giải oan. Nhưng cuối cùng tôi đã phân tích cho họ thấy. Lãnh tụ của chúng ta luôn luôn là một con người đức hạnh, lý tưởng, một thánh nhân. Chân lý này không bao giờ thay đổi. Nhưng cha tôi, một linh hồn, một xác chết, một sự thối rữa cổ tình, thì lại khác. Sự thật của nhân dân và sự thật của chúng ta là hai thứ khác nhau.

Sự thật là, thân xác cha đã lên mốc trắng. Những mẩu thịt đã bệu rệu lầm. Trứng dôi đã sinh sôi từ kẽ háng và đục ruỗng hạ bộ theo hình chụp quang tuyến X tuần rồi. Tóc và râu đã phải gắn lại từng cọng bằng keo đặc chế. Mỗi tháng một lần tôi đứng coi người ta “tắm” cho cha. Người ta lấy cha ra, lau chùi, kiểm tra, đo đạc và thử nghiệm. Họ quay phim, họ thu hình, họ viết hồ sơ và tôi là người ký trên biên bản với tư cách là con lãnh tụ. Các nhà khoa học, vốn từng đi tu nghiệp khóa ướp xác Lê-nin bên Nga, phải mặc đồ khử trùng từ đầu đến chân để tránh làm cha ô nhiễm và hư hoại thêm. Khoa học của đất nước ta đã tiến bộ vượt mức. Ngày xưa cứ mỗi năm ba tháng, chúng tôi chuyển cha lên máy bay sang Liên-xô để bảo trì. Bây giờ chuyên gia trong nước đã đủ trình độ chăm sóc cha. Chi phí tốn kém đến mức tôi không dám nghĩ đến, không ai dám hé môi nói đến con số kết toán. Cũng phải thôi, những con số bảo mật, tất cả những gì liên quan đến Lăng đều thuộc bí mật quốc phòng. Chúng tôi đã dự liệu trường hợp

có khủng bố thì chỉ cần nhấn nút điều khiển từ xa, quan tài của cha sẽ tự động hạ xuống phòng thí nghiệm xây sâu trong lòng đất, giữa một địa đạo đủ sức chứa cả một sư đoàn.

*

Chung quanh Lăng đạo này hay có những kẻ lạ lảng vảng, không phải du khách, cũng không phải dân thủ đô. Họ hẳn có một ý đồ nào đó. Lăng vẫn là đối tượng của những kẻ xấu, các thành phần phản động đáng ngờ.

Đến trưa nay công an thông báo mới bắt được một tên. Tạm khép tội phản động. Tôi dặn, cần được chăm sóc đặc biệt. Hồi cung và tra tấn là chuyện nhỏ. Điều quan trọng là trong hồ sơ của hắn điều gì sẽ được viết ra và điều gì sẽ không tồn tại.

*

Đàn tràng đã dựng được ba ngày ba đêm ngay trước Lăng cha.

Tên phản động cũng tuyệt thực ba ngày ba đêm để phản đối. Hắn muốn gì?

*

Hắn trông chờ các tổ chức nhân quyền can thiệp. Hắn dựa vào thế lực hải ngoại chẳng. Chúng tôi biết các đài truyền thanh ngoài nước đang thi nhau phát tin về hắn. Hắn đang trở thành anh hùng trong mắt mọi người.

Hỏa Lò của chúng tôi không nên là nơi để tôi luyện anh hùng.

Đó phải là lò rèn sự thật. Hắn vẫn chưa chịu nói thật.

*

Cả nước vẫn xì xào về việc vong hồn cha không được yên nghỉ, nhiều kẻ còn khẳng định đây là sự trừng phạt xứng đáng

với tội nghiệt của ông. Đâu ai biết các oan hồn mỗi đêm vẫn nhập vào thầy cha để thừa hưởng một chút tồn tại vô nghĩa và luân phiên đùa cợt tôi. Cái xác cha, khô và cứng đơ như sáp, trông còn giả hơn những bức tượng sáp ở Hollywood tôi chứng kiến dạo nào. Nó đã trở thành một chiếc giường mời gọi các linh hồn đến ngủ nhờ vào những đêm dài vất vưởng lang thang.

Đúng như dự tính, đàn tràng quả đã lôi kéo sự quan tâm của thế giới và khiến hình ảnh chúng tôi trở nên nhân bản hẳn. Chúng tôi đã công bằng với lịch sử. Chúng tôi đã nghiêng mình xuống những linh hồn của phe bại trận. Sự có mặt của Thiền sư Làng Sen khiến chúng tôi trở nên những kẻ thức thời, tiến bộ, và dân chủ. Kinh cầu siêu quả có tác dụng gây ảo giác về hòa hợp hòa giải dân tộc. Bộ chính trị lảng lảng cho mọi việc tiến hành. Sự im lặng được diễn dịch bằng nhiều cách. Điều bất ngờ là tôi đã ngắt đi khi chứng kiến những nghi lễ hoành tráng ấy. Ngay lúc tiếng kinh cầu siêu trùng trùng dội từ đất sâu lên đến đỉnh đồi thì lửa chợt hóa thân thành sinh khí, uốn éo như dáng vũ nữ, hùng hổ như tướng sát thần, có khi mang hình thanh yếu của những hài nhi xanh mướt. Những hồn âm này hết tranh nhau diễn lại vở kịch tang tóc trên đàn tràng rồi lại nổi đuôi đi vòng quanh Lăng. Sức chứa của quảng đồi nhỏ hóa ra vô tận. Cơ man người của mấy mươi nghìn thế giới đều đứng vừa mảnh đất này, trùng điệp, thừa thãi, vô vọng. Tiếng cầu kinh ề a lẫn với tiếng nài nỉ buồn bã: “Chúng tôi không cần giải oan. Giải oan làm gì. Chúng tôi chọn cái chết này. Cái chết này là vinh quang của chúng tôi. Đừng giết chúng tôi thêm lần nữa. Đừng quật mả mả chúng tôi. Đừng băm vằm bia mộ chúng tôi. Đừng tước đoạt vinh dự chúng tôi. Vinh dự cuối cùng của chúng tôi. Của chúng tôi, của chúng tôi...”

Những kẻ khát thực linh hồn ấy thối những lời đùa cợt xoáy vào màng nhĩ tôi, âm vọng lừa như gió trống ngoài nghĩa địa. Họ

khắc nhố câu chữ vào mặt tôi như phun nọc độc, mỗi chữ rất bóng như vết nung, buốt sắc như vết cắt. Lưỡi họ lóe sáng như những thanh kiếm vờn quanh người tôi, vật tôi ngã xuống, lịm đi.

*

Hắn đã tỉnh lại. Hắn nói lắp bắp bằng cái mồm sưng vếu, đừng tự lừa dối rằng chết là hết. Hắn bảo, giải quyết một sinh mạng thì rất dễ, nhưng giải quyết một linh hồn thì bất khả. Trước khi giết một con người, hãy dự trù việc linh hồn ấy sẽ làm gì sau cái chết. Cái chết mới là bất tử.

Chúng tôi hỏi hắn có muốn trở nên bất tử không, bất tử trong nhục nhả thì có sướng không, có biết rằng cái chết chẳng bảo đảm điều gì, nói chi danh dự.

*

Đàn tràng kết thúc.

Lửa đã tắt và ảo ảnh đã khuất.

Cõi âm mở ra một vở tuồng náo động rồi khép lại im lìm. Nhưng những gì tôi đã thấy tôi sẽ nhớ mãi cho đến khi không còn trí nhớ. Bây giờ, nhìn những khoảng trống không mệnh mông tôi hiểu trong ấy chứa đầy hình người, trong nguyên trạng khi vừa bị giết, què cụt, lở lói, vỡ óc, lòi ruột, đứng ngời la liệt trong cuộc biểu tình đòi đất sống. Khoảng đồi, từ ngày có đàn tràng trở đi, đầy gió chướng buốt óc làm tê liệt thần kinh. Nhiều vụ trúng gió độc và nhiều tai nạn chết người xảy ra trên những con đường dẫn đến Lăng. Các điều tra cho thấy xe cộ bị một lực đẩy khó hiểu điều khiển. Theo báo cáo mới nhất, những chiếc máy bay khi băng ngang vùng trời gần Lăng đều bị một từ trường kéo lại gần rồi hút xuống. Trời hạn hán rất lâu. Những cơn lốc hung hãn cuốn

phăng cây cối quanh Lăng. Những hồn ma trở nên hung hãn hơn sau vụ cầu siêu. Tôi đồ rằng chúng đang ra tay báo oán.

Việc giải oan không thành khiến tinh thần tôi suy sụp. Đã mấy tuần liền tôi mất ngủ.

*

Tôi đến gặp Thiền sư Làng Sen:

“Tại sao lại có tình trạng này? Ông đã cam kết là các oan hồn sẽ không theo tôi nữa. Bao nhiêu mẫu đất mang tên Làng Sen giờ là của ông, trả công như thế mà vẫn không được việc à?”

Thiền sư Làng Sen trầm ngâm một lúc, hẳn ông không muốn làm tôi thất vọng. Con người nhiều cao kiến và tưởng như khó hiểu lại thốt ra những lời rất bình dị:

“Thời điểm tốt nhất để trồng một cái cây là hai mươi năm về trước. Thời điểm thứ nhì là ngay lúc này, một ngàn năm về trước. Thời điểm thứ ba là ngay lúc này, một ngàn năm về trước. Hoa nói vậy. Những gì cần làm thì chúng ta làm ngay, nhưng đừng vội vã. Cần có thời gian để tiêu trừ những khí ác kết tụ đã lâu. Oán kết hai mươi năm thì phải giải ít ra là hai mươi năm, từng ngày thành tâm sám hối, làm sao mà gặp được. Và lại lòng thành là điều cốt yếu.”

Ông nói đến lòng thành, ông ngụ ý tôi không đủ lòng tin? Có thể. Trong vô thức tôi nhìn Thiền sư Làng Sen như nhìn một giáo chủ tôn giáo hơn một bậc chân tu. Còn hôm nay trông ông giống diễn viên tuồng chèo hơn là giáo chủ. Từ hôm giải tán đàn tràng đến giờ hình ảnh ông đã gắn liền với áo hoàng bào và vương miện vàng chói trên đầu. Trước mặt ông là thanh gươm trừ tà và cái kính chiếu yêu (*). Đôi mắt tôi đã quen nhìn ma quỷ, tôi tự hỏi kính chiếu yêu của ông có chính xác bằng gương mặt của tôi? Đôi mắt này, nếu tôi chết đi, tôi không muốn chúng bị hủy hoại. Tôi muốn để lại cho đời những chiêm nghiệm sống của mình, dẫu

những chiêm nghiệm ấy chỉ toàn là điều dữ. Mà kính chiếu yêu, hay minh cảnh đài, có thật sự ích lợi như người ta tưởng? Ai là kẻ đủ can đảm để soi rọi chính mình trong kính? Giây phút nhìn vào kính, con người tự đặt mình vào lằn ranh giữa thần thánh và ma quỷ, và với kẻ tu hành thì lằn ranh ấy càng mỏng manh gấp bội.

Tôi hỏi, cố tình khiêu khích: “Nói đến lòng thành, ông có đủ lòng thành để soi mặt vào tấm kính ông cầm trên tay không?”

Thiền sư Làng Sen không bị xúc phạm. Công phu tu luyện của ông khá cao làm tôi không khỏi khâm phục. Ông không trả lời thẳng, mà kể một công án, như thế tôi đang là kẻ thỉnh cầu Phật pháp:

“Tôi còn nhớ một câu chuyện được đọc từ nhỏ, về một thiền sinh Nhật Bản nhập thế để trừ gian diệt bạo. Theo lời thầy dạy, anh phải giết đủ 108 con yêu quái lọt người trong vòng 10 năm để hoàn thành sứ mạng. Anh được vị thầy chương môn trao cho hai bảo bối là thanh kiếm trừ tà và kính chiếu yêu để khỏi giết lầm người. Trong năm năm đầu anh đã phát hiện được 107 con yêu và dùng gươm thiêng hạ sát chúng. Nhưng năm năm sau đó anh không sao tìm ra con yêu thứ 108 để hoàn tất lời nguyện với thầy. Vào ngày cuối cùng của năm thứ mười, biết rằng thời hạn sắp chấm dứt, và phải nộp đủ 108 mạng sống, anh ta đập vỡ minh cảnh đài và dùng gươm mổ bụng tự sát. Vậy ông nghĩ anh ta có đủ lòng thành hay không?”

Tôi hơi bị bất ngờ trước câu hỏi. Tôi nghĩ ông ta bịa câu chuyện này để tránh né, một kiểu tránh né điêu luyện. Tung ra những ý tưởng có vẻ cao siêu với chủ ý đánh lạc hướng đối phương là kỹ thuật cao cường của ông ta. Tôi tiếp tục tấn công:

“Như vậy, một là anh ta nhìn vào gương và nhận ra mình là yêu, rồi tự sát vì thất vọng. Hai là anh ta không đủ can đảm,

không dám nhìn vào gương và chọn cái chết để che đậy sự yếu đuối của mình. Lòng thành hay không, đấng nào cũng chết.”

Thiền sư Làng Sen nghiêm trang nói:

“Bí ẩn của công án nằm ở giữa thời điểm tấm gương bị đập vỡ. Mỗi người chúng ta đưa ra đáp án khác nhau vì lòng thành của chúng ta khác nhau. Có thể nghĩ rằng, để nhìn thấy bản lai diện mục, anh phải là nạn nhân cuối cùng của chính thanh kiếm trừ tà của mình. Nếu nói theo tinh thần Thiền Chúa giáo, anh ta tự sát để thể mạng và rửa sạch tội lỗi cho thế gian.”

Cút! Thiền sư Làng Sen không đủ khả năng để giải chính cái công án bịa của ông. Hành động tự sát của anh chàng, đối với tôi, là một thất bại không thể chấp nhận được. Mọi công án chỉ là sản phẩm tưởng tượng của tinh thần, hoàn toàn không mang chút giá trị thực tiễn nào.

Vậy mà những ngày sau tôi vẫn bị công án ấy ám ảnh. Đây chỉ là một bi kịch giả dạng, tôi vẫn hiểu. Nhưng nó vẫn khiến tôi tiếc nuối. Với hai bảo vật đó, kính chiếu yêu và kiếm trừ tà, anh ta có thể gồm thâu cả thế giới trong lòng bàn tay. Sao chết uống vậy.

*

Hắn không chịu xác nhận sứ mạng của hắn là lật đổ chúng tôi.

Chúng tôi vẫn tiếp tục làm việc nhẹ nhàng với hắn. Chất nổ ai cung cấp. Vũ khí giấu ở đâu. Tổ chức có những ai. Ai đứng sau lưng tài trợ.

Hắn nói chẳng có mưu toan nào cả. Hắn chỉ làm theo ý dân và ý trời. Điều chúng tôi cần là tên gọi và cơ cấu của tổ chức. Chúng tôi không sợ dân hay sợ trời.

Ma quỷ thì chúng tôi sợ.

*

Đôi mắt của người đối diện là những minh-cảnh-đài thường trực cho chúng ta nhìn thấy chính mình, thật trong suốt, không tí vết. Những cặp kính ấy, triệu triệu những cặp kính chiếu yêu ấy, đang theo dõi tôi suốt ngày đêm. Kiểu cách mọi người nhìn tôi, kín đáo và ái ngại, khiến tôi bức bối. Tôi hiểu sắc diện mình thể thảm đường nào. Khi soi gương cạo râu tôi thấy cơ mặt mình hằn sâu những nét ghê rợn của kẻ phải chứng kiến quá nhiều điều gớm ghiếc. Tia mắt tôi phát lộ vẻ kinh hoàng, như ánh mắt của kẻ chết bất đắc kỳ tử, chết không nhắm mắt, chết trong oán hờn.

Buổi sáng hôm nay trong lúc ăn điểm tâm cùng một phái đoàn nước ngoài ở nhà khách quốc tế, tôi đã đi đến một quyết định riêng mình. Tôi sẽ phải hành động để cứu vãn một điều nguy kịch. Trong lúc người phục vụ dọn phở cho nhân viên sứ quán, tôi nhớ về đói khát của cha đêm qua, khi cha nói đói lắm mà không sao ăn được đồ cúng trên bàn thờ. Cha đã nhìn tôi thèm thuồng như thể tôi là miếng thịt tái non nằm tươi sống trên tô phở của ông. Tôi hiểu càng ngày ông sẽ càng sa sút hơn. Một oan hồn thèm thịt sẽ đi đến chỗ tôi tệ nhất.

Ma cà rồng, quỷ nhập tràng không phải là sản phẩm của tưởng tượng và phim ảnh. Đó là ước mơ thầm kín của con người.

*

Chúng tôi nghĩ hồ sơ hắn sắp kết thúc nay mai. Chúng tôi cũng có chút buồn ngủ sau nhiều ngày làm việc, trong thâm tâm chúng tôi cũng cảm mến hắn. Hắn là người trí thức, chúng tôi nhận thấy thế. Trong buổi nói chuyện chúng tôi mời hắn thuốc lá ngoại và cà phê sữa. Chủ yếu chúng tôi chỉ ngồi nghe. Hắn tránh né vấn đề chính, chọn cách ăn nói lấp lửng theo kiểu ẩn dụ. Đại khái không nên để một xác chết làm biểu tượng cho bất cứ

điều gì, càng không phải cho một dân tộc đã dư thừa xác chết. Hẳn phân tích khác biệt giữa oan và oán. Hẳn cho những ví dụ như giải oan người chết và kết oán người sống. Chúng tôi khuyên hẳn đừng hành động quá khích, có gì thì viết kiến nghị và kiên nhẫn chờ đợi.

Cuối cùng chúng tôi hỏi hẳn: “Anh có đề nghị gì về tình hình đất nước, cứ thẳng thắn. Chúng tôi rất cởi mở, sẵn sàng lắng nghe.”

Hẳn hỏi, các ông nghe nói gì về con yêu thứ 108?

*

Lại đến chu kỳ rửa xác cho cha. Tôi gọi là ngày khâm liệm mỗi tháng. Cứ đến thời gian này tôi lại bồn chồn, buồn nôn, rồi ói ra thốc tháo. Mỗi lần như vậy, gan ruột tôi, tất cả mọi thứ trong bụng đều trời ngược hòng. Triệu chứng này các bác sĩ tiêu hóa nói cũng phổ biến, do tâm lý căng thẳng. Chỉ riêng tôi biết là do hít thở quá nhiều mùi thịt thối rửa gây nên. Thuốc men không cách nào ọ ọ cảm giác này khỏi cơ thể, tôi không cách nào ọ ọ cái xác ra khỏi ý thức, bởi nó đã mẫn tính bám vào tôi mấy chục năm nay. Một cách nào đó, tôi đang bị nó ăn thịt. Tôi đã tận dụng những thế lực trong tầm tay để chống chọi. Nhưng những thế lực quanh tôi đang phản kháng lẫn nhau và nghiền nát tôi trên đường đi của chúng.

Tôi phải giải quyết cách nào? – Hoặc cái xác, hoặc tôi. Thế thôi.

Nhưng làm sao thủ tiêu được nó? Cái xác này không chỉ là một cái xác, nó là di sản thuộc hàng quốc bảo. Nó đã qua mặt cái xác của Lê Nin. Nó đang cạnh tranh với những xác ướp Ai Cập. Như cái xác người còn tươi rói sau năm nghìn năm vừa tìm thấy ở vùng băng sơn châu Âu, nó sẽ còn tồn tại mấy ngàn năm nữa, bất chấp những thiên tai, những biến động, những đảo chính,

những thăng trầm của thể chế và những suy tàn của lịch sử. Nó có thể mất tích, rồi nó sẽ lại được khai quật, được phân chất, và hình ảnh nó lại tràn ngập những bản tin thế giới. Nó sẽ đại diện cho nền văn minh của chúng tôi ở một thời điểm tương lai, cái thân xác hư mố này. Nó sẽ được triển lãm, được trân quý di chuyển khắp các bảo tàng viện quốc tế. Nó sẽ tìm mọi cách để tiếp tục hiện hữu. Ý chí của nó ghê gớm lắm. Nó sẽ tác quái và áp đặt quyền thống trị lên mọi linh hồn khác. Và tôi sẽ phải lặn lội trong ngàn vạn kiếp đầu thai nữa để cung phụng nó. Tôi nói với cha, tôi cầu khẩn cha, cha ơi, cha đừng chỉ là một cái xác, hãy tan biến đi, hãy hư hoại đi, hãy rã mục đi, hãy sâu mọt đi, hãy thiêu rụi đi, hãy tro tàn đi, vĩnh viễn!

*

Hôm nay là một ngày u ám. Tôi đứng giữa đại sảnh vào giờ cuối ngày lúc Lăng gần đóng cửa. Tôi, cũng như tất cả, phải bước qua quầy kiểm tra vũ khí và để lại mọi vật dụng cá nhân. Vách tường bằng đá tỏa ra khí lạnh toát. Những con người xếp hàng một di chuyển âm thầm trong căn phòng ướp đông màu đen. Nhân viên coi Lăng mặc đồng phục tối để lẫn vào nền tường. Họ ẩn hiện, khi có, khi không. Toàn bộ Lăng là một khối đa giác huyền bí. Mắt nhìn không bao giờ chạm đến đỉnh trần. Ở đây rất khó ước chừng khoảng cách. Ở đây không gian được tạo bằng một chút ánh sáng và rất nhiều bóng tối để xóa mờ những góc cạnh. Ở đây chúng ta bị quan sát như chuột trong lồng kính. Tư thế thăm lăng là đi nghiêm thẳng hàng và hai tay buông sát bên hông. Mọi bước đi đều phải đặt trên đường vạch sẵn, nhìn nghe đều giới hạn và tuyệt nhiên không được sờ chạm, không được cử động cánh tay. Ở đây chúng ta không được phép làm gì khác ngoài việc chiêm ngưỡng xác.

Đường xuống hầm mộ hẹp dần. Mặt đá dưới chân có khả năng thấm thấu những tạp âm để không gây tiếng động. Có

những chỗ nắp kín đáo. Có những kẻ hở của thời gian. Có những duyên nghiệp không sao giải thích được: cái xác – tôi – hắn – Thiền sư Làng Sen – Lãng, đàn tràng – nhà giam – nhà xác... Như một mạch điện chẳng chịt mê hồn trận. Như xâu chuỗi ngăm những tiền kiếp đang chi phối hành động của chúng ta. Như...

Ôc tôi chợt lóe sáng như chớp điện. Tôi vừa được khai quang, tôi đang giác ngộ, tôi bắn ra khỏi vũng lầy nhầy nhụa của u mê. Định mệnh vừa kéo màn cho tôi nhìn suốt những bí ẩn và mưu toan của nó. Tia chớp tâm linh của tôi đang hiển lộ trong đêm. Đứng trong hầm mộ tối tăm tôi nhìn thấy được tương lai, một chuỗi những sự kiện tiếp nối nhau như mắt xích đang diễn ra trước mặt.

Nếu tương lai xảy ra như tôi đang nhìn thấy, nếu đôi mắt tôi vẫn là một minh cảnh đài chuyên nhận diện ma quỷ, thì ngày mai, theo đúng chương trình, Thiền sư Làng Sen sẽ đến làm lễ trong Lãng. Trong thời gian này sẽ có kẻ gài mìn khủng bố. Hệ thống điện bị tê liệt. Phòng đặt máy thu hình toàn bộ Lãng sẽ bị cháy. Sau đó là vụ nổ xác vào lúc giao ca trực. Cái xác sẽ bị thiêu rụi ngay trong hầm. Bộ chính trị sẽ họp khẩn cấp. Một số đổ lỗi cho khủng bố. Một số quy tội cho sự cố kỹ thuật. Tất cả đều đổ lỗi cho nhau. Mọi thủ đoạn sẽ được phô diễn. Tôi sẽ vô can. Thiền sư Làng Sen sẽ mãi mãi là một nghi vấn, như chính công án của ông.

*

Trong buổi họp bộ chính trị chúng tôi đã cố gắng khắc phục tình thế. Một số người đã bị cảnh cáo và đã nhận khuyết điểm. Tôi kiểm chế khá tốt những xung động trái ngược trong lòng. Quanh tôi, những khuôn mặt căng thẳng quá độ trông hệt như hình tranh biếm họa vẽ họ trên các nhật báo hải ngoại.

Nhân vật số hai trong bộ chính trị tuyên bố:

“Phải tuyệt đối không cho nhân dân biết chuyện cái xác bị hủy. Chỉ thông báo đơn giản là đóng cửa Lãng để trùng tu.”

Ngoại trưởng kiêm Phó Thủ Tướng, vừa đi công du Hoa Kỳ về, đề nghị:

“Làm cái xác giả không khó. Tôi thấy ở các Wax Museums bên Mỹ họ làm tượng Lincoln, tượng Nixon bằng sáp rất giống. Chúng ta cho đúc một tượng sáp vừa đúng kích cỡ, đặt vào quan tài thế cho xác thật. Với lại cái xác cũ trông cũng tệ quá rồi.”

Bộ trưởng nội vụ gật đầu:

“Hay. Tôi ủng hộ ý này. Sẽ giảm thiểu chi phí quốc phòng rất nhiều đấy.”

Tôi nói, nếu tất cả nhất trí, chúng ta thông qua gấp, đề nghị bàn sang chuyện nổ bom khủng bố vừa rồi.

Tất cả cùng mở hồ sơ cáo trạng và một người bắt đầu đọc lớn tiếng:

“Hồ sơ ghi nhận, tổ chức này đã rải truyền đơn chống phá, đã cấu kết với phản động ngoài nước, đã tàng trữ vũ khí và chất nổ, đã thực hiện các phi vụ không tặc để âm mưu lật đổ chính quyền.

“Tên khủng bố là đầu não của tổ chức trên. Tang vật là quả bom hãn tự chế và giao cho đồng bọn thi hành. Hắn là tên tội đồ tối nguy hiểm. Hắn là kẻ thù của nhân dân toàn thế giới. Hắn là kẻ chủ mưu trong vụ nổ dưới hầm. Đề nghị án tử hình.”

Một người nào đó nói. Tiếng của một người nào đó trong bọn chúng tôi, cất lên:

“Không. Hắn sẽ chết vì bệnh tim trước khi ra tòa thụ án.”

*

Lăng của cha trong bóng tối vẫn lung linh tỏa sáng như khối nước đá dưới trăng mỗi lần tôi lặn người nhìn ngấm từ dưới chân đồi. Có một điều gì đang thay đổi trong tôi. Sau khi hấn chết và cha tôi chết thêm lần nữa, tôi có đến thăm Thiền sư Làng Sen và hỏi ông về con yêu tinh thứ 108. Nó có tồn tại thật không. Ông nói nó đã chết rồi, chết ngay khi tấm gương bị vỡ.

Cũng có khi ông nói, nó vẫn còn lẩn quất giữa chúng ta.

(*) Chi tiết này có liên quan với truyện ngắn Cửa Tùng Đôi Cánh Gài của Nhất Hạnh trong tuyển tập *Những Truyện Ngắn Hay Nhất của Quê Hương Chúng Ta* (nxb Sóng)

Đặng Thơ Thơ

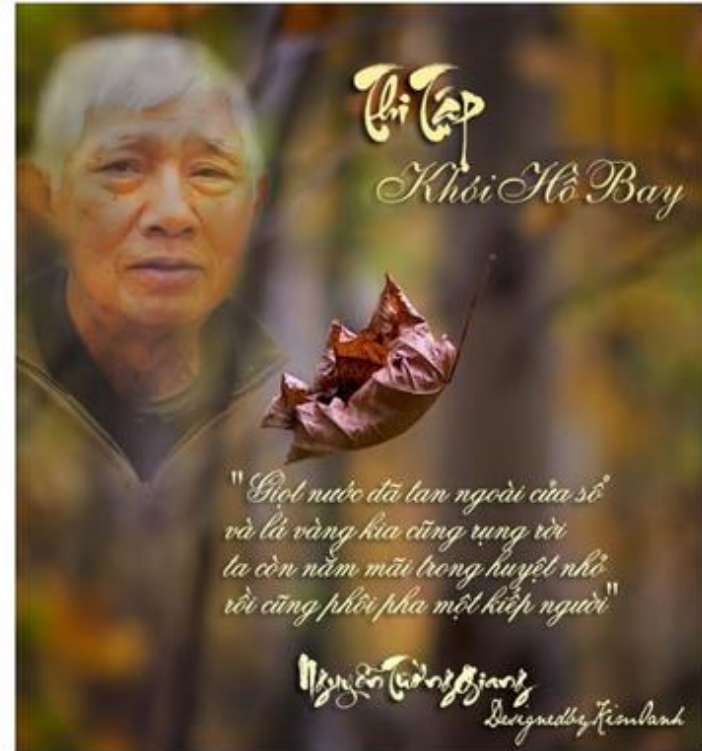
GỌI VỀ

tặng anh Đăng, chị Dung, nhớ khi tản cư

Làng mạc ở xa, bờ sông rộng
Có thuyền nào trở lại chốn xưa
Chút dĩ vãng như mừng mận nhót
Mỗi ngày ăn lẫn nào bộ thừa
Tôi mỗi ngày như tên đồng thiếp
Quay cuồng trong mộng ảo rất xa
Những mùi hương, hoa dại, cánh đồng chiêm
Loang loáng nắng phơi bao chân rạ
Mùi củi mục khói rơm nhóm lửa
Sớm đầu đông nước giá như băng
Có ai hun nước sôi trong bếp
Giọt nắng hờ sân gạch rêu phong
Hồn tôi đó quay về chốn cũ
Bốn mươi năm một kiếp sống thừa
Tôi trở về đào trong tiềm thức
Hộp đồ chơi chôn dấu tuổi thơ
Đời người như một vòng cung lớn
Cuối đường lại thấy bến bờ xưa
Thuyền trôi, chiều xuống, nhà xa lắm
Vọng trên sông tiếng mẹ gọi về

12/1995

Nguyễn Tường Giang



CON GÀ ỒNG

Tường Hùng



Tôi đi nghênh ngang giữa đám cỏ may, đầu tôi quay phải, quay trái, mắt tôi nhìn một cách kiêu ngạo, chân tôi nhấc lên cao, các ngón chân quắp lại rồi mở ra từ từ đặt xuống đất, rồi chân kia lại nhấc lên, các ngón chân quắp lại rồi mở ra từ từ đặt xuống đất, cứ như thế tôi đi, nghênh ngang, như một chiến sĩ thời xưa.

Nắng lên cao chiếu xiên vào con mắt màu đồng thau của tôi, tôi nháy mắt một cái. Khỏi chói mắt, tôi lại mở to mắt, trừng trừng nhìn mọi vật. Những bông hoa dại nắng mở to màu tung ánh nắng, những bông hoa nằm trên những thân hoa mỏng manh. Các con bướm bay hỗn độn thành những điểm dài ngắn. Những đàn ve thì nhau kêu trong các lùm cây, vang từ cây này sang cây khác, gọi nhau, trả lời nhau, từ xa vang rền rập lại, như một bản nhạc.

Một bàn tay con gái xinh xắn để trên cửa vườn. Có tiếng cười vui vẻ rồi cửa vườn mở ra, một cô gái trẻ tuổi bước vào. Theo sau là một người đàn ông trạc ngoài bốn mươi, quần áo màu xám nhạt, chân đi giày da nhẹ, đeo đôi kính đen to che gần hết mặt.

Cô gái chợt dừng lại, để tay lên miệng, kêu lên:

“Trời ơi! Đẹp quá! Tuấn có thấy thế không?”

Người đàn ông mỉm cười, tay đặt lên lưng cô gái:

“Đẹp và trẻ như An vậy!”

An mở to mắt, gió làm rung nhẹ hàng mi, làm trong thêm màu của mắt. Các cây cỏ xanh cũng rung rung nhẹ, các bông hoa lắc lư trên nền trời cao xanh ngắt.

Từ xa, ngoài tiếng ve kêu, lại có tiếng gõ mõ tụng kinh nổi lên. Tiếng mõ đều đều chìm nổi trong tiếng ve.

Hai người nhìn nhau mỉm cười:

“Một cái vườn hoang đầy cỏ rậm!”

“Có ai vào đây không anh?”

“Vườn của nhà anh, ai dám vào? Ê! Có chú gà trẻ tuổi!”

Tuấn ném vào chân tôi một hòn sỏi. Tôi kêu “quác” một tiếng rồi vỗ cánh chạy. Nhưng tôi chạy không xa, tôi dừng lại cách họ vài chục thước rồi dương cổ dương mắt để xem họ sẽ làm trò gì.

Chàng bốn mươi tuổi nhìn tôi trừng trừng rồi xùy một tiếng để dọa tôi. Tôi giật mình nhảy vài bước rồi lại đứng yên. Bỗng chàng trai phá lên cười to. Chàng nói thầm vào tai An:

“Em có thích ăn thịt gà không?”

“Có, nhưng chú gà kia đẹp trai quá, ăn hử, tội nghiệp”

“Em ăn gà ống bao giờ chưa?”

Tôi tò mò lắng tai nghe.

“Người ta bắt một con gà còn non, đút vào một cái ống tre, nuôi hử ở trong đó. Khi hử lớn lên, thân thể sẽ thuôn dài như cái ống, trụi thui lụi không có tí lông nào cả.

An khoái trí cười:

“Trụi thui lụi! Vâng, em sẽ ăn gà ống. Có ngon không anh?”

Tuấn lấy ngón tay xoáy vào má:

“Ngon tuyệt trần!”

Tôi bị trói hai chân, nằm cạnh Tuấn và An. Tiếng mõ vẫn đều đều gõ nhịp. Cô gái nằm ngửa, miệng ngậm cái cỏ, răng trắng sẽ nhấm lá cỏ xanh, chàng trai nằm sấp, tay chống vào cằm, ngẫm cô gái:

“Anh yêu em”

“Thế hả?”

“Ừ, anh yêu em”

“Yêu bằng ngần nào?”

“Bằng tất cả tuổi già của anh.”

“Chỉ nói vậy thôi. Dù anh có già cũng không sao. Em yêu các cụ già.”

Khuôn mặt cô gái hiền lành, đôi mắt khẽ nhắm lại, dịu như đứng trước bàn thờ Phật. Tiếng mõ đều đều như muốn ru cô gái vào cõi mộng.

“Em yêu anh!”

“Anh yêu em!”

Cô gái trắng trẻo nằm trên cỏ, ngon lành như một con sâu lạ.

Không hiểu những kiếp trước tôi đã làm nên tội tình gì ghê gớm mà kiếp này trời đầy tôi làm con gà ống. Tôi bị đút vào trong một cái ống tre, chân cánh bẹp dí, thân thể chật chội, khó thở, tức ngực, chóng mặt, rức đầu, lúc nào tôi cũng hăm hấp nóng như đang sốt, khi ăn nhiều thì ợ chua, không tiêu, đôi khi nước mắt trào ra, dãi chảy quanh mỏ, thực y như tôi đang mang một chứng bệnh kỳ dị.

Nằm cạnh tôi là một con gà mái, chắt vào ống đã lâu, nên khi thấy tôi, cô chỉ nói: “Chào anh!”, rồi thần nhiên đớp mấy hạt gạo trước mặt. Ít khi tôi được nhìn một cô gà xấu như cô ta. Cho đến bây giờ tôi cũng chưa biết tên cô ta là gì. Cứ tạm gọi là Lém.

Lém béo tròn, mắt chỉ còn hai cái khe mỏng. Mỏ Lém tái nhợt, lông của cô ta cũng vậy, bởi vì thiếu ánh mặt trời.

Tôi cựa quậy, thêm một lần nữa tôi hy vọng thoát khỏi cái ống. Tôi nguyện rửa loài người. Lém bảo tôi:

“Vô ích anh ạ! Anh cứ việc đợi ngày giải thoát. Ăn cũng là một cái thú.”

Tôi mĩa mai:

“Thế còn tình yêu?”

Lém nhún vai, tôi đoán là Lém nhún vai, nói:

“Đôi khi tôi cũng muốn yêu. Bây giờ tôi khinh tình yêu xác thịt, tôi có nhiều thì giờ để mơ mộng tới yêu. Tôi hoàn toàn yêu bằng tinh thần.”

Tôi cười:

“Lúc cô ngứa, làm thế nào gãi?”

Lém lại nhún vai:

“Đối cảm giác ngứa thành một cảm giác dễ chịu và cảm giác đó tan dần khắp thân thể.”

“Trời xanh, những đoá hoa, gió mát?”

“Trời xanh đối với tôi đẹp hơn trước. Tôi ăn, tôi sống sung sướng hơn gày xưa.”

Tôi tức giận không nói nữa. Lém lim dim mắt ngủ, hay mơ mộng. Tôi há to mồm kêu quắc quắc ầm lên.

An chạy vào, vẫn đẹp như tiên, tóc rủ xuống vai, trần truồng. An quỳ xuống cạnh tôi, các ngón tay vuốt ve mào tôi, miệng thì thầm nói:

“Tôi nghiệp chú bé!”

Đầu tôi áp vào vú An, tròn trĩnh, ấm áp. Tay An ép đầu tôi vào ngực nàng. Tôi hơi tức thờ, tôi khe khẽ ngó ngoáy đầu để thoát khỏi bàn tay cô gái. Bàn tay An buông lỏng dần ra, miệng An vẫn thì thầm những tiếng ngọt ngào, đôi mắt An nhìn tôi đắm đuối. Tôi mỡ nhẹ lên ngực An vì trông ngon lành quá.

Tôi để mồm chạy quanh ngực An, như một bộ hành đi quanh cái đồi cỏ. An từ từ đứng dậy, thân thể của nàng chạy trước mắt tôi, thông thả như không bao giờ hết. Khi đám cỏ tóc tiên lên tới nơi, tôi hôn lên đó, say mê như được trở về vườn cũ của tôi.

Tôi yêu An từ ngày hôm nay.

Một ngày hai lần một bà vào cho chúng tôi ăn. Bà già lắm, mắt kém, đi chậm chạp, mồm lẩm bẩm nói chuyện một mình, đổ gạo thì khi xa quá, khi đổ lên đầu chúng tôi. Trước khi đi ra, bà thường cho chúng tôi mỗi đứa một cái tát rồi mắng:

“Đồ ăn hại!”

Và khi tôi mổ một cái thực đau vào tay bà, bà lại lẩm bẩm:

“À, thấy bà già thì bắt nạt? Rồi thì biết tay bà. Tiên sư cả họ nhà gà!”

Tiếp theo là những tiếng tôi không thể hiểu nổi. Đại khái là “ppp-chchtt!” nghe như hơi nước tức mình thoát khỏi nồi cơm.

Chỗ chúng tôi nằm là một cái lò sưởi bằng đá hoa, rất thấp, rất sạch sẽ vì bà già luôn luôn quét dọn. Chúng tôi là một trong những đồ trang hoàng cho căn phòng khách rộng mênh mông, kỳ dị và trắng xóa.

Nằm cạnh Lém, ít khi tôi nhìn về phía nàng. Lém chỉ là một con gà mái béo tròn, tính tình ngoan ngoãn, hay thù vặt và làm bộ. Mỗi lần tôi nhìn Lém thì Lém lại quay mặt đi, vênh mặt lên, như tôi đang thèm muốn nàng lắm. Một hôm mãi ăn, tôi vô tình mổ sang đồng gạo của Lém, Lém quay phắt đầu lại:

“Ê hay chưa! người ta là con gái đứng đắn!”

Tôi giật mình ra khỏi sự đăng trí. May cho Lém là tôi bị kẹt trong ống. Nếu ở ngoài vườn thì tôi đã nhảy phắt lên lưng Lém cho hết làm bộ.

Cuộc đời cứ như vậy, bé nhỏ, tù hãm, ăn ngủ, vô nghĩa lý, trôi qua dần.

Năm đó mùa đông đến sớm, nhưng là một mùa đông đẹp, khô ráo. Một buổi sáng chủ nhật nhàn rỗi, một buổi sáng chủ

nhật thư thả, thời gian dừng lại trên nắng vàng, trên hè phố, trên cành cây. Ngoài phố loài người riu rít đi lại, quần áo chủ nhật mới đẹp, quần quít, các cánh tay khoác nhau, yêu nhau. Một vài cô ở trèo lên cửa sổ lau kính và dưới đường vài cậu trai và vài ông già đứng lại, ngược đầu lên nhìn đôi chân song song. Một đàn trẻ con chạy ào ra công viên, kêu hét rầm rĩ, rồi biến mất, như đàn chim sè, làm các cô gái cuống quýt đi tìm. Các bà già rộng lượng, đi thong thả, hiền từ nhìn cuộc đời thái bình và bình thản.

Nằm trong ống, tôi thấy tức thở hơn mọi khi. Tôi đã lớn nên ống càng chật hơn. Tôi cảm thấy thân thể tôi không thể nở bề ngang được kéo dài ra theo chiều cái ống. Tôi không cảm thấy chân tôi đâu nữa. Tự nhiên tôi vỗ cánh một cách tưởng tượng, rồi tôi muốn gáy thành “cô-cô-ri-côô!” nhưng ngực tôi bẹp nên tôi chỉ gáy thành “pi-pi-pi i!”. Tôi phì cười, cười to, sắc súa, lẫn lóc. Cái ống tuột khỏi cái kệ, lăn trên lò sưởi rồi rơi xuống đất, vỡ toang ra.

Tôi trần trụi trụi, ngơ ngác nằm trên mặt đá hoa lạnh. Sự bất ngờ làm tôi choáng váng một lúc.

Tôi đã tự do! Bây giờ phải trốn mau về thiên nhiên, bay về rừng núi xa thẳm để quên hết.

Tôi cố cử động đôi chân. Mấy ngón bắt đầu xòe ra đóng lại, rồi đôi đùi tách ra khỏi thân thể. Tôi cọ quảy, quay tròn, nằm nghiêng, lăn phải, lăn trái, tôi chống mỏ xuống đất để gượng đứng dậy. Và tôi thong thả đứng lên hai chân tôi, run rẩy, nhưng tôi đứng được.

Lém nằm trên lò sưởi bấy giờ mới lên tiếng:

“Đi đâu thế anh?”

“Trở về vườn, chạy, nhảy, yêu, sống.”

“Đừng lo anh ạ, đã có số mệnh lo cho chúng ta. Số mệnh xếp đặt mọi sự đâu vào đấy.”

TÂM SỰ CỦA AN

Năm nay tôi đã 16 tuổi mà vẫn còn trinh. Điều này ám ảnh tôi suốt ngày. Không phải tôi cho rằng trinh tiết là quan trọng, nhưng tôi rất lãng mạn nên tôi muốn mất trinh một cách lãng mạn, để ngày sau còn có thể nhớ tới lúc đó một cách sung sướng. Theo ý tôi trước hết phải chọn người. Những cậu trai trạc tuổi tôi không làm xong việc. Họ ít tiền, không có kinh nghiệm, không có phương tiện và nhất là họ ích kỷ, chỉ nghĩ đến sự khoái lạc của họ. Nhiều cô bạn tôi đã kể lại những kinh nghiệm của họ, và tôi thất vọng. Vậy tại sao tôi lại không chọn một người đàn ông trạc bốn mươi? Đẹp trai, nếu có ít tóc bạc thì càng hay, có vợ rồi cũng được, có lẽ tôi thích ông ta có vợ rồi.

Tôi bắt đầu lựa trong đám bạn của cha tôi. Ít ra một lần một tuần cha tôi thường mời khách đến nhà ăn cơm. Tôi vẫn được cha mẹ tôi chiều nên tôi vẫn được dự vào các bữa ăn đó. Không những thế, cha tôi lại hãnh diện có một cô gái xinh như tôi.

Một buổi tối tôi đã sửa soạn xong, đang ngồi ở phòng khách để đón khách thì có chuông gọi cửa. Cô ở lon ton chạy ra, rồi có tiếng mở cửa. Cô ở báo:

“Ông Tuấn.”

Tuấn hiện ra trong khung cửa. Tôi mỉm cười nhìn Tuấn từ đầu đến chân. Tuấn trạc bốn mươi, cao và mảnh khảnh, khuôn mặt sành sỏi và nụ cười quyến rũ. Tôi nói:

“Mời ông ngồi chơi, cha mẹ tôi về chậm.”

Tuấn thông thả ngồi xuống, mắt chàng đã nhìn rất nhanh, một cách lơ đãng tự nhiên, khắp người tôi.

Tuấn ngồi bắt chéo chân, rút bao thuốc lá ra mời tôi:

“Cô hút thuốc? Cha mẹ cô cho phép cô hút thuốc?”

Tôi mỉm cười. Tuấn hơi nheo mắt sau làn khói và lại một lần nữa mắt Tuấn nhìn vào đầu gối tôi. Tuấn nói:

“Ba cô vẫn thường nói đến cô, tôi tưởng cô chỉ là cô bé vài ba tuổi...”

“Tôi gọi ba tôi là cha...”

Tuấn ngạc nhiên không biết nói gì. Tôi tiếp theo:

“Tôi không thích gọi cha tôi là ba. Ba là gì? Ba, bốn, năm?”

Tuấn cười to:

“Còn tôi, tôi gọi cha tôi là ông cụ!”

“Ông cụ nghe cũng hay. Các bạn tôi khi nói đến cha mẹ họ thường gọi là ông cụ, bà cụ.”

Tôi nhìn ngón tay Tuấn, thấy có cái nhẫn cưới:

“Thưa ông, bà Tuấn có đến không ạ?”

“Nhà tôi bận chút việc, sẽ đến chậm mười lăm phút, tức là nửa giờ.”

Tôi cười:

“Ông xét xử đàn bà một cách khe khắt quá. Sự chậm trễ làm tăng cái đẹp của sự gấp gáp, ông không thấy thế?”

Cô ở mang mấy chén trà ra, Tuấn đã liếc nhanh trên thân thể cô ta, và đôi mắt hơi chậm lên đôi chân thon thon của cô ở. Có lẽ Tuấn cho tôi còn nhỏ quá nên không giữ gìn, có lẽ tại tôi để ý

nhận xét nên thấy rõ quá, có lẽ tôi tưởng tượng nhiều. Tôi nâng chén:

“Mời ông soi trà.”

“Mời cô.”

“Trong khi đợi mọi người, ông có muốn nghe chút nhạc? Ông thích nhạc gì? Một cái gì vui vui, trẻ trẻ?”

CHUYẾN ĐI RA BIỂN SAU ĐÊM TẾT

Tôi cúi xuống mặt An, thông thả đến nỗi tôi đủ thì giờ nhận thấy không khí yên lặng, tiếng động xa xôi của tỉnh thành, những đồ vật bình thần trong buồng, trên tường bức tranh hình dung những cô gái ngày xưa béo tròn đang tắm trên bờ suối dưới những vòm cây um tùm. Khuôn mặt An không động, đôi mắt mở to nhìn thẳng vào tôi. Tôi nhận rõ màu trắng đục của da An, đôi mắt sáng như hai hòn bi bằng thủy tinh, hai con mắt giống như hai món đồ chơi lạ chứ không phải là những con mắt. Mỗi tôi êm hần đi, như một ngày không mưa mà cũng không nắng, bằng khuỷu như khi trở lại hồi còn bé bảy tám tuổi chạy không đốt pháo giữa một ngày tết vắng tanh, ở một khu phố buồn, lạnh.

Chúng tôi ra khỏi tỉnh thành và bắt đầu vào một con đường lớn.

Tiếng xe chạy đều đều. Cây cối thông thả quay mình chạy vội về phía sau. Vài cái nhà trơ trọi trên cánh đồng. Phía xa là đồi, vài cây thông có tàn mọc thành hàng thẳng băng. Không khí của ngày tết vẫn nằm đây, trong xe, giữa tôi và An, làn tóc óng ánh, khuôn mặt trẻ, đôi mắt bình thần dưới hàng mi dài, đôi lông mày ngoan lạnh, hai bàn tay nhỏ chắp trên đùi, mùi thơm rộng rãi như có trầm, có sáp, có xạ, mùi xa lạ của các ngọn nến lung lay.

An mỉm cười, hơi quay lại, đôi mắt nhìn tôi như muốn hỏi gì lại thôi. An lại ngồi nhìn thẳng ra trước mặt. Ánh sáng trắng nhạt phản chiếu từ các mảng mây nửa xám nửa trắng lên khuôn mặt An, khuôn mặt đón nhận sự mát mẻ của trời vừa mưa xong. Nụ cười vẫn còn đọng trên môi An, môi hơi hồng, hơi mệt mỏi vì đêm qua tôi thức khuya uống rượu nói chuyện nhiều.

"An vẫn muốn ra biển chứ?"

"Vâng."

"Mùa đông biển hoang vắng, gió lạnh, sóng gào trắng bọt."

"Vâng."

"Và An mới có 16 tuổi!"

"Vâng."

"Em ngoan quá, bao giờ cũng vâng!"

"Vâng."

"Hay em mệt vì chuyện đêm qua?"

"Vâng."

"Đã mệt lại còn ra biển đứng trông vợ trên bãi cát, em sẽ buồn thêm."

"Vâng."

An phá ra cười. Tiếng cười trong trẻo, tự nhiên, ròn tan như hũy tinh vỡ. Đôi vai bé nhỏ khẽ run lên. Cánh tay trần của An tròn trĩnh, ôm choàng lấy cổ tôi, làm chiếc xe chạy loạng choạng.

TÂM SỰ CỦA TUẤN

Bây giờ vào cuối tháng ba, trời đã trong và có nắng. Lá cây đã trở lại màu xanh, xanh trong, xanh nhạt, rung trước gió nhẹ, thân cây màu nâu sẫm tươi như hoa, hoa ướt những giọt sương sớm còn lại.

Trên công viên lát đá trắng đã đầy người. Một nhóm khách du lịch đeo máy ảnh ngơ ngác nhìn, ngắm, chụp, nói chuyện. Hai cô bé học trò mặc sạch sẽ dắt tay nhau vừa đi vừa nhảy. Vài chiếc xe buýt nối đuôi nhau đậu cạnh lề đường.

Tôi bỏ tay vào túi quần, thông thả trèo lên các bậc đá trắng, để đến chỗ hẹn. Gió thổi tung mái tóc bốn mươi tuổi của tôi, quần áo màu sáng sủa, cra-vat xám nhạt, giày nhẹ. Tôi đeo một đôi kính đen to, che gần hết mặt.

Tôi dừng lại cạnh một bể nước, tay vẫn còn trong túi quần, nhìn quanh để kiếm An. Chưa thấy An đến, tôi lấy tẩu thuốc ra, nhồi thuốc lá vào, thông thả, nhìn suối nước ào ào xuống bể nước, cho tẩu thuốc lên miệng, châm lửa, hút mấy hơi dài, khói thuốc xanh nhạt bay nhanh trong không khí thơm ngọt.

Một cậu bé con, chừng năm tuổi, không biết ở đâu chạy ra, nhất định đẩy tôi xuống bể nước. Tôi vẫn đứng trơ trơ, đôi kính đen phản chiếu ánh mặt trời, trời xanh, lá cây, xe cộ, mọi người.

Cậu bé cúi kính đấm vào đùi tôi. Một cô gái chừng 19 tuổi, chắc là ngoại quốc và là người coi cậu bé, cười với tôi rồi lôi cậu bé đi. Cậu bé bướng bỉnh đứng lại.

"Cho tôi hút pip! Một hơi thôi!"

Đôi kính đen của tôi vẫn nhìn thẳng ra xa, nhưng mắt tôi liếc xuống cô gái đang tuổi dậy thì, ngực nở nang, háng rộng, chân thon, tóc nâu, mắt nâu, trông có vẻ là người Ý.

Cô gái nói với cậu bé:

"Vieni! Non fare lo scemo!" (Lại đây! Đừng có làm thằng điên!)

Cậu bé:

"Cho tôi hút thuốc với, một hơi thôi!"

Cô gái:

"Xin lỗi ông! Thằng nhỏ cứng đầu lắm!"

Tôi đưa tẩu thuốc cho cậu bé. Cậu chụp ngay lấy, hút một hơi dài, ho chảy cả nước mắt, rồi khóc.

Cô gái nhìn tôi một cách trách móc, lời cậu bé đi mất, lẫn vào các thân cây, vào vườn cho trẻ con.

Tôi nhìn cô gái, chân cô ta ngon lành, tôi nghĩ vẫn vơ.

Nhiều cô gái đi ngang qua tôi. Tôi nhìn họ sau đôi kính đen, nghĩ vẫn vơ.

Dưới kia An đang đi lên, gió tung tóc nàng. An đi từng bước, từng bước, thông thả, An đi lên, nhịp nhàng, đôi đùi cử động, tôi bay tung, An đi lên, khuôn mặt ngược lên, về phía tôi, An giơ tay vẫy, bàn tay bé nhỏ, cánh tay mỏng mảnh, trẻ trung, đúng với cái tuổi mười sáu của nàng, miệng cười tươi, chân bước vội hơn, tay trái An vẫn cầm tập sách.

Tôi bỏ tay khỏi tượng đá, từ cao bước xuống. An nhìn lên, tôi nhìn xuống cùng bước. Tự nhiên tôi nghe thấy nhạc của Vivaldi, bài Bốn mùa, nhẹ nhàng dâng lên.

An đứng cạnh tôi:

"Em đến chậm phải không?"

Tôi giơ cái đồng hồ đen sì ở cổ tay tôi:

"Chậm năm phút. Ba má em mạnh giỏi chứ?"

An nhún vai:

"Các cụ lúc nào cũng mạnh. Cám ơn anh. Thôi, đi chơi đi anh."

An giơ tay vẫy trong nắng, tay kia vẫn ôm chồng sách. Bàn tay thon, ngón tay hồng nhỏ nhắn, ngực còn non mới nhô sau lần áo, má còn hồng tơ dịu, môi không son đều đặn.

Tôi thân nhiên nhìn An từ đầu đến chân:

"Em đẹp quá!"

Vài người tò mò dừng lại nhìn chúng tôi. An khoác tay tôi, nói:

"Ba cho con đi ăn cà-rem!"

Chúng tôi đi lẫn vào đám đông.

An nằm sấp trên giường, phía sau nàng là khung cửa sổ đầy ánh sáng làm khuôn mặt An dịu, mát mẻ trên vải trắng xóa, tóc An rủ xuống đôi vai tròn.

Tôi nghiêng đầu nhìn An không chán, vuốt ve khuôn mặt An bằng cái nhìn, môi An hơi mỉm cười, đôi mắt phản chiếu bóng tối sâu, êm và gọn gàng giữ tôi lại chặt chẽ. Đùi An man mát để nhẹ lên da tôi.

Tôi để An nằm trên giường, như một cành cây non còn lộc xanh, búp mới nhô, và tôi thông thả đi trên sàn gạch lạnh màu xanh đậm lấp lánh ánh mặt trời. Tôi đi từng bước chậm, nhỏ, như đang theo một đám rước. Tôi đi như thế không biết bao nhiêu lâu và tôi mở cửa buồng tắm, bước vào, cầm lấy cái khăn bông trắng dài quấn lên vai, tay giơ cao bàn chải đánh răng dưới các tia nắng chiếu qua không khí từ cao xuống.

An phá ra cười:

"Anh làm trò gì thế?"

"Anh đánh răng để lát nữa hôn em cho thơm."

An tung khăn giường trắng ra khỏi người nàng, đứng xuống gạch, đôi chân song song, đôi chân vẫn còn con gái, hơi mỏng mảnh. Hai cánh tay An khoanh trước ngực nhưng cũng không che hết...

Tôi nói:

“Ở cái đồi phía xa, trước cửa nhà anh, có một ông hàng xóm có cái ống nhôm dài. Hắn hay chiếu ống nhôm vào nhà anh, nếu em cứ đứng thế, hắn sẽ chết vì khoái, anh sẽ khổ vì ghen.”

“Sao anh biết hắn có ống nhôm? Em chỉ nhìn thấy cái nhà bé tí xíu xa lắc xa lơ, có một cái cửa sổ nhỏ bằng cái tem.”

“Nhưng trong cái tem đó có ông già cầm ống nhôm. Anh biết vì một hôm anh cũng nghịch lấy ống nhôm nhìn sang bên đó.”

Tôi mở máy nước, nước ào ào chảy xuống người tôi. An cũng chạy đến đứng cạnh tôi. Nước rơi như mưa. Chỉ có tiếng nước rào rào. Những hạt nước bắn tung lên vai An, trên da An hơi se lại vì lạnh. An để đầu gục vào ngực tôi, tôi nghĩ vẫn vợ.

Buổi tối, An ngồi co chân trong ghế đọc báo:

“Gọi nhập ngũ từng đợt thanh niên đang được miễn dịch, hoãn dịch.”

“Dùng lựu đạn định khủng bố, hai Việt Cộng bị bắt quả tang.”

“Một nữ sinh tự thiêu trước mặt hàng trăm tá điền sau khi bị Việt Cộng bắt cóc một tháng.”

“Khám phá một tổ chức chuyên làm giấy tờ giả mạo.”

“Dậy khiêu vũ, học đủ các điệu... 500 đồng.”

An hỏi Tuấn:

“Vớ 500 đồng anh sống được bao nhiêu lâu?”

Tuấn đang lật con gà trong đĩa để cắt nhỏ. Tuấn trả lời:

“Nửa ngày. Một bao thuốc lá đã 40 đồng rồi.”

An chun mũi ngửi:

“Con gà ống của anh thơm tệt!”

“Chú bé định trốn, trốn thế nào được. Còn cô gà mái nữa, một tháng nữa thì ăn được.”

“Anh sẽ lại cho em ăn? Em thích ăn gà ống. Kể cũng tội nghiệp...”

“Tội nghiệp cái gì?”

“Tội nghiệp cho chú gà.”

Tuấn cười, vuốt má An.

Trên má An một giọt nước mắt từ từ chảy. Tuấn ngẩn người ra nhìn An:

“Làm sao thế em? Lại đây ăn chứ, không ăn nguội hết cả.”

An vẫn ngồi im. Giọt nước mắt rơi xuống áo An, thấm vào trong vải.

Tuấn hơi bực mình, ngồi dựa vào lưng ghế:

“Ăn đi An. Rồi em dẫn anh về quê chơi.”

“Vâng, về quê nhà em, bên cạnh sông Ác, nơi không có chiến tranh, nơi chỉ có mặt trời và các bài ca.”

Hai người ăn ngon miệng hết con gà ống, uống hết một lít rượu hồng, ăn tráng miệng bằng hai cốc dâu có ngâm rượu Kirsch, rồi uống cà-phê. Họ nằm dài trên thảm êm, tay cầm điều khiển thuốc lá, âm nhạc từ góc phòng đưa tới.

An vớ lấy tờ báo, đọc tiếp:

“Hạn chế lưu thông trên sông Nhà Bè. Vì lý do an ninh, toà Tỉnh trưởng Gia Định cấm tất cả mọi sự lưu thông trên các sông rạch kể dưới đây thuộc xã Nhơn Đức và Long Đức, quận Nhà Bè, tỉnh Gia Định, đến khi có lệnh mới: Rạch Bà Lào, Rạch Đôi, Sông Soi Rạp, Rạch Đập Nậu. Rạch Tôm, Rạch Mương Chuối, Rạch Rời,

Rạch Đĩa, Rạch Ông Lớn, Rạch Cây Thơ, Rạch Cây Khô, Rạch Nạp Giao.”

Tuấn hỏi An:

“Em có tin gì hay hơn tin đó?”

“Bán xe Alfa Romeo, xe Italie, danh tiếng nhất Âu châu, hiệu xe thượng hạng, bốn cửa, mui sắt, mới tinh, EB số lớn...”

An phá ra cười:

“Xe có những bốn cửa, mà mui lại bằng sắt. Xe thượng hạng nhất Âu châu là phải.”

Tuấn bình phẩm:

“Khi em cười to, môi em trông xinh lạ và tiếng cười của em thật tự nhiên.”

*

Ánh đèn của rạp chiếu bóng chiếu hắt ra mặt đường. An cùng một nhóm bạn đứng xếp hàng để lấy vé. Tối hôm ấy không đông lắm vì trời mưa. Hai thanh niên thì nhau kể chuyện hài hước, và An, sau mỗi câu chuyện lại phá ra cười ròn tan, mắt An lóng lánh dưới ánh đèn, má hơi ửng hồng, tiếng cười tự nhiên, tự do bay đến tai mọi người, vui vẻ.

An không nhớ tới Tuấn, chàng trai bốn mươi. An không nhớ tới con gà ống, tới đêm đầu tiên ngủ lại nhà Tuấn. Năm nay An lên 18 tuổi.

Tường Hùng
(Paris 3-5-1965)

CĂN PHẦN

*Kính dâng Mẹ
tặng anh Đ, chị D*

Mẹ ơi

*Năm nay con 25 tuổi
cha đã mất đi từ thuở sơ sinh
cây liễu bên hồ căn nhà xưa cũ
mẹ kể cho con đã gây một phần
con đã lớn lên những ngày ly loạn
bước thấp bước cao trên khắp ngã đường
mẹ kể cho con ngồi trong lòng thúng
súng nổ bên trời đạn réo ngang lưng
mẹ đã nuôi con bằng giọt mồ hôi
những buổi tháng năm trời trưa nắng gắt
bữa cháo bữa cơm con sống làm người
bằng sáng tinh mơ mẹ đi gánh gạo
chợ xa hun hút nát gót chân thon
cơn gió mùa đông luôn mạnh áo rách*

*Rồi con lớn lên rồi con lớn lên
lang thang ngoài đồng đánh khăng đánh đáo
ruộng ta đã mất nhà cháy tan hoang
đất lạ quê người con nào được biết
chỉ thấy nơi đây có ruộng có vườn
tiếng hát ru con buổi trưa mùa hạ
hoa bưởi hoa cà những tháng đơm hoa
bụi dưới đường làng trăm con bướm lạ
bữa cơm mỗi ngày nhặt từng cọng rau
mùa lúa chín vàng một từng nhánh rạ
con đi vào rừng hái thị nhặt cây*

con lội xuống ao vớt bèo nuôi lợn
con sống thành thoi như gió mùa xuân
như cơn mưa phùn nuôi loài thảo dã
rồi một ngày kia chinh chiến về làng
đồng lúa tan hoang nhà trơ cây ứa
mẹ dắt con đi đêm lạnh mưa bay
đạn ở xung quanh đói khổ hàng ngày
sông rộng đồng hoang gió mùa đông lạnh
đưa con về Thành sống nốt thơ ngây

Mẹ ơi

Năm nay con 25 tuổi
lưu lạc vào Nam con đã nên người
mẹ đã già rồi lưng còng tóc bạc
con ở Đô thành nào được ngày vui
này những súng bom người ta mang tới
phá ruộng phá đồng nhà cháy tan hoang
bao đứa trẻ thơ như con thuở trước
lại áo vá vai bụng đói lang thang
mẹ vẫn hàng ngày bữa cơm bữa cháo
đổ giọt mồ hôi lấm bụi phố phường
chỉ thấy người ta lựa là sang trọng
cười vui trên những nỗi đau thương
con đã lớn rồi vẫn còn chinh chiến
súng đạn của ai con khoác lên người
rừng núi miền Nam ngày đêm lặn lội
con tìm kẻ thù phải giết mẹ ơi

Nhưng một sáng mùa xuân
trên đường xa lòng giặc
mẹ có hiểu chăng mẹ có hiểu không
kẻ thù con phải giết
là một người anh em

ngày xưa bên giàn hoa thiên lý
súng kẻ vai kẻ chuyện chiến chinh

Mẹ ơi

Đêm nay gần giờ hấp hối
viên đạn người xưa đã trở qua tim
trước khi con nhắm mắt
cho tổ quốc dấu yêu
xin mẹ nói cho con được biết
kẻ thù của con mẹ là ai...

1967

Nguyễn Tường Giang

MỘT NGÀY Ở SÂN GA

Phương Lan



Khi những người khách du lịch cuối cùng rời khỏi bãi đậu xe cũng là lúc nhân viên phục vụ đoàn tàu du hoàn tất một ngày làm việc của họ và lục đục ra về, sân ga trở nên vắng lặng, chỉ còn tiếng gió rít và lá rơi là ở lại. Con mèo Bob thơ thẩn đi tới đi lui, nó muốn biết chắc chắn cửa hàng lưu niệm đã đóng cửa và có nghĩa là chấm dứt một ngày rong chơi của nó, nó chui vào nhà bằng lối đi riêng chỉ có nó biết, leo lên cái ghế sofa, nhìn bộ dạng của nó rất khoan khoái, hôm nay là một ngày vui.



Betty vẫn nằm trên giường mặc dù đã đến giờ của bữa cơm chiều, bà lắng nghe tiếng lá rơi sau mỗi cơn gió, bà nhủ thầm "mình dậy thôi, mình phải ăn cái gì đó". Sàn nhà kêu cọt két theo nhịp chân của bà, con mèo Bob cũng bật dậy lẻo đẻo theo sau lưng, chắc nó cũng cảm thấy đói. Nó là con mèo vằn, nửa hoang nửa mèo nhà, nó thích được chơi đùa & vuốt ve nhưng không thích được bông bế & nựng nịu. Nó có bộ vó rất bánh trai nên ai nhìn cũng thích, nhất là mấy đứa trẻ con. Mùa này mỗi cuối tuần có đến hai lượt tàu chạy đưa du khách vào rừng ngắm lá vàng, nó suốt ngày đi tới đi lui trên đoạn đường ngắn ngủi dẫn vào cửa hàng lưu niệm, nó chơi đùa với bất cứ du khách nào nhưng không cho phép ai được bế hoặc ôm nó vào lòng, thỉnh thoảng ông già Brian, người thuê tầng trệt làm cửa hàng lưu niệm cho nó đi quá giang trên cái xe chở hàng nhỏ, nó rất thích được ngồi bên cạnh ông, trông nó giống một hoàng tử đi kinh lý.

Betty đã ăn xong bữa tối, mỗi ngày bà chỉ ăn một lần, ngoại trừ ngày bà ra phố trong tuần để đi chợ và ghé vào thư viện đổi sách. Bà luôn luôn tự thưởng mình một bữa ăn trưa thịnh soạn, mỗi tuần bà chọn một tiệm ăn khác nhau. Bà định đi dạo ra ngoài nhưng trời hôm nay trở gió và lạnh, bà chọn ngồi xem TV giết thời gian. Căn nhà cũ kỹ rung lên mỗi khi có cơn gió mạnh đi qua,

nó đã cũ lắm rồi, khi bà lớn lên nó đã cũ như vậy. Những người sống trong căn nhà đều không còn nữa hoặc đã bỏ đi, bà có lẽ là người cuối cùng. Bà sống hết cuộc đời của mình ở căn nhà này, từ lúc sinh ra, lớn lên, lấy chồng, có con rồi già nua, một cuộc đời tẻ nhạt và nhàm chán. Bà chấp nhận như là chúa đã chọn cho bà một cuộc đời như thế, bà không giống mẹ và đứa con trai duy nhất của mình. Bà không còn nhớ nổi khuôn mặt của mẹ mình vì bà ấy đã bỏ đi khi bà còn rất nhỏ, bà ấy ra đi và không bao giờ quay trở lại. Con trai bà vác ba lô lên vai ngay khi nó cho là nó có thể tự lập được. Cả hai người đó đều cho rằng, nếu họ sống thêm một ngày nữa trong căn nhà này, họ sẽ dùng khẩu súng săn của ông nội bà mà tự vận. Bố bà là người đàn ông tốt, chồng bà cũng vậy, họ chỉ hơi tẻ nhạt như cuộc sống nơi đây. Bà chưa bao giờ phải đi làm kiếm tiền trong suốt cuộc đời của mình, cả hai chết đi để lại cho bà một số tiền không nhiều nhưng đủ cho bà có một đời sống sung túc, bà có thể đi du lịch đây đó nhưng cũng giống như họ, bà chưa bao giờ lái xe ra khỏi biên giới của tiểu bang.

"Mày có đi ngủ không Bob?" Bà hỏi nhưng biết nó sẽ ngủ ngoài ghế sofa, nó chỉ ngủ trong phòng bà vào mùa Đông khi thời tiết quá lạnh, nó không cần phải dậy sớm để đi tới đi lui đón khách du lịch cho vợ chồng ông già Brian. Bà cầm cuốn truyện vào phòng nhưng rồi lại không đọc được trang nào, hôm nay bà muốn lắng nghe.

- Này Casey! Hôm nay cậu có thấy cô Betty không?
- Uhhmm! Tớ cũng không để ý, hôm nay đông khách quá. Hay là cô ấy bị ốm?
- Này, hôm nay chúng mình được chụp ảnh đấy nhé! Cô ta trông giống người da đỏ. Cậu thấy mình hôm nay có xinh không?
- Tớ cũng được chụp chung với cậu mà! Hai đứa mình đều xinh, thật là thích. Cậu có còn nhớ cô người mẫu Jolie không? Cô ấy đẹp tuyệt vời!

- Nhớ chứ sao không nhớ! Cô ấy đến thử áo và chụp ảnh ở cửa tiệm, cái máy ảnh thật to, cái đèn cũng to và anh chàng chụp ảnh thì rất đẹp trai.

Casey và Cindy là hai cái máy may, chúng được đem tới đây từ bao giờ bà không nhớ, chúng cổ xưa tới mức không ai còn tìm ra được năm sản xuất, bà đoán từ những thập niên 20-30 gì đó, khi mà ngành công nghiệp quần áo may sẵn chưa có. Chúng làm việc chung với nhau trong một tiệm may rất nổi tiếng và chúng đã may quần áo cho rất nhiều phụ nữ xuất thân từ nhiều thành phần khác nhau trong xã hội. Chúng có thể huyền thuyên với nhau đủ thứ chuyện trên đời, từ cô gái điếm cho đến những quý bà, những mệnh phụ phu nhân trong vùng. Những câu chuyện chúng nghe được từ các bà đến may hoặc thử quần áo, ông chồng bà này cặp bồ với cô kia, những câu chuyện ngồi lê đôi mách của các bà, chúng luôn luôn khúc khích cười với nhau khi nhớ ra một chuyện nào đó, đặc biệt là từ các quý bà có địa vị cao trong xã hội. Bà rất thích nghe những câu chuyện li kỳ, lâm li và vô cùng thú vị của chúng.

- Hai con nỡm kia, chúng mày có cho người ta ngủ hay không hả? Còn mày nữa, sao mày cứ dựa vào tao mà không dựa vào tường hả thằng kia? Mày không có chuyện gì làm ngoài việc ngủ và ngáy hay sao?

Cái bánh xe gỗ rất ít khi lên tiếng, mỗi khi ông ta cất tiếng thì luôn luôn là những câu than phiền đầy bức bối. Ông ta chưa phải là người già nhất trong đám đồ đạc nhưng ai cũng sợ ông. Ông chẳng bao giờ kể chuyện nên không ai biết ông từ đâu đến, chỉ biết ông là cái bánh xe gỗ còn sống sót có thể từ thời lập quốc Hoa Kỳ. Có lẽ vì một đời lam lũ trên cánh đồng hay rong ruổi đây



đó nên ông trở nên cọc cằn thô lỗ. Ông không thể nào hiểu được những câu chuyện của Casey & Cindy, thỉnh thoảng khi ông cáu gắt, chúng có thể giữ im lặng trong chốc lát rồi chúng lại rúc rích cười và huyền thuyên với nhau.



- Này các cô, tôi cũng được chụp ảnh đấy nhé mà được chụp rất nhiều nữa là đằng khác. Sao mà hôm nay mình bảnh trai thế không biết!

Bill, cái xe Chevrolet Corvair lên tiếng, chủ nhân của Bill là một anh chàng bảnh trai con nhà khá giả với đầu tóc luôn luôn lảng mướt chải ngược ra phía sau cho nên lúc nào Bill cũng cho rằng mình là người đẹp trai nhất ở đây. Bill suốt ngày có thể ngêu ngao hát bài "It's Now or Never", anh ta hát khá hay nhưng khổ nỗi chỉ biết hát có mỗi một bài và đôi khi điều này trở thành

sự tra tấn. Anh ta huyền thuyên không kém gì Casey & Cindy với những câu chuyện dụ dỗ các cô gái nhẹ dạ lên xe, tình yêu, nước mắt và những trái tim tan vỡ.



Bà không rõ từ bao giờ bà nghe được những câu chuyện của đồ vật, cũng như không thể nhớ tại sao chúng hiện hữu chung quanh bà. Mỗi khi ông Brian vác về món đồ vật mới bổ sung vào cái kho tàng của ông, bà luôn luôn ra ngắm nhìn chúng và tự hỏi chúng từ đâu tới? Chúng sống với ai? Rồi bà chờ đợi cho đến đêm khuya khi bà hóa thân thành một con cò hoàng hậu trong bàn cờ vua, đứng giữa một triều đình. Một con cò đã băng qua Đại Tây Dương trong túi xách của một nhà buôn và lưu lạc tới sân ga này trước cả thời lập quốc.

Betty chìm vào giấc ngủ tự lúc nào, ánh sáng buổi sớm mai len lỏi qua cửa sổ vào phòng bà, khuôn mặt bà với nụ cười trẻ thơ. Đã bắt đầu cho một ngày mới ở sân ga, sân ga của những lời thì thầm trong đêm khuya.

Phương Lan

Chú thích: tác giả là cháu nội của nhà văn Nguyễn Thị Thế, con gái của nhà văn Duy Lam. Bà Nguyễn Thị Thế là em của nhà văn Nhất Linh & Hoàng Đạo, chị của nhà văn Thạch Lam.

BẢY CHÚ VỊT CON

Tường Cát

12:30 giờ trưa

Trời vào xuân, nắng hôm nay thật ấm.

Chúng tôi vừa dùng xong bữa cơm trưa, còn đang uể oải tán dóc thời sự trong phòng ăn tại sở làm. Chị Yến vừa bước từ ngoài vào, vội vã báo chúng tôi câu chuyện đặc biệt hôm nay: lại có một đàn vịt trời con vừa rơi xuống hầm cống ngoài bãi đậu xe.

Chuyện vịt con rơi xuống cống không là chuyện lạ nơi sở làm chúng tôi. Vào mỗi mùa xuân, có ít nhất vài lần là sẽ có vài đàn vịt đi lạc từ hồ nước bên cạnh, lang thang đó đây và thường khi mẹ vịt đi ngang qua nắp cống thì mấy đứa con lon ton chạy sau sẽ rớt ngay qua kẽ hở vịt tọt xuống cái hầm bên dưới. Câu chuyện còn rắc rối hơn nữa là chú vịt con nào mà chưa lọt xuống lúc đầu thì sớm muộn cũng sẽ rơi xuống thôi, vì vịt mẹ cứ lẩn quẩn bên nắp hầm kêu réo mấy con bên dưới, và mấy vịt con bên trên cũng lẩn quẩn bên chân mẹ rồi cũng lọt luôn.

Việc vịt trời mắc nạn thường là đầu đề hấp dẫn duy nhất trong cái sở làm yên tĩnh của tôi. Người trong sở đi báo cáo đủ

nơi, đủ ngạch của chính phủ, cơ quan bảo vệ súc vật, kể cả việc điều đình tự mua song sắt nhỏ bọc lại các nắp cống. Vẫn không xong. Thế là có người đành bỏ công đi cứu từng bầy vịt con mỗi lần chúng mắc nạn. Lần này bắt được tin sớm, nhóm chúng tôi hồ hởi cướp việc làm anh hùng, ra tay trước.

Đầu tiên là phải ngăn chặn đừng để mấy chú vịt con còn lại phía trên rớt xuống hầm dưới. Tôi nhận ngay việc vui và dễ nhất này, là đứng trên nắp cống xua vịt mẹ đi, rồi đi chụp mấy chú vịt con phía trên bỏ vào thùng giấy. Chuyện coi vậy khá khó khăn, vì mấy chú bé mới sinh, chạy tứ tung té lên té xuống trông thật tội nghiệp, nhưng cũng chạy thật giỏi và nhảy thật cao.

Lúc đầu ngoài bãi đậu xe còn lại bốn con, nhưng sau cuộc đuổi bắt hăm hở của tôi thì hai con nằm gọn trong thùng giấy, và hai con lọt xuống cống theo ba anh chị chúng bên dưới.

Phần vớt vịt con lên từ hầm phải nhường lại cho những hảo hán chịu ở dơ, và có sức bật nắp cống nặng nề lên, tức là phải nhờ đến anh xếp và mấy đồng nghiệp của tôi. Mấy chú vịt con bên dưới cũng chẳng chịu hợp tác cho vụ cứu vớt này, chúng chạy khắp đường hầm quanh bãi đậu xe, khiến cho ba vị chuyên gia gõ máy vi tính trong phòng lạnh hôm nay phải bỏ làm hết mấy tiếng đồng hồ đứng chặn đầu ống cống.

4:00 giờ chiều

Nhiệm vụ được coi như hoàn tất. Bảy chú vịt con được trao lại cho tôi. Chúng nằm gọn trong một thùng giấy trong phòng làm việc của tôi, bên cạnh có bát nước và mấy mẩu bánh mì chị Yến xé vụn bỏ vào. Khi hỏi thăm những tay nghề chuyên cứu vịt ở sở, chúng tôi được cố vấn là đừng trả chúng lại cho bà vịt mẹ vì sẽ lại rớt xuống cống ngay, mà nên đưa chúng đến một cơ quan chăm lo súc vật.

Tôi nghĩ đến chiều mang vịt về nhà, hai đứa cháu sẽ có dịp chơi với bảy vịt con, một cơ hội hiếm có cho những đứa trẻ lớn lên ở Mỹ. Bảy chú vịt cứ kêu chí chóc mãi khiến tôi càng nôn nao, ôm thùng vịt con lên xe về. Giữa đường về đông xe với cái thùng vịt con bên cạnh, tôi cứ bốc nhẹ một con ôm gọn trong tay. Vịt con bé xíu chỉ toàn lông, nhẹ như bông gòn có hai chân. Bảy mạng sống nhỏ nhoi, lòng tôi ngạo ngễ. Tôi là Thượng Đế đang cứu rỗi sự sống bảy chú vịt con.

8:00 giờ tối

Trông hai đứa bé chơi vịt con mà tôi đâm lo cho mấy chú vịt. Bé Hương tám tuổi đã biết nường nhẹ tay khi ôm vịt, nhưng mê chúng quá nên cứ ẵm trong tay không buông. Bé Du ba tuổi cứ đòi thả vịt ra khỏi thùng để chạy theo chụp chúng. Tôi nghĩ Du sẽ té bổ nhào đè chết mấy chú vịt con. Ý định ban đầu nuôi vịt vài ngày trước khi đưa đến cơ quan chăm sóc vật tiêu tan. Tôi chỉ mong qua đêm nay rồi mang chúng đi cho chắc ăn.

Tôi hỏi mẹ tôi vịt con ăn gì. Bà cười tôi "Mỹ quá" – nuôi vịt cũng không biết. Tối đó tôi nghe nhiều chuyện mẹ tôi hồi bé ở Việt Nam, ra chợ mua vịt về nuôi. Có ai nuôi vịt chết bao giờ. Tôi bỏ cơm vào bát nước, thay thùng giấy mới cho lũ vịt được khô và sạch.

Bảy vịt con không còn chí chóc nhảy tung, chúng rúc vào nhau nằm một góc trong thùng giấy. Tôi thấy bồn khoăn, không biết chúng mệt hay đói.

8:00 giờ sáng

Tôi chợt tỉnh giấc và có linh tính không may. Đã tám giờ sáng mà không thấy mấy chú vịt con kêu ca chí chóc gì cả. Thôi đành dậy sớm một hôm, đưa bảy chú vịt con đi sớm để có người khác biết lo cho chúng hơn. Không khéo chúng đói.

Chiếc thùng giấy để ngoài phòng ăn thật yên lặng. Mấy đứa cháu cũng đi học cả. Tôi giờ tay kéo nắp thùng giấy, linh tính thật mong bé Hương đã thả chúng ra ngoài sân chơi.

Nhưng bảy chú vịt con vẫn nằm cả trong thùng giấy, như có ai sắp đặt thật ngay hàng, cách nhau đều đặn, chân quặp về sau, đầu cùng nghèo xuống bụng. Bảy chú vịt con cùng chết một tư thế, chia xẻ một bí mật tốt cùng của loài chim.

Hình như có cái gì siêu tự nhiên trong cái chết của bảy chú vịt con, mà tôi là Thượng Đế nghĩ mãi vẫn không ra.

Tường Cát

BA CHỊ EM

Ngọc Cường

Thức giấc rồi nhưng còn mơ màng, nằm yên như vậy một chập. Rồi, Hiếu mở mắt. Trong bóng tối của căn phòng, lờ mờ bàn ghế lơ lửng như bị ai treo lên...Thấy trời bên ngoài còn tối, Hiếu lại nhắm mắt, lắng tai nghe ngóng...Ngôi nhà hoàn toàn yên tĩnh, không một tiếng động. Hiếu chợt nhận ra mình đang ở Cali. Chàng đoán có lẽ ở trên lầu, anh chị Tường và Nhung còn đang ngủ.

Không biết bây giờ là mấy giờ? Liếc nhìn quanh, Hiếu thấy trên mặt chiếc đồng hồ điện để cạnh giường, hiện ra con số 5. Như vậy là 8 giờ sáng bên mình, chàng nghĩ thầm. Sau một giấc ngủ ngắn, nhưng cũng là đúng lúc chàng vẫn thức dậy thường ngày, chỉ vì khác múi giờ nên ở Cali lúc này còn quá sớm. Không biết làm gì, Hiếu quyết định ngủ thêm. Kéo chăn đắp kín người rồi nhắm mắt nhưng chàng nhận ra mình không còn buồn ngủ nữa.

Chuyến bay đêm qua từ Dayton đưa chàng tới phi trường LAX. Lấy được chiếc xe thuê, lái đến nhà bà chị cả ở Quận Cam thì đã khuya. Muốn tránh làm phiền người anh rể khó tính và cũng vì không đói bụng, Hiếu ăn qua loa thức ăn mua sẵn rồi đi

ngủ. Hiếu được anh chị Tường và Nhung dành cho căn phòng dưới nhà, trước kia là phòng đứa con trai út nay đã đi làm xa.

Mơ màng, Hiếu vui vui thưởng thức cái thú nằm trên chiếc giường êm ấm, chăn gối mới giặt còn thoảng thơm mùi xà-phòng. Quả thật là chàng đang ở một nơi rất xa nhà, an nhàn nằm trông ngóng thời gian trôi. Ý nghĩ sáng nay không phải lờ mờ còm cõi đi làm mà được nằm ngủ nướng khiến chàng cảm thấy nhẹ nhõm, dễ thở, thoải mái như vừa trút được một gánh nặng oằn vai... mỉm cười thích thú. Ít ra trong vài ngày tới, chàng không phải chịu đựng sự nhàm chán của một đời sống tẻ nhạt, với mọi ngày như một ngày ở Ohio, vừa hẻo lánh vừa quê mùa. Có đôi khi, bất chợt nhìn cảnh trí xung quanh, giật mình, không hiểu tại sao có thể chàng có mặt tại một nơi như thế này, cách xa quê hương Gia-Định của Hiếu cả nửa vòng trái đất? Cũng nhiều lần băn khoăn tự hỏi: nhờ phép lạ nào mà gia đình chàng lại đặt chân được tới nước Mỹ? Và, cuộc đời chàng làm sao lại ở trong cảnh ngộ này? Rồi cũng tự trả lời: phải chăng số phận đã muốn một người anh họ tình cờ đứng ra bảo trợ cho Hiếu mang vợ con đến Dayton? Thấm thoát đã trên hai mươi năm qua...Vận mệnh phải chăng cũng chẳng khác gì một canh bạc tùy thuộc đỏ đen, may rủi, như bóng mây qua, như trời hết mưa rồi nắng và cứ thế xoay vòng?

Miên man nghĩ tới cả một tuần lễ ở Cali, cùng ba chị em vui vầy hội ngộ, với rất đông bạn bè họp mặt, trong lòng chàng tràn ngập nỗi hân hoan. Hiếu nằm yên, nghĩ ngợi lơ mơ như vậy không biết bao lâu? Thình thoảng đâu đó, tiếng rồ máy xe chờ hàng vọng vào từ ngoài xa lộ, báo hiệu một ngày bắt đầu rộn ràng nơi phố thị bốn ba...

Bỗng nhiên, từ một góc xa xôi nào đó trong ký ức, những hình ảnh mơ hồ của một thời quá khứ tưởng đã quên đi, lại len lén trở về, như một cơn gió thoảng giữa buổi trưa hè: Thoạt tiên

là hình ảnh căn nhà nhỏ ở hẻm gần chợ Bà-Chiếu, trông cũ kỹ nhưng đánh dấu bao kỷ niệm của một quãng đời sống lay lắt, vất vả, nghèo nàn, có vui buồn xen kẽ tuy luôn luôn đẹp, của đời lính một thời chinh chiến. Nhất là khi mới lập gia đình với Dung. Thế mà sáng nay, cũng hình ảnh này sao chứa chan tiếc nuối, có lẽ vì nó sẽ không bao giờ trở lại nữa? Trong thoáng giây, liên tưởng đẩy đi xa hơn nữa, nhớ về những ngày dĩ vãng lúc còn bé, thời ba chị em còn ở Hà-Nội và chàng tự hỏi: "Tại sao sáng nay bỗng dưng mình lại nhiều lưu luyến quá khứ thế? Hay bởi ý nghĩ sắp gặp lại chị Nhung khiến dĩ vãng đột ngột ập đến, lai láng như lũ tràn bờ..."

Vừa lọt lòng đã mất mẹ, Hiếu coi biến cố ấy là điều bất hạnh lớn nhất trong cuộc đời của mình. Chẳng biết nguyên do bởi đâu, khi không Hiếu tự đổ lỗi cho mình đã gây ra cái chết của mẹ, hiếu một cách giản dị là nếu không vì mang nặng đẻ đau, nếu không có Hiếu ra đời ngày hôm ấy thì bà cụ hẳn vẫn còn sống? Trong gia đình, từ ông cụ cho đến những người trong họ, tất cả thường tránh nhắc đến cái chết của bà Thọ, vì vô tình, vì quên lãng hay vì sự mất mát gần như vô lý ấy là sự thật làm đau lòng mọi người? Lúc nhỏ, có lần Hiếu tò mò hỏi chị Nhung về căn bệnh của mẹ nhưng không được chị trả lời rõ ràng. Có một điều lạ là cứ mỗi khi tự nhận lỗi về cái chết của mẹ, sau vài giây phút bàng khuâng, Hiếu bỗng cảm thấy nhẹ nhõm, dễ chịu, như vừa giúp được ai điều gì.

Cả một thiếu thời không có mẹ, Hiếu cảm thấy lẻ loi trong cái gia đình nhỏ bé chỉ có ba chị em lủi thủi trong nhà, rất ít khi thấy bóng dáng ông bố. Mang nặng tâm trạng kẻ mồ côi, sợ bị ruồng bỏ nên, để kiếm một chỗ nương tựa, chàng thường tìm đến bạn bè, coi đó là nguồn an ủi, bù đắp cho sự thiếu vắng mẹ dưới mái ấm gia đình. Sau này, tự thâm tâm, Hiếu vẫn luôn cảm kích, luôn mang ơn bằng hữu về tình bạn của họ, coi họ như một

gia đình thứ hai do chính mình chọn lựa. Tuy nhiên, đây chỉ là một phần, thực tế thì tâm tư, tình cảm trong Hiếu luôn bị giao động vì thiếu hẳn sự thương yêu, bảo bọc của một người mẹ. Nỗi thiếu vắng to lớn và không có gì thay thế được tình mẫu tử, khiến Hiếu tích lũy nhiều mặc cảm tự ty, đưa tới ứng xử khác với bình thường cho dù sau này Hiếu kết hôn và chính mình bước vào cuộc sống lứa đôi. Trong khi Dung dễ dàng kết bạn và ưa thích hội hè thì Hiếu lại khép kín, có cùng ý nghĩ như J.P. Sartre đã viết: "địa ngục là tha nhân." Vốn nhút nhát, Hiếu tránh né chỗ đông, nhất là các buổi họp mặt đình đám ồn ào. Ngại giao du, hàng ngày sống thụ động như cái máy, lâu dần thành người yếm thế lúc nào không hay rồi cuối cùng là...Hiếu đâm sợ sống. Do nhiều khiếm khuyết ám ảnh từ tuổi thơ và cũng do bản chất yếu đuối, Hiếu ít khi muốn đương đầu với hoàn cảnh mà dễ dàng buông xuôi, trôi theo dòng đời để không phải gánh chịu thất bại. Vì vậy, Hiếu buồn bã nhận ra nhiều khi chàng không sống thật với chính mình mà nhìn đời như một vở kịch trình diễn trong một hí viện xa lạ, bản thân chàng cũng không dám là một kịch sĩ múa may quay cuồng trên sân khấu, mà chỉ đóng vai một khán giả thụ động, bất buộc phải ngồi xem vở tuồng đang diễn ra với lòng hoang mang, khi cần thì vỗ tay và không có một chút hào hứng. Chàng thêm được như bạn bè, thấy họ dám sống hết mình, dám lao vào những cuộc tình ngay phút giây làm họ say mê bất kể chuyện gì ra sao ngày sau. Họ sẵn sàng trả giá cho hạnh phúc thoáng qua và khổ đau dai dẳng, dấn thân trong cuộc sống và chấp nhận có đầy đủ chua cay mặn ngọt đắng chất.

Ở vào tuổi thơ ấu, sớm phải trông cậy vào tình thương và sự đùm bọc của hai người chị, Hiếu mong muốn các chị sẽ thay thế mẹ mình và cùng lúc, cố tìm hình ảnh của bà mẹ qua các chị nhưng thực tế đã làm Hiếu thất vọng. Một nhà thơ nào đó đã viết: "Mỗi người chỉ một mẹ thôi!" Phải khôn lớn thêm, Hiếu mới hiểu được rằng Mẹ là duy nhất, nhưng lại rất mơ hồ. Dẫu sao, Hiếu

vẫn thắc mắc và thấy mình quanh quẩn với câu hỏi còn ở trong tâm khảm chàng cho tới bây giờ: “Chị Nhung hay chị Nhàn, chị nào giống mẹ nhất để Hiếu nương theo mà hình dung ra Mẹ?”

Người trong họ thường nhận xét hai chị em Nhung và Nhàn không giống nhau, họ khác nhau cả về ngoại hình lẫn nội tâm. Chị Nhung có vóc dáng sang trọng, đẹp kiểu Tây Phương, thoáng trông có vẻ lạnh lùng nhưng thật ra chị đa cảm. Trái lại, chị Nhàn giống y hệt mẹ: mặt vuông, đôi mắt sáng, bình thường là một thương gia tính toán khô khan với người ngoài vì đã dành hết yêu thương và hy sinh cho các con. Thấy vậy, nghe vậy khiến Hiếu càng bận tâm, xem những nhận xét ấy có phản chiếu đầy đủ con người các chị không?

Từ khi có gia đình riêng, Hiếu thường đùn việc giao tế cho Dung vì nghĩ là vợ lanh lợi hơn, có óc thực tế với nhiều kinh nghiệm sống để hiểu người khác nên dễ thành công. Lâu dần, Dung nghiêm nhiên trở thành bà nội tướng đảm đương mọi việc trong nhà, quyết định từ chi thu tiền nong cho đến dậy dỗ con cái. Gần đây, khi đã có tuổi và các con khôn lớn đi học xa, Hiếu mới bỗng nhiên thắc mắc, muốn tìm hiểu thêm về cá tính của mẹ, nhất là bản khoản về nguyên nhân đưa đến cái chết của bà, chỉ ít lâu sau khi bà sinh ra Hiếu. Đối với chàng, bệnh hậu sản chỉ là một từ ngữ mơ hồ, một cách nói chung chung khi nền y học còn thô sơ khiến mọi người không có lối giải thích khoa học nào khác?

Đã hơn ba năm rồi Hiếu mới lại về thăm Cali. Thời gian qua, chàng muốn dành nhiều thời giờ cho con cái đang học những năm cuối Đại Học. Lần này, chị Nhung gọi điện thoại rủ chàng qua chơi, cũng là để thăm anh Tường, mới được chẩn đoán bị ung thư tuyến tiền liệt. Dù biết đây là loại lành tính và chậm phát triển, nhưng sau khi được chữa khỏi bệnh, Tường như tỉnh dậy từ một cơn mơ dữ, đâm ra suy nghĩ nhiều về sự mong manh của

cuộc sống, nên quyết định bỏ việc để nghỉ hưu, chấm dứt sự nghiệp của một Luật sư danh tiếng, đang có văn phòng đông thân chủ ở Quận Cam.

Trong ba chị em, ngoài Hiếu ở Ohio, hai chị đều ở Cali và trong cùng khu phố biển thuộc tỉnh Huntington Beach. Trước khi chọn mua nhà, cả hai cùng nghĩ là sẽ ở gần nhau, hai gia đình sẽ có dịp qua lại thường xuyên để tình chị em vẫn gần gũi như thuở Saigon chưa mất. Họ chỉ không ngờ sau khi dọn đến, chạm mặt thực tế, hóa ra lại rất ít khi gặp nhau, lý do vì hai ông chồng, Tường và Huy tính nết xung khắc, quan hệ lỏng lẻo như hầu hết các anh em cột chèo trong nhiều gia đình khác! Bề ngoài, ai cũng nghĩ ông bà luật sư Tường nổi danh ở Bolsa, hai vợ chồng từng là một đôi “trao tài, gái sắc,” lừng lẫy cả hai phương diện tiền của và danh vọng trong giới thượng lưu của Thủ Đô người Việt tỵ nạn, tất nhiên hậu vận của họ cứ thế mà an bài. Thật ra, chần chừ thường có rận, chỉ người nằm trong chần mới biết chần không phải lúc nào cũng mượt mà, thơm tho và ấm áp.

Nghĩ tới đây, Hiếu bất giác mỉm cười, nhớ lại lời của Tường khi đang làm chung văn phòng di trú với bọn luật sư Mỹ. Anh than thở với chàng: “Anh rất chán cái nghề thầy cãi ở đây Hiếu ạ! Tụi da trắng nó kỳ thị và ở xứ này, phải lưu manh mới cạnh tranh nổi với bọn chúng.” Qua anh, Hiếu mới biết ngay cả ở cái đất nước văn minh với nhiều giá trị nhân bản cao quý này, một bản hợp đồng làm ăn luôn đem nhiều quyền lợi về cho người thân chủ chịu chi tiền xộp để đầu óc ông luật sư vận hành tốt chứ không phải để tìm kiếm sự công bằng cho cả hai đối tác. Hiếu tin lời anh Tường vì anh có phong cách nói chuyện chậm rãi, điềm tĩnh, cân nhắc, bất luận nội dung có thể gây tranh cãi vẫn không làm anh sôi nổi, đưa tới hờ hênh. Lập luận ứng khẩu của anh cũng vững chãi như bản lý do anh viết cho phiên tòa.

*

Tối Cali khuya đêm qua, ở Ohio lúc đó đã gần sáng. Hiếu không gọi điện thoại mà chỉ text báo tin cho vợ vì đoán chừng nàng còn đang ngủ. Bây giờ thì hẳn Dung đã đến sở. Không muốn gây tiếng động sớm trong ngôi nhà yên ắng, Hiếu rón rén mở cửa bước ra ngoài, định ra sân để gọi về cho vợ. Hé cửa phòng, Hiếu thấy bàn ghế hiện ra im lìm. Dưới ánh sáng mờ mờ, tầng dưới nhà trông còn trống hơn đêm qua, lúc chàng mới tới. Có lẽ vì trần cao, phòng khách nối liền với phòng ăn và bếp, trông mênh mông. Các vật dụng trang trí bày biện ngăn nắp, hòa hợp, có lẽ chủ nhân đã nhờ tới bàn tay chuyên nghiệp của một chuyên viên trang trí nội thất nào đó. Hiếu lập tức cảm nhận sự giàu sang mà hui quanh của anh chị mình, lòng như có chút ngậm ngùi. Hiếu cẩn thận di chuyển qua các bàn ghế cân nín, hướng về phía cửa lớn ra sau nhà. Một cơn gió lạnh tạt vào người, khiến chàng rùng mình. Đã vào Hè mà đêm Cali vẫn còn se lạnh. Phía xa, bóng những cây tùng trồng thẳng tắp dọc đường cái, in lên nền trời xám đục, đẹp như bức tranh tĩnh vật của thiên nhiên. Kiểm một góc hiên kín gió, Hiếu ngồi xuống cái bệ đá cạnh hồ cá nằm dọc bờ tường cao, ngăn cách với nhà hàng xóm. Thấy bóng người đến gần, vài con cá koi màu vàng đốm đen nổi lên dưới mấy tầng hoa súng, lượn lờ quanh chỗ Hiếu ngồi như chờ được cho ăn. Thấy không động tĩnh gì, chúng lại lặn xuống đáy, để lại những gợn sóng lăn tăn trên mặt hồ. Tiếng nước róc rách chảy, đều nhẹ, qua một tầng đá to đặt nằm giữa hồ, nghe dễ chịu như tiếng vông ru. Lâu lâu, từ ngoài xa vọng vào tiếng động cơ xe cộ, làm nổi bật ranh giới rõ rệt giữa khu vườn êm ả, thanh tịnh và phố phường lao xao nhân thế ngoài kia, nhắc nhở cả một xã hội xô bồ, đầy cạnh tranh nghiệt ngã luôn chực chờ.

Bấm số điện thoại của vợ, Hiếu đinh ninh sẽ nghe tiếng nói của nàng nhưng sau nhiều hồi chuông, chỉ nghe tiếng nói của máy, yêu cầu để lời nhắn. Hụt hẫng, băng khuâng buồn, Hiếu nghĩ đến mấy người bạn tù ở Quận Cam, muốn gọi rủ họ đi uống cà-

phê nhưng kịp nhận ra bây giờ còn quá sớm, chàng đành ngồi lặng yên, nhìn vợ vẫn cảnh trí trong vườn. Bầu trời trên cao xám đục, vài cụm mây đen thong thả trôi...

Tiếng điện thoại trong túi áo chọt reo. Hiếu vội lấy ra nghe. Ở đầu giây bên kia, vẫn giọng nói quen thuộc, êm ái của Dung mọi khi nhưng làm Hiếu hồi hộp vì thường thì vợ hay lên lớp, dặn dò chuyện này chuyện nọ, khi thì nhắc khéo chồng tần tiện, đừng cao hứng tiêu xài phung phí mỗi khi gặp bạn bè, có khi còn chỉnh đốn chồng về sự vụng về lời ăn tiếng nói, nhất là những lần đi xa mà không có nàng đi cùng.

"Em đang trong sở nên không mở điện thoại. Có gì không anh? Sao anh dậy sớm quá vậy? Bên Cali bây giờ mới hơn bảy giờ sáng." Hiếu vội đáp: "Cả nhà chưa thức nhưng anh thì không ngủ được."

Vội vã như đang bận rộn công việc, Dung nói nhanh: "Vây thôi nhé! Anh kiểm cà-phê pha uống đi. À này, anh nhớ nói với hai chị là em vẫn làm giỗ Mẹ mỗi năm nhé! Năm nay anh về là đúng ngày giỗ đấy! Em nhắc anh nhớ hỏi xin chị Nhung tấm hình chụp ba chị em, lúc anh năm tuổi, để trong cuốn album ở xa-lông nhà chị. Nếu chị không cho thì anh hỏi mượn, mang về đây em chụp lại rồi phóng lớn ra. Em thích tấm hình ấy lắm mà ngại hỏi. Còn gì nữa không nhỉ? À, anh nhớ qua thăm nhà mới của chị Nhàn và anh Huy, đừng quên đấy!"

Quen miệng như dậy con, dặn dò chồng xong, Dung cúp máy.

Còn lại một mình trong buổi sáng tinh khôi, Hiếu tiếp tục mơ màng. Hôm qua, chuyến bay đến trễ, về tới nhà chị Nhung đã khuya, không gặp ai nên Hiếu cũng chưa biết hôm nay nhà có chương trình gì không? Lúc này, nghe vợ nhắc đến tấm ảnh đen trắng lâu đời, đã bạc màu, chỉ lớn hơn tấm hình làm căn cước một chút, chụp ba chị em khi còn ở phố Hàng Trống, Hiếu ngạc

nhiên là sao Dung nhớ dai thế, càng không bỏ ý định mang nó về làm kỷ niệm riêng.

Mặc dầu tấm ảnh đó là kỷ niệm thời thanh xuân mới chớm của hai chị và tuổi thơ hồn nhiên của Hiếu, ai cũng tươi tắn trong cảnh nhà sung túc nhưng với Hiếu, nó nhắc nhở quãng đời cô cút, hẩm hiu của cả ba chị em mà Hiếu chỉ muốn quên đi, nói chỉ tới chuyện giữ nó làm của riêng như Dung muốn. Với cả hai chị, có lẽ tấm ảnh chỉ là một trong vô số kỷ niệm bình thường, không có gì đặc biệt so với cuộc sống sau này của hai người.

Hiếu nhớ lại cách đây khoảng ba năm, trong một lần vợ chồng chàng qua Cali thăm đại gia đình, Dung đã tình cờ trông thấy bức ảnh đó. Nàng thành thật tấm tắc khen dung quang hai bà chị chồng hồi ấy trông đẹp và đài các. Quả thật trước khi di cư khỏi Hà Nội năm 1954, hai chị đã một thời được phong tặng danh hiệu hoa khôi Trung Vương nhờ làn da trắng hồng, mịn màng, đôi mắt to đen, long lanh ánh nước, khuôn mặt trái xoan, chiếc mũi dọc dừa giống bố. Lớn lên, Hiếu nghe kể lại khi mẹ còn, bố Thọ rất mực thương yêu và chăm chút các con. Ông thường cho hai chị được theo ông đi tản bộ ven Hồ Hoàn Kiếm và đi ăn cơm Tây, dạy con biết thưởng thức thú vui thanh lịch này với ông. Thế nhưng kể từ ngày góa bụa, ông thay đổi hẳn tính tình, ít khi ông có nhà và đối xử lạnh nhạt với đàn con y như chúng là nguyên nhân đưa tới cái chết hậu sản của bà.

Mặc dù chỉ là kế toán viên tại một công ty hàng hải thương thuyền của Pháp ở Hà-Nội, lương vừa đủ sống nhưng ông Thọ tậu được một biệt thự nhỏ ở phố Hàng Trống nhờ vào tiền gia đình bên vợ cho. Từ khi có bà mẹ ghê, ngôi nhà xưa kia là cõi thiên đàng của gia đình, nay là bãi chiến địa đầy nước mắt, cuộc sống ba chị em như ác mộng triền miên. Đối với Hiếu, ban đầu là như thế dù rằng càng về sau, khi khôn lớn hơn, chàng nhận ra, chính bà dì ghê cũng là nạn nhân một hoàn cảnh oái ăm khác do

con tạo đặt ra, như tất cả mọi ai trong kiếp đời của họ. Xuất thân ít học, nghe đồn trước kia bà là ả đào ở xóm Khâm Thiên, được ông Thọ mê sau nhiều lần ghé chơi. Có chút nhan sắc và biệt tài chiều đàn ông, bà lèo lái người chồng góa bụa để thỏa ý riêng, lũ con ông Thọ bị bà coi là kẻ thù vì chúng chia sẻ cả tình cảm lẫn tiền lương của ông.

Trưởng thành rồi, ôn lại ngày tháng cũ, Hiếu không còn căm ghét bà dì ghê nữa. Trái lại, thấy tội nghiệp cho phận đàn bà vừa thất học, vừa đa nghi, khổ lụy làm sao tránh khỏi? Thêm nữa, bi kịch của gia đình chàng giờ đây đã trở thành dĩ vãng vùi sâu dưới tro bụi thời gian, có còn gì nữa đâu mà oán với than? Có chăng là nỗi băn khoăn muốn tìm hiểu mẹ thật rõ cứ mãi mãi ám ảnh tâm tư chàng, không thể nào dứt bỏ. Mẹ là người như thế nào? Trong các con, ai giống bà nhất? Thuở sinh tiền, bà dạy dỗ, uốn nắn các con ra sao?

Nếu mẹ không mất sớm thì giờ đây Hiếu có là ai khác không? Hiếu có mất cơ hội để đạt được danh vọng, sự nghiệp to tát, cưới vợ môn đăng hộ đối làm đẹp mặt trong họ ngoài hàng, lừng lẫy không kém ai không? Hay là lại thân thể long đong, trôi giạt mãi đâu?

Nghĩ tới đây, Hiếu bỗng mỉm cười, mừng thầm. Thế nào mặc lòng, Hiếu luôn cảm ơn số phận đã cho chàng gặp Dung rồi thành vợ chồng, cùng nhau trải qua nhiều cảnh ngộ gieo neo, cùng nhau sống sót nhờ tình yêu bền bỉ, sự hy sinh không đắn đo và khả năng ứng biến khôn khéo của Dung. Gần hay xa, hình ảnh vợ luôn cho Hiếu cảm giác êm đềm của hạnh phúc lứa đôi không gì so sánh được. Những ngày vất vả mưu sinh khi mới định cư ở Mỹ, Hiếu luôn có niềm an ủi mỗi buổi chiều về nhà, mở cửa bước vào, sung sướng nghe mùi thức ăn thoảng lên trong bếp, Dung hai má đỏ hồng lo nấu nướng cho cả nhà nhưng vẫn không quên cất tiếng hỏi han chồng sau một ngày dài vắng tiếng nhau. Ngoài tình

vợ chồng, suy từ tình mẹ con giữa Dung và lũ trẻ, Hiếu nghiệm ra văn chương, thi phú, âm nhạc, điêu khắc hay hội họa xưa nay ca tụng tình mẫu tử bằng mọi hình thái nghệ thuật chọn lọc, trau chuốt, ngỡ là thi vị hóa, thậm chí thánh hóa tình yêu ấy trong một thế giới tách biệt với cuộc nhân sinh la đà thế sự, thật ra, tình yêu ấy, bao gồm cả trái tim yếu mệnh của mẹ chàng, đã thực sự thánh hóa từng giây phút cuộc nhân sinh nhiều khổ lụy để con người có thể tồn tại và ca tụng tình Mẹ.

Vì vậy, tuy đã quá muộn, đôi khi Hiếu chép miệng, tự hỏi: "Tại sao bà di ghê của chàng không chịu hé mở trái tim có sẵn trong lồng ngực bà, ban phát chút tình thương có sẵn ở đây cho ba chị em chàng để bà cũng được đền đáp lại, được các con chồng cũng yêu thương bà, coi bà như người mẹ ruột mà họ đã mất vậy?" Làm được như thế thì đến cuối đời, làm cảnh góa bụa, bà đã không phải sống hẩm hiu và chết trong cô quạnh! Ấu là dành đồ cho nghiệp dĩ thôi!

*

Nắng đã lên cao từ lúc nào, bầu trời mây xám ban nãy bây giờ xanh cao, trong vắt, trải dài đến tận chân trời khuất tầm mắt. Hiếu chợt cảm nhận chàng ngồi đây, nhỏ nhoi như một hạt cát trong bao la trời đất.

Chưa biết nên làm gì thì Hiếu nghe tiếng bước chân người từ phía trong nhà ra. Vừa đổi thế ngồi ngay ngắn lại, Hiếu nhận ra anh Tường đang đi về phía chàng, y phục tề chỉnh như mọi khi, sơ mi trắng, quần tây đen, là ủi thẳng tắp

Trông thấy Hiếu, Tường tự nhiên, tươi cười:

"Cậu dậy sớm quá hả? Đêm qua nhớ vợ, ngủ được không? Sáng nay mình đi ăn sáng nhé? Mấy bữa nay Bolsa có phở đuôi bò, sale nửa giá, ăn cũng được lắm!"

Anh đến sát chỗ Tường, vắn vốc vạc cao và thanh cảnh, vắn khuôn mặt chữ điền đầy nam tính, toàn thân toát lên vẻ tự tin nhuốm chút kiêu căng của một người biết mình có tài. Anh khiến Hiếu hơi ngạc nhiên và cả hy vọng vì dáng dấp khỏe mạnh, linh hoạt của anh không cho thấy dấu hiệu nào của ung thư đang hoành hành. Dù chỉ là anh rể nhưng Tường vẫn quan tâm săn sóc Hiếu hơn các em ruột của anh.

Trước năm 75, anh đã cho Hiếu tá túc trong nhà tuy hai anh em như sao hôm, sao mai, ít khi gặp nhau do Hiếu mặc cảm mình dư thừa, chỉ dùng nhà anh rể để có chỗ đi về lúc cần thiết và đêm nào cũng đi ngủ lang nhà bạn bè. Ý thức sự cưu mang rộng lượng của anh rể nên Hiếu luôn mang ơn anh. Tuy nhiên, Hiếu vẫn đồng thời cảm thấy như thế giữa hai người có một bức tường ngăn cách kiên cố, khó vượt qua. Sâu trong tiềm thức, có lẽ Hiếu có chút ganh tỵ về sự thành đạt của Tường. Thêm nữa, Hiếu cảm giác anh là người đã dùng lợi thế xã hội, cướp đi tình cảm của người chị dành cho đứa em út cô út.

Ngày nay, giữa hai anh em khi Hiếu cũng đã trưởng thành, cá tính khác biệt của mỗi người mới lộ rõ: Tường thực tế, thông minh và thành công trong mọi việc anh làm. Hiếu thì mơ mộng hão huyền, không biết chắc mình muốn gì trong đời?

*

Trở lại hiện tại, Hiếu rời bệ hồ cá, đứng dậy chào anh. Thấy anh vẫn khỏe và tươi tắn, Hiếu phân vân không biết có nên hỏi thăm anh về bệnh ung thư hay không nhưng rồi chàng nhanh chóng quyết định hãy tạm lờ đi để tránh cho anh rể đỡ phải nghĩ ngợi trong buổi sáng đẹp trời này. Đi bên nhau vào lại nhà, Hiếu tìm câu chuyện làm quà: "Anh chị chọn mua ngôi nhà này đẹp quá! Chắc phải triệu bạc anh nhỉ?" Như chạm đúng băng tần, Tường hăm hở khoe luôn: "Một triệu thấm vào đâu với nhà ở

Cali? Anh chị mua trên một triệu rưỡi đấy cậu ạ!” Vốn chả biết mô tê gì về giá cả địa ốc ở Cali, nghe tới con số triệu, Hiếu liền tưởng ngay đến căn nhà ở Ohio mà vợ chồng chàng mua được bằng đồng lương cày sâu cuốc bẫm của cả đôi, chàng xuýt xoa kêu lên: “Chao ôi, nhiều đến vậy cơ ă?” Để niềm vui và tự hào của anh rể được trọn vẹn, Hiếu nói thêm: “Bên em, chỉ một phần mười số tiền anh chị bỏ ra là có ngay căn nhà ở được, anh chị ạ!” Nói xong, Hiếu thấy chàng hơi thiếu thành thực với các con số đưa ra nhưng vì cốt để anh rể vui nên Hiếu không bận tâm nữa.

Có lẽ nhà cửa luôn là điểm nóng trong câu chuyện trao đổi của dân Cali nên được thế, anh Tường hào hứng thao thao bất tuyệt với cậu em vợ:

“Ở Mỹ, nhiều người chẳng học hành gì, chỉ nhờ kinh doanh địa ốc mà trở thành triệu phú như chơi. Văn phòng của anh cũng lo dịch vụ giấy tờ mua bán nhà cửa nên biết mánh lới kinh doanh của giới trung gian, họ toàn mượn đầu heo nấu cháo vậy thôi. Bán được là ngon xoi 6 phần trăm giá trị căn nhà, chưa kể gặp thời giá nhà tăng vọt, còn lời thêm qua đầu tư. Bọn Mỹ họ tức cười lắm, chỉ tin vào bọn địa ốc nên không thích mua nhà do chủ bán trực tiếp dù giá rẻ hơn nhiều!”

Anh ngừng nói, nét mặt suy tư, khiến Hiếu đoán chừng anh sắp đề cập một chuyện gì quan trọng...Chập sau, anh cất tiếng:

“Tiếc quá, cậu qua chậm nên bây giờ đã hết thời rồi. Và lại trước kia, cậu đã không nghe lời anh, học cho xong Luật ở Việt-Nam để anh đưa vào Bộ Ngoại Giao làm, 75 xảy ra đã có cơ hội qua Mỹ ngay hồi đó. Nếu thế, bây giờ sự nghiệp đã vững vàng...Cậu vào lính thì anh chịu thua, chả quen ông tướng ông tá nào để lo cho cậu cả! Qua Mỹ trễ như cậu, nhiều thiệt thòi lắm...”

Hiếu ngạc nhiên nghe anh rể nhắc lại một thời đã thành cổ tích cũ rích. Cứ mỗi khi nhớ lại thời học Luật ở Sài-Gòn, Hiếu lại

nhớ việc “tụng” thuộc lòng mấy cuốn của thầy cộm, khô khan, chả có gì hấp dẫn, nhất là hôm lần đầu tiên được cái mác sinh viên Đại Học, chàng hớn hờ đến trường Luật, khó khăn lắm mới kiếm được một chỗ ngồi trong giảng đường rộng lớn chứa cả năm sáu trăm sinh viên. Đang nôn nóng ngồi chờ, bỗng cả lớp đồng loạt đứng dậy chào vị thầy vừa bước vào giảng đường, một ông trông lùn tịt và béo phệ. Đến khi nghe ông giảng, thật ra, ông ta đọc bài thì đúng hơn, Hiếu thất vọng, đâm ra buồn ngủ và chán chường. Cả năm sau đó Hiếu không đi nghe giảng nữa, chỉ đến trường mua mấy tập của quay ronéo của ban đại diện, mang về học như con vẹt, cốt cho nhớ chứ chẳng cần suy luận gì cả!

Cuối năm học, may mắn đậu kỳ thi viết nhờ trúng tủ môn Pháp Chế Sử. Vào vấn đáp môn Quốc Tế Công Pháp với giáo sư Chân, Hiếu bốc thăm nhằm đề thi hỏi về mấy Hội Đồng quản trị các hòn đảo của Liên Hiệp Quốc. Đây chỉ là một chú thích ngắn trong cả ngàn trang của, chàng thẳng thắn lên tiếng than thở với vị giáo sư khả kính kháo hạch, không ngờ về nhà kể cho Tường nghe, mới biết ông là bạn học với anh ở trường Luật trước kia. Tường đề nghị xin ông cho Hiếu đậu nhưng Hiếu từ chối và chấp nhận bị đánh trượt! Biết mình rớt, Hiếu không buồn phiền mà cảm thấy nhẹ nhàng như vừa thoát được cái ách trường Luật. Không tìm thấy lý tưởng qua bằng cấp, rồi lại chứng kiến thêm người anh rể đang là Giám Đốc một Nha thuộc Ngân Hàng Quốc Gia, làm công việc của một công chức cao cấp sáng vác ô đi - chiều vác về, Hiếu chán nản thực sự nên chàng quyết định bỏ đi Thủ Đức,

Kỷ niệm ấy đã trên bốn chục năm nhưng Hiếu vẫn tưởng như mới xảy ra ngày hôm qua...

*

Như mới nhớ ra, Tường ngừng lại ở chỗ cái kệ gỗ, cầm bao thức ăn cho cá đến gần hồ, rải xuống một ít. Bầy cá koi lập tức ngoi lên, tranh nhau khua động mặt hồ. Cử chỉ cho cá ăn như một thói quen của anh khiến Hiếu có cảm giác anh nuôi cá chỉ để làm cảnh cho khu vườn chứ không chút gì hứng thú.

Xong xuôi, Tường cất lại bao đồ ăn vào chỗ cũ, quay sang ân cần hỏi Hiếu:

“Em muốn uống cà-phê ở nhà hay ra tiệm ăn sáng rồi uống luôn ngoài đó? Ở nhà chỉ có cà-phê instant và sữa đặc nhưng cà phê anh mua bên Pháp, ngon không thua gì cà phê phin pha kiểu cái nồi ngồi trên cái cốc ngoài tiệm Bolsa đâu!”

Đang thêm ly cà-phê buổi sáng, Hiếu đề nghị:

“Nếu anh cũng uống ở nhà thì cho em xin một ly, còn nếu không, sao cũng được ạ.” “Được rồi, anh vào bếp làm cà phê cho cả hai anh em vì mình còn phải chờ chị Nhung sửa soạn, lâu lắm.”

Nói xong, cả hai cùng bước vào trong nhà.

Căn phòng khách bây giờ chan hòa nắng, trông khác hẳn lúc sáng sớm, làm lộ vẻ sang trọng của đồ đạc mới và đắt tiền, càng khiến Hiếu cảm thấy xa lạ và không mấy thân thiện.

Tường lui cui nấu nước sôi từ cái phích điện, xong mở tủ bày các thứ cần thiết ra bàn. Anh làm một cách thành thạo và gọn ghẽ nên Hiếu cảm thấy mình thừa thãi, đang loay quanh thì nhác thấy cây đàn dương cầm loại lớn, piano à queue, to đen và bóng loáng, Hiếu đến gần, sờ tay lên nắp hộp phím, toan mở ra gõ vài nốt nhưng lại thôi, miệng trầm trồ khen: “Hiệu Yamaha, đẹp quá. Chắc chị Nhung vẫn chơi mỗi ngày như thưở xưa ở Hà-Nội, Sài-gon?”

Có lẽ Hiếu nói nhỏ nên Tường không nghe.

Cây đàn đắt tiền, đặt ở một góc phòng khách rộng lớn, dù chủ nhân không chạm tay mỗi ngày nhưng nó vẫn có tác dụng làm tăng vẻ quý phái và thanh lịch của tầng lớp thượng lưu Âu Á, thường có cô con gái ngồi dạo nhạc cổ điển như hình ảnh thường thấy trong các phim ảnh Tây Phương.

Trước đây ở Saigon và bây giờ ở Mỹ, nhiều gia đình có tiền hay mới giàu, đua nhau sắm đàn dương cầm, để trang hoàng hơn là có công dụng thực tiễn vì học dương cầm không đơn giản, vừa tốn kém vừa đòi hỏi năng khiếu và đam mê ở người học. Với Tường thì không phải vậy vì anh xuất thân từ một gia đình thế gia lệnh tộc, phú quý lâu đời với nhiều thế hệ con cháu nổi danh khoa bảng trên cả nước. Riêng anh, công danh hoạn lộ hanh thông, những năm cuối của Saigon, anh tham chính ở chức vụ Thứ trưởng trong nội các. Hơn nữa, vợ anh, chị Nhung của Hiếu, thời thiếu nữ từng được cha mẹ cho học đàn và chị chơi dương cầm rất hay. Cuộc tình của anh chị có lẽ đã bắt đầu bên những phím đàn. Vì vậy, đàn dương cầm là thú vui tao nhã của chị những khi rảnh rỗi, không thể thiếu trong bất cứ ngôi nhà nào chị ở.

Dù trước kia, anh chỉ giữ một chân Giám Đốc xoàng, trực thuộc hệ thống Ngân Hàng Quốc Gia nhưng đến gần cuối trào Cộng Hòa, do quen biết một bạn học ở Luật, anh bỗng được mời tham gia Nội Các trong chức vụ phụ tá Thứ Trưởng. Tiếc thay, sau đó, sự việc không thành. Tường có chút thất vọng vì lý do Nội Các không đồng ý có thêm chức Thứ Trưởng, sợ mang tiếng là để chia chác quyền hành, y hệt như các vị Tiên Chỉ ngày xưa vẫn giành nhau mâm xôi, nải chuối chốn đình làng. Thay vào đó, anh tạm nhận chân Đồng Lý với lời hứa hẹn sẽ có ngạch trật ngang với một Thứ Trưởng. Đó là niềm hãnh diện Tường vẫn mang theo khi di tản qua Mỹ. Tin tức trong giới công chức cao cấp Bộ Ngoại Giao hé lộ cho biết Mỹ sẽ bỏ rơi Việt-Nam, Tường dần xếp

cho vợ và hai con ra đi qua đường bay từ Tòa Đại Sứ Mỹ, phần anh nán lại để nghe ngóng tình hình.

Ra đi bất ngờ, không kịp báo cho một ai trong thân thuộc, Nhưng chỉ nhắc chồng cố tìm cách đưa gia đình hai em đi sau và Tường hứa chắc với vợ là sẽ không bỏ Nhân và Hiếu ở lại.

Tình hình sôi động, bị cấm trại ở Biên Hòa và bản thân là lính quèn, không mớ mềnh chuyện xuất ngoại vì không có học vị đại học, tiếng Anh cũng ăn đong nên Hiếu tự lượng sức mình, sang Mỹ biết làm gì sinh sống?

Cuối tháng Tư, Dung thỉnh linh từ Gia Định lên đơn vị kiểm chồng, báo tin là Nhung đã đi Mỹ và giục Hiếu về Sài-Gòn, đến xin Tường cho đi gấp. Hiếu may mắn xin được cái giấy phép đặc biệt nên vội vã trở về nhà.

Nhớ lại tối hôm vợ chồng Hiếu chạy đến gặp Tường, hớn hờ ngổ lờ, kinh ngạc thấy ông anh rể nho nhã mọi khi trợn mắt quát to:

“Cậu là sĩ quan mà đòi trốn đi thì ai đánh nhau với Cộng Sản? Không biết xấu hổ à?”

Điếng người vì hổ thẹn, vợ chồng Hiếu lùi thúi cúi đầu ra về mà ầm ức ngập lòng, muốn kêu Trời thì trời quá xa. Chợt nghĩ đến chị Nhân và anh Huy, vợ chồng cố vót vát tình thế tuyệt vọng nên ghé vào thăm, cốt để lôi kéo anh chị cùng đến xin Tường cơ hội đi tản nhưng người anh rể này không muốn đi vì còn vướng cha mẹ già, không nỡ bỏ lại. Huy giải thích với Hiếu anh là một giáo sư dạy toán, dù miền Nam có sập tiệm, anh cũng không bị liên lụy gì.

*

Đến cái ngày đổi đời, Hiếu trở lại cư xá Ngân Hàng tìm Tường, hàng xóm cho biết Tường đã ra đi, bỏ lại nguyên căn nhà

với tất cả đồ đạc nguyên vẹn, chỉ không biết anh đào thoát lúc nào và bằng cách gì? Mấy ngày sau đó, túng quẫn vì lương lính, tính liều, dứa con gái đầu lòng đã hết sữa bú, Hiếu chạy xe đạp qua nhà Huy để hỏi xin chị Nhân chút ít tiền nhưng bị chị khước từ khéo. Hiếu ra về, kể lại tự sự cho Dung nghe với hai hàng nước mắt hờn tủi, không biết rằng qua hai lần chạm trán với hậu quả đổi đời bạc bẽo, anh Huy bắt đầu hối tiếc đã không tính toán việc đi Mỹ, nay không chỉ túng thiếu mà còn phải lo trình diện đi học tập cải tạo theo lệnh tập trung của chế độ mới nữa dù anh chỉ là một sĩ quan biệt phái.

Trong những năm tháng dài qua các trại tù, Hiếu càng thấm ngấm nỗi đoạn trường của đất nước những ngày hấp hối, của chính mình và của biết bao bạn bè, thân thuộc. Đôi lúc, Hiếu không khỏi oán hận gia đình đã bỏ rơi mình, nghĩ chị Nhân sao có thể ích kỷ đến thế...Khổ đau lâu dài, suy nghĩ quẩn quanh mãi, Hiếu chợt ngộ ra chàng nên thay đổi cách nhìn con người, sự việc và cuộc đời nơi chính chàng vì đó là thay đổi duy nhất có thể có được trong cái đồng xà bần quá khứ đã vun thành nấm mồ dĩ vãng, không còn thay đổi được, xót xa cho lắm cũng hoài mà thôi! Nếu có trách, hãy trách mình trước và rút ra bài học cho những ngày sắp tới.

*

Nghe tiếng nước sôi reo lên trong cái phích điện, Tường bảo Hiếu:

“Cậu tự pha cà phê theo ý mình đi. Anh không biết gu của Hiếu thế nào?”

Hiếu tiến đến quầy bếp, mở nắp hộp cà-phê hiệu Nestlé nhập cảng từ Pháp, hỏi thăm: không biết cà phê này có gì đặc biệt hơn cà-phê Starbucks hay không mà ông anh rể đã cầu kỳ đặt mua tận bên Tây? Có lẽ Tường đi Pháp tu nghiệp nhiều lần nên thấy

cái gì của Tây cũng là nhất, chả thế mà bạn bè thế hệ anh thường tán tụng bảo nhau đến Paris một lần rồi chết cũng đành!

Hiếu chưa bao giờ qua Pháp nhưng đã nghe chị Nhung sau mấy lần tháp tùng anh rể, than phiền là bên Tây vừa dơ bẩn, vừa nghèo nàn, nhà cửa chật chội, phòng tắm bé tí teo, có khi cả một chung cư chỉ rộng bằng cái phòng khách nhà chị. Du khách tản bộ trên vỉa hè Paris, vô ý là dẫm phải mìn thải ra từ mấy cô cậu chó cưng được các bà đầm dắt đi chơi mỗi sáng. Ở nhiều góc phố, mấy ông Tây say rượu phóng uế khai rùm! Phải chăng ấn tượng về một vẻ đẹp, khi đã in vào tâm khảm từ lúc trẻ thì rất khó xóa bỏ, bất kể thực tại phủ phàng tới đâu?

Hiếu lấy vào tách của mình một muỗng cà-phê bột, rót nước sôi vào tách. Một mùi thơm đặc biệt, thoảng hơi khét như củi cháy, nhưng đầm ấm của cà-phê, phảng phất theo làn khói mỏng bay lên. Hiếu cho thêm một muỗng sữa đặc, khuấy đều, màu đen của cà phê đổi sang màu nâu nhạt ánh lên trong cái tách men trắng. Hiếu nhấp thử một ngụm, lắng nghe vị béo ngọt quyến với hương cà-phê Pháp khá đặc biệt thấm dần trong cuống họng, nuốt xuống rồi vẫn còn dư vị trên đầu lưỡi. Tường cầm ly cà phê anh tự làm và đến ngồi xuống xa lông.

Như thói quen hàng ngày mỗi buổi sáng, Tường bật ti-vi kiểm Đài xem tin tức. Một lát, có lẽ sức nhớ cậu em vợ đang ngồi cùng, anh bèn quay qua và bắt chuyện:

“Các con em lớn cả rồi chứ hả? Vào đại học hết chưa?...Cậu toàn con gái là may lắm đó, sau này dễ được nhờ... Thời buổi bây giờ, con trai, con gái cũng giống nhau thôi...Anh chị có hai thằng con trai mà chẳng ra sao cả...Tụi nó có bao giờ héo lánh về cái nhà này đâu? Họ chẳng là khi cần vồi tiền mẹ thôi! Chị Nhung nuông chiều con lắm nên chúng đâm hư. Người ta bảo con hư tại mẹ, anh thấy không sai chút nào.”

Nghe anh rể than vãn, Hiếu nghĩ thầm anh không công bằng với bà chị của mình...Nghĩ vậy xong, liền tường đến Dung, Hiếu thấy Dung nghe chừng cũng chẳng khác ông anh rể. Nàng hay khen các con ngoan, học giỏi và thường i ôi dành hết công lao nuôi dạy con về phần mình: “Ông Hiếu chẳng bao chịu khuyên bảo con cái, chỉ biết chiều chúng thôi...Trong nhà này, một mình tôi dậy dỗ chúng nên mới được như ngày hôm nay đấy!”

Nhìn kỹ anh rể, Hiếu thấy Tường già đi nhiều so với lần trước chàng qua Cali dù thời gian chỉ cách có ba năm. Con người ở đây bận rộn, ngoảnh đi ngoảnh lại giật mình thấy dấu vết của tháng năm mà sợ! Thời gian không tuổi nhưng người thì già đi rất nhanh theo những tờ lịch mỏng. Giờ đây, khuôn mặt Tường có thêm nhiều nếp nhăn, da dẻ bớt căng làm gò má như mọng ra, mái tóc anh bạc trắng, chỉ có đôi mắt vẫn còn nguyên nét tinh anh như ngày nào...

Hơn nửa thế kỷ trước, lúc mới quen chị Nhung, anh là một công tử Hà Thành sáng giá, một sinh viên trường Luật hào hoa, phong nhã, ăn chơi có tiếng trong giới trường giả Thăng Long. Tuy vậy, trong nhà Hiếu không ai biết bí mật đó. Chị Nhung có đoán già đoán non nhưng chỉ nghi ngại mơ hồ thôi những khi anh xuất hiện bất thường, trông hốc hác như người thiếu ngủ. Chị hoàn toàn không ngờ là Tường thường có nhiều đêm thức trắng để sát phạt quanh bàn xì-phé, mỗi lúc nào cũng ngậm lệch điếu thuốc lá Bastos theo kiểu của tài tử Humphrey Bogart nổi danh thời đó...

Đặt ly cà phê xuống bàn với vẻ thỏa mãn, Tường cười cười nói tiếp: “Mà này, nếu gia đình em cứ ở miết Ohio thì mấy cô con gái sau này dễ lấy Mỹ lắm đấy, nói tiếng Anh mỗi miệng em ạ! Thôi, tìm cách dọn qua đây đi...Thời gian đầu cứ ở với anh chị, nhà này dư phòng...Chị Nhung thường xót xa nhắc đến cậu em ít

khi gặp. Chị nói là nhà có ba chị em, nay hai chị đều ở gần nhau, chỉ còn mình cậu xa xôi thôi. "

Đã từng nhiều lần nghe điệp khúc than phiền này, Hiếu âm ừ trả lời: "Em làm thợ tiện, lương ít lắm. Qua đây, muốn mua cái ga-ra nhà anh cũng rất khó. Và lại, tụi em trót mọc rễ ở Ohio rồi anh ạ! Các cháu có lấy chồng Mỹ thì cũng là số thôi, em làm sao hơn được?" Nghe Hiếu trả lời xuôi xị. Tường ngồi thẳng người lên, giọng kẻ cả lên lớp em vợ: "Số với mệnh! Cậu đã làm hết sức mình chưa rồi hãy đổ cho số mệnh? Có Trời mà cũng có ta nữa chứ? Trước kia giá cậu chịu nghe lời anh, ráng học xong cái bằng Luật như anh thì bây giờ có nói tại số không? Cứ cầm cuốc đi làm thợ, bao giờ em mới ngoi lên được trong xã hội này?"

Hiếu yên lặng, thấy rõ sự khác biệt giữa mình và Tường về quan niệm sống. Tường xông xáo, lăn xả vào công danh, sự nghiệp và gia đình. Đối với anh, sống là phải sống với tiền tài và danh vọng, không có những thứ đó là khổ, là thất bại. Và muốn có được những thứ đó, con người phải tranh thắng như con cọp rượt bắt con nai trong rừng. Hoàn toàn tương phản với anh rể, Hiếu suốt đời lơ mơ chân trong chân ngoài thế sự, coi tiền tài, chức phận chỉ là ảo ảnh, phù phiếm, làm khổ con người nhiều hơn là tạo ra hạnh phúc.

Để giữ hòa khí giữa anh em, Hiếu thường tránh cãi lý với Tường, biết trước sẽ chẳng đi đến đâu. Đối với Hiếu, ở đời, người nào phận nấy, chẳng có ai hơn kém ai. Tường đi con đường của anh, đạt được mọi thứ anh muốn. Còn Hiếu, vì nghèo mà chệch tiền của anh thì chẳng khác gì người mù dám chệch phong cảnh...Hiếu bằng lòng với những gì mình có: mối tình thủy chung với Dung và mấy đứa con ngoan...Có lẽ trong mắt nhiều người khác, những gì Hiếu có và trân quý cũng tầm thường thôi, có sao phải bận tâm vì mọi người nghĩ gì? Hạnh phúc với mình trong cuộc đời ai cũng thờ than là bề khổ, chẳng thần tiên ư?

Sự im lặng đột ngột giữa hai anh em trở nên khó xử, Hiếu muốn đổi đề tài và sự nhớ chuyện tấm ảnh cũ mà Dung ân cần dặn dò chồng phải xin cho bằng được. Hiếu đứng dậy, đến gần mấy cuốn album đầy cộm để bên dưới cái kệ TV to tướng, lần la hỏi Tường: "Trong mấy cuốn album này, có nhiều hình ảnh cũ của gia đình thời ở Hàng Trống không anh?"

Tường trả lời thật nhanh: "Anh ít khi dờ ra xem nên không nhớ rõ...Lát nữa, cậu hỏi chị Nhung."

Chuông điện thoại reo phía góc bếp. Tường chậm rãi đứng dậy nhưng chưa bước tới thì chuông đã tắt. Trở lại chỗ ngồi, anh nói như giải thích: "Chắc Chị Nhung trên lầu đã nghe rồi. Hôm nay có cậu, chị dậy sớm đấy. Mọi sáng, chín mười giờ chị mới thức. Buổi tối, anh chị thường hay thức khuya xem phim bộ Đại Hàn...Hay lắm, không khác gì truyện của Tự Lực Văn Đoàn ngày xưa, tình tiết éo le và lãng mạn, xem mê luôn. Bên đó, Hiếu có coi không?"

Bị hỏi bất ngờ, Hiếu ngẩn ra vì sự so sánh hời hợt của anh rể vừa rồi. Phim bộ, đa số xây dựng trên các tình tiết quanh co, khúc mắc, cốt sao hấp dẫn khán giả với tác dụng giải trí, tắt phim là hết rơi nước mắt, nội dung tâm lý các nhân vật cũng chỉ gồm có hai màu đen/ trắng, tốt hay xấu, thiện hay ác, coi xong là quên, làm sao ví với văn chương luận đề của Tự Lực Văn Đoàn, chủ trương cải tổ xã hội và nâng cao ý thức của người dân?

Từ khi qua Mỹ, đi tới đâu Hiếu cũng chỉ nghe nói đến phim bộ kiếm hiệp của Tàu Hồng Kông mà dân gốc Việt bên Ohio mê mê, nhà nào cũng coi hàng đêm thiếu đường bỏ cả ăn ngủ. Nhiều ông bà cụ rảnh rỗi, ở nhà không có việc gì làm, mê xem không ngưng được, chứ chàng có biết phim bộ Đại-Hàn thế nào đâu nên trả lời: "Bọn em đi làm về phải lo nhà cửa con cái, chẳng còn thời giờ xem cái gì cả, ti-vi cũng ít khi mở ra."

Nói xong, liếc nhìn trên kệ cạnh máy truyền hình, chàng thấy một chồng phim để ngổn ngang, có lẽ anh chị thuê ở Bolsa về để sẵn đấy làm thú tiêu khiển.

Tiếng cửa mở lạch cạch trên lầu, Hiếu ngược nhìn về phía cầu thang, thấy Nhung đang đi xuống, bước chân nhẹ nhàng và đáng vẻ mềm mại. Chị đi chậm rãi, hơi có chút yếu đuối. Chị vẫn giữ được vóc người mảnh mai thời con gái, khuôn mặt tươi tắn nhờ khéo trang điểm nhưng mái tóc rẽ ngôi bên đã có chỗ thưa hói, thuốc nhuộm vẫn không che được hết. Ở tuổi ngoài bảy mươi, sống mũi thon cao, khuôn mặt trái soan thanh tú, ở chị vẫn còn lưu lại nét đẹp một thời tuy ánh mắt đã kém phần trong trẻo. Nhìn chị, Hiếu không khỏi xao xuyến trong lòng và than thầm: “Ôi, thời gian quả đã không chừa ai!” Một cảm giác buồn nhe nhe như vật nặng chiều phai dâng lên trong hồn chàng.

Chị lẳng lẳng đi chuyển trong phòng khách như xung quanh không có ai, không cả một lời chào hỏi đầu ngày, có lẽ với chị, cả chồng, cả em mới ở xa về đêm hôm qua đều đã quá quen thuộc, đã hiện diện ở đây như vậy lâu rồi, không cần phải khách sáo nữa. Chị đi thẳng tới bếp, mở tủ gắn trên tường, lấy gói trà chị vẫn uống, thông thả xé ra, châm nước sôi lưng tách rồi đến ngồi cạnh chồng, cử chỉ khoan thai, dễ độ, làm như cả thế giới lúc nào cũng phải chờ đợi chị. Nâng tách lên, định uống nhưng có lẽ vì trà còn nóng, chị lại đặt tách xuống bàn, chậm rãi nói với chồng: “Cô Nhân mới gọi sang, nói vợ chồng sẽ qua đây đón tất cả đi ăn sáng.” Như sự nhớ ra, chị thêm: “Này Hiếu, chị Nhân nhắc là thứ Bảy này, cậu có đi chơi đâu cứ đi nhưng nhớ buổi trưa chị ấy sẽ làm giỗ Mẹ ở bên ấy đấy.” Đến đây, giọng chị bùi ngùi: “Mọi năm, hai chị vẫn thay phiên nhau làm giỗ cha mẹ nhưng chị Nhân bao giờ cũng cúng cơm chay vì Nhân tin là giỗ chay tốt cho người chết hơn là giỗ mặn. Còn chị, chị cho là dương sao âm vậy, chị cúng những món sinh thời các cụ hay ăn, toàn là món mặn cả.”

Nghe vợ nói đến chuyện đi ăn sáng có cả Huy, chồng Nhân, là anh em cột chèo với Tường nhưng xưa nay họ vốn kị nhau, Tường nhăn mặt: “Hôm qua, anh đã nói với em là sáng nay chúng ta đưa Hiếu đi ăn phở đuôi bò rồi mà, sao bây giờ còn có cả Huy và Nhân nữa? Em biết là Huy ăn chay, đi chung sao được?” Có lẽ đã quá quen với phản ứng không có tác dụng của chồng, Nhung lững lờ trả lời: “Cô Nhân thấy Hiếu mới qua chơi, muốn gặp cậu ấy thì đã sao? Ăn uống ở đâu, cái gì chả được, anh chỉ quan trọng chuyện nhỏ nhặt.”

Tránh to chuyện mà cũng như sẵn dịp, Hiếu vội lên tiếng: “Chị Nhung ơi, Dung muốn xin tấm ảnh chụp ba chị em mình lúc nhà còn ở nhà Hàng Trống. Chị cho tụi em mượn về để đưa tiệm chụp lại rồi trả chị bản chính, có được không?” Phất tay chỉ đồng album trên kệ, Nhung đáp: “Nó ở trong mấy cuốn album này, cậu kiếm được, cứ lấy về. Chị còn nhiều hình lắm mà bỏ đâu chẳng biết nữa. Có lẽ hôm nào phải nhờ cậu giúp chị soạn lại. Dọn nhà nhiều lần, đồ đạc để lung tung, chẳng biết đâu mà tìm.”

Được lời, Hiếu đứng tấp dậy, bước tới kệ, lôi từng cuốn album ra xăm xoi, tìm tấm ảnh cũ...Bỏ qua những cuốn album ảnh chụp mới, Hiếu tìm được đúng cuốn album lưu giữ toàn hình ngày xưa. Mừng như mở cờ trong bụng, Hiếu kiểm câu chuyện làm quà cho không khí bớt lạnh nhạt giữa anh chị: “Dạo này chị còn chơi piano thường không vậy? Ngày trước, em nhớ chị còn đi dạy đàn nữa mà, phải không?”

“Không, đã lâu lắm chị không ngồi vào đàn nữa. Em nhớ đúng đấy, thời ở Hà-Nội, chị có đi dạy đàn để kiếm tiền mua sắm vì cô keo kiệt với chị. Bà giữ hết tiền của ông cụ, không cho ai sắm sửa, may mặc gì cả. Lúc đó, cả ba chị em, khổ ơi là khổ! Mà thôi, chị đã luôn nhủ lòng không thèm nhắc những gì đã qua nữa, chỉ thêm buồn.” Nói xong, chị ngồi yên lặng, lơ đãng nhìn ra vườn.

Mở đến trang cuối của cuốn album, trông thấy tấm ảnh ba chị em nhỏ xíu nằm chênh vênh một mình giữa một trang, Hiếu lấy tấm ảnh ra, ngắm nghía, rồi đưa lên cao, khoe: “Em tìm được rồi! Chị còn nhớ tấm hình này chị chụp năm nào không?” Nhưng chìa tay, cầm tấm ảnh, nhìn chăm chú như cố nhớ lại: “Chụp một năm trước di-cư, như vậy là năm 53. Lúc ấy anh Tường đang học Luật ở Hà-Nội. Vào Sài-Gòn thì anh chị làm đám cưới sau khi anh lấy xong bằng cử nhân.”

Đưa trả tấm ảnh cho Hiếu, Nhung nói giọng ân cần: “Cậu mang ảnh về cho Dung. Chị còn nhiều tấm kỷ niệm khác.”

Hiếu hơi ngạc nhiên về sự dễ dãi của chị. Chị thật còn nhiều ảnh kỷ niệm khác hay với chị bây giờ, kỷ niệm cũng chẳng có ý nghĩa gì nhiều nữa? Hiếu băng khuâng nhìn vào tấm ảnh chính mình ngày xa xưa bên cạnh hai chị. Cả một quãng đời với bao nhiêu điều đáng ghi nhớ gói ghém trong bức hình này, chẳng khác gì một cuốn phim vô âm đang cuộn cuộn mở ra trong ký ức Hiếu. Đưa lên sát mặt để nhìn cho rõ, tấm hình nhỏ xíu, khổ lớn hơn hình căn cước một chút, cũ kỹ, mờ ảo, cả ba chị em đều không ai còn rõ nét. Đã thế, trên ảnh còn cả cái dấu tròn xoe, in nổi tên của hiệu ảnh Thăng Long Studio, Hà-Nội. Trong ảnh, chị Nhung ngồi cạnh cây đàn dương cầm, tươi cười như một đóa hoa mới nở, quàng tay ôm Hiếu đứng trước, chị Nhàn đứng phía sau. Có lẽ lúc ấy đang mùa Đông ở Hà-Nội, ai cũng mặc quần áo ấm. Nhung áo dài màu trắng, khăn quàng trắng vắt hờ hững qua vai, hai đầu khăn buông xuống hai bên ngực, trông như mấy ông cha cổ nhà thờ. Hiếu ngáy thơ cười toe, để lộ hàm răng đều và nhỏ, có vẻ ấm áp trong cái áo ni màu xám nhạt, cũ kỹ. Nhàn đứng phía trong cùng, nổi bật nhờ mặc chiếc áo dài nhung, màu đậm.

Nhìn thoáng qua, Nhung và Nhàn trông không giống nhau nhưng nhìn kỹ, thấy cả hai có nét giống nhau, rõ ràng là chị em ruột một nhà: Cả hai đều có đôi mắt sáng, đen lánh, sống mũi

thẳng và làn da trắng, có khác nhau tí chút là ở khuôn mặt. Nhung có chiếc cằm thon của người thiếu nữ đài các, Nhàn cằm vuông, cương nghị giống mẹ.

Trong hình, cả ba chị em đều đang cười, khiến Hiếu băng khuâng tự hỏi: hồi ấy họ có vui thật không hay nụ cười chỉ là phản xạ khi đứng trước máy ảnh, chăm chú chờ nghe tiếng click nhỏ của nó để...thở phào vì đã đóng xong vai tuồng hạnh phúc? Còn bé nhưng từ thơ ấu, Hiếu sớm nhận ra rằng rất ít khi những đứa trẻ mồ côi mẹ trong một gia đình ông bố không thể ở vậy nuôi con mà có được cuộc sống vui tươi trọn vẹn lắm.

Cầm mãi tấm ảnh nặng trĩu dĩ vãng trên tay, Hiếu đề nghị: “Để em mang cất cái ảnh quý này đã.” Nói xong, chàng rào bước vào phòng.

Có tiếng chuông cửa, tiếng bước chân và tiếng cười nói trước hiên nhà. Hiếu vội vàng cất tấm ảnh vào va-ly rồi quay ra. Ở phòng khách, cả bốn người đang đứng quanh sa-lông nói chuyện xôn xao. Nhàn đang bàn cãi với Tường và Nhung về mấy cái nhà mới đăng bán trong xóm, về giá cả địa ốc trong vùng Quận Cam đang xuống dốc. Huy đứng riêng một nơi, không tham gia. Thấy Hiếu, Huy bước lại gần, cười, hỏi thăm: “Tối hôm qua cậu sang trễ quá hả? Lần này ở chơi được bao lâu?”

“Chừng một tuần anh ạ! Anh chị vẫn thường chứ? Nghe chị Nhàn nói lúc này anh ăn chay trường?” Vừa trả lời, Hiếu vừa quan sát, thấy Huy già đi nhiều. Tóc anh đã rụng gần hết rồi, làm anh trông hao hao như tài tử Yul Brynner trong phim The King and I, thập niên 60. Huy vẫn có nụ cười hồn nhiên, thành thật và cởi mở như mọi khi: “Ăn chay nhưng không “trường” đâu. Hôm nay đi ăn phở đuôi bò với cậu cho vui đây này.” Như sẵn đà, anh nói tiếp: “Anh đang tìm hiểu thêm về Đạo Phật chứ chưa tu hành gì cả. Anh có nghe Thầy Hằng Trường giảng về thiền rất hay, nếu

cậu muốn, anh đưa tape cho cậu đem về nghe?” “Vậy thì còn gì bằng vì nhà em cũng hay đi nghe giảng pháp lắm, cảm ơn anh ạ!” Đến đây, cả hai cùng tạm ngưng câu chuyện và cùng đứng yên lắng nghe ba người kia nói chuyện thị phi. Trong hai anh rể, tính Huy xuề xòa, dễ chịu hơn Tường. Huy an phận, sống thiên về nội tâm, nhất là từ khi về hưu, anh tìm hiểu về Đạo Phật như một khoa học lý giải việc đời, hợp với Huy vốn là giáo sư Toán, chủ trương sự hợp lý và trong sáng là quy luật tồn tại của vạn vật trong vũ trụ, tựa như một bài toán đẹp phải có lời giải chính xác.

Không biết vì duyên phận, hay do cái tình sống với nhau lâu ngày, lây tính nhau như thường thấy ở nhiều đôi vợ chồng già, Tường và Nhung đôi khi khắc khẩu song họ lại rất ăn khớp nhau trong hành xử, người này là cái bóng của người kia. Còn Huy và Nhân, ngoài những va chạm khi này khi khác, không tránh khỏi, xem ra họ đồng điệu hơn. Cả hai bản tính kín đáo, cử xử tế nhị nên họ ít để lộ ra ngoài.

Từ nhỏ, mỗi khi nhắc đến mẹ, Hiếu thường nghe hai chị ca tụng bà về sự tận tụy, hết lòng với các con. Cũng qua các chị mà Hiếu biết được có lần cha mẹ cãi vã, bà đã dọa Bố: “Tôi có thể bỏ ông được chứ không khi nào bỏ con. Chồng mất, tôi vẫn có thể tái giá cơ mà.” Dần dà, Hiếu lại được nghe thêm về tài buôn bán, quán xuyến tiền nong của mẹ. Bà tính toán giỏi, tiêu pha cần kiệm, chỉ rộng tay những gì liên quan đến hai tiểu thư trong nhà. Ngoài lương tháng của bố mà mẹ nắm hết để trang trải cuộc sống gia đình, bà còn phụ với bà ngoại buôn bán vải ở cửa hàng vải trong chợ Đồng Xuân. Nhờ đấy, gia cảnh trở nên khá giả chứ chỉ trông vào bố, làm thư ký kế toán cho hãng Messagerie Maritimes thu nhập ba cọc ba đồng, cuộc sống chắt chiu vật lấm. Thịnh thoàng nhớ đến mẹ, Hiếu tự nhủ khi nào sang Cali, sẽ lựa dịp hỏi thêm hai chị về lý do nào bà mất chỉ ít lâu sau ngày Hiếu chào

đời? Có lẽ dịp giỗ mẹ lần này là đúng nhất. Nghĩ vậy, Hiếu cảm thấy rưng rưng trong lòng một cảm giác băng khuâng khó tả.

Thấy câu chuyện nhà cửa, địa ốc, đã cạn, Hiếu chuyển đề tài: “Chị Nhung chơi một bản piano cho cả nhà nghe nào? Em còn nhớ chị hay đàn bản Pour Élise của Beethoven?”

Nhân cũng chen vào, nói đùa: “Ngày xưa, chị Nhung hay đàn Pour Élise là để cầu anh Tường. Bây giờ không biết chị còn nhớ không nhỉ?” Chị Nhung hể hả reo lên: “Cô nói không sai tí nào nhưng bây giờ đổi đời rồi, chị chưa quên gì đâu, chỉ là anh Tường nay làm nhạc sĩ, viết nhạc tặng chị, bắt chị đánh, còn để trên piano kia kia! Để anh hát cho cả nhà nghe thì ý vị hơn.” Nói dứt câu, chị quay sang anh, nét hào hứng vừa rồi bỗng ngưng lạnh ngắt: “Thôi, anh biểu diễn cho cả nhà nghe đi.”

Chị Nhân nhanh chân đến bên cái đàn, cầm bản ký âm còn đặt trên khung, đọc nhẩm xong thì cao giọng hỏi: “Có phải bài Gửi em câu nói yêu nhau không? Chao ôi, nghe mùi quá các anh chị ơi!” Huy lập tức bàn vào, như muốn châm biếm người anh đồng hao: “Gửi em tức là phải ở xa mới phải gửi. Vậy, ông Tường ở đâu khi viết bản nhạc này nhỉ?” Câu hỏi ngang phè của Huy làm Tường khó chịu nhưng anh cố giải thích: “Tôi ở đây chứ ở đâu? Viết bản nhạc này để tặng vợ và cũng là người yêu của tôi, được không?” Như trả đũa chưa đã, anh nói tiếp: “Lúc mới qua Mỹ, còn nghèo, đâu có tiền mua hoa tặng vợ, tôi gửi bằng tiếng nhạc. Hơn thế nữa, nhắc lại lời thề hứa cho một cuộc tình trăm năm, tại sao không?”

Về thành khẩn pha chút căng thẳng của anh khiến mọi người cảm xúc nên cùng nhau cười ồ. Không khí đoàn tụ vui hẳn lên. Nhung đề nghị: “Tôi đói rồi, không hát hò gì nữa, mọi việc để đến tối. Bây giờ mình đi ăn phở đuôi bò. Đi hai xe nhé vì ăn xong, tôi có hẹn đi cắt tóc.”

Ra đến ngoài sân, Nhân đề nghị với em: "Hiếu đi xe chị. Chị sẽ đưa Hiếu về nhà anh chị Tường để em dùng xe đã thuê, như thế tiện cho mọi người." Nói xong, chợt nhớ ra Tường lái xe rất nhanh, khó theo, Nhân quay qua nói với Tường: "Anh đi trước, tụi này theo sau nhưng xin anh chạy chậm chậm một chút nha!" Lời nói từ tốn nhưng trong bụng, Nhân chưa chút nghĩ thầm: "Tất nhiên chiếc Camry cà khố của chúng tôi làm sao sánh được với xe Mercedes mới toanh của ông!"

*

Sáng thứ Bảy, như đã hẹn, Hiếu đi uống cà-phê ở Bolsa với các bạn tù. Lâu mới gặp nhau, cà kê đến trưa, cuộc đấu láo của môn phái cự tù mới dứt. Từ già anh em, Hiếu lái xe đến nhà chị Nhân ăn giỗ mẹ.

Bấm chuông. Cánh cửa đóng im ỉm hé mở cùng với khuôn mặt trắng trẻo của cô cháu gái tên Loan. Cháu cười, vồn vã chào và mở rộng thêm cửa. Thấy Hiếu cúi xuống định tháo giày, Loan vội cản: "Cậu cứ tự nhiên. Nhà mẹ ai cũng đi giày cả! Mẹ cháu đang dưới bếp lo làm cỗ cúng giỗ bà ngoại."

Vừa bước hẳn vào trong, Hiếu vừa hỏi thăm: "Loan vẫn khỏe đấy chứ? Có Dũng đến không, cháu?" "*He* phải coi phòng mạch bữa nay, cậu ơi! Phòng mạch Dũng đông khách, *he* làm thêm ngày thứ Bảy." Vợ chồng Dũng-Loan đều là bác sĩ y khoa, từng học cùng lớp nên Loan vẫn xưng hô với chồng theo ngôi thứ ba tiếng Anh: *he* và *she*. Loan có phong cách thanh lịch, dù ăn mặc bình thường, quần thung và T-shirt ngắn tay nhưng vẫn có dáng vẻ sang trọng.

Từ khi cả hai chị rủ nhau dọn đến nhà mới ở Huntington Beach, đây là lần đầu Hiếu đến nhà Nhân. Thoáng qua, thấy căn nhà "cao cấp" của bà chị ở một khu đất tiền, Hiếu rất mừng và phục tài hai ông anh rể. Họ đều vừa thành công trong nghề

nghề nghiệp mà lại vừa kiếm bộn bạc. Cả hai đều hơn Hiếu xa. Theo tiêu chuẩn xếp hạng xã hội đối với dân tỵ nạn tháng 4/1975, họ được coi là thuộc giới thượng lưu ưu tú. Nhưng, so sánh giữa hai người thì Huy vẫn nghèo hơn Tường. Bù lại, gia đạo nhà anh Huy khá hơn nhà anh Tường nhờ hai cô con gái thành đạt và có hiếu với cha mẹ. Hai con trai của Tường và Nhung không được ngoan như cha mẹ chúng mong đợi. Đứa lớn lấy vợ Mỹ, ít khi về nhà, ngay cả những ngày giỗ hay lễ lạc. Đứa út tuy ở gần song xuất nhập bất thường, nghề nghiệp lỏng lẻo, lúc nào hỏi tới cũng nghe cùng một câu trả lời "Đang xin việc mới." Câu thăm hỏi cha mẹ thường nhất của cậu Út là hỏi xin tiền. Mỗi lần Hiếu qua Cali, đến chơi hay ở lại nhà Tường, chàng ít khi gặp hai cháu trong khi nếu đến nhà Huy, Hiếu đều thấy hai chị em Loan và Liên quây quần bên cha mẹ trong khung cảnh một gia đình hạnh phúc.

Rất nhiều lần Nhung giấu nỗi buồn riêng mà ngỏ lời tấm tắc khen em gái: "Cô Nhân có hai con gái ngoan, được nhờ. Chị chán hai thằng nhóc nhà chị quá! Ngày xưa, ai cũng trầm trồ mong có con trai để nối dõi tông đường, để mai sau nhờ cậy lúc tuổi già hay lúc tối lửa tắt đèn. Thời buổi này mới biết con trai có khi không bằng con gái. Thực tế, việc lớn việc bé toàn trông mong ở con gái thôi!" Hai cậu cháu đi qua phòng khách, không rộng nhưng gọn gàng và thoáng mát, trang hoàng giản dị. Trên cái bàn thấp đặt giữa bộ xa lông còn mới, có một chậu lan đang trổ hai nhánh hoa trắng pha tím, điểm xuyết cho khung cảnh nét thanh nhã dễ thương.

Phòng gia-đình liền với phòng khách. Ở góc tường bên phải là bàn thờ Phật. Pho tượng đức Thế tôn thiền tọa được lồng kính với dung quang trầm mặc, phảng phất sự mầu nhiệm trong nụ cười như không cười, trong đôi mắt khép hờ nhìn như không nhìn, toàn thể toát ra tâm thế an nhiên tự tại của bậc chân tu đạt đạo. Dưới bàn thờ Phật là bàn thờ gia tiên, bên trái có hai bức

ảnh cha mẹ Huy, bên phải là ảnh cha mẹ Hiếu, chụp lúc cả hai ông bà đã đứng tuổi, có lẽ chỉ chừng vài năm trước khi mẹ Hiếu sinh chàng rồi qua đời. Chiếc lư hương nhỏ bằng đồng chạm trổ mới tinh ở giữa hai cây nến điện tiện dụng và an toàn nhìn xuống mấy đĩa hoa quả đẹp mắt. Hiếu còn thấy cả chuông mõ xếp gọn gàng cùng kinh sách trên cái kệ dưới bàn thờ, đoán là của Huy.

Một cái bàn thấp trải khăn trắng được kê ở ngoài cùng cho mâm cỗ ngày giỗ. Mọi thứ đều ngăn nắp, được sửa soạn chu đáo, khiến Hiếu khen thầm chị Nhàn và hai cô cháu gái. Hình ảnh của cha mẹ bất chợt nhìn lại không khỏi làm Hiếu cảm thấy thoáng buồn, luyến tiếc quá khứ trôi theo thời gian đã mất tăm.

Từ nhà sau bước ra, chạm mặt cậu em vợ, Huy dơ cao một tay ra dấu mời Hiếu vào bên trong: "Cậu vào đây, uống trà nghen? Anh em mình ngồi nói chuyện, chờ ông bà Tường tới. Hôm qua họ đi đánh bài ở Pechanga, sáng nay mới về lại trên này. Nhàn đã dặn trước là giỗ bà cụ lúc 12 giờ trưa nhưng anh biết sớm nhất cũng phải một giờ mới bắt đầu! Ông Tường vẫn giữ thói quen lễ mễ của các nhân vật quan trọng, địa vị càng cao càng có quyền tới trễ, cốt để mọi người phải đợi chờ." Anh chép miệng, nói tiếp: "Nghĩ cũng tội nghiệp ông, vì thời thế hụt mất ghế bộ trưởng, buồn biết bao giờ nguôi!" Nghe kiểu nói móc mỉa của anh rể thứ hai, Hiếu thấy thương cho cả hai ông và cả hai bà chị mình đang làm vợ họ nên lảng ra: "Anh cho em uống trà gì đây? Em vừa có châu cả phê tung bưng với mấy ông bạn HO ngoài Phước Lộc Thọ xong. Anh em hẹn ở đâu thì em tới đó gặp nhau chứ cả phê và thức ăn ở đây chả có gì ngon.!" Tô về rảnh rỗi, Huy hào hứng góp ý: "Anh chị ở đây cả mấy chục năm, họa hoằn lắm mới ghé qua đây những khi cũng có ai đó hẹn vì địa điểm dễ tìm cho đồng hương ở xa về."

Trông thấy Nhàn vẫn còn đang loay hoay với mấy món cúng đang xào nấu, Hiếu vào bếp để chào chị. Vừa sắp xếp thức ăn lên

đĩa bát, Nhàn vừa hỏi thăm em: "Sao, mấy bữa nay cậu đi chơi nhiều chưa? Thật ra chưa đúng ngày giỗ Mẹ, nhưng vì có em qua, chị và chị Nhung quyết định cúng trước cho đủ mặt cả ba chị em mình. Chị thường cúng chay, không sát sinh, tốt cho người chết hơn. Và lại, anh Huy cũng thích ăn chay. Hôm qua, anh chị Tường đi casino dưới San Diego, có lẽ sẽ về trễ, mình phải chờ thôi! Ông bà lúc nào cũng sung sướng, enjoy cuộc đời tối đa. Trước ở Việt-Nam, họ chơi mạt chược mỗi cuối tuần. Qua đây không mạt chược thì lại mê kéo máy ở casino. Chị đang dở tay, cậu lên nhà ngồi chơi nói chuyện với anh Huy. Chị cũng sắp xong, chỉ còn món xôi gấc vừa chín, cần xới ra đĩa nữa thôi. Chị nhớ, trước kia Mẹ thích ăn xôi gấc..." Hiếu lên tiếng đề nghị: "Chị muốn em phụ gì không nào?" Đứng gần đó, Loan cười âm: "Không được đâu cậu Hiếu ơi, mẹ cháu mà làm cái gì thì không ai muốn xía vô, lộn xộn là mẹ cháu la vỡ lòng nước dấy! Cậu không biết mẹ cháu có biệt danh là perfectionist à? Ba cháu oai vệ nhất nhà cũng không bao giờ xớ rớ dưới bếp đâu! Mẹ cháu cả ngày cứ một mình làm hết mọi việc, bà bảo khỏe hơn để người khác dây vào rồi bà phải đi theo sửa. Không nấu nướng thì dọn dẹp lau chùi nhà cửa, luôn tay không lúc nào ngừng, cháu không biết sức đâu mà mẹ cháu có nhiều thế?" Nghe con nói đến mình, Nhàn dường như đã quen tai nên không phản ứng gì. Tự nhiên, Hiếu liên tưởng tới mẹ. Quả thật là chàng từng nghe người trong họ mô tả bà cũng có cái tính tẩn mẩn, gần như khó khăn, y hệt chị Nhàn bây giờ. Hôm nay, chứng kiến thêm về tính nết rập khuôn nhau của hai mẹ con, Hiếu thấy rõ ràng là cuộc sống của Nhàn chỉ xoay quanh gia đình với đủ thứ hệ lụy ràng buộc chị vào chồng con, không rời.

Huy rót trà vào cái tách nhỏ: "Ngồi xuống đây uống trà với anh, cậu đừng phải lo cho chị Nhàn. Ngày nào mà chị ấy ngồi không, cậu hãy nên lo vì sức khỏe của chị có vấn đề! Cứ loay hoay suốt ngày là không sao cả!" Mọi người nhận xét về chị cùng một cách và ngay Hiếu cũng đang chứng kiến, chàng tự hỏi vậy mà

sao lâu nay chàng không mấy may quan tâm để biết tính chị như thế nhỉ? Có lẽ người trong nhà thấy nhau hàng ngày quen mắt nên mắc chứng viễn thị cả, nhìn gần không rõ nữa?

Ngồi xuống cạnh anh rể, Hiếu nhìn ra mảnh vườn đằng sau nhà, trông thấy sát hàng xóm có giàn nho leo ở ven tường, nhiều chùm trái màu xanh nhỏ li ti, trông như đồ giả bằng ny-lông được ai treo lên, lơ lửng. Huy hỏi thăm: “Mấy hôm nay cậu đi chơi những đâu nào? Cali ấm áp và đông người Việt, vui quá phải không? Anh chị ở đây lâu, thấy người mình cũng lười thôi lắm, đủ thứ phiền toái. Cậu nghĩ coi, tháng nào cũng ít nhất một đám cưới, vài đám ma phải có mặt. Đạo này buồn quá, toàn đám ma. Tháng vừa qua anh có tới ba đồng nghiệp ra đi. Buổi sáng còn phôn nói chuyện chí chát với nhau, hôm sau đã nghe báo tin về cõi khác rồi!” Câu thở than của anh rể nhắc Hiếu tuổi tác của anh chị, đã trên bảy mươi rồi thì bệnh tật và cái chết cũng sẽ phải đến thôi...

Hiếu nâng tách trà lên môi, nhấp một ngụm, vị đắng thấm dần rồi sau đó có hậu ngọt dễ chịu. Hiếu kể: “Mấy hôm nay em gặp bạn tù là nhiều nhất. Nhắc chuyện cũ, vui có buồn có. Lúc em bị nhốt ở trại Vĩnh Quang, tù chung với mấy ông hồi hương bằng tàu Việt Nam Thương Tín, nguyên do là họ qua đến Mỹ rồi nhưng quyền luyến gia đình còn kẹt lại nên nhất định đòi về, bị tóm vô tù hết. Có anh chịu tù sáu bảy năm mới được thả về giữa một Sài-Gòn lạ mặt, trầy vì tróc vẩy không sống nổi với Cộng Sản, lại phải kiếm đường vượt biên theo ghe mui mấy thước, mất cả chục cây vàng và đánh cược với thần chết để rồi may mắn lắm mới thoát được có một mình!”

Trâm ngâm suy nghĩ, Huy thổ lộ: “Chẳng qua là số mệnh cả, cậu à! Đi hay ở, kẹt hay thoát cũng chỉ là sự may rủi trong tích tắc của một canh bạc. Anh dạy toán nên anh thường nghĩ cuộc đời xem ra cũng chỉ là một bài toán để dành chứng minh thôi!”

Tuy nhiên với Hiếu, nhắc lại cuộc di tản tháng Tư Đen, trong bụng chàng vẫn còn ăm ứ chuyện bị Tường bỏ rơi trong khi vợ con chàng, bản thân chàng rất cần đi, khác với Huy chọn ở lại. Hiếu hỏi: “Hồi tháng Tư 75, rõ ràng anh đã không muốn rời khỏi nước khi tụi em đến lôi kéo anh chị sang nhà anh Tường, mong được di tản. Em có nhớ đúng không? Lựa chọn của anh lúc đó hoàn toàn do ý thức, đâu phải rủi may?”

Huy uống thêm một ngụm trà, rồi chậm rãi giải thích: “Chị Nhung được anh Tường lo cho đi rất sớm, khoảng ngày 20, 21 gì đó, lâu quá anh không nhớ rõ lắm. Trước khi đi, chị ấy còn kịp báo tin cho anh và chị Nhân. Vì cậu ở xa, chị ấy nhắn chung là đã dặn ông Tường cố lo cho gia đình anh và em đi bằng máy bay. Tuy nhiên, ông Tường còn mơ mộng một chân trong chính phủ hòa giải, đầu mùng gì chuyện đi. Cho đến sáng ngày 30, biết là hết hy vọng, Tường mới chạy qua Khánh Hội, nhảy đại lên một chiếc xà-lan hiện có đông người trên đó nhưng không có máy, không thể chạy được! May là trên xà lan có mấy sĩ quan Hải Quân, nên khi chiếc chiến hạm cuối cùng của Hải Quân chạy ngang, họ ngoắc lại, xin được kéo theo ra biển để rồi được chuyển lên tàu Mỹ nằm ngoài khơi Vũng Tàu. Thế là ông Tường đã thoát trong đường tơ kẽ tóc, cậu nghĩ có phải là may rủi không?”

Nghe kể về chuyến đi ngặt nghèo của người anh rể, Hiếu chợt ân hận đã nghĩ sai về Tường. Đứng ở bếp nhưng cũng nghe thủng câu chuyện, Nhân chen vào: “Gặp lại anh Tường ở Guam, biết bọn mình bị kẹt lại hết, chị Nhung day nghiêng chổng cả năm trời! Tội nghiệp. Bà chị mình trông bề ngoài lạnh lùng nhưng lại là con người rất tình cảm, y hệt Bố ngày xưa.”

Tiếng gõ cửa cho phải phép rồi Tường và Nhung vừa bước vào nhà vừa nói lớn: “Ông Huy, bà Nhân đâu rồi? Bọn tôi về đúng giờ đó nha!”

Cả Huy lẫn Hiếu đều đứng dậy. Huy giọng đùa vui: “Sao, lần này hai bác được thua thế nào? Có huề vốn không hay cần đi đánh nữa gỡ lại?” Nhưng bước thẳng đến gần bàn thờ, tần ngần nhìn ảnh tượng cổ bàn đã bày biện đâu ra đấy, thăm cảm phục cô em đảm đang của mình, còn Tường tươi cười đến ngồi cạnh Huy: “Hôm nay Trời cho lộc, ăn kha khá, đủ cho vợ chồng già làm một chuyến du thuyền qua Hawaii!” Nghe vậy, Nhân cũng cười góp và khen: “Ông bà này hay thiệt, suốt đời may mắn, nhất là ông Tường, cả đời chưa có một ngày nào khổ!” Nói xong, nàng ngậm ngùi nghĩ lại phận mình, cả đời vợ chồng lo chất chiu, tần tiện mà cũng chỉ đủ sống, chưa bao giờ thật giàu có như anh chị mình.

Tuy thông minh, học giỏi, lúc lên Đại Học, Huy đã ghi danh học Y nhưng vì gia đình nghèo nên anh phải bỏ ngang rồi đi dạy học sớm. Cuối cùng, lấy được bằng cử nhân Toán, anh đành làm cái nghề bán cháo phở cả đời, được xã hội quý trọng nhưng đồng lương chẳng được là bao so với các ngành nghề khác. Qua Mỹ, anh học nghề điện tử ngắn hạn rồi đi làm luôn. Như tất cả mọi chuyện trên đời đều có giá của nó, cha mẹ hy sinh lo bảo bọc gia đình đưa đến kết quả là Huy-Nhân có hai con gái ngoan, cuối đời được nhàn nhã nhờ con.

Nhưng đến gần em: “Hôm nay cô làm giò chay nữa hả?” Biết ý chị, Nhân trả lời: “Em cúng chay, nhưng vẫn có thêm món mặn ạ. Cháu Loan nhà này không thích mấy món chay Việt-Nam lắm.”

Thấy Loan đứng cạnh mình, Hiếu tiện hỏi thăm: “Cháu chọn ngành đỡ đẻ hả? Cậu nghe nói chuyên môn này tiền bảo hiểm cao lắm?” “Đúng vậy cậu ơi! Ai cũng nói bác sĩ đỡ đẻ giàu to, sự thật không phải thế đâu ạ!

Ngồi xuống ghế, Nhung nói như nói cho một mình nghe: “Nếu còn sống, năm nay mẹ cũng ngót trăm tuổi rồi! Thời gian

nhANH quá. Có lúc chị nghĩ mẹ chỉ mới chết đâu như hôm qua thôi.” Nghe chị nhắc đến mẹ, Hiếu nhân cơ hội luôn câu hỏi chàng ấp ủ đã lâu: “Chị ơi, em vẫn chưa biết mẹ chết vì nguyên nhân nào hay vì bệnh gì? Chưa có ai trong nhà kể cho em nghe cả?”

Chị nghe câu hỏi, khẽ chớp mắt như muốn khóc: “Không ai trong nhà dám nói về việc này vì bố cấm. Mẹ sinh em ra, được đứa con trai như ước nguyện nên mẹ mừng lắm, cứ đòi ôm em vào lòng suốt mà không biết là mẹ bị băng huyết, cứ thế rồi là người đi dần và qua hôm sau, mẹ mất.”

Có lẽ bao lâu nay chất chứa trong lòng nhiều thắc mắc pha lẫn tâm trạng buồn tủi, bây giờ vỡ lẽ, Hiếu không kiềm chế được xúc động bỗng khóc rống lên, hai tay ôm lấy mặt... Bất ngờ quá, cả nhà sững sốt, không ai thốt lên được lời nào...

Một lúc sau, Hiếu bình tĩnh lại, Huy là người đầu tiên choàng tay qua, vỗ nhẹ vào vai đưa em vợ, trong khoảnh khắc, ngỡ như mình nhỏ lại, là đứa bé lủi thủi ngày nào không biết vì sao mà mồ côi mẹ. Không khí trong phòng đặc quánh, làm mọi người khó thở.

Tiếng của Loan cất lên, phá tan sự yên lặng buồn bã. Cô tìm cách cắt nghĩa để mọi người bớt xúc động: “Có thể bà ngoại bị postpartum hemorrhage, tử cung bị rách, chảy máu nhiều. Khi tử cung không co lại được, máu cứ thế tuôn ra, không cách nào cầm nữa.” Nghe Loan giải thích bằng cái nhìn chuyên môn của cô, ai cũng nghĩ ngay là y khoa thời xa xưa ấy không hiệu quả như bây giờ.

Để xua tan bầu khí ảm đạm, Nhân đề nghị: “Xin mời anh chị lễ Cự trước ạ!” Nói xong, nàng đến bàn thờ lấy ra hộp nhang nhỏ Nhật Bản, ngần có nửa tấc, đưa cho Tường và Nhung. Đứng sẵn

bên bàn thờ, Huy giúp đốt mấy cây nhang...Sau đó, lần lượt tới Huy, Nhân và Loan..

Cuối cùng, đứng trước bàn thờ, Hiếu vẫn vợ nhìn mấy đầu nén nhang đang cháy, tưởng như thấy lại mấy con đom đóm chấp chới chao mình trong khu vườn đêm tuổi thơ của chàng ở Saigon, có lúc đã khiến Hiếu tự hỏi không biết chúng có phải là linh hồn người chết hóa thân không? Khói nhang tỏa lên mờ mờ, thoảng mùi trầm hương quen thuộc như ở các sân Chùa. Nhìn vào tấm hình hai vị thân sinh, Hiếu nghe băng khuâng trong lòng. Hôm nay, khuôn mặt cha mẹ như gần gũi, thân thiết với chàng hơn mọi khi, cho cảm giác thực sự đã có một gia đình thương yêu như thế, như mọi người khác xung quanh, như chưa bao giờ cô cút cả. Chàng chấp tay, cúi đầu, nhưng không biết khấn mẹ mình điều gì. Rồi Hiếu như chợt nhận ra, mình chưa bao giờ đóng vai một đứa con đối với mẹ. Giờ đây, tương quan giữa mình và mẹ chỉ còn là tình thương yêu từ huyết thống, cả hai mẹ con đều không có cơ hội làm gì cho nhau nữa nên chàng cần rũ bỏ tâm thức mẹ nọ mình một lời từ giã, nợ mình cả cuộc đời không có bà, cả sự cô quạnh thiếu thốn tình mẹ những khi chàng cần đến mẹ nhất....Nghĩ tới đây, nghĩ tới sự nghi nan, phần hận khiến chàng chưa bao giờ yêu mẹ trọn vẹn trong tâm tưởng, Hiếu bỗng cảm thấy xót xa tận đáy lòng. Chàng thấy mình buột miệng lẩm bẩm khấn nguyện xin cho mẹ được bình yên ở một cõi yên vui nào đó, xin mẹ linh thiêng phù hộ cho vợ chồng con và các cháu của mẹ. Lan man, Hiếu nghĩ đến hai bà chị, chợt thấy trước nay chàng vẫn mặc nhiên so sánh hai bà chị với mẹ, nên đòi hỏi, trách cứ các chị rất nhiều, làm như chính mẹ và các chị phải trách nhiệm về sự yếu kém và thái độ hờ hững của chàng trong cuộc đời. Chỉ giờ khắc thiêng liêng này chàng mới ngộ ra và thấy mình thật sự trưởng thành. Trong thoáng giây, Hiếu nhớ Dung đến cháy lòng. Nàng là hiện thân của tất cả những người đàn bà đã đến trong đời chàng, là mẹ, là chị, đã yêu thương bảo bọc chàng theo cách

riêng của họ, đã cho chàng một gia đình như hiện nay, đã gọi rửa cho chàng ám ảnh của thân phận kẻ mồ côi từng theo đuổi chàng gần sáu mươi năm qua.

Cắm ba nén nhang vào lư hương, Hiếu nhìn hai bà chị đang ngồi trầm ngâm bên nhau, mũi lòng ao ước thầm: *"Giá có Dung ở đây thì thật là trọn vẹn!"*.

Ngọc Cường - Nguyễn Tường Cường

MẸ TÔI - BÀ HOÀNG ĐẠO

Từ Dung



Tôi không biết phải bắt đầu ra sao khi viết về mẹ tôi, vì có rất nhiều điều để nói. Cũng có thể dưới con mắt chủ quan, tôi nghĩ bà là một trong những người phụ nữ phương Đông tuyệt vời nhất trên cõi đời này. Người mẹ dịu hiền mà tôi được may mắn biết đến, với đầy đủ những đức tính về công, dung, ngôn, hạnh của một người đàn bà Á Đông, đã hy sinh cả một cuộc đời mình cho chồng, cho con và cho những nghĩa cử từ thiện ngoài

xã hội với nụ cười luôn trên môi cùng chiếc răng khểnh duyên dáng.

Công, Dung, Ngôn, Hạnh

Về mặt dung nhan, về đẹp dịu dàng và đảm thắm của mẹ tôi đã hơn một lần làm rung động những người phái nam có địa vị quan trọng trong nhiều lãnh vực xã hội. Bà cao dong dong, thân hình đều đặn thanh tú, nước da mịn màng trắng trẻo, dáng đi yếu điệu và uyển chuyển, khuôn mặt trái xoan, cặp mắt hơi hiểng (lé kim), mơ màng nhưng sâu sắc, miệng cười duyên dáng với chiếc răng khểnh và cặp môi đầy đặn. Tôi có đọc vài cuốn sách viết về mẹ tôi với những lời mô tả thiên lệch bắt nguồn từ những ghen ghét nhỏ mọn. Những người viết này cố tình hạ thấp dung nhan, phẩm hạnh của bà vì đố kỵ nên những người từng được tiếp xúc với bà vô cùng bất mãn vì những đối trá trắng trợn đó. Theo ý một số những người có dịp tiếp xúc với bà, bà là một trong những người đẹp và hợp thời trang nhất tại Hà Nội vào những thập niên 1930-40. Ngay cả về sau, khi đã trên bốn mươi tuổi và có bốn người con lớn, bà vẫn là một phụ nữ có vẻ đẹp sang trọng và thanh lịch có tiếng ở Sài Gòn.

Tôi còn nhớ, trong lúc ở giá để nuôi các con ăn học thành tài, mẹ tôi đã từ chối khéo léo và khiêm nhượng những người đàn ông theo đuổi bà và về sau họ vẫn quý mến và nể phục tư cách của mẹ tôi. Một trong những người này đã qua đời đã giữ lòng thương quý mẹ tôi ngay cả khi bà đã tạ thế. Khi ra đi nước ngoài, ông gửi thơ về nhờ tôi đặt lên mộ mẹ tôi một bó hồng đỏ thắm mỗi tuần lễ, như ông vẫn thường làm trước khi ra đi! Mẹ tôi đã từ chối tất cả những người đàn ông đến sau, vì trong trái tim của bà chỉ có hình bóng của một người yêu duy nhất, đó là ba tôi, Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long.

Về công, tức là tài năng khéo léo, ít có người phụ nữ nào có tài nấu nướng những món ăn Việt cũng như Pháp tuyệt hảo như mẹ tôi. Nào canh bóng, vây, bào ngư, nấm nhồi giò, chả nem rán, bánh chưng gói, món Tây thì súp legume, bò hầm đậu, cua phá xi...

Các ngày giỗ chạp, tiệc rượu linh đình, một mặt mẹ tôi nấu ăn và chỉ dẫn cho người giúp việc, một mặt tiếp đãi khách với nụ cười hiền thực trên môi. Ai cũng phải mến yêu bà. Chị Thu tôi đã lớn thì giúp một tay, còn tôi bé út nhất nhà (cách anh Lân đến 9 tuổi) chỉ chạy chơi và chực ăn trúng lộc trên bàn thờ!

Sau này mẹ tôi mở tiệm Chả Cá Thăng Long (1959) ở đầu đường Phan Thanh Giản. Tiệm rất đắt khách và là một trong những tiệm ăn sang trọng thanh lịch và ngon lành tinh khiết nhất Sài Gòn lúc bấy giờ. Về ngôn, khoa ăn nói, mẹ tôi ăn nói nhã nhặn, điềm đạm và nhu thuận, lúc nào cũng giữ vẻ bình tĩnh. Bà cũng dạy các con phải ăn nói đàng hoàng. Ngoài phái nam ra, phái nữ cũng thương mến bà, bạn bè và các bà cô, dì hai bên họ đều tìm đến bà khi hoạn nạn, nhưng cũng có một số nhỏ đem lòng ganh tị và tìm cách bôi nhọ thanh danh bà.

Về phẩm hạnh, không ai có thể chối cãi rằng mẹ tôi là một phụ nữ đảm đang, hy sinh cả cuộc đời cho chồng, cho con mà không hề phàn nàn, than vãn.

Nhà văn Hoàng Đạo

THỜI THƠ ẤU CỦA MẸ TÔI BA MẸ TÔI GẶP GỠ NHAU

Sinh ra trong một gia đình quý phái, trường giả, mẹ tôi lại có những đức tính đơn giản, tốt bụng hay thương người. Ông ngoại tôi làm tham tá công chánh dưới thời Pháp thuộc, bà ngoại tôi là một mệnh phụ đài các nhưng khôn ngoan, biết quản lý tài sản của ông tôi, biết tiết kiệm. Mẹ tôi lại là con một nên được lo toan rất chu đáo, quá chu đáo đến nỗi mẹ tôi cảm thấy ngột thở. Bà

ngoại tôi tính tình độc đoán, muốn chồng con phải phục tùng theo cách sinh hoạt của bà. Thậm chí mẹ tôi chỉ được quyền chơi những đồ chơi bà ngoại cho phép. Mẹ tôi kể lại rằng một lần ông ngoại lên cho mẹ một con búp bê mà mẹ tôi thích, khi bà ngoại biết được, bà lập tức vứt đi. Mẹ tôi khóc và nhớ mãi chuyện ấy. Bà ngoại rất yêu mẹ tôi, nhưng cụ vẫn giữ tính khắc nghiệt đó nên có những đụng chạm cãi vã không thể tránh được giữa hai mẹ con. Khi ba mẹ tôi gặp gỡ nhau, họ bị tiếng sét ái tình đánh choáng váng. Một bên cảm vì sắc, một bên mến vì tài. Ba tôi tuy ít nói, nhưng có lối châm biếm khôi hài thật duyên dáng và sâu sắc đã chinh phục được trái tim trong trắng của mẹ tôi. Tính cách khôi hài này được thể hiện trong tập "Trước vành móng ngựa". Mỗi tình của ba mẹ tôi là nguồn hứng khởi của mỗi tình của Duy và Thơ trong "Con đường sáng". Là một phụ nữ có tâm hồn nhạy cảm và chịu ảnh hưởng phong trào văn hóa mới vì mẹ tôi theo học trường Pháp và tốt nghiệp trường Pháp, bà thông cảm và hỗ trợ chí hướng phi thường của ba tôi, người đã từ chối chức tri huyện khi tốt nghiệp cử nhân luật, sau lại bỏ chức biện lý vì chống lại tòa án Pháp thuộc ngày đó. Điều này thể hiện trong tác phẩm "Trước vành móng ngựa".

Phải là một phụ nữ phi thường mới thấu hiểu và tôn trọng một tâm hồn phi thường như ba tôi, và mới hy sinh tuổi xuân sắc để giúp đỡ chồng một cách đặc lực trong quá trình tranh đấu cho dân tộc và đất nước.

Lần đầu khi đi xem mắt mẹ tôi tại tòa biệt thự của bà ngoại tôi ở bãi biển Sầm Sơn, ba tôi đã bị tiếng sét ái tình. Mỗi tình đẹp như thơ đó đã bị cả hai bên gia đình phản đối, bên nội vì lý do bà nội tôi không chuộng gia đình trường giả, bên ngoại vì không cho là đủ môn đăng hộ đối. Nhưng ba mẹ tôi đã vượt thắng tất cả để tìm đến nhau và lập gia đình!

MỘT CUỘC HÔN NHÂN ĐẦY HY SINH VÀ CHIA LY

Chị cả tôi, chị Minh Thu, ra đời năm 1934, là tác phẩm đầu tiên của sự kết hợp tuyệt vời đó. Năm kế là anh Nguyễn Tường Ánh và cách một năm nữa là anh Nguyễn Lâm. Ba mẹ tôi những tưởng anh Lâm là con út rồi vì lúc đó ba tôi rất ít khi ở nhà, ông đã bị quay vào guồng máy thời cuộc lúc ấy. Khi ba tôi bị bắt, bị tra tấn tại sở mật thám và sau bị đi đày ở Vụ Bản, Chân Lạp Sơn, mẹ tôi rất lo buồn và đi lại tiếp tế nhiều lần. Tháng Tám, 1946, ba tôi cầm đầu phái đoàn hòa giải, trong đó có cả người của Việt Nam Quốc Dân Đảng, của bên Việt Minh, và có nhân viên bộ Công Chính là kỹ sư Đỗ Xuân Dung để xem tình hình nước lụt ở Việt Trì (ngã ba sông Hồng Đào) và ba tôi bị bắt. Khi được thả ra, ba tôi sang Trung Hoa gặp gỡ bác Nguyễn Tường Tam và các anh em khác. Thời gian đó mẹ tôi thường xuyên mang vật phẩm và tiền bạc sang tiếp tế cho ba tôi và các anh em khác. Ngoài ra, một tay bà lo dạy dỗ các con, chăm sóc mẹ già và cũng một tay bà lo toan hỗ trợ người chồng cách mạng lưu vong nơi xứ người. Phụ nữ như thế không phải ở thời đại nào cũng có!

Ba mẹ tôi lúc ấy như Chức Nữ Ngưu Lang, chẳng được thường xuyên gặp gỡ nên mỗi lần trùng phùng thật quý giá vô cùng! Tôi là kết quả của một trong những lần gặp gỡ đó. Ba tôi gửi thư về dặn mẹ nếu là con gái thì đặt tên Từ Dung, con trai thì Duy hoặc Giản. Như vậy Từ Dung là tên cúng cơm của tôi chứ không phải tên hát xướng đặt theo một nhân vật khác! Từ Dung có nghĩa là hình Dung giống mẹ, vì ba tôi lúc nào cũng tưởng nhớ mẹ tôi.

Tôi ra đời ngày 30 tháng Mười năm 1946 tại Hà Nội trong tình thương yêu của cả nhà. Ba tôi vẫn ở biệt biên Trung Hoa nên chẳng thấy mặt tôi, chỉ nhận được tin tức qua thư tín gia đình.

Lần gặp gỡ cuối cùng của ba mẹ tôi năm 1948 tại Hongkong rồi sau đó ba tôi bị một cơn đau tim tạ thế trên đường đi xe lửa

về Quảng Châu, lúc đó tôi được 19 tháng. Được tin sét đánh, mẹ tôi phải lo tiền bạc quay trở lại chôn cất ba tôi tại Quảng Châu. Hiện nay không còn biết mộ phần nằm đâu nữa vì các năm mồ đều bị khai quật dưới chế độ Cộng Sản!

Kể từ đó, mẹ tôi ở vậy nuôi con cho đến khi các con khôn lớn. Bố con tôi chỉ biết nhau qua hình ảnh thư từ. Tôi được nghe kể lại về ba tôi qua lời nói của mẹ, của anh chị và của cậu tôi, Như Phong Lê Văn Tiến. Tôi nghĩ rằng tôi được thừa hưởng óc khôi hài châm biếm của ba tôi, cũng như dòng máu văn chương chảy cuồn cuộn trong tim óc!

Tại Hà Nội, gia đình tôi sống tại đường Lý Thái Tổ, Hàng Vôi. Trường Hàng Vôi là ngôi trường đầu tiên trên con đường học vấn của tôi. Năm 1990, trước khi rời Việt Nam, tôi ghé thăm ngôi nhà gia đình và ngôi trường thơ ấu. Ngôi nhà xinh đẹp hai tầng có cây bàng trước sân giờ đây ngăn ra cho tám hộ ở, phòng ngăn bằng vải rideau. Bàn thờ tổ tiên vẫn còn nguyên chỗ cũ nhưng chỉ còn một ông lão còn nhớ về nguồn gốc căn nhà. Trở lại năm 1954, chúng tôi rời căn nhà thân yêu lên đường vào Nam trên một chiếc phi cơ quân đội. Tôi mới có 8 tuổi nên chỉ nhớ là mẹ tôi vội trở lại miền Bắc để thanh toán mấy căn nhà ở Hà Nội của bà tôi và gom tiền bạc để sinh sống trong Nam. Lúc đó sắp sửa đóng cửa ra vào hai miền nên các anh chị, tôi lo lắng sợ mẹ tôi bị kẹt lại Hà Nội.

Khi mẹ về, chúng tôi hết sức mừng rỡ. Chúng tôi tạm ở chia với họ hàng bên ngoại một căn nhà đường Đặng Dung, Tân Định. Đó là thời gian đẹp nhất của đời tôi! Mẹ con, anh chị em đoàn tụ yêu mến nhau. Tôi ở tuổi bắt đầu ý thức được tình cảm quý báu của gia đình. Ý nguyện của tôi là anh chị em tôi sẽ trở lại quây quần như thời đó!

Khi đến học lớp Tư trường Huỳnh Thị Ngà thì tôi gặp khó khăn với cô giáo Nam Kỳ với giọng đọc chính tả mới lạ. Tôi có đến mười lỗi trong bài "Lạc vào rừng" vì tôi không hiểu gì cả. Các bạn chế nhạo accent Bắc kỳ và gọi tôi "Bắc kỳ ăn rau muống". Đó là bài học đầu tiên của tôi về kỳ thị địa phương dạy tôi sau này chống lại mọi thứ kỳ thị trên cõi đời này!

ĐỜI SỐNG TẠI SAIGON

Cùng lúc ấy, mẹ tôi mở tiệm phở và chả cá Thăng Long trên đường Trần Quang Khải, Tân Định, sau chuyển về tiệm chả cá Thăng Long trên đường Phan Thanh Giản. Sau này ngẫu nhiên quán cà phê nhạc Từ Dung của tôi mở năm 1978 cũng lại tọa lạc trên con đường Trần Quang Khải và người hầu bàn trưởng tại chả cá Thăng Long tên là anh Tư lại trở thành người pha cà phê chính của quán Từ Dung.

Tiệm chả cá Thăng Long do họa sĩ Nguyễn Gia Trí trang hoàng có một vẽ Á Đông trang nhã với những chiếc cột đỏ, những tấm bình phong và hình vẽ đặc biệt Việt Nam rất mỹ thuật. Một tấm tranh dân gian của Phạm Tăng treo dọc cả bức tường trong căn phòng riêng của quán. Bức tranh này sau tôi bị một tay văn sĩ hạng b, c gì đó lừa lấy mất!

Căn nhà mẹ tôi mua rộng lớn, một bên mở tiệm, còn một bên gồm năm phòng để gia đình tôi ở. Tiệm luôn đông khách tấp nập và các danh nhân, nghệ sĩ như Mặc Thu, Nguyễn Hoạt, bác Nhất Linh, Chu Tử thường xuyên đến ăn chả cá. Thế nhưng vấn đề tài chính không mấy khả quan vì mẹ tôi quá tốt bụng, luôn nuôi ăn ở và trả lương cho 6,7 người giúp việc nên tiền vào tuy khá nhưng ra cũng lắm. Mẹ tôi không bao giờ từ chối mở hầu bao giúp cho những người đến cầu cứu gia đình tôi!

Lúc đó chị Minh Thu, anh Tường Ánh lập gia đình nhưng lúc đầu anh Ánh vẫn ở chung với mẹ tôi. Các anh chị có gia đình riêng

nên không còn gần gũi nhau như xưa. Tôi cảm thấy mẹ buồn nhưng không biết an ủi mẹ ra sao, chỉ biết rúc vào lòng mẹ. Khi anh Ánh và vợ dọn đi ở riêng trong một căn nhà mẹ mua cho anh, tôi được thừa hưởng căn phòng trống cạnh phòng anh Lân. Trước mặt hai căn phòng là một sân cement nhỏ trồng vài cây cảnh như cây trúc đào, cây mận sai trái vì tôi chôn xác con mèo dưới gốc cây.

Đằng sau phòng tôi là một cây trứng cá trái mọng nước và rất ngọt. Căn phòng này đã ghi một ấn tượng sâu đậm về thời thơ ấu của tôi sống êm đềm trong tay mẹ hiền. Có phòng riêng rồi nhưng tôi vẫn đòi ngủ với mẹ để được hít mùi da thịt của bà, thơm mùi nước hoa Guerlain và mùi phấn. Tôi cũng đòi mẹ ngâm thơ Kiều hoặc hát quan họ cho nghe như lúc còn bé tí. Cũng vì vậy mà tôi rất thuộc Kiều và những bài thơ ru em. Mẹ tôi yêu nhạc Đông phương nhưng cũng mê nhạc cổ điển Tây phương, nên khi mẹ mất, gia đình tôi mở nhạc Bach và Beethoven bên quan tài để hương hồn mẹ tôi về thưởng thức, thay vì giọng ê a của các vị sư hay kinh của các cha cố!

Sau này mẹ tôi bắt đầu gặp khó khăn về tài chính nên phải bán đi một số nữ trang. Lúc đó là đầu thập niên 1960, quân đội Mỹ đổ sang Việt Nam nên mẹ tôi theo trào lưu cũng đẹp tiệm chả cá và cho Mỹ thuê một bên nhà để mở nhà hàng có âm nhạc tên là Kontiki. Đêm nào tôi cũng được nghe tiếng đàn hát vọng sang từ bên nhà hàng của ban nhạc Đăng Tiến, thỉnh thoảng tôi cũng sang hát chơi những bản như Autumn leaves, A very precious love, Mona Lisa....

Tôi khoảng 16 tuổi, tuổi đầy mộng đẹp và bắt đầu mơ đến tình yêu! Mấy năm sau mẹ tôi bán căn nhà rộng lớn đường Phan Thanh Giản và mua căn nhà nhỏ hơn có ba phòng ngủ và một căn gác ở Ngã năm bình hòa đường Chu Văn An. Nhiều người ngăn cản bà mua căn nhà này vì nó nằm cuối ngõ cụt và có mộ phần

đăng sau nhà nên theo địa lý rất xấu. Không biết có phải là mê tín không mà sau này mẹ tôi bị ung thư nặng và chết tại nhà đó, bà ngoại tôi cũng chết theo ở tuổi 98 vì quá đau đớn, mẹ tôi là con duy nhất của cụ, cậu tôi Như Phong Lê văn Tiến bị bắt giam cũng ở đó, gia đình vợ chồng tôi thì phân tán, chia ly. Năm Mậu Thân 1968 nơi này là tử địa của tàn quân Việt Cộng, sau khi VC thất bại trong trận tổng công kích Saigon đã rút lui về nơi đây. Ngôi nhà chúng tôi bị đạn bắn từ máy bay xuống lỗ chỗ đầy những vết đạn, cũng may là khi cả khu phố bốc cháy như một con rồng lửa thì bỗng dừng lại khi tới nhà chúng tôi. Thật là một phép lạ!

Tôi giúp mẹ, bà ngoại và hai mẹ con bác giúp việc chạy khỏi nhà, chân phải chạy lung tung tránh xác VC nằm đầy ngõ và tránh tầm đạn của hai bên bắn nhau. Một ông hỏi ông khác «ai đánh ai?», ông kia trả lời «quân mình đánh quân ta»!

Từ lúc đó mẹ tôi bị ung thư bên cánh tay trái và căn bệnh kéo dài tới năm 1975 thì mẹ tôi mất. Người y sĩ đã hết lòng chữa chạy cho mẹ là bác sĩ Trần Ngọc Ninh, một người bạn thân của gia đình. Hai bác sĩ khác của gia đình tôi là bác sĩ Phan Huy Quát và bác sĩ Kỳ Quan Thân.

Cánh tay xinh đẹp, nuột nà, trắng bóc của mẹ tôi chỉ để đeo những nữ trang quý giá nay đã bị cắt đi đến hai lần, và sau cùng căn bệnh quái ác đã ăn vào tủy sống làm mẹ hôn mê trong 24 tiếng đồng hồ trước khi từ giã cõi đời. Trước khi bị hôn mê, căn bệnh ăn vào tủy làm bà thấy mọi vật nhuộm muôn màu muôn sắc.

Không có gì diễn tả nỗi nỗi đau đớn của người mắc bệnh ung thư. Lầu 5 của viện ung thư ở Gia Định phải rào lại vì nhiều người trong cơn đau đã nhảy xuống tự vận. Trong khoảng cuối cùng của cuộc đời đầy hy sinh, chịu đựng, đau đớn, bà vẫn tiếp tục làm

phước, giúp người. Bà bảo trợ cho một số người bị ung thư trong viện, trong số đó có một anh binh sĩ trẻ, đẹp trai như Alain Delon. Anh bị ung thư xương chân, chỉ trong vài tháng là từ trần. Mẹ tôi, lúc đó đã phải dùng tới codein cho bớt đau và bò lết dưới đất rên la, cũng vẫn lo cho anh trong những ngày chót của cuộc đời anh!

Tại sao một phụ nữ hiền hậu như mẹ tôi và có lòng thương người lại phải chịu một số phận đớn đau như vậy? Khi mẹ tôi chết đi, bà không bám víu vào một niềm tin tôn giáo nào cả vì bà không tìm thấy đức tin nơi cuối đời. Lúc gần chết, bà cảm thấy hoang mang...

Khi nhìn ngắm xác mẹ trong chiếc áo trắng tôi mặc cho bà và cảnh hoa lan trắng trước ngực bà, tôi mới ý thức được nỗi mất mát lớn lao đến thế nào. Đã quá muộn để chiều chuộng mẹ, để nói rằng mẹ ơi con yêu mẹ, để cảm ơn bà cho tôi đời sống hôm nay và niềm tin ngày mai.

Có một con bướm trắng bay quanh quan tài của mẹ nhiều lần trước khi hạ huyệt, có phải chăng linh hồn mẹ muốn từ giã các con lần cuối?

Từ Dung xin thay mặt người quá cố cũng như các anh chị gửi lời cảm ơn anh Sơn con của cô Thế đã lo việc rải tro xuống biển cho bà và mẹ chúng tôi tại Việt Nam để linh hồn bà và mẹ chúng tôi được siêu thoát và xin Chúa ban phước lành cho anh và gia đình anh.

Chấm hết

Từ Dung



Hình Mẹ tôi chụp ở Thái Lan



Mẹ tôi chụp với Từ Dung lúc 5 tuổi



Mẹ tôi ngồi cạnh di ảnh của Hoàng Đạo



Mẹ tôi chụp với 3 người con: Nguyễn Tường Anh, Nguyễn Lan và Nguyễn Từ Dung

TÌNH DỤC VÀ CÁC NHÀ VĂN NỮ DI DÂN VIỆT: ĐẶNG THƠ THƠ

Thế Uyên

Một nhà văn nữ ở Mỹ có giọng văn trong sáng, tả tình yêu tình dục một cách lãng mạn, một thứ lãng mạn pha trộn Tự Lực Văn Đoàn và Françoise Sagan, nhưng có giọng kể như đùa bỡn, châm biếm nhẹ nhàng, đôi khi hơi chua hơi cay một tí, đó là Đặng Thơ Thơ, một nhà văn được xếp loại tương đối trẻ ở hải ngoại. Cô gia nhập làng văn hơi trễ, nghĩa là khi tuổi đời đã qua mức trưởng thành hơi lâu một chút, đã lấy chồng đẻ con, như mọi người. Nhưng nhân vật chính của văn chương Thơ Thơ lớn chậm: cứ là một cô bé gái hoài, một bé gái có nhận xét khá sâu sắc và cũng dịu dàng về “những người lớn” chung quanh, từ người bà đau đớn vì ung thư đến các nhân vật khác, như bà mẹ. Những bài văn của cô đăng lên và được nhiều độc giả chú ý, một phần vì văn chương, phần khác vì bút hiệu thơ mộng và ngộ nghĩnh: Thơ Thơ. Nhưng những người đã đọc và theo dõi văn cô, trong đó có người viết bài này, thấy ngửa ngáy làm sao khi đọc hết truyện này sang truyện khác, cô bé không chịu lớn. Đi ra đi

vào nhiều truyện, vẫn cứ là bé gái. Bèn có lời giục già: Lớn lên thôi chứ, cô bé!

Không biết có phải những lời thân hữu nhắc nhở như thế hay vì thời gian qua nhiều, nhân vật cô bé trong truyện của Thơ Thơ sau cùng cũng lớn: Trong một truyện đăng trên Thế kỷ 21, cô đã mười lăm hay mười sáu tuổi, và người yêu đầu tiên của cô là người đàn ông đứng tuổi có một vườn lan đẹp, vẫn thường mở rộng cửa cho cô cháu vào chơi, thưởng thức hoa. Toàn thứ hoa lan khi nở, nhìn kỹ từng bông, có cảm tưởng nhìn vào một khe suối Đào Nguyên nào đó, gợi tình gợi dục một cách hồn nhiên. Một ngày kia ông chú có việc đi xa, trao vườn lan cho cô cháu chăm sóc. Và khi vườn tằm thân trinh nữ thanh mảnh lên tuổi lan, cô chợt khám phá ra mình đã yêu ông chú. Thế thôi, xong một truyện tình mới lớn. Trong sáng và trong sạch như các hoa lan mới nở trong truyện cũng như ngoài đời.

Sự nảy nở phát triển cơ thể, sự chuyển biến tâm hồn từ một cô bé sang một cô gái hẳn hoi, cổ tích Tây phương thường bóng bẩy diễn tả bằng điển tích công chúa ngủ miên man trong rừng, đến khi có một hoàng tử đẹp trai duyên dáng, một prince charmant, đến gần và cúi hôn lên môi. Cái hôn đánh thức công chúa dậy, để yêu để lấy hoàng tử, đẻ con đùm đẻ và sống hạnh phúc mãi mãi. Sự bồng bột của tình dục ở nhân vật cô bé của Thơ Thơ không do một hoàng tử đẹp trai nào cả, mà là một cậu bé con nghịch ngợm bướng bỉnh ở một nhà trẻ mà cô gái mới lớn của Thơ Thơ làm người giữ trẻ. Cậu bé quậy quá, cô gái không cho, cậu cúi tiết ôm lấy cô “bảo mẫu” cần cho một cái thật mạnh lên gò vè nữ, chiều cao của cậu lên đúng tới đó. Cô gái đau điếng, nhưng trong khi nghe cái đau râm ran truyền khắp người, cô chợt khám phá ra từ lâu rồi cô chờ đợi một cái hôn cái đau như vậy. Công chúa ngủ say đến mấy mà bị “cái hôn” mạnh và dữ như thế, cũng phải thức tỉnh thôi, dù là do một hoàng tử hay thứ dân...

Tuy bị đánh thức bằng biện pháp mạnh như thế, cô gái của Thor Thor vào cuộc tình ái lại rất nhẹ nhàng, không vũ bão cũng chẳng mưa to gió lớn, rất từ tốn, với đủ mực thư từ qua lại, dĩ nhiên là toàn e-mail, trong truyện *Hai Tháng Cho Một Tình Yêu*, đăng trước tiên trên Hợp Lưu 69 rồi Thế Kỷ 21 ở Santa Ana trong năm 2003 vừa qua. Cuối một e-mail, chàng viết: "Hôn em".

"Hôn em? Hôn tôi? Cái hôn gửi qua điện thư lơ lửng hơn là hôn gió trong không khí. Cái hôn chẳng dính líu gì đến thân xác. Nhưng làm người tôi nóng bừng. Cái hôn đi thẳng vào đầu không qua trung gian nào hết. Nó mãnh liệt dữ dội không kém cái hôn trên da thịt. Dấu ấn của nó ở mọi nơi, ở môi, ở mắt, ở khắp người.

Tôi cũng bắt đầu hôn anh. Chỉ cần thả người vào ghế, nhắm mắt lại: môi anh sẽ đè lên môi tôi-uớt át. Cảm giác êm và đau sẽ thấm tận cùng các ngõ ngách của thân thể. Tôi thường hôn anh vào giờ đi ngủ, trong bóng tối, trên chiếc giường của tôi. Hành động nhắm mắt lại trên giường đồng nghĩa với hôn anh. Và bóng tôi phải thật đậm để nụ hôn thêm mê mẩn. Nếu ngọn đèn đường ngoài cửa sổ thỉnh thoảng rực lên, làm tôi nhìn thấy ánh sáng yếu ớt của nó qua mi mắt đã khép chặt, tôi phải bịt mắt lại. Từ từ, hành động lấy tay bịt mắt bảo đảm một nụ hôn sâu xa đắm đuối nhất trên đời".

Đã lâu lắm, ở hải ngoại, chúng ta mới được biết một cái hôn môi đầm thắm, trong sáng như thế, dù đó là một cyberkiss, một nụ hôn qua không gian và máy vi tính. Dĩ nhiên sau đó mọi sự phải tiến thêm một bước, với cô gái đa cảm đa tình này, và mọi sự diễn ra như sau:

"Bãi xe buổi trưa cũng vắng. Bóng hai người nhập thành một khối bên cạnh bóng xe... Đôi mắt có đuôi đa tình làm tôi chao động. Tôi cảm nhận tất cả sự vô lý của tình yêu này, tại sao anh? tại sao anh chứ? Điều gì đã làm người tôi nóng rực khi nhìn thấy anh?

Phản ứng hóa học và những luồng điện chấp lại? Cảm giác đó bùng lên đậm đặc, ngọt ngào như cam thảo, và đau xót như cường toan, cùng lúc.

Kính xe hạ xuống cho gió lùa đi hơi nóng. Anh nhào người vào trong, hơi thở hùng hục như buổi trưa trên mặt trời. Nơi đó là một từ trường rất mạnh, nó bắt buộc cái hôn đầu tiên hai đứa chúng tôi phải xảy ra như thế: ở giữa khung cửa xe.

Tiếng anh ngoài khung cửa:

- Nhớ viết thư cho anh. Nhớ lái xe cẩn thận."

Chàng đứng tuổi kinh nghiệm và khôn ngoan: chàng cảm thấy sự xúc động của cô gái, dặn dò lái xe cẩn thận vì sau khi hôn, cô gái ở tình trạng: "Sau đó là cảm tưởng say rượu khi lái xe đi, cảm tưởng buồn đằm đằm đang bay trên đường phố, cảm tưởng một khối hơi trôi bồng bềnh cách biệt hẳn mọi thứ trên đời. Cảm tưởng sao được nhìn thấy tận mắt một điều bí mật, những hiện hữu của nó luôn rình rập kẻ đi tìm".

Yêu say sưa có thể rung động như thế nhưng trong đáy hay một góc nào đó của não bộ, cô gái vẫn tỉnh táo, phân tích, nhận xét:

"Tại sao hai chúng tôi đều mở mắt khi hôn? Tôi vẫn hôn anh mỗi tối, và nhắm mắt. Tôi tin rằng khi nhắm mắt mình sẽ như ngất đi trong một vùng đen, không biết gì nữa hết. Khi hai người hôn nhau, họ tan vào nhau, và người này trở thành vô tận của người kia. Hai linh hồn và thể xác nhập lại, tự do mở ra sự trở về của đoá hoa vĩnh cửu.

Chính đôi mắt mở cho thấy sự tồn tại của người kia, cùng lúc cho thấy ranh giới giữa hai người. Đôi mắt mở là ý thức đang quan sát, không ngất đi được. Và điều bí mật sẽ không hiện ra. Đoá hoa cuối cùng của tình yêu sẽ không bao giờ tìm thấy."

Lâu lắm, từ lúc còn tuổi trẻ, mới được đọc một đoạn văn tả cái hôn môi hay, diễm tuyệt như vậy. Và cũng thật may cho cô gái trong truyện Thơ Thơ là cô đã mở mắt. Nếu nhắm mắt, khi lái xe về cô sẽ tông xe hay bị xe tông là cái chắc! Đã yêu đương như vậy, cái gì sẽ phải xảy tới kế tiếp, đã xảy tới, dĩ nhiên trong xe hơi của chàng đậu trên một đỉnh dốc nhiều gió, với một vào đề ngộ nghĩnh:

"Anh hôn em, được không?"

- Không được, em hôn anh.

Anh cười. Rồi tràn sang. Bóng tối đè lên người tôi, làm đệm ghế bật ngửa ra sau. Tôi nhắm nghiền mắt, nhớ những lần hôn anh tưởng tượng trên giường. Tưởng tượng và thực tế không ăn khớp với nhau. Những lần hôn kia lần dò kiếm những mê mải trong hôn. Cái hôn bây giờ đắm đuối sục sạo trên thân thể. Khác như một dòng nước ngầm và nước triều dâng. Hơi thở anh dồn dập...

- Anh phải nhắm mắt, biết không?

Anh cười. Rồi lại hôn. Tôi bắt đầu quen với cường độ của anh, mạnh bạo và hối hả, nóng bỏng và chiếm đoạt.

- Ra bằng sau đi.

Tôi lắc đầu, nhưng cũng nghĩ ra bằng sau thoải mái hơn, ít ra có chỗ co duỗi, chứ người anh nẩy giờ đè nặng lên đùi làm hai bắp vừa tê vừa mỏi. Cuối cùng thì cũng ra bằng sau, chúng tôi ôm riết nhau. Nhưng mà để cho đỡ mỏi chân thôi, tôi nói với mình. Cảm giác rất dễ chịu như nằm trong một cabin nhỏ trôi lên đèn giữa biển sương mù. Ý nghĩ này làm tôi buồn ngủ. Thân thể anh ấm, cánh tay anh gối đầu êm, tim anh đập biến thành bè nhạc trầm... tôi muốn nằm yên như vậy mãi.

Những vuốt ve của anh không cho tôi ngủ, kiểu âu yếm không lung tung mà bắt đầu tập trung vào một chỗ. Tôi co người lại.

- Dừng.

- Anh muốn yêu em... Anh muốn yêu em...

Hơi thở nóng rực, anh cắn vào môi tôi. Tôi ghì lấy anh, thì thào:

- Ở ngoài đi.

- Ở trong sướng hơn.

Kiểu nói rất đàn ông làm tôi ôm riết lưng anh.

- Không, ở ngoài đi.

- Không!

Anh nói như la lên.

Tiếng "không" này làm tôi đau đớn... Dù người đang tan chảy vì gần gũi, tôi vẫn chưa hiểu tại sao mình lại điên như thế."

Đến đoạn chót của truyện, Thơ Thơ để cho nó một nhan đề riêng, là "KẾT", trước khi viết: "Tôi cho rằng mình đã đi đến tận cùng... Điều tôi tìm kiếm khao khát bây giờ đã thỏa. Tôi thở hắt như vừa bước ra khỏi cơn hoan lạc (tôi không cảm thấy hoan lạc). Thật ra đó là tiếng thở dài của một người khác. Một người đứng ra ngoài nhìn vào... Anh bây giờ không quan trọng nữa. Tất cả những điều anh đã làm chỉ là gõ cửa. Mọi người đàn ông đến gõ cửa, sẽ lòi ra, từ tôi, một người đàn bà riêng của hắn."

Một kết luận khá hay vì để người đọc chơi với, như đang đi trên một cầu khỉ. Suy luận theo chiều hướng nào, coi bộ cũng có lý...

Trong truyện dài *Khi Phong Linh Vỡ* trích đoạn đăng Hợp Lưu 72, tháng 8-2003, nhân vật nữ của Thơ Thơ quen một họa sĩ tên Linh Đăng và trao đổi cái hôn đầu tiên thật nhẹ nhàng tự nhiên: "Linh Đăng cũng đang nhìn cô. Thấy cô ngược lên, anh nghiêng mình xuống gần hơn. Trước đó một giây thôi, cô không hề có ý định hôn anh. Bây giờ một thôi thúc khó hiểu đang xúi bẩy.

*Cô muốn vươn tới một thứ đang treo lơ lửng giữa hai người.
Chính điểm treo đó kéo hai người gần nhau hơn nữa.*

*Cái hôn đó không phải do ý muốn. Nó chỉ tình cờ rơi đúng vào
khoảnh khắc (...) mà mọi thứ đều có thể xảy ra."*

Một đặc điểm ở nhân vật nữ của Thơ Thơ, là gần như lúc nào cũng tò mò và tự phân tích chính mình. Và một lối phân tích của một người ngoại cuộc nhìn vào. Cứ tự vừa làm vừa cảm xúc vừa phân tích như thế, từ đầu cho tới... cuối cuộc tình (gọi như thế thôi, thực ra mọi truyện tình Thơ Thơ hầu như không có cuối, hay có quá nhiều cách kết luận, có lẽ đúng hơn):

"Khi gọi Linh Đăng, cô hiểu mình sẽ phải làm tình với anh ngay buổi hẹn đầu tiên. Vì đó là vấn đề đặt ra, rất bức thiết. Anh đã nói: "Anh muốn ngủ với em", sau khi hai người hôn nhau. Từ thời điểm cô nhắm nháp ly rượu mạnh với sự hoài nghi đó, một loạt diễn biến đã xảy ra nhanh cấp kỳ - nhanh hơn tốc độ thu của máy điện tử, nên chắc chắn cô đã bỏ sót nhiều chi tiết cần ghi nhớ. Chẳng hạn từ lúc nào bị gọi tình? - Khi anh vuốt ve cuối sống lưng làm cô rợn người, hay trước đó nữa? - Rồi cảm giác tê rợn đi theo vào phòng vệ? - Lúc Linh Đăng vào bếp pha rượu, cái vuốt ve vẫn còn ở lại và làm cho ầm ứ? Từ đó dẫn đến lúc hai người hôn nhau, hai người đã nói gì, làm gì, tính toán gì?..."

Và cô gái tiếp tục thứ phân tích như vậy, và bận rộn như thế nên cô đã ngồi trên giường sẵn sàng làm tình nhưng vẫn mở to mắt điem tĩm theo dõi chàng đang cởi quần áo. Tác giả không ghi lại những xúc ý nghĩ của nàng về thân thể chàng, thí dụ cái đó... to quá hay nhỏ quá, mà thông qua mọi sự rất nhanh, đến giai đoạn hậu tình dục. Và cô gái lại tiếp tục:

*"Cô lái xe với những câu hỏi rối loạn trong đầu:
Điều gì mới xảy ra?
Tại sao mình lại làm vậy?"*

*Minh có làm vậy không?
Tại sao mình điên vậy?
Có phải vậy điên không?"*

Thế Uyên

Còn Đây Câu Nói Yêu Em.

Nhạc và lời: Tôn thất Niệm.

5
10
14
16
18
20
22
24

Dù cho... năm tháng nhòa
phai... Dấu bước chân yêu trên vườn địa đàng mùa xuân năm
ấy. Dù cho... mưa bão tung
bay... Ngàn lá thu rơi trên cuộc tình đầy hoa gấm ngày
xưa. Anh vẫn yêu em ngàn đời Cho dù xa nhau trọn
đời Kỷ niệm xưa tím ngắt niềm thương Anh nhớ đêm xuân ngày
nào Chiếc áo em mang hồng đào Rộn niềm yêu đêm ấy xuân

hồng ————— Dù mai ————— khi bóng tà

28 —————

đương ————— khuất ánh xuân vui trên cuộc tình trên còn đây cầu

30 —————

hát ————— Còn đây ————— cầu nói yêu

32 —————

em ————— Lời hát thiên thu cho cuộc tình này sẽ mãi về

34 —————

38 —————

43 —————

49 —————

53 —————

Nhạc và lời: Tôn Thất Niệm
 Nghe và ký âm lại: Hồng Nguyễn

PHẦN III

TRANG HÌNH ẢNH





Hình chụp ở Tam Đảo, không rõ năm, có lẽ vào thập niên 19(30).

- Ba người tận cùng bên phải: Hoàng Đạo (đứng, áo len, quần sọc).
- Bà Lê Thị Sâm (mẹ Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam).
- Thạch Lam (ngồi, áo vét, cầm mũ).
- Nhất Linh ngồi thối sáo bên trái bức ảnh.
- Người ngồi bên phải Nhất Linh và cách một bà bế con là bà Lemur Nguyễn Cát Tường (đầu vấn khăn).
- Khái Hưng (giữa, cao nhất trong hình, áo vét, mũ phớt, chống ba-toong).
- Đứng cạnh Khái Hưng là Đỗ Đình Đạo.
- Người mặc áo vét, đội mũ, đứng cạnh Đỗ Đình Đạo là Nguyễn Kim Hoàn (em rể Nhất Linh, bố Duy Lam, Thế Uyên).
- Đứa bé con đội mũ ngồi dưới chân ông Nguyễn Kim Hoàn là Trần Khánh Triệu, con nuôi Khái Hưng.

Theo lời anh Nguyễn Tất Đạt, con của họa sĩ Lemur Nguyễn Cát Tường thì chính bố anh là người chụp bức ảnh này (chú thích của Nguyễn Tường Thiết).



Ảnh chụp khoảng năm 1952 hoặc năm 1953, chụp phía trước nhà ông Nguyễn Tường Thụy (anh ruột Nhất Linh) số 12P đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn.

Hàng sau, tính từ trái, người thứ ba là Nhất Linh, thứ tư là Nguyễn Tường Triệu (Trần Khánh Triệu), tận cùng phải là ông Nguyễn Tường Thụy.

Hàng trước, tính từ trái, người thứ tư là Nguyễn Tường Thiết, người thứ sáu là Nguyễn Tường Cường (Ngọc Cường).



Nhật Linh thổi Hắc Tiêu



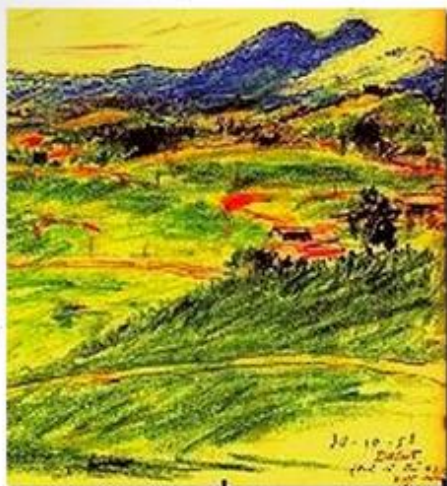
Ảnh Nhật Linh chụp tại tư gia của thi sĩ Đông Hồ - Sài Gòn 1952



Ảnh Cúc Xưa do Nhật Linh vẽ hồi ông ở Trung Hoa với chủ thích của Nhật Linh ở mặt sau: chậu cúc này do chính tay Hoàng Đạo mua về để bày tết, trang hoàng một gian nhà tiểu tụy ở một làng heo lánh Quảng Đông. Ở một góc của bức họa có chữ ký Nhật Linh, 1948, đúng năm Hoàng Đạo mất.



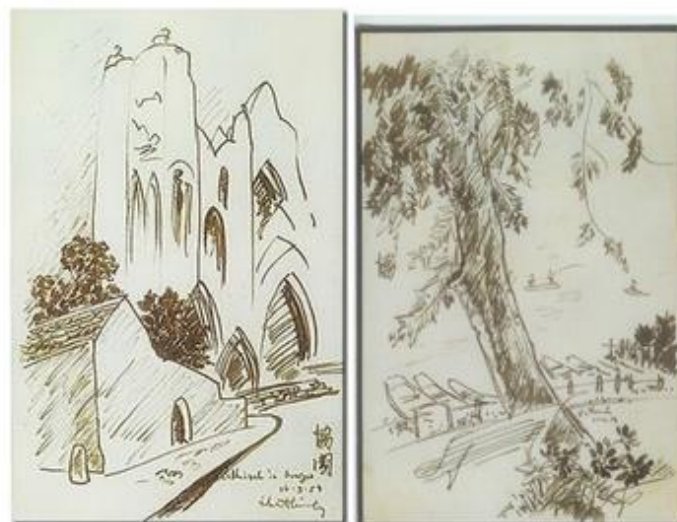
Bản vẽ bằng phấn tiên của Nhật Linh, Đà Lạt 30-10-1958



Phong cảnh cao nguyên, Nhật Linh vẽ, 15-12-1958



Bức tranh Cảnh phố chợ Đông Dương của Nhật Linh





Hình chụp một buổi đi picnic, không rõ năm, Nhất Linh (đứng),
 Hoàng Đạo (ngồi)



Tường Dung và di sách của các tác giả Tự Lực Văn Đoàn tại nhà thờ Nguyễn Tường ở Hội An.



Hải Âu, cháu ngoại Hoàng Đạo tại nhà thờ Nguyễn Tường ở Hội An

"Nếu không có Tự Lực Văn Đoàn, phong trào Thơ Mới chắc cũng sẽ thành công, nhưng không thể nhanh và rực rỡ như chúng ta đã thấy."

Gs. Ts. Trần Huy Bích

"Nào hãy thử nhắm mắt lại thả hồn trôi về dĩ vãng... tưởng tượng vào một ngày xa xưa nào đó ta trở về Hà Nội, cái thành phố đầy ắp kỷ niệm thời tiền chiến mờ màng trong ký ức. Rồi hãy tưởng tượng tiếp ngày nào đó, ta được về tới vùng mây trời quê hương làng dăng..."

Trần Khánh Triệu (Con trai Nhất Linh và là con nuôi Nhà văn Khải Hưng)

"Tôi như người đứng ngoài lịch sử, không trực diện với bối cảnh chiến tranh, không phải đối phó với những hoàn cảnh khó khăn với tâm trạng ngổn ngang đau thương mất mát của gia đình như các em tôi đã phải đương đầu. Như vậy có phải là may mắn? Cuộc đời thì hữu hạn, nhưng hoài niệm thì chẳng có giới hạn nào, chúng cứ lơ lửng theo ta đến cuối đời."

Tường Việt (Con trai trưởng Nhà văn Nhất Linh)

"Nhất Linh, bao giờ thì người ta mới thực sự quên ông? Bao giờ thì ông mới như là "một nỗi nhớ xa xôi đương mờ dần"? Chắc phải là ngày nào trên mặt đất này không còn trông thấy những ngọn cỏ may."

Nhà văn Lê Hữu

